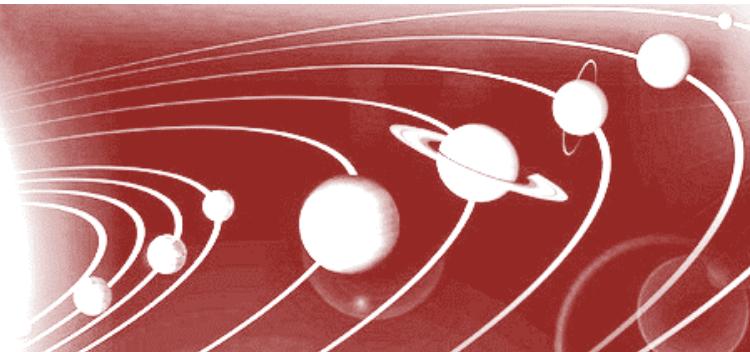


Báo cáo dành cho

Trần Đăng Dương

ĐỊNH HƯỚNG  
**NGHỀ NGHIỆP**  
BẰNG CHIÊM TINH HỌC



♈ ♎ ♋ ♌ ♉ ♊ ♈ ♉ ♌ ♍ ♎ ♑

## 1. Thông tin cá nhân

Họ tên: Trần Đăng Dương (Nam)

Ngày sinh: Thứ Bảy, ngày 10/4/2004

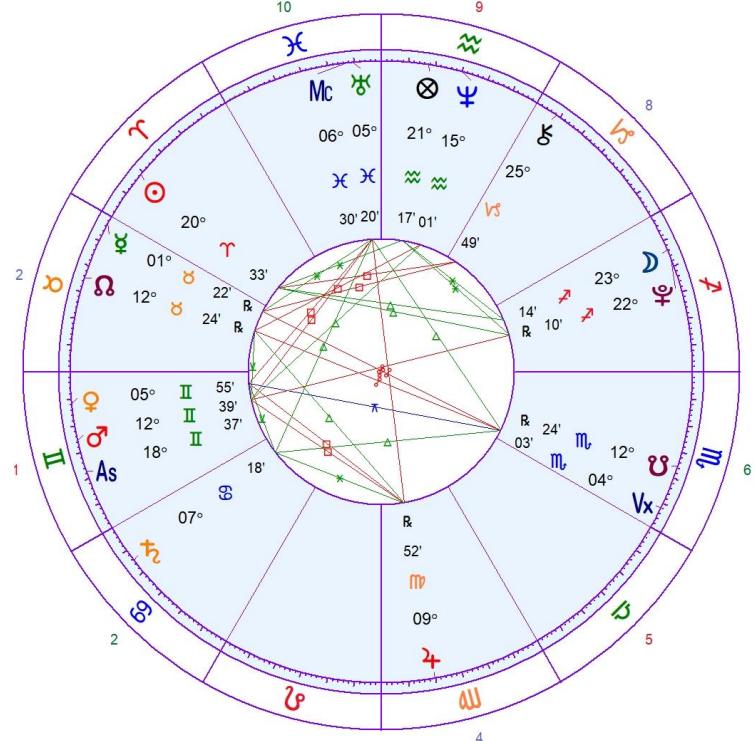
Giờ sinh (24h): 9:15

Nơi sinh: Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam

Tọa độ: 21°01'36" vĩ Bắc 105°50'49" kinh Đông

Múi Giờ: UTC+07:00 (ICT)

Giờ quốc tế: GMT 02:15 (cùng ngày)



## 2. Tóm tắt vị trí các hành tinh trên lá số

Ký hiệu	Tên hành tinh, cung Nhà và vị trí Hoàng Đạo
○	Mặt Trời: Dương Cưu 20°33'
☽	Mặt Trăng: Nhân Mã 23°14'
☿	Thủy Tinh: Kim Ngưu 1°22' Rx
♀	Kim Tinh: Song Tử 5°55'
♂	Hỏa Tinh: Song Tử 12°39'
♃	Mộc Tinh: Xử Nữ 9°52' Rx
♄	Thổ Tinh: Cự Giải 7°18'
♅	Thiên Vương Tinh: Song Ngư 5°20'
♆	Hải Vương Tinh: Bảo Bình 15°01'
♇	Diêm Vương Tinh: Nhân Mã 22°10' Rx
♋	La Hầu (Mean): Kim Ngưu 12°24'
AC	Điểm Mộc (As/Asc): Song Tử 18°37'
MC	Thiên Đỉnh (MC): Song Ngư 6°30'
	Cung Nhà 2: Cự Giải
	Cung Nhà 5: Thiên Xứng
	Cung Nhà 6: Bọ Cạp
	Cung Nhà 10: Song Ngư
	Cung Nhà 11: Dương Cưu

(xem thêm dữ liệu chi tiết và những lưu ý về học thuật ở phần phu lục - mục 20)

[MỤC LỤC] – Chương mục: [01](#) [02](#) [03](#) [04](#) [05](#) [06](#) [07](#) [08](#) [8.1](#) [8.3](#) [09](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

### 3. Giới thiệu

Đây là bản Báo Cáo “Định Hướng Nghề Nghiệp” gồm có 234 trang, được thực hiện bởi Chòi Chiêm Tinh ([www.choichiemtinh.com](http://www.choichiemtinh.com)) dựa trên thông tin giờ, ngày, tháng, năm và nơi sinh [do ban cung cấp](#). Tùy theo nhu cầu mỗi người, báo cáo này có thể giúp bạn:

- hiểu về “nghệp” (karma) của bản thân mình
  - chọn ra nghề nghiệp thích hợp cho mình trong việc học hành, đào tạo
  - chọn lãnh vực để kinh doanh thương mại
  - xem thử ngành nghề hiện tại có phù hợp với bạn hay không và nếu thay đổi thì nên đi về hướng nào
  - xem phương hướng sinh sống / di chuyển, vận hạn tốt xấu cho sự nghiệp
- ...

Hiện nay, hầu hết (nếu không muốn nói là “tất cả”) các hình thức “trắc nghiệm” trong các chương trình hướng nghiệp thông thường đều đòi hỏi bạn *phải tự đánh giá chính mình* bằng cách trả lời rất nhiều câu hỏi, điền vào các ô trống và cộng lại các số điểm để cho ra kết quả định hướng nghề nghiệp cho mình. Đây là phương thức *chủ quan* và do đó thường không chính xác vì việc nhận định bản thân thay đổi theo tuổi tác và thời gian, qua những yếu tố như sự trưởng thành, trải nghiệm, trình độ học vấn v.v...

Điều khác biệt quan trọng của phương pháp Chiêm Tinh Học là bạn sẽ **không cần** phải làm bất cứ một bài trắc nghiệm nào, vì cá tính và tiềm năng của bạn có thể được **dự đoán trước** một cách **khách quan** dựa vào ngày giờ sinh của bạn. Nếu ngày giờ sinh của bạn là [chính xác](#) thì kết quả dự báo bằng chiêm tinh cũng sẽ chính xác (và ngược lại). Dĩ nhiên, bạn vẫn có thể tham khảo các hình thức trắc nghiệm khác bên ngoài để so sánh mức độ tương đồng với phương pháp của Chiêm Tinh Học.

Vì thế, ưu điểm của việc “Định Hướng Nghề Nghiệp” bằng Chiêm Tinh Học chính là giúp cho các bậc phụ huynh hay các bạn trẻ sớm xác định được phạm vi và con đường sự nghiệp của con em hay của chính mình để từ đó đầu tư công sức, thời gian và tiền bạc của mình một cách hiệu quả nhất. Với những bạn đang tìm việc làm, nó cho thấy bạn đang đứng ở đâu trên con đường sự nghiệp: bạn đã phát triển những kỹ năng cần thiết của mình trong việc học hay những công việc trước đây hay chưa ? Hay bạn sẽ cần trở lại đi học tiếp ? Nó cũng giúp cho các bạn đã ổn định sự nghiệp trong việc định hướng mở rộng công việc của mình, xác định mục tiêu thăng tiến, triển khai dự án mới hay tham gia một lãnh vực mới trong việc kinh doanh v.v...

## **NHỮNG LƯU Ý QUAN TRỌNG TRƯỚC KHI ĐỌC BÁO CÁO**

**Đây là một báo cáo “trộn đời” nên nội dung rất dài, mục đích là để “từ từ nghiên ngẫm” (bằng tháng, năm), không phải để “đọc hết qua đêm”.**

- Để có trải nghiệm tốt nhất trong việc đọc báo cáo này, bạn có thể:
  1. Dùng các trình duyệt như Firefox, Google Chrome, Microsoft Edge trên máy tính (PC, MAC) hoặc tốt nhất là app / phần mềm Adobe Acrobat Reader (trên PC, MAC, iOS, Android) để mở ra và đọc báo cáo. Lý do là vì phần mục lục, các “số trang” hay mọi “link” (liên kết) trong báo cáo này hoạt động (bấm được) khi đọc bằng các phần mềm này với phiên bản mới nhất từ năm 2020 ~ 2021 trở đi.
  2. In báo cáo ra giấy (cỡ A4).

- Để hiểu nội dung của báo cáo:

### **Bạn cần phải có mục đích rõ ràng**

và mục đích (hay mục tiêu) đó cần liên quan đến chủ đề của dịch vụ này là “định hướng nghề nghiệp”. Đây là một cảnh báo ! Vì nếu bạn đăng ký dịch vụ này mà không có mục đích, đăng ký vì “tò mò”, để “xem cho vui” hay chỉ để tìm hiểu học thuật v.v... thì báo cáo này sẽ trở nên khó hiểu và tối nghĩa đối với bạn, uổng phí tiền bạc của bạn và thời gian cho bên tôi.

- Khi đã có mục đích rõ ràng, bạn cũng không cần kiến thức chiêm tinh để hiểu báo cáo này. Dĩ nhiên, sẽ hữu ích hơn nếu bạn có thể tham khảo thêm một số thuật ngữ và khái niệm cơ bản về chiêm tinh trong bài Chiêm Tinh Học 101 ([cct.tips/101](#)) song song hoặc trước khi đọc báo cáo này.
- Để không bị “loạn” với thứ tự chương mục và nhanh chóng nắm bắt nội dung báo cáo, bạn nên xem trước:
  - [sơ đồ phân tích ở mục 3.1](#),
  - [mục lục 3.2](#) và
  - [mục 3.3 \(chọn mục cần xem theo giờ sinh\)](#).

- **Trình tự đọc báo cáo:**

Tuy các chương mục trong báo cáo được sắp xếp theo một thứ tự nhất định, nhưng những thứ tự này có thể **thay đổi cách đọc khác nhau** tùy theo tình trạng giờ sinh, nhu cầu và mục đích của bạn, và không phải mục nào cũng cần đọc hay cần phải áp dụng ngay cho bạn. Ví dụ:

Nếu giờ sinh bạn chính xác, đa số các thắc mắc + vấn đề thường gặp về nghề nghiệp đã được trả lời trong [mục 8](#) và [mục 15](#), nhất là [mục 8.3](#) (vận hạn, thời điểm thuận lợi) và [mục 15.1.2](#) (các ngành nghề thích hợp).

- Bạn có thể đi thẳng tới những phần này (bấm vào những số trang vừa nói trên, vào chữ [\[MUC LUC\]](#) hay các số chương mục bên dưới mỗi trang, hoặc [các tựa đề mục lục](#) ở trang kê). Những phần khác có thể "để dành" đọc sau khi bạn có thêm thời gian.
- Cách diễn dịch hay cách đối chiếu, sử dụng các kết quả trong báo cáo này có thể tham khảo nhanh [ở đây](#).

- Trong việc **nuôi dạy, hướng dẫn các cháu nhỏ trước 18 ~ 21 tuổi:**

- Nghiệp lực / phúc đức, bao gồm sướng khổ, thọ yếu, tư duy và hành:
  - Từ 0 ~ 4 tuổi (tây): ảnh hưởng phúc đức + nghiệp của người mẹ
  - Từ 4 ~ 8 tuổi: ảnh hưởng phúc đức + nghiệp của người cha
  - Từ 8 ~ 12 tuổi: ảnh hưởng nghiệp của mình từ kiếp trước
  - Từ 12 tuổi trở đi: ảnh hưởng từ những gì bản thân mình tự quyết định và làm ra trong kiếp này
- Cách đọc báo cáo cho phụ huynh có trình tự như sau (hơi khác với người lớn), đi từ bao quát đến chi tiết:
  - i. Hiểu nhu cầu theo tuổi và giai đoạn Hoàng Đạo ([cct.tips/giaoduc](#))
  - ii. [Ngày Trăng, cầm tinh](#) của cháu, [mục tiêu cuộc sống](#) từ vòng Nhị Thập Bát Tú
  - iii. Điểm Định Mệnh ở [mục 8-viii](#)
  - iv. Động lực phấn đấu qua vị trí [Hành tinh trưởng bối](#)
  - v. Chọn trường học từ hướng nhà ở - [mục 18.2](#)

- vi. Nếu giờ sinh cháu chính xác đến từng phút, xem thêm [mục 20](#) (đây là mục quan trọng nhất khi giờ sinh chính xác từng phút)
- vii. Những mục khác, tùy nhu cầu theo [hướng dẫn ở mục 15](#)

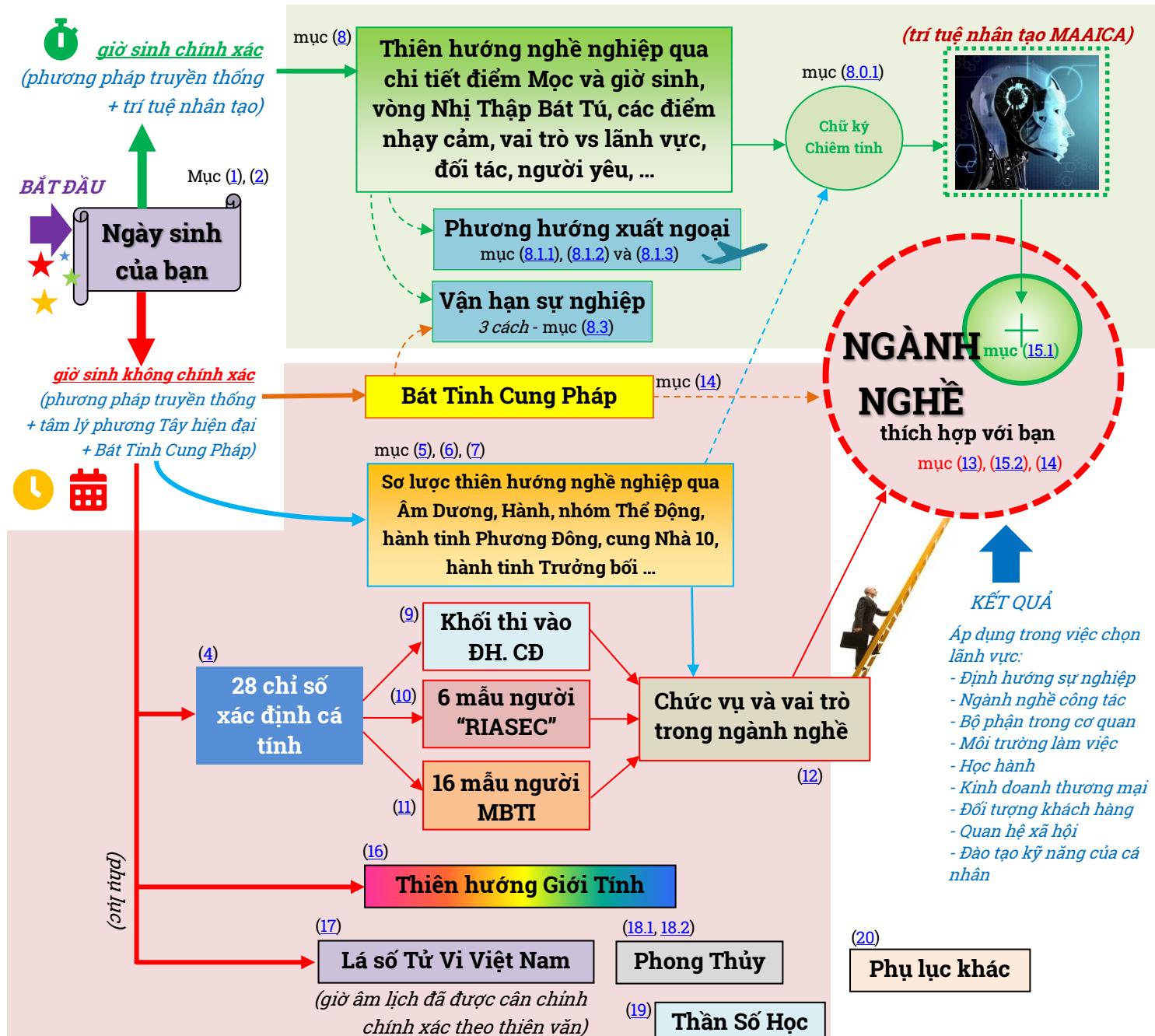
- Cuối cùng, độ chính xác trong giờ sinh của bạn lúc đăng ký sẽ ảnh hưởng đến độ chính xác của từng mục trong báo cáo, được đánh giá bằng các biểu tượng ở tựa đề mục:  (mục áp dụng cho bạn khi giờ sinh bạn rất chính xác, với sai số trong vòng vài phút đến tối đa 5-10 phút),  (chính xác từ vài phút đến 1-2 giờ),  (= hoàn toàn không chính xác, chỉ đúng theo ngày). Xem thêm giải thích chi tiết ở [mục 3.3](#).

### 3.1 CÁC BƯỚC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

Các đề mục và cơ cấu phân tích trong báo cáo này được chia làm **2 hướng**:

- 1) **"có giờ sinh chính xác"**: khi giờ sinh bạn dao động trong khung giờ từ **9:12** đến **9:20** (chi tiết minh họa ở [mục 8.1.0-E](#)) và
- 2) **"không có giờ sinh chính xác"** : khi giờ sinh bạn dao động trong phạm vi [điểm Mọc Song Tử](#) không thay đổi từ **8:01:03** đến **10:03:29** (cùng ngày).

Đây là 2 hướng phương pháp **độc lập**, riêng biệt, bắt đầu từ [mục 4](#) (hướng 1) và [mục 8](#) (hướng 2) dẫn đến kết quả ở [mục 14](#) và [mục 15](#) với toàn bộ quy trình phân tích tóm tắt như sau:



## 3.2 MỤC LỤC

Phần này tóm tắt nội dung của báo cáo. Bạn có thể bấm vào tựa đề / tên mục ở phần này hoặc thanh [\[MỤC LỤC\]](#) dưới mỗi trang trong báo cáo để đi thẳng đến mục bạn chọn.

<b>1. THÔNG TIN CÁ NHÂN .....</b>	1
<b>2. TÓM TẮT VỊ TRÍ CÁC HÀNH TINH TRÊN LÁ SỐ .....</b>	1
<b>3. GIỚI THIỆU .....</b>	2
<i>NHỮNG LUU Ý QUAN TRỌNG TRƯỚC KHI ĐỌC BÁO CÁO .....</i>	3
<b>3.1 CÁC BƯỚC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP .....</b>	6
<b>3.2 MỤC LỤC .....</b>	7
<b>3.3 CHỌN MỤC CẦN XEM TÙY THEO TÌNH TRẠNG GIỜ SINH CỦA BẠN .....</b>	12
<b>4. NHẬN DIỆN KHẢ NĂNG VÀ CÁ TÍNH BẨM SINH TÓM TẮT QUA 28 CHỈ SỐ .....</b>	15
<i>Ý NGHĨA THANG ĐIỂM CHO CÁC CHỈ SỐ "KHẢ NĂNG VÀ CÁ TÍNH" .....</i>	16
<b>5. TỔNG QUÁT VỀ TÍNH KHÍ QUA ÂM DƯƠNG, HÀNH VÀ NHÓM THỂ ĐỘNG .....</b>	19
<i>ÂM DƯƠNG (MASCULINE / FEMININE) .....</i>	19
<i>NHÓM THỂ ĐỘNG VÀ CÁC HÀNH .....</i>	20
<b>6. HÀNH TINH PHƯƠNG ĐÔNG .....</b>	21
<b>7. THIÊN ĐỈNH, CUNG NHÀ THỨ 10 VÀ VỊ TRÍ MẶT TRĂNG .....</b>	24
<b>8. GIỜ SINH VÀ NƠI SINH QUYẾT ĐỊNH SỰ NGHIỆP (VÀ CUỘC ĐỜI) CỦA BẠN .....</b>	27
8.0.1 CHỮ KÝ CHIÊM TINH .....	27
<i>Bảng 8.0.1-A: Kết quả phân tích 3 nhóm động lực chính trên lá số .....</i>	28
<i>Bảng 8.0.1-B: Đồ thị phân bố năng lượng trong chữ ký chiêm tinh .....</i>	29
<i>Bảng 8.0.1-C: Chữ ký chiêm tinh – Phân tích sâu (deep analysis) cho lá số .....</i>	30
8.0.2 CÁC ĐIỂM NHạy CÀM (SENSITIVE POINTS) TÁC ĐỘNG ĐẾN NGHỀ NGHIỆP .....	31
i) <i>Điểm Mộc Sinh mệnh - "Ascendant" .....</i>	32
ii) <i>Điểm Mộc hình ảnh ("2nd Ascendant" = projected image) .....</i>	32
iii) <i>Điểm Phúc Đức (Point of Good Deeds) .....</i>	32
iv) <i>Điểm Quyền Lực (Point of Power) .....</i>	33
v) <i>Điểm Tài Lộc (Point of Wealth) .....</i>	33
vi) <i>Điểm Địa Vị Xã Hội (đẳng cấp = caste) .....</i>	33
vii) <i>Điểm Phú Quý (Point of Prosperity) .....</i>	34
viii) <i>Điểm Định Mệnh (Point of Fate) .....</i>	34

<b>ix) Điểm Mộc Tâm linh (Point of Spirits).....</b>	<b>35</b>
<b>8.0.3 VÒNG NHỊ THẬP BÁT TÚ (NTBT) .....</b>	<b>36</b>
<i>Bảng 8.0.3-A: Nhị Thập Bát Tú .....</i>	<i>38</i>
<i>Bảng 8.0.3-B: Phân tích Mặt Trăng theo chu kỳ ngày Trăng .....</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 8.0.3-C: Phân tích Mặt Trăng theo vị trí trên vòng Nhị Thập Bát Tú .....</i>	<i>44</i>
<b>8.0.4 BỐN MỤC ĐÍCH CƠ BẢN CỦA ĐỜI NGƯỜI .....</b>	<b>46</b>
<i>Bảng 8.0.4-A MỤC ĐÍCH SỐNG CỦA BẠN.....</i>	<i>53</i>
<b>8.0.5 HÀNH TINH TRƯỞNG BỐI VÀ HÀNH TINH THAM MUU .....</b>	<b>54</b>
<b>8.1 CÁC MỨC ĐỘ CHÍNH XÁC TRONG NGÀY GIỜ SINH.....</b>	<b>57</b>
<i>8.1.0-A Tổng quan về ngày giờ sinh.....</i>	<i>57</i>
<i>8.1.0-B Ngày Thứ và giờ Chiêm Tinh.....</i>	<i>58</i>
<i>8.1.0-C Vị trí Mặt Trời và hành tinh tài lộc .....</i>	<i>61</i>
<i>8.1.0-D Vị trí Điểm Mộc .....</i>	<i>63</i>
<i>8.1.0-E Giờ sinh chính xác .....</i>	<i>65</i>
<i>8.1.0-F Tóm tắt các hành tinh đóng "vai trò" nghề nghiệp .....</i>	<i>67</i>
<i>và vị trí "thể hiện" của chúng trên lá số: .....</i>	<i>67</i>
<i>8.1.0-G Giới "đối tượng" trong sự nghiệp.....</i>	<i>68</i>
<b>8.1.1 XU HƯỚNG XUẤT NGOẠI .....</b>	<b>69</b>
<i>Bảng 8.1.1-A - Các yếu tố sơ khởi.....</i>	<i>69</i>
<i>Bảng 8.1.1-B Tình trạng "mạnh / yếu" của các chủ tinh .....</i>	<i>70</i>
<i>Bảng 8.1.1-C Các góc chiếu / vị trí đặc biệt liên quan đến "xuất ngoại" + "định cư" .....</i>	<i>71</i>
<i>Bảng 8.1.1-D Kết quả chi tiết từ phân tích Bát Tinh Cung Pháp ở mục 14:.....</i>	<i>72</i>
<b>8.1.2 PHƯƠNG HƯỚNG XUẤT NGOẠI .....</b>	<b>73</b>
<i>Một số lưu ý quan trọng khi sử dụng bản đồ 8.1.2-A và 8.1.2-B.....</i>	<i>76</i>
<i>Bản đồ 8.1.2-B1 Địa phương tốt để phát triển sự nghiệp – khu vực châu Á .....</i>	<i>79</i>
<i>Bản đồ 8.1.2-B2 Địa phương tốt để phát triển sự nghiệp – khu vực châu Úc .....</i>	<i>80</i>
<i>Bản đồ 8.1.2-B3 Địa phương tốt để phát triển sự nghiệp – khu vực châu Âu .....</i>	<i>81</i>
<i>Bản đồ 8.1.2-B4 Địa phương tốt để phát triển sự nghiệp – khu vực Bắc Mỹ.....</i>	<i>82</i>
<b>8.1.3 ĐỊA PHƯƠNG SINH SỐNG - BẠN Ở THẾ GIỚI MỘC TINH HAY THỔ TINH ? .....</b>	<b>83</b>
<i>8.1.3-A Bạn thuộc nhóm người nào - Mộc Tinh hay Thổ Tinh ?.....</i>	<i>83</i>
<i>8.1.3-B Cách nhận diện khu vực Mộc Tinh và Thổ Tinh .....</i>	<i>84</i>
<b>8.2 BẠN LÀ NGƯỜI THẾ NÀO TRONG CÔNG VIỆC ? (PROFESSIONAL IMAGE) .....</b>	<b>87</b>

<b>8.3 ẢNH HƯỞNG CỦA VẬN HẠN CHI PHỐI TRÊN SỰ NGHIỆP .....</b>	<b>89</b>
<b>8.3.1 CHỌN THỜI ĐIỂM "MAY MẮN" CHO SỰ NGHIỆP – CÁCH 1.....</b>	<b>90</b>
<i>Bảng 8.3.1 Xu Hướng Vận Hạn Trọn Đời.....</i>	<i>91</i>
<b>8.3.2 CHỌN THỜI ĐIỂM "MAY MẮN" CHO SỰ NGHIỆP – CÁCH 2.....</b>	<b>92</b>
<i>DIỄN TIẾN 9 ĐẠI VẬN CUỘC ĐỜI THEO CHU KỲ NHỊ THẬP BÁT TÚ.....</i>	<i>93</i>
<i>Ý NGHĨA CỦA CÁC CUNG NHÀ TRÊN LÁ SỐ.....</i>	<i>94</i>
<i>Bảng 8.3.2-A Tóm tắt vận hạn trọn đời cho sự nghiệp theo vòng Nhị Thập Bát Tú.....</i>	<i>97</i>
<i>Hướng dẫn xem vận hạn sự nghiệp (cách 2):.....</i>	<i>98</i>
<i>Bảng 8.3.2-B Chi tiết vận hạn trọn đời cho sự nghiệp theo vòng Nhị Thập Bát Tú.....</i>	<i>101</i>
<b>8.3.3 VẬN HẠN SỰ NGHIỆP TRỌN ĐỜI CHI PHỐI BỞI THỔ TINH – CÁCH 3 .....</b>	<b>116</b>
<i>VỊ TRÍ CUNG THỔ TINH BẨM SINH VÀ THỔ TINH VẬN HẠN TRÊN LÁ SỐ.....</i>	<i>117</i>
<i>Bảng 8.3.3 Vận hạn Sự Nghiệp trọn đời dưới ảnh hưởng Thổ Tinh .....</i>	<i>119</i>
<i>HIỂU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA "VẬN NHỊ THẬP BÁT TÚ" VÀ "VẬN THỔ TINH".....</i>	<i>123</i>
<b>8.3.4 THỜI ĐIỂM CHO NHỮNG KHÚC QUANH ĐỊNH MỆNH.....</b>	<b>125</b>
<i>Bảng 8.3.4-A Vận Cung Bàn .....</i>	<i>127</i>
<i>Bảng 8.3.4-B Ảnh hưởng vận hạn của 5 hành tinh vòng ngoài và La Hầu, Kế Đô .....</i>	<i>128</i>
<i>Bảng 8.3.4-C – Thời điểm cho những khúc quanh định mệnh.....</i>	<i>129</i>
<b>8.3.5 ĐỌC THÊM: MỘT CÁCH NHÌN KHÁC VỀ VẬN HẠN THEO KHÁI NIỆM .....</b>	<b>132</b>
"THIÊN THỜI, ĐỊA LỢI, NHÂN HÒA" .....	132
<b>8.4 NGƯỜI YÊU, ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG TRONG SỰ NGHIỆP .....</b>	<b>134</b>
<b>8.5 ẤN TƯỢNG NGOÀI XÃ HỘI ("ĐIỂM MỌC THỨ 2").....</b>	<b>136</b>
<b>8.6 KHẢ NĂNG "LÀM GIÀU" TRÊN LÁ SỐ .....</b>	<b>138</b>
<i>Bảng 8.6.1 Phân tích cung Nhà thứ 11 .....</i>	<i>139</i>
<i>Bảng 8.6.2 Tiềm năng "Giàu / nghèo" .....</i>	<i>144</i>
<b>9. CHỌN KHỐI THI TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG .....</b>	<b>145</b>
<i>Bảng 9.0.0-A. Chọn khối thi "chính".....</i>	<i>145</i>
<i>Bảng 9.0.0-B. Chọn khối thi "năng khiếu".....</i>	<i>145</i>
<b>10. SÁU MẪU NGƯỜI RIASEC .....</b>	<b>147</b>
<i>Kết quả thiên hướng nghề nghiệp của bạn theo hệ thống John Holland .....</i>	<i>148</i>
<b>11. CHỈ SỐ TÍNH CÁCH MYERS-BRIGGS (MBTI – MEYERS-BRIGGS TYPE INDICATORS) .....</b>	<b>150</b>
<b>12. CHỨC VỤ - ĐỊA VỊ TRONG NGHỀ NGHIỆP CỦA BẠN.....</b>	<b>152</b>
<i>Bảng 12.1 Chức vụ - Địa vị trong Nghề Nghiệp.....</i>	<i>152</i>

<i>Bảng 12.2 Chức vụ tương đương trong các lãnh vực khác nhau.....</i>	153
<b>13. MÔ TẢ CHI TIẾT VỀ 6 NHÓM NGƯỜI CỦA JOHN HOLLAND.....</b>	154
<b>13.1 NHÓM NGƯỜI CỦA JOHN HOLLAND.....</b>	154
<b>13.2 MỘT SỐ VÍ DỤ VỀ NGÀNH NGHỀ VÀ CHỨC VỤ.....</b>	159
<b>14. BÁT TINH CUNG PHÁP .....</b>	160
<b>14.1 TÓM TẮT LỊCH SỬ “BÁT TINH CUNG PHÁP” .....</b>	160
<b>14.2 BẢNG BÁT TINH CUNG PHÁP CỦA BẠN .....</b>	161
<b>14.3 NHỮNG DỰ ĐOÁN VỀ CÔNG DANH SỰ NGHIỆP CỦA BẠN QUA BTCP.....</b>	162
<b>TÀI CHÍNH (CHỌN NGÀNH NGHỀ THÍCH HỢP THEO BTCP) .....</b>	164
14.3.1 Để mưu sinh.....	164
14.3.2 Để tăng thu nhập .....	166
14.3.3 Để dư dả và dành dụm.....	168
<b>14.4 VẬN HẠN SỰ NGHIỆP THEO NHỊ THẬP BÁT TÚ VÀ BÁT TINH CUNG PHÁP .....</b>	169
<b>15. KẾT QUẢ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP - NGÀNH NGHỀ THÍCH HỢP .....</b>	171
<b>15.1 NGÀNH NGHỀ THÍCH HỢP THEO PHÂN TÍCH BẰNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO .....</b>	172
15.1.1 TÓM LUỢC .....	172
15.1.2 CÁC LÃNH VỰC SỰ NGHIỆP PHÙ HỢP VỚI BẠN .....	173
<i>Bảng 15.1.2-A Top-5 những ngành nghề khớp với chữ ký chiêm tinh (level 1).....</i>	173
<i>Bảng 15.1.2-B Top-5 những ngành nghề khớp với phân tích sâu trong chữ ký chiêm tinh .....</i>	173
<i>Bảng 15.1.2-C Top-5 những lãnh vực / nhóm ngành nghề thích hợp .....</i>	174
<i>Bảng 15.1.2-D Danh sách các lãnh vực / ngành nghề chính .....</i>	180
15.1.3 TỔNG QUAN CÁC PHƯƠNG HƯỚNG CHỌN LỰA NGHỀ NGHIỆP .....	181
15.1.4 CÁCH ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP TỪ MỤC TIÊU BẠN MUỐN CHỌN .....	182
15.1.5 NGHỀ LAO ĐỘNG PHỔ THÔNG .....	187
<i>Bảng 15.1.2-E Danh sách các ngành nghề lao động phổ thông.....</i>	187
15.1.6 Những công việc tốt nhất trong đại vận NTBT hiện tại .....	191
<b>15.2 NGHỀ NGHIỆP THEO NHẬN ĐỊNH MÃ NGÀNH HOLLAND'S CODE .....</b>	193
15.2.1 HOLLAND'S CODE / MÃ NGÀNH CỦA BẠN = .....	193
15.2.2 THÍCH HỢP CHO VIỆC “LÀM CHỦ”, KINH DOANH ?.....	194
15.2.3 DANH SÁCH NGÀNH NGHỀ THEO HOLLAND CODES .....	195
<b>16. PHỤ LỤC: THIÊN HƯỚNG GIỚI TÍNH (GENDER ORIENTATION) .....</b>	201
<i>CÁCH DIỄN DỊCH KẾT QUẢ GIỚI TÍNH.....</i>	202

<b>17. PHỤ LỤC: TỬ VI VIỆT NAM</b>	<b>204</b>
<b>17.1 LÁ SỐ TỬ VI THEO CÁCH TÍNH GIỜ NGỌ CHÍNH XÁC</b>	<b>204</b>
<b>17.2 GIỜ LÀNH CHO CÔNG VIỆC THEO LÁ SỐ TỬ VI</b>	<b>205</b>
<b>18. PHỤ LỤC: PHONG THỦY</b>	<b>206</b>
<b>18.1 BÁT TRẠCH MINH CẢNH</b>	<b>206</b>
18.1.1 Các hướng Bát trạch Minh cảnh “tốt” của bạn:	207
18.1.2 Các hướng Bát trạch Minh cảnh “xấu” của bạn:	207
<b>18.2 BÁT TRẠCH CHIÊM TINH</b>	<b>209</b>
<b>19. PHỤ LỤC: TÊN CỦA BẠN VÀ THẦN SỐ HỌC TRONG CHIÊM TINH</b>	<b>212</b>
<b>20. PHỤ LỤC: DỮ LIỆU THIÊN VĂN CHI TIẾT VÀ GIỜ SINH CHÍNH XÁC</b>	<b>215</b>
<b>20.1 CUNG NHÀ</b>	<b>215</b>
<b>20.2 CÁC HÀNH TINH</b>	<b>215</b>
20.2.1 Vị trí và các thông số vật lý	215
20.2.2 Tính chất mạnh yếu trên lá số	216
<i>Bảng 20.2.2-A Sơ lược mức độ mạnh / yếu, đặc h้าm của các hành tinh</i>	216
<i>Bảng 20.2.2-B Sự mạnh / yếu, đặc / h้าm của các hành tinh tùy theo mức độ chính xác trong giờ sinh</i>	217
20.2.3 Tình trạng bị thiêu đốt	220
20.2.4 Một số lưu ý nếu bạn quan tâm học thuật:	222
20.2.5 Khái niệm về “tuổi”	223
<b>20.3 HÀNG TINH (FIXED STARS) VÀ ẢNH HƯỞNG TRÊN LÁ SỐ</b>	<b>227</b>
<b>20.4 PHÂN TÍCH CHO GIỜ SINH CHÍNH XÁC ĐẾN 01 PHÚT</b>	<b>230</b>

### 3.3 CHỌN MỤC CẦN XEM TÙY THEO TÌNH TRẠNG GIỜ SINH CỦA BẠN

Giờ sinh của bạn là yếu tố rất quan trọng quyết định độ chính xác của báo cáo cũng như chương mục nào trong báo cáo này sẽ áp dụng cho bạn. Có 4 mức độ chính xác về giờ sinh:



**(A) Chính xác:** sai số trong vòng vài phút



**(B) Không chính xác:** sai số trên vài phút đến tối đa 1-2 giờ



**(C) Không có giờ sinh / hoàn toàn không chính xác**



**(D) Giờ âm lịch:** sai số cũng giống như trường hợp B

✓ : mục cần xem, áp dụng cho bạn

✗ : mục không áp dụng cho bạn

(✓): cần được tư vấn thêm

Các đề mục và tên (rút gọn)	Nếu giờ sinh của bạn ...			
	A	B	C	D
	... <b>chính xác</b> trong khung giờ từ 9:12 đến 9:20:	... <b>không chính xác</b> nhưng dao động trong khung giờ <b>Song Tử</b> từ 8:01:03 đến 10:03:29 (cùng ngày):	... <b>hoàn toàn không chính xác</b> hoặc <b>không có giờ sinh</b> trong ngày	(những mục sau đây sử dụng âm lịch khi bạn sinh vào giờ <b>Tị</b> từ 08:57:55 đến 10:57:53)
Mục 4 – Cá tính bẩm sinh qua 28 chỉ số ...	✓	✓	✗	
Mục 5 - Âm dương, Hành, Thể Động ...	✓	✓	✗	
Mục 6 - Hành tinh Phương Đông...	✓	✓	✓	
Mục 7 - Thiên Đỉnh, cung Nhà 10...	✓	✓	✗	
Mục 8 - Giờ sinh, nơi sinh, chữ ký...	✓	✗	✗	
Mục 8.0.3 – Tính cách theo ngày Trăng	✓	✓	✓	
Mục 8.0.5 – Hành tinh Trưởng Bối ...	✓	✓	✓	
Mục 8.1.1 – Xu hướng xuất ngoại	✓	✓	✗	
Mục 8.1.2 – Phương hướng xuất ngoại	✓	✗	✗	
Mục 8.1.3 – Người Mộc Tinh / Thổ Tinh ?	✓	✓	✗	
Mục 8.3.1 – Vận hạn điểm Mộc (cách 1)	✓	✗	✗	
Mục 8.3.2 – Vận hạn NTBT (cách 2) ...	✓	✗ / (✓)	✗ / (✓)	
Mục 8.3.3 – Vận hạn Thổ Tinh (cách 3)	✓	✓	✗	

<a href="#">Mục 8.3.4 – Khúc quanh Định mệnh</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 8.3.4 – Vận Cung Bàn</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 9 - Chọn khối thi CD, ĐH</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 10 - Sáu mẫu người RIASEC</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 11 - Chỉ số tính cách MBTI</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 12 - Chức vụ - Địa vị...</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 13 - 6 nhóm người John Holland</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 14 - Bát Tinh Cung Pháp</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 15.1 - Nghề Nghiệp theo chữ ký...</a>	✓	✗	✗	
<a href="#">Mục 15.2 - Nghề Nghiệp theo Holland...</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 16 - Thiên Hướng Giới Tính</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 17 - Phu lục: Tử Vi Việt Nam</a>	✓	✓	✗	✓
<a href="#">Mục 18.1 - Phong Thủy (Minh cảnh)</a>	✓	✓	✓	✓
<a href="#">Mục 18.2 - Phong Thủy (Chiêm tinh)</a>	✓	✓	✗	
<a href="#">Mục 19 - Phu lục: Tên và Thần Số Học</a>	✓	✓	✗ / (✓)	
<a href="#">Mục 20.3 - Ánh hưởng của hằng tinh</a>	✓	✗ / (✓)	✗ / (✓)	
<a href="#">Mục 20.4 - Giờ sinh chính xác 1 phút</a>	✓	✗	✗	

- Nếu giờ sinh bạn không chính xác ở cột A thì những mục có dấu ✓ ở cột B sẽ đúng với bạn, không nên đọc những mục dấu ✗ ở cột B
- Nếu bạn muốn [đăng ký lại một báo cáo mới](#) với giờ sinh khác với cột A nhưng vẫn trong khung giờ cột B thì những mục dấu ✗ (bên cột B) là những mục sẽ thay đổi nội dung và những mục dấu ✓ sẽ giữ nguyên = không thay đổi nội dung.
- Tâm quan trọng của từng mức độ chính xác trong giờ sinh của bạn ở bảng trên:

Cột A

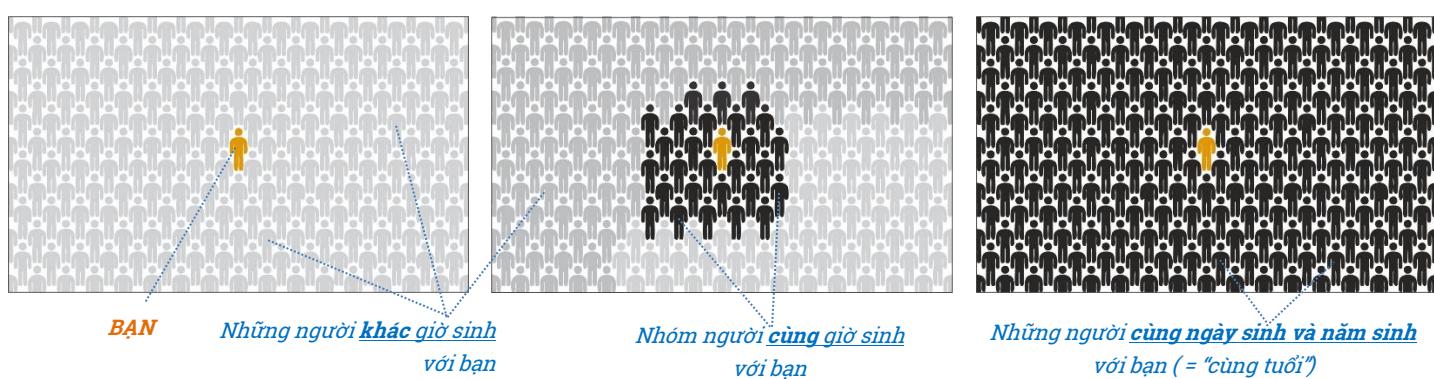
Bạn là duy nhất, hầu như không ai có giờ sinh giống bạn, những mục dấu ✓ ở cột A chỉ đúng cho riêng một mình bạn

Cột B

Có một số người cũng được sinh ra cùng khung giờ sinh với bạn, nên kết quả những mục dấu ✓ ở cột B sẽ đúng cho bạn và cả họ

Cột C

Có rất nhiều người trên thế giới có cùng ngày sinh và năm sinh với bạn. Những kết quả về bạn ở các mục dấu ✓ cũng đúng chung cho tất cả những người này.



- Ở đầu các chương mục trong báo cáo này, các biểu tượng về độ chính xác trong giờ sinh sẽ có những ý nghĩa như sau:

= mục này chỉ đúng khi giờ sinh cực kỳ chính xác, sai số vài phút ([cột A](#))

= mục này đúng cho giờ điểm Mọc (giải thích ở [cột B](#) và [mục 8.1.0-D](#))

= mục này đúng hơn cho giờ sinh chính xác, tuy sai số có thể đến 1-2 giờ

= mục này đúng cho ngày sinh (không có giờ sinh)

= mục này đúng cho khoảng giờ điểm Mọc đến (có khi) trọn ngày sinh

= mục này đúng theo âm lịch về giờ sinh hay năm sinh

- Thanh biểu tượng giờ sinh trên cũng sẽ xuất hiện ở một số tiểu mục để nhấn mạnh độ chính xác riêng biệt của tiểu mục đó liên quan đến giờ sinh của bạn so với các tiểu mục còn lại dưới cùng một chương mục.

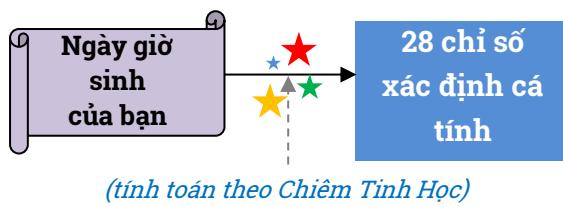
#### Xem thêm:

- [Phân tích ý nghĩa các mức độ chính xác trong giờ sinh của bạn](#)
- [“Cách định hướng nghề nghiệp từ mục tiêu bạn muốn chon”](#)



## 4. Nhận diện Khả năng và Cá tính bẩm sinh tóm tắt qua 28 Chỉ Số

Qua quá trình nghiên cứu, tổng hợp và thường xuyên cập nhật hàng ngàn thuật toán chiêm tinh phức tạp, kết quả được thể hiện thành 28 chỉ số "Khả Năng & Cá Tính" tiêu biểu của bạn Dương trong các số liệu và biểu đồ chi tiết ở [2 trang kế tiếp](#). Mỗi chỉ số dựa trên phân tích vị trí và sự liên hệ giữa các "hành tinh" (planets), "giờ sinh" (birth time), "điểm mọc" (ascendant), "cung nhà" (houses) và các "góc chiếu" (aspects) diễn ra trong lá số của bạn.



Theo kết quả ở trang kế tiếp, tương ứng với mỗi chỉ số sẽ có những miêu tả giải thích đầy đủ đặc tính của bạn. Ví dụ: nếu điểm chỉ số thứ nhất của bạn ở mức từ "trung bình" trở lên, nghĩa là bạn có khả năng rất tốt cho bất kỳ lãnh vực nào cần sự tập trung tư duy, chú ý đến những chi tiết kỹ thuật, nghiên cứu hay lý luận. Lưu ý là khả năng của bạn cũng phần nào chịu ảnh hưởng bởi sự dạy dỗ của cha mẹ, thói quen cũng như lối sống của bạn. Nếu điểm chỉ số này "thấp" thì việc luyện tập tư duy logic, toán học, nghiên cứu khoa học hay những lãnh vực liên quan đến đến lý luận sẽ giúp cải thiện khả năng của bất kỳ ai, giúp họ có thể phân tích và giải quyết vấn đề một cách hợp lý.

Do đó, bằng cách chỉ việc đơn giản quan sát 28 chỉ số này, bạn đã có thể nhanh chóng tận dụng và phát triển thế mạnh của mình trong công việc cũng như các lĩnh vực khác trong cuộc sống, đồng thời bạn cũng có thể cải thiện những mặt yếu của mình (nếu có) đến mức "vừa phải" và "có thể chấp nhận" được, từ đó tạo ra cho mình một cuộc sống ý nghĩa, sung mãn và đầy ắp những niềm vui.



Tùy theo mỗi người và vì các chỉ số có sự liên quan đến nhau, nên đôi khi có chỉ số có điểm "thấp" không có nghĩa là bạn "không có khiếu" hay không có "tài năng" về chỉ số đó, mà sở trường của bạn nằm hoặc dồn lại ở một hay nhiều mặt khác. Phần mô tả của mỗi chỉ số cũng nêu ra những mặt "tích cực" và "tiêu cực". Nhớ rằng, đôi khi "tiêu cực" trong thực tế không hẳn là "xấu" và cũng không có nghĩa là bạn không thể tận dụng mặt "tiêu cực" đó của mình để kiểm tiền sinh sống hay phát huy sự nghiệp theo hướng mình mong muốn. Ngoài ra, thỉnh thoảng cũng có những chỉ số *mâu thuẫn* nhau cùng có điểm "cao" cho thấy bạn có những xu hướng tính tình và sinh hoạt "đối nghịch" nhau trong cuộc sống ("lúc thế này, lúc thế kia").

## Ý NGHĨA THANG ĐIỂM CHO CÁC CHỈ SỐ "KHẢ NĂNG VÀ CÁ TÍNH"

Kết quả số điểm	Nhận định	Ý nghĩa
Trên 150	"rất cao"	Bạn là quán quân trong lãnh vực này! Bạn sinh ra là để làm việc này.
Từ 125 đến 150	"trên trung bình"	Khá đấy! Nhưng bạn chưa phải là "nhất".
Từ 75 đến 125	"trung bình"	Vừa đủ xài! Cải thiện thêm hay không là tùy ở bạn.
Từ 50 đến 75	"dưới trung bình"	Bạn có chút khả năng đấy. Cố lên!
Dưới 50	"rất thấp" (ít)	Đây có thể không phải là khả năng bẩm sinh của bạn, hoặc khả năng ấy bị kìm hãm bởi các yếu tố khác không thể phát huy. Bạn có thể cần học hỏi và cải thiện thêm tùy ý.

- *Cần lưu ý những số điểm này mang giá trị "tương đối" (relative), không phải là "tuyệt đối" (absolute) và đôi khi có thể sẽ thay đổi một tí trong các phiên bản cập nhật kế tiếp. Những chỉ số này cho bạn một nhận định khái quát về khả năng đó trong bản thân mình.*
- *Mô tả cho mỗi chỉ số dưới đây có vài ý khác nhau, mỗi ý cách nhau bằng dấu chấm ." Tùy lá số mỗi người, tính cách của bạn có thể khớp với 01 trong các ý này hoặc các ý cộng lại.*

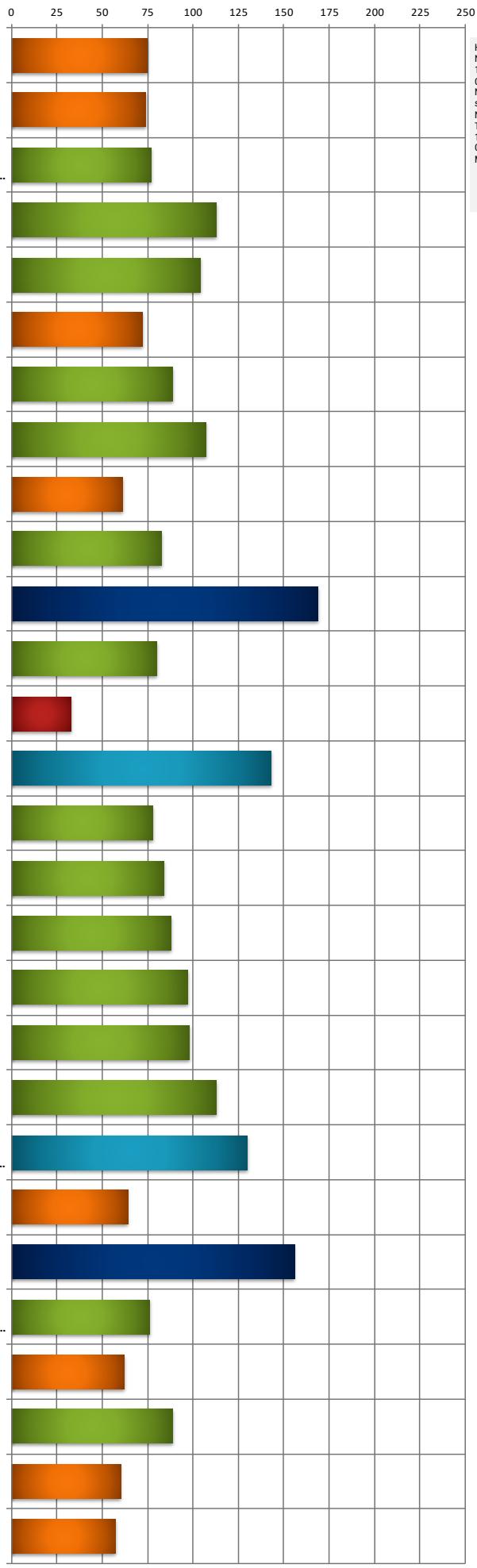
Mô tả Chỉ số	Điểm
1. Lý luận, logic, chiến lược. Làm việc với nhiều chi tiết kỹ thuật. Có khả năng tập trung tư duy, chuyên sâu vào nghiên cứu:	75
2. Khả năng triết lý. Bộ óc chính trị gia. Khả năng giáo dục, giảng dạy, truyền thụ kiến thức. Có xu hướng hoạt động tôn giáo/tư tưởng:	74
3. Tâm lý. Nắm tâm lý người khác, tiên liệu chiến lược của "đối phương". Quan tâm về xã hội, nhân văn, nhân học, tâm linh. Có khả năng văn chương, văn hóa bén nhạy và sâu sắc:	77
4. Tài thi thơ bay bổng, "nghệ sĩ tính". Khả năng tưởng tượng, giả thuyết, hư cấu, viễn tưởng, phi thực tế. Làm việc theo cảm hứng:	113
5. Thiện tài phát minh mới mẻ, biến tấu, sáng tạo, sáng chế độc đáo. Cá tính, "không đụng hàng":	104
6. Khả năng tranh luận, áp đảo hung hăng trong lời nói, người "thích nói" hơn "lắng nghe". Có tính dứt khoát:	72
7. Lãng mạn, sống về cảm xúc, nhu cầu cần có một người yêu hay người bạn tri kỷ bên cạnh. Có xu hướng "yêu hết mình", dễ lụy vì tình:	89
8. Khả năng sử dụng "mỹ nhân kế". Bản năng dục vọng, nhu cầu tình dục. Thực dụng trong ham muỗn:	107
9. Hướng nội, đóng vai trò hậu cần, nuôi dưỡng, hậu thuẫn, tận tâm, biết chăm sóc và lo lắng. Hướng về gia đình/nhà cửa hoặc nhận được sự quan tâm từ phía gia đình:	61

10. Lạnh lùng, khách quan, nghiêm túc. Biết che dấu, ít bộc lộ hay không bị chi phối bởi "cảm xúc":	83
11. Bồng bột, bốc đồng, nông cạn như "trẻ con". Tính khí nhẹ nhàng, cao thượng. Có máu hài hước:	169
12. Thiếu kiên nhẫn, cộc cằn. Dễ nóng giận, nảy lửa, quạo quạo. Cứng cưa, hung hăng:	80
13. Siêng năng, chăm chỉ, có nỗ lực kiên nhẫn. Khả năng theo dõi và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao:	33
14. Ưa hoạt động, năng động, sорт sáng, hăng hái, dồi dào sức lực. Thích nhộn nhịp, hoạt náo và ly kỳ:	143
15. Hy sinh, thụ động, hiền hòa, không tranh đua. Nhân đạo, thương người. Dựa dẫm người khác. Có khi tránh né, lảng tránh trách nhiệm:	78
16. Trung thành với / từ đồng nghiệp, bạn bè, gia đình, người yêu. Liên kết, gắn bó mãnh liệt:	84
17. Thích đàn đúm, tụ họp, chè chén. Cởi mở, nồng nàn, thân thiện, hướng ngoại, nói nhiều, có nhu cầu xã giao:	88
18. Có tính ẩn dật. Muốn rút lui, tịnh dưỡng, thích yên tĩnh một mình:	97
19. Ý thức cộng đồng / xã hội, có xu hướng đóng vai trò hay là thành viên của một đám đông, tổ chức, công ty hay câu lạc bộ. Đóng góp cho tập thể, với khả năng phối hợp với người khác, làm việc nhóm:	98
20. Cần được công nhận, khen ngợi, tung hô cho thành quả của mình. Có thể thích được chú ý, nịnh bợ, khoe khoang. Tham vọng và quan tâm đến địa vị. Muốn được nổi bật giữa đám đông, trình diễn. Tiên phong làm "đầu đảng", lãnh đạo:	113
21. Tự lập, độc lập. Khó tuân thủ theo mệnh lệnh và luật lệ áp đặt. Thích tự làm một mình, không tùy thuộc vào người khác. Có óc lãnh đạo. Làm việc theo trực giác:	130
22. Cứng đầu, không nhân nhượng. Có tính kiên trì, đều đặn, dễ đoán. Không thích thay đổi lịch trình khi đã lên kế hoạch. Không thích "bất ngờ". Khả năng tập trung chuyên môn cao trong một lãnh vực:	64
23. Uyển chuyển và thích nghi. Muốn thay đổi, đa dạng, đa năng, biến tấu, có nhiều chọn lựa. Có xu hướng lừng khừng, không dứt khoát. Theo chủ nghĩa "chiết trung", thích nhiều thứ mâu thuẫn với nhau để chọn ra giải pháp chung. Có tính "ba phải", bao đồng:	156
24. Có tính mở rộng, phát triển. Cần đi xa, hay đi ra ngoài đây đó thường xuyên để tìm hiểu, khám phá, tích lũy kiến thức. Thích du lịch, mạo hiểm. Sợ "xuất ngoại":	76
25. Có tinh thần trách nhiệm, tận tụy và ràng buộc. Biết nhận thức, có lương tâm và giác ngộ:	62
26. Nhận thức về tài chính, ước lượng giá trị, bất động sản. Thực tế về tiền bạc và vật chất:	89
27. Có năng khiếu vượt trội về nghệ thuật, thẩm mỹ, biết cảm nhận cái đẹp. Tài năng âm nhạc, hội họa, tạo hình:	60
28. Khả năng ngoại giao, ăn nói công chúng, kỹ năng khéo léo khi quan hệ giao tiếp:	57

## 28 CHỈ SỐ NHẬN DIỆN KHẢ NĂNG VÀ CÁ TÍNH BẢN THÂN

(xem đầy đủ mô tả của các chỉ số dưới đây ở trang trước)

1. Lý luận, logic, chiến lược. Làm việc với nhiều chi tiết kỹ thuật. Có khả năng tập trung tư duy, chuyên sâu vào nghiên cứu:
2. Khả năng triết lý. Bộ óc chính trị gia. Khả năng giáo dục, giảng dạy, truyền thụ kiến thức. Có xu hướng hoạt động tôn giáo/tư tưởng:
3. Tâm lý. Nắm tâm lý người khác, tiên liệu chiến lược của "đối phương". Quan tâm về xã hội, nhân văn, nhân học, tâm linh. Có kh...
4. Tài thi thơ bay bổng, "nghệ sĩ tính". Khả năng tưởng tượng, giả thuyết, hư cấu, viễn tưởng, phi thực tế. Làm việc theo cảm hứng:
5. Thiên tài phát minh mới mẻ, biến tấu, sáng tạo, sáng chế độc đáo. Cá tính, "không đụng hàng":
6. Khả năng tranh luận, áp đảo hung hăng trong lời nói, người "thích nói" hơn "lắng nghe". Có tính dứt khoát:
7. Lãng mạn, sống về cảm xúc, nhu cầu cần có một người yêu hay người bạn tri kỷ bên cạnh. Có xu hướng "yêu hết mình", dễ lụy vì tình:
8. Khả năng sử dụng "mỹ nhân kế". Bản năng dục vọng, nhu cầu tình dục. Thực dụng ham muốn:
9. Hướng nội, đóng vai trò hậu cần, nuôi dưỡng, hậu thuẫn, tận tâm, biết chăm sóc và lo lắng. Hướng về gia đình/nhà cửa hoặc nhân...
10. Lạnh lùng, khách quan, nghiêm túc. Biết che dấu, ít bộc lộ hay không bị chỉ phơi bởi "cảm xúc":
11. Bồng bột, bốc đồng, nồng cạn như "trẻ con". Tính khí nhẹ nhàng, cao thượng. Có máu hài hước:
12. Thiếu kiên nhẫn, cộc cằn. Dễ nóng giận, nảy lửa, quạu quọ. Cứng cựa, hung hăng:
13. Siêng năng, chăm chỉ, có nỗ lực kiên nhẫn. Khả năng theo dõi và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao:
14. Ura hoạt động, năng động, sôi sảng, hăng hái, dồi dào sức lực. Thích nhộn nhịp, hoạt náo và ly kỳ:
15. Hy sinh, thu động, hiền hòa, không tranh đua. Nhân đạo, thương người. Dựa dẫm người khác. Có khi tránh né, lảng tránh trách nhiệm:
16. Trung thành với / từ đồng nghiệp, bạn bè, gia đình, người yêu. Liên kết, gắn bó mãnh liệt:
17. Thích đàn đúm, tụ họp, chè chén. Cởi mở, nồng nàn, thân thiện, hướng ngoại, nói nhiều, có nhu cầu xã giao:
18. Có tính ẩn dật. Muốn rút lui, tịnh dưỡng, thích yên tĩnh một mình:
19. Ý thức cộng đồng / xã hội, có xu hướng đóng vai trò hay là thành viên của một đám đông, tổ chức, công ty hay câu lạc bộ. Đóng góp...
20. Cần được công nhận, khen ngợi, tung hô cho thành quả của mình. Có thể thích được chú ý, nịnh bợ, khoe khoang. Tham vọng và quan...
21. Tự lập, độc lập. Khó tuân thủ theo mệnh lệnh và luật lệ áp đặt. Thích tự làm một mình, không tùy thuộc vào người khác. Có óc lanh...
22. Cứng đầu, không nhân nhượng. Có tính kiên trì, đều đặn, dễ đoán. Không thích thay đổi lịch trình khi đã lên kế hoạch. Không thích "bất...
23. Uyển chuyển và thích nghi. Muốn thay đổi, đa dạng, đa năng, biến tấu, có nhiều chọn lựa. Có xu hướng lùng khùng, không dứt khoát....
24. Có tính mở rộng, phát triển. Cần đi xa, hay đi ra ngoài đây đó thường xuyên để tìm hiểu, khám phá, tích lũy kiến thức. Thích du lịch,...
25. Có tinh thần trách nhiệm, tận tụy và ràng buộc. Biết nhận thức, có lương tâm và giác ngộ:
26. Nhận thức về tài chính, ước lượng giá trị, bất động sản. Thực tế về tiền bạc và vật chất:
27. Có năng khiếu vượt trội về nghệ thuật, thẩm mỹ, biết cảm nhận cái đẹp. Tài năng âm nhạc, hội họa, tạo hình:
28. Khả năng ngoại giao, ăn nói công chúng, kỹ năng khéo léo khi quan hệ giao tiếp:



Họ tên: Trần Đăng Dương (Nam)  
Ngày sinh: Thứ Bảy, ngày 10/4/2004  
Giờ sinh (24h): 9:15  
Nơi sinh: Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam  
Tọa độ: 21°01'36" vĩ Bắc  
105°50'49" kinh Đông  
Giờ quốc tế: GMT 02:15 (cùng ngày)  
Múi Giờ: UTC+

- Rất thấp
- Dưới Trung bình
- Trung bình
- Trên trung bình
- Rất cao



## 5. Tổng quát về tính khí qua Âm Dương, Hành và nhóm Thể Động

### **ÂM DƯƠNG (MASCULINE / FEMININE)**

Trong Chiêm Tinh Học, tổng quan “giới tính” của bạn qua khía cạnh “Âm” và “Dương” được xác định dựa trên số lượng các hành tinh phân bổ trong các cung Hoàng Đạo.

Hành tinh “rơi” vào dấu hiệu Hoàng Đạo mang tính “Dương” là các cung số lẻ gồm: Dương Cưu , Song Tử , Sư Tử , Thiên Xứng , Nhân Mã và Bảo Bình .

Các cung “Âm” là nhóm dấu hiệu Hoàng Đạo số chẵn như: Kim Ngưu , Cự Giải , Xử Nữ , Bọ Cạp , Ngư Dương và Song Ngư .

- “Dương” có tính thẳng thắn, chủ động, hướng ngoại, cho ra/trao đi, tích cực, lạc quan, trừu tượng, nhiệt huyết
- “Âm” có tính tránh né/gián tiếp, thụ động, hướng nội, lấy về/đón nhận, tiêu cực, bi quan, cụ thể, thoái lui

<i>Bạn Dương</i>	
 Dương	 Âm
6	4

(xem tiếp [mục 16 “Thiên hướng Giới tính”](#))

## NHÓM THỂ ĐỘNG VÀ CÁC HÀNH

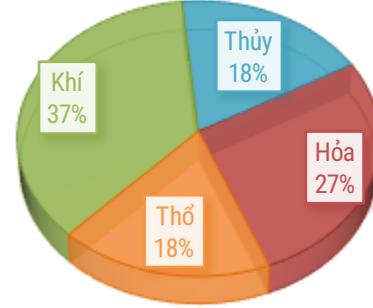
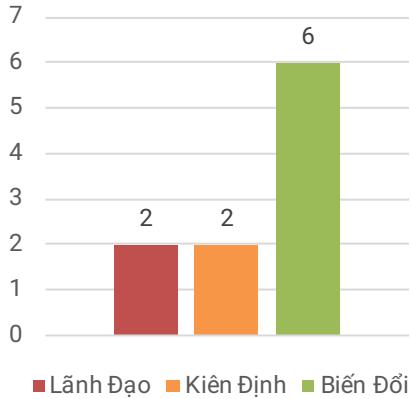
- Các hành tinh đóng trong các cung Dương Cưu ♌, Cự Giải ♎, Thiên Xứng ♍ và Ngư Dương ♑ thuộc nhóm "Lãnh Đạo" (cardinal).
- Các hành tinh đóng trong các cung Kim Ngưu ♈, Sư Tử ♉, Bọ Cạp ♐ và Bảo Bình ♓ thuộc nhóm "Kiên Định" (fixed).
- Các hành tinh đóng trong các cung Song Tử ♊, Xử Nữ ♋, Nhân Mã ♏ và Song Ngư ♓ thuộc nhóm "Biến Đổi" (mutable).

 **Hành Hỏa** là các cung Dương Cưu ♌, Sư Tử ♉ và Nhân Mã ♏.

 **Hành Thổ**: Kim Ngưu ♈, Xử Nữ ♋ và Ngư Dương ♑.

 **Hành Khí**: Song Tử ♊, Thiên Xứng ♍ và Bảo Bình ♓.

 **Hành Thủy**: Cự Giải ♎, Bọ Cạp ♐ và Song Ngư ♓.



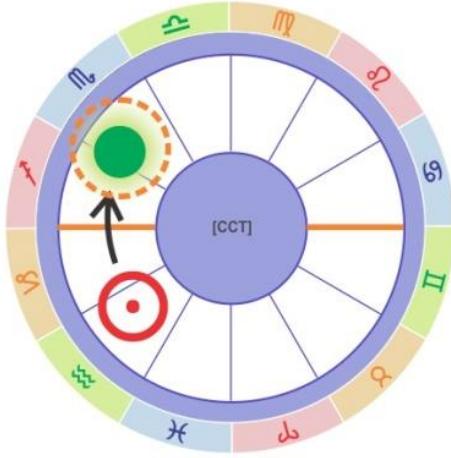
*Người thuộc nhóm Biến Đổi có khả năng uyển chuyển và thích nghi tốt, nhưng có tính lùng khùng khó quyết định. Có xu hướng thiên về những ngành nghề "sử dụng đầu óc", tư duy với nhiều đa dạng muôn màu.*

*Hành Khí mạnh: Suy nghĩ, lý trí, tương giao, cần và trao đổi kích thích trí não với người khác.*



## 6. Hành Tinh Phương Đông

Nếu vì lý do nào đó mà giờ sinh của bạn không chính xác (nhiều người cũng giống như thế) thì việc định hướng nghề nghiệp phải dựa vào những yếu tố và phương pháp khác, và một trong số đó chính là "hành tinh phương Đông". Trong Chiêm Tinh Học, "hành tinh phương đông" (oriental planet) là một trong những "nét phác họa" thường mô tả rất rõ ràng về tổng quát nghề nghiệp của bạn. Nói một cách ngắn gọn, nó chính là "phong cách thoát nhìn" mà người khác ấn tượng hay đánh giá về bạn, hay cách mà bạn muốn "toát ra" bên ngoài xã hội, và nó giúp cho thấy phần nào bản thân bạn cần những gì để có thể phát huy tốt nhất và mãn nguyện nhất trong công việc. So với "điểm Mộc thứ 2" hay những điểm nhạy cảm khác (đề cập trong [mục 8.0.2](#) tr. [31](#)) thì "hành tinh phương Đông" có tính chất bao quát và rộng rãi hơn cho một nhóm người hay tập thể được sinh ra trong cùng một ngày hay chung một tuần lễ với bạn.



Trong ngày mà bạn được sinh ra, "**Hành Tinh Phương Đông**" (HTPD) chính là hành tinh mọc lên đầu tiên ở phía Đông (east) trước khi Mặt Trời mọc vào buổi sáng. Trên lá số bạn Dương, nếu lấy vạch chia cung Nhà 12 và cung Nhà 1 làm đường chân trời và xoay lá số theo chiều kim đồng hồ cho đến khi Mặt Trời vừa nằm trong cung Nhà 1 (hoặc cung Nhà 2) và ngay bên dưới điểm Mộc (Ascendant) thì HTPD chính là hành tinh nằm theo sau Mặt Trời về kinh độ trên vòng Hoàng Đạo, dù hành tinh đó có cách xa Mặt Trời nhiều cung. HTPD mọc lên ở chân trời vào sáng sớm đóng vai trò giống như "người đưa tin" đi trước để rồi Mặt Trời xuất hiện không lâu sau đó. Bộ sao này giống như một "bản thông báo" nhanh cho mọi người biết về sự hiện diện của linh hồn bạn vào ngày đó trong cuộc đời.

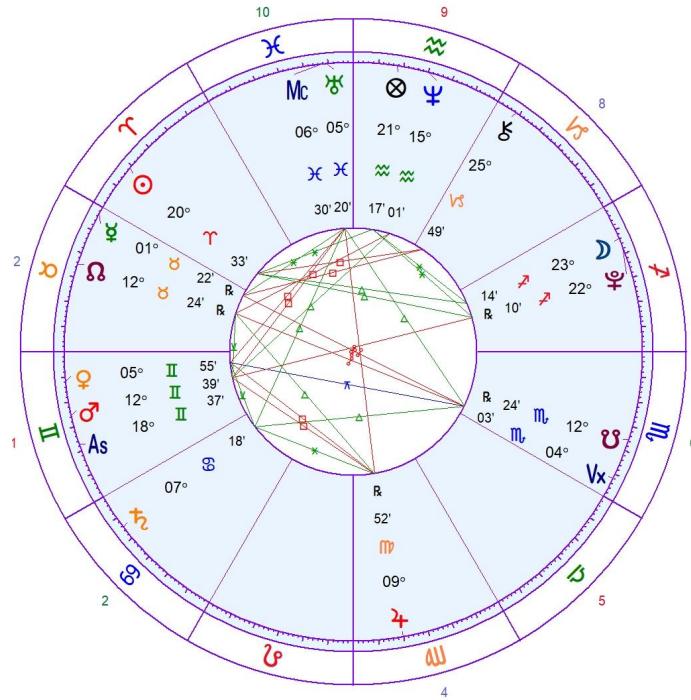
Một số nhà nghiên cứu ngày nay còn gọi HTPD là "vị thầy hướng dẫn" hay đó là "biểu tượng kỹ năng" (BTKN) của bạn, bởi vì nó tượng trưng cho những nguyên tắc bên trong mà bạn cố gắng tuân theo, những kỹ năng thiên bẩm và tài năng đặc biệt và sự thể hiện của tất cả những điều này ra bên ngoài cuộc sống như thế nào. Ở mặt thực tế cụ thể, "biểu tượng kỹ năng" vì hành tinh đó chỉ ra cho bạn thấy làm thế nào để bạn có thể xử lý và đối mặt với những đòi hỏi và cơ hội trong cuộc sống hàng ngày qua cách học hỏi, tạo hiệu quả và thỏa mãn bản thân, cũng như nơi mà những kỹ năng vốn có và khả năng thực lực của bạn nằm ở đâu. Khi đóng vai trò "tinh thần" là "người hướng dẫn", hành tinh "đi trước" so với Mặt Trời của bạn biểu tượng cho những năng lực và cảm nhận bên trong thúc đẩy bạn trên con đường phía trước,

[\[MỤC LỤC\]](#) – Chương mục: [01](#) [02](#) [03](#) [04](#) [05](#) [06](#) [07](#) [08](#) [8.1](#) [8.3](#) [09](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#) 21

hay khả năng của bạn để tự lèo lái con đường tốt nhất để nhận ra được chính bản thân mình và sung mãn với cuộc sống. Nói tóm lại, HTPĐ chính là một thứ "lý tưởng" mà bạn sẽ cố gắng theo đuổi trong đời này.

Vấn đề thường xảy ra đó là chúng ta thường nghiên về một trong hai mặt giữa "thực tế" và "lý thuyết" / "tinh thần" và chúng ta thường phải tìm cách cân bằng và hòa hợp hai mặt này với nhau: một bên là những tài năng và khả năng có thể sử dụng trong thực tiễn để cho ra kết quả cụ thể, với bên kia là một "lý tưởng" thể hiện qua "trực giác" và "bản năng" nhắm tới "định mệnh" và cuộc sống toàn diện nói chung.

Vì Thủy Tinh và Kim Tinh thường ở gần sát với Mặt Trời, nên chúng không được xem như HTPĐ để xem xét về nghề nghiệp. Tuy nhiên hiện nay có rất nhiều nhà báo, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ hay những người nổi tiếng khác đều có 1 trong 2 hành tinh này là HTPĐ trong lá số. Vì thế, nếu bạn có Thủy Tinh hoặc Kim Tinh mọc trước Mặt Trời, chúng ta sẽ xem vị trí HTPĐ trong lá số của 1 trong 7 các hành tinh khác còn lại như Mặt Trăng, Hỏa Tinh, Mộc Tinh, Thổ Tinh, Thiên Vương Tinh, Hải Vương Tinh hoặc Diêm Vương Tinh (đóng vai HTPĐ "chính" – primary) và sau đó sẽ xem thêm ý nghĩa của Thủy Tinh hoặc Kim Tinh trong vai trò của một HTPĐ "phụ" (secondary).



**Hành tinh Phương Đông** của bạn Dương là: **Thiên  
Vương Tinh** và không có hành tinh phụ nào khác.

\* Thiên Vương Tinh có ký hiệu là ☽ trên lá số.

▪ **Ý nghĩa:**

Bạn đòi hỏi nghề nghiệp của mình phải có hào hứng và một chút "mạo hiểm": bất kỳ cái gì nguy hiểm, mạo hiểm, liều lĩnh, canh tân, cấp tiến, hay liên tục thay đổi! Bạn là kiểu người muốn làm một cuộc "cách mạng" - hay ít ra có sự cập nhật và cải thiện. Nếu bạn cũng có thêm khả năng nhìn xuyên thấu và giao tiếp, bạn có đầy đủ tố chất của một người có sáng kiến hay một nhà phát minh thành công. Đối với bạn, điều quan trọng không hẳn là bạn đang cải tiến, khám phá hay làm cách mạng cái gì, mà miễn bạn là người tác động đến sự thay đổi. Bạn có thể giải quyết những vấn đề hay khó khăn bằng những giải pháp độc đáo mới.

*Nỗ lực trong công việc có thể là một cách chính để bạn giải tỏa hay là một nguyên nhân để có thêm lo lắng. Bạn liên tục tìm kiếm thách thức mới để chứng tỏ chính mình. Không những thế, công việc phải luôn có sự đa dạng muôn vẻ. Nếu công việc bạn không đáp ứng những nhu cầu này, thì bạn sẽ có một thú vui nào đó để thay thế vai trò này.*

*Bạn cũng thường đối mặt với chỉ trích từ những người bảo thủ không thích thay đổi và họ chỉ muốn mọi thứ vẫn giữ nguyên y như cũ. Tùy theo lãnh vực nào, nhưng đôi khi có lẽ sẽ hiệu quả hơn khi bạn có thể trau dồi và thu thập thêm những kỹ năng, tính ổn định, kiên trì và kiên nhẫn từ người khác. Trên hết tất cả, bạn có thể cảm thấy khó hòa đồng với truyền thống và nhiều người có HTPĐ là Thiên Vương Tinh sẽ tìm một chỗ đứng riêng cho mình trong cuộc sống, thường chưa từng xảy ra hay có tiền lệ. Yếu tố "thay đổi và biến đổi liên tục" của Thiên Vương Tinh có thể phát huy trong cá tính và những hoạt động của bạn, và điều này có thể làm người khác phải "vò đầu bứt tóc" vì họ không thể nhận ra được mẫu hình quen thuộc và sự liên quan bên dưới bề mặt nổi.*

*Trong vai trò là "người thầy hướng dẫn", Thiên Vương Tinh cho bạn biết cái gì cần được khuấy động lên, cái gì đã lỗi thời và đang cản trở, nhất là trong phương diện xã hội và chính trị. Khác với hầu hết mọi người, người có HTPĐ là Thiên Vương Tinh thường bất mãn với chính mình, vị trí của mình trong cuộc đời và hoàn cảnh nói chung. Đó là vì Thiên Vương Tinh giúp cho họ biết được trước sự việc có thể tốt hơn, nhưng không giải thích rõ ràng được tại sao tốt hơn, hay cũng không nhất thiết cho thấy trước được làm cách nào để quản lý mọi việc "sau cuộc cách mạng" với những thay đổi. Chìa khóa để cân bằng và tận dụng tốt nhất nguồn năng lượng này đó là họ nên học tập thêm kiến thức lịch sử và triết lý.*

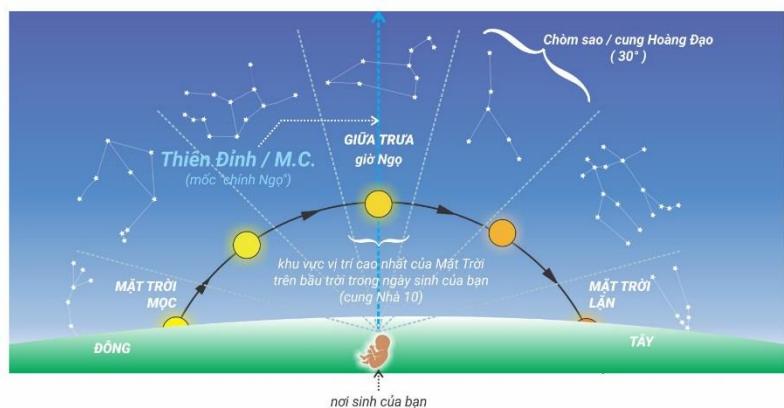
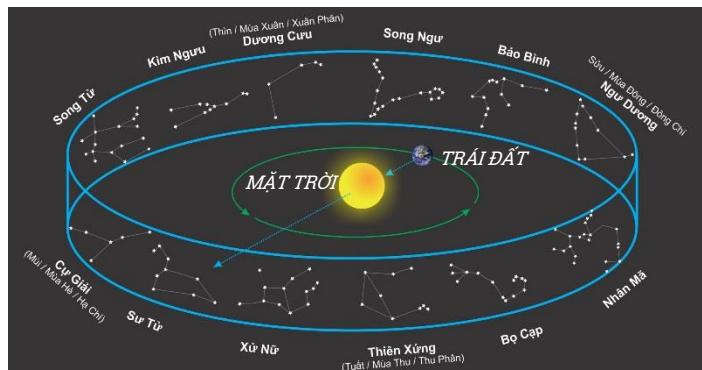
**▪ Hành tinh Phương Đông của bạn Dương trong cung Nhà 10 (Thiên Vương Tinh):**

*Trong cung Nhà này, bạn có thể sử dụng những tài năng và khả năng để phát triển những sở thích của mình trong lãnh vực sự nghiệp và cộng đồng, hay đóng góp những lý tưởng mới cho xã hội nói chung. HTPĐ có thể giúp bạn nổi tiếng, và một khi bạn đã nổi tiếng rồi, bạn có thể dùng địa vị và trách nhiệm của mình để phục vụ xã hội, hay tự kỷ "tầm năng" trong ánh sáng hào quang của chính mình.*



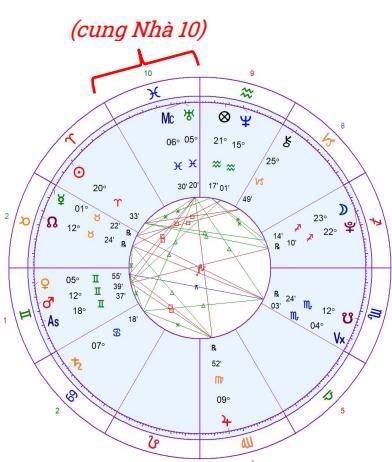
## 7. Thiên Đỉnh, cung Nhà thứ 10 và vị trí Mặt Trăng

Thiên Đỉnh (còn gọi là “trung thiên” / midheaven / medium coeli, có ký hiệu “MC”, “M.C.” hay “Mc” trên lá số) bản chất là một điểm trong không gian đánh dấu vị trí cao nhất trên vòng Hoàng Đạo xuất hiện tại địa phương bạn Dương sinh ra. Đây cũng chính là nơi Mặt Trời đi qua lúc *giữa trưa* hay vị trí “Mặt Trời đứng bóng” trong ngày sinh của bạn Dương.



(Trên đây chỉ là minh họa cho khái niệm “Thiên Đỉnh”, còn vị trí chính xác của Thiên Đỉnh trong lá số bạn được mô tả chi tiết ở [mục 8.1.0-A](#))

Khi vẽ trên lá số, phần lớn các trường phái Chiêm Tinh cận đại với nhiều hệ thống phân chia cung Nhà (house systems) khác nhau sẽ mặc định Thiên Đỉnh là *ranh giới* (cusp) kết thúc cung Nhà thứ 9 (cung Di Hành) và khởi đầu cung Nhà thứ 10 (cung Sự Nghiệp, xem mô tả ý nghĩa về các cung Nhà [ở đây](#)). Tuy nhiên, với hệ thống cổ điển [Whole Signs](#) mà Chòi Chiêm Tinh sử dụng thì Thiên Đỉnh được xem đơn giản chỉ là một điểm thường “dao động” giữa cung Nhà 9 và cung Nhà 10 và có khi là cung Nhà 11.



Về ý nghĩa, Thiên Đỉnh cũng như cung Nhà 10 nói chung tượng trưng cho khu vực sự nghiệp, địa vị, uy tín, danh tiếng, mục tiêu cuộc sống và những lý tưởng, cao vọng của người chủ lá số. Vì là ở vị trí cao nhất trong lá số nên nó phản ánh địa vị xã hội và danh vọng cũng như mục tiêu nghề nghiệp của bạn trong cuộc sống. Nếu những hành tinh nghề nghiệp và dấu hiệu Hoàng Đạo chủ về lãnh vực sự nghiệp ở [mục 8](#) mô tả “nguồn gốc”, “cốt lõi”, “động cơ” hay sự “thôi thúc” thuộc về *bên trong* cho bức tranh sự nghiệp của bạn Dương thì cung Nhà 10 và Thiên Đỉnh chính là “kết quả” hay “sự thể hiện” (expression) ra phía *bên ngoài* của “nguồn gốc” / “cốt lõi” hay “động cơ” ấy.

Thiên Đỉnh không những chỉ quanh quẩn trong phạm vi xu hướng cho nghề nghiệp của chúng ta mà còn ảnh hưởng đến những mục tiêu tâm linh hay tinh thần của chúng ta, cũng như cách mà chúng ta phản ứng với những căng thẳng mỗi ngày. Thiên Đỉnh còn tượng trưng cho một đấng sinh thành, thường là người mẹ, nhưng đôi khi cũng có thể là người cha, và vị sinh thành còn lại tượng trưng bởi điểm Thiên Đế (immum coeli, hay IC) ở đối diện 180° thuộc cung Nhà 3 hoặc 4.

Phương pháp định hướng nghề nghiệp của Chòi Chiêm Tinh trong báo cáo này là xem *tổng quan* chung lá số trong nhiều mặt / phương pháp (holistic) để xác định ra nghề nghiệp cho bạn, nhưng ở phần này, chúng ta “tạm thời” trở về với phương pháp truyền thống để tham khảo 3 yếu tố “kỹ thuật” chính về sự nghiệp trong Chiêm Tinh Học mà nhiều người thường quan tâm, đó là cung Nhà 10, **chủ tinh** của cung Nhà 10 (“chủ tinh cung Nhà 10” = nghĩa là hành tinh cai quản cung Nhà 10) và vị trí của Thiên Đỉnh trong lá số.

**Nếu giờ sinh của bạn là “chính xác”** thì chúng ta có thể kết hợp các thông tin trong phương pháp này ([mục 7](#)) để hiểu sơ lược về “tính cách” lá số, từ đó bổ sung thêm cho những ý nghĩa chi tiết hơn mà các phương pháp trong [mục 8](#) (kế tiếp) và [mục 15](#) sẽ nói đến.

Ngoài ra chúng ta cũng sẽ xem xét Mặt Trăng (ký hiệu ♜) và vị trí của Mặt Trăng trên vòng Hoàng Đạo của lá số, vì Mặt Trăng cho thấy **tâm tướng** và những nhu cầu an sinh căn bản hàng ngày của một con người và đó cũng một trong những động lực ảnh hưởng mật thiết đến công việc hay con đường sự nghiệp (“an cư lạc nghiệp”).

- **Cung Nhà 10** của bạn Dương thuộc **Song Ngư**:

*Song Ngư cai quản cung Nhà thứ 10 cho thấy bạn là một người có thể phải cần thiết bảo vệ uy tín của mình vì có nguy cơ "xì-can-đan", một tai tiếng hay liên quan đến một chuyện nhục nhã của ai đó. Cũng có thể bạn là người toát ra một hình ảnh quyến rũ hay bí ẩn đối với công chúng. Người yêu, người bạn đời hay cộng sự trong công việc của bạn có thể là những người sống hay lớn lên gần vùng sông nước hay biển. Ánh hưởng của Song Ngư cho thấy vài tình huống liên quan đến một bậc sinh thành, phần lớn là người cha. Ví dụ, bạn có thể bị người cha "bỏ rơi" - về nghĩa bóng lẩn nghĩa đen. Cũng có thể có một bí mật, đau buồn hay trầm cảm nào đó liên quan đến người cha, hay người cha có thể bị tàn tật, có vấn đề về thần kinh hay tình cảm, hay nghiện ngập rượu chè hay ma túy. Tiềm năng xấu có thể là bạn không được công nhận xứng đáng hay đạt được những mục tiêu của mình. Sự nghiệp hay mục tiêu lâu dài mà bạn tìm kiếm có thể liên quan đến việc giúp đỡ những người tàn tật, thiểu số, thiểu quyền lợi hay bị giam giữ. Những lãnh vực khác như tôn giáo, nhà hát, nhảy múa, điện ảnh, hội họa, âm nhạc, y tế hay kỹ nghệ hàng hải cũng có thể là chìa khóa cho định mệnh sự nghiệp của bạn.*

- **Chủ tinh cung Nhà 10** của bạn Dương là **Hải Vương Tinh** cư ngụ trong cung Nhà 9:

*Du lịch, đi xa, đi ra khỏi nước, chu du thế giới hoặc tiếp xúc với người nước ngoài là một đặc điểm nổi bật đặc biệt trong sự nghiệp của bạn. Tiềm năng nghề nghiệp của bạn có thể liên quan đến công việc giảng dạy, khoa bảng, xuất bản, luật pháp, tư vấn, cố vấn, truyền đạo (linh mục, mục sư, nhà sư v.v...) hay một công việc mang lại ích lợi/tinh thần cho quốc gia hay thế*

giới nói chung. Bạn cũng có thể đạt được những danh dự chuyên về một lãnh vực cao học. Đây là một vị trí mạnh và tốt cho người cha của bạn, hứa hẹn đi kèm với thành công và giàu có.

- **Ý nghĩa các hành tinh trong cung Nhà 10:**

- \* *Thiên Vương Tinh trong cung Nhà 10:*

*Con đường sự nghiệp của bạn trong cuộc sống có nhiều thăng trầm và dễ có những thay đổi bất ngờ. Bạn hợp với những nghề nghiệp lật thường hay tân tiến, bao gồm những lãnh vực như công nghệ thông tin, điện tử, thời tiết khí hậu, hàng không hay không gian. Bạn có thể nổi tiếng trong sự nghiệp của mình nếu bạn biết tận dụng những tài năng đặc đáo của mình. Tư tưởng của bạn về chính trị có xu hướng cấp tiến hơn là bảo thủ.*

- **Ý nghĩa các hành tinh trùng tự với Thiên Đỉnh/MC:**

\* *Với Thiên Vương Tinh trùng tự với Thiên Đỉnh, chắc chắn bạn sẽ muôn được tự do thể hiện những ý tưởng độc đáo riêng của mình trong cuộc sống bên ngoài và trong những đóng góp của mình đối với xã hội. Bạn thích thay đổi và đa dạng, và có thể đột ngột thay đổi sự nghiệp hay có những thăng trầm nhanh chóng trong sự nghiệp xảy ra đến với bạn. Nghề nghiệp hay sự nghiệp mà bạn chọn lựa cần có một yếu tố "bất thường", "phi truyền thống", "lạ lùng" hay "độc đáo" nào đó cho phép bạn có sự tự do, độc lập trong quyết định, phiêu lưu mạo hiểm và mang lại nhiều thú vị, thậm chí nguy hiểm, nhưng chắc chắn sẽ là không đi theo một lịch trình đều đặn luân phiên hay một luật lệ gì bó buộc cả. Nếu bạn là phụ nữ, vị trí này thường có trong những lá số của người chọn những ngành nghề thông thường không dành cho phụ nữ, ví dụ như khai thác khoáng sản, lái xe tải, hay thợ lặn trực vớt tàu chìm, hay một nghề nào đó mang tính "lạ lùng" về nó. Nếu bạn là đàn ông, đây là người thường đối mặt với nguy hiểm trong nghề như chuyên gia chất nổ, lái xe đua, nhân viên cứu nạn hay phóng viên chiến trường.*

- **Ý nghĩa của Mặt Trăng trong cung Nhà 7:**

\* *Mặt Trăng ở đây có nhu cầu tạo dựng quan hệ và kết nối với mọi người xung quanh. Tuy có xu hướng "suy bụng ta ra bụng người", thường xen vào hoặc tò mò quá mức về người khác, nhưng mặt tốt thích làm các công tác xã hội, các công việc thể hiện sự hợp tác, phổ biến thông tin / tài năng / hình ảnh ra quần chúng. Đây là người muốn được người khác "cần đến mình". Thường đóng vai trò đàm phán, ngoại giao hay "đại sứ".*

- **Ý nghĩa của Mặt Trăng trong dấu hiệu Hoàng Đạo Nhân Mã:**

\* *Mặt Trăng ở Nhân Mã là người hiếu động, hay lạc quan và dễ phán khởi, muốn ý kiến mình được tôn trọng và khen thưởng. Muốn truyền bá thông tin để người khác hưởng lợi. Quan tâm đến các vấn đề triết lý, tôn giáo, tâm linh và quốc tế. Không thích để ý đến những tiểu tiết, thiếu kiên nhẫn và có thể mù quáng khi tin vào một cái gì đó.*



## 8. Giờ Sinh và Nơi Sinh quyết định Sự nghiệp (và cuộc đời) của bạn

### 8.0.1 CHỮ KÝ CHIÊM TINH

Không phải người tuổi **Dương Cưu** nào cũng trở thành lính cứu hỏa hay làm nghề thợ hàn và không phải Thiên Xứng nào cũng làm luật sư hay chuyên về thiết kế, mà có khi chúng ta bắt gặp **Dương Cưu** đó đang là một thầy giáo hay tài xế, hay Thiên Xứng ấy lại vui vẻ với công tác bảo mẫu hay thợ mổ súc vật thì sao ?

Chí hướng mỗi người đều khác nhau, và sự khác biệt ấy thể hiện ở “chiều không gian” (space) = “vị trí địa lý” (nơi bạn sinh ra) và “thời gian” (time) khi bạn chính thức xuất hiện ở cõi đời này (xem thêm bài viết ở đây: [cct.tips/cth102002](#)). Về kỹ thuật, nơi sinh và giờ sinh của bạn có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: nếu đúng “giờ sinh” nhưng sai “nơi sinh” thì vị trí các hành tinh trong lá số của bạn sẽ thay đổi. Nếu “nơi sinh” là đúng, nhưng sai lệch “giờ sinh” thì lá số của bạn cũng sẽ sai. Khác với môn Tử Vi hay Tử Bình của phương Đông, vị trí địa lý của nơi sinh và sự chính xác đến từng phút của giờ sinh rất quan trọng trong Chiêm Tinh Học và đặc biệt ảnh hưởng rất nhiều đến việc “định hướng nghề nghiệp” của bạn một cách chính xác.

Nếu thông tin bạn Dương cung cấp khi đăng ký dịch vụ chính xác trong khung giờ 9:12 đến 9:20 (minh họa [ở đây](#)), mục phân tích này sẽ đi sâu vào vị trí của điểm Mộc trên lá số, cũng như các hành tinh, các điểm nhạy cảm về nhu cầu vật chất (material needs) và sự tương quan giữa chúng với nhau để xác định nghề nghiệp và chí hướng của bạn trong “thực tế”. Nói cách khác, thông tin bạn đưa ra càng chính xác thì kết quả mục này cũng sẽ càng chính xác.

Kể từ phiên bản báo cáo ĐHNN 8.x.x trở lên (ra mắt đầu tháng 5/2017), mục phân tích này được mở rộng và hỗ trợ bởi một “robot” với “trí tuệ thông minh nhân tạo” có tên là “MAAICA” (Modern Application of Artificial Intelligence in Career Astrology - tạm dịch là “Ứng dụng hiện đại của trí tuệ thông minh nhân tạo trong định hướng nghề nghiệp bằng chiêm tinh học”).

“Bé MAAICA” có khả năng học hỏi và phân tích những lá số mẫu do đích thân Chòi Chiêm Tinh tôi nhập vào để “dạy” cho “bé”. Khi càng học được nhiều lá số thì MAAICA sẽ càng trở nên “thông minh” và nhận biết chính xác lá số nào sẽ thích hợp với ngành nghề gì. Do đó, tôi đã “dạy” cho MAAICA thật nhiều lá số của các vĩ nhân và những người thành đạt được lịch sử ghi nhận trong đủ mọi ngành nghề để MAAICA có thể tích tụ chúng thành những “kinh nghiệm” lưu trữ trong bộ nhớ của “bé”. Khi gặp một lá số mới, MAAICA sẽ dựa trên kho “kinh nghiệm” này để phán đoán những nhóm nghề nghiệp nào sẽ thích hợp nhất với lá số đó.

Đầu tiên, MAAICA sẽ phân tích một lá số thành 3 nhóm chính, trong đó tổng hợp phương pháp từ *nhiều* trường phái chiêm tinh học dưới 3 góc độ khác nhau gồm:

i) **CÁC ĐIỂM NHẠY CẢM VỀ "SỰ NGHIỆP" (nhóm A = 25%)**: gồm vị trí chính xác của điểm đặc biệt như điểm Mộc bẩm sinh (ascendant), điểm Hình Ánh (điểm Mộc thứ 2), điểm Phước Đức, điểm Quyền Lực, điểm Tài Lộc, điểm Địa Vị, điểm Phú Quý và điểm Định Mệnh. Ngoài ra trong nhóm này còn có ảnh hưởng của vòng Nhị Thập Bát Tú, vị trí của Mặt Trăng, Mặt Trời, hành tinh Trưởng Bối và hành tinh Tham Mưu. (các thông tin này sẽ lần lượt được khám phá ở [mục 8.0.2](#), tr. [31](#) và [mục 8.0.5](#))

ii) **TRUYỀN THỐNG (B và C = 10% + 30%)**: gồm các góc chiếu (aspects) giữa các hành tinh, đo lường vị trí "từng milimét" của các hành tinh trên vòng Hoàng Đạo, cũng như sức mạnh ảnh hưởng của từng dấu hiệu Hoàng Đạo, các cung Nhà và các [chủ tinh](#) của chúng với nhau.

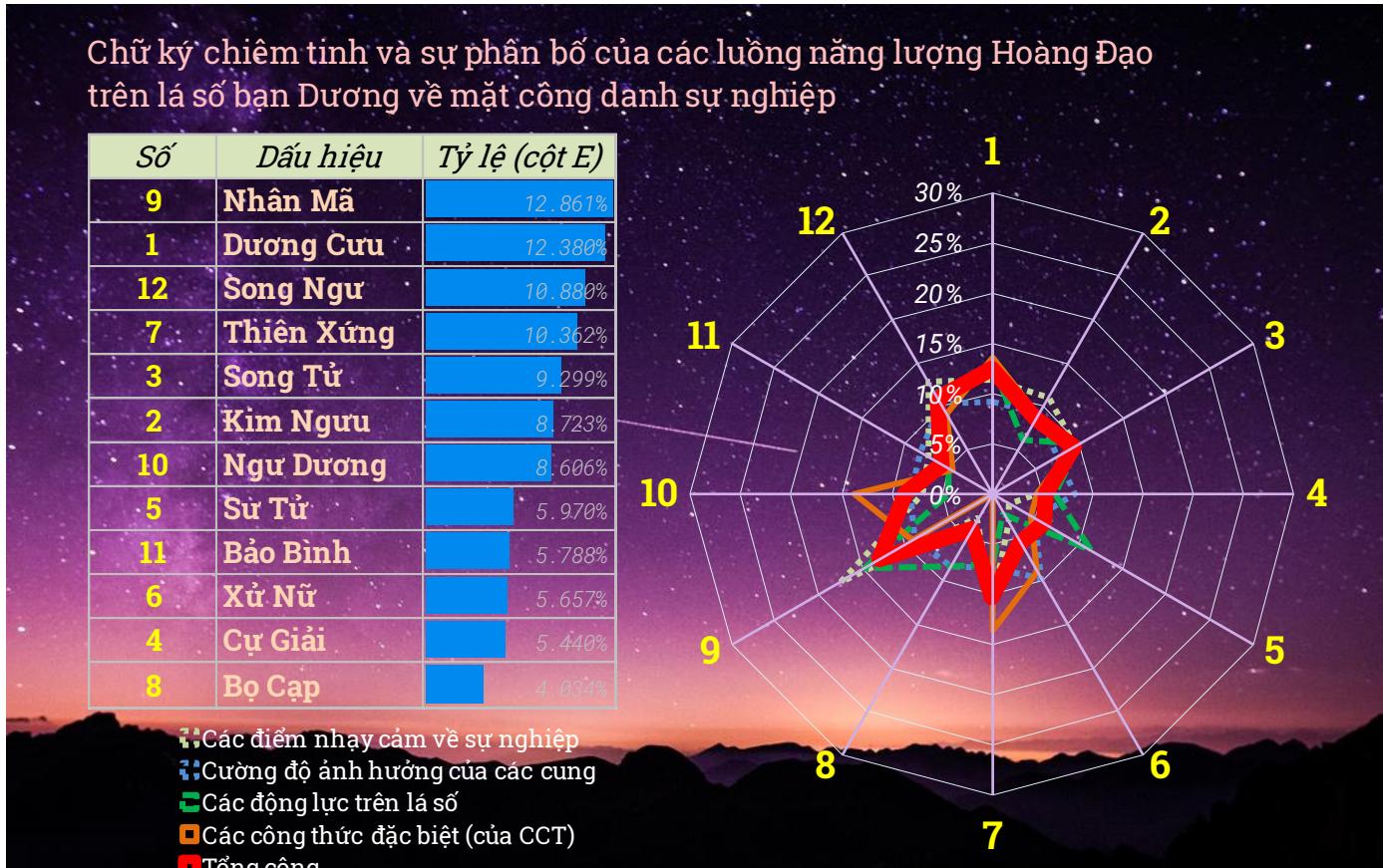
iii) **BÍ QUYẾT RIÊNG CỦA CCT (Nhóm D = 35%)**: bao gồm một số (trên 20) công thức đặc biệt khi tôi quan sát vị trí tương quan giữa Mặt Trăng và Mặt Trời, La Hầu (Long Thủ), Hỏa Tinh, Kim Tinh, Mộc Tinh, Thổ Tinh, Thiên Vương Tinh, Diêm Vương Tinh, Chiron, cũng như khu vực cung Cự Giải và Sư Tử. Khác với 2 nhóm [i] và [ii], điều tuyệt vời đó là những công thức này có thể áp dụng cho những lá số "*không có giờ sinh*" hoặc "*giờ sinh không chính xác*", giúp nâng cao xác suất chính xác trong kết quả cuối cùng của báo cáo "*Định Hướng Nghề Nghiệp*", nhất là trong trường hợp lá số có giờ sinh "*lộn xộn*".

**Bảng 8.0.1-A: Kết quả phân tích 3 nhóm động lực chính trên lá số**

Số dấu hiệu Hoàng Đạo	Dấu hiệu Hoàng Đạo	A (25%)	B (10%)	C (30%)	D (35%)	E (A + B + C + D)
1	Dương Cưu	11.371%	9.198%	12.817%	13.636%	12.380%
2	Kim Ngưu	11.116%	9.126%	6.165%	9.091%	8.723%
3	Song Tử	9.507%	7.437%	9.990%	9.091%	9.299%
4	Cự Giải	4.516%	8.179%	6.341%	4.545%	5.440%
5	Sư Tử	1.853%	5.023%	11.379%	4.545%	5.970%
6	Xử Nữ	3.204%	9.766%	2.327%	9.091%	5.657%
7	Thiên Xứng	10.862%	7.440%	7.098%	13.636%	10.362%
8	Bọ Cạp	2.896%	8.313%	8.261%	0.000%	4.034%
9	Nhân Mã	17.513%	8.866%	14.714%	9.091%	12.861%
10	Ngư Dương	6.950%	8.021%	4.313%	13.636%	8.606%
11	Bảo Bình	7.391%	8.211%	5.094%	4.545%	5.788%
12	Song Ngư	12.822%	10.422%	11.502%	9.091%	10.880%

Ở bảng trên, MAAICA cộng kết quả phân tích từ 4 nhóm động lực (A, B, C và D) để trở thành số tổng ở **cột E**. Kế tiếp, bảng 8.0.1-B tiếp theo dưới đây sắp xếp cột E lại với thứ tự từ cường độ "mạnh nhất" đến "yếu nhất" và đưa lên đồ thị để so sánh. Trong quá trình này, dãy số với thứ tự **9-1-12-7-3-2-10-5-11-6-4-8** chính là "**chữ ký chiêm tinh**" (*astrological signature*) của lá số bạn Dương.

## Bảng 8.0.1-B: Đồ thị phân bố năng lượng trong chữ ký chiêm tinh



Nếu tính bằng phép giai thừa ( $\text{factorial} = n!$ ), 12 dấu hiệu Hoàng Đạo sẽ có khả năng cho ra  $479.001.600$  (bốn trăm bảy mươi chín triệu một ngàn sáu trăm) kết quả "chữ ký chiêm tinh" khác nhau, với giá trị hay tổng số điểm của chúng dường như là "vô tận" không bao giờ lập lại. Nói cách khác, nếu 2 lá số có cùng "chữ ký chiêm tinh" thì *số điểm cân lương* trong chữ ký chiêm tinh này lá số này sẽ không bao giờ trùng lặp với lá số kia (lưu ý: *điểm cân lương* không hiển thị nhưng được quy thằng ra số phần trăm %).

Điều này có nghĩa mỗi lá số dù có "sinh cùng ngày + cùng tháng + cùng năm + cùng nơi" thì cũng sẽ có một "chữ ký chiêm tinh" riêng, không ai giống ai, dù là anh chị em sinh đôi cách nhau *vài giây đồng hồ*! Mục đích là để khi nhìn vào "chữ ký chiêm tinh" này, bất kỳ ai cũng có thể dễ dàng nhanh chóng nhận diện một số đặc điểm (attributes) và tiềm năng về con đường sự nghiệp của lá số đó.

Tuy nhiên, trong báo cáo này, MAAICA chỉ sử dụng **7 số đầu** trong bộ chữ ký chiêm tinh 12-số để xác định nhóm nghề nghiệp thích hợp. Theo phép tính hoán vị (permutation), bộ "chữ ký chiêm tinh 7-số" đơn giản hơn sẽ cho ra:  $12! / (12 - 7)! = 3.991.680$  (gần 4 triệu) kết quả nghề nghiệp khác nhau. Phạm vi 4 triệu kết quả này hiện tại có lẽ cũng "tạm đủ" để xác định các khả năng nghề nghiệp khác nhau của một lá số.

### Bảng 8.0.1-C: Chữ ký chiêm tinh – Phân tích sâu (deep analysis) cho lá số

	<i>LEAD</i>	<i>DEEP-A</i>	<i>DEEP-B</i>	<i>DEEP-C</i>	<i>DEEP-D</i>	<i>DEEP-E</i>	<i>DEEP-F</i>
<i>L7</i>							3
<i>L6</i>						6	8
<i>L5</i>					5	10	5
<i>L4</i>				2	6	3	7
<i>L3</i>			8	9	2	4	10
<i>L2</i>		5	12	8	9	12	9
<i>L1</i>	9	1	12	7	3	2	10
(L1)	Nhân Mã	Dương Cưu	Song Ngư	Thiên Xứng	Song Tử	Kim Ngưu	Ngư Dương

↑  
(dấu hiệu Hoàng Đạo có cường độ ánh hưởng mạnh nhất, tác động đến đặc điểm sự nghiệp)

Toàn bộ “chữ ký chiêm tinh” được phân tích sâu hơn nữa trong mô hình “kim tự tháp” ở bảng 8.0.1-C. Đầu tiên, dãy số L1 (tầng 1) là chữ ký chiêm tinh “chính gốc” lấy từ [bảng 8.0.1-B](#). Lên tầng tiếp theo, những số trong dãy L2 chính là kết quả phép đếm từ dãy L1, L3 từ L2, hay L4 từ L3 v.v.... Ví dụ, có được số “5” (**Sư Tử**) ở dãy L2 và cột DEEP-A là kết quả từ số “9” (**Nhân Mã**) ở dãy L1 và cột LEAD đếm theo thứ tự trên vòng Hoàng Đạo (ngược chiều kim đồng hồ trên lá số) đến số “1” (**Dương Cưu**) trong cùng dãy L1 và cột DEEP-A kế bên. Nghĩa là, **Nhân Mã** và **Dương Cưu** ở dãy L1 cách nhau đúng “5” cung, tạo ra một động lực (dynamics) mang tính chất tương đương với dấu hiệu **Sư Tử** thể hiện trên dãy L2.

Tương tự, số “12”(động lực **Song Ngư**) ở dãy L2 và cột DEEP-B được phát sinh khi đếm từ **Dương Cưu** (số 1, L1 + DEEP-A) đến **Song Ngư** (số 12, L1 + DEEP-B). Động lực **Bọ Cạp** (số “8”) ở dãy L3 và cột DEEP-B được hình thành khi đếm từ số “5” và “12” ở dãy L2, cột DEEP-A và DEEP-B v.v... Cứ như thế, ngược lên đến dãy L7 và cột DEEP-F trên cao nhất, tất cả các động lực trong bảng 8.0.1-C này trở thành một “chữ ký chiêm tinh” mới đầy đủ hơn, cho thấy một “bức tranh” về tính chất công việc và đặc điểm sự nghiệp bạn Dương.

Từ những thông số ở Bảng 8.0.1-C, MAAICA cân nhắc thêm một loạt yếu tố khác nhau như sự lặp lại và các mẫu hình (pattern) xuất hiện trong các số (dấu hiệu Hoàng Đạo), cường độ “mạnh yếu” của các nhóm số (động lực) từ cột trái sang cột phải, từ dãy dưới lên trên, các “đầu số” của mỗi dãy v.v... để rồi ở bước cuối cùng, MAAICA sẽ “chấm điểm” và cộng chúng lại để cho ra kết quả cuối cùng trong báo cáo ở [mục 15 “Chọn Nghề Nghiệp”](#). Kết quả này sẽ dao động khác nhau (dưới số 100) và sẽ được phân loại: nghề nghiệp nào có tổng số điểm cao nhất (trong top-5) thì đơn giản đó cũng chính là những công việc mà người ấy sẽ thành công nhất ...

Ở những phần tiếp theo trong chương mục 8 sẽ là một số những chi tiết quan trọng về lá số bạn Dương mà MAAICA đã tính toán và sử dụng để tạo ra “chữ ký chiêm tinh” nói trên, bao gồm những điểm nhạy cảm (sensitive points) liên quan đến vấn đề sự nghiệp. Xem thêm ghi chú [ở đây](#) và cuối [phụ lục 20.4](#) về độ chính xác cho chữ ký chiêm tinh này.



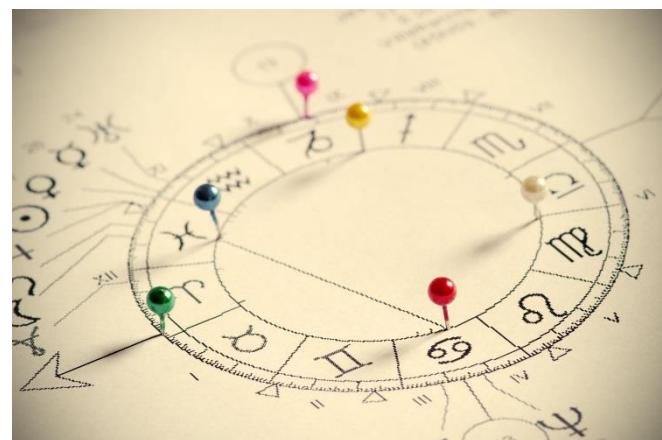
## 8.0.2 CÁC ĐIỂM NHẠY CẢM (SENSITIVE POINTS) TÁC ĐỘNG ĐẾN NGHỀ NGHIỆP

Mỗi người đều có 3 chặng "cuộc đời": lúc ta được thụ thai (pre-natal disposition, tiền sinh), lúc ta sinh ra trên đời (hữu sinh, hữu hình) và lúc ta mất đi (vô hình = linh hồn rời khỏi thân thể). Trong sự tồn tại của thế giới này, phần lớn con người chúng ta chỉ quan tâm đến giai đoạn "hữu hình" trên lá số của mình. Một lá số chiêm tinh tuy nhìn rất "đơn giản" nhưng thật ra đó chính là một bản đồ mô tả những bí mật của một con người trong 3 chặng cuộc đời đó. Điều kỳ diệu là tất cả những thông tin ấy được "mã hóa" (encoded) một cách đơn giản qua vị trí của 10 hành tinh chính + 12 cung Hoàng Đạo. Những người quan tâm nghiên cứu hay các chiêm tinh gia sẽ là người "giải mã" (decode) những *kho tàng* bí mật ấy.



Sự ra đời và tồn tại của mỗi con người là kết quả của một "cơ duyên", bao gồm những ảnh hưởng *đa chiều* phức tạp trong vũ trụ xảy ra chỉ trong một khoảnh khắc "tích tắc". Trong 4 nguyên tố (Hỏa, Thổ, Khí, Thủy) dàn trải trên một lá số, "sự nghiệp" là một vấn đề thuộc nhóm hành Thổ, đại diện cho khía cạnh "vật chất", "danh vọng", "tiền tài" cũng như "sức khỏe" hay công sức "lao động" của người chủ lá số đó. Cơ thể chúng ta cũng là một phần trong nhóm "vật chất" này. Sở dĩ chúng ta cần liên tục "dung nạp" hay thu tóm "vật chất" từ môi trường xung quanh như thức ăn, đồ uống, tiền tài, tiện nghi, nhà cửa, công việc v.v... đầu tiên là để chăm lo cho chính bản thân mình, trước khi đến "hàng kế tiếp" là gia đình của mình như vợ chồng, con cái, bố mẹ, anh chị em hay bà con. Tuy nhiên, sự nghiệp của một người lăm lúc không hẳn dựa trên "đam mê" mà đôi khi còn do "thời thế", "hoàn cảnh đẩy đưa" hay nhu cầu phát sinh quyết định.

Mỗi đời người cũng tựa như một hạt giống của cây lúa - cùng giống nhau khi sinh ra nhưng liệu hạt giống đó có phát triển "lớn mạnh" hay "èo uột" như thế nào thì còn phải xem hạt lúa đó được gieo trồng xuống Ở ĐÂU. Giống lúa "tốt", nhưng gặp phải đất "xấu" thì làm sao có thể trưởng thành hết khả năng được? Khác với "lúa", con người là một sinh vật có trí tuệ, không mãi "thụ động" ở một chỗ nhưng có khả năng tích cực chống chọi, nhanh chóng đối phó với nhiều nghịch cảnh. Nếu không cải tạo được môi trường sống của mình thì con người có thể tự do di chuyển ra khỏi vùng "đất xấu" đó để tìm đến một nơi an toàn và thích hợp hơn ...



Trên mỗi lá số luôn có nhiều điểm nhạy cảm khác nhau và dưới đây là những điểm nhạy cảm liên quan trực tiếp đến nhóm "vật chất" hay sự nghiệp của bạn Dương (và chúng cũng được tính vào chữ ký chiêm tinh). Nói cách khác, đây chính là những điểm thúc đẩy bạn Dương đi tìm kiếm thức ăn, đồ uống, nguồn thu nhập, kích thích những tham vọng nghề nghiệp để sở hữu tài sản và tích tụ của cải vật chất nhằm thỏa mãn những nhu cầu tiêu dùng cá nhân và mục đích danh vọng trong đời này cũng như đảm bảo việc nuôi sống gia đình hay những người xung quanh mà bạn Dương quan tâm:

### i) Điểm Mộc Sinh mệnh - "Ascendant"

Điểm này chính là vị trí Hoàng Đạo của đường chân trời phía Đông tại địa phương lúc bạn sinh ra, tác động trên toàn bộ mọi khía cạnh trong cuộc đời của bạn. Điểm Mộc này cho thấy bạn muốn *thể hiện* chính mình với thế giới bên ngoài như thế nào. Cùng với Mặt Trời và Mặt Trăng, điểm Mộc Sinh mệnh là 1 trong 3 " trụ cột" (pillars) của một lá số chiêm tinh vì nó được tạo ra bởi Trái Đất, "cõi trần" và cũng tượng trưng cho phần "nhân" trong mô hình "thiên-dịa-nhân" của triết lý phương Đông.

- Vị trí trên lá số: ☌ Song Tử  $18^{\circ}36'45''$ , trong [cung Nhà 1 \(CHỦ MỆNH\)](#)
- Xem ảnh hưởng của điểm Mộc sinh mệnh này với các cung Nhà ở [mục 8.1.0-D](#).

### ii) Điểm Mộc hình ảnh ("2nd Ascendant" = projected image)

Ngược lại với những gì bạn muốn chủ động thể hiện ra bên ngoài qua điểm Mộc sinh mệnh, điểm Mộc "hình ảnh" cho thấy *ấn tượng* của người khác từ bên ngoài về bạn. Nói cách khác, đây là "thần thái" của bạn trong mắt người khác khi ngoại giao hàng ngày. Điểm Mộc này là dấu hiệu Hoàng Đạo được tính bằng *số cung* khi đếm khoảng cách (số cung) từ điểm Mộc sinh mệnh đến vị trí [chủ tinh](#) của điểm Mộc sinh mệnh, sau đó cộng vào vị trí của chủ tinh đó. Ý nghĩa của điểm Mộc hình ảnh được giải thích kỹ hơn ở [mục 8.5](#).

- Vị trí trên lá số: ☽ Cự Giải, trong [cung Nhà 2 \(THU NHẬP\)](#)

### iii) Điểm Phúc Đức (Point of Good Deeds)

Điểm này được tính từ sự tương quan giữa Mặt Trăng trên [vòng Nhi Thập Bát Tú](#) và điểm Mộc sinh mệnh cho thấy khu vực Phúc Đức (hay cũng có thể hiểu là "âm đức") của bạn Dương, ảnh hưởng chung đến các điểm khác về mặt sự nghiệp, đặc biệt là những may mắn về vật chất, phương tiện, tài lộc, sức khỏe hay chuyện ăn uống cơ bản / sinh tồn hàng ngày. Bạn có được "trời thương" hay không, hay "thương chỗ nào" thì sẽ nhìn vào điểm này. Ví dụ, nếu điểm này nằm ở cung thứ 4 trên lá số thì nguồn Phúc Đức của bạn đến từ "gia đình", "bố mẹ", nếu ở cung 9 thì qua việc đi xa, xuất ngoại, quý nhân, cung thứ 5 về đường con cái, cơ duyên ngẫu nhiên v.v... Nhưng nhớ rằng trong toàn bộ Nghiệp Quả (karma) của mỗi chúng ta thì sự may mắn của Phúc Đức chỉ có thể giúp đỡ được khoảng 10%, còn lại phần lớn (90%) là do những gì chúng ta đã làm, những sai lầm và nỗ lực khắc phục, hay những gì tốt đẹp trong tư tưởng mà chúng ta

cố gắng phấn đấu, dù là từ đời trước người khác hoặc chính chúng ta tự để lại cho chúng ta hay ngay trong đời này.

- Vị trí trên lá số: ♫ Song Ngư 15°48'37", trong [cung Nhà 10 \(SỰ NGHIỆP\)](#)

#### iv) Điểm Quyền Lực (Point of Power)

Đây là một điểm rất nhạy cảm với giờ sinh của bạn vì nó thay đổi vị trí trên vòng Hoàng Đạo liên tục cứ khoảng 50 giây ! Ở một khía cạnh, điểm này cho thấy tư duy và thái độ của người chủ lá số về các vấn đề liên quan đến sự nghiệp như: danh vọng, quyền lực và địa vị xã hội trong cuộc sống.

- Vị trí trên lá số: ♩ Ngư Dương 12°16'47", trong [cung Nhà 8 \(CHI TIÊU\)](#)

#### v) Điểm Tài Lộc (Point of Wealth)

Đây cũng là một điểm nhạy cảm với giờ sinh của bạn tương tự như giờ mặt trời mọc tại địa phương nơi bạn sinh ra. Liên quan đến [cung Nhà 2 và cung Nhà 11](#) trên lá số, điểm này ảnh hưởng đến thu nhập, chi tiêu, xác định phạm vi sự nghiệp của bạn và cả lợi nhuận và lỗ lãi trong việc kinh doanh.

- Vị trí trên lá số: ♀ Sư Tử 5°14'32", trong [cung Nhà 3 \(SUY NGHĨ\)](#)

#### vi) Điểm Địa Vị Xã Hội (đẳng cấp = caste)

Được tính từ vị trí Mặt Trăng trên vòng Nhị Thập Bát Tú (và [chủ tinh](#) của khu vực đó), điểm Địa Vị Xã Hội xác định bạn thuộc vào nhóm nào trong 4 nhóm "đẳng cấp" thể hiện qua 4 hành Hỏa, Thổ, Khí và Thủy. Người xưa tin rằng cùng với "4 mục đích đời người" ([mục 8.0.4](#)), điểm này là kết quả "nghiệp lực" (karma) của bạn ở "kiếp trước" (past life) qua sự "hiện thân" (reincarnation) và chí hướng (wills) của bạn trong "kiếp này".

- Vị trí trên lá số: ♑ Bọ Cạp, trong [cung Nhà 6 \(SỨC KHỎE\)](#)

*Bạn Dương có địa vị thuộc nhóm Bọ Cạp (Thủy): Dù là "giàu", "nghèo" hay trong bất kỳ chuyên ngành hay hoàn cảnh nào, nhóm địa vị hành Thủy ("Sī") thường nổi bật như là những người "hàn lâm", "sī phu", trí thức, hiếu học hoặc có học vấn cao trong xã hội. Nghiên cứu một cuộc sống thanh thoát, bình dị hay một cái gì đó "nhẹ nhàng", dùng "tài trí" hay "công nghệ" hơn là dùng "sức" hay "thể", bạn thích hợp với các công việc liên quan đến nghệ thuật, cổ văn, nghiên cứu, giảng dạy, huấn luyện, hướng dẫn, đào tạo, chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc tu hành, tôn giáo, tâm linh. Nếu hoạt động trong quân đội, bạn có thể trở thành một nhà tham mưu giỏi và trong thời bình, bạn sẽ thành công với công việc tư vấn và hoạch định chiến lược trong mọi nghành nghề mà bạn quan tâm.*

### vii) Điểm Phú Quý (Point of Prosperity)

Cũng liên quan đến [điểm Tài Lộc](#), [cung Nhà 2](#) và [cung Nhà 11](#), điểm này được sử dụng để phân tích "mức độ thuận lợi" không những qua việc "giàu có" ("phú") mà còn phải "sang trọng", "quý phái" ("quý"). Nói cách khác, tuy không nói lên được con số "bao nhiêu", tình hình khu vực Hoàng Đạo của điểm này cho thấy tiềm năng "thịnh vượng" liệu bạn có "thong thả" hay phải "chật vật" khi kiếm sống, và TƯ DUY của bạn khi nắm giữ nhiều tiền bạc trong tay như thế nào. Vị trí của điểm này được tính từ sự liên hệ giữa vị trí Mặt Trăng, cung Nhà thứ 9 và góc chiếu với các hành tinh còn lại trên lá số. Vận hạn khi các hành tinh quá cảnh (transit) đến khu vực này cũng sẽ tác động đến sự "thong thả, nhàn hạ" của bạn trong giai đoạn đó.

- Vị trí trên lá số: **II Song Tử**, thuộc [cung Nhà 1 \(CHỦ MỆNH\)](#)

### viii) Điểm Định Mệnh (Point of Fate)

Đây chính là trung điểm (midpoint) của đoạn đường do Mặt Trăng tạo ra khi di chuyển từ vị trí [sao La Hầu](#) ("Long Thủ", xem giải thích ở [mục 8.0.3](#)) trên lá số. Mặt Trăng tượng trưng cho "nguồn gốc" và "Quá khứ" trong khi La Hầu chính là "Tương lai" – những gì mà chúng ta cần phải học hỏi, khám phá và "trả nghiệp" trong lần sinh ra và hiện thân ở đời này.



Điểm Định Mệnh ngay chính giữa Mặt Trăng và La Hầu cho thấy chí hướng mà linh hồn chúng ta muốn vươn đến và thực hiện trong "Hiện tại" - là quãng đường kết nối trung gian giữa "Quá khứ" và "Tương lai". Đây là nhiệm vụ "đã định" hay mục đích cuối cùng của chúng ta, và chỉ khi nào mục đích này được thực hiện bằng một cách, qua một hoạt động hay dưới hình thức nào đó thì chúng ta mới mãn nguyện, yên lòng để vui sống cho đến tuổi già hay trước lúc nhắm mắt xuôi tay.

Chủ đề hay ý nghĩa của điểm Định Mệnh có thể liên quan, ảnh hưởng trực tiếp hay hé lộ phần nào về nghề nghiệp, nhưng không nhất định "phải là" nghề nghiệp của bạn.

- Vị trí trên lá số: **II Xử Nữ 2°48'56"**, thuộc [cung Nhà 4 \(GIA TRẠCH\)](#)
- Ý nghĩa:

\* Ở cung Nhà 4 (GIA TRẠCH), điểm Định mệnh cho thấy mong muốn của bạn trong đời này là trở thành "người cất giữ" (đồ đặc, của cải) hay "người chăm sóc, bảo vệ" người khác. Cuộc sống, công việc của bạn không nhất thiết "phải là" nhưng có thể liên quan mật thiết về con người hay hoàn cảnh đến nhà cửa, bất động sản, tài sản đầu tư / tích góp, đất đai (nông sản, nông nghiệp, trồng trọt, giếng khoan), người mẹ, gia đình họ hàng, xe cộ hay phương tiện di chuyển, quá khứ / lịch sử / thư viện hay kho dữ liệu (database). Là người có xu hướng bảo thủ và (có thể) là người rất yêu nước, bạn có sự gắn bó hoặc chịu ảnh hưởng rất lớn từ người mẹ, gia đình, quê

*hương, xứ sở hay địa phương nơi bạn sinh ra và có thể cảm thấy lạc lõng hoặc gặp khó khăn mỗi khi xuất ngoại hay di xa. Bạn thường xuất thân từ "gia đình có điều kiện", dòng dõi danh gia vọng tộc, có thể được hậu thuẫn hay giáo dục tốt từ lúc bé hoặc gặp thành công sớm, dễ dàng thăng quan hoạn lộ về sự nghiệp.*

\* Vị trí chủ tinh của điểm Định mệnh trong cung Nhà 12 (TẬT NAN) còn cho thấy thêm một khía cạnh khác, đó là bạn cũng quan tâm hay mong muốn trở thành "người chạy trốn", người đứng sau, người tìm kiếm một niềm tin, sự bình an, tự do, giải thoát, nhẹ nhõm, yên tĩnh trong tâm hồn. Trong khi có thể có quan hệ rộng với cấp chính quyền hay tổ chức / tập đoàn lớn, bạn thích những gì nhẹ nhàng, có xu hướng "tránh né" những gì làm bạn cảm thấy "nặng nề" hay "ràng buộc", "tránh nhiệm". Để thực hiện được mục tiêu đó qua công việc và đời sống của mình, sau này bạn có thể là một nhà nghiên cứu tự giam giữ mình trong thư viện hay phòng thí nghiệm, một người thích du lịch đi chơi đó đây hoặc thường xuyên xuất ngoại, đi đến hoặc sống ẩn dật ở những nơi xa xôi héo lánh nào đó, định cư hẳn ở nước ngoài. Nghề nghiệp của bạn có thể liên quan đến việc sửa chữa hay chữa bệnh, hoặc bạn cũng tích cực tham gia những hoạt động môi trường (phục hồi, tái tạo, bảo vệ), tâm linh, tôn giáo, hành hương hay nhân đạo và từ thiện. Bạn cần dành thời gian để nghỉ ngơi, ngủ nhiều và điều bạn cần tránh xa trong đời đó là những hành vi tự hại bản thân như nghiện ngập, làm cái gì đó lén lút hay vi phạm pháp luật. Đối với bạn, những lần thường xuyên sụp bẫy do chủ quan, lơ đãng hay quyết định sai lầm sẽ làm bạn khổn đốn và phải trả giá đắt, nhưng cũng là khúc quanh ngoạn mục khi bạn biết sửa sai và tự đứng dậy.

Xem tiếp phần vận hạn trọn đời liên quan đến điểm Định Mệnh ở [mục 8.3.4](#).

### **ix) Điểm Mộc Tâm linh (Point of Spirits)**

Đây là điểm đặc biệt tương tự như điểm Mộc Sinh mệnh (Ascendant) nhưng thường di chuyển với tốc độ chậm hơn một tí trên bầu trời tính từ thời điểm Mặt Trời mọc ở hướng Đông. Do đó, điểm này thường quanh quẩn ở cung Nhà 1 hoặc cung Nhà 12 (trong hệ thống cung Nhà kiểu "Trọn Cung" Whole Signs). Điểm này là "chiếc cầu nối" giữa bạn trong thế giới này với thế giới siêu hình của "tâm linh" (spiritual world / etheric realms). Điểm này cũng chính là "tâm địa" của bạn, nơi "hào quang" (aura) của bạn toát ra mà những người tu thiền và những nhà nghiên cứu về nhân điện có thể nhìn thấy được. Đây còn là một "cánh cổng" nơi "thánh thần" hay "ác quỷ" tác động vô hình trên [linh hồn](#) của bạn. Những người có khả năng "siêu nhân", "nhập hồn" hoặc nhạy cảm với "người âm" hay "âm khí" thường có điểm này trong cung Nhà 12.

- Vị trí trên lá số: II **Song Tử 12°53'48"**, thuộc [cung Nhà 1 \(CHỦ MỆNH\)](#)

**Xem thêm ý nghĩa các điểm nhạy cảm (từ i -> ix) được giải thích ở đây: [cct.tips/OAHWj](http://cct.tips/OAHWj)**

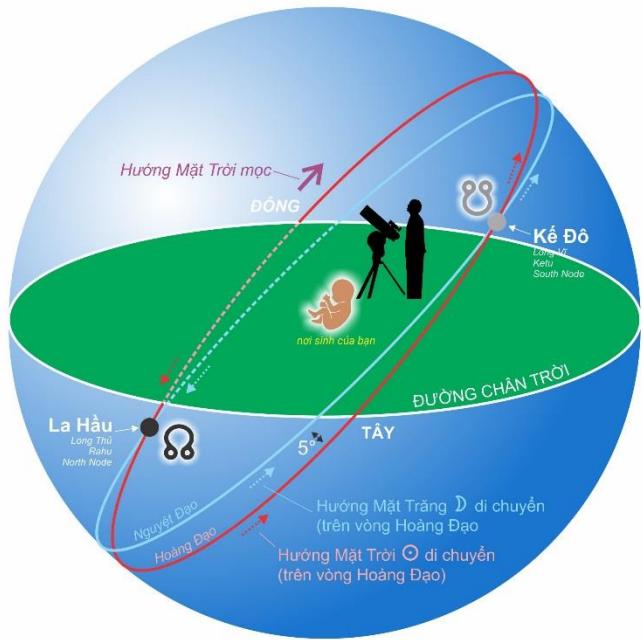
## 8.0.3 VÒNG NHỊ THẬP BÁT TÚ (NTBT)

Lâu nay, nhiều tài liệu Việt Nam và Trung Quốc thường hay đề cập đến những thông tin và mấy bài thơ về vòng "Nhị Thập Bát Tú" trong việc xem "[phong thủy](#)" hay "ngày lành tháng tốt". Khi đọc kỹ, đa số chỉ là những thông tin "copy & paste" (cắt và dán), "đọc thế, biết thế" nhưng không giải thích bất kỳ điều gì một cách khoa học liên quan đến xuất xứ, và quan trọng hơn là **ứng dụng** của nó với lá số chiêm tinh hay "ngày sinh tháng đẻ" của con người chúng ta. Ở phần này, tôi sẽ tóm tắt một cách ngắn gọn nhất những thông tin cần biết về vòng "Nhị Thập Bát Tú" trước khi bước vào kết quả tính toán thông tin này cho lá số bạn Dương.

### ▪ Nguồn gốc:

Ngay từ lúc thụ thai và lớn lên trong bụng mẹ, con người đã chịu ảnh hưởng của tất cả mọi hành tinh và thiên thể trong Hệ Mặt Trời. Trong đó, hai động lực mạnh mẽ, nổi bật và "hiển nhiên" nhất đó chính là Mặt Trời và Mặt Trăng. Mặt Trời là sự sống hay linh hồn của bạn (soul). Mặt Trăng là tâm trí (mind), trong khi điểm Mộc (điểm giao nhau giữa trời và đất phía hướng Đông) tạo ra hình hài và cơ thể vật lý của bạn (body).

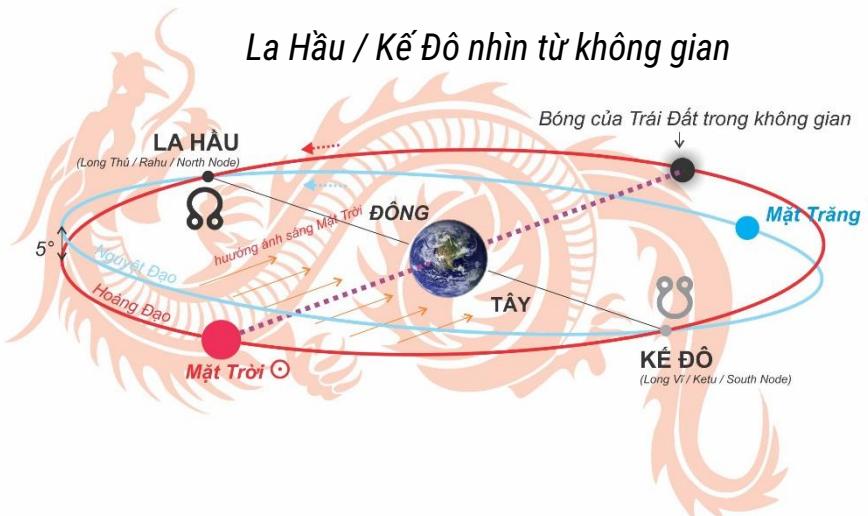
### La Hầu / Kế Đô nhìn từ mặt đất



Moon's North Node hay "đầu rồng") và sao Kế Đô (Long Vĩ / Ketu / Moon's South Node hay "đuôi rồng"). Đây là 2 hành tinh "ảo" được nhắc đến và sử dụng ở một số chương mục trong báo cáo như [mục 8.0.2viii](#), [mục 8.3.2](#) và [mục 8.3.4](#).

Khi quan sát từ Trái Đất, chúng ta thấy Mặt Trời di chuyển trên một đường vô hình xuyên qua các chòm sao – đây là vòng “Hoàng Đạo” (đường Mặt Trời đi) trong khi Mặt Trăng di chuyển trên một vòng tròn khác gọi là vòng “Nguyệt Đạo” (đường Mặt Trăng đi).

Vòng Nguyệt Đạo có độ nghiêng khoảng 5° với vòng Hoàng Đạo, và như trong bài “Chiêm Tinh Học 101” đã có nói đến (xem: [cct.tips/101](#) hoặc minh họa bên trái và phía dưới), điểm giao nhau của chúng chính là sao La Hầu (còn gọi là Long Thủ / Rahu /



Khác với vòng tròn Hoàng Đạo với 12 biểu tượng (zodiac) như chúng ta đã biết, vòng Nguyệt Đạo (đường đi của Mặt Trăng) được chia ra nhỏ hơn: gồm 28 khu vực với 28 biểu tượng khác nhau mà người xưa gọi là vòng "Nhị Thập Bát Tú". Tiếng Hán Việt = "Nhị" (2) x "Thập" (10) + "Bát" (8) + "Tú" (chòm sao).



Việc "quy hoạch" và định nghĩa cho vòng Nhị Thập Bát Tú đã hiện diện từ rất lâu đời, được các nhà khảo cổ vẫn đang tìm hiểu khám phá. Ở thời điểm hiện tại, họ cho rằng nó có thể đã có từ trước khi "cái nôi của Chiêm Tinh Học" - khu vực Lưỡng Hà / người Ai Cập (Egypt) và Babylon (Sumerian) biết đến chúng (3.500 B.C. hoặc lâu hơn nữa). Mỗi dân tộc gọi vòng này bằng một cái tên có ý nghĩa tương tự nhau:

- Hindu / Vệ đà (Vedas): Nakshatras (tiếng Phạn: नक्षत्र)
- Ả-rập: Manzil / Manazil al-Qamar (منازل القمر)
- Anh / phương Tây: Lunar Mansions
- Việt Nam / Trung Quốc: Nhị Thập Bát Tú (二十八宿)

Như trong bài viết "Lịch Sử Chiêm Tinh Học - phần 1" ([cct.tips/ch510001](http://cct.tips/ch510001)) đã có giải thích: so với các dân tộc tiến bộ khác trên thế giới thì người Trung Hoa phát minh "chữ viết" rất muộn (khoảng 1.200 B.C.) nên tuyệt đối người Trung Hoa không thể nào "phát minh" ra hệ thống "Nhị Thập Bát Tú" này mà họ chỉ sao chép "tam sao thất bồn" từ chiêm tinh học của người Hy Lạp / Babylon. Và điều đáng buồn đó là "dị bản" của NTBT ấy cũng chính là thứ kiến thức hồn đột mà người Việt Nam chúng ta ngày nay lại đi "cop" của người Trung Quốc từ thời họ đô hộ nước ta ngày xưa. Thông tin không chính xác sẽ dẫn đến việc nghiệm lý và áp dụng không chính xác, khiến cho nhiều người nghiên cứu đi theo "lối mòn" này đã và sẽ "bỏ cuộc", và nếu không có một sự "điều chỉnh" nhận thức đúng đắn thì kiến thức về chúng chắc chắn sẽ ngày càng phai nhạt hoặc trở thành một thứ "mê tín", "mù quáng" hay "máy móc".

## ▪ **Tác động:**

Mặt Trời và Mặt Trăng là 2 thiên thể chi phối hầu hết các hoạt động của sự sống trên Trái Đất, trong đó có "nước" và mọi sinh linh được cấu tạo và tùy thuộc vào "nước". Mặt Trời (được xem như biểu tượng của "cha") là một "chàng khổng lồ" nhưng lại "ở xa", trong khi Mặt Trăng (biểu tượng của "mẹ") là "người láng giềng tí hon" nhưng được "ở gần". Về kích thước, Mặt Trăng nhỏ hơn Mặt Trời khoảng 400 lần, nhưng Mặt Trăng cũng gần Trái Đất hơn khoảng 400 lần so với Mặt Trời. Tỷ lệ tự nhiên này hoàn hảo đến nỗi mỗi khi Nhật Thực xảy ra (Mặt Trăng che Mặt Trời) thì chúng ta thấy kích thước của 2 thiên thể này gần như "vừa vặn khít với nhau" !

Tùy theo giờ sinh của mỗi người, vị trí Mặt Trăng ở cung / khu vực nào trong 28 cung / khu vực "NTBT" thì người đó sẽ chịu ảnh hưởng của dấu hiệu hay "sao" đó mạnh nhất. Bắt đầu từ điểm Xuân Phân là 0°, mỗi khu vực trong vòng tròn NTBT chiếm một cung rộng 13°20' có thứ tự như sau:



**Bảng 8.0.3-A: Nhị Thập Bát Tú**

Tên cung / chòm sao	Vị trí	Cảm tinh	Các sao cố định (liên hệ xa xưa khi <u>tuế sai</u> = 0°)
1) <b>Lâu Kim Cẩu</b> (娄金狗)	từ Dương Cưu 0°00' đến < Dương Cưu 13°20'	Chó	β và γ Arietis
2) <b>Vị Thổ Trệ</b> (胃土雉)	từ Dương Cưu 13°20' đến < Dương Cưu 26°40'	Trĩ	35, 39, và 41 Arietis
3) <b>Mão Nhật Kê</b> (昴日鸡)	từ Dương Cưu 26°40' đến < Kim Ngưu 10°00'	Gà	Pleiades
4) <b>Tất Nguyệt Ô</b> (毕月鸟)	từ Kim Ngưu 10°00' đến < Kim Ngưu 23°20'	Quạ	Aldebaran (α Tauri)
5) <b>Chùy Hỏa Hầu</b> (觜火猴)	từ Kim Ngưu 23°20' đến < Song Tử 6°40'	Khi	λ, φ Orionis
6) <b>Sâm Thủy Viên</b> (參水猿)	từ Song Tử 6°40' đến < Song Tử 20°00'	Vượn	Betelgeuse (α Orionis)
7) <b>Tinh Mộc Ngạn</b> (井木犴)	từ Song Tử 20°00' đến < Cự Giải 3°20'	Bò	Castor và Pollux (α, β Geminorum)
8) <b>Quỷ Kim Dương</b> (鬼金羊)	từ Cự Giải 3°20' đến < Cự Giải 16°40'	Dê	γ, δ và θ Cancri
9) <b>Liêu Thổ Chương</b> (柳土獐)	từ Cự Giải 16°40' đến < Sư Tử 0°00'	Cheo	δ, ε, η, ρ, và σ Hydræ
10) <b>Tinh Nhật Mã</b> (星日马)	từ Sư Tử 0°00' đến < Sư Tử 13°20'	Ngựa	Regulus
11) <b>Trương Nguyệt Lộc</b> (张月鹿)	từ Sư Tử 13°20' đến < Sư Tử 26°40'	Hươu	δ và θ Leonis
12) <b>Dực Hỏa Xà</b> (翼火蛇)	từ Sư Tử 26°40' đến < Xử Nữ 10°00'	Rắn	Denebola (β Leo)
13) <b>Chấn Thủy Dân</b> (轸水蚓)	từ Xử Nữ 10°00' đến < Xử Nữ 23°20'	Giun	α, β, γ, δ và ε Corvi
14) <b>Giác Mộc Giao</b> (角木蛟)	từ Xử Nữ 23°20' đến < Thiên Xứng 6°40'	Cá sấu	Spica (α Virginis)
15) <b>Cang Kim Long</b> (亢金龙)	từ Thiên Xứng 6°40' đến < Thiên Xứng 20°00'	Rồng	Arcturus (α Boötis)
16) <b>Đê Thổ Hạc</b> (氐土貉)	từ Thiên Xứng 20°00' đến < Bọ Cạp 3°20'	Nhim	α, β, γ và ι Librae
17) <b>Phòng Nhật Thổ</b> (房日兔)	từ Bọ Cạp 3°20' đến < Bọ Cạp 16°40'	Thỏ	β, δ và π Scorpionis

<b>18) Tâm Nguyệt Hò (心月狐)</b>	từ Bọ Cạp 16°40' đến < Nhân Mã 0°00'	Cáo	α, σ, và τ Scorpionis
<b>19) Vĩ Hỏa Hổ (尾火虎)</b>	từ Nhân Mã 0°00' đến < Nhân Mã 13°20'	Hổ	ε, ζ, η, θ, ι, κ, λ, μ và ν Scorpionis
<b>20) Cơ Thủy Báo (箕水豹)</b>	từ Nhân Mã 13°20' đến < Nhân Mã 26°40'	Báo	δ và ε Sagittarii
<b>21) Đầu Mộc Giải (斗木獬)</b>	từ Nhân Mã 26°40' đến < Ngư Dương 10°00'	Giải	ζ và σ Sagittarii
<b>22) Nữ Thổ Bύc (女士蝠)</b>	từ Ngư Dương 10°00' đến < Ngư Dương 23°20'	Dơi	α, β và γ Aquilae
<b>23) Hư Nhật Thủ (虚日鼠)</b>	từ Ngư Dương 23°20' đến < Bảo Bình 6°40'	Chuột	α đến δ Delphini
<b>24) Nguy Nguyệt Yến (危月燕)</b>	từ Bảo Bình 6°40' đến < Bảo Bình 20°00'	Én	γ Aquarii
<b>25) Thất Hỏa Trư (室火猪)</b>	từ Bảo Bình 20°00' đến < Song Ngư 3°20'	Lợn	α và β Pegasi
<b>26) Bích Thủy Dư (壁水獮)</b>	từ Song Ngư 3°20' đến < Song Ngư 16°40'	Cừu	γ Pegasi và α Andromedae
<b>27) Khuê Mộc Lang (奎木狼)</b>	từ Song Ngư 16°40' đến < Dương Cưu 0°00'	Sói	ζ Piscium

Lưu ý ở [bảng 8.0.3-A](#) liệt kê chỉ có 27 chòm sao ("Nhị Thập Thất") thay vì 28 theo đúng như tên gọi "Nhị Thập Bát". Chòm sao "bị thiếu" đó chính là chòm thứ 28) **Ngưu Kim Ngưu** (牛金牛) vốn nguyên thủy nằm giữa chòm 21) Đầu Mộc Giải và chòm 22) Nữ Thổ Bύc. Trong hệ thống "28 sao" của người Trung Hoa, chòm sao thứ 28 "Ngưu" vẫn được nhắc đến và sử dụng, nhưng về kỹ thuật khi thực hiện các tính toán chiêm tinh trong lá số thì chòm sao này không được tính vào vòng Nhị Thập "Thất" Tú (27 sao) nói trên. Lý do bởi vì trong thực tế, sao Ngưu chính là sao Vega (trong chòm sao Thiên Cầm – Cygnus constellation) nằm lệch ra xa khỏi vòng tròn Nguyệt Đạo so với 27 chòm sao còn lại. Ngoài ra, chu kỳ Mặt Trăng quanh Trái Đất chỉ có 27.3 ngày thay vì 28 nên việc chọn 27 cung sao cho vòng NTBT sẽ hợp lý hơn là 28.

Xem thêm về lịch sử NTBT: [cct.tips/ch510001](http://cct.tips/ch510001)

Ví dụ, một người sinh ra ngày 18/4/2017 lúc 16h40' tại Sài Gòn: trên vòng Hoàng Đạo theo vị trí Mặt Trời, người đó thuộc "tuổi Dương Cưu" (Aries) và Mặt Trăng thuộc dấu hiệu Ngư Dương (tại 17°15' Capricorn). Nhưng trên vòng Nguyệt Đạo và NTBT, Mặt Trăng đang ở chòm sao / dấu hiệu "Nữ Thổ Bύc". Trong đó:

- "Nữ" là chòm sao tên "Nữ" gồm 3 ngôi sao α, β và γ Aquilae trong chòm sao Bảo Bình - Aquarius.
- "Thổ" thuộc hành "Thổ" hay chòm sao này do Thổ Tinh (Saturn) cai quản theo hệ thống "ngũ hành" (5-hành tinh) của người Trung Hoa. Đây là điểm *khác biệt* với tính toán trong báo cáo ĐHNN tương đồng với hệ thống 9-hành tinh của chiêm tinh học Hy Lạp / Babylon / Hindu / Vệ Đà khi sao "Nữ" được Nguyệt Tinh (Mặt Trăng) cai quản.
- Cuối cùng, chữ "Bύc" tiếng Hán nghĩa là "con Dơi" và hình ảnh "con Dơi" này được gọi là "linh vật" hay "cầm tinh" của người đó. Hình hưởng của "cầm tinh" trên vòng NTBT thể hiện rõ ràng nhất là qua ngoại hình, tính cách của người chủ lá số, có nét tương tự với đời sống tập tính của con vật làm "cầm tinh".

Mỗi ngày, Mặt Trăng di chuyển khoảng 1 cung sao trên vòng NTBT. Mỗi cung sao chiếm 13°20', trong 27 ngày = 27 cung x 13°20' = trọn 01 vòng tròn 360°. Cũng giống như chủ tinh của mỗi cung Nhà trên lá số, mỗi cung sao của vòng NTBT cũng có một chủ tinh, nhưng tôi gọi là

"chủ cung" để phân biệt với từ "chủ tinh" dành do 12 cung Nhà trên lá số. Tiếp theo, mỗi cung trên vòng NTBT còn được chia nhỏ thành 4 cung nhỏ hơn (tiểu cung), và mỗi tiểu cung này được cai quản bởi một hành tinh ("chủ tiểu cung" = chủ tinh của tiểu cung). Như vậy, 27 cung x 4 tiểu cung = 108 tiểu cung mà Mặt Trăng đi qua trong suốt một tháng.

Con số 108 tiểu cung của Mặt Trăng cũng chính là con số 108 linh thiêng sử dụng trong một số tôn giáo chính thống trên thế giới có nguồn gốc từ khu vực Nam Á như Kỳ-na Giáo (Jainism), Hindu (Ấn Độ Giáo) và đạo Phật (108 bậc thang đi lên Niết bàn, 108 phiền não, 108 câu tụng niệm, 108 hóa thân của Phật Quán Thế Âm Bồ Tát ...).

\* Lưu ý: theo âm dương lịch Việt Nam và các hệ thống chiêm tinh khác, vòng Nhị Thập Bát Tú bám sát các sao cố định (fixed stars) giống như vị trí thiêng của chúng vào khoảng 10.500 năm Trước Công Nguyên và thay đổi theo thời gian vì hiện tượng tuế sai (precession). Trong báo cáo Định Hướng Nghề Nghiệp, vòng NTBT được tính toán dựa trên vị trí tương quan và cố định *bất biến* vĩnh cửu giữa Mặt Trăng và Mặt Trời (tropical zodiac).

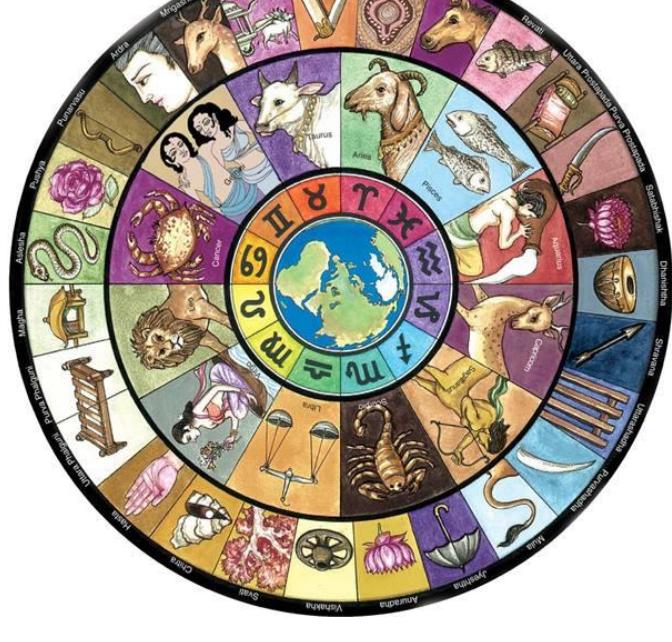
Xem thêm: một số phiên bản mẫu khác nhau của vòng Nhị Thập Bát Tú trên thế giới:

[1] Hình vẽ NTBT của một trong 40 báu vật từ bộ thư sách cổ "Zubdat al-Tawarikh" viết ra năm 1583 dành cho vua Sultan Murad III - vương quốc Ottoman (nay được lưu trữ trong bảo tàng Nghệ thuật Hồi giáo và Thổ Nhĩ Kỳ ở thủ đô Istanbul). Từ trung tâm: 7 hành tinh cổ đại gồm Mặt Trăng (hình chiếc gương), Thủy Tinh (cây bút), Kim Tinh (bộ đàn gõ), Mặt Trời (hào quang), Hỏa Tinh (người lính), Mộc Tinh (người chức cao vọng trọng), Thổ Tinh (vị tu sĩ). Kế tiếp là vòng Hoàng Đạo theo thứ tự chiều kim đồng hồ, rồi đến vòng chu kỳ của Mặt Trăng trong một tháng theo thứ tự ngược chiều đồng hồ khớp với các cung NTBT (hệ Á Rập) ở vòng ngoài cùng.

[2] Các biểu tượng NTBT theo hệ Ấn Độ (vòng ngoài) tương ứng với 12 dấu hiệu Hoàng Đạo liên quan (vòng trong) được vẽ lại bởi một họa sĩ ngày nay



[1]



[2]

[ 3 ] **DUỚI:** Một bức tranh làm bằng cát "Bánh xe Thời gian" (Wheel of Time - Kālacakra Tantra / Mandala / Mạn-đà-la) trong nghi lễ tu hành của phái Mật tông Phật Giáo Tây Tạng. Bức tranh này có lẽ của dòng Truyền thừa Hạnh Đức "Mũ Vàng" (Gelug) hoặc Lam Thổ (Sakya), do trên vành ngoài của bức tranh, chúng ta có thể thấy có tổng cộng 11 ký tự cho mỗi nhóm chữ Phạn với màu sắc khác nhau, khác với dòng Khẩu thừa (Karma Kagyu) sử dụng 14 ký tự (hiếm hơn). Về ý nghĩa, [11 ký tự] x [8 nhóm chữ Phạn] = 88 chư vị Bồ Tát đại diện bằng tên các ngày âm lịch xen kẽ bởi tên các chòm sao của vòng NBTB. Ví dụ, trong nhóm 11 ký tự ở hướng Đông Bắc – Đông của đồ hình này (thứ tự theo hướng mũi tên) ký tự màu:



- 1. (xanh lá): ngày âm lịch đầu tiên (mùng 1)
- 2. (đen): ngày âm lịch thứ 2 (mùng 2)
- 3. (đỏ): ngày âm lịch thứ 3 (mùng 3)
- 4. (trắng): ngày âm lịch thứ 4 (mùng 4)
- 5. (vàng): ngày âm lịch thứ 5 (mùng 5)
- 6. (xanh biển): sao Kê (Gà, [NBTB](#))
- 7. (xanh lá): sao Vị (Trĩ, [NBTB](#))
- 8. (trắng): sao Lâu (Chó, [NBTB](#))
- 9. (trắng): dấu hiệu Dương Cưu (Hoàng Đạo)
- 10. (xanh lá): sao La Hầu (Long Thủ)
- 11. (xanh lá): thần Brahmā (vị Đại Phạm thiên)



## Bảng 8.0.3-B: Phân tích Mặt Trăng theo chu kỳ ngày Trăng (cho lá số bạn Dương)

"Ngày Trăng", còn gọi là "tuổi Trăng" (Moon age) hay "pha Trăng" (Moon phases), là một cách xem chiêm tinh xa xưa từ vài ngàn năm trước khi con người sơ khai chưa có đồng hồ hay công cụ chính xác để theo dõi thời gian và thiên văn. Cách xem này dựa vào quan sát mức độ sáng, tối (tròn, khuyết) cũng như vị trí (góc chiếu) của Mặt Trăng so với Mặt Trời bắt đầu từ giờ Sóc – tức thời điểm *ngay sau khi* vừa trùng tu với Mặt Trời (hay giờ bắt đầu Trăng Non).

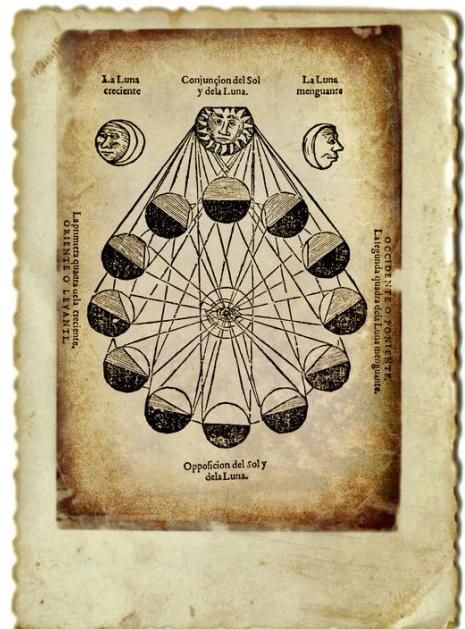
Đây cũng là một phương pháp dùng để xem tính cách, xu hướng cuộc đời cũng như định hướng nghề nghiệp nếu như bạn Dương không có giờ sinh hoặc giờ sinh không chính xác.



Phù điêu về 15 vị thần cai quản 15 ngày đầu tiên của chu kỳ Mặt Trăng (từ trái sang phải = Trăng Non đến Trăng Tròn) trong đền thờ nữ thần Hathor được xây dựng khoảng 2250 TCN bên bờ sông Nile ở thị trấn Dendera, Ai Cập

Lưu ý: khái niệm "ngày Trăng" ở đây có vẻ giống nhưng không phải là "ngày âm lịch" - nó dựa trên phép tính thiên văn **chính xác hơn** "ngày âm lịch" mà chúng ta thường thấy phổ biến trong lịch pháp Việt Nam và nhiều quốc gia châu Á.

Ví dụ như gần ngày sinh của bạn Dương, khoảng cách Mặt Trăng rời xa Mặt Trời và ngày Trăng thứ 1 bắt đầu được tính từ thời điểm Sóc (Trăng Non) trong ngày 21/03/2004 lúc 05:41 (không phải như ngày mùng 1 âm lịch tính từ lúc nửa đêm 0:00 ngày 21/03/2004). Nếu lấy giai đoạn từ điểm Sóc này đến điểm Sóc tiếp theo (tháng kế tiếp) là ngày 19/04/2004 lúc 20:21 và chia đều cho 30 (ngày) thì mỗi "ngày Trăng" có độ dài là 23 giờ 41 phút 20 giây (ngắn hơn độ dài 24h của một ngày thường). Nghĩa là sau Trăng Non ngày 21/03/2004 lúc 05:41 là bắt đầu "ngày Trăng" thứ 1 và hôm sau ngày 22/03/2004 lúc 05:22 mới bắt đầu ngày Trăng thứ 2 v.v...



## Bạn Dương sinh vào lúc **Trăng trương huyền khuyết dần** (**Trăng khuyết cuối tháng hay Wanning Gibbous**) trong giai đoạn từ 05/04/2004 (ngày Rằm) đến 19/04/2004 (ngày Sóc)

Kích thước Mặt Trăng đang giảm còn  
**67.13%**



*Người sinh vào giai đoạn sau Trăng Rằm đến Trăng Non tiếp theo (nửa tháng sau âm lịch) thường nghiên về hướng nội, sống kín đáo, lập dị, ẩn dật, đơn độc và bí quan hơn (so với người sinh vào đầu tháng). Họ nuôi dưỡng, giấu cảm xúc của mình vào bên trong và thường khó thể hiện những gì muốn nói, nên nếu một ngày nào đó tính khí họ trở nên kỳ cục bất thường thì người khác cũng khó có thể tiếp cận nói chuyện được với họ. Thường có những đam mê thầm kín, họ dễ nóng giận, hay bồn chồn, hiếu động và thất thường. Với tâm trạng luôn nghiên ngẫm, họ phải dần dần học cách nói ra, thể hiện và truyền đạt chính xác những gì mình suy nghĩ và cảm nhận.*

Khoảng cách Mặt Trăng rời xa Mặt Trời:

từ 240° đến 252° (ngày Trăng thứ 21)

Khung giờ sinh cho ngày Trăng thứ 21:

từ 04h28' ngày 10/4/2004 đến 01h58' ngày 11/4/2004

Chủ tinh cai quản ngày Trăng thứ 21:

**Kim Tinh (Thái Bạch)**

*Sinh vào ngày Trăng thứ 21 là hiện thân của một ngọn lửa. Ngày xưa, lửa được dùng để xua đuổi thú dữ, tà ma và là một vũ khí khi ra trận. Lửa cũng tượng trưng cho sức mạnh, lòng dũng cảm, tinh thần bất khuất và quyết tâm đạt được chiến thắng trong mọi hoàn cảnh. Vấn đề lớn nhất của người sinh vào ngày Trăng 21 như bạn Dương đó là Bản Ngã hay cái Tôi quá lớn. Ví dụ như bạn Dương có thể nghĩ rằng "bạn là số 1", không ai giỏi hơn bạn và những gì bạn có được ngày nay tất cả là do bạn tự làm ra! Vì thế bài học lớn nhất trong đời đó là bạn Dương cần phải học cách khiêm tốn, kiểm soát "con quỷ - cái Tôi" bên trong tâm tưởng mình, biết được sự hiện diện của một "bè trên" nào đó, hay ít ra nhận thức được rằng "núi cao hơn núi, người giỏi hơn người". Ở mặt khác, người sinh vào ngày Trăng này thường sáng suốt và có tài lãnh đạo, sẵn sàng đấu tranh vì lẽ phải và giữ lời hứa. Họ năng động, nhiệt huyết, ngoại giao rộng và dễ nổi tiếng. Dù là người bạn sốt sắng bệnh vực kẽ yếu, nhưng họ cũng không thích bị người khác nắm quyền ra lệnh, điều khiển hay chi phối. Ở mặt xấu, họ hung dữ, lấn át, dễ bị thương tích, thỉnh thoảng hay làm những chuyện ngu xuẩn chỉ vì không chịu lắng nghe người khác tư vấn. Cũng vì thế mà họ rốt cuộc chỉ lắng nghe chính mình và tự rút kinh nghiệm sau mỗi lần vấp ngã. Họ cũng thích người khác phái nhưng lại vụng về khi tiến đến bước quan hệ và chuyện yêu đương.*

Giờ sinh bạn Dương rơi vào nửa đầu (từ 240° đến 246°) của ngày Trăng thứ 21 (từ 04h28' ngày 10/4/2004 đến 15h11' ngày 10/4/2004).Thêm những khía cạnh, tính cách và thiên hướng công việc của người sinh vào khung thời gian này:

*Đây là một vị trí tốt cho Mặt Trăng, biểu tượng cho tính cách mong muốn, đòi hỏi, theo nghĩa bóng là "khả năng vượt trội và tiêu hủy nọc độc bằng thuốc giải", mang năng lượng của Mộc Tinh. Những người sinh vào thời gian này rất đúng giờ, thích có một cuộc sống nguyên tắc và có vẻ như "định mệnh" thường dành những gì thuận lợi hay tốt nhất cho họ. Họ sáng suốt, kiên nhẫn, phóng khoáng và thường có ngoại hình cân đối. Họ cũng là kiểu người tin vào nỗ lực bản thân hơn là "số mệnh". Một khi đã quyết tâm làm chuyện gì thì họ sẽ cố gắng đạt được mục tiêu. Họ thường được biết đến như một chuyên gia về ngôn từ, pháp lý, sổ sách, giấy tờ hay kinh kệ,*

thường cho người khác những lời khuyên "chí lí". Nếu Mộc Tinh suy yếu, họ sẽ nghiên về đời sống vật chất hơn là tinh thần, có xu hướng bảo thủ và bi quan hơn. Dù thể lực hay sức khỏe không được tốt, họ sẽ bù lại điều đó qua sự cần cù, siêng năng. Họ nói nhiều, có trí tưởng tượng phong phú, rất thích hợp với những công việc về chăm sóc thú cưng, chăn nuôi gia súc, nông nghiệp, quản lý nhân sự, tư vấn / tham mưu chiến lược, chăm sóc khách hàng, xây dựng (nhà cửa, công trình). Ngoài ra còn có những công việc, ngành nghề khác cũng đặc biệt phù hợp với họ như: giảng dạy / giáo dục, truyền giáo, tư vấn / hướng dẫn tâm linh / triết lý hay chính sách, luật (tòa án, luật sư), môi giới chứng khoán, hoạt động thiện nguyện / phi chính phủ, nhà văn, xuất bản và những vị trí công việc uy tín thường được xã hội kính trọng như hiệu trưởng (cao đẳng, đại học), lãnh đạo ủy ban điều tra, chủ tịch hội đồng, bộ trưởng v.v...

Thiên thực (eclipse):	Ngày bạn Dương sinh ra sắp sửa có sự kiện Nhật Thực một phần ở Bảo Bình trong vòng 9.5 ngày (19/04/2004).
-----------------------	---

### Bảng 8.0.3-C: Phân tích Mặt Trăng theo vị trí trên vòng Nhị Thập Bát Tú

Vị trí Mặt Trăng trên vòng Hoàng Đạo:	<b>Nhân Mã 23°13'46"</b>	
Vị trí Mặt Trăng trên vòng Nguyệt Đạo:	<b>Cơ Thủy Báo (箕水豹)</b>	
Khu vực Hoàng Đạo của cung sao Cơ:	<b>Từ Nhân Mã 13°20' đến Nhân Mã 26°40'</b>	
Khung thời gian giờ sinh:	Từ 16h50' ngày 9/4/2004 đến 14h58' ngày 10/4/2004	
Chủ tinh cai quản cung sao Cơ:	<b>Hệ Chiêm Tinh:</b>	<b>Hệ Trung Hoa:</b>
	<b>Kim Tinh</b>	<b>Thủy Tinh</b>

*Hệ Chiêm Tinh (27 chòm sao NTBT) sử dụng 9 hành tinh vòng trong (cứu diệu) làm chủ tinh trong khi hệ Trung Hoa (28 chòm sao) dùng 7 hành tinh (không có 2 hành tinh áo La Hầu và Kế Đô), nên đa phần chủ tinh cung sao NTBT của 2 hệ này khác nhau, đôi khi giống nhau. Ở trên đây, chủ tinh sao Cơ của 2 hệ này khác nhau.*



Thú vật / Cầm tinh:	<b>Báo (tên khoa học <i>Pardofelis sp.</i>)</b>
---------------------	---

Tính cách người cầm tinh **Báo**:

*Cầm tinh loài Báo là người có cốt cách kiêu hãnh, sang trọng, mắt sáng tròn ấn tượng, thường đi kèm với hai gò má nhô cao, lông râu trên mặt thường mọc rậm hoặc có râu quai nón, đường nét khuôn mặt mạnh mẽ, tinh tường, ít nói, đôi khi có gì đó bí ẩn, lập dị hoặc thậm chí hài hước, nhưng thản thái nghiêm nghị, quyền uy của họ dù có cười đùa đi chăng nữa cũng khiến cho người đối diện thường không dám "giởn mặt". Là người tổ chức, quản lý giỏi, có phần nghiên về*

"nữ tính", ham thích tâm linh huyền bí. Dù có một tiếng tăm nhất định, quyền lực họ thường ở "cấp thứ", khó lên "cấp trưởng". Họ có tính tự mãn, đôi khi thái quá đến ngớ ngẩn vì không nhìn lại mình, do đó họ đâm ra chủ quan, thích nói hơn lắng nghe và thường có những quyết định hời hợt cho đến cực đoan không cân nhắc phải trái. Ở mặt khác, họ là người có tinh thần độc lập, kiên cường, bất khuất (tự ái cao), có khả năng tay trắng làm nên và tự khởi phát, tự hành động theo ý muốn sở thích mà không cần ai chỉ dạy. Là một người bạn trung thành, tận tâm, họ cũng có xu hướng chung thủy và thường gặp may mắn trong hôn nhân với người phổi ngẫu tâm đầu ý hợp, "thân nhau như bạn bè".

Tiểu cung và chủ tinh của tiểu cung:	Số 3 (Kim Tinh)
Khung giờ sinh có tiểu cung này:	Từ 3h53' ngày 10/4/2004 đến 9h25' ngày 10/4/2004

Tính cách riêng (bổ sung thêm ý nghĩa ở trên) của người có tiểu cung này:

Ăn nói hùng hồn, thuyết phục. Thường có tật bệnh ở tay chân, vẫn đề về mắt. Gia đình thiếu hòa khí. Thường ra tay tàn nhẫn khi giận dữ. Có số làm chủ điền sản, đất đai hoặc / và gia súc. Số người cha không được tốt.

Cây cỏ may mắn (biểu tượng tiền kiếp) của người sao Cơ:

Tên tiếng Việt (với các tên gọi khác):	Vô ưu, Vàng anh lá nhỏ
Tên tiếng Anh:	Ashoka tree, Sorrowless tree
Tên khoa học:	<i>Saraca asoca</i>

Quan hệ con người, tính cách, hành vi, công việc và môi trường, xã hội ...  
liên quan đến sao Cơ và ảnh hưởng (tốt / xấu) đến số mệnh bạn Dương:

Người dễ mềm lòng, "mong manh dễ vỡ". Người thật lòng, trong sáng. Người dẫn đường, tài xế, lái tàu, phi công. Ngư dân, người làm về thủy sản, hàng hải. Người xây dựng, làm cầu đường, hoặc sinh sống gần nước như sông hồ, ao biển. Thực vật, bông trái, rau củ quả sống trong nước, trồng dưới nước hay trồng thủy canh.

Ngoài những thông tin cơ bản về tính cách ở trên, vòng Nhị Thập Bát Tú còn được sử dụng để xem các vấn đề liên quan đến:

- **Mục đích sống** của bạn trong cuộc đời này ở [mục 8.0.4](#), và
- **Vận hạn cho sự nghiệp** ở [mục 8.3.2](#)

## 8.0.4 BỐN MỤC ĐÍCH CƠ BẢN CỦA ĐỜI NGƯỜI

Đầu tiên và cơ bản nhất, phần này sẽ khám phá về “mục đích cuộc sống” (life pursuits) của bạn Dương qua vị trí Mặt Trăng trên vòng Nhị Thập Bát Tú.

**Có tổng cộng 4 nhóm mục đích.** Trong ngày bạn sinh ra, **Mặt Trăng đang ở vị trí nào trên vòng NTBT** thì điều đó sẽ cho thấy bạn được sinh ra để làm gì ở một trong 4 mục tiêu của cuộc đời này. Từ đó, hãy cứ việc phát huy đúng theo mục tiêu đó thì bạn sẽ thành công ! Để hiểu “4 mục đích cơ bản cuộc sống” ấy là gì, chúng ta cần đi ngược lại một tí về lý thuyết và dòng lịch sử mà tôi sẽ cố gắng tóm gọn ở đây. Cuối mục này sẽ là kết quả của ban.

Năm 1943, nhà tâm lý học Abraham Maslow xuất bản trên tờ tạp chí chuyên ngành tâm lý “Psychological Review” một công trình có tựa đề “A Theory of Human Motivation” (Lý thuyết về động cơ của con người). Căn bản trong lý thuyết Maslow đúc kết từ quá trình nghiên cứu về hành vi của con người là một biểu đồ hình tháp có tên gọi là “Tháp Nhu Cầu Maslow” (“The Need’s Hierarchy of Maslow”).



Abraham Maslow  
(1908-1970)

Nội dung căn bản của Tháp Nhu Cầu Maslow là chia các nhu cầu của con người thành 5 tầng giống như một kim tự tháp. Các tầng này theo trật tự từ dưới đi lên gồm có:



- “Tự lực” (physiological)** – gồm các nhu cầu bản năng, vật chất, sinh vật lý mà mỗi người phải “tự lực” cân bằng điều độ như: hít thở, ăn, uống, ngủ, nghỉ, suy nghĩ, bài tiết, tình dục, đi bộ, cử động, sưởi ấm ...
- “Tự túc” (safety)** – gồm các nhu cầu tự vệ và an toàn cho thân thể, sức khoẻ, việc làm, tài sản, nhà cửa, sự ổn định về tài chính, nguồn thực phẩm, an sinh xã hội, y tế, chăm sóc gia đình, con cái ...
- “Tự tâm” (social / love)** – gồm các nhu cầu thương yêu và được thương yêu, bao gồm tình yêu / xã giao / trao đổi tình cảm, yêu thích, gần gũi và trực thuộc gia đình, người yêu, bạn bè, nhóm hội, thân hữu, câu lạc bộ, phe đảng, đối tác ... lòng nhân ái, sự chia sẻ, tâm sự, trải lòng với những người xung quanh

- “Tự trọng” (esteem)** – gồm các nhu cầu được người khác chú ý, tôn trọng, kính mến, tin tưởng, giao phó, tự tin thể hiện tầm ảnh hưởng / uy danh / quyền lực / sức mạnh ...
- “Tự tôn” (self – actualization)** – gồm nhu cầu được *tự do thoái mái* thể hiện bản thân: muốn thành đạt, muốn sáng tạo, muốn triển khai khả năng, trình diễn tài năng, thể hiện bản thân, có và được công nhận là thành đạt...

Theo Maslow, những nhu cầu ở tầng thấp thông thường cần phải được đáp ứng trước khi chúng ta nghĩ đến các nhu cầu và đòi hỏi thỏa mãn ở tầng cao hơn. Ví dụ, tầng 1 thấp nhất là những nhu cầu cơ bản không thể thiếu hụt cần thiết cho sự tồn tại của chúng ta và đó cũng sẽ là động lực chi phối hành vi của chúng ta. Khi tầng này được đáp ứng đầy đủ thì mục tiêu tiếp theo của chúng ta sẽ là tầng 2 cao hơn kế tiếp ...

Dù biểu đồ Maslow thường được trình bày với khu vực "tự lực" nằm ở tầng dưới cùng và nhu cầu "tự tôn" nằm trên đỉnh cao nhất theo hình kim tự tháp nhằm gợi ý mức độ quan trọng của mỗi tầng, nhưng bản thân ông Maslow cũng *không bao giờ* chủ động so sánh hay trực tiếp nói rằng lý thuyết của ông "chính là" mô hình kim tự tháp này. Mới thoát nhìn thì cơ cấu trong lý thuyết Maslow có vẻ "đúng", nhưng trong thực tế, chẳng có bằng chứng nào cho thấy chúng ta ai rồi cũng sẽ bị thôi thúc bằng những động cơ theo giống y như thứ tự mà ông đề nghị. Dĩ nhiên, 5 nhu cầu trên của con người là có thật nhưng phần lớn loài người luôn bị thôi thúc bởi một loạt các nhu cầu khác nhau có nói đến trong tháp Maslow, và *không hẳn* là cái nào ưu tiên hơn cái nào.

Nghiên cứu của Maslow cũng không phải là ý tưởng mới mẻ, vì các khái niệm "phân loại" mà ông đề cập đến có thể được tìm thấy trong hầu hết các nền văn hóa và tôn giáo khác nhau có từ thời cổ đại. Trong văn hóa Vệ Đà (Vedas) / Ấn Độ Giáo (Hinduism) - một trong những nền văn minh lâu đời nhất nhân loại bắt đầu hình thành và phát triển từ khoảng 12.000 năm BCE (Trước Công Nguyên) đến 5.500 năm BCE, họ đã sớm xác định ra triết lý sống có tên gọi là "*Puruṣārtha*" (tiếng Phạn: पुरुषार्थ), ghép từ 2 chữ "Puru-" và "-artha". "Puru-" nghĩa là "con người" và "-artha" nghĩa là "mục đích", hay "Mục đích sống của con người". Trong đó gồm có 4 khái niệm chính ảnh hưởng đến mọi nguyên nhân "hỷ, nộ, ái, ố" trong đời người:

**1. Khoái Lạc "Kama"** (Passion, Desire, Love, Pleasure) - Đam mê, Nhục dục, Yêu đương, Lạc thú. Đây là mục đích sống của những người hướng đến những khoái lạc *trần tục* cơ bản nhất của *xác thịt* (flesh) mà người ta có thể tận hưởng khi đã có hoặc không trái ngược với mục tiêu Mưu Sinh Artha và Chuẩn Mực Dharma (xem bên dưới). Việc hưởng thụ những khoái lạc hay "nhục dục" trong cuộc đời không nhất thiết phải liên quan đến "tình dục", không hẳn là một giá trị "hạ đẳng" và cũng không có gì mâu thuẫn với một người lương thiện và thành đạt, miễn sao điều ấy không trái với đạo đức và thuần phong mỹ tục mà xã hội đương thời đang chấp nhận. Nó còn là nhu cầu *bản năng*, sự bộc phát "thích là nhích", phần "con" trong "con người", phần sinh thể lý (biophysical) trong các sinh hoạt và lao động hàng ngày hay những gì chúng ta khao khát và cố gắng thực hiện để làm thỏa mãn, "tê sướng" mọi ngũ (5) giác quan của chúng ta, ví dụ như được tắm mát, hóng gió, ăn ngon, mặc đẹp, ngủ êm, nghe nhạc, chiêm ngưỡng nghệ thuật, xem phim, vẽ tranh, chụp hình, đi du lịch, mua sắm, hít thở không khí trong lành hay ngắm cảnh thiên nhiên ...

**2. Mưu Sinh "Artha"** (Wealth, Property, Political order) – mục đích sống của những người này là vấn đề thu nhập, nhà cửa, tài sản, của cải, sự nghiệp "làm giàu" hay "lợi ích" của một cá nhân, và khi nói về chính phủ, môi trường sống hay quê hương thì đó là vấn đề an sinh, hạ tầng, trật tự xã hội, kinh tế, pháp luật và chính trị. Nó bao gồm tất cả những *phương tiện*, hoạt động và nguồn lực nhằm duy trì con người sống sót mỗi ngày. Học hỏi những kỹ năng hay giữ gìn sức khỏe, khám và chữa bệnh, chăm sóc gia đình, tạo ra "hậu duệ" nối dõi tông đường trong

việc “sinh con đẻ cái” cũng là những vấn đề của Mưu Sinh Artha. Nói cách khác, việc theo đuổi mục tiêu tìm kiếm sự giàu sang, thịnh vượng, xây dựng nền tảng của cải, gia tăng những gì đã có và *đầu tư* tích lũy vật chất được xem như là một mục tiêu quan trọng trong đời mỗi người vì nó đảm bảo khả năng sinh tồn lâu bền của người đó trong tự nhiên và xã hội. Ai cũng có “lòng tham”, nhưng khi người nhóm này không được kiểm soát nó thì động lực Mưu Sinh Artha trở thành “lòng tham không đáy”.

**3. Chuẩn Mực “Dharma”** (Righteousness, Duty, Faith) - Chính nghĩa, Bổn phận, Lòng tin vào Thượng Đế. Mục tiêu “Dharma” thường được dịch chung là “Pháp” và hay bị nghĩ lệch về đạo pháp của tôn giáo nhưng thật ra, Dharma có ý nghĩa “chung chung” hơn là tín đồ hay vô thần: đó là những người *tâm huyết* với lẽ sống ngay thẳng, lương thiện, gương mẫu, liêm chính, có trách nhiệm với chính mình và mọi người xung quanh. Người thuộc nhóm Dharma nghiên về cuộc sống hài hòa với tự nhiên và tương tác với xã hội; họ có tâm nhàn và mong muốn tạo ra và để lại những nền tảng nề nếp và di sản tích cực cho những thế hệ mai sau. Họ có thể đóng vai trò của một người tu sĩ mẫu mực, người thầy đáng kính, người quan chức thanh liêm, người cha bao bọc, người chồng gương mẫu, người vợ đoan trang, nết na, người mẹ dịu hiền hay một phụ nữ mạnh mẽ đấu tranh quyền lợi cho phái yếu. Giống như câu nói “có thực mới vực được đạo”, để đạt được đời sống Chuẩn Mực của Dharma, người ta cần phải có đầy đủ điều kiện vật chất Artha, không cần đến hoặc đã vượt qua giai đoạn “mưu sinh”, không phải lo lắng chuyện “cơm áo gạo tiền” hàng ngày và biết kìm chế đam mê nhục dục Kama của mình.

 Giải Thoát (moksha)	 Chuẩn Mực (dharma)
 Mưu Sinh (artha)	 Khoái Lạc (kama)

4 mục tiêu / cứu cánh  
của con người (Ấn Độ Giáo)  
(Puruṣārtha - Hinduism)

(12.000 BCE - 5.500 BCE)

**4. Giải Thoát “Moksha”** (Liberation/Salvation) - Sự Thoát ly, Giải phóng, Cứu rỗi. Người ta sau khi đã thực hiện đầy đủ bổn phận với bản thân, gia đình và xã hội về mặt kinh tế, đạo đức thì bước kế tiếp “đỉnh của đỉnh” đó là thực hiện việc theo đuổi những mục tiêu về tâm linh, trí tuệ. Đây có thể là nghiên cứu về tôn giáo, tu tập đạo pháp hay đơn giản chỉ là viết ra những tài liệu sách vở có ích cho xã hội từ những trải nghiệm của chính mình. Đối với họ, vật chất (artha), nhục dục (kama) hay việc đấu tranh với đời (dharma) không còn quan trọng nữa và họ đi tìm kiếm ý nghĩa của sự “giải thoát” khỏi đời này và thắt chặt mối liên hệ giữa con người với Thượng Đế. Có người sinh ra đã muôn “giải thoát” từ rất sớm, nhưng cũng có nhiều người nhận ra “tiếng gọi” tâm linh của mình sau khi đã gầy dựng và trải nghiệm 3 mặt khoái lạc (kama), vật chất (artha) và chuẩn mực (dharma) trong phần lớn cuộc đời trước đó và họ dành hết phần còn lại của đời mình để cống hiến tất cả những gì mình có từ tài năng đến của cải cho nhân loại. Ngược lại, một số người thuộc nhóm này sẽ tìm cách “chạy trốn” những trách nhiệm vật chất (artha) và nhục dục (kama), không thiết tha gì với luật pháp và chuẩn mực (dharma) rồi đâm ra trầm cảm, có ý định tự tử hoặc dẫn đến phạm pháp để giải tỏa một vết thương tinh thần nào đó.

Bốn triết lý nói trên không có cái nào “cao hơn” cái nào, và cũng chẳng có cái nào “đúng” hay “sai”. Người nào đã sinh ra với triết lý nào thì cứ việc thoái mái “sống hết mình” đúng theo triết lý đó, bởi vì xã hội đều cần cả 4 nhóm người này – nhân loại không thể tồn tại nếu thiếu

một trong bốn nhóm. Và trong thực tế, cũng chẳng ai cấm đoán người ta có thể thay đổi triết lý sống của mình tùy theo giai đoạn trong cuộc đời. Ví dụ khi chúng ta còn bé thì chúng ta cần động lực vô tư bộc phát sáng tạo của Khoái lạc Kama cùng với sự giáo dục hướng dẫn của Chuẩn Mực Dharma từ người lớn, thầy cô giáo. Lớn lên bước ra đời, chúng ta sống với Đam mê Kama nhưng cũng phải bương chải lo cho bản thân mình qua sự nghiệp trong giai đoạn Mưu sinh Artha. Khi chúng ta có gia đình – trở thành “tế bào của xã hội” phải làm gương dạy dỗ con cái và khi lớn tuổi hơn, giai đoạn Chuẩn mực Dharma sẽ áp dụng trên đời sống chúng ta ...

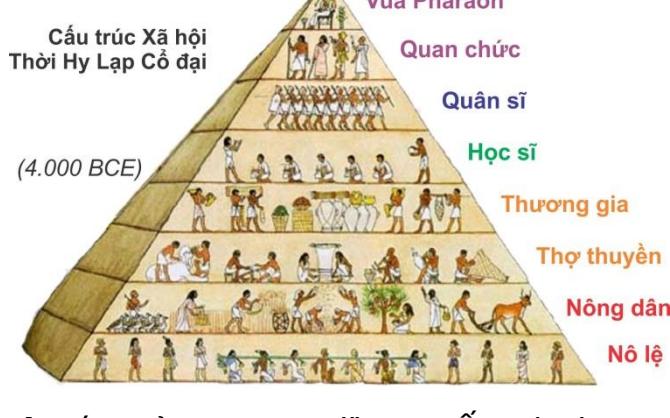
Đó là trật tự thông thường, nhưng cũng có lắm người Mưu sinh Artha khi có tiền trong tay thay vì chạy theo những đam mê Kama có ích cho xã hội thì họ lại ăn chơi trụy lạc để thỏa mãn dục Kama, hoặc sa vào cạm bẫy nghiệp ngập – mặt trái của sự “giải thoát” Moksha. Có người đã quyết định đi tu (Giải thoát Moksha) nhưng sau đó lại bỏ tu để lấy vợ sinh con và sống một cuộc sống bình thường (Mưu Sinh Artha). Có lắm người vẫn Mưu sinh Artha hay sống một đời sống Chuẩn mực Dharma nhưng họ không hề muốn “đi tu” ... Và còn nhiều ví dụ khác cho thấy không có một thứ tự nào mà người đang sống ở mục tiêu này lại không thể đổi qua mục tiêu khác. Thánh Vyasa - tác giả của bộ sử thi Mahabharata – đã từng nói rằng: “Mưu sinh Artha và Khoái lạc Kama đều có thể gặt hái từ Chuẩn mực Dharma. Vậy thì tại sao loài người không cố gắng sống theo Chuẩn mực Dharma ?”

...

Tuy nhiên, nền văn minh Indus không phải là nơi duy nhất phát sinh ra khái niệm

“*Puruṣārtha*”. Ở phía Tây dọc sông Nile, người Hy Lạp cổ đại (hình thành trong khoảng 4.000 BCE – 3.000 BCE) đã sắp xếp cấu trúc xã hội của họ

thành những *tầng lớp* tương tự với 4 nhóm “Mục đích sống của con người” trong Ấn Độ Giáo / Vedas (Vệ Đà). Trong xã hội Hy Lạp, nhóm Nô lệ và Nông dân là lực lượng lao động “vai u thịt bắp” ở tầng lớp thấp nhất (tương đương với Kama). Nhóm Thợ thuyền và Thương gia lo về kinh tế và sản xuất của cải cho xã hội ở tầng thứ nhì (tương đương với Artha). Nhóm Học sĩ và Quân sĩ đảm nhiệm đặt ra tiêu chuẩn giáo dục và giữ gìn kỷ cương luật pháp và an ninh xã hội ở tầng ba (tương đương với Dharma). Cuối cùng, các Quan chức và vua Pharaoh ở trên tầng cao nhất và điều họ quan tâm hơn hết ngoài việc giúp đỡ, ban phát và cai trị các tầng lớp còn lại chính là sợi dây “tâm linh” liên hệ giữa loài người với các vị thần thánh và cuộc sống đời sau (tương đương với Moksha).

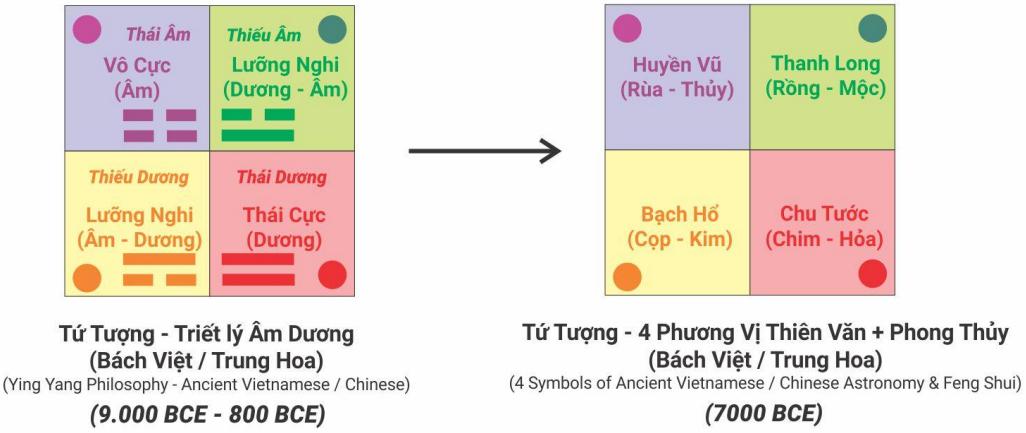


Cách Hy Lạp hàng ngàn cây số ở phía Đông Nam Á, các khám phá khảo cổ gần đây cho thấy văn hóa Bách Việt cổ đã bắt đầu từ khoảng 9.000 BCE, sau di chuyển dần lên phía Bắc kết hợp với người Hán từ Trung Á sang phát triển thành văn hóa Trung Hoa trong giai đoạn 3.000 BCE – 1.000 BCE. Triết lý Âm Dương của người Bách Việt / Trung Hoa cũng sớm có những khái niệm tương tự như “*Puruṣārtha*” và một số kiến thức thiêng văn tiến bộ cùng thời điểm với văn hóa Ấn Độ / Vệ Đà. Trong triết lý Âm Dương, mọi “sự sống”, “trần gian” và “vật dục” được tượng

trưng bởi phần “Dương”, hay còn gọi là “dương trần”, đối lập với “cõi âm” hay phần “Âm”, nơi mọi vật chất và sự sống được “giải thoát” trở về chốn “hư vô” hay “vô cực”.

“Lưỡng nghi” được định nghĩa như 2 trạng thái “đảo chiều” từ Dương sang Âm (Thiếu Dương) và từ Âm sang Dương (Thiếu Âm). Bốn trạng thái Âm Dương trở thành kiến thức căn bản cho “Tứ Tượng” là 4 linh vật đại diện cho 4

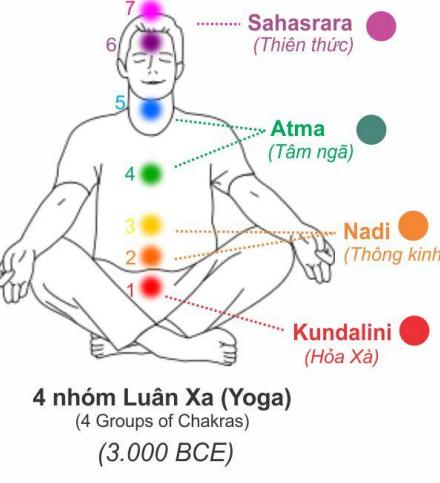
phương trời và 4 nhóm sao trong thiên văn, cũng như 4 phương hướng trong phong thủy (Huyền Vũ, Thanh Long, Chu Tước, Bạch Hổ). Đến khi người Bách Việt / Trung Hoa bắt đầu có chữ viết (khoảng 1.000 BC), những khái niệm phức tạp hơn như “bát quái” và “64 quẻ kinh Dịch” mới bắt đầu được ghi chép lan rộng và nghiên cứu nhiều hơn.



Song song đó, nguyên lý “Puruṣārtha” được người Ấn Độ áp dụng trong Yoga khi môn này ra đời vào khoảng 3.000 BCE, chia thành 4 nhóm luân xa (chakras) trong cơ thể con người. Và đến thời khai sinh của Phật Giáo (563 BCE), nguyên lý này cũng làm triết lý căn bản cho lời Phật dạy trong

“Tứ Diệu Đế” (Cattāri

Ariyasaccāni – nghĩa là 4 vấn nạn của con người và cách giải quyết chúng).



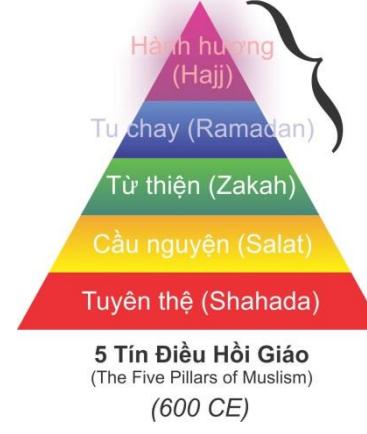
<b>Diệt Đế</b> (Nirodha)	<b>Đạo Đế</b> (Magga)
<b>Tập Đế</b> (Samudaya)	<b>Khổ Đế</b> (Dukkha)

Tứ Diệu Đế - 4 Vấn Nạn của Con Người và cách giải quyết chúng (Phật Giáo)  
(Cattāri Ariyasaccāni - Buddhism)  
(563 BCE)

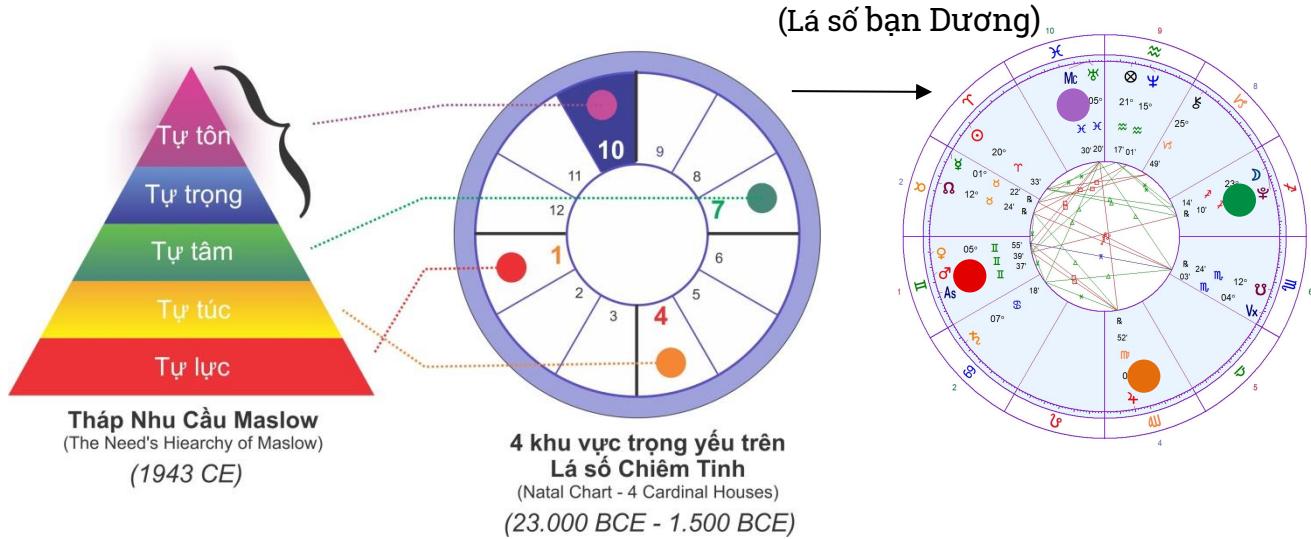
Đến sau Công Nguyên, những tôn giáo lớn khác như Thiên Chúa Giáo (33 CE) và Hồi Giáo (600 CE) cũng có những tín điều với mô hình tương tự mà “Puruṣārtha” và lý thuyết Maslow đề cập đến:

<b>Phong Chức</b> (Ordination)	<b>Hôn Ước</b> (Matrimony)
<b>Học Đạo</b> (Eucharist)	<b>Rửa tội</b> (Baptism)

4 Bước Phong Thánh (Thiên Chúa Giáo)  
(4 Stages of Life in Christianity)  
(33 CE)



Cuối cùng, trở về khu vực dọc sông Tigris thuộc khu vực nền văn minh Lưỡng Hà (Mesopotamia), Chiêm Tinh Học dù đã được hình thành từ 40.000 BCE – 3.500 BCE, nhưng đến khoảng 3.500 BCE – 1.500 BCE mới dần dần được hoàn thiện (cùng với phát minh chữ viết), và phải 1.000 năm sau nữa đến thế kỷ 7 và 6 trước Công Nguyên thì các kiến thức và triết lý mới được tổng hợp lại thành hệ thống gần như tương tự với những gì trong Chiêm Tinh Học mà chúng ta thấy ngày nay (Hellenistic Astrology). Nhánh Chiêm Tinh Học Vệ Đà ở Ấn Độ được ảnh hưởng bởi người Hy Lạp, Babylon và Chaldea cũng trong khoảng thời gian này. Các định nghĩa của người Babylon và Chaldea về 12 cung Nhà và 12 dấu hiệu Hoàng Đạo trên một lá số chiêm tinh thể hiện rất rõ ràng khái niệm về 4 mục đích của đời người tương tự như "Puruṣārtha". Đó là các khu vực "quadrants" (phản tư) trên lá số đại diện bởi 4 cung Nhà và 4 dấu hiệu thuộc nhóm Lãnh Đạo (Cardinal signs):



- **Cung Nhà 1 hay Dương Cưu** là khu vực của "bản năng", "sinh nở", "khởi đầu mới", "thời thơ ấu", sự "tự phát" hay "động lực sống". "Em bé" đó bắt đầu ăn uống (nạp vào dưỡng chất) và kết tụ vật chất (thu nhập) ở **cung Nhà 2 / Kim Ngưu** và hình thành tư duy, suy nghĩ, học cách đi đứng và nỗ lực ở **cung Nhà 3 / Song Tử**. Ba (3) cung này hay 3 dấu hiệu này là nhóm tương đương với Tự lực hay "tự sướng" (Kamo Kama).
- Khi lớn lên, điều lớn hơn kế tiếp mà con người quan tâm đến đó là việc bảo bọc, che chở bản thân, duy trì cuộc sống mình lâu dài hơn qua một gia đình, một mái nhà để cất giữ những gì gop nhặt được (**cung Nhà 4 / Cự Giải**), vui chơi, giải trí, thể dục, vận động, học tập, sáng tạo để tiếp tục phát triển công việc tự túc nuôi sống bản thân (**cung Nhà 5 / Sư Tử**) và đồng thời tạo cho mình một nề nếp và cơ bản sức khỏe nhằm hậu thuẫn cho tất cả những hoạt động cá nhân (**cung Nhà 6 / Xử Nữ**). Nhóm này tương đương với Mưu sinh Artha.
- Lo cho bản thân xong, nhu cầu kế tiếp là con người bước ra ngoài để giao lưu với xã hội, học hỏi, so sánh, "soi gương", đối chiếu những quy luật của nó, tìm kiếm đối tác và "nửa trái tim còn lại" của mình, cũng như học cách chống trả với những "đối thủ" hay "kẻ thù" (**cung Nhà 7 / Thiên Xứng**). Trong quá trình ấy, con người bắt đầu nhận ra tất cả những giá trị về "quyền lực" (của bản thân trên người khác, hay người khác áp đặt trên mình), về sự "dan díu", "liên lụy" và "tùy thuộc lẫn nhau" và những mối quan hệ "bí mật" trong xã hội.

**(cung Nhà 8 / Bọ Cạp).** Để thoát ra nỗi “ám ảnh” và vượt qua “sự thật đen tối” ấy, con người khao khát tìm về mục đích sống và tồn tại của chính mình, nhận thấy mình cần phải đi xa hơn nữa, học hỏi nhiều hơn, tiếp thu văn hóa mới, những giá trị cao hơn và tầm nhìn rộng hơn, xây dựng một niềm tin mãnh liệt về cuộc sống tương lai hay phổ cập / truyền thụ những gì mình biết cho người khác (**cung Nhà 9 / Nhân Mã**).

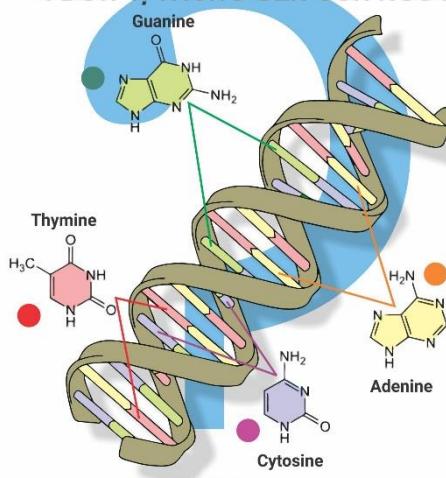
- Khi tri thức mở rộng, danh dự cá nhân, “sĩ diện”, những khao khát để được “nổi tiếng” hay ít ra khác biệt với thế giới xung quanh và được thế giới xung quanh công nhận, kính nể, trọng vọng, không bị “coi thường”, tự do thỏa chí để làm điều mình thích, ... sẽ được thể hiện trong khu vực cung **Nhà 10 / Ngư Dương**. Sau đỉnh cao của danh vọng, **cung Nhà 11 / Bảo Bình** trở thành mục tiêu của những nguyện ước tương lai và vai trò đóng góp giữa bản thân với tập thể, bạn bè, hội nhóm, cộng đồng hay xã hội. Cuối cùng, **cung Nhà 12 / Song Ngư** tượng trưng cho khu vực của tâm linh, nơi những tất cả phước báu, nghiệp quả của linh hồn sẽ định hướng tương lai cho người chủ lá số ở “kiếp sau”.



**HÌNH DƯỚI:** Dấu hiệu chữ “Vạn” (swastika, 卐 hoặc 卍) trên tượng chim cái khắc từ ngà voi mammoth tiền sử có niên đại 15.000 BCE tìm thấy ở Mezine, Ukraine. Đối với hầu hết các văn hóa và tôn giáo trên thế giới từ xa xưa, không những mang ý nghĩa của sự may mắn, sinh sôi này nở, chữ “Vạn” còn là biểu tượng của vòng xoay luân hồi (karma) với 4 cánh xoay tượng trưng cho 4 mục tiêu đời người.



### LIỆU TRIẾT LÝ PURUŚĀRTHA CÓ LIÊN QUAN ĐẾN 4 ĐƠN VỊ TRONG GEN CON NGƯỜI ?



PURUŚĀRTHA = DNA ?



## Bảng 8.0.4-A MỤC ĐÍCH SỐNG CỦA BẠN

Vị trí Mặt Trăng ở **Nhân Mã 23°13'46"** cho thấy bạn Dương có mục tiêu cuộc sống thuộc nhóm:

"*Thoát Tục*" (*moksha*). Dù bạn có thể thuộc về bất kỳ thành phần nào trong xã hội, mục tiêu của bạn ở đời này đó là hành trình tìm cách cứu rỗi và giải thoát bản thân bạn (hay người khác) ra khỏi những nghiệp chướng, bi thương, đau khổ, tội lỗi, ách nạn, trầm luân hay vòng luân hồi của mọi sinh linh. Đến một lúc nào đó, bạn sẽ cảm thấy dường như cuộc sống này đã "quá đù" đối với bạn. Bạn "chán ngán" hay "bất mãn" với tất cả mọi thứ đã và đang diễn ra trong cuộc sống xung quanh, hoặc bạn thiếu kiên nhẫn rồi làm một cái gì đó "đột phá" vì bạn nhận thấy mình phải "chờ đợi kiếp này quá lâu"! Một số người như bạn có thể giác ngộ về điều này và "đi tu" từ tuổi rất sớm, hoặc cũng có người từng nói với bạn rằng bạn là người có "căn tu" dù bạn đang ở một đỉnh cao của sự nghiệp. Bạn cũng có thể cảm thấy lạc lõng, chật vật hoặc chán chường "vô nghĩa" với những vấn đề mưu sinh hàng ngày hay những thành tựu mà chính bạn hay người khác đạt được. Vì thế, bạn có thể trải nghiệm rất nhiều ngành nghề trên hành trình đi tìm một cái gì đó ý nghĩa để lấp đầy khoảng trống tâm hồn đó của mình. Và nếu chưa, đến một tuổi nào đó bạn sẽ "bỏ hết tất cả" (bao gồm tiền tài, của cải, danh vọng, gia đình, con cái ...) để thực hiện khao khát "*thoát tục*" thôi thúc bên trong mình lâu nay. Lúc ấy, bạn có thể bắt đầu dành thời gian nhiều hơn để tìm hiểu kinh sách, tham gia các nhóm hội tôn giáo hay các hoạt động từ thiện. Hoặc đơn giản hơn là bạn tự cách ly chính mình với xã hội qua việc cắt đứt mọi quan hệ xung quanh, thu hẹp mình trong một cuộc sống khép kín, có thói quen đi nghỉ dưỡng, du lịch thường xuyên hay "*lang thang*" đến những nơi xa xôi, cách biệt và xa lạ.

Mặt trái và cũng là nguy cơ của một số người như bạn khi chưa hiểu mục đích sống của mình ở đời này đó là rơi vào thói quen nghiệp ngập nhằm tránh những cảm xúc "bất mãn" hay "bất lực" trong đời sống. Bạn có thể cố "giải thoát" mình bằng bia rượu, ma túy, một cuộc sống trác táng trụy lạc hay tự cho phép mình rơi vào một vòng xoáy ám ảnh hay hành động phạm pháp nào đó dù chỉ là tạm thời. Nói cách khác, bạn có thể không lường trước những nguy hiểm khi bạn tự buông thả chính mình trong môi trường nghiệp ngập, coi thường sức khỏe / tính mạng và bệnh tật, cũng như những tuyên bố hay hành động hờ hững trong một lúc nông nổi chỉ vì bạn muốn "chạy trốn hết tất cả", "đẩy lùi" những con người đang cố "bám víu" lấy bạn, giải tỏa những bức tức khi bạn thích "đi lạc" trôi dạt đến những nơi chốn xa lạ hoặc khi bạn tiếp xúc giao du với những tà đạo hay những con người mà bạn "mù quáng" đặt niềm tin và chưa nắm rõ mục đích và âm mưu của họ. Dù một số người thuộc nhóm này sẽ có cuộc sống ngắn ngủi ("yếu mệnh") vì một lý do nào đó, nhưng họ sẽ có tuổi thọ cao hơn nếu sớm nhận thức được mục đích "*thoát tục*" của mình trong đời này và hành động tích cực để khắc phục mệnh số.



## 8.0.5 HÀNH TINH TRƯỞNG BỐI VÀ HÀNH TINH THAM MƯU

Trên lá số, **hành tinh Trưởng Bối** là hành tinh di chuyển vào sâu nhất trong bất kỳ cung Hoàng Đạo nào so với tất cả các hành tinh. Trên vòng tròn Hoàng Đạo 360°, mỗi cung Hoàng Đạo chiếm 30°. Như vậy, hành tinh nào có số độ nhiều nhất trong khung 30° ấy thì hành tinh đó chính là hành tinh Trưởng Bối (của cả lá số). Ví dụ lá số có Mặt Trời ở vị trí 9°31' Dương Cưu, Mặt Trăng ở 15°18' Xử Nữ, Mộc Tinh ở 28°45' Bảo Bình. Như vậy, trong 3 hành tinh này, Mộc Tinh chính là hành tinh Trưởng Bối vì nó đã di chuyển sâu vào và gần như hoàn tất hành trình trong cung Hoàng Đạo của nó.

Đứng thứ nhì sau hành tinh Trưởng Bối chính là **hành tinh Tham Mưu**. Nói cách khác, hành tinh Tham Mưu là hành tinh di chuyển vào sâu trong một cung Hoàng Đạo và có số độ cao đứng thứ nhì sau hành tinh Trưởng Bối. Như ví dụ trên, trong 3 hành tinh thì Mặt Trăng sẽ là hành tinh Tham Mưu, đứng sau Mộc Tinh là hành tinh Trưởng Bối.

Trong lá số bạn Dương, có 2 cách nhận dạng hành tinh Trưởng Bối, Tân Thời và Cổ Điển:

Thứ tự	Tân Thời (hành tinh vòng trong + vòng ngoài + La Hầu)		Cổ Điển (chỉ có hành tinh vòng trong)	
	Hành tinh	Vị trí Hoàng Đạo	Hành tinh	Vị trí Hoàng Đạo
1	<b>Mặt Trăng</b>	Nhân Mã 23°13'46"	<b>Mặt Trăng</b>	Nhân Mã 23°13'46"
2	<b>Diêm Vương Tinh</b>	Nhân Mã 22°10'25"	<b>Mặt Trời</b>	Dương Cưu 20°33'03"
3	<b>Mặt Trời</b>	Dương Cưu 20°33'03"	<b>Hỏa Tinh</b>	Song Tử 12°38'52"
4	<b>Hải Vương Tinh</b>	Bảo Bình 15°00'53"	<b>Mộc Tinh</b>	Xử Nữ 9°51'57"
5	<b>Hỏa Tinh</b>	Song Tử 12°38'52"	<b>Thổ Tinh</b>	Cự Giải 7°18'04"
6	<b>La Hầu</b>	Kim Ngưu 12°24'07"	<b>Kim Tinh</b>	Song Tử 5°54'35"
7	<b>Mộc Tinh</b>	Xử Nữ 9°51'57"	<b>Thủy Tinh</b>	Kim Ngưu 1°21'49"
8	<b>Thổ Tinh</b>	Cự Giải 7°18'04"		
9	<b>Kim Tinh</b>	Song Tử 5°54'35"		
10	<b>Thiên Vương Tinh</b>	Song Ngư 5°20'10"		(lá số bạn Dương)
11	<b>Thủy Tinh</b>	Kim Ngưu 1°21'49"		

Theo cách Tân Thời và Cổ Điển, hành tinh Trưởng Bối trên lá số bạn Dương là ♂ **Mặt Trăng** ở vị trí **Nhân Mã 23°13'46"** thuộc [cung Nhã 7 \(PHU THÊ\)](#), còn hành tinh Tham Mưu (cách Tân Thời) là ♀ **Diêm Vương Tinh** ở vị trí **Nhân Mã 22°10'25"** thuộc [cung Nhã 7 \(PHU THÊ\)](#).

Về ý nghĩa, hành tinh Trưởng Bối đại diện chung cho "cuộc đời", cho thấy tiềm năng mà linh hồn của người chủ lá số sẽ có thể phát triển *tối đa* như thế nào trong đời sống này. Cung Nhã của hành tinh Trưởng Bối sẽ là nơi mà những trải nghiệm nghiệp quả (karma) của họ (đù "tốt" hay "xấu") sẽ diễn ra rõ rệt nhất và cũng là nơi mà người đó sẽ phải phấn đấu để giải quyết những nghiệp quả của mình (qua công việc / sự nghiệp). Tóm lại, hành tinh Trưởng Bối là hành tinh "vua của các hành tinh", là hành tinh "tiến bộ", "trưởng thành" và "già dặn" nhất trên lá số, cho thấy mức độ kinh nghiệm của linh hồn sau nhiều kiếp luân hồi trước khi hiện thân

vào thế giới này. Nói cách khác, hành tinh Trưởng Bối không phải là "nghiệp" như nhiều người lầm tưởng mà đúng hơn là "lịch trình của nghiệp" (agenda of karma) – là những kế hoạch mà linh hồn sẽ muôn "thực hiện cho xong" trong lần hiện sinh (reincarnation) ở cuộc đời này.

*Trong cách Cổ Điển, Mặt Trăng là hành tinh Trưởng Bối cho thấy bản chất bạn Dương là người nhân ái, thân thiện và tốt bụng, có tính chu đáo và có thể có quan hệ xã giao rộng rãi. Tuy là người có khả năng thấu hiểu sự đau khổ và bất hạnh của người khác, nhưng đây cũng chính là những thách thức mà bạn Dương luôn phải học cách vượt qua mỗi ngày. Vấn đề mà bạn Dương cần cải thiện đó là biết phân biệt giữa sự Giả Dối và Chân Thật trong tình cảm và tình yêu. Khi cần quan tâm, chăm sóc hay từ bi với ai đó thì phải cho đúng đối tượng / đúng chỗ / đúng cách, không nên mất thời gian hay quá tốt với người không thật sự xứng đáng.*

Vai trò của hành tinh Tham Mưu cũng giống như một vị Bộ Trưởng với ngài Thủ Tướng: báo cáo, hướng dẫn, cung cấp thông tin, cố vấn tư duy và chiến lược, giúp cho Thủ Tướng / Trưởng Bối có quyết định và chỉ đạo đúng đắn trong công việc hàng ngày cũng như "hướng dẫn" (coaching) hành tinh Trưởng Bối biết phải làm sao để đạt được mục tiêu của mình. Bởi vì thế, ảnh hưởng của hành tinh Tham Mưu chi phối mật thiết đến sự nghiệp, giáo dục, tài lộc và may mắn, tác động đến cung Nhà 2, 5, 9 và 10 trên lá số. Hành tinh Tham Mưu cũng là một trong những yếu tố tạo ra chữ ký chiêm tinh của bạn Dương ở [bảng 8.0.1-C](#).

Vị trí hành tinh Trưởng Bối (۞ @ Nhân Mã 23°13'46") hé lộ những chi tiết sau:

	Dấu hiệu thể hiện	Ý nghĩa
Những kỹ năng / tính cách mà bạn Dương cần được huấn luyện và trau dồi:	<b>Bảo Bình</b>	<i>khách quan, sống lý trí / khoa học, tập phát minh, đưa sáng kiến, tiếp thu tân tiến và chủ động cải cách nhưng cũng bảo vệ lập trường, duy trì / tương tác với / đấu tranh vì lợi ích tập thể / hội nhóm / cộng đồng, tận dụng sức mạnh đám đông, không phân biệt cá nhân, ứng dụng công nghệ / kỹ thuật, tự động hóa, có tầm nhìn tương lai, tạo cách mạng, khả năng tiên đoán / dự đoán, hiểu biết về môi trường / thời tiết</i>
Nỗ lực bạn Dương cần phấn đấu và duy trì để thành công:	<b>Nhân Mã</b>	<i>phóng khoáng, suy nghĩ tích cực / rộng rãi / lạc quan, khuếch trương, nhìn xa trông rộng, nhăm đến tương lai, nói thật / phơi bày sự thật, truyền bá ý tưởng / kiến thức / niềm tin (tạo lòng tin / tin cậy), phổ cập / phổ biến thông tin / hướng dẫn / chỉ bảo / khuyên răn / dạy học cho người khác cùng hiểu, khả năng chữa lành (tâm lý / bệnh tật), hiểu biết chính trị, đi du lịch để tiếp thu và am hiểu đa văn hóa, sống đạo đức / nhân văn</i>

Nếu hành tinh Trưởng Bối trên lá số bạn là một [hành tinh vòng trong](#) (Mặt Trời, Mặt Trăng, Thủy Tinh, Kim Tinh, Hỏa Tinh), bạn thuộc một nhóm thiểu số trong xã hội sinh ra trong phạm vi cùng một ngày hay cùng khung thời gian vài tuần. Nếu là sao [La Hầu \(Long Thủ\)](#) hoặc [hành tinh vòng ngoài](#) (Mộc Tinh, Thổ Tinh, Thiên Vương Tinh, Hải Vương Tinh, Diêm Vương

Tinh), linh hồn bạn thuộc về chung một thế hệ sinh ra trong khung thời gian gồm nhiều năm. Hành tinh Trường bối còn là một trong những yếu tố tạo ra chữ ký chiêm tinh của bạn Dương ở [bảng 8.01-C](#).

Những lãnh vực nghề nghiệp thích hợp với bạn Dương khi hành tinh Trường Bối là ☽ **Mặt Trăng** thường là: Diễn viên nghệ thuật (điện ảnh, sân khấu, thời trang), ca sĩ, vũ công, họa sĩ, chuyên gia điêu khắc, nhiếp ảnh gia, thủy thủ / ngư dân, chăn nuôi thủy hải sản, chuyên gia / kinh doanh về vải / đồ ngủ (giường chiếu, quần áo) / ẩm thực / phụ kiện thời trang / dầu thơm / vàng bạc đá quý, quản gia, người trông nom / chăm sóc / quản lý (đất đai, cây cối, tài sản, con người hay nhân sự), y tá, giáo dục (mầm non, phục hồi chức năng) ...

Khi kết hợp với hành tinh Tham Mưu ♀ **Điêm Vương Tinh** (cách Tân Thời), công việc bạn Dương có thể có thêm những tính chất / đặc thù, vai trò, kiêm nhiệm hay đặc điểm song song như: quyền lực (thu tóm, chức vụ), liên quan đến chính trị / kinh tế / pháp luật / nghiên cứu khoa học / tâm lý hay y tế, sự áp đặt / bắt buộc, sự thủ đoạn / kế sách / mưu lược, nắm giữ bí mật, giải quyết xung đột / scandal, quản lý / phối hợp / biến đổi / chuyển giao / tập trung nguồn lực (tiền bạc, tài sản, con người), khả năng trích ly / phân rã / giải thể / hồi sinh / tái sử dụng / phục chế / tái tạo / làm mới hay phẫu thuật ...

## 8.1 CÁC MỨC ĐỘ CHÍNH XÁC TRONG NGÀY GIỜ SINH

Song song với các khung giờ cho [vi trí Mặt Trăng](#), đây là chương mục quan trọng phân tích chi tiết các mức độ chính xác khác nhau trong ngày giờ sinh bạn Dương và những mức độ này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến công danh sự nghiệp của bạn. Như đã giải thích ở [mục 3.3](#), độ chính xác trong báo cáo càng cao thì số lượng nội dung trong báo cáo này sẽ đúng với bạn càng nhiều (80 ~ 100%). Nếu giờ sinh kém chính xác hoặc không có giờ sinh trong ngày thì nội dung báo cáo áp dụng cho bạn sẽ giảm đi (ví dụ 10% ~ 30%).

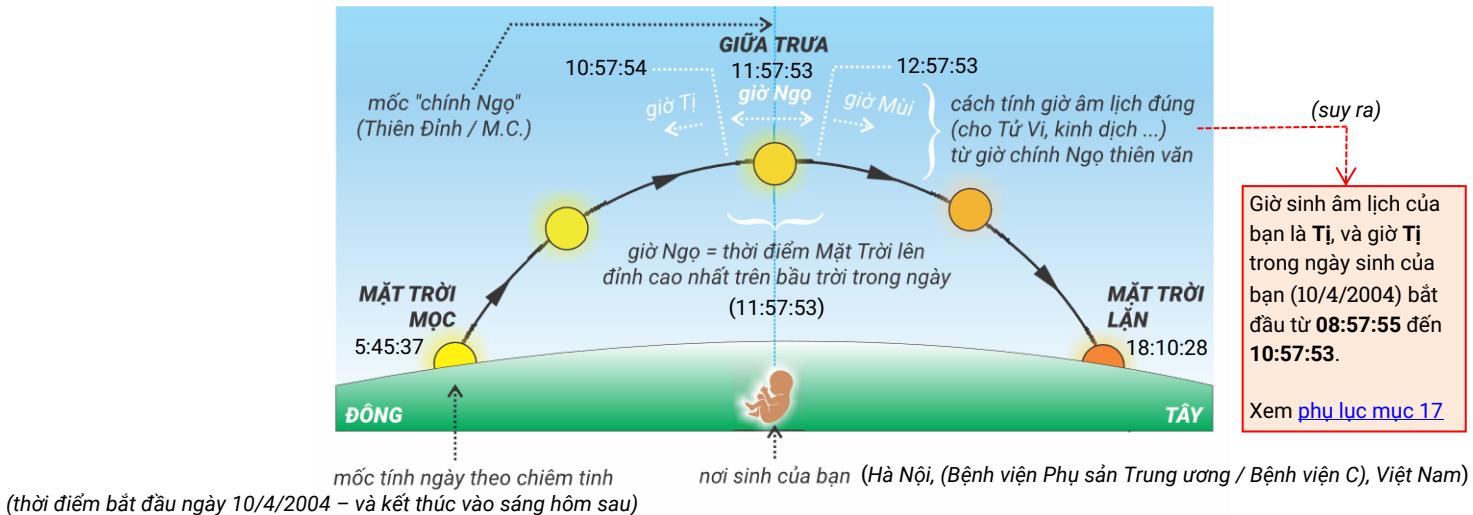
Phần này sẽ bắt đầu từ những đặc điểm, tính chất trong ngày sinh của bạn, sau đó thu hẹp phạm vi dần dần xuống đến khung giờ rồi khung số phút trong giờ sinh đó. Nếu giờ sinh bạn chính xác đến từng phút thì xem thêm phụ lục [mục 20.4](#).

### 8.1.0-A Tổng quan về ngày giờ sinh



Bạn Dương sinh ra vào ngày **10 tháng 4 năm 2004** lúc **9:15** tại **Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam** nên bạn có điểm Mộc (Ascendant) ở **Song Tử 18°37'**.

Trong [ngày bạn sinh ra](#), Mặt Trời **Dương Cưu** của bạn mọc lên lúc **5:45:37** theo giờ địa phương, lên đến đỉnh cao nhất [giữa trưa](#) lúc **11:57:53** và lặn xuống lúc **18:10:28**.



Vì bạn sinh tại Việt Nam, giờ sinh của bạn (dùng để lập lá số) được dựa trên múi giờ pháp lệnh (+7:00) được áp dụng cho toàn quốc gia kể từ lúc 0h00 ngày 13 tháng 6 năm 1975.



## 8.1.0-B Ngày Thứ và giờ Chiêm Tinh

Ngày bạn Dương sinh ra là một dạng "định mệnh" (fate) hội tụ từ nhiều điều kiện khác nhau, trong đó có Ngày Thứ (day of the week). Nói cách khác, phải có một lý do nào đó khiến bạn sinh ra trong một khoảng thời gian nhất định và Ngày Thứ chính là chỉ dấu quan trọng báo hiệu nguyên nhân chào đời của bạn. Chủ tinh Ngày Thứ cho thấy linh hồn bạn "cảm giác" như thế nào hay "muốn làm gì" khi quyết định hiện thân vào cõi đời này. Đây là hành tinh chính tạo ra nguồn năng lượng để linh hồn bạn mới có thể góp phần trong sự vận hành chung của vạn vật cũng như kết nối / truyền tải thông điệp của linh hồn bạn với thế giới tràn tục xung quanh. Do đó, chủ tinh Ngày Thứ cũng đại diện cho tình trạng thể lực và sức khỏe của bạn trong suốt cuộc đời.

Thời buổi trong ngày sinh của bạn Dương	Ngày Thứ theo	
	Lịch pháp	Chiêm tinh
Bạn sinh vào lúc này ➔	TỐI - ĐÊM (ngày 09/04)	Thứ Sáu
	NỬA ĐÊM (00h00' ngày 10/04)	Thứ Bảy
	SAU NỬA ĐÊM / RẠNG SÁNG	Thứ Bảy
	MẶT TRỜI MỌC (05h45' ngày 10/04)	Thứ Bảy
	SÁNG - TRƯA	Thứ Bảy
	GIỮA TRƯA (11h57')	Thứ Bảy
	TRƯA - CHIỀU	Thứ Bảy
	MẶT TRỜI LẶN (18h10')	Thứ Bảy
	TỐI - ĐÊM	Thứ Bảy
	NỬA ĐÊM (00h00' ngày 11/04)	Chủ Nhật
	SAU NỬA ĐÊM / RẠNG SÁNG	Chủ Nhật
	MẶT TRỜI MỌC (05h44' ngày 11/04)	Chủ Nhật

Vì bạn sinh SAU giờ Mặt Trời mọc nên theo cách tính của Chiêm Tinh Học, ngày thứ trong tuần (day of the week) cho ngày sinh của bạn được xem là ngày Thứ Bảy (như dương lịch bình thường tính từ mốc 0h00' nửa đêm) và ngày Thứ Bảy này bắt đầu từ lúc 05h45' ngày 10/4/2004 đến giờ Mặt Trời mọc hôm sau lúc 05h44' ngày 11/4/2004.

Ngày Thứ sinh trong tuần của bạn Dương theo chiêm tinh:	Hành tinh cai quản ngày Thứ Bảy:
<b>Thứ Bảy</b>	<b>Thổ Tinh</b>

Sinh vào ngày thứ Bảy là những người tận tâm, chăm chỉ, gánh vác mọi trách nhiệm, làm việc siêng năng, có kỷ luật và sẵn sàng đối diện với mọi nỗi đau và buồn phiền. Từ ngoại hình đến tâm hồn, họ luôn có một vết sẹo hay tổn thương nào đó từ biến cố cuộc sống hay một tai nạn, thể hiện bằng thái độ nghiêm khắc và góc nhìn bi quan. Nghịch lý lúc còn trẻ, họ là người "già trước tuổi", nhưng khi lớn tuổi thì họ lại toát ra nét trẻ trung. Sự đói nghèo sẽ thúc

đẩy họ hăng say làm việc, nhưng khi xấu tính, người sinh vào ngày này có thể bất mãn với tất cả mọi thứ và buông xuôi không cố gắng cải thiện hoàn cảnh. Tệ nhất là khi họ bộc lộ cảm xúc lo lắng, tiêu cực, cay đắng, giận dữ mất khôn, tính tham lam, ki bo giữ của, vô trách nhiệm, bốc đồng, không giữ gìn rồi lão hóa quá sớm và sức khỏe suy kém.

Ngày **Thứ Bảy** cũng được xem là ngày may mắn trong tuần cho bạn Dương. Bạn có thể kết hợp thông tin này với [mục vân hạn](#) và phần [xem giờ](#) để tự chọn cho mình “ngày lành tháng tốt” trong các quyết định và sự kiện quan trọng của đời sống.

Yếu tố quan trọng tiếp theo sau Ngày Thứ đó là giờ Chiêm Tinh (astrological hours hay planetary hours). Mỗi giờ Chiêm Tinh cũng được cai quản bởi một trong 7 hành tinh [thấy được bằng mắt thường](#). Cũng như Ngày Thứ, giờ Chiêm Tinh được tính từ lúc Mặt Trời mọc của ngày sinh và kết thúc vào thời điểm Mặt Trời mọc ngày hôm sau. Một ngày có 24 khung giờ Chiêm Tinh: 12 giờ rơi vào ban ngày (từ Mặt Trời mọc đến Mặt Trời lặn) và 12 giờ rơi vào ban đêm (từ Mặt Trời lặn đến Mặt Trời mọc ngày hôm sau). Vì giờ Mặt Trời mọc và lặn ở mỗi nơi sinh trên Trái Đất khác nhau nên độ dài cũng như thời điểm mỗi giờ Chiêm Tinh của mỗi ngày cũng sẽ co giãn hay dịch chuyển khác nhau, không ai giống ai (trừ khi cùng sinh một nơi và [cùng một lúc](#)).

Giờ Chiêm Tinh cho ngày Thứ Bảy (ngày 10/04/2004)		
Giờ thứ #	Hành tinh cai quản	bắt đầu lúc
1	Thổ Tinh	05:45:37 (ngày 10/04)
2	Mộc Tinh	06:47:41
3	Hỏa Tinh	07:49:46
4	Mặt Trời	08:51:50
5	Kim Tinh	09:53:54
6	Thủy Tinh	10:55:58
7	Mặt Trăng	11:58:03
8	Thổ Tinh	13:00:07
...	...	...
24	Hỏa Tinh	04:46:55 (ngày 11/04)

Ở bảng trên, Ngày Thứ được cai quản bằng hành tinh nào thì giờ Chiêm Tinh đầu tiên trong ngày cũng sẽ bắt đầu bằng hành tinh đó. Ví dụ, bạn sinh vào ngày **Thứ Bảy** cai quản bởi **Thổ Tinh** nên giờ Chiêm Tinh đầu tiên của ngày **Thứ Bảy** (bắt đầu lúc Mặt Trời mọc: 05:45:37) cũng sẽ là giờ Thổ Tinh. Tiếp đến, giờ Chiêm Tinh thứ 2 là Mộc Tinh rồi lần lượt Hỏa Tinh, Mặt Trời, Kim Tinh, Thủy Tinh và cuối cùng là Mặt Trăng, sau đó chuỗi quay lại từ đầu ở giờ thứ 8 là Thổ Tinh ... và tuần tự như thế đến hết ngày = giờ Chiêm Tinh cuối cùng (thứ 24) là Hỏa Tinh.

Với cách tính cổ xưa này, giờ sinh **9:15** của bạn Dương rơi vào giờ Chiêm Tinh thứ **4** của ngày **Thứ Bảy** (ngày 10/04/2004). Đây là giờ **Mặt Trời** hay còn gọi là giờ **Thái Dương** (xem [mục 8.3.2](#)) bắt đầu từ 08h51' đến 09h53'. Vì hành tinh cai quản Ngày Thứ và giờ Chiêm Tinh khác nhau nên cuộc đời bạn sẽ có ảnh hưởng mạnh của cả 2 yếu tố ngày Thổ Tinh và giờ Mặt Trời.

Người sinh vào giờ Mặt Trời luôn khao khát quyền lực và sức mạnh, nên chính điều này sẽ giúp họ tìm được chỗ đứng riêng của mình trong cuộc đời. Họ xuất hiện dũng mãnh, hào

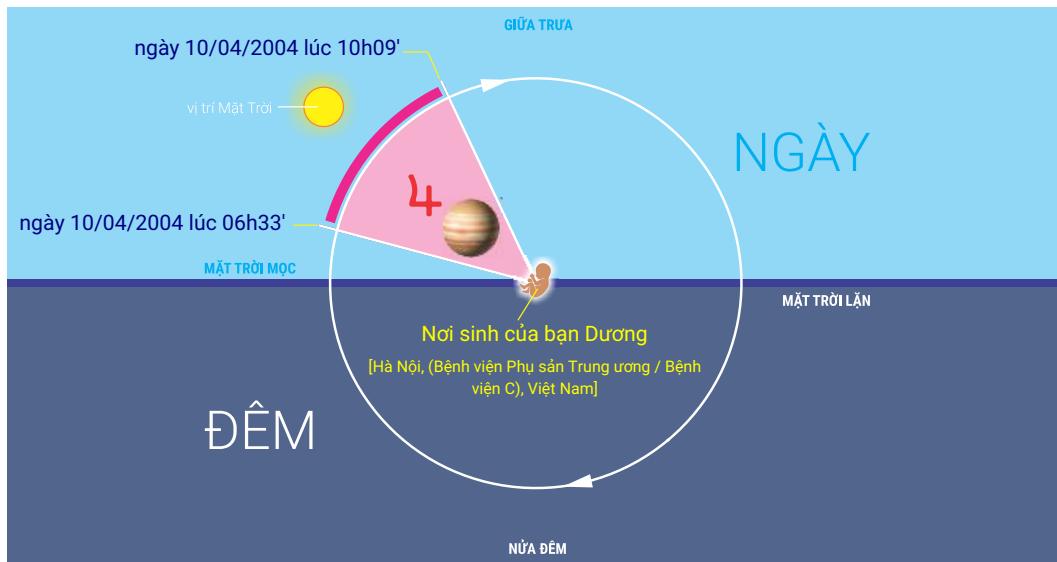
nhoáng như một ông (bà) hoàng đế tự tin muốn lan tỏa ảnh hưởng của mình với thế giới xung quanh.

Vì sinh vào ngày Thổ Tinh (thứ Bảy) nên người có giờ sinh này phải cẩn thận tính mạng bởi vì Thổ Tinh là hành tinh xung đột với Mặt Trời, có ý nghĩa chặn đứng hay bóp nghẹt sức sống của Mặt Trời. Cái xấu này sẽ giảm đi không đáng lo ngại nếu Thổ Tinh và Mặt Trời ở những vị trí thuận hòa với nhau trên lá số..



## 8.1.0-C Vị trí Mặt Trời và hành tinh tài lộc

Tiếp theo, vị trí Mặt Trời tại thời điểm sinh của bạn cho thấy hành tinh nào trên lá số sẽ giúp mang lại **tài lộc** nhiều nhất trong suốt cuộc đời bạn. Nói cách khác, đây là hành tinh chính “ban cho” bạn tài lộc. Bạn làm bất kỳ những công tác, công việc hay nghề nghiệp nào liên quan đến “hành tinh tài lộc” này thì điều đó sẽ giúp mang lại **thu nhập** nhiều nhất và bền vững nhất cho bạn.



Theo minh họa ở trên, bạn Dương sinh vào lúc **9:15** là trong khung thời gian của **Mộc Tinh** nên **Mộc Tinh** (hay còn gọi là sao **Mộc Đức** trong báo cáo này, xem [mục 8.3.2](#)) chính là “hành tinh tài lộc” của bạn Dương. **Mộc Tinh** chủ về sự phạm, y tế, quản lý, mở rộng, nước ngoài, khoảng cách xa ... nên những công việc (và tính chất công việc) liên quan đến **Mộc Tinh** (**Mộc Đức**) mà bạn Dương có thể làm để giúp cải thiện thu nhập tốt nhất đó là:

*Giáo dục: hàn lâm, học viện, đại học, cao đẳng, cao học. Nghề sư phạm / giảng dạy, dân dắt, đào tạo, huấn luyện, tư vấn / cố vấn, hướng dẫn, lãnh đạo tinh thần. Quản trị, chính trị, luật pháp (tòa án, luật sư), hành chính, tài chính, tiền tệ, ngân quỹ. Truyền thông, online / mạng xã hội, xuất bản. Quảng cáo, quảng bá, sự kiện / chương trình show. Thiết bị: TV, màn ảnh, máy phóng chiếu, bảng hiệu. Phát triển, mở rộng (kinh doanh), nhượng quyền, buôn bán hàng sỉ, nhà phân phối, đại lý thu mua. Ngành nghề xuyên biên giới / đa quốc gia / phạm vi quốc tế, xuất nhập khẩu, giao thông đường dài (hàng hải, hàng không, không gian vũ trụ, đường bộ, di chuyển bằng súc vật như ngựa, voi, bò). Hóa chất, nước, chất lỏng, liên quan đến phun sương, mây mù. Môi trường, thủy hải sản. Sự to lớn, trương phồng, khối lượng, vĩ đại (vóc dáng, kích thước, tầm lòng). Y tế, y dược, thuốc men, công nghệ sinh học. Tôn giáo, thần học, đạo pháp, giáo lý, triết lý, văn hóa, sự gương mẫu, chính trực, trung nghĩa, chính nghĩa. Hoạt động nhân văn, nhân đạo, cứu trợ, tiếp tế, hy sinh vì lợi ích chung hay mục tiêu cao cả. Liên quan đến người cha, người thầy hướng dẫn / nâng đỡ (biến cố, con đường, sự nghiệp), người chồng (nếu*

*là phụ nữ), người phổi ngãu hay chuyện hôn nhân / hỷ sự. Cơ thể: bắp đùi, đói chân, gan, máu huyết.*



## 8.1.0-D Vị trí Điểm Mộc

Điểm Mộc (Ascendant) là 1 trong những điểm nhạy cảm được tìm thấy trong lá số bạn Dương để cấu tạo thành chữ ký chiêm tinh ở [bảng 8.0.1-C](#), tác động đến sự nghiệp của bạn.

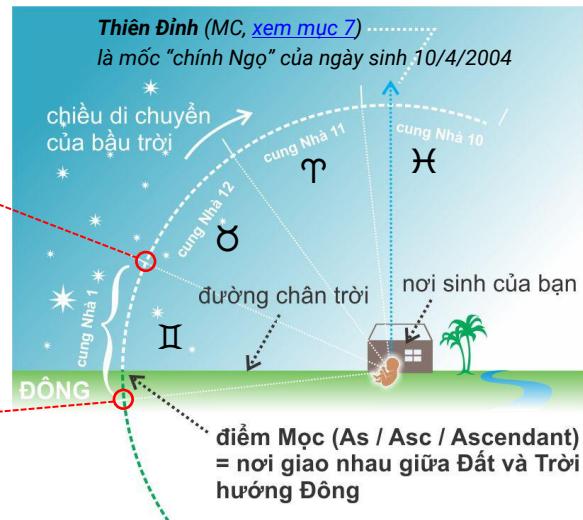
Tại nơi sinh của bạn, điểm Mộc **Song Tử** được hình thành trên lá số trong quãng thời gian từ **8:01:03** đến **10:03:29** (cùng ngày). Nhận định về độ chính xác trong giờ sinh và nơi sinh với điểm Mộc trên lá số khi bạn Dương đăng ký báo cáo này:

Về giờ sinh:	Giờ sinh này nằm trong sai số cho phép ±10 phút - nếu dao động trong thời gian này sẽ không ảnh hưởng đến dấu hiệu Hoàng Đạo của điểm Mộc.
Về nơi sinh:	Vị trí nơi sinh nằm trong sai số cho phép (dưới ±20 km), không ảnh hưởng đến điểm Mộc của lá số.

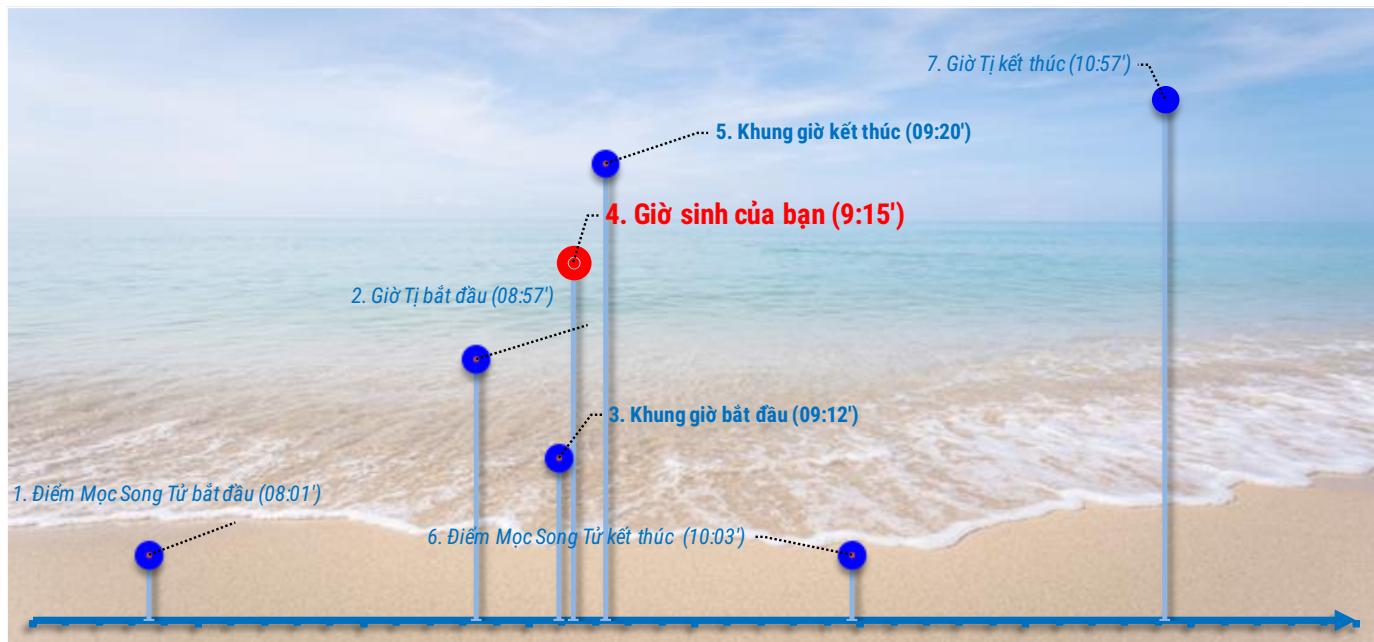
Cho ngày sinh 10/4/2004, điểm Mộc đã khởi đầu tại  $0^{\circ}00'00''$  trong dấu hiệu Song Tử để hình thành lá số của bạn (cung Nhà 1) lúc 8:01:03 ...

**Điểm Mộc (As / Asc / Ascendant)  
luôn ở trong cung Nhà 1 trên lá số**  
Điểm Mộc của bạn Dương  
là dấu hiệu Song Tử II

... và sau đó, điểm Mộc Song Tử kết thúc  
(ra khỏi  $29^{\circ}59'59''$  Song Tử) lúc 10:03:29 (cùng ngày)



Minh họa dưới đây cho thấy sự tương quan giữa giờ sinh bạn Dương và các mốc thời gian quan trọng có thể làm thay đổi kết quả của báo cáo này như đã trình bày ở [mục 3.3](#).



Điểm Mộc tại vị trí **Song Tử**  $18^{\circ}37'$  giúp cho Thổ Tinh, Mặt Trăng, Kim Tinh và các cung Nhà do những hành tinh này cai quản trở nên mạnh mẽ, có vai trò tích cực cho công danh sự nghiệp và thu nhập của bạn. Thủy Tinh mang tính chất hỗ trợ, không mạnh cũng không yếu. Xem thêm ý nghĩa các cung Nhà được liệt kê [ở đây](#).

Cung Nhà	Dấu hiệu	Tên cung Nhà	Chủ tinh	Chủ tinh (tên cổ)	Độ mạnh / yếu
1	Song Tử	CHỦ MÊNH	Thủy Tinh	Thủy Diệu	bình
2	Cự Giải	THU NHẬP	Mặt Trăng	Thái Âm	mạnh
3	Sư Tử	SUY NGHĨ	Mặt Trời	Thái Dương	yếu
4	Xử Nữ	GIA TRẠCH	Thủy Tinh	Thủy Diệu	bình
5	Thiên Xứng	TÀI NĂNG	Kim Tinh	Thái Bạch	yếu
6	Bọ Cạp	SỨC KHỎE	Hỏa Tinh	Vân Hớn	mạnh
7	Nhân Mã	PHU THÊ	Mộc Tinh	Mộc Đức	yếu
8	Ngư Dương	CHI TIÊU	Thổ Tinh	Thổ Tú	mạnh
9	Bảo Bình	DI HÀNH	Thổ Tinh	Thổ Tú	mạnh
10	Song Ngư	SỰ NGHIỆP	Mộc Tinh	Mộc Đức	yếu
11	Dương Cưu	LỢI LỘC	Hỏa Tinh	Vân Hớn	mạnh
12	Kim Ngưu	TẬT NẠN	Kim Tinh	Thái Bạch	yếu



## 8.1.0-E Giờ sinh chính xác

Lưu ý: nhận định tổng quát trong phần 8.1.0-E này cũng như những mục có dấu chỉ đúng nếu giờ sinh bạn nằm chính xác trong khung giờ:

từ 9:12 đến 9:20  
Như vậy, giờ sinh của bạn = 9:15

hh:mm:ss (24h)
9:00:15
9:07:03
<b>9:12:30</b>
<b>9:20:40</b>
9:24:45
9:34:16

Đây không phải là những khung giờ “ngẫu nhiên” do tôi “tự chọn” hay “tự đặt ra”, mà là những khung giờ đã được tính toán chi tiết cho ngày sinh và nơi sinh của bạn, là những mốc đánh dấu sự thay đổi rõ rệt của các chương mục quan trọng (có dấu ) trong báo cáo này.

Điều này có nghĩa rằng tất cả những mục có dấu cũng như chữ ký chiêm tinh, phương hướng xuất ngoại và ngành nghề liệt kê ở mục 15 sẽ thay đổi kết quả nếu giờ sinh bạn không chính xác (giải thích ở mục 3.3), khi giờ sinh bạn nằm bên ngoài hoặc rơi sang các khung giờ khác liệt kê ở bảng trên (ví dụ như sinh trước 9:12 hoặc sau 9:20). Tùy theo vị trí địa lý nơi sinh và ngày giờ sinh của mỗi người, mức độ thay đổi ở các mục này có thể dao động từ “ít” đến “nhiều” hoặc gần như “hoàn toàn”.

Về cơ bản, khi giờ sinh chính xác trong khung giờ nói trên với điểm Mộc **Song Tử** tại vị trí **18°37'** thì những người như bạn thường có xu hướng sự nghiệp chính đi vào những lãnh vực (hay còn gọi là “mảng”) thuộc nhóm *Sư Tử*.



Các công việc trong lãnh vực thuộc biểu tượng *Sư Tử* thường liên quan đến:

*Sáng tạo, giải trí, nghệ thuật, trình diễn (showbiz), sân khấu, phim ảnh, ca nhạc, hội họa, thời trang (thiết kế / trình diễn), bar / club, dịch vụ tổ chức sự kiện. Tổ chức tour du lịch, ngành du lịch (bao gồm nhà hàng, khách sạn, phương tiện di chuyển). Ngành thể dục thể thao (vận động viên, quản trị). Sinh hoạt dã ngoại. Công việc 'offshore' (di chuyển thường xuyên). Cơ quan đầu não, văn phòng đại diện của hoàng gia, chính phủ, tập đoàn hoặc công ty lớn. Trẻ em và các dịch vụ liên quan đến trẻ em, trường mẫu giáo / mầm non, dịch vụ bảo mẫu. Dịch vụ hẹn hò tình yêu. Kim hoàn / nữ trang, đồ đặc sang trọng. Công viên giải trí, dịch vụ chơi game, xổ số, các hình thức cờ bạc, casino, phát triển trò chơi (diện tử). Huấn luyện thú cưng. Thị trường chứng khoán. Công nghệ mặt trời (năng lượng, nhiệt).*

Nói cách khác, dù cung Nhà thứ 10 trong lá số của bạn là dấu hiệu Song Ngư, nhưng những con người hay những gì thuộc về biểu tượng *Sư Tử* sẽ là nét đặc trưng cho sự nghiệp của bạn, là nơi mà linh hồn bạn có xu hướng muốn vươn đến và thể hiện về mặt danh vọng trong đời này.

Tại vị trí điểm Mộc này, **Mộc Tinh** trở thành nguồn động lực chính thúc bạn thể hiện đúng “tài năng bẩm sinh” của mình. Cùng với chủ tinh của điểm Mộc Song Tử là **Thủy Tinh** trong khu vực **Kim Ngưu** kết hợp với tính chất của những hành tinh như **Mộc Tinh** tạo góc chiếu đặc biệt với điểm Mộc **Song Tử** và Thiên Đỉnh **Song Ngư** của bạn, sự kết hợp này cho thấy bạn còn là một người đa năng đa tài và sẽ tìm cách phát huy đam mê hay có xu hướng để trở thành một ‘siêu nhân’ đóng nhiều vai trò khác nhau trong công việc như:

*Người hướng dẫn, người truyền thụ kiến thức, người đào tạo, người cố vấn, tham mưu chiến lược. Người uyên bác, người truyền cảm hứng. Người đa nhiệm / làm việc trong nhiều ngành nghề cùng một lúc, người lao động tự do (freelance), người đi làm phương xa (xuất khẩu lao động, công tác nước ngoài). Thương gia (nghiên cứu xuất nhập khẩu), mạnh thường quân. Người thầy, giáo viên, giáo sư, bác sĩ, kỹ sư, luật sư (những chức vụ trọng vọng trong xã hội). Người lãnh tụ (tôn giáo / chính trị), sư thầy, linh mục, mục sư, lãnh đạo / chấp sự tôn giáo, nhà tiên tri. Người xuất bản, tác giả (văn học). Nhà hoạt động môi trường / nhân quyền.*

Như vậy, tất cả những “vai trò” trên có thể nói nôm na là *nghề nghiệp* của bạn, là những gì mà bạn cần phải tập trung nỗ lực, đi học, trau dồi hay liên tục tự đào tạo để có thể hoàn thành tốt các công tác, đóng góp cho công ty, xã hội cũng như cuộc đời. Nhưng để nghề nghiệp của bạn phát triển tốt thì nó phải được đưa đến nơi “đất dụng võ” đúng của nó, nghĩa là nghề nghiệp của bạn phải được phát huy trong đúng “nơi chốn” và “lãnh vực” của nó. Những yếu tố này cũng còn là thứ mà bạn sẽ phải chủ động đi tìm cơ hội hoặc tự tạo ra cho mình.

Thông thường, nghề nghiệp phát huy tốt nhất khi con người theo đuổi những “đam mê”. Tuy nhiên, nhiều người lại nhầm lẫn giữa “đam mê” và “sở thích”. Khác biệt giữa “đam mê” và “sở thích” đó là “đam mê” không bao giờ thay đổi theo thời gian, trong khi “sở thích” thì thường xuyên thay đổi theo tuổi tác, văn hóa gia đình, áp lực của bố mẹ, ảnh hưởng bạn bè, môi trường xã hội ... Ngoài ra, lầm khi “đam mê” thường bị “chôn” đi hay “ngủ đông” trong tiềm thức của chúng ta, là những “hạt giống” bên trong mỗi con người, để chỉ khi nào nó được “đánh thức” hay gặp được một “vùng đất” thuận lợi thì mới có thể phát triển. “Mảnh đất” không đi tìm “hạt giống”, nhưng “hạt giống” sẽ phải đi tìm “mảnh đất” thích hợp.



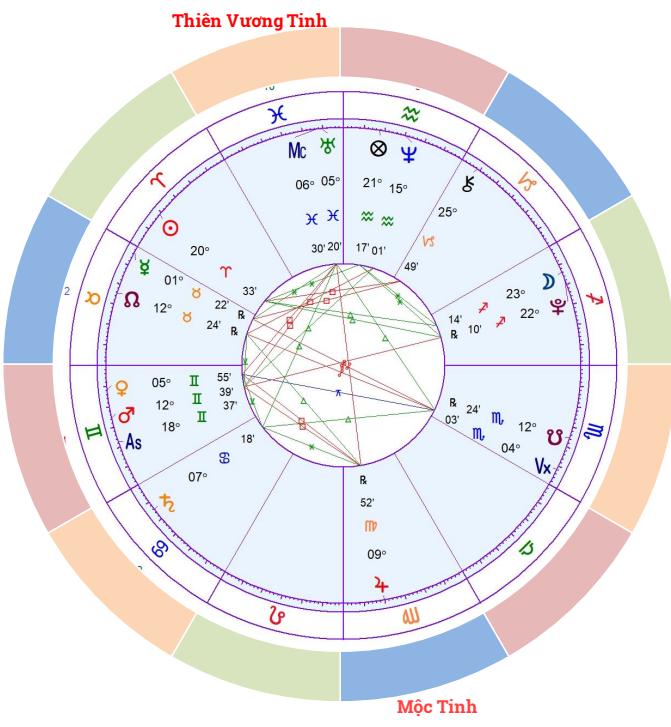
## 8.1.0-F Tóm tắt các hành tinh đóng “vai trò” nghề nghiệp và vị trí “thể hiện” của chúng trên lá số:

Hành tinh 'vai trò' trong lá số bạn Dương	Biểu tượng nghề nghiệp chính	Biểu tượng nghề nghiệp phụ	Cường độ ảnh hưởng (dựa trên xích kinh)
⦿	Mặt Trời		
☽	Mặt Trăng		
☿	Thủy Tinh		
♀	Kim Tinh		
♂	Hỏa Tinh		
☿	<b>Mộc Tinh</b>	✓	Mạnh nhất
☿	Thổ Tinh		
♃	<i>Thiên Vương Tinh</i>	✓	Mạnh thứ 2
♄	Hải Vương Tinh		
♅	Điêm Vương Tinh		

(ký hiệu của các hành tinh từ trái sang phải = Mộc Tinh, Thiên Vương Tinh)



\* *Người có nhiều hành tinh 'vai trò' thường là người đa năng đa tài, và bạn có thể 'chọn' hay tập trung vào 1 trong các hành tinh nói trên làm nghề nghiệp cho mình thì các hành tinh khác sẽ tự động phát huy theo (thành những nghề 'tay trái' hoặc 'tay phải'). Tuy nhiên, vấn đề mà người như bạn Dương có thể thường hay gặp phải đó là xu hướng 'loay hoay' hoặc 'bôn ba' với nhiều lựa chọn ngành nghề khác nhau một thời gian khi còn trẻ trước khi bạn có thể tìm được ngành nghề thích hợp nhất với mình ở tuổi lớn hơn (để thỏa mãn nhu cầu thể hiện của các hành tinh 'vai trò' mà bạn có ở bảng trên).*



Nói chung, các hành tinh sự nghiệp ở cung Nhà nào thì chủ đề khu vực nơi đó sẽ có sự liên quan, kết nối, là nguyên nhân hoặc "động cơ" chính thúc đẩy bạn hành động để phát triển sự nghiệp của mình theo hướng ý nghĩa của cung Nhà đó. Ngoài ra, các hành tinh vận hạn khi di chuyển đến cung Nhà ấy cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình sự nghiệp của bạn.

Xem cách sử dụng các hành tinh sự nghiệp nói trên để tìm nơi du học / công tác nước ngoài / lập nghiệp phương xa của bạn tại [mục 8.1.2](#).



## 8.1.0-G Giới "đối tượng" trong sự nghiệp

Dấu hiệu 'lãnh vực' của nghề nghiệp / mảng hoạt động thích hợp của bạn Dương	Giới "đối tượng" phục vụ / sự "nổi tiếng" của nghề nghiệp	Giới "đối tượng" (phụ)
Dương Cưu		
Kim Ngưu		
Song Tử		✓
Cự Giải		
Sư Tử	✓	
Xử Nữ		✓
Thiên Xứng		
Bọ Cạp		
Nhân Mã		
Ngư Dương	✓	
Bảo Bình		
Song Ngư		

♌ → ♊ ♋ ♌

"Giới đối tượng" là những "fan hâm mộ" hay những người sẽ ngưỡng mộ bạn Dương khi bạn phát triển nghề nghiệp của mình trong lãnh vực / mảng hoạt động nói trên. Nói cách khác, dù những người đồng nghiệp hay "trong nghề với nhau" cũng sẽ quan tâm đến bạn, nhưng bạn sẽ có uy tín nhiều hơn, dễ dàng đạt được tham vọng nhanh hơn, dễ quảng cáo hay nổi tiếng hơn với những người trong các nhóm "đối tượng" này, nhất là trong việc kinh doanh khi đây có thể là những khách hàng tiềm năng hoặc thân tín của bạn. Nếu là "sếp", thầy cô, bố mẹ, hay người trong gia đình bạn, họ sẽ có xu hướng giúp đỡ, đề bạt hay hậu thuẫn cho bạn trong công việc, học hành và sự nghiệp của bạn nói chung. Và nếu họ không làm gì giúp bạn hoặc thậm chí "hại" bạn đi chăng nữa thì kết quả của những gì họ làm sẽ gián tiếp đem lại một ích lợi nào đó cho sự nghiệp của bạn – có thể là ngay lúc đó, hoặc bạn sẽ nhận ra được sau một thời gian.

Một số những đối tượng tiêu biểu trong sự nghiệp của bạn có thể là những người thuộc *giới chính phủ, lãnh đạo, người yêu truyền thống và tập tục, giới xây dựng, giới quản lý đô thị, tầng lớp thượng lưu, giới truyền thông, giao thông vận tải, giới tài xế, giới giao dịch thương mại (bán lẻ), giới những người thích học hỏi / trao đổi thông tin / tờ mờ, giới bình dân, người lao động, công đoàn, đội ngũ lao động, giới quản lý, giới công nghiệp & kỹ nghệ, giới phân tích...*



## 8.1.1 XU HƯỚNG XUẤT NGOẠI

Phần này là kết quả phân tích liệu lá số của bạn Dương có “xu hướng xuất ngoại” hay không dựa trên các yếu tố theo như bài viết tại trang dịch vụ: [cct.tips/H0t74](http://cct.tips/H0t74)

### Bảng 8.1.1-A - Các yếu tố sơ khởi

<i>Yếu tố/ tiêu chí</i>	<i>Kết quả</i>
1. Cả 2 chỉ số tính cách #23 và #24 (ở mục 4, tr. <a href="#">15</a> ) đều có điểm trên trung bình (> 75)	Có
2. Hành tinh Phương Đông (ở mục 6, tr. <a href="#">21</a> ) ở các cung Nhà 5, 8, 9 hoặc 12, hoặc cung thứ 5, 8, 9 hoặc 12 đếm ngược chiều từ cung Hoàng Đạo của Mặt Trời	Có
3. Có ít nhất một hành tinh sự nghiệp (hành tinh vai trò) tụ tập ở cung Nhà thứ 5, 8, 9 hoặc 12 trên lá số bẩm sinh	Không
4. Có ít nhất một hành tinh sự nghiệp tụ tập ở cung Hoàng Đạo thứ 5, 8, 9 hoặc thứ 12 đếm ngược chiều kim đồng hồ từ vị trí Mặt Trời trên lá số bẩm sinh	Có
5. Hành tinh Phương Đông (mục 6, tr. <a href="#">21</a> ) cũng là một trong các hành tinh sự nghiệp	Có

Ngoài ra, trên lá số cũng cần có thêm vài yếu tố quan trọng khác để khẳng định “xu hướng xuất ngoại” hay “xu hướng định cư nước ngoài” có thật sự là “khả thi” hay “chắc chắn” hay không. Về kỹ thuật, những yếu tố này bao gồm vị trí Mặt Trời, vị trí các [chủ tinh](#) của tất cả mọi cung Nhà và tình trạng “mạnh” / “yếu” của các chủ tinh.

Ví dụ, [cung Nhà 1](#) (có điểm Mộc) tượng trưng cho “bản thân”, “cái tôi” và khi [chủ tinh](#) cai quản cung Nhà này nằm càng xa cung Nhà 1 chừng nào (xuôi theo vòng Hoàng Đạo, ngược chiều kim đồng hồ) thì xu hướng “vươn xa” hay “xuất ngoại” sẽ càng mạnh mẽ chừng đó. Hoặc khi chủ tinh của cung “cha mẹ / gia đình ruột thịt” (cung Nhà 2) hay khu vực “nhà cửa / cư trú / quê hương / gia đình (vợ chồng / con cái)” (cung Nhà 4) bị “suy yếu” hay “hỗn địa” do đóng ở cung Hoàng Đạo nghịch với mình, khả năng “lìa bỏ quê hương / xứ sở mà ra đi” hoặc “định cư phương xa” là rất cao vì không có gì mạnh mẽ để “níu kéo” hay “giữ chân” người chủ lá số lại. Ngược lại, khi tình trạng các chủ tinh cung Nhà thuộc “định cư phương xa” (ví dụ như cung 8 hay 12) bị “suy yếu” thì việc “định cư phương xa” sẽ trở nên không bền vững và người đó có thể trở về quê hương hoặc tiếp tục di cư sang một nơi khác (tùy theo vận hạn).

Các [chủ tinh](#) cũng có thể “rủ rê” nhau làm tăng khả năng “xuất ngoại” trên một lá số. Ví dụ khi chủ tinh cung Nhà 9 (cung chủ về đi xa, du học, du lịch, tương lai) ở cùng một cung Hoàng Đạo với chủ tinh cung Nhà 1 (chủ về bản thân, cái Tôi), hoặc chủ tinh cung Nhà 12 (cung chủ về “biến mất”, “lặng mất tiêu”, “nơi xa xăm”) ở cùng một cung Hoàng Đạo với chủ tinh cung Nhà 4 (cung chủ về chỗ ở, nhà cửa, cư ngụ, quê hương). Và dĩ nhiên, các hành tinh này càng ở gần hay “trùng tự” với nhau thì sức ảnh hưởng “rủ rê” sẽ càng mạnh mẽ ...

## Bảng 8.1.1-B Tình trạng “mạnh / yếu” của các chủ tinh (trên lá số bạn Dương)

<i>Cung Nhà</i>	<i>Dấu hiệu</i>	<i>... có chủ tinh là ...</i>	<i>... ở bên cung Nhà ...</i>	<i>... trong tình trạng ...</i>	<i>Cũng là hành tinh sự nghiệp ?</i>
1	Song Tử	Thủy Tinh	12	yếu	
2	Cự Giải	Mặt Trăng	7	bình	
3	Sư Tử	Mặt Trời	11	yếu	
4	Xử Nữ	Thủy Tinh	12	yếu	
5	Thiên Xứng	Kim Tinh	1	yếu	
6	Bọ Cạp	Điêm Vương Tinh	7	yếu	
7	Nhân Mã	Mộc Tinh	4	mạnh	✓
8	Ngư Dương	Thổ Tinh	2	yếu	
9	Bảo Bình	Thiên Vương Tinh	10	mạnh	✓
10	Song Ngư	Hải Vương Tinh	9	mạnh	
11	Dương Cưu	Hỏa Tinh	1	mạnh	
12	Kim Ngưu	Kim Tinh	1	yếu	

“mạnh” = “vượng địa” (exalted) hoặc “đắc địa”

“yếu” = “hãm địa” (delibitated) hoặc “suy vi” (fall)

“bình” = “trung hòa” (peregrine)

### (Xem thêm chi tiết đánh giá về tình trạng mạnh yếu của các hành tinh ở [mục 20.2.2](#))

Có hai vấn đề “xuất ngoại” cần xác định rõ ở đây.

- 1) “**Xuất ngoại**” theo hình thức “du lịch”, ham thích “đi chơi rồi về” hoặc “du học” / “công tác” ở một phương xa, sau đó trở về sinh sống tại quê hương.
- 2) “**Xuất ngoại**” để được “**định cư**” / “ở lại” vĩnh viễn, không còn mong muốn trở về nữa.

Phần lớn nhiều người có lá số “xuất ngoại” khi ngày nay điều kiện cho phép ai cũng có thể leo lên máy bay đi chơi / khám phá đây đó khắp trong nước Việt Nam hay vòng quanh thế giới, ở nước ngoài vài ngày, vài tháng hay vài năm rồi về, nhưng không phải ai cũng có lá số “định cư phương xa”.

Nhưng để có thể “định cư phương xa”, nó là cả một quá trình tổng hợp bao gồm sự “quyết tâm” của bản thân (cung Nhà 1), “hoàn cảnh” của gia đình (cung Nhà 2 và 4) và xã hội (cung Nhà 5, 7, 9) và “**thiên thời**” (hay “thời vận” / “vận hạn” – [mục 8.3](#), xem tr. [89](#)) để đạt được “quyết tâm” đó. Khi mong muốn “định cư phương xa” nhưng **chủ tinh** cung chủ về “định cư phương xa” (cung Nhà 8, 12) quá “yếu ớt” trong khi khu vực “gia đình / quê hương” lại quá “mạnh mẽ”, cho thấy có sự “níu kéo” trong gia đình hay tại địa phương mình ở thì việc “định cư phương xa” trở nên “bất lợi”. Và cho dù người đó có “định cư” được đi chăng nữa (khi các yếu tố “xuất ngoại” đồng loạt mạnh mẽ) thì sau đó người đó cũng sẽ mong muốn trở về lại quê hương của mình v.v...

### Bảng 8.1.1-C Các góc chiếu / vị trí đặc biệt liên quan đến "xuất ngoại" + "định cư"

Xu hướng	Góc chiếu / vị trí hành tinh tìm thấy trên lá số
1. Các góc chiếu hay vị trí <u>chủ tinh</u> / hành tinh đặc biệt liên quan đến việc "xuất ngoại"	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Mặt Trăng và chủ tinh của điểm Mộc (Thủy Tinh) cùng đóng tại các dấu hiệu thuộc nhóm Lãnh Đạo</i></li> <li>- <i>Mộc Tinh trong cung Nhà 4 (Xử Nữ)</i></li> </ul>
2. Các góc chiếu hay vị trí chủ tinh / hành tinh đặc biệt liên quan đến "định cư nước ngoài"	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chủ tinh cung Nhà 4 (Thủy Tinh) trong cung Nhà 12 (Kim Ngưu)</i></li> <li>- <i>Chủ tinh cung Nhà 4 (Thủy Tinh) và chủ tinh cung Nhà 12 ở cùng dấu hiệu Hoàng Đạo với nhau (Xử Nữ)</i></li> <li>- <i>Chủ tinh cung Nhà 4 (Thủy Tinh) với La Hầu là một hay ở cùng dấu hiệu Hoàng Đạo (Xử Nữ) với nhau</i></li> <li>- <i>Chủ tinh cung Nhà 9 (Thổ Tinh, Thiên Vương Tinh, La Hầu) trong cung Nhà 10 (Kim Ngưu)</i></li> <li>- <i>Chủ tinh cung Nhà 1 (Thủy Tinh) và chủ tinh cung Nhà 12 (Kim Tinh) cùng ở trong cung Nhà 12 (Kim Ngưu)</i></li> <li>- <i>Chủ tinh cung Nhà 4 (Thủy Tinh) bị hãm địa</i></li> <li>- <i>Chủ tinh cung Nhà 1 (Thủy Tinh) trong cung Nhà 12 (Kim Ngưu)</i></li> <li>- <i>Thổ Tinh trong cung Nhà 2 (cung Gia Định)</i></li> </ul>

▪ Kết luận:

Từ bảng 8.1.1-A: Lá số của bạn Dương có yếu tố 'xuất ngoại' rất mạnh mẽ. Vì thế, con đường sự nghiệp của bạn cần phải được sớm phát triển ở phương xa, nghiên cứu tài liệu nước ngoài, tiếp xúc đa văn hóa, học thêm ngoại ngữ hay làm việc về xuất nhập khẩu hay với người ngoại quốc để có thể phát huy hết tiềm năng. Nói cách khác, bạn có thể đầu tư đi du học hoặc tìm kiếm cơ hội tu nghiệp / công tác / lao động ở phương xa ít nhất một thời gian (thậm chí định cư!) để công danh sự nghiệp của bạn mới có thể thăng tiến tốt nhất.

Ngoài ra, kết quả ở bảng 8.1.1-C cũng cho thấy bạn có khả năng xuất ngoại và định cư sinh sống tại nước ngoài rất cao. Đây là những yếu tố 'nặng ký' giúp cùng cố những kết quả tích cực trong bảng 8.1.1-A và xác định dự tính / chương trình định cư tại nước ngoài của bạn (nếu có 'bây giờ', hay 'sau này') sẽ dễ dàng đạt được 'thành công' và nhiều 'thuận lợi'.

### Bảng 8.1.1-D Kết quả chi tiết từ phân tích Bát Tinh Cung Pháp ở mục 14:

(Kết quả [Bát Tinh Cung Pháp](#) thông thường sẽ chính xác hơn kết luận tham khảo ở trên)

<i>Thắc mắc thường gặp:</i>	<i>Giải đáp:</i>
1) Bản thân (hay cuộc sống tổng quát nói chung): "Đi xa hay xuất ngoại định cư luôn có lợi cho tôi hay không ?"	Bản thân không thích thú, có thể miễn cưỡng, theo phong trào, cảm hứng nhất thời hoặc không cảm thấy thích nghi và việc dọn đi phương xa (khác vùng miền, khác văn hóa) hay xuất ngoại định cư / sinh sống ở nước ngoài nói chung không có lợi, không nên hay không như ý, nếu đi một thời gian rồi sau đó quay về gần nhà hay quê hương sẽ tốt hơn.
2) Học hành: "Tôi có nên đi xa hay ra nước ngoài du học <u>từ sớm</u> (dưới 21 tuổi) hay không ?"	Con đường học hành cần được phát triển ở phương xa / nước ngoài từ sớm mới phát huy tiềm năng tốt nhất, mặc dù có thể bản thân không thích, bị tình huống ép buộc, gấp gián đoạn giữa chừng, khó khăn hay không có lợi về sau.



## 8.1.2 PHƯƠNG HƯỚNG XUẤT NGOẠI

Tại thời điểm bạn Dương ra đời, các hành tinh tạo ra những “dấu ấn” về sự ảnh hưởng của chúng không những được ghi khắc trên [lá số ban](#) mà còn lan rộng ra trên toàn Trái Đất. Mỗi hành tinh sẽ có những đường năng lượng riêng mà bạn Dương có thể tận dụng để cải thiện cuộc sống bằng cách di dời đến hay sinh sống ở gần chúng, song song với các hướng [phong thủy](#). Tùy theo vai trò hành tinh đó cai quản những vấn đề nào trên lá số ([ý nghĩa cung Nhà](#)) thì bạn Dương có thể “khai thác” chúng với mục đích khác nhau ... Dĩ nhiên, mỗi người với lá số khác nhau thì sẽ có những đường năng lượng khác nhau, không ai giống ai.

Trên nguyên lý đó, nếu kết quả từ các [bảng 8.1.1-A](#), 8.1.1-C và nhất là 8.1.1-D ([Bát Tinh Cung Pháp](#)) nói trên đều thuận lợi (được cả 3 bảng = tốt nhất, 2 trong 3 bảng = tốt nhì), bạn có thể sử dụng **đường năng lượng của các hành tinh sự nghiệp** ([bảng 8.1.0-F](#)) để xác định phương hướng, quốc gia, địa bàn hay khu vực lý tưởng trên thế giới mà bạn có thể di cư / xuất ngoại với mục đích thực hiện các hoạt động liên quan đến **công danh sự nghiệp** - ví dụ như: chọn môn ngoại ngữ, chỗ ở, nơi mua nhà, du học, công tác, tu nghiệp, khởi nghiệp hay kinh doanh.

Mô tả	<i>Những hành tinh có đường năng lượng tích cực cho sự nghiệp của bạn Dương</i>	<i>Hiện diện trên các bản đồ 8.1.2-A và 8.1.2-B ?</i>	Ký hiệu trên bản đồ
Những hành tinh có ảnh hưởng “tốt chung” cho mọi mặt của cuộc sống (bao gồm sự nghiệp)	<b>Mặt Trời và Mộc Tinh</b> (với Mộc Tinh cũng vừa là hành tinh sự nghiệp)	Mặc định	⊕ và 4
Hành tinh sự nghiệp (đặc biệt “tốt riêng” cho sự nghiệp – từ <a href="#">bảng 8.1.0-F</a> , chỉ áp dụng khi giờ sinh bạn Dương chính xác trong khung giờ từ 9:12:30 đến 9:20:40 nói đến ở <a href="#">mục 8.1.0-F</a> )	<b>Thiên Vương Tinh</b>	(có, trong mọi bản đồ)	⊗
Hành tinh trong các cung Nhà 4 và cung Nhà 10 (công hưởng / chi phối sự nghiệp của bạn Dương, chỉ áp dụng cho giờ sinh Song Tử dao động từ 8:01:03 đến 10:03:29 nói đến ở <a href="#">mục 8.1.0-D</a> )		(có các hành tinh sự nghiệp Mộc Tinh trong cung Nhà 4 và Thiên Vương Tinh trong cung Nhà 10, xem trong các bản đồ 8.1.2-B)	

Phương pháp này lần đầu tiên được giới thiệu trong bài viết [cct.tips/duhoc](#) vào tháng 8/2018 và đến đầu tháng 3/2019 thi bắt đầu được đưa vào trong báo cáo này và phân tích kỹ hơn nữa trong các trang kế tiếp để bạn tiện tra cứu.

- **Chức năng của 2 bản đồ 8.1.2-A và 8.1.2-B:**

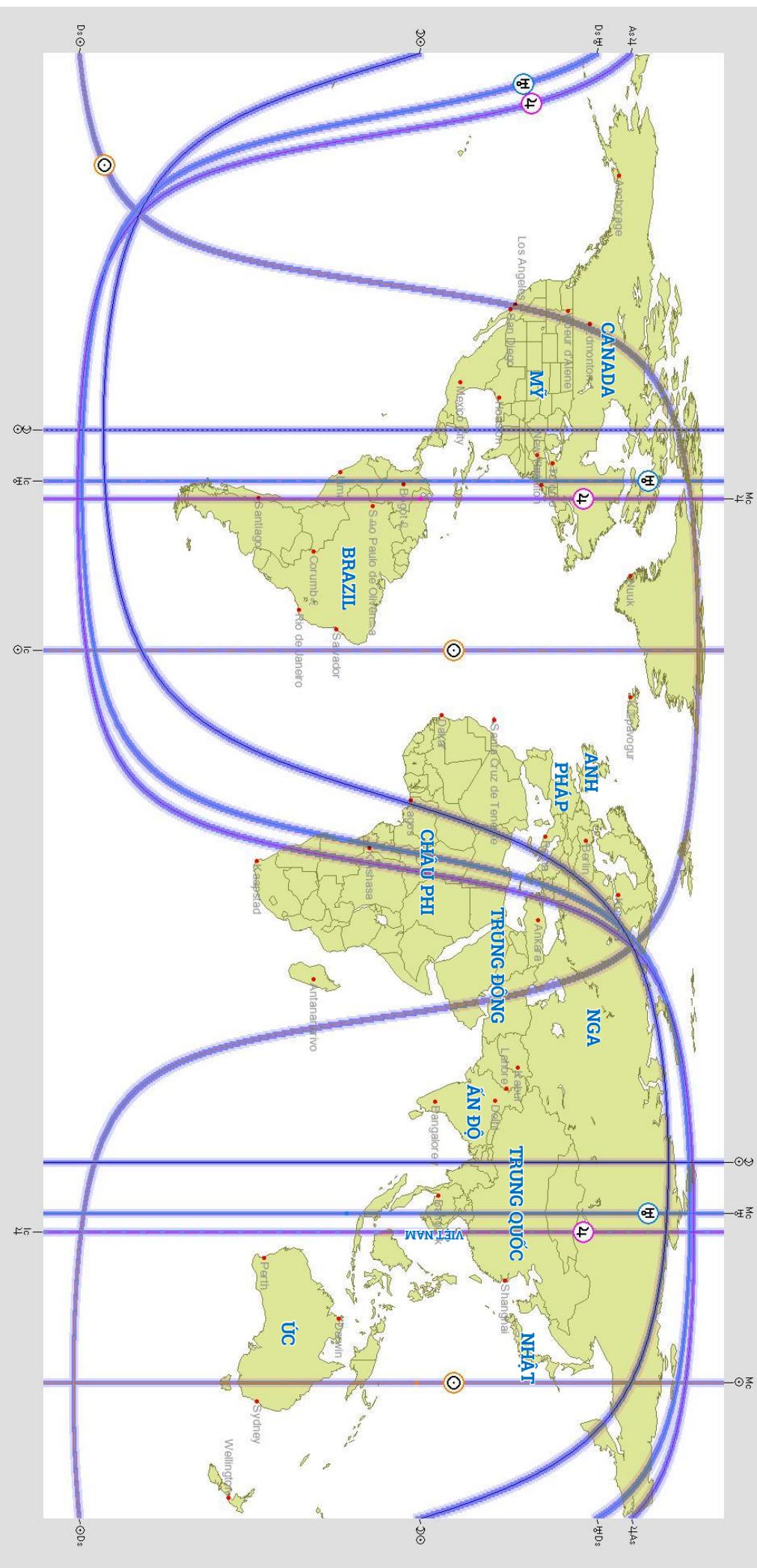
- **Bản đồ 8.1.2-A:** đây là bản đồ của các đường năng lượng *mạnh nhất* được tính từ 2 góc chiếu trùng tự ( $0^\circ$ ) và đối góc ( $180^\circ$ ) giữa các điểm chân trời (điểm Mộc ASC, điểm Lặc DSC, Thiên Đỉnh MC, Thiên Đế IC) và các hành tinh sự nghiệp trên lá số của bạn tại tọa độ địa lý của địa phương, bao gồm cả Mặt Trời (chủ về bản thân, cuộc sống) và Mộc Tinh (may mắn, xuất ngoại).

#### Cách sử dụng bản đồ:

- Khi thấy đường năng lượng ( hay ) chạy qua (hay cắt ngang) nơi nào trên bản đồ thì đó chính là nơi tốt nhất mà bạn nên đi đến để du học, công tác, tìm kiếm đối tác, phát triển sự nghiệp một thời gian hay "an cư lạc nghiệp" lâu dài ... Đặc biệt là khi đường năng lượng ấy cũng thuộc về hành tinh được đánh giá là "mạnh nhất" về cường độ ảnh hưởng ở [bảng 8.1.1-B](#) hoặc / và là hành tinh Phương Đông ([mục 6](#)), hành tinh Trưởng Bối hay Tham Mưu ở [mục 8.0.5](#).
- Đường năng lượng của "hành tinh sự nghiệp" nào chạy qua nơi đâu thì đặc tính của hành tinh ấy (mô tả ở [mục 8.1.0-F](#)) cũng sẽ là công việc, hay vai trò trong công việc mà bạn có xu hướng thể hiện và phát huy tốt nhất ở nơi đó.
- **Bản đồ 8.1.2-B:** đây là bản đồ "tổng hợp" tất cả các đường năng lượng tốt cho sự nghiệp của bạn. Bản đồ này cũng có nội dung tương tự như [8.1.2-A](#) nhưng tính thêm các góc chiếu thuận hòa khác *yếu hơn* một tí dù cũng có tác động rất tốt đến sự nghiệp của bạn như góc tam hợp  $\Delta$  ( $120^\circ$ ) và lục hợp \* ( $60^\circ$ ). Bản đồ này cũng tính thêm ảnh hưởng của các hành tinh khác (nếu có) hiện diện ở trong cung Nhà thứ 4 (chủ về nhà cửa, định cư) và thứ 10 (công danh sự nghiệp) trên lá số bạn.
- Nói cách khác, nếu bạn không tìm được nơi nào hoặc không có khả năng xuất hành đi đến những nơi có các đường năng lượng mạnh nhất chạy qua ở bản đồ [8.1.2-A](#) thì bạn có thể xem [8.1.2-B](#) để khám phá thêm những nơi chốn tiềm năng khác cho dự định sự nghiệp hay định cư của mình.
- Bạn cũng có thể "**kích hoạt từ xa**" nơi mình muốn đến (remote activation). Ví dụ, bạn muốn đến vùng nào đó ở châu Âu hay châu Phi, nhưng vì điều kiện hiện tại không cho phép bạn đến được thì bạn có thể nghiên cứu việc ăn mặc, học hỏi ngôn ngữ và trang trí căn nhà mình cho giống con người, văn hóa địa phương ở đó.
- Nếu nơi bạn muốn đến hoặc bắt buộc phải ở (bạn không thể lựa chọn) không nằm tại những nơi có các đường năng lượng tốt cho sự nghiệp chạy qua trên các bản đồ này thì bạn có thể áp dụng các **phương hướng phong thủy** tốt cho sự nghiệp của mình nói đến ở [mục 18.2](#) hoặc / và chọn lựa **khu vực Mộc Tinh / Thổ Tinh** tại quốc gia / địa phương mình cư trú ở [mục 8.1.3](#).

### Bản đồ 8.1.2-A Những nơi tốt nhất để phát triển sự nghiệp

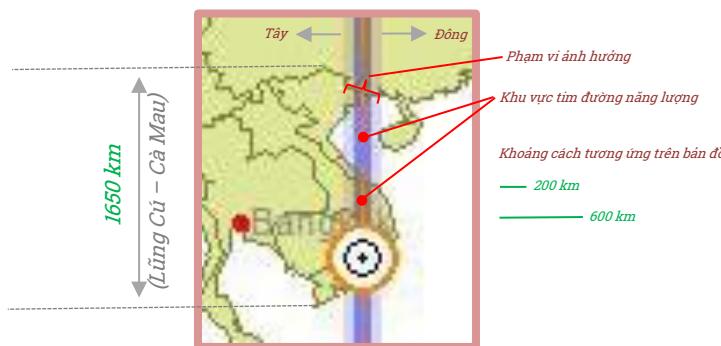
Bản đồ này cho thấy đường đi của các luồng năng lượng mạnh nhất từ các hành tinh sự nghiệp của bạn (từ [bảng 8.1.0-F](#)). Bạn chỉ việc xem nơi nào có các đường này chạy qua thì đơn giản đó chính là những địa phương hay quốc gia có thể có nhiều cơ hội giúp bạn phát triển tốt nhất công danh sự nghiệp của mình.



bấm vào tên châu lục để mở ra xem bản đồ khu vực tương ứng trên Google Maps

## Một số lưu ý quan trọng khi sử dụng bản đồ 8.1.2-A và 8.1.2-B

- Giờ sinh / nơi sinh:** **độ chính xác trong giờ sinh và nơi sinh của bạn rất quan trọng với các bản đồ này.** Cứ mỗi phút sai lệch trong giờ sinh, những đường này sẽ bị lệch đi theo chiều Đông <-> Tây từ 15 km đến gần 30 km (chính xác là 27.8298 km tối đa nếu ở vùng xích đạo, càng ít hơn nếu vĩ tuyến nơi sinh dịch lên hướng Bắc hoặc xa về phía Nam so với xích đạo).
  - Nếu bạn sinh ra *sớm hơn* so với giờ sinh đăng ký cho báo cáo ĐHNN này, các đường năng lượng trong bản đồ sẽ lệch về *hướng Tây*. Nếu sinh *trễ hơn*, các đường năng lượng sẽ dịch chuyển về *hướng Đông*.
  - Cảnh báo:** nếu giờ sinh bạn nằm ngoài khung giờ sinh chính xác (9:12 ~ 9:20) nói đến ở [mục 3.3](#) và [mục 8.1.0-E](#), các hành tinh sự nghiệp ([bảng 8.1.0-F](#)) **sẽ thay đổi** (trừ Mặt Trời và Mộc Tinh) và các bản đồ trong mục này **sẽ bị sai !** Tuy bạn vẫn có thể tham khảo các đường Mặt Trời ☉ và Mộc Tinh ♀, nhưng **nếu giờ sinh bị sai lệch quá nhiều thì các bản đồ này cũng sẽ bị sai hoàn toàn, mục này trở nên vô dụng !**
  - Vì giờ sinh mỗi người có thể sai lệch chút ít so với thời điểm chính thức, nên các đường này rất có thể đã bị sai lệch một tí (vài km đến vài chục km). Do đó, bạn cũng cần phải dựa thêm vào *cảm nhận của mình trong thực tế* để định vị phương hướng tốt nhất cho bản thân sau khi tham khảo các bản đồ.
- Phạm vi ảnh hưởng:** các đường năng lượng này sẽ mạnh nhất trong **bán kính 100 km** **tính từ tim đường**. Nghĩa là điểm nào có đường năng lượng chạy qua thì 2 bên đường đó (100 km phía Đông + 100 km phía Tây = 200 km tổng cộng từ Đông sang Tây) sẽ có trên 50% đến 100% hiệu lực ảnh hưởng tích cực đến sự nghiệp của bạn.



- Ảnh hưởng của các đường năng lượng sẽ nhanh chóng giảm đi đáng kể - chỉ còn 30% ~ 50% trong bán kính xa hơn – từ 100 km đến 300 km (200 km ~ 600 km tổng cộng)

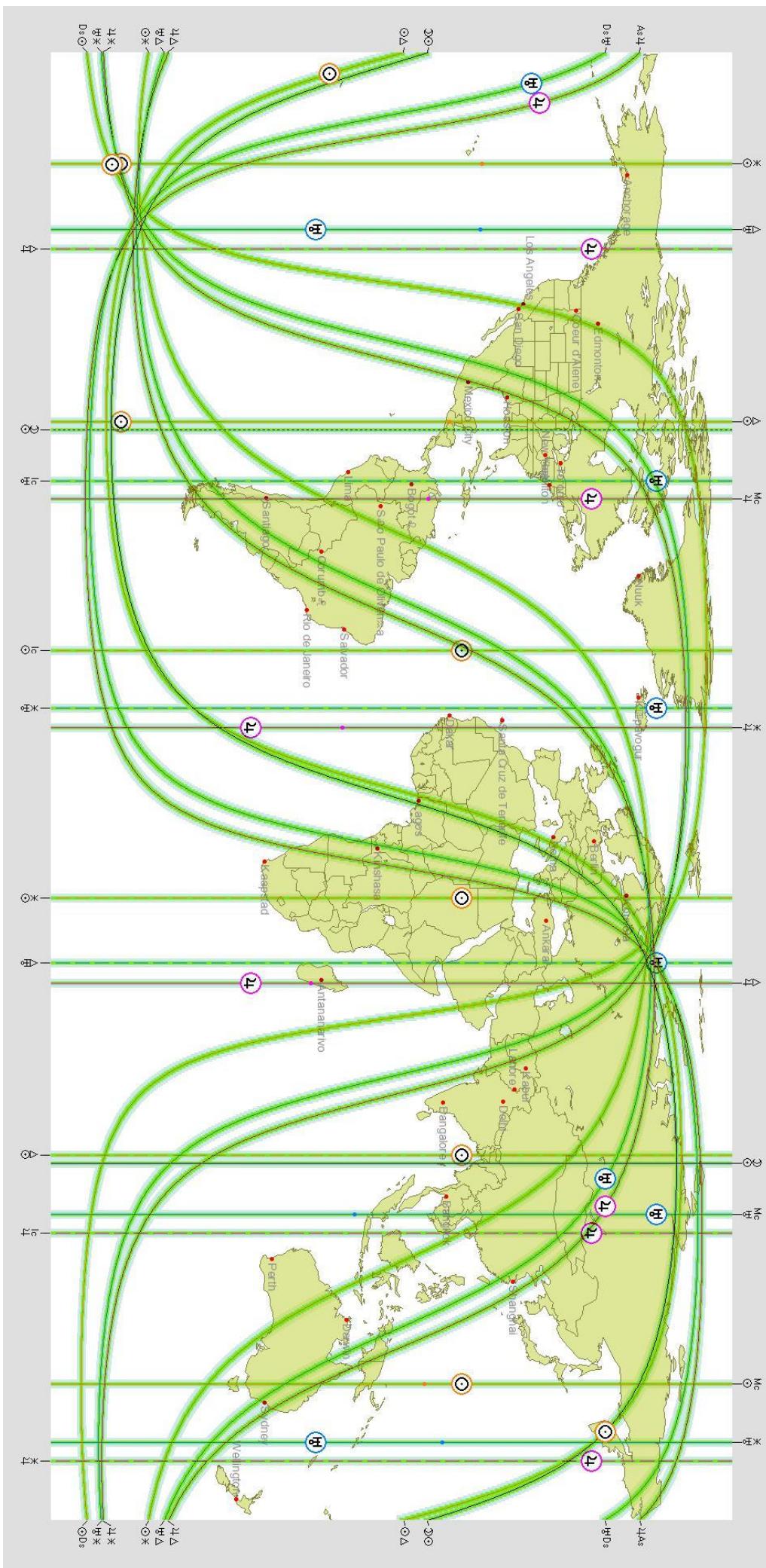
- Khác với cách tính trong bài viết hướng dẫn [cct.tips/duhoc](#) trước đây, các đường CONG NGANG trong các bản đồ [8.1.2-A](#) và [8.1.2-B](#) đều có sức mạnh / tác động *ngang ngửa giống nhau* như các đường THẮNG DỌC trên sự nghiệp của bạn.
  - Ở những nơi có các đường năng lượng giao nhau (cắt nhau), chúng vừa có ý nghĩa “ảnh hưởng mạnh” / “điểm nhấn” nhưng cũng đồng thời có nguy cơ “nhiều loạn” / “phân tán” nếu có *quá nhiều* (hơn 2) đường năng lượng khác nhau tụ tập. Ngoài ra, người càng có nhiều hành tinh sự nghiệp thì các đường năng lượng sẽ càng hiển thị dày đặc trên các bản đồ, cho thấy họ là người “có chân đi”, có khả năng “chu du khắp thiên hạ”, thường di chuyển đây đó và thích nghi tốt với nhiều địa phương.
- **Những khu vực không có các đường này chạy qua** sẽ không phải là nơi tốt nhất cho công ăn việc làm và các dự tính sự nghiệp của bạn nói chung. Điều này không có nghĩa là bạn sẽ “chắc chắn thất nghiệp” hay gặp phải điều kiện làm việc tồi tệ nếu như bạn phải sống ở những nơi đó. Điều đó chỉ có nghĩa là bạn không có thêm sự trợ giúp đắc lực từ các hành tinh sự nghiệp để giúp bạn cải thiện tốt hơn tình trạng công việc / sự nghiệp mình trong khu vực này. Và nó cũng không có nghĩa là bạn sẽ không bao giờ có khả năng tìm được cơ hội công việc rất tốt ở những nơi đó.
  - **Thái độ đúng đắn:** bạn nên cân nhắc khôn ngoan, suy nghĩ thực tế theo lẽ thông thường (“common sense”) khi xem các bản đồ [8.1.2-A](#) và [8.1.2-B](#). Ví dụ, bạn mới học xong trung học / trung cấp / đại học và đang mới bắt đầu tìm việc làm đầu tiên, hay bạn đã làm lâu / làm nhiều nơi / đã tích tụ được một số thâm niên và nay muốn thay đổi hướng đi sự nghiệp. Nếu bạn sống ở một nơi đang có nhu cầu tuyển dụng cao cho công việc mà bạn muốn làm trong khi nguồn nhân lực trên thị trường đang khan hiếm không cung ứng đủ, thì rất có thể đó sẽ chính là việc làm thích hợp nhất với bạn trong hoàn cảnh này, mặc dù trên bản đồ không hề thấy có đường năng lượng nào chạy qua !
    - Dĩ nhiên, việc chọn lựa nghề nghiệp đúng với thiên bẩm và khả năng của mình (theo các ngành nghề đề nghị ở [mục 15](#)) cùng với một thái độ tích cực, năng động thì những yếu tố này cũng sẽ giúp bạn thành công trong sự nghiệp, cho dù địa phương đó có phù hợp nhất với bạn hay không. Hơn nữa, đôi khi việc học tập và rèn luyện kỹ năng ở những nơi “không thích hợp” có thể là một “bước đệm” cần thiết, một quá trình “lót đường” để dẫn đưa bạn đến cơ hội việc làm tốt hơn ở một thời điểm sau này (cần kết hợp với yếu tố “vận hạn” ở [mục 8.3](#)).
    - Một số người sẽ rất ngạc nhiên khi tìm được việc làm tuyệt vời ở một nơi “cờ hó” lạ lùng nào đó hoặc ngược lại, cảm thấy vô cùng khó khăn để tìm việc làm mặc dù thị trường xung quanh đang dồi dào không thiếu gì cơ hội ... Trong những trường hợp “bí ẩn” như thế thì [bản đồ 8.1.2-A](#) và [8.1.2-B](#) sẽ giúp bạn tìm ra những nơi nào thích hợp hay không thích hợp cho mình. Đó là vì Chiêm Tinh Học có khả năng lý giải những vấn đề mà bình thường con người chúng ta không thể hiểu được.

---

Xem thêm bài viết về đề tài này tại: [cct.tips/duhoc](#)

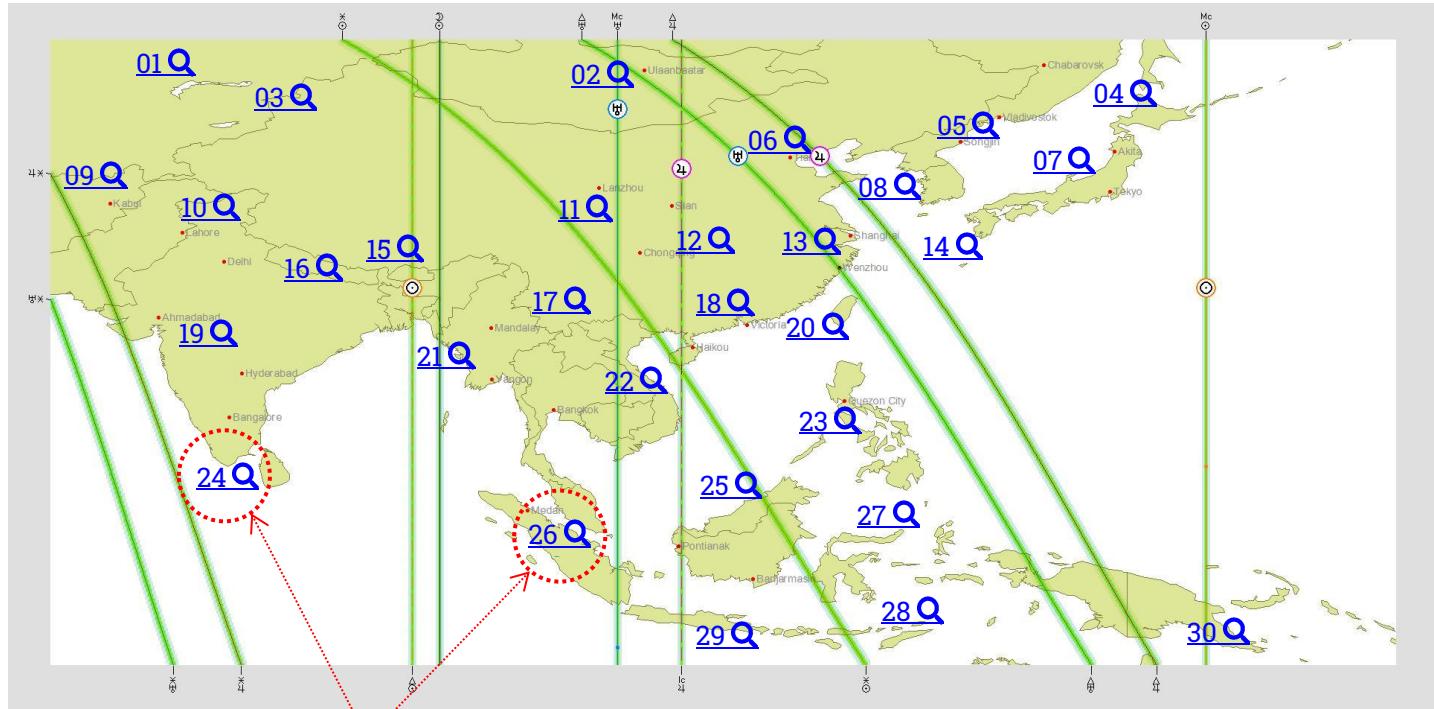
## Bản đồ 8.1.2-B Tổng hợp những địa phương tốt để phát triển sự nghiệp

Các đường nắng lượng trên bản đồ này được tính từ các góc chiếu trùng tự ( $0^\circ$ ) và đổi góc ( $180^\circ$ ) tương tự như [8.1.2-A](#) nhưng có thêm các góc chiếu thuận hòa khác yếu hơn một tí và cũng có tác động rất tốt đến sự nghiệp của bạn như tam hợp  $\Delta$  ( $120^\circ$ ) và lục hợp \* ( $60^\circ$ ). Ngoài ra, bản đồ này cũng tính thêm ảnh hưởng tích cực từ các hành tinh khác (nếu có) ở trong cung Nhà thứ 4 (chủ về nhà cửa, định cư) và thứ 10 (công danh sự nghiệp) trên lá số bạn.



Sau đây là các bản đồ chi tiết được phóng đại rõ hơn từ [bản đồ tổng hợp 8.1.2-B](#) cho các khu vực châu Á (B1), châu Úc (B2), châu Âu (B3) và vùng Bắc Mỹ (B4). Đây là những khu vực phổ biến đối với nhiều người Việt Nam trong mục tiêu di cư, xuất ngoại, học hành, công tác .... Lưu ý: mỗi bản đồ có tỷ lệ khác nhau, xem ước tính khoảng cách cho "[200 km](#)" bên dưới góc phải mỗi bản đồ.

### Bản đồ 8.1.2-B1 Địa phương tốt để phát triển sự nghiệp – khu vực châu Á



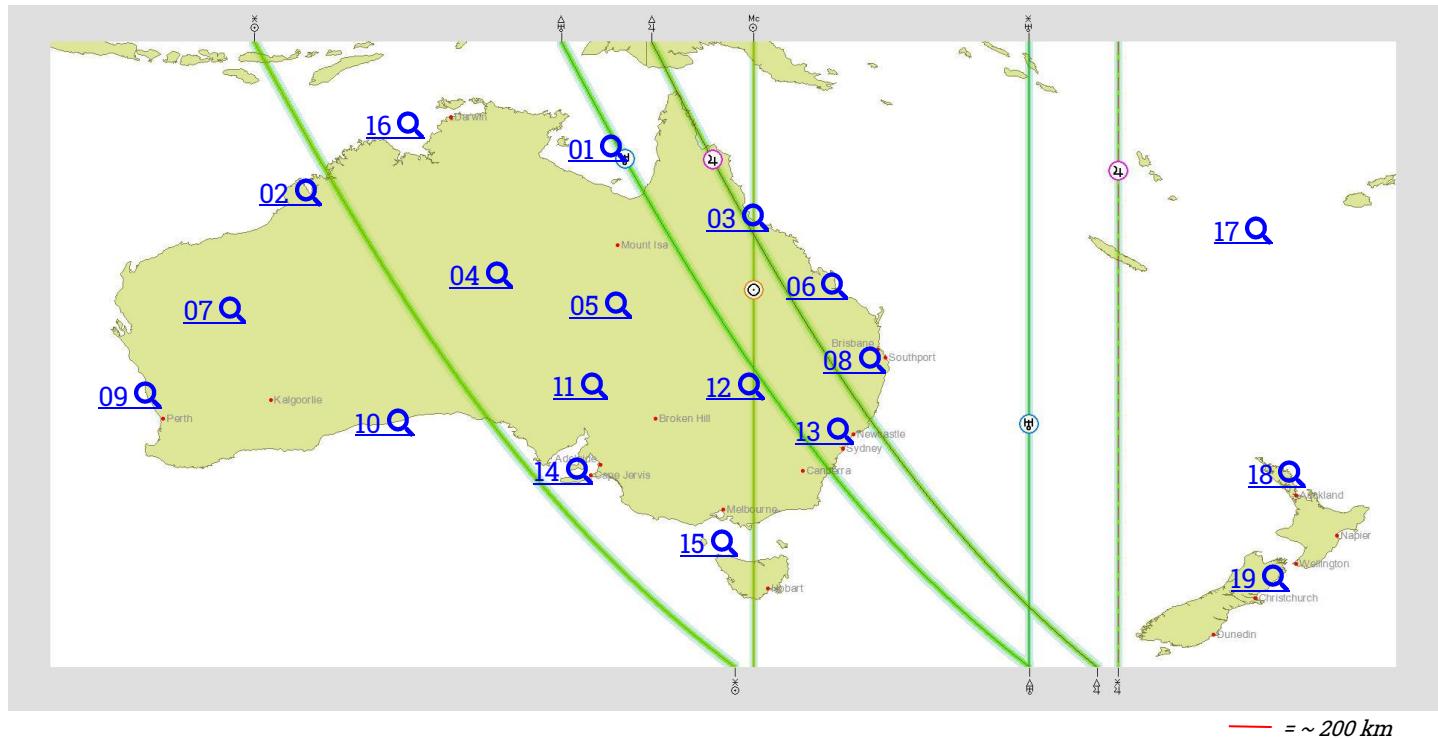
bấm vào biểu tượng kính lúp để mở ra xem bản đồ khu vực tương ứng trên Google Maps  
(chỗ bạn bấm vào cũng là khu vực trung tâm của Google Maps khi mở ra)

= ~ 200 km

Danh sách các quốc gia (theo số) – CHÂU Á (ASIA)

Số trên bản đồ	Khu vực Quốc gia	Số trên bản đồ	Khu vực Quốc gia
01	Kazakhstan	17	Trung Quốc (Côn Minh), Việt Nam, Lào
02	Mông Cổ	18	Trung Quốc (Quảng Châu, Macao, Hongkong)
03	Trung Quốc (Tân Cương), Kazakhstan	19	Ấn Độ (Nagpur)
04	Nhật Bản (phía Bắc), Nga	20	Đài Loan
05	Trung Quốc, Nga (Vladivostok), Triều Tiên	21	Miến Điện
06	Trung Quốc (Bắc Kinh, Nội Mông, Đại Liên)	22	Việt Nam
07	Nhật Bản (Sendai, Tokyo, Osaka)	23	Philippines
08	Triều Tiên, Hàn Quốc	24	Ấn Độ (Tamil), Sri Lanka
09	Afghanistan, Pakistan, Tajikistan, Uzbekistan	25	Brunei, Malaysia (Mã Lai)
10	Ấn Độ (New Delhi), Pakistan, Tây Tạng	26	Malaysia (Mã Lai), Indonesia, Singapore
11	Trung Quốc (Lan Châu, Cam Túc), Tây Tạng	27	Indonesia, Philippines
12	Trung Quốc (Vũ Hán, Hồ Nam)	28	Indonesia, Đông Timor
13	Trung Quốc (Thượng Hải, Hàng Châu)	29	Indonesia (Đông Java)
14	Nhật Bản (phía Nam)	30	Papua New Guinea
15	Bhutan, Tây Tạng (Lhasa)		
16	Nepal, Ấn Độ, Tây Tạng		

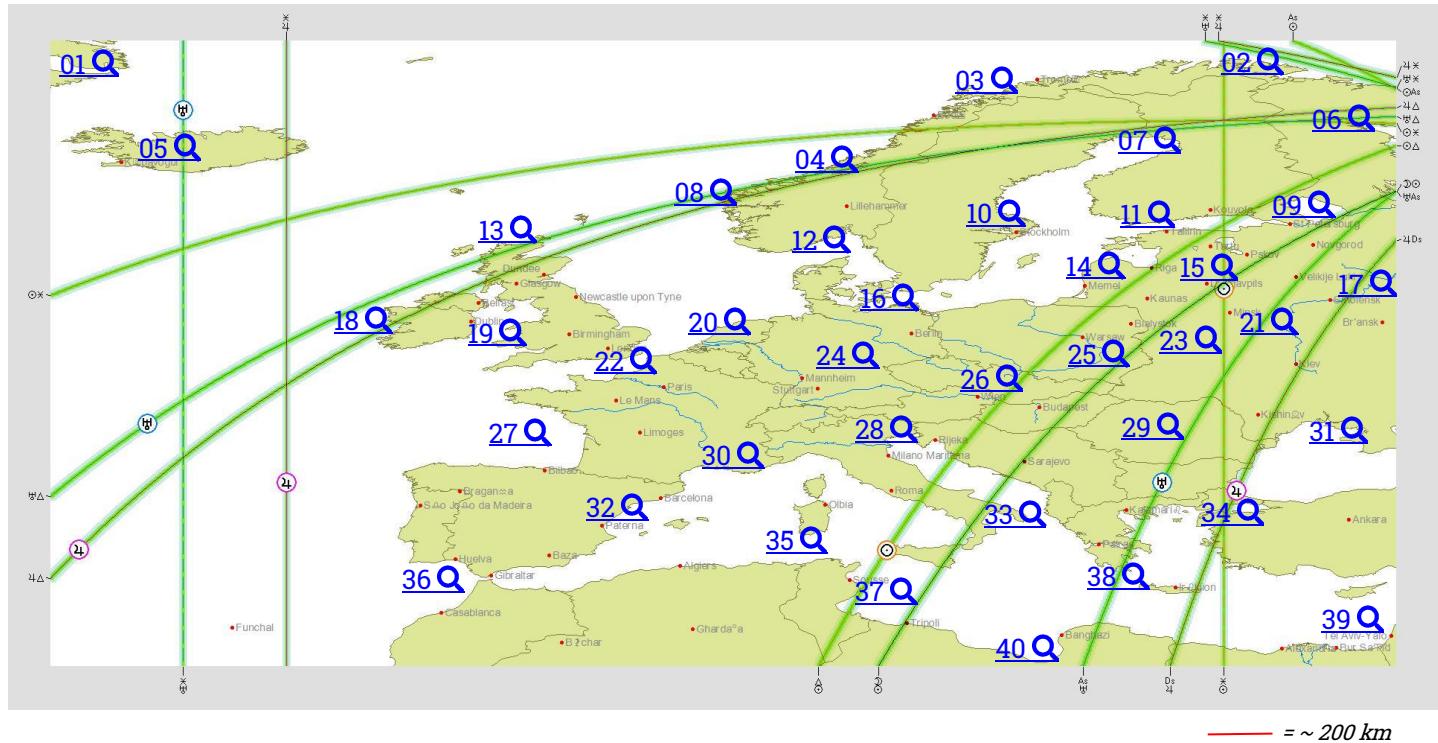
## Bản đồ 8.1.2-B2 Địa phương tốt để phát triển sự nghiệp – khu vực châu Úc



Danh sách các quốc gia (theo số) – CHÂU ÚC (AUSTRALIA)

Số trên bản đồ	Tên Quốc gia	Bang	Khu vực thị trấn / thành phố tiêu biểu
01	Úc	Northern Territory	Mornington Island
02		Western Australia	Derby
03		Queensland	Cairns, Townsville
04		Northern Territory	Alice Springs
05		Queensland	Boulia
06		Queensland	Rockhampton
07		Western Australia	Newman
08		Queensland	Brisbane, Southport
09		Western Australia	Perth
10		Western Australia	Eucla, Khu bảo tồn Nuytsland
11		South Australia	Marree, hồ Torrens
12		New South Wales	Bourke
13		New South Wales	Sydney
14		South Australia	Aldelaide
15		Victoria / Tasmania	Melbourne, Hobart
16		Northern Territory	Darwin, Wadeye
17	Fiji, New Caledonia	Suva, Nouméa	
18	New Zealand	Auckland	
19	New Zealand	Christchurch, Wellington, Dunedin	

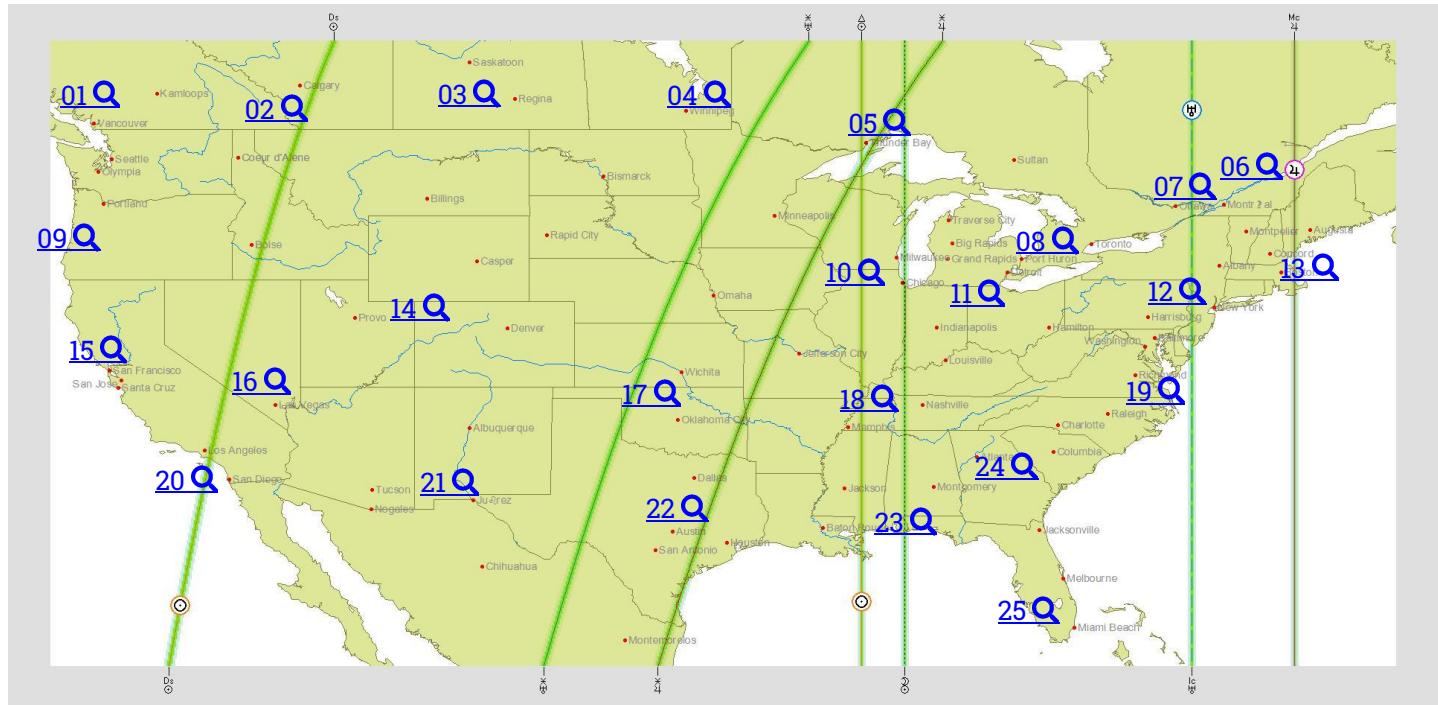
## Bản đồ 8.1.2-B3 Địa phương tốt để phát triển sự nghiệp – khu vực châu Âu



Danh sách các quốc gia (theo số) – CHÂU ÂU (EUROPE)

Số trên bản đồ	Khu vực Quốc gia	Số trên bản đồ	Khu vực Quốc gia
01	Greenland (Inarteg)	21	Ukraine (Kiev)
02	Nga (Murmansk), Na Uy (Kirkenes), Phần Lan	22	Anh (London), Pháp (Paris), Belgium
03	Na Uy (Tromsø), Thụy Điển, Phần Lan (Enontekiö)	23	Belarus (Minsk)
04	Na Uy (Trondheim), Östersund	24	Đức (Berlin, Frankfurt, Stuttgart, Leipzig)
05	Iceland (Reykjavík)	25	Ba Lan (Warsaw, Lublin)
06	Nga (Kandalaksha)	26	Áo, Tiệp Khắc, Slovakia, Hungary
07	Phần Lan (Oulu), Luleå	27	Pháp (Bordeaux), Tây Ban Nha (Bilbao)
08	Na Uy (Nordfjordeid)	28	Ý (Venice, Trieste), Croatia (Pula)
09	Nga (St Petersburg, Ladoga)	29	Romania (Brasov)
10	Thụy Điển (Stockholm)	30	Pháp (Marseille, Cannes), Monaco
11	Phần Lan (Helsinki), Estonia (Tallinn)	31	Ukraine, Crimea
12	Na Uy (Oslo)	32	Tây Ban Nha (Barcelona, Valencia)
13	Scotland (Inverness)	33	Ý (Naples, Bari, Lecce), Albania
14	Latvia (Riga), Lithuania (Klaipėda)	34	Thổ Nhĩ Kỳ (İstanbul), Hy Lạp
15	Latvia (Rēzekne, Daugavpils), Nga (Pskov)	35	Ý (Cagliari), Tunisia (Tunis), Địa Trung Hải
16	Đan Mạch (Copenhagen)	36	Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Morocco
17	Nga (phía Tây của thủ đô Moscow / Mát-cơ-va)	37	Tunisia (Sfax), Libya (Tripoli)
18	Ireland (Galway)	38	Hy Lạp (Athens, Crete)
19	Ireland (Dublin), Vương quốc Anh (Manchester)	39	Israel, Gaza, Ai Cập
20	Hà Lan	40	Lybia (Benghazi)

## Bản đồ 8.1.2-B4 Địa phương tốt để phát triển sự nghiệp – khu vực Bắc Mỹ



\* Lưu ý: địa phận Canada hiển thị trong bản đồ B4 trên đây đại diện cho khoảng trên 80% dân số Canada tụ tập sinh sống (ở phía Nam). Các khu vực khác phía Bắc và phía Đông có thể xem [bản đồ 8.1.2-B](#).

**Danh sách các quốc gia (theo số) – BẮC MỸ (NORTH AMERICA)**

Số trên bản đồ	Tên Quốc gia	Tỉnh / Bang	Khu vực thị trấn / thành phố tiêu biểu
01	Canada	British Columbia / Washington (USA)	Vancouver / Seattle (USA)
02		Alberta	Calgary, Lethbridge
03		Saskatchewan	Regina, Saskatoon
04		Manitoba	Winnipeg
05		Ontario	Thunder Bay
06		Québec	Québec City
07		Québec	Montréal
08		Ontario	Toronto
09	Mỹ (Hoa Kỳ)	Oregon	Portland
10		Wisconsin, Illinois, Iowa	Milwaukee, Chicago, Dubuque
11		Michigan, Ohio, Indiana	Detroit, Cleveland
12		Pennsylvania, New York	Philadelphia, New York
13		Massachusetts, New Hampshire, Maine	Boston
14		Colorado, Wyoming, Utah	Denver, Salt Lake City
15		California (phía Bắc)	San Francisco, San José, Sacramento
16		Nevada	Las Vegas
17		Kansas, Oklahoma	Wichita, Oklahoma City
18		Tennessee, Arkansas, Mississippi	Memphis, Nashville
19		Virginia, North Carolina	Norfolk, Raleigh
20		California (phía Nam)	Los Angeles, San Diego
21		Arizona, New Mexico	Tucson, La Cruces
22		Texas	Dallas, Austin, Houston
23		Alabama, Florida (phía Bắc)	Mobile, Pensacola
24		Georgia, South Carolina	Atlanta, Augusta
25		Florida (phía Nam)	Tampa, Miami

[MỤC LỤC] – Chương mục: [01](#) [02](#) [03](#) [04](#) [05](#) [06](#) [07](#) [08](#) [8.1](#) [8.3](#) [09](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)



### 8.1.3 ĐỊA PHƯƠNG SINH SỐNG - BẠN Ở THẾ GIỚI MỘC TINH HAY THỔ TINH ?

Theo bài viết [cct.tips/cth202003](http://cct.tips/cth202003), con người, dân tộc, quốc gia, thành phố, làng xã, địa lý và vạn vật trên Trái Đất chia ra làm 2 nhóm chính:

- (i) nhóm Mộc Tinh (sao Mộc, Jupiter) và
- (ii) nhóm Thổ Tinh (sao Thổ, Saturn)

Nếu bạn Dương là kiểu người Mộc Tinh, bạn sẽ có xu hướng “sính ngoại”, cảm thấy ngọt ngạt, sinh sống vất vả hay khó phát triển sự nghiệp ở những vùng thuộc Thổ Tinh. Ngược lại, nếu bạn là người Thổ Tinh, bạn dễ bồng lòng với nơi mình sinh ra và lớn lên, có thể cảm thấy hụt hẫng, thiếu thốn hay nhảm chán khi sống ở những nơi mang tính chất Mộc Tinh. Và giữa 2 thái cực ấy, có một số người thuộc dạng thứ ba – nghĩa là họ có thể thích nghi “sống ở đâu cũng được” dù đó là nơi Mộc Tinh hay khu vực của Thổ Tinh. Phần này sẽ có 2 ý chính:

1. Phân tích bạn Dương thuộc nhóm nào: người Mộc Tinh, Thổ Tinh hay cả hai ?
2. Cách nhận diện khu vực Mộc Tinh / Thổ Tinh để chọn thành phố hay nơi lập nghiệp sinh sống thích hợp tại quốc gia bạn đang ở hiện tại, hoặc sau khi đã chọn khu vực xuất ngoại có đường năng lượng chạy qua ở [mục 8.1.2](#)

#### 8.1.3-A Bạn thuộc nhóm người nào - Mộc Tinh hay Thổ Tinh ?

Vị trí trên lá số:	Số điểm:	Ghi chú:
<i>Chủ tinh điểm Mộc:</i>	<b>+3.0</b>	Từ -3 đến +3 điểm
<i>Mặt Trăng:</i>	<b>-3.0</b>	
<i>Mặt Trời:</i>	<b>±0.0</b>	
<i>Điểm Mộc (khi giờ sinh dao động từ 9h01' đến 9h31' ngày 10/4/2004):</i>	<b>+1.0</b>	Từ -1 đến +1 điểm
<i>Tổng số điểm dương (Mộc Tinh):</i>	<b>+4.0</b>	Tối đa
<i>Tổng số điểm âm (Thổ Tinh):</i>	<b>-3.0</b>	

- Kết luận: Số điểm chênh lệch giữa sao Mộc và sao Thổ không quá nhiều cho thấy bạn Dương là người có thể luân chuyển ở 2 thế giới khác nhau và dễ dàng thích nghi với hầu hết mọi tình huống. Nói cách khác, bạn sống ở đâu cũng được và có thể lập nghiệp thành công trong mọi hoàn cảnh, mặc dù bạn có xu hướng nghiên cứu nhiều hơn về thế giới Mộc Tinh (nếu giờ sinh chính xác) và đây sẽ là nơi mang lại nhiều may mắn sự nghiệp và tài lộc cho bạn.

### 8.1.3-B Cách nhận diện khu vực Mộc Tinh và Thổ Tinh

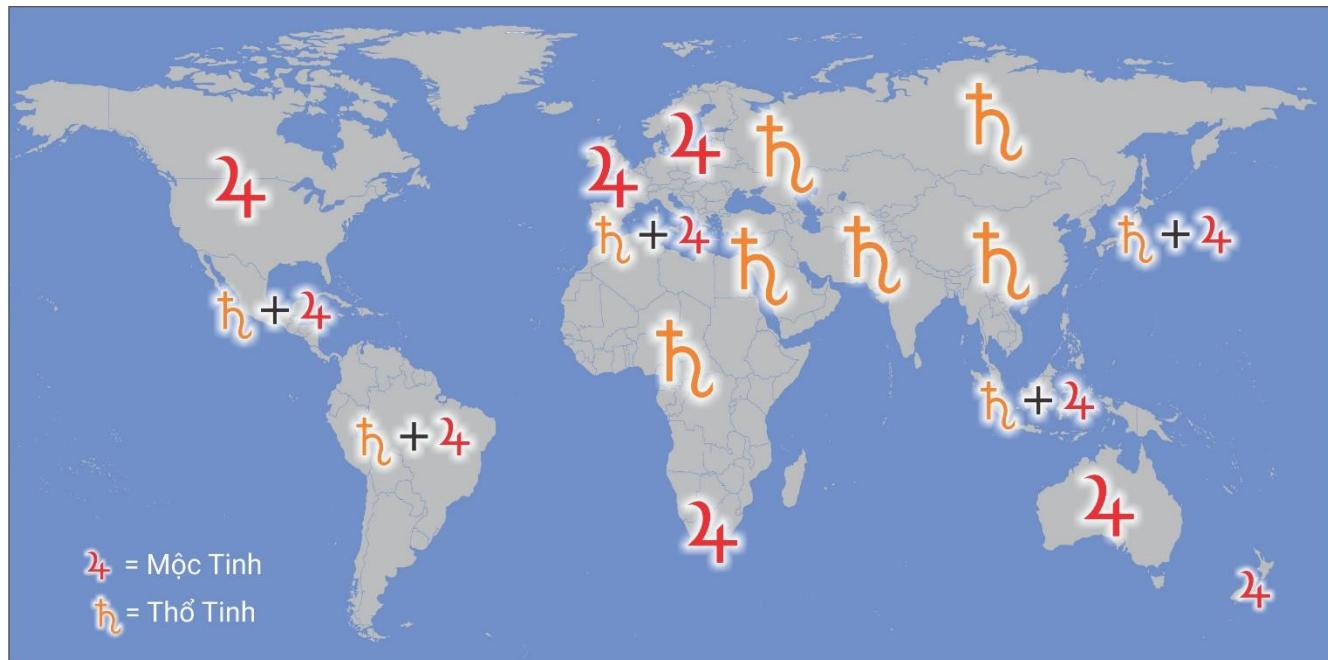
Có 3 cấp độ nhận dạng: địa chính trị, địa lý và cư dân địa phương

#### 1. Địa chính trị:

Đây là cấp cao nhất, có phạm vi lớn nhất chia theo các vùng châu lục như hình minh họa.

Lưu ý: cách phân chia này chỉ đúng ở thời điểm hiện tại (2023) và có thể còn thay đổi theo biến động lịch sử và thời gian.

Ở cấp này, nhóm sao Mộc được biết như là "phương Tây" gồm các quốc gia như Anh, Pháp, Mỹ, Canada, Úc v.v... và nhóm sao Thổ là đa số các quốc gia còn lại. Ngoài ra có một nhóm thứ (3) là sự lai tạp giữa nhóm sao Mộc và sao Thổ - nói họ sao Mộc cũng không hẳn đúng mà sao Thổ cũng không sai.



Một số đặc điểm khác biệt:

- Về chính trị, các quốc gia sao Mộc nghiên về "đức trị", đa đảng và các quốc gia sao Thổ nghiên về "pháp trị", đơn đảng.
- Các quốc gia sao Mộc mạnh về nghiên cứu, phát minh, sáng tạo, dễ tiếp thu cái mới, thay đổi nhanh, dẫn đầu về công nghệ, truyền thông, thể thao và văn hóa nghệ thuật. Các quốc gia sao Thổ nghiên về ứng dụng thực tiễn, tư duy thay đổi rất chậm, thường phát triển cục bộ, là người đi sau nhưng giỏi về "copy" hay nhân rộng "giá rẻ" phổ cập những gì các quốc gia sao Mộc đã đi trước hay nghĩ đến.
- Người sao Mộc nhấn mạnh "cái Tôi", quyền cá nhân và dễ dàng phá vỡ truyền thống, trong khi sao Thổ có xu hướng "bầy đàn, xã hội", tôn trọng trật tự chung và duy trì truyền thống.

## 2. Đặc điểm địa lý:

Đây là cấp bậc thứ nhì phân chia sự khác biệt giữa nhóm sao Mộc và sao Thổ mà người Việt Nam thường biết đến và gọi là "phong thủy" (ảnh hưởng Trung Hoa). Khi không thể thay đổi vùng địa chính trị để sinh sống thì có thể thay đổi vùng miền địa lý bên trong quốc gia đó.

Ví dụ, bạn Dương thuộc kiểu người sao Mộc ([mục 8.1.3-A](#)) nhưng hiện tại bạn đang sống ở quốc gia sao Thổ và muốn cải thiện năng lượng sao Mộc của mình trong quốc gia sao Thổ đó thì nên di chuyển đến những khu vực mà cột sao Mộc mô tả ở bảng dưới đây. Nói cách khác, nếu muốn sự nghiệp thành công và cuộc sống có nhiều điều như ý thì bạn nên dọn đến khu có đặc điểm sao Mộc và tránh xa những khu vực có yếu tố sao Thổ càng nhiều càng tốt.

	Sao Mộc	Sao Thổ
<i>Địa hình / thế đất:</i>	Đồng bằng, thảo nguyên hay cao nguyên, nhiều nước (sông, hồ, suối, biển, đảo), nơi có tầm nhìn, khoáng trống hay không gian thoáng đãng	- Đồi, núi, vực thẳm - Dốc cao, nhiều đá, hiểm trở - Sa mạc, nhiều cát, nơi khô cằn hoặc hạn chế về nguồn nước
<i>Cây cỏ:</i>	Cây mọc hoang (tự nhiên), cây cổ thụ (trên 12 năm), rừng nguyên sinh	Rừng công nghiệp, đồng ruộng, đất canh tác hay đất nuôi trồng
<i>Đô thị:</i>	- Nơi có nhiều cây xanh (bóng mát), công viên, khu biệt lập (compound), khu ngoại ô / vùng ven - Nơi hoang sơ, ít xây dựng - Nhà thấp tầng	- Khu trung tâm - Nơi có nhiều nhà cao tầng / chung cư hay ký túc xá, đường phố có nhà cửa san sát nhau - Nhiều công trình xây dựng "bê tông hóa" (ít hoặc không cây cối)
<i>Làng giềng:</i>	- Gần trường đại học, viện nghiên cứu, viện hàn lâm hay cơ quan chính phủ (cấp tỉnh, thành trở lên) - Gần chùa chiềng, thiền / tu viện, nhà thờ, đền thờ, khu vực tâm linh / thiêng liêng - Gần bệnh viện, nơi nghỉ dưỡng, khu vực cứu trợ, tị nạn - Gần phim trường, sân bay - Gần nơi bỏ hoang, cây cổ mọc rậm, ít người lui tới, đường cụt	- Gần trường tiểu học, trung học phổ thông, cao đẳng, đào tạo hay làng nghề - Gần cơ sở, cơ quan chính phủ (cấp phường, xã trở xuống) - Gần khu công nghiệp (nhà máy, xí nghiệp), trang trại (chăn nuôi) - Gần chợ búa, khu giải trí, bảo tàng, nhà kho, bến xe, tàu lửa, cao tốc - Gần quảng trường, tượng đài, nghĩa trang
<i>Phong cảnh:</i>	- Tự nhiên, thiên nhiên - Nhìn ra rừng núi (xa xa), thung lũng (rộng), đồng bằng, ao, hồ, sông, biển (oceanview)	- Nhân tạo (xây dựng, kiến trúc) - Nhìn ra đường phố, trung tâm đô thị, cao ốc hoặc bao vây bởi núi non (nhất là núi đá hay núi tuyết)
<i>Thời tiết:</i>	- Ấm, ẩm ướt, khí hậu mát mẻ, gió nhẹ, ôn hòa - Khí hậu rừng (đa dạng)	- Khí hậu cực đoan: nóng nực, khô cằn, nhiều gió - Nơi băng giá hoặc có tuyết (mùa đông hay quanh năm)

### 3. Đặc điểm khu cư dân:

Tương tự như địa lý, có những vùng thuộc sao Mộc nhưng khi người dân tập trung về sinh sống đông đúc, xây dựng nhiều công trình và cao ốc, phát triển đô thị ... thì nơi đó sẽ trở thành năng lượng Thổ Tinh. Ngược lại, nơi từng được con người khai thác, xây dựng, nay bỏ hoang, ít người lui tới, đập phá đi để trồng rừng tự nhiên, khôi phục nguồn nước, loại trừ ô nhiễm và dọn rác sạch sẽ thoảng đãng ... thì nơi đó đã được cải tạo hóa thành năng lượng Mộc Tinh.

Dĩ nhiên, sẽ có những nơi mang tính chất hài hòa / pha trộn của cả 2 năng lượng Mộc Tinh và Thổ Tinh. Ví dụ, những khu phố (hay thành phố) được quy hoạch xây dựng với không gian rộng rãi, tỷ lệ cây xanh và nước (sông ngòi, biển) xen giữa nhiều hơn "xi măng", người địa phương ý thức không xả rác bừa bãi, giữ gìn môi trường sạch đẹp v.v...

	Sao Mộc	Sao Thổ
<i>Tư duy:</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý tưởng, sống bằng niềm tin hay tình cảm</li> <li>- Thường hay nghĩ về lợi ích lâu dài cho môi trường, thiên nhiên, có xu hướng cho đi, thả ra, trả về tự nhiên, theo nguyên thủy</li> <li>- Tự túc, tự lập, tự giác cao, sẵn sàng đi ngược đám đông nếu tin rằng mình đúng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực dụng, sống sòng phẳng</li> <li>- Thường hay nghĩ về lợi ích trước mắt hay cho cá nhân / con người</li> <li>- Thích những gì "nhân tạo", có xu hướng bắt ép, khai thác hay cải tạo thiên nhiên để phục vụ con người</li> <li>- Tùy thuộc vào tập thể, dễ hùa theo người khác hoặc lay động bởi đám đông / xã hội</li> </ul>
<i>Thể hiện:</i>	Thường thể hiện, đánh giá hay tôn trọng người khác qua: trí tuệ, ý tưởng, tài năng, bản lĩnh, thực lực ...	Thường nhận xét hay tôn trọng người khác qua sự phô trương vật chất, tài sản, ngoại hình, bằng cấp, chức vụ, phương tiện, gia thế ...
<i>Cư xử / lề phái:</i>	Bằng đạo đức, tình thương	Bằng luật lệ, có điều kiện, trao đổi
<i>Nơi thích đi đến: (mật độ dân cư)</i>	Không gian rộng rãi, nơi trống trải, chỗ yên lặng, xa cách, hoang vắng đến thưa người	Chỗ đông vui, tụ tập ăn uống, ồn ào, chốn lễ hội, nơi chen lấn, đông đúc, giao thông dày đặc
<i>Thành phần:</i>	Khu dân trí cao, khu nhà giàu, tầng lớp thượng lưu, giới tinh hoa, khu xóm đạo	Khu bình dân, hồn táp, tầng lớp trung lưu, quần chúng, người lao động
<i>Tiếng ồn:</i>	Yên tĩnh, im lặng, độc âm	Ồn ào, náo nhiệt, tạp âm
<i>Rác / chất thải:</i>	Ít, sạch sẽ, gọn gàng	Nhiều, dơ bẩn, bừa bãi
<i>Trong 1 tòa nhà:</i>	Tầng trên cao	Tầng dưới thấp
<i>Khoảng cách:</i>	Xa xôi, phải đi bằng phương tiện giao thông (xe cộ, tàu thuyền ...)	Gần cạnh, sát bên, có thể đi bộ hay thang máy / cáp treo
<i>Tiêu xài tiền bạc:</i>	Rộng rãi, hào phóng, phung phí	Tính toán, tiết kiệm, keo kiệt
<i>Sức vật:</i>	Yêu thương như người	Xem như đầy tớ hoặc thực phẩm
<i>Khi du lịch / dã ngoại:</i>	Thích "camping", các môn thể thao mạo hiểm, thám hiểm, trang bị thô sơ hoặc gọn nhẹ	Thích "glamping", ở resort / khách sạn, trang bị đầy đủ tiện nghi như ở nhà (xe lớn, tàu canô, du thuyền ...)



## 8.2 BẠN LÀ NGƯỜI THẾ NÀO TRONG CÔNG VIỆC ? (PROFESSIONAL IMAGE)

Phản phân tích này giải thích thêm ý nghĩa của [mục 8.1.0-E](#), và do đó cũng cần yếu tố chính xác về giờ sinh của bạn. Cá nhân bạn là một người có những tính tình nào đó, nhưng trong công việc, quan hệ đồng nghiệp hay ở công ty, bạn là một con người khác và phần này nói thêm về con người đó của bạn, về những ưu điểm cũng như các khuyết điểm.



Nhìn chung, người có vị trí điểm Mộc tại Song Tử 18°37' và có lãnh vực sự nghiệp thuộc nhóm Sư Tử như bạn Dương dù là công việc nào thì sẽ luôn luôn nhảy lên vị trí quản lý của bộ phận hay công ty đó, làm lãnh đạo của một nhóm hội, tập thể hay công đoàn lao động hay bất kỳ công việc nào cần phải kiểm soát một lực lượng lao động. Do đó, thường thấy làm việc trong các vị trí quan chức chính phủ, nhiều ban bộ trực thuộc trung ương hay mọi cơ cấu liên quan đến chính quyền. Là người có khả năng chỉ đạo những băng nhóm chống đối một cách hợp pháp và không dùng bạo lực. Ở mặt xấu, cũng có thể là 'đầu đảng' cho những kẻ 'tụ tập trái pháp luật'. Nói chung thường là 'nhân vật cầm đầu' trong mọi tổ chức dù lớn dù nhỏ, và có khi vừa làm cho chính phủ nhưng cũng vừa tổ chức biểu tình chống chính phủ vì một lý do nào đó.

- Khi là nhân viên: *Dù chỉ là nhân viên, nhưng cũng sẽ 'lập băng nhóm' ở một quy mô nào đó cho riêng cho mình, và thường là người đứng ra 'chiến đấu' cho quyền lợi lao động của nhóm mình. Mọi người trong 'băng nhóm' đòi hỏi phải tuân theo những kỷ luật nhất định nào đó và thành thật với 'cấp trên' hay 'tổ trưởng'. Có tính hay tin tưởng, đặt hết niềm tin hay thật thà phơi bày mọi 'tim, gan, phèo, phổi' của mình với các đồng nghiệp.*
- Khi là sếp: *Là người có đầy đủ mọi tố chất về khả năng quản lý và lãnh đạo những tổ chức to lớn. Kiểm soát chặt chẽ mọi nhân viên và nhân lực của mình, đòi hỏi họ phải chính xác, đúng giờ, thành thật, và sẽ có những trùng phạt nghiêm khắc nếu như họ không tuân theo. Có tính nóng nảy, dễ 'lên cơn' thịnh nộ hay giận dữ bất thình lình và tung ra những lời lẽ chửi rủa cay độc. Thái độ này có thể là nguyên nhân dẫn đến những lúc khốn khổ trong cuộc đời. Ở mặt khác, khi cấp dưới làm được việc thì lại khen thưởng họ rất hậu hĩnh, nhiều khi còn ngoài sức tưởng tượng của họ. Dù sẽ làm cho hầu hết nhân viên và cấp dưới sẽ khiếp sợ, nhưng cũng sẽ bị họ ngầm ngầm thù ghét và bất ngờ 'nổi loạn' hoặc 'ra tay' vào một ngày đẹp trời nào đó.*
- Trong chuyện tiền bạc: *Trong kinh doanh thì đây là người rất 'cứng cựa' đối với các nhà cung cấp, khách hàng và cả tập thể làm việc chung trong công ty. Kiểm tra gắt gao mọi hoạt động, tiền nong và giao dịch trên dưới công ty. Thường chú trọng về việc đúng giờ, sự thành thật và chức năng của mỗi cá nhân có thể ảnh hưởng đến hoạt động của cả hệ thống doanh nghiệp như thế nào. Tuy nhiên, thiếu sự khéo léo và tinh tế trong các chiến*

*thuật kinh doanh, mà giỏi trong việc duy trì, cải thiện hoặc biến tấu những gì đã có sẵn. Có tài sáng tạo để phát triển một hệ thống mới nhằm đơn giản hóa và tăng hiệu quả những quy trình phức tạp trước đây trong công việc hay kỹ nghệ. Dù vậy, không có sở trường trong việc 'phát minh' hay 'sáng chế' sản phẩm mới hay một cái gì đó hoàn toàn mới, mà chỉ có thể tạo ra 'bình mới rơu cũ' - xây dựng trên những sản phẩm hoặc hệ thống do người đi trước để lại.*



## 8.3 ẢNH HƯỞNG CỦA VẬN HẠN CHI PHỐI TRÊN SỰ NGHIỆP

(CAREER-RELATED TRANSIT)

Trong cuộc đời bạn Dương, lá số cho thấy sự nghiệp của bạn cũng sẽ có những **con người** đặc biệt (có thể là những vị “thầy cô”, “cấp trên”, “quý nhân”, bố mẹ, thành viên trong gia đình ... (những người tạo sự thay đổi mang tính “chìa khóa”, “bước ngoặc” cho bạn), hay những **sự kiện / chuyển biến** quan trọng khi Mặt Trời hàng năm hoặc những hành tinh vận hạn khác tạo góc chiếu hoặc tiếp xúc (trùng tự) với các hành tinh chi phối trực tiếp đến sự nghiệp của bạn, hoặc đi vào những cung Hoàng Đạo với thời gian tương ứng của chúng. Bạn nên chú ý và tận dụng những **thời điểm** đó (năm, tháng, ngày) hay chủ động gặp gỡ và giao dịch với những **con người** bên nhóm “tích cực / tốt” để đạt được hiệu quả cao nhất trong công việc và sự nghiệp của bạn.

\* Các hành tinh trong lá số ảnh hưởng đến sự nghiệp: Mộc Tinh, Thiên Vương Tinh

Nếu giờ sinh bạn chính xác, các khu vực cung Hoàng Đạo, con người và thời gian (năm, tháng, vận) đặc biệt nhạy cảm, **“hợp tuổi”** với bạn = ảnh hưởng **tích cực (tốt)** đến uy tín và sự nghiệp của bạn (tạo thay đổi, thăng tiến, giúp đỡ, đem đến may mắn, hanh thông) đó là:

*Nhân Mã (23/11 - 22/12), Sư Tử (24/7 - 23/8), Ngư Dương (23/12 - 20/1), và ngày / tháng / năm âm lịch hoặc người thuộc nhóm tuổi Tí, Thân, Sửu*

Ngược lại, các khu vực cung Hoàng Đạo, con người và thời gian **“ky tuoi”** với bạn = ảnh hưởng **tiêu cực (xấu)** đến uy tín và sự nghiệp (mất mát, tiêu hao, cản trở, thất bại), nên bạn sẽ cần thận trọng, cố gắng nhiều hơn và tập trung mọi nỗ lực với những người:

*Bọ Cạp (24/10 - 22/11), Cự Giải (22/6 - 23/7), Kim Ngưu (21/4 - 21/5), và ngày / tháng / năm âm lịch hoặc người thuộc nhóm tuổi Hợi, Mùi, Tị*

**\*\* Những thông tin trong phần này được tính toán từ điểm Mộc trên lá số của bạn và chỉ đúng nếu giờ sinh bạn chính xác, và hoàn toàn không phải dựa theo nguyên tắc “tứ hành xung”, “tam tai” hay “tam hợp” thường phổ biến một cách máy móc, sai lầm, thậm chí “mù quáng” và “mê tín” như trong dân gian.**

**Bảng 8.3: Tóm tắt các yếu tố vận hạn (năm, tháng, ngày, giờ) và con người (tuổi / năm / tháng sinh) ảnh hưởng mạnh mẽ đến riêng Công Danh Sư Nghiệp của bạn Dương**

Dấu hiệu và ngày tháng theo Dương lịch	Tuổi / Năm theo Âm lịch	Tháng Âm lịch	Năm đã qua (trước 2023)	Năm sắp đến (sau 2023)
Dương Cưu (21/3 - 20/4)	Thìn	3	2012	2024
Kim Ngưu (21/4 - 21/5)	Tị	4	2013	2025
Song Tử (22/5 - 21/6)	Ngọ	5	2014	2026
Cự Giải (22/6 - 23/7)	Mùi	6	2015	2027
Sư Tử (24/7 - 23/8)	Thân	7	2016	2028
Xử Nữ (24/8 - 23/9)	Dậu	8	2017	2029
Thiên Xứng (24/9 - 23/10)	Tuất	9	2018	2030
Bọ Cạp (24/10 - 22/11)	Hợi	10	2019	2031
Nhân Mã (23/11 - 22/12)	Tí	11	2020	2032
Ngư Dương (23/12 - 20/1)	Sửu	12	2021	2033
Bảo Bình (21/1 - 19/2)	Dần	1	2022	2034
Song Ngư (20/2 - 21/3)	Mão	2	2011	<b>2023</b>

 = "Tốt"     = "Xấu"     = "Tốt + Xấu" lẩn lộn     = bình thường, không "Tốt / Xấu"

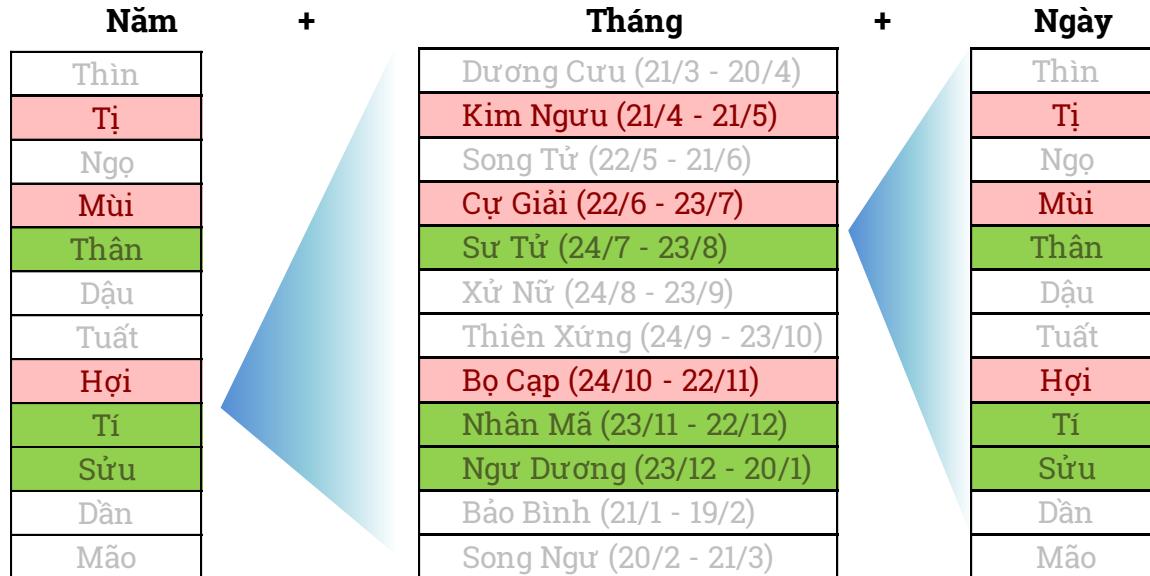
**2023** = năm hiện tại    \* = vận Thổ Tinh

### 8.3.1 CHỌN THỜI ĐIỂM "MAY MẮN" CHO SỰ NGHIỆP – CÁCH 1

Mở rộng từ bảng 8.3, [bảng 8.3.1](#) (trang kê) cung cấp thêm những thông tin hữu ích để giúp bạn Dương dễ dàng nhận biết và tra tìm chu kỳ vận hạn "tốt / xấu" tổng quát cho công danh sự nghiệp trọn đời của bạn, "**chọn tuổi làm ăn chung**" hay thực hiện những quyết định quan trọng khác của bạn trong công việc hàng ngày.

Để tìm / chủ động chọn "**ngày lành tháng tốt**" hay thời điểm tốt cho một hoạt động về **sự nghiệp** (không liên quan đến những vấn đề khác như tình cảm, gia đình, bạn bè v.v...), đầu tiên tìm / chọn **NĂM** (theo cột *âm lịch*) trong bảng 8.3. Kế tiếp mới chọn đến **THÁNG** ("tháng" theo *dương lịch*, không phải *âm lịch*). Sau khi chọn **THÁNG**, ưu tiên thứ 3 sẽ là chọn **NGÀY** (theo *âm lịch*) và cuối cùng là chọn **GIỜ** (*âm lịch*).

Nếu không tìm / chọn được "năm tốt", hãy cố gắng chọn cho được "tháng tốt" của năm đó. Nếu gặp một "tháng xấu", bạn có thể chọn ra "ngày tốt" và "giờ tốt" để tiến hành công việc. Tương tự, để xem **con người** nào đó có "**hợp tuổi làm ăn**" với bạn hay không cũng theo thứ tự trên: đầu tiên là chọn **NĂM TUỔI** (theo *âm lịch*), "**được**" hay "**không được**" ưu tiên kế tiếp sẽ là **THÁNG sinh** (theo *dương lịch*) của người đó.



Khi kết hợp các yếu tố “tốt / xấu” của “năm” và “tháng” từ [bảng 8.3](#), kết quả sẽ là một chu kỳ vận hạn 12-năm (xoay vòng / lặp lại suốt cuộc đời) thể hiện qua bảng 8.3.1 dưới đây:

**Bảng 8.3.1 Xu Hướng Vận Hạn Trọn Đời (\*) của Công Danh Sự Nghiệp bạn Dương**

Năm (dãy ngang) → Tháng (cột dọc) ↓	Thìn (2024)	Tị (2025)	Ngọ (2026)	Mùi (2027)	Thân (2028)	Dậu (2029)	Tuất (2018)	Hợi (2019)	Tí (2020)	Sửu (2021)	Dần (2022)	Mão (2023)
Dương Cưu (21/3 - 20/4)	△	↙	△	↙	↗	△	△	↙	↗	↗	△	△
Kim Ngưu (21/4 - 21/5)	↙	⬇	↙	⬇	↗	↙	↙	⬇	↗	↗	↙	↙
Song Tử (22/5 - 21/6)	△	↙	△	↙	↗	△	△	↙	↗	↗	△	△
Cự Giải (22/6 - 23/7)	↙	⬇	↙	⬇	↗	↙	↙	⬇	↗	↗	↙	↙
Sư Tử (24/7 - 23/8)	↗	↗	↗	↗	↑	↗	↗	↗	↑	↑	↗	↗
Xử Nữ (24/8 - 23/9)	△	↙	△	↙	↗	△	△	↙	↗	↗	△	△
Thiên Xứng (24/9 - 23/10)	△	↙	△	↙	↗	△	△	↙	↗	↗	△	△
Bọ Cạp (24/10 - 22/11)	↙	⬇	↙	⬇	↗	↙	↙	⬇	↗	↗	↙	↙
Nhân Mã (23/11 - 22/12)	↗	↗	↗	↗	↑	↗	↗	↗	↑	↑	↗	↗
Ngư Dương (23/12 - 20/1)	↗	↗	↗	↗	↑	↗	↗	↗	↑	↑	↗	↗
Bảo Bình (21/1 - 19/2)	△	↙	△	↙	↗	△	△	↙	↗	↗	△	△
Song Ngư (20/2 - 21/3)	△	↙	△	↙	↗	△	△	↙	↗	↗	△	△

### Ý nghĩa:

↑ Rất tốt, phát đạt, thịnh vượng, thuận lợi, cần tích góp cho “những ngày mưa bão” (quý nhân = những người sinh vào tuổi này + tháng này)

↗ Khá, có nhiều tiềm năng thăng tiến, “thừa thắng xông lên”, nên lên kế hoạch và nắm bắt cơ hội để “chuyển mình”

△ Trung bình, nên duy trì những gì đang có, hoặc tập trung vào những mặt khác quan trọng hơn trong cuộc sống

↙ Trò ngại, đi xuống, có nhiều nguy cơ tiềm ẩn xuất hiện, nên thận trọng đề phòng trong mọi quyết định và giao dịch

⬇ Rất xấu, nên kiên nhẫn chịu đựng, cần nỗ lực đấu tranh vượt qua khó khăn (tận dụng những ngày giờ tốt trong tháng)

(\*) Lưu ý: để xem “năm tốt / xấu”, bảng này hiển thị 12 năm gồm 5 năm trước đây + năm hiện tại và 6 năm sắp đến, nhưng **chu kỳ sẽ tiếp tục lặp lại trọn đời!** Khi áp dụng bảng này để chọn đối tượng “hợp tuổi” cho công việc, xem “quy luật hợp tuổi” trong bài viết này [cct.tips/02Utg](http://cct.tips/02Utg).

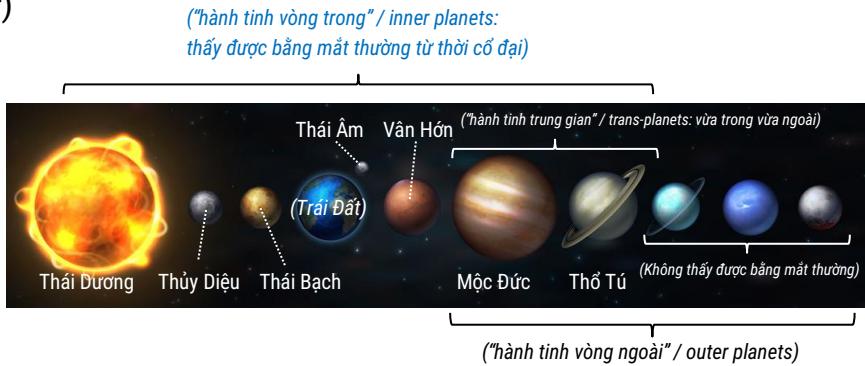


### 8.3.2 CHỌN THỜI ĐIỂM "MAY MẮN" CHO SỰ NGHIỆP – CÁCH 2

Cách này sử dụng vòng **Nhi Thập Bát Tú** để xác định vận hạn tốt xấu cho sự nghiệp của bạn Dương. Nếu giờ sinh bạn Dương chắc chắn chính xác, cách này cũng cần kết hợp / đổi chiếu thêm với kết quả trong cách 1 ([mục 8.3.1](#), tr. [90](#)), sau đó tham khảo ảnh hưởng chung của **Thổ Tinh** trong cách 3 ([mục 8.3.3](#), tr. [116](#)) để có thể đưa ra kết luận cuối cùng về tình hình “địa lợi” cho công danh sự nghiệp của bạn. Trái với suy nghĩ nhiều người, hai chữ “vận hạn” không có nghĩa là “xấu” mà đó chỉ là một tên gọi khác cho một “giai đoạn” của “thời gian”.

Vận hạn tính theo vòng Nhị Thập Bát Tú có chu kỳ tổng cộng là **120 năm**. Thông thường tuổi thọ con người không ai sống quá số năm này, nhưng nếu có thì chu kỳ sẽ lặp lại từ đầu cho 120 năm kế tiếp. 120 năm được chia ra làm 9 giai đoạn nhỏ hơn - gọi là 9 Đại vận. Mỗi Đại vận được cai quản bởi 01 hành tinh. Các hành tinh cai quản Đại vận gồm có nhóm 07 hành tinh vòng trong (*inner planets*, là những hành tinh mà chúng ta có thể nhin thấy bằng mắt thường trên bầu trời) và 02 hành tinh “ảo” (*shadow planets*), đó là:

- 1) **Thái Dương** (tên dân gian Việt Nam cho Mặt Trời – Sun)
- 2) **Thái Âm** (Mặt Trăng – Moon)
- 3) **Thủy Diệu** (Thủy Tinh – Mercury)
- 4) **Thái Bạch** (Kim Tinh – Venus)
- 5) **Vân Hớn** (Hỏa Tinh – Mars)
- 6) **Mộc Đức** (Mộc Tinh – Jupiter)
- 7) **Thổ Tú** (Thổ Tinh – Saturn)
- 8) **La Hầu** (Long Thủ – North Node)
- 9) **Kế Đô** (Long Vĩ – South Node)



Trong danh sách trên, **La Hầu** là 1 trong 2 hành tinh “ảo” (không có thực) vì như đã [giải thích ở đây](#), nó là điểm giao nhau và *tụ lại* của Hoàng Đạo và Nguyệt Đạo. Tương tự, hành tinh “ảo” **Kế Đô** là điểm giao nhau và *té ra* của Hoàng Đạo và Nguyệt Đạo.

Những hành tinh vòng ngoài như Thiên Vương Tinh, Hải Vương Tinh và Diêm Vương Tinh không được sử dụng trong hệ thống này, một phần vì chúng là những hành tinh “xã hội”, “biến động phía bên ngoài”, không liên quan mạnh mẽ đến “phía trong” (nội tâm, tính cách, những sự kiện xảy ra trong tầm tay xử lý của cá nhân chúng ta). Tuy nhiên, ảnh hưởng các hành tinh vòng ngoài có đóng vai trò quan trọng trong một số tính toán cho vận quá cảnh (transits), ví dụ như vận Thổ Tinh ([mục 8.3.3](#)) hay “những khúc quanh định mệnh” ([mục 8.3.4](#)).

Tùy theo vị trí Mặt Trăng đang ở đâu trên vòng Hoàng Đạo tại thời điểm và nơi sinh chính xác của bạn Dương thì đó sẽ là nơi mà chu kỳ Nhị Thập Bát Tú được hình thành cho lá số của riêng bạn. Dù có “[sinh đôi](#)” đi chăng nữa, không ai có lá số hoàn toàn giống nhau.

Với Mặt Trăng ở tại vị trí **Nhân Mã** **23°13'46"** – nghĩa là nằm trong cung chòm sao **Cơ Thủy Báo** (箕水豹) ngay thời điểm lúc bạn Dương sinh ra, **chủ tinh** cai quản Đại vận Nhị Thập Bát Tú cho lá số của bạn chính là “sao” Thái Bạch (**Kim Tinh**).

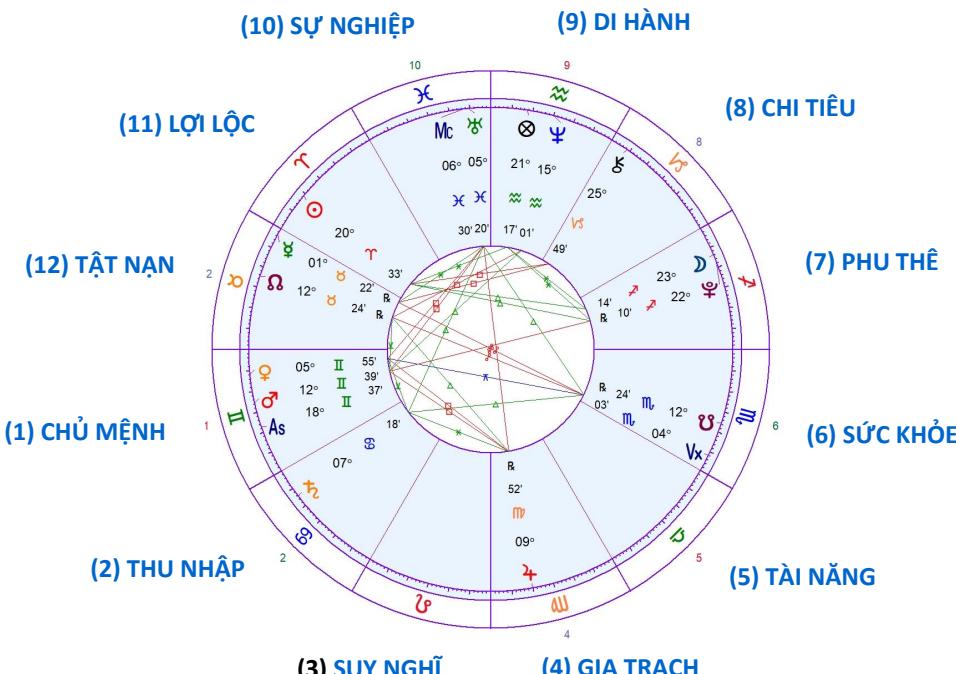
Đại vận Thái Bạch đã khởi đầu từ ngày 06/06/1989 (5421.77 ngày trước khi bạn sinh ra) và có thời gian ảnh hưởng kéo dài tổng cộng 20 năm. Sau khi bạn Dương ra đời, Đại vận Thái Bạch sẽ tiếp tục thêm 5 năm 1 tháng 26 ngày 1 giờ 6 phút nữa rồi mới kết thúc vào ngày 6/6/2009. Đây cũng là ngày mà Đại vận tiếp theo do **Thái Dương** cai quản chính thức bắt đầu.

Bên dưới là bảng liệt kê tổng quát các chi tiết và ảnh hưởng của 9 Đại vận NTBT trong suốt cuộc đời bạn Dương.

### DIỄN TIẾN 9 ĐẠI VẬN CUỘC ĐỜI THEO CHU KỲ NHỊ THẬP BÁT TÚ

A	B	C	D	E	F	G
STT	Ngày bắt đầu Đại vận	Chủ tinh Đại vận	Số lượng năm ảnh hưởng	Tuổi	Cung chịu ảnh hưởng mạnh nhất (chủ đề chính / trọng điểm, vẫn đề cuộc sống bạn sẽ quan tâm nhiều nhất)	Các cung (chủ đề cuộc sống) khác chịu ảnh hưởng liên quan trong Đại vận trên lá số bạn Dương
1	10/4/2004	Thái Bạch	20		LỢI LỘC	CHỦ MỆNH, TẬT NAN, TÀI NĂNG, DI HÀNH
2	6/6/2009	Thái Dương	6	5	LỢI LỘC	DI HÀNH, SUY NGHĨ, TÀI NĂNG
3	6/6/2015	Thái Âm	10	11	THU NHẬP	PHU THÊ, CHỦ MỆNH, SUY NGHĨ
4	6/6/2025	Vân Hớn	7	21	LỢI LỘC	CHỦ MỆNH, DI HÀNH, SỨC KHỎE
5	6/6/2032	La Hầu	18	28	LỢI LỘC	CHỦ MỆNH, TẬT NAN, TÀI NĂNG, DI HÀNH
6	6/6/2050	Mộc Đức	16	46	SỰ NGHIỆP	GIA TRẠCH, PHU THÊ, CHỦ MỆNH
7	6/6/2066	Thổ Tú	19	62	DI HÀNH	THU NHẬP, SUY NGHĨ, CHI TIÊU, TÀI NĂNG
8	5/6/2085	Thủy Diệu	17	81	LỢI LỘC	TẬT NAN, CHỦ MỆNH, GIA TRẠCH, PHU THÊ
9	6/6/2102	Kế Đô	7	98	LỢI LỘC	CHỦ MỆNH, DI HÀNH, SỨC KHỎE

Ở bảng trên, cột [F] là *tên gọi* của các cung Nhà (houses) trên lá số bạn Dương, cụ thể:



## **Ý NGHĨA CỦA CÁC CUNG NHÀ TRÊN LÁ SỐ**

Một lá số chiêm tinh có 12 cung Nhà (houses) đại diện cho 12 khu vực, lãnh vực hay chủ đề khác nhau trong cuộc sống.

<i>Số cung Nhà #</i>	<i>Tên cung Nhà</i>	<i>Ý nghĩa mở rộng, chủ đề cuộc sống của cung Nhà</i>
1	CHỦ MỆNH	Sinh mệnh, cuộc đời, linh hồn, bản năng. Nhân dạng, hay sự hình thành tính cách, nhân cách. Hình ảnh bản thân. Tuổi thọ, sự tồn tại của chính mình. Phúc đức, thừa hưởng từ phía cha mẹ. Sự độc lập, đơn độc. [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Bản thân, cá nhân, chính mình. Nhân cách, cá tính. [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: đổi đời, hoặc có biến cố quan trọng trong cuộc đời. Khúc quanh cuộc sống. Có sự kiện liên quan đến tính mạng.
2	THU NHẬP	Tiền bạc (đầu vào, thu nhập). Tài sản do mình tích tụ, mua sắm. Giá trị bản thân hay khả năng nhận thức về giá trị của mọi vấn đề trong đời sống. [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Cha mẹ và quan hệ với cha mẹ. Gia đình cận huyết hoặc gia đình hình thành từ hôn nhân. [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: xảy ra sự kiện hay biến cố về chuyện gia đạo, hôn nhân hay quan hệ với bố mẹ. Vấn đề thu nhập, mưu sinh, kinh tế gia đình. Có thể phát sinh nhu cầu cần tiền / thiếu tiền. Sức khỏe: liên quan đến miệng, giọng nói, ăn uống
3	SUY NGHĨ	Tư duy, trí tuệ. Hoạt động ăn nói / giao thiệp, tiếp thu kiến thức (học hành), trinh bày hay trao đổi thông tin (qua gặp gỡ, máy tính, điện thoại). Công việc về truyền thông, quảng cáo hay trình diễn. Di chuyển (phạm vi gần, thường xuyên). Nỗ lực từ bản thân, phúc đức do mình tự tạo nên. [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Ông bà nội ngoại (nói chung). Anh chị em (ruột) nói chung. Người em (trai hay gái). Hàng xóm, láng giềng, người ở gần bên hay bạn bè (đồng tuổi, đồng cấp). [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: thường xuyên dịch chuyển / di chuyển / dời đổi. Phải cố gắng phấn đấu, tự mình vượt qua khó khăn. Có đi học, tham gia khóa học, được huấn luyện. Giảng dạy, thuyết trình, giải thích / phân trần về chuyên đề nào đó, hay trình diễn. Có biến cố liên quan đến anh chị em ruột hoặc ông bà nội ngoại.
4	GIA TRẠCH	Chỗ ở, nơi an cư, chỗ cư ngụ, nhà cửa, điền sản, quê hương. Vấn đề an sinh trong cuộc sống, hoàn cảnh gia đình. Thời gian làm mẹ (nếu là nữ). Liên quan tới người mẹ, hay quan hệ mẹ con. Trình độ giáo dục, bằng cấp (quá trình nói chung), sự dưỡng dục của gia đình. Cuộc sống riêng tư, bí mật, tính cách thật bên trong. [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Người mẹ (hoặc vai mẹ). Bà con họ hàng, dòng họ. Gia đình (trước hôn nhân). [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: có thay đổi về chỗ ở (di dời / di cư / thuê mướn / mua sắm / sửa chữa nhà cửa). Thay đổi, tiến triển trong việc học hành, công tác. Mua sắm xe cộ / phương tiện di chuyển, hay nhà cửa / bất động sản. Có biến cố liên quan đến người mẹ hoặc bà con (chú bác, cô thím, dì dượng), họ hàng.
5	TÀI NĂNG	Khả năng sáng tạo, máu nghệ sĩ (nếu có). Bộc lộ hay phát huy tài năng, năng khiếu. Khả năng thai nghén / sinh sản, hay giai đoạn chăm lo con cái. Tình cảm (yêu đương / hẹn hò hoặc trong hôn nhân). Thực hiện dự án, kế hoạch, đam mê. Tìm kiếm niềm vui, tham gia hoạt động văn nghệ, giải trí. Sự tu tập, rèn luyện về tâm linh, thời gian hành đạo. Trình độ, bằng cấp (đại học và sau đại học). [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Con cái, con đầu lòng. Trẻ em. Ông bà ngoại. [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: tập trung về chuyện yêu đương trai gái, hẹn hò, tán tỉnh (có người yêu, bồ bịch) hay cải thiện quan hệ vợ chồng. Nếu không thì đó là chuyện con cái (nuôi dạy, chăm sóc) hoặc liên quan đến ông bà ngoại. Lên kế hoạch, thực hiện dự án, sáng tạo (đứa con tinh thần), thực hiện được điều mong muốn, thay đổi việc học hành hay phát triển nghề nghiệp. Gia tăng hoạt động ăn uống, đi chơi (nghe nhạc, xem phim, du lịch, thư giãn), tranh đua, chơi thể thao hay cá cược (cờ bạc, cá độ, vé số, chứng khoán).
6	SỨC KHỎE	Sức khỏe, tình trạng thể lực / tâm lý, dinh dưỡng, khám chữa bệnh. Công tác, công việc (jobs), lao động, tập dượt, rèn luyện kỹ năng (chuyên môn). Sự cơ cực, khó khăn, vất vả cũng như nỗ lực để vượt qua. Kiện tụng, pháp lý. Tranh cãi, chia tay (quan hệ, hôn nhân). Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ hay dịch vụ (với ai đó). Việc trả nợ (tiền bạc, ân tình). [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Bạn học / đồng đội / đồng nghiệp

		hay cộng sự. Kẻ thù (giấu mặt) / tiểu nhân, đối thủ cạnh tranh. Nhân viên (dưới quyền), người giúp việc hay thú cưng, súc vật nuôi trong nhà. Tổ tông hoặc phía anh chị em của mẹ (cậu, mợ, dì, dượng) [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: dễ gặp chuyện gian nan, cực khổ, khó nhọc. Phải thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm, chăm sóc ai đó, trả góp (nợ nần), hoặc giải quyết vấn đề liên quan đến nhân viên, người giúp việc hay thú cưng. Có vấn đề về sức khỏe, bệnh tật. Gặp vấn đề tranh cãi, pháp lý, kiện tụng hay tranh chấp. Có tiểu nhân chơi xấu. Sinh hoạt / gặp gỡ bạn học / đồng đội hay đồng nghiệp.
7	PHU THÊ	Hôn nhân, ngoại giao, thỏa thuận / hợp đồng. Công danh sự nghiệp khi đi xa, xuất ngoại. Nơi nguy hiểm, tử huyệt của tinh mạng (khi xấu). [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Người yêu hay người phổi ngẫu (chồng hoặc vợ). Con thứ. Khách hàng / đối tác hay đối thủ (công việc). Người xa lạ, kẻ thù lộ diện, kẻ trộm. [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: có quyết định hay biến cố về quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng / ái ân / trinh tiết. Gia tăng hoạt động với khách hàng, đối tác, mở rộng quan hệ xã hội. Có sự kiện quan trọng trong học hành, thi cử hay sự nghiệp. Chiến tranh hay đối đầu với kẻ khác.
8	CHI TIÊU	Chi tiêu, tiêu tán, hao tổn, mất trộm. Sự liên lụy, dính líu đến người khác. Hùn hạp, nợ nần, vay mượn, tín chấp / cam kết với đối tác / người khác. Báo hiếu, thừa kế hay tài lộc đến từ người khác qua sự góp vốn, tài trợ, chu cấp hoặc tặng cho. Quan hệ / đời sống tình dục. Những vấn đề tâm linh / huyền bí / cấm kỵ. Sự lột xác / biến đổi bản thân. Tuổi thọ, hạn chết, chết chóc, tang tóc, chuyện buồn rầu hoặc khủng hoảng, tai ương, ách nạn (nếu gặp sao xấu). [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Bố mẹ của phía vợ hay chồng, phía sui gia / thông gia. Cam kết từ phía đối tác, cộng sự (công việc). Bên hùn vốn, nhà đầu tư. [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: có chuyện về hùn hạp, vay mượn, nợ nần, liên lụy với người khác (người yêu hay đối tác). Có sự đố kỵ, ghen tuông hoặc hiểu lầm người khác. Làm việc lén lút, cấm kỵ, phạm thượng, nghịch thiên hoặc có âm mưu, bí mật dấu diếm. Vấn đề sắc dục / tình dục / sex / bệnh nam khoa hay phụ khoa. Có thể có hoạt động mê tín, sùng bái, cuồng tín, nghiện ngập (nếu xấu). Có nguy hiểm (với mình), hoặc tin tức tang tóc, chết chóc (với người thân).
9	DI HÀNH	Xuất ngoại, du học, khám phá và chinh phục. Hoạt động học hành, dạy học (giáo dục / cao học), phát minh, sáng chế hay truyền đạo. Tri thức, niềm tin (tôn giáo, đạo pháp, lý tưởng, mơ ước, khải tượng), văn hóa, đạo đức. Giai đoạn lắng nghe, tiếp thu, lĩnh hội (kỹ năng, kiến thức) từ người khác, thông tuệ / mở mang trí thức. [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Người nước ngoài, quan hệ quốc tế. Người thầy, người cha tinh thần hay người dẫn dắt về tinh thần. Anh chị em của phía vợ / chồng (rể hoặc dâu). Hoặc em trai, em gái (của mình). Con thứ 3. Quan hệ tinh thần với linh hồn / người quá cố. [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: có biến cố về chuyện học hành (đào tạo, tốt nghiệp, đăng ký) hoặc tin ngưỡng (hành hương, cúng kiếng, giỗ chạp). Có khả năng đi xa / công tác hay định cư phương xa / xuất ngoại (di cư) hay giao lưu với người tại phương xa / nước ngoài. Có vấn đề cần giải quyết về pháp lý, hộ chiếu, xuất nhập cảnh hay hải quan. Có chuyện liên quan đến người cha, chồng hay người thầy.
10	SỰ NGHIỆP	Công danh, quan trường, thăng tiến, chức vụ, địa vị, uy tín, tiếng tăm, tham vọng. Giai đoạn từ nhiệm, nghỉ hưu (khi lớn tuổi). Thời gian làm cha (nếu là phái nam). Liên quan đến người cha hay quan hệ cha con. [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Quan hệ với chính quyền. Người cha (vai cha), thầy cô, cấp trên (sếp), gia đình sui gia. Người chấp pháp (cảnh sát, quân đội). [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: có thay đổi / sự kiện / khúc quanh quan trọng về đường công danh sự nghiệp (thay đổi chỗ làm, chức vụ, uy tín, tiếng tăm). Có biến cố về người cha, đặc biệt là mẹ (nguy hiểm). Có chuyện liên quan đến gia đình sui gia (sau khi lập gia đình), thầy cô, với cấp trên hay chính quyền.
11	LỢI LỘC	Thành quả và may mắn từ (cung) sự nghiệp hay học hành. Ước vọng / mong muốn, tin vui. Lợi tức, lợi nhuận (sau khi trừ khấu hao), tài sản sinh lợi. Tiến triển (trong dự tính, công việc). [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Phía ông bà nội. Anh trai hay chị gái (ruột). Các quan hệ xã hội, người quen / quý nhân, hội nhóm / câu lạc bộ, cộng đồng. Bạn chí cốt, "fan" hâm mộ, người cùng phe nhóm / đồng hội (với mình). Con dâu, con rể hay con nuô. Ân nhân, quý nhân (khi khốn khó, bệnh tật). [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: có thành tựu / kết quả về công danh sự nghiệp. Có hỷ sự (thường là hôn nhân). Đạt được ước mơ, được toại nguyện. Có thể hoạt động xã hội, tham gia sinh hoạt và giao lưu với cộng đồng / hội nhóm / đoàn thể / trường lớp. Có biến cố liên quan đến phía ông bà nội.

12	<b>TẬT NẠN</b>	Bí mật / bí ẩn, tai nạn. Giao dịch tài chính (với ngân hàng, đầu tư, ngân quỹ). Hao tài, tốn của, mất mát, xui xẻo. Sự chia ly / cách biệt. Xuất ngoại, di cư sang quốc gia, lục địa khác. Giấu diếm / tàng ẩn, trốn chạy / ẩn nấp. Sự rút lui, rời khỏi, riêng tư. Nghỉ dưỡng, thư giãn. Tiềm thức / vô thức. Suy gẫm, lo âu, cảm giác tự ti / mặc cảm / tội lỗi, sự dằn vặt tinh thần. [Nhân vật / con người hay đối tượng liên quan]: Kẻ xấu, kẻ gian (chưa từng biết), người có thể gây nguy hại đến tính mạng mình. Tổ tông hoặc anh chị em của phía cha (chú, bác, cô, thím). [Sự việc có thể xảy ra trong vận hạn]: có vấn đề về sức khỏe (suy yếu, bệnh tật, chữa trị, hồi phục). Lo lắng, bất an. Bị lạc lối hoặc mất phương hướng. Bị lừa đảo, trộm cắp, tống tiền (khi xấu). Bị thua thiệt, tổn hao, mất mát hoặc cảm giác muối buông bỏ. Bị giam hãm, tù túng, đày đọa. Bị ức hiếp, đe dọa, chèn ép, cảm thấy bất lực, bó tay hoặc bị tai nạn. Đi nghỉ dưỡng hoặc đi trốn tránh, tu nghiệp / nghiên cứu, hậu cần hay phục dịch cho người khác. Tham gia hoạt động nhân đạo, từ thiện, cứu trợ hay tặng quà cho người khác. Có thể xuất ngoại, di cư sang nước ngoài.
----	----------------	--

Trong [bảng diễn tiến 9 Đại vận](#), khi thời gian (cột [B]) đi đến một Đại vận NTBT (cột [C]) nhấn mạnh cung Nhà nào (cột [F]) thì đó sẽ là chủ đề cuộc đời mà bạn Dương sẽ quan tâm và cần tập trung nhiều nhất trong suốt thời gian số năm mà Đại vận đó có hiệu lực (cột [D]). Dù mỗi Đại vận cũng tác động đến nhiều vấn đề khác nhau (bên cột [G]), nhưng nổi bật nhất vẫn là chủ đề bên cột [F].

Cũng từ [bảng 9 Đại vận](#) này, mỗi Đại vận sẽ chia nhỏ thành 9 Tiểu vận (tiểu vận #1 ở [bảng 8.3.2-A](#)) với các hành tinh có cùng chuỗi thứ tự và tỷ lệ thời gian như Đại vận. Sau đó, mỗi Tiểu vận ở [bảng 8.3.2-A](#) lại được chia tiếp thành 9 Tiểu vận có cùng thứ tự nhưng quãng thời gian nhỏ hơn nữa (cột tiểu vận #2 ở [bảng 8.3.2-B](#)).

- Thời gian “Đại vận” và “Tiểu vận” ở bảng “tóm tắt” ([8.3.2-A](#)) dao động khoảng từ 1 đến 4 năm. Vận hạn ở bảng “chi tiết” ([8.3.2-B](#)) kéo dài trung bình vài tháng trong năm.

Đại vận là **GỐC RỄ**, là **“nguyên nhân thúc đẩy”** cũng như là **“kết quả cuối cùng”** của sự việc. Tiểu vận là phần **NGỌN, LÁ** hay sự “thể hiện”, “hình thức” hoặc “chất xúc tác” cho sự việc đó.



[Chủ tinh](#) của “gốc rễ” và chủ tinh “ngọn, lá” thuận hòa nhau, đứng ở những vị trí tốt, có sao tốt chiếu trên lá số → thời gian vận hạn sẽ hanh thông, may mắn, tốt đẹp.

Chủ tinh Đại vận và Tiểu vận “xung khắc” hay “ky nhau”, đứng ở vị trí xấu hoặc có sao xấu chiếu → thời gian khó khăn, xui xẻo, thất bại v.v...

Lưu ý: vòng NTBT có thể dùng để xem bất kỳ vấn đề gì trong cuộc sống, nhưng khuôn khổ chủ đề chính của báo cáo này chỉ xét đến khía cạnh **“công danh sự nghiệp”** và kết quả tóm gọn được thể hiện qua các số điểm và mũi tên với màu sắc trong bảng [8.3.2-A](#) và [8.3.2-B](#).



## Bảng 8.3.2-A Tóm tắt vận hạn trọn đời cho sự nghiệp theo vòng Nhị Thập Bát Tú

(ngày bắt đầu của vận này cũng là ngày kết thúc của vận trước đó)

<i>Chủ tinh Đại vận</i>	<i>Chủ tinh Tiểu vận</i>	<i>Tuổi</i>	<i>Ngày bắt đầu</i>	<i>Xu hướng sự nghiệp (Bạn Dương)</i>
Thái Bạch	Thái Bạch		06/06/1989	↙ 2
Thái Bạch	Thái Dương		05/10/1992	↘ ↘ 1
Thái Bạch	Thái Âm		05/10/1993	↘ ↘ 1
Thái Bạch	Vân Hớn		06/06/1995	↘ ↘ 1
Thái Bạch	La Hầu		05/08/1996	↘ ↘ 1
Thái Bạch	Mộc Đức		06/08/1999	↙ 2
Thái Bạch	Thổ Tú	*	06/04/2002	↙ 2
Thái Bạch	Thủy Diệu	1	05/06/2005	➡ 4
Thái Bạch	Kế Đô	4	05/04/2008	↘ ↘ 1
Thái Dương	Thái Dương	5	06/06/2009	↘ 0
Thái Dương	Thái Âm	5	24/09/2009	↘ 0
Thái Dương	Vân Hớn	6	25/03/2010	↘ 0
Thái Dương	La Hầu	6	31/07/2010	➡ 4
Thái Dương	Mộc Đức	7	25/06/2011	↘ ↘ 1
Thái Dương	Thổ Tú	8	12/04/2012	↘ ↘ 1
Thái Dương	Thủy Diệu	9	25/03/2013	➡ 3
Thái Dương	Kế Đô	10	29/01/2014	↘ 0
Thái Dương	Thái Bạch	10	06/06/2014	↘ ↘ 1
Thái Âm	Thái Âm	11	06/06/2015	↘ 0
Thái Âm	Vân Hớn	12	06/04/2016	↘ 0
Thái Âm	La Hầu	13	05/11/2016	↘ 0
Thái Âm	Mộc Đức	14	07/05/2018	↘ ↘ 1
Thái Âm	Thổ Tú	15	06/09/2019	↘ ↘ 1
Thái Âm	Thủy Diệu	17	06/04/2021	➡ 3
Thái Âm	Kế Đô	18	05/09/2022	↙ 2
Thái Âm	Thái Bạch	19	06/04/2023	↘ ↘ 1
Thái Âm	Thái Dương	21	05/12/2024	↘ 0
Vân Hớn	Vân Hớn	21	06/06/2025	↘ 0
Vân Hớn	La Hầu	22	02/11/2025	↘ 0
Vân Hớn	Mộc Đức	23	20/11/2026	↘ ↘ 1
Vân Hớn	Thổ Tú	24	27/10/2027	↘ ↘ 1
Vân Hớn	Thủy Diệu	25	05/12/2028	➡ 3
Vân Hớn	Kế Đô	26	02/12/2029	↘ 0
Vân Hớn	Thái Bạch	26	30/04/2030	↘ ↘ 1
Vân Hớn	Thái Dương	27	01/07/2031	↘ 0
Vân Hớn	Thái Âm	28	05/11/2031	↘ 0
La Hầu	La Hầu	28	06/06/2032	↘ ↘ 1
La Hầu	Mộc Đức	31	17/02/2035	↘ ↘ 1
La Hầu	Thổ Tú	33	12/07/2037	↘ ↘ 1
La Hầu	Thủy Diệu	36	18/05/2040	➡ 3
La Hầu	Kế Đô	39	05/12/2042	↘ ↘ 1
La Hầu	Thái Bạch	40	24/12/2043	↘ ↘ 1
La Hầu	Thái Dương	43	24/12/2046	➡ 4
La Hầu	Thái Âm	44	17/11/2047	↘ 0
La Hầu	Vân Hớn	45	18/05/2049	↘ 0
Mộc Đức	Mộc Đức	46	06/06/2050	↙ 2
Mộc Đức	Thổ Tú	48	24/07/2052	↙ 2
Mộc Đức	Thủy Diệu	51	04/02/2055	➡ 4
Mộc Đức	Kế Đô	53	12/05/2057	➡ 3

Mộc Đức	Thái Bạch	54	18/04/2058	↙ 2
Mộc Đức	Thái Dương	57	17/12/2060	↘ ↘ 1
Mộc Đức	Thái Âm	57	05/10/2061	↘ ↘ 1
Mộc Đức	Vân Hớn	59	04/02/2063	↘ ↘ 1
Mộc Đức	La Hầu	60	11/01/2064	↘ ↘ 1
Thổ Tú	Thổ Tú	62	06/06/2066	↙ 2
Thổ Tú	Thủy Diệu	65	09/06/2069	➡ 4
Thổ Tú	Kế Đô	68	17/02/2072	↙ 2
Thổ Tú	Thái Bạch	69	27/03/2073	↙ 2
Thổ Tú	Thái Dương	72	27/05/2076	↘ ↘ 1
Thổ Tú	Thái Âm	73	09/05/2077	↘ ↘ 1
Thổ Tú	Vân Hớn	75	08/12/2078	↘ ↘ 1
Thổ Tú	La Hầu	76	17/01/2080	↘ ↘ 1
Thổ Tú	Mộc Đức	79	23/11/2082	↙ 2
Thủy Diệu	Thủy Diệu	81	05/06/2085	⬆ 6
Thủy Diệu	Kế Đô	84	02/11/2087	➡ 3
Thủy Diệu	Thái Bạch	85	29/10/2088	➡ 4
Thủy Diệu	Thái Dương	87	30/08/2091	➡ 3
Thủy Diệu	Thái Âm	88	05/07/2092	➡ 3
Thủy Diệu	Vân Hớn	90	05/12/2093	➡ 3
Thủy Diệu	La Hầu	91	02/12/2094	➡ 3
Thủy Diệu	Mộc Đức	93	20/06/2097	➡ 4
Thủy Diệu	Thổ Tú	95	26/09/2099	➡ 4
Kế Đô	Kế Đô	98	06/06/2102	↘ ↘ 1
Kế Đô	Thái Bạch	99	03/11/2102	↘ ↘ 1
Kế Đô	Thái Dương	100	03/01/2104	↘ 0
Kế Đô	Thái Âm	100	10/05/2104	↙ 2
Kế Đô	Vân Hớn	101	09/12/2104	↘ 0
Kế Đô	La Hầu	101	07/05/2105	↘ 0
Kế Đô	Mộc Đức	102	25/05/2106	➡ 3
Kế Đô	Thổ Tú	103	01/05/2107	↙ 2
Kế Đô	Thủy Diệu	104	09/06/2108	➡ 3

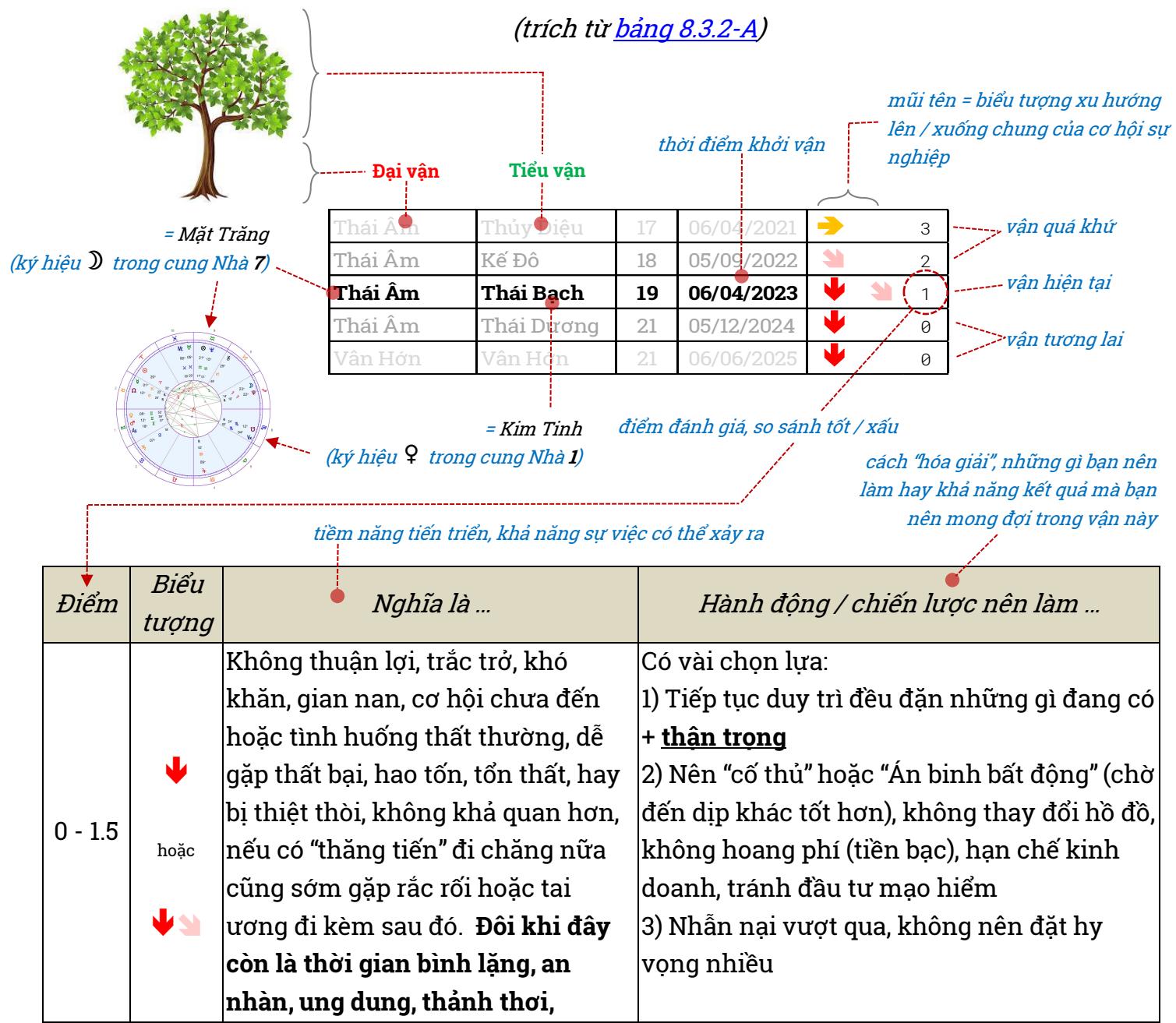
"Tuổi" bắt đầu từ "0" (lúc bạn sinh ra) và dấu "\*" ở đầu cột "Tuổi" đánh dấu thời điểm bạn được sinh ra trong khung chu kỳ của Đại vận.

\* **Lưu ý:** Tiểu vận cuối cùng (tiểu vận thứ 9) của mỗi Đại vận là thời gian có nhiều sự kiện hay biến cố mang tính "bước ngoặt", với mục đích là "dọn dẹp" những gì cũ kỹ để "chuyển tiếp" và "giới thiệu", "kết nối", "dẫn đưa" bạn bước sang một giai đoạn Đại vận với chủ đề hoàn toàn mới ([mục 8.3.4](#)).

## Hướng dẫn xem vận hạn sự nghiệp (cách 2):

- Mục 8.3.2 chia làm 2 phần tương tự nhau: phần “tóm tắt” ([8.3.2-A](#), trang trước) và “chi tiết” ([8.3.2-B](#)). Nếu giờ sinh bạn Dương chính xác thì ngày tháng bắt đầu cũng sẽ chính xác. Nếu giờ sinh không chính xác thì ngày tháng khởi vận trong các bảng 8.3.2-A và 8.3.2-B sẽ bị lệch đi vài ngày, vài tuần hoặc thậm chí vài tháng !
- Những mũi tên, màu sắc và số điểm trong cột “Xu hướng sự nghiệp” là kết quả được tóm gọn từ nhiều tính toán phân tích phức tạp (trong đó có “Bát Tinh Cung Pháp” từ [mục 14](#)), cho thấy *bức tranh chung* về mức độ thuận lợi cho riêng chuyên công danh sự nghiệp của bạn trong thời gian đó.

Ví dụ, vào thời điểm đăng ký báo cáo này, vận hạn sự nghiệp bạn Dương hiện tại đang ở giai đoạn **Thái Âm > Thái Bạch** bắt đầu từ ngày **06/04/2023** kéo dài đến ngày **05/12/2024**. Ngày **05/12/2024** cũng là khởi vận (khởi điểm của vận) tiếp theo **Thái Âm > Thái Dương**:



		<b>không có biến cố đáng kể hay thay đổi rõ rệt.</b>	4) Tập trung vào những mặt khác trong cuộc sống, ví dụ như tình cảm, hôn nhân, gia đình, con cái, nghỉ hưu, đi chơi, đi học (thêm kỹ năng mới), sức khỏe v.v...
1.5 - 3	↙ ↘ hoặc ↗ ↙	Có chút khởi sắc, có tiềm năng, có chút thuận lợi, có cơ hội dù là không nhiều	Cần khởi động việc gì thì có thể "thử", nhưng tốt nhất là vẫn nên dè dặt, xem xét, cẩn thận, không nên háo thắng, từng bước mà đi, "vừa tiến vừa thủ"
3 - 5	→ ↗	Vận khá, tương đối hanh thông, cơ hội thuận lợi, dễ gặp may, dễ "phát", có hiệu quả tốt, có lợi tức	Mạnh dạn tiến tới, khởi động, khai trương, thực hiện kế hoạch, có thể <b>thay đổi</b> với công việc / trải nghiệm mới
5 - 9	↗ ↗	Vận hạn tốt nhất, "gặp thời, gặp hên", dễ dàng khuếch trương, thường gặp cơ duyên hậu thuẫn tốt, dễ nổi tiếng, thăng tiến, dễ vượt qua cho dù có khó khăn, trở ngại	Có thể tiến hành bất kỳ dự định gì. Có thể dốc toàn lực vào dự án, kế hoạch. Thời điểm thuận lợi để tính đến <b>tương lai</b> , nên nghĩ đến những phương án dự phòng cho những ngày "mưa bão". Nên <b>đầu tư</b> , dành dụm, tiết kiệm (về tiền bạc, nguồn lực).

Tùy lá số mỗi người, nếu thấy có **những giai đoạn có dấu ↓, ↘ hay → liên tiếp**, điều này **không hẳn** có nghĩa là "vận hạn đi xuống" hay "sự nghiệp thất bại". Nó có thể cho thấy đó là một **đặc điểm** của sự nghiệp bạn Dương (ví dụ như có tính "đều đặn", "ổn định", "ít có thăng trầm" hoặc thậm chí có khi được "an nhàn", hưởng bỗng lộc, doanh thu hay lương cố định).

Hoặc tùy lá số trong những trường hợp khác (nhất là khi xen lẫn "hỗn tạp" với những dấu tốt như ↗ hay ↗), đó có thể là những lúc bạn Dương có thể đang gặp một trong các tình huống sau (và cần xử lý thích hợp tùy theo hoàn cảnh của mình):

- i) Không nên khởi động kinh doanh, tham gia kinh doanh hoặc đầu tư / làm những công việc / bước đi có tính chất "mạo hiểm", "nhiều rủi ro"! Thay vào đó, nên:
  - duy trì công việc hiện tại, hoặc
  - nhắm đến những công việc "làm công ăn lương" – ví dụ như: công chức, làm cho người trong gia đình, nhân viên "đầu quân" trong các công ty, tập đoàn ... hoặc
  - chọn làm những công việc "tạm thời" hoặc lao động phổ thông đem lại *thu nhập đều đặn*, không đòi hỏi kỹ năng quá khó khăn, không cần thăng tiến, không cần khuếch trương
  - cho người khác thuê mướn những gì mình *đã có sẵn*: phòng ốc, nhà cửa, phương tiện (xe cộ, tàu thuyền), máy móc, sức lực (lao động), thân thể (người mẫu) ...
- ii) Bận rộn tập trung với một mục tiêu khác khi sự nghiệp của bạn không còn quan trọng nữa (như iii)
- iii) Cần phải linh động chuyển hướng sự nghiệp sang những mặt khác trong cuộc sống, ví dụ như: hôn nhân (lập gia đình và được người yêu hỗ trợ thu nhập), phụ giúp gia đình (và được gia đình hỗ trợ kinh tế), chăm sóc con cái, sức khỏe (nghỉ dưỡng, điều trị, hưu trí), hưởng phúc lợi xã hội, tu tập (không mưu cầu danh lợi)

Ngược lại, nếu thấy các dấu tốt như ↗ hay ↑ liên tiếp *trong một thời gian dài* thì cũng phải **CẨN THẬN**, vì điều đó có nghĩa rằng dù bạn có số gặp may mắn và “thiên thời / địa lợi” thường xuyên trong sự nghiệp, nhưng rất có thể bạn đang *thiếu sót* hoặc “lơ là” ở một vài mặt nào đó khác trong cuộc sống (hôn nhân, con cái, gia đình v.v...). Ngoài ra, với lá số dạng này, dù ít khi gặp vận “xấu” ↓ nhưng mỗi lần gặp (nhất là trong tiểu vận) sẽ đi xuống rất nhanh hoặc “bị một cú sốc” rất nặng ! Đây cũng là một quy luật “bù trừ” của tạo hóa.

---

Xem thêm 2 mục vận hạn NTBT khác ở [mục 14.4](#) và [mục 15.1.6](#)

---



## Bảng 8.3.2-B Chi tiết vận hạn trọn đời cho sự nghiệp theo vòng Nhị Thập Bát Tú

<i>Chủ tinh Đại vận</i>	<i>Chủ tinh Tiểu vận 1</i>	<i>Chủ tinh Tiểu vận 2</i>	<i>Tuổi</i>	<i>Ngày bắt đầu (ngày/tháng/năm)</i>	<i>Xu hướng sự nghiệp (Bạn Dương)</i>	<i>Xu hướng tài lộc</i>
Thái Bạch	Thái Bạch	Thái Bạch		06/06/1989	↖ 3	↙ 9
Thái Bạch	Thái Bạch	Thái Dương		26/12/1989	↖ 2	↙ 7
Thái Bạch	Thái Bạch	Thái Âm		24/02/1990	↖ 2	↙ 6
Thái Bạch	Thái Bạch	Vân Hớn		06/06/1990	↖ 2	↙ 8
Thái Bạch	Thái Bạch	La Hầu		16/08/1990	↖ 2	↙ 7
Thái Bạch	Thái Bạch	Mộc Đức		15/02/1991	↖ 3	↙ 7
Thái Bạch	Thái Bạch	Thổ Tú		27/07/1991	↖ 3	↙ 7
Thái Bạch	Thái Bạch	Thủy Diệu		05/02/1992	↖ ↘ 5	↙ 7
Thái Bạch	Thái Bạch	Kế Đô		26/07/1992	↖ 2	↙ 6
Thái Bạch	Thái Dương	Thái Dương		05/10/1992	⬇ ↖ 1	↙ 5
Thái Bạch	Thái Dương	Thái Âm		23/10/1992	⬇ ↖ 1	↙ 4
Thái Bạch	Thái Dương	Vân Hớn		23/11/1992	⬇ ↖ 1	↙ 6
Thái Bạch	Thái Dương	La Hầu		14/12/1992	↖ ↘ 5	↙ 5
Thái Bạch	Thái Dương	Mộc Đức		07/02/1993	↖ 2	↙ 5
Thái Bạch	Thái Dương	Thổ Tú		27/03/1993	↖ 2	↙ 5
Thái Bạch	Thái Dương	Thủy Diệu		24/05/1993	↖ ↘ 4	↙ 5
Thái Bạch	Thái Dương	Kế Đô		15/07/1993	⬇ ↖ 1	↙ 4
Thái Bạch	Thái Dương	Thái Bạch		05/08/1993	↖ 2	↙ 7
Thái Bạch	Thái Âm	Thái Âm		05/10/1993	⬇ ↖ 1	↙ 3
Thái Bạch	Thái Âm	Vân Hớn		25/11/1993	⬇ ↖ 1	↙ 5
Thái Bạch	Thái Âm	La Hầu		30/12/1993	⬇ ↖ 1	↙ 4
Thái Bạch	Thái Âm	Mộc Đức		01/04/1994	↖ 2	↙ 4
Thái Bạch	Thái Âm	Thổ Tú		21/06/1994	↖ 2	↙ 4
Thái Bạch	Thái Âm	Thủy Diệu		25/09/1994	↖ ↘ 4	↙ 4
Thái Bạch	Thái Âm	Kế Đô		20/12/1994	↖ 3	↙ 3
Thái Bạch	Thái Âm	Thái Bạch		25/01/1995	↖ 2	↙ 6
Thái Bạch	Thái Âm	Thái Dương		06/05/1995	⬇ ↖ 1	↙ 4
Thái Bạch	Vân Hớn	Vân Hớn		06/06/1995	⬇ ↖ 1	↙ 7
Thái Bạch	Vân Hớn	La Hầu		30/06/1995	⬇ ↖ 1	↙ 6
Thái Bạch	Vân Hớn	Mộc Đức		02/09/1995	↖ 2	↙ 6
Thái Bạch	Vân Hớn	Thổ Tú		29/10/1995	↖ 2	↙ 6
Thái Bạch	Vân Hớn	Thủy Diệu		05/01/1996	↖ ↘ 4	↙ 6
Thái Bạch	Vân Hớn	Kế Đô		05/03/1996	⬇ ↖ 1	↙ 5
Thái Bạch	Vân Hớn	Thái Bạch		30/03/1996	↖ 2	↙ 8
Thái Bạch	Vân Hớn	Thái Dương		09/06/1996	⬇ ↖ 1	↙ 6
Thái Bạch	Vân Hớn	Thái Âm		30/06/1996	⬇ ↖ 1	↙ 5
Thái Bạch	La Hầu	La Hầu		05/08/1996	⬇ ↖ 1	↙ 5
Thái Bạch	La Hầu	Mộc Đức		16/01/1997	↖ 2	↙ 5
Thái Bạch	La Hầu	Thổ Tú		11/06/1997	↖ 2	↙ 5
Thái Bạch	La Hầu	Thủy Diệu		01/12/1997	↖ ↘ 4	↙ 5
Thái Bạch	La Hầu	Kế Đô		06/05/1998	⬇ ↖ 1	↙ 4
Thái Bạch	La Hầu	Thái Bạch		09/07/1998	↖ 2	↙ 7
Thái Bạch	La Hầu	Thái Dương		07/01/1999	↖ ↘ 5	↙ 5
Thái Bạch	La Hầu	Thái Âm		03/03/1999	⬇ ↖ 1	↙ 4
Thái Bạch	La Hầu	Vân Hớn		02/06/1999	⬇ ↖ 1	↙ 6

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Thái Bạch	Mộc Đức	Mộc Đức		05/08/1999	➡ 3	5
Thái Bạch	Mộc Đức	Thổ Tú		13/12/1999	➡ 3	5
Thái Bạch	Mộc Đức	Thủy Diệu		15/05/2000	➡ ➤ 5	5
Thái Bạch	Mộc Đức	Kế Đô		30/09/2000	➡ ➤ 4	4
Thái Bạch	Mộc Đức	Thái Bạch		26/11/2000	➡ 3	7
Thái Bạch	Mộc Đức	Thái Dương		07/05/2001	➡ 2	5
Thái Bạch	Mộc Đức	Thái Âm		25/06/2001	➡ 2	4
Thái Bạch	Mộc Đức	Vân Hớn		14/09/2001	➡ 2	6
Thái Bạch	Mộc Đức	La Hầu		10/11/2001	➡ 2	5
Thái Bạch	Thổ Tú	Thổ Tú		05/04/2002	➡ 3	5
Thái Bạch	Thổ Tú	Thủy Diệu		05/10/2002	➡ ➤ 5	5
Thái Bạch	Thổ Tú	Kế Đô		18/03/2003	➡ 3	4
Thái Bạch	Thổ Tú	Thái Bạch		24/05/2003	➡ 3	7
Thái Bạch	Thổ Tú	Thái Dương		03/12/2003	➡ 2	5
Thái Bạch	Thổ Tú	Thái Âm	*	30/01/2004	➡ 2	4
Thái Bạch	Thổ Tú	Vân Hớn	0	05/05/2004	➡ 2	6
Thái Bạch	Thổ Tú	La Hầu	0	12/07/2004	➡ 2	5
Thái Bạch	Thổ Tú	Mộc Đức	1	01/01/2005	➡ 3	5
Thái Bạch	Thủy Diệu	Thủy Diệu	1	04/06/2005	➤ ➤ 7	5
Thái Bạch	Thủy Diệu	Kế Đô	2	29/10/2005	➡ ➤ 4	4
Thái Bạch	Thủy Diệu	Thái Bạch	2	28/12/2005	➡ ➤ 5	7
Thái Bạch	Thủy Diệu	Thái Dương	2	19/06/2006	➡ ➤ 4	5
Thái Bạch	Thủy Diệu	Thái Âm	2	09/08/2006	➡ ➤ 4	4
Thái Bạch	Thủy Diệu	Vân Hớn	3	04/11/2006	➡ ➤ 4	6
Thái Bạch	Thủy Diệu	La Hầu	3	03/01/2007	➡ ➤ 4	5
Thái Bạch	Thủy Diệu	Mộc Đức	3	07/06/2007	➡ ➤ 5	5
Thái Bạch	Thủy Diệu	Thổ Tú	4	23/10/2007	➡ ➤ 5	5
Thái Bạch	Kế Đô	Kế Đô	4	04/04/2008	⬇ ⬅ 1	3
Thái Bạch	Kế Đô	Thái Bạch	4	29/04/2008	➡ 2	6
Thái Bạch	Kế Đô	Thái Dương	4	09/07/2008	⬇ ⬅ 1	4
Thái Bạch	Kế Đô	Thái Âm	4	30/07/2008	➡ 3	3
Thái Bạch	Kế Đô	Vân Hớn	4	04/09/2008	⬇ ⬅ 1	5
Thái Bạch	Kế Đô	La Hầu	4	29/09/2008	⬇ ⬅ 1	4
Thái Bạch	Kế Đô	Mộc Đức	5	02/12/2008	➡ ➤ 4	4
Thái Bạch	Kế Đô	Thổ Tú	5	28/01/2009	➡ 3	4
Thái Bạch	Kế Đô	Thủy Diệu	5	05/04/2009	➡ ➤ 4	4
Thái Dương	Thái Dương	Thái Dương	5	06/06/2009	⬇ 0	3
Thái Dương	Thái Dương	Thái Âm	5	11/06/2009	⬇ 0	2
Thái Dương	Thái Dương	Vân Hớn	5	21/06/2009	⬇ 0	4
Thái Dương	Thái Dương	La Hầu	5	27/06/2009	➤ ➤ 8	3
Thái Dương	Thái Dương	Mộc Đức	5	13/07/2009	⬇ ⬅ 1	3
Thái Dương	Thái Dương	Thổ Tú	5	28/07/2009	⬇ ⬅ 1	3
Thái Dương	Thái Dương	Thủy Diệu	5	14/08/2009	➡ 3	3
Thái Dương	Thái Dương	Kế Đô	5	30/08/2009	⬇ 0	2
Thái Dương	Thái Dương	Thái Bạch	5	05/09/2009	⬇ ⬅ 1	5
Thái Dương	Thái Âm	Thái Âm	5	23/09/2009	⬇ 0	1
Thái Dương	Thái Âm	Vân Hớn	5	09/10/2009	⬇ 0	3
Thái Dương	Thái Âm	La Hầu	6	19/10/2009	➡ ➤ 4	2

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Thái Dương	Thái Âm	Mộc Đức	6	16/11/2009	⬇️ ↗️ 1	1	2
Thái Dương	Thái Âm	Thổ Tú	6	10/12/2009	⬇️ ↗️ 1	1	2
Thái Dương	Thái Âm	Thủy Diệu	6	08/01/2010	↗️ 3	1	2
Thái Dương	Thái Âm	Kế Đô	6	03/02/2010	↗️ 2	1	1
Thái Dương	Thái Âm	Thái Bạch	6	13/02/2010	⬇️ ↗️ 1	1	4
Thái Dương	Thái Âm	Thái Dương	6	16/03/2010	⬇️ 0	1	2
Thái Dương	Vân Hớn	Vân Hớn	6	25/03/2010	⬇️ 0	1	5
Thái Dương	Vân Hớn	La Hầu	6	01/04/2010	↗️ ➤ 4	1	4
Thái Dương	Vân Hớn	Mộc Đức	6	20/04/2010	⬇️ ↗️ 1	1	4
Thái Dương	Vân Hớn	Thổ Tú	6	08/05/2010	⬇️ ↗️ 1	1	4
Thái Dương	Vân Hớn	Thủy Diệu	6	28/05/2010	↗️ 3	1	4
Thái Dương	Vân Hớn	Kế Đô	6	15/06/2010	⬇️ 0	1	3
Thái Dương	Vân Hớn	Thái Bạch	6	22/06/2010	⬇️ ↗️ 1	1	6
Thái Dương	Vân Hớn	Thái Dương	6	14/07/2010	⬇️ 0	1	4
Thái Dương	Vân Hớn	Thái Âm	6	20/07/2010	⬇️ 0	1	3
Thái Dương	La Hầu	La Hầu	6	31/07/2010	⬇️ 0	1	3
Thái Dương	La Hầu	Mộc Đức	6	18/09/2010	↗️ ➤ 5	1	3
Thái Dương	La Hầu	Thổ Tú	7	01/11/2010	↗️ ➤ 5	1	3
Thái Dương	La Hầu	Thủy Diệu	7	23/12/2010	➤️ ➥ 7	1	3
Thái Dương	La Hầu	Kế Đô	7	07/02/2011	⬇️ 0	1	2
Thái Dương	La Hầu	Thái Bạch	7	26/02/2011	↗️ ➤ 5	1	5
Thái Dương	La Hầu	Thái Dương	7	22/04/2011	↗️ ↑ 8	1	3
Thái Dương	La Hầu	Thái Âm	7	09/05/2011	↗️ ➤ 4	1	2
Thái Dương	La Hầu	Vân Hớn	7	05/06/2011	↗️ ➤ 4	1	4
Thái Dương	Mộc Đức	Mộc Đức	7	24/06/2011	↗️ 2	1	3
Thái Dương	Mộc Đức	Thổ Tú	7	02/08/2011	↗️ 2	1	3
Thái Dương	Mộc Đức	Thủy Diệu	7	17/09/2011	↗️ ➤ 4	1	3
Thái Dương	Mộc Đức	Kế Đô	8	29/10/2011	↗️ 3	1	2
Thái Dương	Mộc Đức	Thái Bạch	8	15/11/2011	↗️ 2	1	5
Thái Dương	Mộc Đức	Thái Dương	8	02/01/2012	⬇️ ↗️ 1	1	3
Thái Dương	Mộc Đức	Thái Âm	8	17/01/2012	⬇️ ↗️ 1	1	2
Thái Dương	Mộc Đức	Vân Hớn	8	10/02/2012	⬇️ ↗️ 1	1	4
Thái Dương	Mộc Đức	La Hầu	8	27/02/2012	↗️ ➤ 5	1	3
Thái Dương	Thổ Tú	Thổ Tú	8	11/04/2012	↗️ 2	1	3
Thái Dương	Thổ Tú	Thủy Diệu	8	05/06/2012	↗️ ➤ 4	1	3
Thái Dương	Thổ Tú	Kế Đô	8	24/07/2012	↗️ 2	1	2
Thái Dương	Thổ Tú	Thái Bạch	8	13/08/2012	↗️ 2	1	5
Thái Dương	Thổ Tú	Thái Dương	9	10/10/2012	⬇️ ↗️ 1	1	3
Thái Dương	Thổ Tú	Thái Âm	9	28/10/2012	⬇️ ↗️ 1	1	2
Thái Dương	Thổ Tú	Vân Hớn	9	25/11/2012	⬇️ ↗️ 1	1	4
Thái Dương	Thổ Tú	La Hầu	9	16/12/2012	↗️ ➤ 5	1	3
Thái Dương	Thổ Tú	Mộc Đức	9	06/02/2013	↗️ 2	1	3
Thái Dương	Thủy Diệu	Thủy Diệu	9	24/03/2013	➤️ ➥ 6	1	3
Thái Dương	Thủy Diệu	Kế Đô	9	07/05/2013	↗️ 3	1	2
Thái Dương	Thủy Diệu	Thái Bạch	9	25/05/2013	↗️ ➤ 4	1	5
Thái Dương	Thủy Diệu	Thái Dương	9	16/07/2013	↗️ 3	1	3
Thái Dương	Thủy Diệu	Thái Âm	9	31/07/2013	↗️ 3	1	2
Thái Dương	Thủy Diệu	Vân Hớn	9	26/08/2013	↗️ 3	1	4

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Thái Dương	Thủy Diệu	La Hầu	9	13/09/2013	➡️ ↗️	7		3
Thái Dương	Thủy Diệu	Mộc Đức	10	30/10/2013	↖️ ➡️	4		3
Thái Dương	Thủy Diệu	Thổ Tú	10	10/12/2013	↖️ ➡️	4		3
Thái Dương	Kế Đô	Kế Đô	10	28/01/2014	⬇️	0		1
Thái Dương	Kế Đô	Thái Bạch	10	05/02/2014	⬇️ ↘️	1		4
Thái Dương	Kế Đô	Thái Dương	10	26/02/2014	⬇️	0		2
Thái Dương	Kế Đô	Thái Âm	10	04/03/2014	↑️ ↘️	2		1
Thái Dương	Kế Đô	Vân Hớn	10	15/03/2014	⬇️	0		3
Thái Dương	Kế Đô	La Hầu	10	22/03/2014	⬇️	0		2
Thái Dương	Kế Đô	Mộc Đức	10	11/04/2014	↖️	3		2
Thái Dương	Kế Đô	Thổ Tú	10	28/04/2014	↖️	2		2
Thái Dương	Kế Đô	Thủy Diệu	10	18/05/2014	↖️	3		2
Thái Dương	Thái Bạch	Thái Bạch	10	05/06/2014	↖️	2		7
Thái Dương	Thái Bạch	Thái Dương	10	05/08/2014	⬇️ ↘️	1		5
Thái Dương	Thái Bạch	Thái Âm	10	23/08/2014	⬇️ ↘️	1		4
Thái Dương	Thái Bạch	Vân Hớn	10	22/09/2014	⬇️ ↘️	1		6
Thái Dương	Thái Bạch	La Hầu	11	14/10/2014	↖️ ➡️	5		5
Thái Dương	Thái Bạch	Mộc Đức	11	08/12/2014	↖️	2		5
Thái Dương	Thái Bạch	Thổ Tú	11	25/01/2015	↖️	2		5
Thái Dương	Thái Bạch	Thủy Diệu	11	24/03/2015	↖️ ➡️	4		5
Thái Dương	Thái Bạch	Kế Đô	11	15/05/2015	⬇️ ↘️	1		4
Thái Âm	Thái Âm	Thái Âm	11	06/06/2015	⬇️	0		0
Thái Âm	Thái Âm	Vân Hớn	11	02/07/2015	⬇️	0		2
Thái Âm	Thái Âm	La Hầu	11	19/07/2015	⬇️	0		1
Thái Âm	Thái Âm	Mộc Đức	11	03/09/2015	⬇️ ↘️	1		1
Thái Âm	Thái Âm	Thổ Tú	12	14/10/2015	⬇️ ↘️	1		1
Thái Âm	Thái Âm	Thủy Diệu	12	01/12/2015	↖️	3		1
Thái Âm	Thái Âm	Kế Đô	12	13/01/2016	↖️ ➡️	4		0
Thái Âm	Thái Âm	Thái Bạch	12	31/01/2016	⬇️ ↘️	1		3
Thái Âm	Thái Âm	Thái Dương	12	21/03/2016	⬇️	0		1
Thái Âm	Vân Hớn	Vân Hớn	12	06/04/2016	⬇️	0		4
Thái Âm	Vân Hớn	La Hầu	12	18/04/2016	⬇️	0		3
Thái Âm	Vân Hớn	Mộc Đức	12	20/05/2016	⬇️ ↘️	1		3
Thái Âm	Vân Hớn	Thổ Tú	12	17/06/2016	⬇️ ↘️	1		3
Thái Âm	Vân Hớn	Thủy Diệu	12	21/07/2016	↖️	3		3
Thái Âm	Vân Hớn	Kế Đô	12	20/08/2016	↖️	2		2
Thái Âm	Vân Hớn	Thái Bạch	12	02/09/2016	⬇️ ↘️	1		5
Thái Âm	Vân Hớn	Thái Dương	12	07/10/2016	⬇️	0		3
Thái Âm	Vân Hớn	Thái Âm	13	18/10/2016	⬇️	0		2
Thái Âm	La Hầu	La Hầu	13	05/11/2016	⬇️	0		2
Thái Âm	La Hầu	Mộc Đức	13	26/01/2017	⬇️ ↘️	1		2
Thái Âm	La Hầu	Thổ Tú	13	09/04/2017	⬇️ ↘️	1		2
Thái Âm	La Hầu	Thủy Diệu	13	04/07/2017	↖️	3		2
Thái Âm	La Hầu	Kế Đô	13	20/09/2017	⬇️	0		1
Thái Âm	La Hầu	Thái Bạch	14	22/10/2017	⬇️ ↘️	1		4
Thái Âm	La Hầu	Thái Dương	14	21/01/2018	↖️ ➡️	4		2
Thái Âm	La Hầu	Thái Âm	14	18/02/2018	⬇️	0		1
Thái Âm	La Hầu	Vân Hớn	14	04/04/2018	⬇️	0		3

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Thái Âm	Mộc Đức	Mộc Đức	14	06/05/2018	2	2
Thái Âm	Mộc Đức	Thổ Tú	14	10/07/2018	2	2
Thái Âm	Mộc Đức	Thủy Diệu	14	25/09/2018	4	2
Thái Âm	Mộc Đức	Kế Đô	15	03/12/2018	5	1
Thái Âm	Mộc Đức	Thái Bạch	15	01/01/2019	2	4
Thái Âm	Mộc Đức	Thái Dương	15	23/03/2019	1	2
Thái Âm	Mộc Đức	Thái Âm	15	16/04/2019	1	1
Thái Âm	Mộc Đức	Vân Hớn	15	27/05/2019	1	3
Thái Âm	Mộc Đức	La Hầu	15	24/06/2019	1	2
Thái Âm	Thổ Tú	Thổ Tú	15	05/09/2019	2	2
Thái Âm	Thổ Tú	Thủy Diệu	16	06/12/2019	4	2
Thái Âm	Thổ Tú	Kế Đô	16	25/02/2020	4	1
Thái Âm	Thổ Tú	Thái Bạch	16	30/03/2020	2	4
Thái Âm	Thổ Tú	Thái Dương	16	05/07/2020	1	2
Thái Âm	Thổ Tú	Thái Âm	16	02/08/2020	1	1
Thái Âm	Thổ Tú	Vân Hớn	16	20/09/2020	1	3
Thái Âm	Thổ Tú	La Hầu	17	23/10/2020	1	2
Thái Âm	Thổ Tú	Mộc Đức	17	18/01/2021	2	2
Thái Âm	Thủy Diệu	Thủy Diệu	17	05/04/2021	6	2
Thái Âm	Thủy Diệu	Kế Đô	17	17/06/2021	5	1
Thái Âm	Thủy Diệu	Thái Bạch	17	18/07/2021	4	4
Thái Âm	Thủy Diệu	Thái Dương	18	12/10/2021	3	2
Thái Âm	Thủy Diệu	Thái Âm	18	07/11/2021	3	1
Thái Âm	Thủy Diệu	Vân Hớn	18	20/12/2021	3	3
Thái Âm	Thủy Diệu	La Hầu	18	19/01/2022	3	2
Thái Âm	Thủy Diệu	Mộc Đức	18	07/04/2022	4	2
Thái Âm	Thủy Diệu	Thổ Tú	18	15/06/2022	4	2
Thái Âm	Kế Đô	Kế Đô	18	04/09/2022	0	0
Thái Âm	Kế Đô	Thái Bạch	18	17/09/2022	3	3
Thái Âm	Kế Đô	Thái Dương	19	22/10/2022	2	1
Thái Âm	Kế Đô	Thái Âm	19	02/11/2022	4	0
Thái Âm	Kế Đô	Vân Hớn	19	20/11/2022	2	2
Thái Âm	Kế Đô	La Hầu	19	02/12/2022	0	1
Thái Âm	Kế Đô	Mộc Đức	19	03/01/2023	5	1
Thái Âm	Kế Đô	Thổ Tú	19	31/01/2023	4	1
Thái Âm	Kế Đô	Thủy Diệu	19	06/03/2023	5	1
Thái Âm	Thái Bạch	Thái Bạch	19	05/04/2023	2	6
Thái Âm	Thái Bạch	Thái Dương	19	16/07/2023	1	4
Thái Âm	Thái Bạch	Thái Âm	19	15/08/2023	1	3
Thái Âm	Thái Bạch	Vân Hớn	19	05/10/2023	1	5
Thái Âm	Thái Bạch	La Hầu	20	09/11/2023	1	4
Thái Âm	Thái Bạch	Mộc Đức	20	09/02/2024	2	4
Thái Âm	Thái Bạch	Thổ Tú	20	30/04/2024	2	4
Thái Âm	Thái Bạch	Thủy Diệu	20	04/08/2024	4	4
Thái Âm	Thái Bạch	Kế Đô	21	29/10/2024	3	3
Thái Âm	Thái Dương	Thái Dương	21	04/12/2024	0	2
Thái Âm	Thái Dương	Thái Âm	21	13/12/2024	0	1
Thái Âm	Thái Dương	Vân Hớn	21	28/12/2024	0	3

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Thái Âm	Thái Dương	La Hầu	21	08/01/2025		4		2
Thái Âm	Thái Dương	Mộc Đức	21	04/02/2025		1		2
Thái Âm	Thái Dương	Thổ Tú	21	01/03/2025		1		2
Thái Âm	Thái Dương	Thủy Diệu	21	30/03/2025		3		2
Thái Âm	Thái Dương	Kế Đô	21	24/04/2025		2		1
Thái Âm	Thái Dương	Thái Bạch	21	05/05/2025		1		4
Vân Hớn	Vân Hớn	Vân Hớn	21	06/06/2025		0		6
Vân Hớn	Vân Hớn	La Hầu	21	15/06/2025		0		5
Vân Hớn	Vân Hớn	Mộc Đức	21	07/07/2025		1		5
Vân Hớn	Vân Hớn	Thổ Tú	21	27/07/2025		1		5
Vân Hớn	Vân Hớn	Thủy Diệu	21	19/08/2025		3		5
Vân Hớn	Vân Hớn	Kế Đô	21	09/09/2025		0		4
Vân Hớn	Vân Hớn	Thái Bạch	21	18/09/2025		1		7
Vân Hớn	Vân Hớn	Thái Dương	22	13/10/2025		0		5
Vân Hớn	Vân Hớn	Thái Âm	22	20/10/2025		0		4
Vân Hớn	La Hầu	La Hầu	22	02/11/2025		0		4
Vân Hớn	La Hầu	Mộc Đức	22	29/12/2025		1		4
Vân Hớn	La Hầu	Thổ Tú	22	18/02/2026		1		4
Vân Hớn	La Hầu	Thủy Diệu	22	20/04/2026		3		4
Vân Hớn	La Hầu	Kế Đô	22	13/06/2026		0		3
Vân Hớn	La Hầu	Thái Bạch	22	06/07/2026		1		6
Vân Hớn	La Hầu	Thái Dương	22	08/09/2026		4		4
Vân Hớn	La Hầu	Thái Âm	22	27/09/2026		0		3
Vân Hớn	La Hầu	Vân Hớn	23	29/10/2026		0		5
Vân Hớn	Mộc Đức	Mộc Đức	23	20/11/2026		2		4
Vân Hớn	Mộc Đức	Thổ Tú	23	05/01/2027		2		4
Vân Hớn	Mộc Đức	Thủy Diệu	23	28/02/2027		4		4
Vân Hớn	Mộc Đức	Kế Đô	23	17/04/2027		3		3
Vân Hớn	Mộc Đức	Thái Bạch	23	07/05/2027		2		6
Vân Hớn	Mộc Đức	Thái Dương	23	03/07/2027		1		4
Vân Hớn	Mộc Đức	Thái Âm	23	20/07/2027		1		3
Vân Hớn	Mộc Đức	Vân Hớn	23	17/08/2027		1		5
Vân Hớn	Mộc Đức	La Hầu	23	06/09/2027		1		4
Vân Hớn	Thổ Tú	Thổ Tú	24	27/10/2027		2		4
Vân Hớn	Thổ Tú	Thủy Diệu	24	30/12/2027		4		4
Vân Hớn	Thổ Tú	Kế Đô	24	25/02/2028		2		3
Vân Hớn	Thổ Tú	Thái Bạch	24	20/03/2028		2		6
Vân Hớn	Thổ Tú	Thái Dương	24	26/05/2028		1		4
Vân Hớn	Thổ Tú	Thái Âm	24	16/06/2028		1		3
Vân Hớn	Thổ Tú	Vân Hớn	24	19/07/2028		1		5
Vân Hớn	Thổ Tú	La Hầu	24	12/08/2028		1		4
Vân Hớn	Thổ Tú	Mộc Đức	25	12/10/2028		2		4
Vân Hớn	Thủy Diệu	Thủy Diệu	25	05/12/2028		6		4
Vân Hớn	Thủy Diệu	Kế Đô	25	25/01/2029		3		3
Vân Hớn	Thủy Diệu	Thái Bạch	25	15/02/2029		4		6
Vân Hớn	Thủy Diệu	Thái Dương	25	16/04/2029		3		4
Vân Hớn	Thủy Diệu	Thái Âm	25	04/05/2029		3		3
Vân Hớn	Thủy Diệu	Vân Hớn	25	04/06/2029		3		5

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Vân Hớn	Thủy Diệu	La Hầu	25	25/06/2029	➡️ 3	4
Vân Hớn	Thủy Diệu	Mộc Đức	25	18/08/2029	➡️ ➡️ 4	4
Vân Hớn	Thủy Diệu	Thổ Tú	25	05/10/2029	➡️ ➡️ 4	4
Vân Hớn	Kế Đô	Kế Đô	26	02/12/2029	⬇️ 0	2
Vân Hớn	Kế Đô	Thái Bạch	26	10/12/2029	⬇️ ➡️ 1	5
Vân Hớn	Kế Đô	Thái Dương	26	04/01/2030	⬇️ 0	3
Vân Hớn	Kế Đô	Thái Âm	26	12/01/2030	➡️ 2	2
Vân Hớn	Kế Đô	Vân Hớn	26	24/01/2030	⬇️ 0	4
Vân Hớn	Kế Đô	La Hầu	26	02/02/2030	⬇️ 0	3
Vân Hớn	Kế Đô	Mộc Đức	26	24/02/2030	➡️ 3	3
Vân Hớn	Kế Đô	Thổ Tú	26	16/03/2030	➡️ 2	3
Vân Hớn	Kế Đô	Thủy Diệu	26	08/04/2030	➡️ 3	3
Vân Hớn	Thái Bạch	Thái Bạch	26	30/04/2030	➡️ 2	8
Vân Hớn	Thái Bạch	Thái Dương	26	10/07/2030	⬇️ ➡️ 1	6
Vân Hớn	Thái Bạch	Thái Âm	26	31/07/2030	⬇️ ➡️ 1	5
Vân Hớn	Thái Bạch	Vân Hớn	26	04/09/2030	⬇️ ➡️ 1	7
Vân Hớn	Thái Bạch	La Hầu	26	29/09/2030	⬇️ ➡️ 1	6
Vân Hớn	Thái Bạch	Mộc Đức	27	02/12/2030	➡️ 2	6
Vân Hớn	Thái Bạch	Thổ Tú	27	28/01/2031	➡️ 2	6
Vân Hớn	Thái Bạch	Thủy Diệu	27	05/04/2031	➡️ ➡️ 4	6
Vân Hớn	Thái Bạch	Kế Đô	27	05/06/2031	⬇️ ➡️ 1	5
Vân Hớn	Thái Dương	Thái Dương	27	30/06/2031	⬇️ 0	4
Vân Hớn	Thái Dương	Thái Âm	27	06/07/2031	⬇️ 0	3
Vân Hớn	Thái Dương	Vân Hớn	27	17/07/2031	⬇️ 0	5
Vân Hớn	Thái Dương	La Hầu	27	24/07/2031	➡️ ➡️ 4	4
Vân Hớn	Thái Dương	Mộc Đức	27	12/08/2031	⬇️ ➡️ 1	4
Vân Hớn	Thái Dương	Thổ Tú	27	29/08/2031	⬇️ ➡️ 1	4
Vân Hớn	Thái Dương	Thủy Diệu	27	18/09/2031	➡️ 3	4
Vân Hớn	Thái Dương	Kế Đô	27	06/10/2031	⬇️ 0	3
Vân Hớn	Thái Dương	Thái Bạch	28	14/10/2031	⬇️ ➡️ 1	6
Vân Hớn	Thái Âm	Thái Âm	28	04/11/2031	⬇️ 0	2
Vân Hớn	Thái Âm	Vân Hớn	28	22/11/2031	⬇️ 0	4
Vân Hớn	Thái Âm	La Hầu	28	04/12/2031	⬇️ 0	3
Vân Hớn	Thái Âm	Mộc Đức	28	05/01/2032	⬇️ ➡️ 1	3
Vân Hớn	Thái Âm	Thổ Tú	28	03/02/2032	⬇️ ➡️ 1	3
Vân Hớn	Thái Âm	Thủy Diệu	28	08/03/2032	➡️ 3	3
Vân Hớn	Thái Âm	Kế Đô	28	07/04/2032	➡️ 2	2
Vân Hớn	Thái Âm	Thái Bạch	28	19/04/2032	⬇️ ➡️ 1	5
Vân Hớn	Thái Âm	Thái Dương	28	25/05/2032	⬇️ 0	3
La Hầu	La Hầu	La Hầu	28	06/06/2032	⬇️ ➡️ 1	3
La Hầu	La Hầu	Mộc Đức	29	31/10/2032	➡️ 2	3
La Hầu	La Hầu	Thổ Tú	29	12/03/2033	➡️ 2	3
La Hầu	La Hầu	Thủy Diệu	29	15/08/2033	➡️ ➡️ 4	3
La Hầu	La Hầu	Kế Đô	30	02/01/2034	⬇️ ➡️ 1	2
La Hầu	La Hầu	Thái Bạch	30	28/02/2034	➡️ 2	5
La Hầu	La Hầu	Thái Dương	30	12/08/2034	⬇️ ➡️ 1	3
La Hầu	La Hầu	Thái Âm	30	30/09/2034	⬇️ ➡️ 1	2
La Hầu	La Hầu	Vân Hớn	31	21/12/2034	⬇️ ➡️ 1	4

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

La Hầu	Mộc Đức	Mộc Đức	31	16/02/2035	2	3
La Hầu	Mộc Đức	Thổ Tú	31	13/06/2035	2	3
La Hầu	Mộc Đức	Thủy Diệu	32	30/10/2035	4	3
La Hầu	Mộc Đức	Kế Đô	32	02/03/2036	2	2
La Hầu	Mộc Đức	Thái Bạch	32	22/04/2036	2	5
La Hầu	Mộc Đức	Thái Dương	32	15/09/2036	5	3
La Hầu	Mộc Đức	Thái Âm	33	29/10/2036	1	2
La Hầu	Mộc Đức	Vân Hớn	33	10/01/2037	1	4
La Hầu	Mộc Đức	La Hầu	33	02/03/2037	2	3
La Hầu	Thổ Tú	Thổ Tú	33	12/07/2037	2	3
La Hầu	Thổ Tú	Thủy Diệu	34	24/12/2037	4	3
La Hầu	Thổ Tú	Kế Đô	34	20/05/2038	2	2
La Hầu	Thổ Tú	Thái Bạch	34	20/07/2038	2	5
La Hầu	Thổ Tú	Thái Dương	35	09/01/2039	5	3
La Hầu	Thổ Tú	Thái Âm	35	02/03/2039	1	2
La Hầu	Thổ Tú	Vân Hớn	35	28/05/2039	1	4
La Hầu	Thổ Tú	La Hầu	35	28/07/2039	2	3
La Hầu	Thổ Tú	Mộc Đức	36	31/12/2039	2	3
La Hầu	Thủy Diệu	Thủy Diệu	36	18/05/2040	6	3
La Hầu	Thủy Diệu	Kế Đô	36	27/09/2040	4	2
La Hầu	Thủy Diệu	Thái Bạch	37	20/11/2040	4	5
La Hầu	Thủy Diệu	Thái Dương	37	24/04/2041	7	3
La Hầu	Thủy Diệu	Thái Âm	37	10/06/2041	3	2
La Hầu	Thủy Diệu	Vân Hớn	37	26/08/2041	3	4
La Hầu	Thủy Diệu	La Hầu	38	20/10/2041	4	3
La Hầu	Thủy Diệu	Mộc Đức	38	08/03/2042	4	3
La Hầu	Thủy Diệu	Thổ Tú	38	10/07/2042	4	3
La Hầu	Kế Đô	Kế Đô	39	05/12/2042	1	1
La Hầu	Kế Đô	Thái Bạch	39	27/12/2042	2	4
La Hầu	Kế Đô	Thái Dương	39	01/03/2043	1	2
La Hầu	Kế Đô	Thái Âm	39	20/03/2043	1	1
La Hầu	Kế Đô	Vân Hớn	39	21/04/2043	1	3
La Hầu	Kế Đô	La Hầu	39	14/05/2043	1	2
La Hầu	Kế Đô	Mộc Đức	39	10/07/2043	2	2
La Hầu	Kế Đô	Thổ Tú	39	30/08/2043	2	2
La Hầu	Kế Đô	Thủy Diệu	40	30/10/2043	4	2
La Hầu	Thái Bạch	Thái Bạch	40	23/12/2043	2	7
La Hầu	Thái Bạch	Thái Dương	40	23/06/2044	5	5
La Hầu	Thái Bạch	Thái Âm	40	17/08/2044	1	4
La Hầu	Thái Bạch	Vân Hớn	41	16/11/2044	1	6
La Hầu	Thái Bạch	La Hầu	41	19/01/2045	2	5
La Hầu	Thái Bạch	Mộc Đức	41	02/07/2045	2	5
La Hầu	Thái Bạch	Thổ Tú	42	25/11/2045	2	5
La Hầu	Thái Bạch	Thủy Diệu	42	18/05/2046	4	5
La Hầu	Thái Bạch	Kế Đô	43	20/10/2046	2	4
La Hầu	Thái Dương	Thái Dương	43	23/12/2046	8	3
La Hầu	Thái Dương	Thái Âm	43	08/01/2047	4	2
La Hầu	Thái Dương	Vân Hớn	43	05/02/2047	4	4

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

La Hầu	Thái Dương	La Hầu	43	24/02/2047		1		3
La Hầu	Thái Dương	Mộc Đức	43	14/04/2047		5		3
La Hầu	Thái Dương	Thổ Tú	43	28/05/2047		5		3
La Hầu	Thái Dương	Thủy Diệu	43	19/07/2047		7		3
La Hầu	Thái Dương	Kế Đô	43	04/09/2047		1		2
La Hầu	Thái Dương	Thái Bạch	43	23/09/2047		5		5
La Hầu	Thái Âm	Thái Âm	44	16/11/2047		0		1
La Hầu	Thái Âm	Vân Hớn	44	01/01/2048		0		3
La Hầu	Thái Âm	La Hầu	44	02/02/2048		1		2
La Hầu	Thái Âm	Mộc Đức	44	24/04/2048		1		2
La Hầu	Thái Âm	Thổ Tú	44	06/07/2048		1		2
La Hầu	Thái Âm	Thủy Diệu	44	01/10/2048		3		2
La Hầu	Thái Âm	Kế Đô	45	17/12/2048		1		1
La Hầu	Thái Âm	Thái Bạch	45	18/01/2049		1		4
La Hầu	Thái Âm	Thái Dương	45	20/04/2049		4		2
La Hầu	Vân Hớn	Vân Hớn	45	17/05/2049		0		5
La Hầu	Vân Hớn	La Hầu	45	08/06/2049		1		4
La Hầu	Vân Hớn	Mộc Đức	45	05/08/2049		1		4
La Hầu	Vân Hớn	Thổ Tú	45	25/09/2049		1		4
La Hầu	Vân Hớn	Thủy Diệu	46	25/11/2049		3		4
La Hầu	Vân Hớn	Kế Đô	46	18/01/2050		1		3
La Hầu	Vân Hớn	Thái Bạch	46	10/02/2050		1		6
La Hầu	Vân Hớn	Thái Dương	46	15/04/2050		4		4
La Hầu	Vân Hớn	Thái Âm	46	04/05/2050		0		3
Mộc Đức	Mộc Đức	Mộc Đức	46	06/06/2050		3		3
Mộc Đức	Mộc Đức	Thổ Tú	46	18/09/2050		3		3
Mộc Đức	Mộc Đức	Thủy Diệu	47	19/01/2051		5		3
Mộc Đức	Mộc Đức	Kế Đô	47	09/05/2051		6		2
Mộc Đức	Mộc Đức	Thái Bạch	47	24/06/2051		3		5
Mộc Đức	Mộc Đức	Thái Dương	48	01/11/2051		2		3
Mộc Đức	Mộc Đức	Thái Âm	48	10/12/2051		2		2
Mộc Đức	Mộc Đức	Vân Hớn	48	13/02/2052		2		4
Mộc Đức	Mộc Đức	La Hầu	48	29/03/2052		2		3
Mộc Đức	Thổ Tú	Thổ Tú	48	24/07/2052		3		3
Mộc Đức	Thổ Tú	Thủy Diệu	49	17/12/2052		5		3
Mộc Đức	Thổ Tú	Kế Đô	49	27/04/2053		5		2
Mộc Đức	Thổ Tú	Thái Bạch	49	20/06/2053		3		5
Mộc Đức	Thổ Tú	Thái Dương	50	22/11/2053		2		3
Mộc Đức	Thổ Tú	Thái Âm	50	07/01/2054		2		2
Mộc Đức	Thổ Tú	Vân Hớn	50	25/03/2054		2		4
Mộc Đức	Thổ Tú	La Hầu	50	18/05/2054		2		3
Mộc Đức	Thổ Tú	Mộc Đức	50	04/10/2054		3		3
Mộc Đức	Thủy Diệu	Thủy Diệu	51	04/02/2055		7		3
Mộc Đức	Thủy Diệu	Kế Đô	51	01/06/2055		6		2
Mộc Đức	Thủy Diệu	Thái Bạch	51	20/07/2055		5		5
Mộc Đức	Thủy Diệu	Thái Dương	52	05/12/2055		4		3
Mộc Đức	Thủy Diệu	Thái Âm	52	15/01/2056		4		2
Mộc Đức	Thủy Diệu	Vân Hớn	52	24/03/2056		4		4

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Mộc Đức	Thủy Diệu	La Hầu	52	11/05/2056	➡️ ➡️ 4		3
Mộc Đức	Thủy Diệu	Mộc Đức	52	12/09/2056	➡️ ➡️ 5		3
Mộc Đức	Thủy Diệu	Thổ Tú	53	01/01/2057	➡️ ➡️ 5		3
Mộc Đức	Kế Đô	Kế Đô	53	12/05/2057	⬇️ ⬇️ 1		1
Mộc Đức	Kế Đô	Thái Bạch	53	01/06/2057	➡️ ➡️ 4		4
Mộc Đức	Kế Đô	Thái Dương	53	27/07/2057	➡️ 3		2
Mộc Đức	Kế Đô	Thái Âm	53	13/08/2057	➡️ ➡️ 5		1
Mộc Đức	Kế Đô	Vân Hớn	53	11/09/2057	➡️ 3		3
Mộc Đức	Kế Đô	La Hầu	53	01/10/2057	⬇️ ⬇️ 1		2
Mộc Đức	Kế Đô	Mộc Đức	54	21/11/2057	➡️ ➡️ 6		2
Mộc Đức	Kế Đô	Thổ Tú	54	05/01/2058	➡️ ➡️ 5		2
Mộc Đức	Kế Đô	Thủy Diệu	54	28/02/2058	➡️ ➡️ 6		2
Mộc Đức	Thái Bạch	Thái Bạch	54	17/04/2058	➡️ 3		7
Mộc Đức	Thái Bạch	Thái Dương	54	27/09/2058	➡️ 2		5
Mộc Đức	Thái Bạch	Thái Âm	55	14/11/2058	➡️ 2		4
Mộc Đức	Thái Bạch	Vân Hớn	55	04/02/2059	➡️ 2		6
Mộc Đức	Thái Bạch	La Hầu	55	01/04/2059	➡️ 2		5
Mộc Đức	Thái Bạch	Mộc Đức	55	25/08/2059	➡️ 3		5
Mộc Đức	Thái Bạch	Thổ Tú	56	02/01/2060	➡️ 3		5
Mộc Đức	Thái Bạch	Thủy Diệu	56	05/06/2060	➡️ ➡️ 5		5
Mộc Đức	Thái Bạch	Kế Đô	57	20/10/2060	➡️ ➡️ 4		4
Mộc Đức	Thái Dương	Thái Dương	57	16/12/2060	⬇️ ⬇️ 1		3
Mộc Đức	Thái Dương	Thái Âm	57	31/12/2060	⬇️ ⬇️ 1		2
Mộc Đức	Thái Dương	Vân Hớn	57	24/01/2061	⬇️ ⬇️ 1		4
Mộc Đức	Thái Dương	La Hầu	57	10/02/2061	➡️ ➡️ 5		3
Mộc Đức	Thái Dương	Mộc Đức	57	26/03/2061	➡️ 2		3
Mộc Đức	Thái Dương	Thổ Tú	57	04/05/2061	➡️ 2		3
Mộc Đức	Thái Dương	Thủy Diệu	57	19/06/2061	➡️ ➡️ 4		3
Mộc Đức	Thái Dương	Kế Đô	57	31/07/2061	➡️ 3		2
Mộc Đức	Thái Dương	Thái Bạch	57	17/08/2061	➡️ 2		5
Mộc Đức	Thái Âm	Thái Âm	57	04/10/2061	⬇️ ⬇️ 1		1
Mộc Đức	Thái Âm	Vân Hớn	58	14/11/2061	⬇️ ⬇️ 1		3
Mộc Đức	Thái Âm	La Hầu	58	12/12/2061	⬇️ ⬇️ 1		2
Mộc Đức	Thái Âm	Mộc Đức	58	23/02/2062	➡️ 2		2
Mộc Đức	Thái Âm	Thổ Tú	58	29/04/2062	➡️ 2		2
Mộc Đức	Thái Âm	Thủy Diệu	58	15/07/2062	➡️ ➡️ 4		2
Mộc Đức	Thái Âm	Kế Đô	58	22/09/2062	➡️ ➡️ 5		1
Mộc Đức	Thái Âm	Thái Bạch	59	21/10/2062	➡️ 2		4
Mộc Đức	Thái Âm	Thái Dương	59	10/01/2063	⬇️ ⬇️ 1		2
Mộc Đức	Vân Hớn	Vân Hớn	59	03/02/2063	⬇️ ⬇️ 1		5
Mộc Đức	Vân Hớn	La Hầu	59	23/02/2063	⬇️ ⬇️ 1		4
Mộc Đức	Vân Hớn	Mộc Đức	59	15/04/2063	➡️ 2		4
Mộc Đức	Vân Hớn	Thổ Tú	59	30/05/2063	➡️ 2		4
Mộc Đức	Vân Hớn	Thủy Diệu	59	23/07/2063	➡️ ➡️ 4		4
Mộc Đức	Vân Hớn	Kế Đô	59	10/09/2063	➡️ 3		3
Mộc Đức	Vân Hớn	Thái Bạch	59	30/09/2063	➡️ 2		6
Mộc Đức	Vân Hớn	Thái Dương	60	25/11/2063	⬇️ ⬇️ 1		4
Mộc Đức	Vân Hớn	Thái Âm	60	12/12/2063	⬇️ ⬇️ 1		3

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Mộc Đức	La Hầu	La Hầu	60	10/01/2064	⬇️ ↗️	1	3
Mộc Đức	La Hầu	Mộc Đức	60	20/05/2064	↗️	2	3
Mộc Đức	La Hầu	Thổ Tú	60	14/09/2064	↗️	2	3
Mộc Đức	La Hầu	Thủy Diệu	61	31/01/2065	↗️ ➡️	4	3
Mộc Đức	La Hầu	Kế Đô	61	04/06/2065	⬇️ ↗️	1	2
Mộc Đức	La Hầu	Thái Bạch	61	25/07/2065	↗️	2	5
Mộc Đức	La Hầu	Thái Dương	62	18/12/2065	↗️ ➡️	5	3
Mộc Đức	La Hầu	Thái Âm	62	31/01/2066	⬇️ ↗️	1	2
Mộc Đức	La Hầu	Vân Hớn	62	14/04/2066	⬇️ ↗️	1	4
Thổ Tú	Thổ Tú	Thổ Tú	62	06/06/2066	↗️	3	3
Thổ Tú	Thổ Tú	Thủy Diệu	63	27/11/2066	↗️ ➡️	5	3
Thổ Tú	Thổ Tú	Kế Đô	63	01/05/2067	↗️ ➡️	4	2
Thổ Tú	Thổ Tú	Thái Bạch	63	04/07/2067	↗️	3	5
Thổ Tú	Thổ Tú	Thái Dương	64	04/01/2068	↗️	2	3
Thổ Tú	Thổ Tú	Thái Âm	64	27/02/2068	↗️	2	2
Thổ Tú	Thổ Tú	Vân Hớn	64	29/05/2068	↗️	2	4
Thổ Tú	Thổ Tú	La Hầu	64	01/08/2068	↗️	2	3
Thổ Tú	Thổ Tú	Mộc Đức	65	13/01/2069	↗️	3	3
Thổ Tú	Thủy Diệu	Thủy Diệu	65	08/06/2069	➡️ ↗️	7	3
Thổ Tú	Thủy Diệu	Kế Đô	66	26/10/2069	↗️ ➡️	5	2
Thổ Tú	Thủy Diệu	Thái Bạch	66	22/12/2069	↗️ ➡️	5	5
Thổ Tú	Thủy Diệu	Thái Dương	66	04/06/2070	↗️ ➡️	4	3
Thổ Tú	Thủy Diệu	Thái Âm	66	23/07/2070	↗️ ➡️	4	2
Thổ Tú	Thủy Diệu	Vân Hớn	67	13/10/2070	↗️ ➡️	4	4
Thổ Tú	Thủy Diệu	La Hầu	67	09/12/2070	↗️ ➡️	4	3
Thổ Tú	Thủy Diệu	Mộc Đức	67	06/05/2071	↗️ ➡️	5	3
Thổ Tú	Thủy Diệu	Thổ Tú	67	14/09/2071	↗️ ➡️	5	3
Thổ Tú	Kế Đô	Kế Đô	68	16/02/2072	⬇️ ↗️	1	1
Thổ Tú	Kế Đô	Thái Bạch	68	11/03/2072	↗️	3	4
Thổ Tú	Kế Đô	Thái Dương	68	17/05/2072	↗️	2	2
Thổ Tú	Kế Đô	Thái Âm	68	07/06/2072	↗️ ➡️	4	1
Thổ Tú	Kế Đô	Vân Hớn	68	10/07/2072	↗️	2	3
Thổ Tú	Kế Đô	La Hầu	68	03/08/2072	⬇️ ↗️	1	2
Thổ Tú	Kế Đô	Mộc Đức	68	03/10/2072	↗️ ➡️	5	2
Thổ Tú	Kế Đô	Thổ Tú	69	26/11/2072	↗️ ➡️	4	2
Thổ Tú	Kế Đô	Thủy Diệu	69	29/01/2073	↗️ ➡️	5	2
Thổ Tú	Thái Bạch	Thái Bạch	69	27/03/2073	↗️	3	7
Thổ Tú	Thái Bạch	Thái Dương	69	06/10/2073	↗️	2	5
Thổ Tú	Thái Bạch	Thái Âm	70	03/12/2073	↗️	2	4
Thổ Tú	Thái Bạch	Vân Hớn	70	09/03/2074	↗️	2	6
Thổ Tú	Thái Bạch	La Hầu	70	15/05/2074	↗️	2	5
Thổ Tú	Thái Bạch	Mộc Đức	71	05/11/2074	↗️	3	5
Thổ Tú	Thái Bạch	Thổ Tú	71	08/04/2075	↗️	3	5
Thổ Tú	Thái Bạch	Thủy Diệu	71	08/10/2075	↗️ ➡️	5	5
Thổ Tú	Thái Bạch	Kế Đô	72	20/03/2076	↗️	3	4
Thổ Tú	Thái Dương	Thái Dương	72	26/05/2076	⬇️ ↗️	1	3
Thổ Tú	Thái Dương	Thái Âm	72	13/06/2076	⬇️ ↗️	1	2
Thổ Tú	Thái Dương	Vân Hớn	72	12/07/2076	⬇️ ↗️	1	4

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Thổ Tú	Thái Dương	La Hầu	72	01/08/2076	➡️ ➡️	5		3
Thổ Tú	Thái Dương	Mộc Đức	72	22/09/2076	➡️	2		3
Thổ Tú	Thái Dương	Thổ Tú	73	07/11/2076	➡️	2		3
Thổ Tú	Thái Dương	Thủy Diệu	73	01/01/2077	➡️ ➡️	4		3
Thổ Tú	Thái Dương	Kế Đô	73	19/02/2077	➡️	2		2
Thổ Tú	Thái Dương	Thái Bạch	73	11/03/2077	➡️	2		5
Thổ Tú	Thái Âm	Thái Âm	73	08/05/2077	⬇️ ⬇️	1		1
Thổ Tú	Thái Âm	Vân Hớn	73	25/06/2077	⬇️ ⬇️	1		3
Thổ Tú	Thái Âm	La Hầu	73	29/07/2077	⬇️ ⬇️	1		2
Thổ Tú	Thái Âm	Mộc Đức	74	24/10/2077	➡️	2		2
Thổ Tú	Thái Âm	Thổ Tú	74	09/01/2078	➡️	2		2
Thổ Tú	Thái Âm	Thủy Diệu	74	10/04/2078	➡️ ➡️	4		2
Thổ Tú	Thái Âm	Kế Đô	74	01/07/2078	➡️ ➡️	4		1
Thổ Tú	Thái Âm	Thái Bạch	74	04/08/2078	➡️	2		4
Thổ Tú	Thái Âm	Thái Dương	75	08/11/2078	⬇️ ⬇️	1		2
Thổ Tú	Vân Hớn	Vân Hớn	75	07/12/2078	⬇️ ⬇️	1		5
Thổ Tú	Vân Hớn	La Hầu	75	31/12/2078	⬇️ ⬇️	1		4
Thổ Tú	Vân Hớn	Mộc Đức	75	02/03/2079	➡️	2		4
Thổ Tú	Vân Hớn	Thổ Tú	75	25/04/2079	➡️	2		4
Thổ Tú	Vân Hớn	Thủy Diệu	75	28/06/2079	➡️ ➡️	4		4
Thổ Tú	Vân Hớn	Kế Đô	75	24/08/2079	➡️ ➡️	4		3
Thổ Tú	Vân Hớn	Thái Bạch	75	17/09/2079	➡️	2		6
Thổ Tú	Vân Hớn	Thái Dương	76	23/11/2079	⬇️ ⬇️	1		4
Thổ Tú	Vân Hớn	Thái Âm	76	13/12/2079	⬇️ ⬇️	1		3
Thổ Tú	La Hầu	La Hầu	76	16/01/2080	⬇️ ⬇️	1		3
Thổ Tú	La Hầu	Mộc Đức	76	20/06/2080	➡️	2		3
Thổ Tú	La Hầu	Thổ Tú	77	06/11/2080	➡️	2		3
Thổ Tú	La Hầu	Thủy Diệu	77	20/04/2081	➡️ ➡️	4		3
Thổ Tú	La Hầu	Kế Đô	77	14/09/2081	⬇️ ⬇️	1		2
Thổ Tú	La Hầu	Thái Bạch	78	14/11/2081	➡️	2		5
Thổ Tú	La Hầu	Thái Dương	78	06/05/2082	➡️ ➡️	5		3
Thổ Tú	La Hầu	Thái Âm	78	27/06/2082	⬇️ ⬇️	1		2
Thổ Tú	La Hầu	Vân Hớn	78	22/09/2082	⬇️ ⬇️	1		4
Thổ Tú	Mộc Đức	Mộc Đức	79	22/11/2082	➡️	3		3
Thổ Tú	Mộc Đức	Thổ Tú	79	25/03/2083	➡️	3		3
Thổ Tú	Mộc Đức	Thủy Diệu	79	19/08/2083	➡️ ➡️	5		3
Thổ Tú	Mộc Đức	Kế Đô	80	28/12/2083	➡️ ➡️	5		2
Thổ Tú	Mộc Đức	Thái Bạch	80	20/02/2084	➡️	3		5
Thổ Tú	Mộc Đức	Thái Dương	80	23/07/2084	➡️	2		3
Thổ Tú	Mộc Đức	Thái Âm	80	07/09/2084	➡️	2		2
Thổ Tú	Mộc Đức	Vân Hớn	81	23/11/2084	➡️	2		4
Thổ Tú	Mộc Đức	La Hầu	81	16/01/2085	➡️	2		3
Thủy Diệu	Thủy Diệu	Thủy Diệu	81	05/06/2085	⬆️ ⬆️	9		3
Thủy Diệu	Thủy Diệu	Kế Đô	81	08/10/2085	➡️ ⬆️	6		2
Thủy Diệu	Thủy Diệu	Thái Bạch	82	28/11/2085	➡️ ⬆️	7		5
Thủy Diệu	Thủy Diệu	Thái Dương	82	24/04/2086	➡️ ⬆️	6		3
Thủy Diệu	Thủy Diệu	Thái Âm	82	07/06/2086	➡️ ⬆️	6		2
Thủy Diệu	Thủy Diệu	Vân Hớn	82	19/08/2086	➡️ ⬆️	6		4

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Thủy Diệu	Thủy Diệu	La Hầu	83	09/10/2086		6		3
Thủy Diệu	Thủy Diệu	Mộc Đức	83	18/02/2087		7		3
Thủy Diệu	Thủy Diệu	Thổ Tú	83	16/06/2087		7		3
Thủy Diệu	Kế Đô	Kế Đô	84	02/11/2087		3		1
Thủy Diệu	Kế Đô	Thái Bạch	84	23/11/2087		4		4
Thủy Diệu	Kế Đô	Thái Dương	84	22/01/2088		3		2
Thủy Diệu	Kế Đô	Thái Âm	84	09/02/2088		5		1
Thủy Diệu	Kế Đô	Vân Hớn	84	10/03/2088		3		3
Thủy Diệu	Kế Đô	La Hầu	84	01/04/2088		3		2
Thủy Diệu	Kế Đô	Mộc Đức	84	25/05/2088		6		2
Thủy Diệu	Kế Đô	Thổ Tú	84	12/07/2088		5		2
Thủy Diệu	Kế Đô	Thủy Diệu	84	08/09/2088		6		2
Thủy Diệu	Thái Bạch	Thái Bạch	85	29/10/2088		5		7
Thủy Diệu	Thái Bạch	Thái Dương	85	19/04/2089		4		5
Thủy Diệu	Thái Bạch	Thái Âm	85	10/06/2089		4		4
Thủy Diệu	Thái Bạch	Vân Hớn	85	04/09/2089		4		6
Thủy Diệu	Thái Bạch	La Hầu	86	04/11/2089		4		5
Thủy Diệu	Thái Bạch	Mộc Đức	86	08/04/2090		5		5
Thủy Diệu	Thái Bạch	Thổ Tú	86	24/08/2090		5		5
Thủy Diệu	Thái Bạch	Thủy Diệu	87	04/02/2091		7		5
Thủy Diệu	Thái Bạch	Kế Đô	87	30/06/2091		4		4
Thủy Diệu	Thái Dương	Thái Dương	87	29/08/2091		3		3
Thủy Diệu	Thái Dương	Thái Âm	87	14/09/2091		3		2
Thủy Diệu	Thái Dương	Vân Hớn	88	10/10/2091		3		4
Thủy Diệu	Thái Dương	La Hầu	88	28/10/2091		7		3
Thủy Diệu	Thái Dương	Mộc Đức	88	13/12/2091		4		3
Thủy Diệu	Thái Dương	Thổ Tú	88	24/01/2092		4		3
Thủy Diệu	Thái Dương	Thủy Diệu	88	13/03/2092		6		3
Thủy Diệu	Thái Dương	Kế Đô	88	26/04/2092		3		2
Thủy Diệu	Thái Dương	Thái Bạch	88	14/05/2092		4		5
Thủy Diệu	Thái Âm	Thái Âm	88	05/07/2092		3		1
Thủy Diệu	Thái Âm	Vân Hớn	88	17/08/2092		3		3
Thủy Diệu	Thái Âm	La Hầu	88	16/09/2092		3		2
Thủy Diệu	Thái Âm	Mộc Đức	89	03/12/2092		4		2
Thủy Diệu	Thái Âm	Thổ Tú	89	09/02/2093		4		2
Thủy Diệu	Thái Âm	Thủy Diệu	89	02/05/2093		6		2
Thủy Diệu	Thái Âm	Kế Đô	89	15/07/2093		5		1
Thủy Diệu	Thái Âm	Thái Bạch	89	14/08/2093		4		4
Thủy Diệu	Thái Âm	Thái Dương	90	08/11/2093		3		2
Thủy Diệu	Vân Hớn	Vân Hớn	90	04/12/2093		3		5
Thủy Diệu	Vân Hớn	La Hầu	90	25/12/2093		3		4
Thủy Diệu	Vân Hớn	Mộc Đức	90	17/02/2094		4		4
Thủy Diệu	Vân Hớn	Thổ Tú	90	07/04/2094		4		4
Thủy Diệu	Vân Hớn	Thủy Diệu	90	03/06/2094		6		4
Thủy Diệu	Vân Hớn	Kế Đô	90	24/07/2094		3		3
Thủy Diệu	Vân Hớn	Thái Bạch	90	14/08/2094		4		6
Thủy Diệu	Vân Hớn	Thái Dương	91	14/10/2094		3		4
Thủy Diệu	Vân Hớn	Thái Âm	91	01/11/2094		3		3

## (bảng 8.3.2-B tiếp theo – [trở về đầu bảng] – [cuối bảng])

Thủy Diệu	La Hầu	La Hầu	91	01/12/2094	3		3
Thủy Diệu	La Hầu	Mộc Đức	91	20/04/2095	4		3
Thủy Diệu	La Hầu	Thổ Tú	91	22/08/2095	4		3
Thủy Diệu	La Hầu	Thủy Diệu	92	16/01/2096	6		3
Thủy Diệu	La Hầu	Kế Đô	92	27/05/2096	3		2
Thủy Diệu	La Hầu	Thái Bạch	92	21/07/2096	4		5
Thủy Diệu	La Hầu	Thái Dương	93	23/12/2096	7		3
Thủy Diệu	La Hầu	Thái Âm	93	07/02/2097	3		2
Thủy Diệu	La Hầu	Vân Hớn	93	26/04/2097	3		4
Thủy Diệu	Mộc Đức	Mộc Đức	93	19/06/2097	5		3
Thủy Diệu	Mộc Đức	Thổ Tú	93	08/10/2097	5		3
Thủy Diệu	Mộc Đức	Thủy Diệu	94	16/02/2098	7		3
Thủy Diệu	Mộc Đức	Kế Đô	94	13/06/2098	6		2
Thủy Diệu	Mộc Đức	Thái Bạch	94	31/07/2098	5		5
Thủy Diệu	Mộc Đức	Thái Dương	95	16/12/2098	4		3
Thủy Diệu	Mộc Đức	Thái Âm	95	27/01/2099	4		2
Thủy Diệu	Mộc Đức	Vân Hớn	95	06/04/2099	4		4
Thủy Diệu	Mộc Đức	La Hầu	95	24/05/2099	4		3
Thủy Diệu	Thổ Tú	Thổ Tú	95	25/09/2099	5		3
Thủy Diệu	Thổ Tú	Thủy Diệu	96	28/02/2100	7		3
Thủy Diệu	Thổ Tú	Kế Đô	96	17/07/2100	5		2
Thủy Diệu	Thổ Tú	Thái Bạch	96	12/09/2100	5		5
Thủy Diệu	Thổ Tú	Thái Dương	97	23/02/2101	4		3
Thủy Diệu	Thổ Tú	Thái Âm	97	13/04/2101	4		2
Thủy Diệu	Thổ Tú	Vân Hớn	97	04/07/2101	4		4
Thủy Diệu	Thổ Tú	La Hầu	97	30/08/2101	4		3
Thủy Diệu	Thổ Tú	Mộc Đức	98	25/01/2102	5		3
Kế Đô	Kế Đô	Kế Đô	98	06/06/2102	1		0
Kế Đô	Kế Đô	Thái Bạch	98	15/06/2102	2		3
Kế Đô	Kế Đô	Thái Dương	98	10/07/2102	1		1
Kế Đô	Kế Đô	Thái Âm	98	17/07/2102	1		0
Kế Đô	Kế Đô	Vân Hớn	98	30/07/2102	1		2
Kế Đô	Kế Đô	La Hầu	98	08/08/2102	1		1
Kế Đô	Kế Đô	Mộc Đức	98	30/08/2102	2		1
Kế Đô	Kế Đô	Thổ Tú	98	19/09/2102	2		1
Kế Đô	Kế Đô	Thủy Diệu	99	12/10/2102	4		1
Kế Đô	Thái Bạch	Thái Bạch	99	02/11/2102	2		6
Kế Đô	Thái Bạch	Thái Dương	99	12/01/2103	1		4
Kế Đô	Thái Bạch	Thái Âm	99	03/02/2103	3		3
Kế Đô	Thái Bạch	Vân Hớn	99	10/03/2103	1		5
Kế Đô	Thái Bạch	La Hầu	99	04/04/2103	2		4
Kế Đô	Thái Bạch	Mộc Đức	99	07/06/2103	4		4
Kế Đô	Thái Bạch	Thổ Tú	99	03/08/2103	3		4
Kế Đô	Thái Bạch	Thủy Diệu	99	09/10/2103	4		4
Kế Đô	Thái Bạch	Kế Đô	100	09/12/2103	2		3
Kế Đô	Thái Dương	Thái Dương	100	02/01/2104	0		2
Kế Đô	Thái Dương	Thái Âm	100	09/01/2104	2		1
Kế Đô	Thái Dương	Vân Hớn	100	19/01/2104	0		3

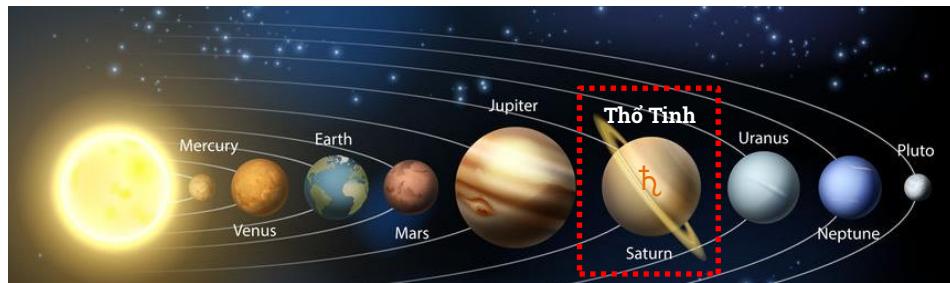
Kế Đô	Thái Dương	La Hầu	100	27/01/2104	1		2
Kế Đô	Thái Dương	Mộc Đức	100	15/02/2104	3		2
Kế Đô	Thái Dương	Thổ Tú	100	03/03/2104	2		2
Kế Đô	Thái Dương	Thủy Diệu	100	23/03/2104	3		2
Kế Đô	Thái Dương	Kế Đô	100	10/04/2104	1		1
Kế Đô	Thái Dương	Thái Bạch	100	18/04/2104	1		4
Kế Đô	Thái Âm	Thái Âm	100	09/05/2104	4		0
Kế Đô	Thái Âm	Vân Hớn	100	27/05/2104	2		2
Kế Đô	Thái Âm	La Hầu	100	08/06/2104	1		1
Kế Đô	Thái Âm	Mộc Đức	100	10/07/2104	5		1
Kế Đô	Thái Âm	Thổ Tú	100	08/08/2104	4		1
Kế Đô	Thái Âm	Thủy Diệu	100	10/09/2104	5		1
Kế Đô	Thái Âm	Kế Đô	101	10/10/2104	1		0
Kế Đô	Thái Âm	Thái Bạch	101	23/10/2104	3		3
Kế Đô	Thái Âm	Thái Dương	101	27/11/2104	2		1
Kế Đô	Vân Hớn	Vân Hớn	101	08/12/2104	0		4
Kế Đô	Vân Hớn	La Hầu	101	17/12/2104	1		3
Kế Đô	Vân Hớn	Mộc Đức	101	08/01/2105	3		3
Kế Đô	Vân Hớn	Thổ Tú	101	28/01/2105	2		3
Kế Đô	Vân Hớn	Thủy Diệu	101	20/02/2105	3		3
Kế Đô	Vân Hớn	Kế Đô	101	14/03/2105	1		2
Kế Đô	Vân Hớn	Thái Bạch	101	22/03/2105	1		5
Kế Đô	Vân Hớn	Thái Dương	101	16/04/2105	0		3
Kế Đô	Vân Hớn	Thái Âm	101	24/04/2105	2		2
Kế Đô	La Hầu	La Hầu	101	06/05/2105	1		2
Kế Đô	La Hầu	Mộc Đức	101	02/07/2105	1		2
Kế Đô	La Hầu	Thổ Tú	101	23/08/2105	1		2
Kế Đô	La Hầu	Thủy Diệu	102	22/10/2105	3		2
Kế Đô	La Hầu	Kế Đô	102	16/12/2105	1		1
Kế Đô	La Hầu	Thái Bạch	102	07/01/2106	1		4
Kế Đô	La Hầu	Thái Dương	102	12/03/2106	0		2
Kế Đô	La Hầu	Thái Âm	102	31/03/2106	0		1
Kế Đô	La Hầu	Vân Hớn	102	02/05/2106	0		3
Kế Đô	Mộc Đức	Mộc Đức	102	24/05/2106	6		2
Kế Đô	Mộc Đức	Thổ Tú	102	09/07/2106	5		2
Kế Đô	Mộc Đức	Thủy Diệu	102	01/09/2106	6		2
Kế Đô	Mộc Đức	Kế Đô	103	19/10/2106	2		1
Kế Đô	Mộc Đức	Thái Bạch	103	08/11/2106	4		4
Kế Đô	Mộc Đức	Thái Dương	103	04/01/2107	3		2
Kế Đô	Mộc Đức	Thái Âm	103	21/01/2107	5		1
Kế Đô	Mộc Đức	Vân Hớn	103	18/02/2107	3		3
Kế Đô	Mộc Đức	La Hầu	103	10/03/2107	2		2
Kế Đô	Thổ Tú	Thổ Tú	103	30/04/2107	4		2
Kế Đô	Thổ Tú	Thủy Diệu	103	03/07/2107	5		2
Kế Đô	Thổ Tú	Kế Đô	103	30/08/2107	2		1
Kế Đô	Thổ Tú	Thái Bạch	103	22/09/2107	3		4
Kế Đô	Thổ Tú	Thái Dương	104	29/11/2107	2		2
Kế Đô	Thổ Tú	Thái Âm	104	19/12/2107	4		1
Kế Đô	Thổ Tú	Vân Hớn	104	22/01/2108	2		3
Kế Đô	Thổ Tú	La Hầu	104	14/02/2108	2		2
Kế Đô	Thổ Tú	Mộc Đức	104	15/04/2108	5		2
Kế Đô	Thổ Tú	Thủy Diệu	104	08/06/2108	6		2

(hết)



### 8.3.3 VẬN HẠN SỰ NGHIỆP TRỌN ĐỜI CHI PHỐI BỞI THỔ TINH – CÁCH 3

Trong lá số của tất cả mọi người, Thổ Tinh (ký hiệu  $\text{h}$ ) luôn luôn đóng vai trò là hành tinh biểu tượng (signifier) của sự nghiệp. Nếu Mặt Trăng đại diện cho những “nhu cầu cuộc sống” cơ bản của con người ([mục 7](#) và [8.3.2](#)) thì Thổ Tinh sẽ “định hướng” cho chúng ta “làm sao để thỏa mãn / đạt được những nhu cầu đó” qua con đường “sự nghiệp” ([cct.tips/giaoduc](http://cct.tips/giaoduc)).



Dù bản thân Thổ Tinh không trực tiếp “phác họa” hay mô tả về nghề nghiệp như “hành tinh phương Đông” ([mục 6](#)), như vị trí điểm Mộc chi phối đến lãnh vực sự

nghiệp ([mục 8.1.0-D](#) và [8.1.0-E](#)) hay như các động lực khác để tạo ra chữ ký chiêm tinh ([mục 8.0.1](#)), nhưng ảnh hưởng của hành tinh vòng ngoài Thổ Tinh chủ yếu bao phủ một phạm vi rộng lớn hơn - ở cấp độ “**thế hệ**” (generational) hay “xuyên các thế hệ” (trans-generational). Điều này có nghĩa rằng tất cả những người “sinh cùng lứa tuổi” (ví dụ, cùng sinh ra trong 1 năm dương lịch hay năm tuổi âm lịch) sẽ có vị trí Thổ Tinh giống nhau (trong cùng dấu hiệu Hoàng Đạo) và vì thế, mẫu hình (patterns) trong chu kỳ tác động vận hạn của Thổ Tinh suốt cuộc đời họ cũng (gần như) giống hệt nhau.

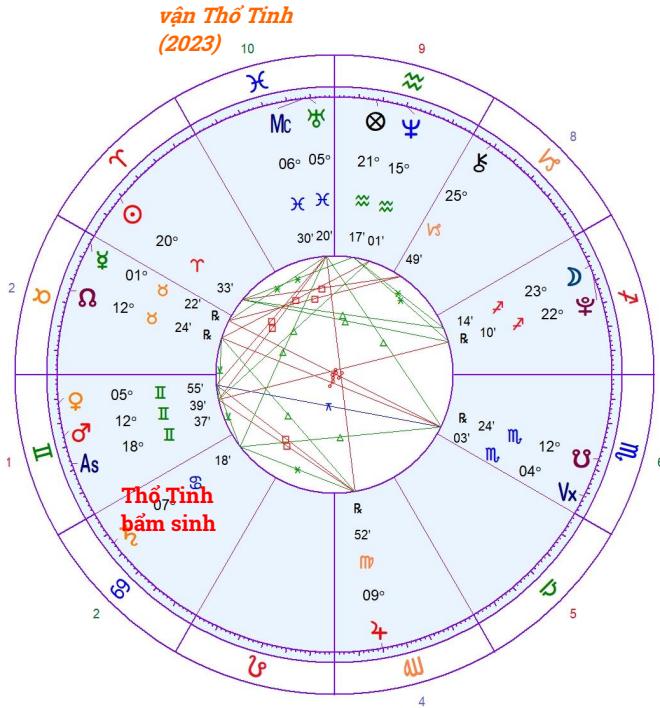
Tuy nhiên, tùy theo giờ sinh của mỗi người mà ảnh hưởng của Thổ Tinh trong sự nghiệp của một cá nhân sẽ thể hiện qua một khía cạnh nhất định và khác nhau. Khía cạnh đó chính là cung Hoàng Đạo “Ngư Dương” (Capricorn, biểu tượng  $\text{\textcircled{A}}$  hoặc  $\text{\textcircled{P}}$ ) hay cung Nhà mà Thổ Tinh cai quản trên lá số của người đó.

Trên lá số bẩm sinh của bạn Dương, Thổ Tinh là chủ tinh cai quản cung Nhà thứ 8.

Với Thổ Tinh là chủ tinh cung Nhà thứ 8: những vận hạn liên quan đến Thổ Tinh sẽ kích hoạt / ảnh hưởng mật thiết đến sự nghiệp của bạn qua các chủ đề như tài chính - trong đó có thể là chuyện hùn hạp, vay mượn, nợ nần, bảo hiểm, thuế má hay thừa kế, nó còn có thể là các vấn đề khác như quyền lực, cưỡng ép, bắt buộc, bị ràng buộc / liên lụy, tham vọng, sự tranh đoạt, giành giựt / cướp bóc, lấn át, sự đố kị / nghi kị / ganh tị / ghen tuông, tình dục hay những bí mật khó nói / sự thật bị che đậy, âm mưu / mưu kế ...

Nói cách khác, mỗi năm khi vận Thổ Tinh di chuyển đến đâu và tạo góc chiếu như thế nào với Thổ Tinh bẩm sinh thì năm đó sẽ có những quyết định hay biến cố quan trọng xảy ra trong các chủ đề (từ khóa) nói trên (về cung Nhà 8) và chúng có sự liên quan hay chi phối trực tiếp đến sự nghiệp bạn Dương. Ngược lại, sự chọn lựa hay quyết định về những chủ đề ấy cũng sẽ là chìa khóa làm thay đổi, tạo bước ngoặt hay định hướng đi mới cho con đường sự nghiệp bạn Dương.

## VỊ TRÍ CUNG THỔ TINH BẤM SINH VÀ THỔ TINH VẬN HẠN TRÊN LÁ SỐ



Trong [bảng 8.3.3](#), những năm tuổi hay những giai đoạn cuộc sống khi là:

VẬN “TỐT”		
Với góc chiếu xảy ra giữa Thổ Tinh vận hạn với Thổ Tinh bẩm sinh là (cột C):	Từ khóa / Hiệu ứng tác động đến sự nghiệp bạn Dương (cột D):	Việc nên làm / cần làm / cách tận dụng / cách hóa giải / là dịp rất tốt để:
<b>Trùng tụ 0° (σ):</b>	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	<i>Củng cố, ổn định sự nghiệp, thể hiện tài năng, tu nghiệp, học hỏi để trưởng thành / chín chắn / thạo việc</i>
<b>Tam hợp 120° (Δ):</b>	May mắn, thuận lợi	<i>Vượt khó, “thừa thắng xông lên”, hưởng thụ thành quả / phần thưởng từ nỗ lực trong quá khứ, hồi phục / lấy lại sức lực</i>
<b>Lục hợp 60° (*):</b>	Cơ hội, tiềm năng	<i>Khởi nghiệp, khởi động dự án mới, thử nghiệm ý tưởng / sản phẩm mới, tiên phong, thử sức, nắm bắt thời cơ / cơ duyên được đem tới, gieo hạt giống cho tương lai</i>
<b>Bán lục hợp 30° (ς):</b>	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	<i>Đẩy mạnh “chiều dọc”: đi xa hơn hay vào sâu hơn (chuyên môn), lên cao hơn, thu nạp, tóm gọn, sáp nhập, làm chủ, nắm giữ (công nghệ, bí quyết)</i>

<b>Vuông góc rưỡi 135° (¶):</b>	Khuấy động, vùng vẫy, bức phá	<i>Tạo bộ mặt mới / "cú hích", cải cách, thoát khỏi bế tắc / trì hoãn, vượt qua khó khăn</i>
<b>Ngũ hợp 150° (¤):</b>	Mở rộng, bành trướng	<i>Mở rộng "chiều ngang": địa bàn, quy mô, khuếch trương, hùn hạp, liên kết</i>

<b>VẬN "XẤU"</b>		
Với góc chiếu xảy ra giữa Thổ Tinh vận hạn với Thổ Tinh bẩm sinh là (cột C):	Từ khóa / Hiệu ứng tác động đến sự nghiệp bạn Dương (cột D):	Việc nên làm / cần làm / cách tận dụng / cách hóa giải / là dịp rất tốt để:
<b>Bán vuông góc 45° (↙):</b>	Va chạm, tiếp xúc, trì hoãn	<i>Nhận diện ưu điểm / giới hạn / khuyết điểm của bản thân, "biết người, biết ta", đối phó với "đối thủ", tìm hiểu nhu cầu của người khác / khách hàng - từ đó mở rộng quan hệ bền vững</i>
<b>Vuông góc 90° (□):</b>	Trở ngại, khó khăn, vất vả (có thể gây hạn chế, bế tắc)	<i>Cải thiện hiệu quả / năng suất, thu gọn / bỏ đi những gì "không cần thiết" / gọt tịa bớt những gì "thừa thãi", phải chuyên cần / chuyên tâm</i>
<b>Đối góc 180° (♂):</b>	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng  (Thời gian này còn có thể có những khùng hoảng khiến cho bạn dễ trở nên bi quan hoặc có những suy nghĩ / hành động theo hướng tiêu cực)	<i>Chấm dứt những gì không còn phù hợp hay hiệu quả (từ công việc cho đến quan hệ con người, môi trường). Thay đổi công việc / chức vụ. Thay đổi địa điểm / địa bàn hoạt động / sản phẩm. Thay đổi hay điều chỉnh / định hướng lại mục tiêu học hành / đế tài kinh doanh / công tác.</i>

Trong 2 bảng “vận tốt” và “vận xấu” ở trên, nhớ rằng ảnh hưởng “xấu” hay “tốt” của Thổ Tinh dù gì cũng chỉ có ý nghĩa “tương đối”, vì thật ra chẳng có động lực nào hoàn toàn “tốt” hay hoàn toàn “xấu”. Thổ Tinh là một thiên thể di chuyển theo chu kỳ nên việc “thịnh”, “suy” diễn ra trong vạn vật hay đời sống con người cũng là lý lẽ của tự nhiên. Hiểu được điều này, nắm được những chu kỳ này thì chúng ta sẽ có thể sáng suốt và vững vàng vượt qua mọi khó khăn và thách thức trong đời sống, nhất là khi nhiều người trong chúng ta vẫn còn bận rộn với công việc mưu sinh hàng ngày.

Nhắc lại, quan trọng nhất vẫn là việc chúng ta **chọn lựa đúng ngành nghề** (xem ghi chú ở [cuối mục 8.3.2](#) – tr. [132](#) và phần ngành nghề ở [mục 15](#) – tr. [171](#). Các yếu tố “vận hạn” (3 cách) đều là “thứ yếu” sau điều này !

**Bảng 8.3.3 Vận hạn Sự Nghiệp trọn đời dưới ảnh hưởng Thổ Tinh***(của bạn Dương)*

<i>(cột A)</i>	<i>(B)</i>	<i>(C)</i>	<i>(D)</i>	<i>(E)</i>
<i>Ngày Sinh Nhật</i>	<i>Tuổi</i>	<i>Góc chiếu</i>	<i>Ý nghĩa: tinh hình chung / kết quả thường gặp / xu hướng cần làm để vượt qua</i>	<i>Cứu diệu*</i>
10/4/2004	0	♂	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	
10/4/2005	1	♂ + ✕	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	
10/4/2006	2	✖	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	
11/4/2007	3	✖ + * + ↗	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Cơ hội, tiềm năng + Va chạm, tiếp xúc, trì hoãn	
10/4/2008	4	*	Cơ hội, tiềm năng	
10/4/2009	5	*	Cơ hội, tiềm năng	
10/4/2010	6T	* + □	Cơ hội, tiềm năng + Trở ngại, khó khăn, vất vả	
11/4/2011	7T	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	
10/4/2012	8T	□ + Δ	Trở ngại, khó khăn, vất vả + May mắn, thuận lợi	
10/4/2013	9	Δ	May mắn, thuận lợi	<i>La Hầu</i>
10/4/2014	10	Δ + ♂	May mắn, thuận lợi + Khuấy động, vùng vẫy, bức phá	<i>Thổ Tú</i>
11/4/2015	11	✖	Mở rộng, bành trướng	<i>Thủy Diệu</i>
10/4/2016	12	✖	Mở rộng, bành trướng	<i>Thái Bạch</i>
10/4/2017	13	✖	Mở rộng, bành trướng	<i>Thái Dương</i>
10/4/2018	14	♂°	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	<i>Vân Hớn</i>
11/4/2019	15	♂°	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	<i>Kế Đô</i>
10/4/2020	16	✖ + ♂°	Mở rộng, bành trướng + Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	<i>Thái Âm</i>
10/4/2021	17	✖	Mở rộng, bành trướng	<i>Mộc Đức</i>
10/4/2022	18T	✖	Mở rộng, bành trướng	<i>La Hầu</i>
10/4/2023	19T	Δ	May mắn, thuận lợi	<i>Thổ Tú</i>
10/4/2024	20T	Δ	May mắn, thuận lợi	<i>Thủy Diệu</i>
10/4/2025	21	Δ	May mắn, thuận lợi	<i>Thái Bạch</i>
10/4/2026	22	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	<i>Thái Dương</i>
10/4/2027	23	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	<i>Vân Hớn</i>
10/4/2028	24	□ + *	Trở ngại, khó khăn, vất vả + Cơ hội, tiềm năng	<i>Kế Đô</i>
10/4/2029	25	*	Cơ hội, tiềm năng	<i>Thái Âm</i>
10/4/2030	26	* + ✕	Cơ hội, tiềm năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	<i>Mộc Đức</i>
10/4/2031	27	✖	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	<i>La Hầu</i>
10/4/2032	28	✖ + ♂	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	<i>Thổ Tú</i>
10/4/2033	29	♂	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	<i>Thủy Diệu</i>
10/4/2034	30T	♂ + ✕	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	<i>Thái Bạch</i>
10/4/2035	31T	♂ + ✕	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	<i>Thái Dương</i>
10/4/2036	32T	✖	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	<i>Vân Hớn</i>
10/4/2037	33	✖ + * + ↗	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Cơ hội, tiềm năng + Va chạm, tiếp xúc, trì hoãn	<i>Kế Đô</i>
10/4/2038	34	*	Cơ hội, tiềm năng	<i>Thái Âm</i>
10/4/2039	35	* + □	Cơ hội, tiềm năng + Trở ngại, khó khăn, vất vả	<i>Mộc Đức</i>
10/4/2040	36	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	<i>La Hầu</i>
10/4/2041	37	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	<i>Thổ Tú</i>
10/4/2042	38	Δ	May mắn, thuận lợi	<i>Thủy Diệu</i>
10/4/2043	39	Δ	May mắn, thuận lợi	<i>Thái Bạch</i>
10/4/2044	40	Δ + ♂	May mắn, thuận lợi + Khuấy động, vùng vẫy, bức phá	<i>Thái Dương</i>
10/4/2045	41	✖	Mở rộng, bành trướng	<i>Vân Hớn</i>
10/4/2046	42T	✖	Mở rộng, bành trướng	<i>Kế Đô</i>
10/4/2047	43T	♂° + ✕	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng + Mở rộng, bành trướng	<i>Thái Âm</i>
10/4/2048	44T	♂°	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	<i>Mộc Đức</i>
10/4/2049	45	♂°	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	<i>La Hầu</i>

(cột A)	(B)	(C)	(D)	(E)
10/4/2050	46	✗	Mở rộng, bành trướng	Thổ Tú
10/4/2051	47	✗	Mở rộng, bành trướng	Thủy Diệu
10/4/2052	48	✗	Mở rộng, bành trướng	Thái Bạch
10/4/2053	49	△	May mắn, thuận lợi	Thái Dương
10/4/2054	50	△	May mắn, thuận lợi	Vân Hớn
10/4/2055	51	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	Kế Đô
9/4/2056	52	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	Thái Âm
10/4/2057	53	□ + *	Trở ngại, khó khăn, vất vả + Cơ hội, tiềm năng	Mộc Đức
10/4/2058	54T	*	Cơ hội, tiềm năng	La Hầu
10/4/2059	55T	* + ✗	Cơ hội, tiềm năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Thổ Tú
9/4/2060	56T	✗	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Thủy Diệu
10/4/2061	57	✗ + ♂	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	Thái Bạch
10/4/2062	58	✗ + ♂	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	Thái Dương
10/4/2063	59	♂	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	Vân Hớn
9/4/2064	60	♂ + ✗	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Kế Đô
10/4/2065	61	✗	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Thái Âm
10/4/2066	62	✗ + * + ↗	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Cơ hội, tiềm năng + Va chạm, tiếp xúc, trì hoãn	Mộc Đức
10/4/2067	63	*	Cơ hội, tiềm năng	La Hầu
9/4/2068	64	*	Cơ hội, tiềm năng	Thổ Tú
10/4/2069	65	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	Thủy Diệu
10/4/2070	66T	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	Thái Bạch
10/4/2071	67T	□ + △	Trở ngại, khó khăn, vất vả + May mắn, thuận lợi	Thái Dương
9/4/2072	68T	△	May mắn, thuận lợi	Vân Hớn
10/4/2073	69	△ + ⚡	May mắn, thuận lợi + Khuấy động, vùng vẫy, bức phá	Kế Đô
10/4/2074	70	✗	Mở rộng, bành trướng	Thái Âm
10/4/2075	71	✗	Mở rộng, bành trướng	Mộc Đức
9/4/2076	72	✗	Mở rộng, bành trướng	La Hầu
10/4/2077	73	♂°	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	Thổ Tú
10/4/2078	74	♂°	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	Thủy Diệu
10/4/2079	75	✗ + ♂°	Mở rộng, bành trướng + Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	Thái Bạch
9/4/2080	76	✗	Mở rộng, bành trướng	Thái Dương
10/4/2081	77	✗	Mở rộng, bành trướng	Vân Hớn
10/4/2082	78T	△	May mắn, thuận lợi	Kế Đô
10/4/2083	79T	△	May mắn, thuận lợi	Thái Âm
9/4/2084	80T	△	May mắn, thuận lợi	Mộc Đức
9/4/2085	81	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	La Hầu
10/4/2086	82	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	Thổ Tú
10/4/2087	83	*	Cơ hội, tiềm năng	Thủy Diệu
9/4/2088	84	*	Cơ hội, tiềm năng	Thái Bạch
9/4/2089	85	* + ✗	Cơ hội, tiềm năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Thái Dương
10/4/2090	86	✗	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Vân Hớn
10/4/2091	87	✗ + ♂	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	Kế Đô
9/4/2092	88	♂	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	Thái Âm
9/4/2093	89	♂ + ✗	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Mộc Đức
10/4/2094	90T	✗	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	La Hầu
10/4/2095	91T	✗ + * + ↗	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Cơ hội, tiềm năng + Va chạm, tiếp xúc, trì hoãn	Thổ Tú
9/4/2096	92T	✗ + * + ↗	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Cơ hội, tiềm năng + Va chạm, tiếp xúc, trì hoãn	Thủy Diệu
9/4/2097	93	*	Cơ hội, tiềm năng	Thái Bạch
10/4/2098	94	* + □	Cơ hội, tiềm năng + Trở ngại, khó khăn, vất vả	Thái Dương

(cột A)	(B)	(C)	(D)	(E)
10/4/2099	95	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	Vân Hớn
10/4/2100	96	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	Kế Đô
10/4/2101	97	△	May mắn, thuận lợi	Thái Âm
11/4/2102	98	△ + 阮	May mắn, thuận lợi + Khuấy động, vùng vẫy, bức phá	Mộc Đức
11/4/2103	99	乂 + △ + 阮	Mở rộng, bành trướng + May mắn, thuận lợi + Khuấy động, vùng vẫy, bức phá	La Hầu
10/4/2104	100	乂	Mở rộng, bành trướng	Thổ Tú
10/4/2105	101	乂	Mở rộng, bành trướng	Thủy Diệu
11/4/2106	102T	♂	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	Thái Bạch
11/4/2107	103T	♂	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	Thái Dương
10/4/2108	104T	♂	Cản trở, ngưng trệ, thách thức, rời bỏ, chuyển dời, đổi hướng	Vân Hớn
10/4/2109	105	乂	Mở rộng, bành trướng	Kế Đô
11/4/2110	106	乂	Mở rộng, bành trướng	Thái Âm
11/4/2111	107	△ + 乂 + 阮	May mắn, thuận lợi + Mở rộng, bành trướng + Khuấy động, vùng vẫy, bức phá	Mộc Đức
10/4/2112	108	△	May mắn, thuận lợi	La Hầu
10/4/2113	109	△	May mắn, thuận lợi	Thổ Tú
11/4/2114	110	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	Thủy Diệu
11/4/2115	111	□	Trở ngại, khó khăn, vất vả	Thái Bạch
10/4/2116	112	□ + *	Trở ngại, khó khăn, vất vả + Cơ hội, tiềm năng	Thái Dương
10/4/2117	113	*	Cơ hội, tiềm năng	Vân Hớn
10/4/2118	114T	* + 乂	Cơ hội, tiềm năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Kế Đô
11/4/2119	115T	乂	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Thái Âm
10/4/2120	116T	乂 + ♂	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	Mộc Đức
10/4/2121	117	乂 + ♂	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến + Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng	La Hầu
10/4/2122	118	♂ + 乂	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Thổ Tú
11/4/2123	119	♂ + 乂	Phát huy nỗ lực bản thân, rèn luyện kỹ năng + Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Thủy Diệu
10/4/2124	120	乂	Phát triển, vươn tầm, thăng tiến	Thái Bạch

### Ghi chú thêm:

- Tuổi (cột B) được tính theo ngày sinh nhật ở cột A (xem giải thích ở [mục 20.2.5](#)). Các tuổi có chữ "T" là tuổi "tam tai" tính theo âm lịch giống như hạn Cửu Diệu ở cột E.
- Do chuyển động nghịch hành của Thổ Tinh, một số năm sẽ xuất hiện 2 đến 3 góc chiếu hỗn hợp (cột C), nên diễn tiến sự nghiệp năm đó cũng sẽ "phức tạp" khi có 2 - 3 luồng ý nghĩa đối lập ngược nhau (cột D).
- Cột E liệt kê tên năm hạn theo tuổi âm lịch và hệ thống "Cửu Diệu" (9 sao) của dân gian (cùng tên với các hành tinh trên vòng Nhị Thập Bát Tú ở [mục 8.3.2](#) nhưng khác thứ tự). Kết quả ở cột này sẽ thay đổi tùy **giới tính** mà bạn Dương sử dụng khi đăng ký dịch vụ này.
- **Lưu ý về "tam tai" (cột B) và "Cửu Diệu" (cột E): Thông tin này chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu học thuật, tham khảo, để nghiệm lý khi so sánh, đối chiếu với chu kỳ tương ứng của vận Thổ Tinh.** Những yếu tố này tác động rất ít trên đời sống cá nhân, không phải ai cũng gặp và mức độ tốt / xấu cũng rất khác nhau tùy sự cộng hưởng với các yếu tố khác trên lá số. Chòi Chiêm Tinh không khuyến khích dùng thông tin này cho hoạt động "mê tín dị đoan" như "cúng sao giải hạn", vì sự di chuyển và ảnh hưởng của các hành tinh trên bầu trời là những động lực và chu kỳ tuần hoàn tự nhiên, không phải "thần thánh" hay "vong linh" để "cúng kiến" một cách mù quáng !

Tên "sao"	Ý nghĩa "Cửu Diệu" trong dân gian
La Hầu	Khẩu thiệt tinh, chủ về ăn nói thị phi, hay liên quan đến công quyền, nhiều chuyện phiền muộn, bệnh tật về tai mắt, máu huyết. Nam rất kỵ, nữ cũng bi ai chẳng kém. Kỵ tháng giêng, tháng bảy.
Thổ Tú	Ách Tinh, chủ về tiểu nhân, xuất hành đi xa không lợi, có kẻ ném đá giấu tay sinh ra thưa kiện, gia đạo không yên, chăn nuôi thua lỗ. Xấu tháng tư, tháng tám.
Thủy Diệu	Phước lộc tinh, tốt nhưng cũng kỵ tháng tư và tháng tám. Chủ về tài lộc hỉ. Không nên đi sông biển, giữ gìn lời nói (nhất là nữ giới) nếu không sẽ có tranh cãi, lời tiếng thị phi đầm tiếu.
Thái Bạch	Triều dương tinh, sao này xấu cần giữ gìn trong công việc kinh doanh, có tiểu nhân quấy phá, hao tán tiền của, đề phòng quan sự. Xấu vào tháng năm và kỵ màu trắng quanh năm.
Thái Dương	Thái dương tinh (mặt trời) tốt vào tháng sáu, tháng mười, nhưng không hợp nữ giới. Chủ về an khang thịnh vượng, nam giới gặp nhiều tin vui, tài lộc còn nữ giới lại thường gặp tai ách.
Vân Hớn	Tai tinh, chủ về tật ách, xấu vào tháng hai và tháng tám. Nam gặp tai hình, phòng thương tật, bị kiện thua bất lợi; nữ không tốt về thai sản.
Kế Đô	Hung tinh, kỵ tháng ba và tháng chín, kỵ nhất là nữ giới. Chủ về ám muội, thị phi, đau khổ, hao tài tốn của, họa vô đơn chí; trong gia đình có việc mờ ám, đi làm ăn xa lại có tài lộc mang về.
Thái Âm	Chủ dương tinh (mặt trăng), tốt cho cả nam lẫn nữ vào tháng chín nhưng kỵ tháng mười. Nữ có bệnh tật, không nên sinh đẻ" e có nguy hiểm. Chủ về danh lợi, hỉ sự.
Mộc Đức	Triều ngươn tinh, chủ về hôn sự, nữ giới đề phòng tật bệnh phát sinh nhất là máu huyết, nam giới coi chừng bệnh về mắt. Tốt vào tháng mười và tháng chạp.

- Ngoài ra trong chiêm tinh, cùng là 9 hành tinh có tên gọi giống nhau, nhưng lại có nhiều hệ thống tính vận hạn khác nhau ! Cách sử dụng và ý nghĩa các hành tinh trong mỗi hệ thống cũng khác nhau. Ví dụ hệ thống vận hạn theo Cửu Diệu ở trên khác với hệ thống vận hạn theo Nhị Thập Bát Tú (NTBT) trong báo cáo này ở [mục 8.3.2](#). Sự tốt xấu cũng vậy: trong hệ Cửu Diệu có thể cho là "hung tinh" hay "tai tinh", nhưng trong NTBT có thể được xem là "sao tốt" tùy theo vị trí trên lá số được đánh giá ở [mục 20.2.2](#).

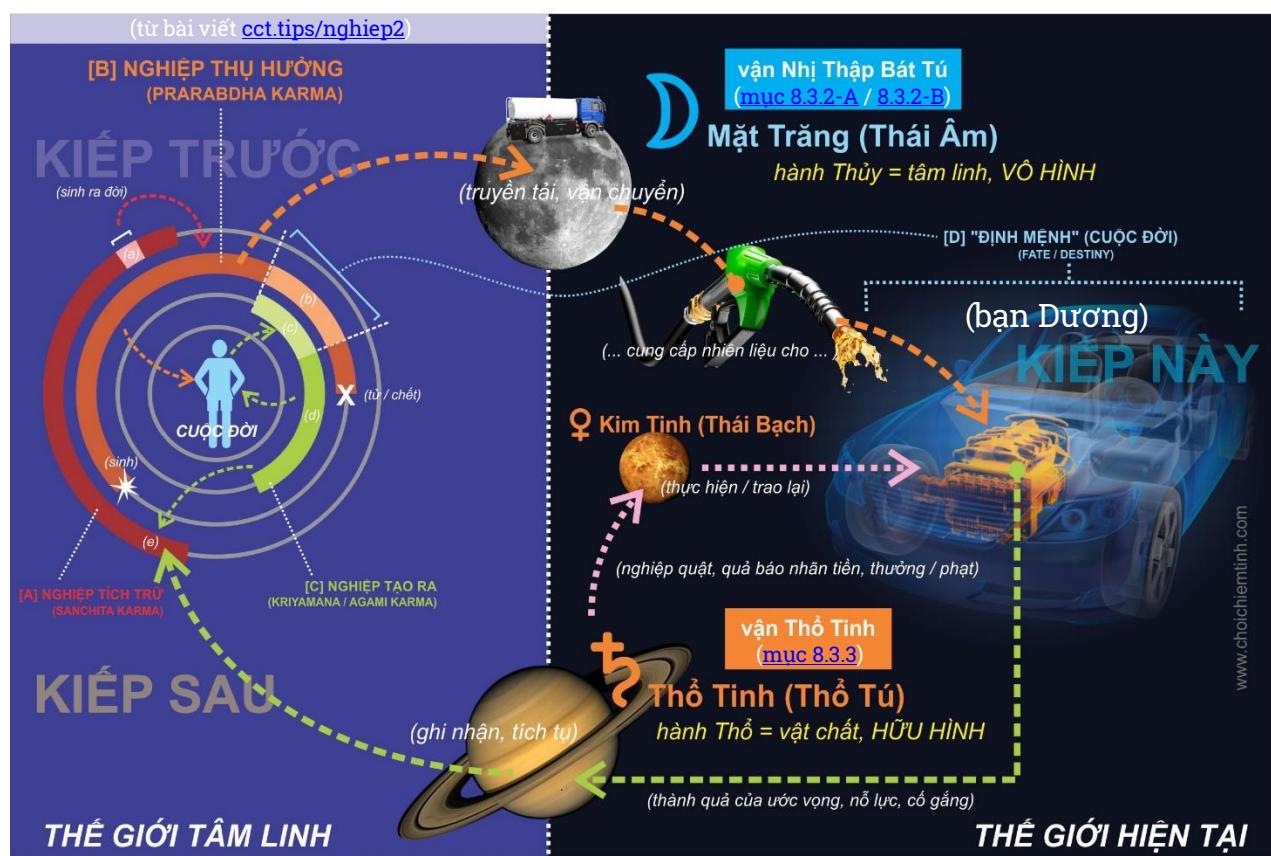
## HIẾU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA "VẬN NHỊ THẬP BÁT TÚ" VÀ "VẬN THỔ TINH"

Nhị Thập Bát Tú (NTBT) là vận được tính từ vị trí Mặt Trăng ([mục 8.3.2](#)). Trên lá số bạn Dương, Mặt Trăng là "chiếc xe tải" chuyên chở "nghiệp" của bạn từ kiếp trước sang kiếp này, nên vòng NTBT cũng còn được hiểu như "cây thước đo" cho "nghiệp thụ hưởng" ([cct.tips/nghiep2](#)), là những gì bạn sẽ phải gánh chịu hay bông trái bạn được thụ hưởng, tiềm năng thành tựu trong đời kiếp này từ "nghiệp của kiếp trước".

"Sự Nghiệp" chẳng qua chính là "nghiệp" của bạn ([mục 20.4](#)), là những tất cả những gì bạn "đã làm", "muốn làm" và "dự định sẽ làm". Thật ra, mọi hành tinh trên lá số bạn đều ẩn chứa "nghiệp" ở nhiều góc cạnh khác nhau, trong đó Mặt Trăng và Thổ Tinh có lẽ là 2 yếu tố "nghiệp" quan trọng nhất. Nhưng vận Mặt Trăng (NTBT, [mục 8.3.2](#)) có quan hệ như thế nào với vận Thổ Tinh ([mục 8.3.3](#)) ?

**Mặt Trăng (Thái Âm) mang đến "nghiệp từ kiếp trước". Thổ Tinh (Thổ Tú) thể hiện nơi mà bạn dù muốn hay không muốn sẽ phải "trả" hay "hóa giải" cái nghiệp đó trong kiếp này.**

Nói đơn giản: nếu toàn bộ "nghiệp" của bạn Dương là một chiếc xe thì Mặt Trăng giống như "nhiên liệu" - hay "xăng" - và Thổ Tinh chính là "động cơ" cho chiếc xe đó. Có "xăng" thì "động cơ" mới nổ, chiếc xe mới chạy trên con đường mà chúng ta gọi là "Thời Gian". Dĩ nhiên, trong chiếc xe còn có dầu nhớt, điện đóm, khung sườn v.v... tượng trưng bằng những hành tinh khác, nhưng ở đây, tôi muốn nói riêng về "xăng" và "động cơ".



Xăng không có động cơ thì xăng vô dụng. Ngược lại, động cơ mà thiếu xăng thì đó là động cơ bị "chết" hay không thể hoạt động. Động cơ ([vận Thổ Tinh](#)) gấp xăng tốt ([vận NTBT](#)) thì

**[MỤC LỤC]** – Chương mục: [01](#) [02](#) [03](#) [04](#) [05](#) [06](#) [07](#) [08](#) [8.1](#) [8.3](#) [09](#) [10](#) [11](#) [12](#) [13](#) [14](#) [15](#) [16](#) [17](#) [18](#) [19](#) [20](#)

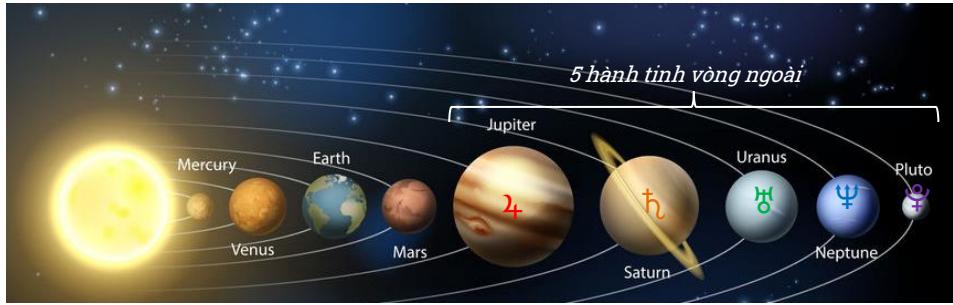
động cơ chạy êm, cuộc đời thuận lợi – nhất là khi "chất lượng chung" (gồm xăng, dầu, động cơ ...) tương trưng bằng chu kỳ ngày Trăng ([mục 8.0.3-B](#)) cơ bản cũng tốt. Nếu động cơ mà gặp xăng "không tốt" thì dù động cơ có "tốt" thì cả chiếc xe "cuộc đời" đó cũng gặp trục trặc.

Nói chung, xăng và động cơ không thể thiếu nhau và cần làm việc hài hòa với nhau thì công cuộc "giải nghiệp" của bạn (= sự nghiệp) trong đời này mới có thể thuận lợi, gặt hái được kết quả ở mức tối đa (achieving maximum potential). Nếu "động cơ" Thổ Tinh ([mục 8.3.3](#)) báo hiệu cho thấy xu hướng đang tốt, nhưng tình hình "xăng" không được tốt ([mục 8.3.2](#)) thì bạn Dương trong vai trò người lái xe khi đến vận đó sẽ cần phải [thân trọng](#).

### 8.3.4 THỜI ĐIỂM CHO NHỮNG KHÚC QUANH ĐỊNH MỆNH



Khi có ít nhất một trong **5 hành tinh vòng ngoài** (outer planets) như Mộc Tinh (Mộc Đức ♃), Thổ Tinh (Thổ Tú ♀), Thiên Vương Tinh (Uranus ♁), Hải Vương Tinh (Neptune ♄) và Diêm Vương Tinh (Pluto ♀) di chuyển đến khu vực Hoàng Đạo hay cung Nhà có điểm Định Mệnh (Point of Fate, xem [mục 8.0.2, tiểu mục viii](#)) trên lá số, thì đó là lúc cuộc đời bạn cũng sẽ có những chuyển biến, “khúc quanh” dẫn đến một sự kiện lớn hay quyết định quan trọng cho “Định Mệnh” của bạn.



Đây là những **xu hướng dài hạn** có độ dài từ ít nhất 01 năm (vận Mộc Tinh) đến dao động tối đa từ 12 năm ~ 33 năm (vận Diêm Vương Tinh).

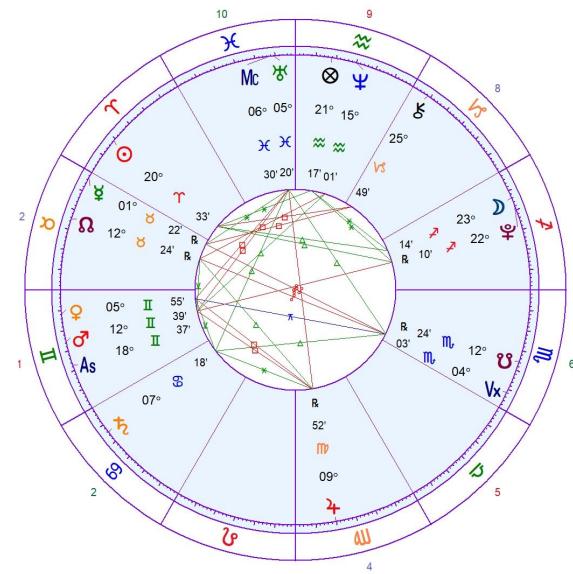
Chủ đề hay “chuyện gì xảy ra” sẽ tùy theo điểm Định Mệnh

năm ở cung Nhà nào lúc bạn sinh ra, cũng như những cung Nhà khác mà các hành tinh vận hạn có sự liên hệ (cai quản) trên lá số bạn.

Lưu ý rằng những biến cố hay thay đổi về “Định Mệnh” thường có ảnh hưởng liên quan, nhưng không nhất thiết “phải là” chuyện công việc hay sự nghiệp, chẳng hạn như việc cưới hỏi, tang chế, sinh con, dời nhà, làm giấy tờ, hồ sơ pháp lý, sức khỏe v.v... Những chủ đề này liên quan đến vấn đề nào trong cuộc sống bạn (cung Nhà nào ?) thì xem lại chi tiết phần “Ý nghĩa các cung Nhà” ở [mục 8.3.2](#).

Trên lá số bạn Dương:

- Điểm Định Mệnh nằm trong cung Nhà **4** (thuộc cung **GIA TRẠCH**)
- Mộc Tinh **♃** là chủ tinh cung Nhà **7 (PHÊ)** và cung Nhà **10 (SỰ NGHIỆP)**
- Thổ Tinh **♀** là chủ tinh cung Nhà **8 (CHI TIÊU)** và cung Nhà **9 (DI HÀNH)**
- Thiên Vương Tinh **♁** cai quản cung Nhà **9 (DI HÀNH, cùng với Thổ Tinh)**
- Hải Vương Tinh **♄** cai quản cung Nhà **10 (SỰ NGHIỆP, cùng với Mộc Tinh)**
- Diêm Vương Tinh **♀** cai quản cung Nhà **6 (SỨC KHỎE, cùng với Hỏa Tinh **♂**)**



[Bảng 8.3.4-B](#) liệt kê các động lực và [bảng 8.3.4-C](#) là những năm mà ảnh hưởng của 5 hành tinh vòng ngoài cùng với sao La Hầu và Kế Đô tác động đến khu vực Định Mệnh của bạn, báo hiệu những thay đổi quan trọng trong đời sống.

Ví dụ, những năm có đánh dấu **4** trong cột Mộc Tinh ảnh hưởng đến Định Mệnh bạn qua một loạt biến cố hay những diễn tiến trong sinh hoạt hàng ngày liên quan đến vấn đề **PHU THÊ** (cung Nhà 7) và **SỰ NGHIỆP** (cung Nhà 10). Bạn có thể xem lại phần “Ý nghĩa các cung Nhà” ở [mục 8.3.2](#) để biết thêm chi tiết cung **PHU THÊ** hay cung **SỰ NGHIỆP** có khả năng là gồm những vấn đề gì hay con người nào. Cách xem tương tự với Thổ Tinh cho các cung **CHI TIỀU** và **DI HÀNH** hay các hành tinh vòng ngoài còn lại.

Ngoài ảnh hưởng của 5 hành tinh vòng ngoài, [bảng 8.3.4-C](#) còn có thêm 3 cột thông tin để giúp bạn lưu ý thêm về 3 tác động quan trọng khác cũng có hiệu ứng chi phối và tạo ra những “khúc quanh định mệnh” có ảnh hưởng đến sự nghiệp, đó là:

1. **“Thất niên Thổ tinh” (Vận) hay “Bảy năm vận Thổ Tinh”** là một thời gian đặc biệt của đời người khi Thổ Tinh di chuyển đến 3 cung Hoàng Đạo: trước, cùng và sau vị trí Mặt Trăng trên lá số của bạn. Vì chu kỳ này lặp lại mỗi 30 năm nên đa số người sẽ gặp vận này trung bình khoảng 2-3 lần trong cuộc đời. Số năm trung bình mà Thổ Tinh đi vào liên tiếp 3 cung Hoàng Đạo thật ra là khoảng 7.5 năm. “Thất Niên Thổ Tinh” là một thành ngữ phổ thông lấy từ con số trung bình 7.5 năm này. Thực tế dĩ nhiên sẽ có năm ít, có năm nhiều hơn 7.5 năm này.
  - Tương tự như vận Thổ Tinh với điểm Định Mệnh (mô tả ở trang tiếp theo), đây là thời gian có nhiều thách thức và thay đổi lớn liên tục ập đến, nhưng đồng thời cũng có thể đem đến “thành công vang dội” trong những vấn đề liên quan đến 3 chủ đề **SỨC KHỎE**, **PHU THÊ** và **CHI TIỀU** (cung Nhà 6, 7, 8, xem ý nghĩa ở [mục 8.3.2](#)). Sự khó khăn, hanh thông hay thành công của vận này sẽ tùy vào mức độ kiên nhẫn, tinh thần siêng năng, chăm chỉ, ngoan cường, không ngần ngại vượt qua bất kỳ trở lực nào ... của bạn trong thời gian này.
  - Thông thường, lần lập lại thứ 2 của vận này sẽ dễ dàng hơn lần đầu tiên. Bạn càng rút được kinh nghiệm từ những thất bại ở lần 1 thì lần 2 dù vẫn có chuyện xảy ra nhưng sẽ là thời gian an nhàn hơn, là lúc bạn có thể tận hưởng những “bông trái” và “phần thưởng” xứng đáng dành cho mọi công sức, nỗ lực và hành trình gian khổ trước đây của bạn.

2. **Nhi Thập Bát Tú (NTBT):** Cột này đánh dấu 02 cột mốc quan trọng của mỗi Đại vận NTBT chính liệt kê ở [mục 8.3.2](#) (Diễn tiến 9 Đại vận Cuộc Đời ...) và chi tiết hơn ở [bảng 8.3.2-A](#). Tên của Đại vận được viết tắt theo ký hiệu của các hành tinh NTBT, ví dụ: Đại vận Thái Dương được ghi là ☉, đại vận Thái Âm là ☇. Tương tự cho các đại vận khác: Thủy Diệu (☿), Thái Bạch (♀), Văn Hớn (♂), Mộc Đức (♃), Thổ Tú (♄), La Hầu (♅) và Kế Đô (♆).

## Hai (2) cột mốc quan trọng của một Đại vận NTBT đó là:

- i. "Chính giữa" của Đại vận, ký hiệu là " $\frac{1}{2}$ " = là cao điểm của Đại vận, thời điểm mà bạn có thể cảm nhận mọi hiệu ứng tốt / xấu của Đại vận đó thể hiện ra một cách rõ ràng nhất
- ii. "Tiểu vận thứ 9" hay "tiểu vận chót" của Đại vận, ký hiệu là (9) = là giai đoạn cuối của Đại vận đó khi có nhiều sự thay đổi / biến cố trước khi Đại vận này chuyển sang một Đại vận khác

3. **Vận Cung Bàn** hay "**vận của các cung Nhà**" là ảnh hưởng của **12 dấu hiệu Hoàng Đạo** tác động trên 12 cung Nhà trong lá số của bạn. Vận này áp dụng chung cho những người sinh ra với điểm Mộc giống như bạn. Nghĩa là, những người sinh tại cùng nơi **Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam**, sinh vào cùng ngày **10/4/2004**, trong cùng khoảng thời gian từ **8:01:03** đến **10:03:29** (cùng ngày), sẽ có chung điểm Mộc **Song Tử** như bạn Dương và cũng sẽ trải nghiệm vận Cung Bàn giống như bạn Dương, tương tự như bảng dưới đây:

### Bảng 8.3.4-A Vận Cung Bàn

<i>Cung Hoàng Đạo</i>	<i>Cung Nhà</i>	<i>Tên cung Nhà</i>	<i>Từ tuổi:</i>	<i>đến tuổi:</i>	<i>Từ năm:</i>	<i>đến năm:</i>
Song Tử	1	<b>CHỦ MỆNH</b>	0	11	2004	2015
Kim Ngưu	12	<b>TẬT NẠN</b>	11	12	2015	2016
Dương Cưu	11	<b>LỢI LỘC</b>	12	14	2016	2018
Song Ngư	10	<b>SỰ NGHIỆP</b>	14	20	2018	2024
Bảo Bình	9	<b>DI HÀNH</b>	20	29	2024	2033
Ngư Dương	8	<b>CHI TIÊU</b>	29	35	2033	2039
Nhân Mã	7	<b>PHU THÊ</b>	35	44	2039	2048
Bọ Cạp	6	<b>SỨC KHỎE</b>	44	51	2048	2055
Thiên Xứng	5	<b>TÀI NĂNG</b>	51	59	2055	2063
Xử Nữ	4	<b>GIA TRẠCH</b>	59	63	2063	2067
Sư Tử	3	<b>SUY NGHĨ</b>	63	67	2067	2071
Cự Giải	2	<b>THU NHẬP</b>	67	74	2071	2078

} --- hiện tại

- Khởi đầu ở cung Nhà 1, tùy điểm Mộc mỗi người (của bạn là **Song Tử**) thì vận này sẽ luân chuyển xuôi hay nghịch vòng Hoàng Đạo / thứ tự cung Nhà. Cũng tùy bố cục lá số, mỗi cung Nhà sẽ có một số lượng năm vận nhất định dao động từ 1 năm (vận ngắn nhất) đến tối đa là 12 năm (vận lâu nhất). Khi luân chuyển đủ 12 cung, vận này sẽ quay trở lại từ đầu (cung Nhà 1) và chu kỳ cứ thế lập lại.
- Vận Cung Bàn cho thấy từng khu vực trong đời sống (= cung Nhà) mà "thiên thời" sẽ tạo "điểm nhấn" trong cuộc sống bạn Dương. "Thiên thời" được tượng trưng bằng dấu hiệu Hoàng Đạo (xem giải thích "thiên thời" [ở đây](#)).

- Dĩ nhiên, những chủ đề trong đời sống mà “thiên thời” tập trung có thể *giống nhau* hoặc *khác* với chủ đề của “địa lợi” (Nhi Thập Bát Tú). Khi một chủ đề (cung Nhà) có thiên thời và địa lợi đều giống nhau thì đó là chủ đề quan trọng cho năm đó. Khi “thiên thời” nhấn một cung chỗ này, “địa lợi” lại nhấn qua một vài chủ đề khác thì đó là một năm (hay thời gian – vài năm) có nhiều biến cố dồn dập xảy ra. Xem lại phần ý nghĩa các cung Nhà để hiểu chủ đề mà vận Cung Bàn muốn bạn tập trung vào và cần phải chú ý.

### Bảng 8.3.4-B Ánh hưởng vận hạn của 5 hành tinh vòng ngoài và La Hầu, Kế Đô

Tên hành tinh	Ký hiệu	Ý nghĩa và động lực trong vận hạn Định Mệnh
Mộc Tinh	♈	Mang đến sự lạc quan, niềm tin, sức mạnh ý chí, quyết tâm và tập trung cao độ để thay đổi, mở rộng những vấn đề của cung Định Mệnh và các cung Nhà liên quan ( <b>PHU THÊ, SỰ NGHIỆP</b> )
Thổ Tinh	♉	Mang đến thách thức, trì hoãn / khó khăn, đồng thời những trọng trách, trách nhiệm, nhận thức về những nghĩa vụ <i>cần phải thực hiện</i> trong các vấn đề về <b>CHI TIẾU, DI HÀNH</b>
Thất Niên Thổ Tinh Vận	♊ 7	(xem trang trước)
Thiên Vương Tinh	♋	Đem đến những cải cách, đổi mới, sự đảo lộn, xoay chiều, diễn tiến bất ngờ, đột ngột, lạ lùng .... mang tính “ngẫu nhiên” hay theo trào lưu xã hội trong các vấn đề của cung <b>DI HÀNH</b>
Hải Vương Tinh	♌	Mang đến luồng năng lượng của ước mơ, cảm hứng, khai tượng, giải thoát, sự hy sinh, sáng tạo mới, sự che chở, nương tựa, chữa lành (tổn thương, bệnh tật) nhưng đồng thời cũng có thể là những ảo mộng, hoang tưởng hay những gì kỳ quái, mơ hồ, mê muội, mất định hướng, lo lắng, sợ hãi hay lừa dối, mất mát ... trong các vấn đề của cung <b>SỰ NGHIỆP</b>
Diêm Vương Tinh	♍	Là “thần chết” của vòng Hoàng Đạo theo nghĩa bóng lẩn nghĩa đen – tiêu diệt, chết đi “cái Tôi”, “con người cũ”, “đời sống cũ”, sự “lột xác”, “hóa thân” thành “con người mới”, “cuộc sống mới”, hay sự ra đi, mất mát người thân ... Mang tính chết chóc, hiểm nguy, lạnh lùng, che giấu, bí mật, lén lút, thời gian bị lệ thuộc / làm nô lệ, bị ám ảnh, lo sợ hay giai đoạn “phải trả nợ” nhưng cũng đồng thời là sự phục hưng, hồi sinh, tái tạo, biến đổi, cải lão hoàn đồng, sự kinh niên, dai dẳng, đeo bám, đấu tranh, ganh đua trong các vấn đề của cung <b>SỨC KHỎE</b> .
La Hầu	♎	Đem đến sự dồi dào, hồng phát về tiền tài, vật chất (nếu tốt), những diễn tiến chớp nhoáng, bất ngờ, đột ngột, lạ lùng, những chuyến đi xa hay xuất ngoại ... liên quan đến <u>“nghiệp quả thu hưởng”</u> trong các vấn đề của cung Nhà <b>GIA TRẠCH</b>
Kế Đô	♏	Cảm giác tách rời, xa lánh hoặc bị cô lập, cô đơn trong vấn đề của cung Nhà liên quan ( <b>GIA TRẠCH</b> ). Có thể có biến cố chia ly, chia rẽ, “tan đàn xẻ nghé” (mất đoàn kết), sự bỏ đi, tan rã, hủy hoại, tách ra, chia phần, mất mát hay kết thúc.

### Bảng 8.3.4-C – Thời điểm cho những khúc quanh định mệnh

Ánh hướng từ Mặt Trăng qua  
vận Nhị Thập Bát Tú (mục 8.3.2).

Tuổi có chữ "T" = hạn "tam tai"

PHU THÊ  
SỰ NGHIỆP  
CHI TIỀU  
DI HÀNH

DI HÀNH  
SỰ NGHIỆP  
SỨC KHỎE

Ngày Sinh Nhật	Tuổi	Mộc Tinh	Thổ Tinh	Thất Niên Thổ Tinh	Thiên Vương Tinh	Hải Vương Tinh	Diêm Vương Tinh	La Hầu	Kế Đô	NTBT	Vận Cung Bàn
10/4/2004	0	4						♀			CHỦ MỆNH
10/4/2005	1										CHỦ MỆNH
10/4/2006	2							♂			CHỦ MỆNH
11/4/2007	3	ḥ						♂			CHỦ MỆNH
10/4/2008	4	ḥ							(9) ♀		CHỦ MỆNH
10/4/2009	5	ḥ							(9) ♀		CHỦ MỆNH
10/4/2010	6T	ḥ									CHỦ MỆNH
11/4/2011	7T	4							½ ♂		CHỦ MỆNH
10/4/2012	8T	4		ḥ 7				♂	½ ♂		CHỦ MỆNH
10/4/2013	9			ḥ 7				♂			CHỦ MỆNH
10/4/2014	10			ḥ 7							CHỦ MỆNH
11/4/2015	11	4		ḥ 7			♀		(9) ♂		CHỦ MỆNH 27% + TẬT NẠN 73%
10/4/2016	12	4		ḥ 7			♀				TẬT NẠN 27% + LỢI LỘC 73%
10/4/2017	13			ḥ 7			♀				LỢI LỘC
10/4/2018	14			ḥ 7	়						LỢI LỘC 27% + SỰ NGHIỆP 73%
11/4/2019	15			ḥ 7	়				½ ♂		SỰ NGHIỆP
10/4/2020	16			ḥ 7	়				½ ♂		SỰ NGHIỆP
10/4/2021	17				়						SỰ NGHIỆP
10/4/2022	18T				়			♀			SỰ NGHIỆP
10/4/2023	19T	4			়			♀			SỰ NGHIỆP
10/4/2024	20T	4			়						SỰ NGHIỆP 27% + DI HÀNH 73%
10/4/2025	21				়			♂	(9) ♂		DI HÀNH
10/4/2026	22				়			♂			DI HÀNH
10/4/2027	23	4									DI HÀNH
10/4/2028	24	4	ḥ						½ ♂		DI HÀNH
10/4/2029	25		ḥ						½ ♂		DI HÀNH
10/4/2030	26		ḥ								DI HÀNH
10/4/2031	27							♂			DI HÀNH
10/4/2032	28							♂	(9) ♂		DI HÀNH
10/4/2033	29										DI HÀNH 27% + CHI TIỀU 73%
10/4/2034	30T							♀			CHI TIỀU
10/4/2035	31T	4						♀			CHI TIỀU
10/4/2036	32T	4									CHI TIỀU
10/4/2037	33			ḥ							CHI TIỀU
10/4/2038	34			ḥ			়				CHI TIỀU
10/4/2039	35	4	ḥ				়				CHI TIỀU 27% + PHU THÊ 73%
10/4/2040	36	4					়	♀			PHU THÊ
10/4/2041	37						়	♀			PHU THÊ

10/4/2042	38		hở 7		♀				½ ♂	PHU THÊ
10/4/2043	39		hở 7		♀			♂	½ ♂	PHU THÊ
10/4/2044	40		hở 7		♀			♂		PHU THÊ
10/4/2045	41		hở 7	hở	♀					PHU THÊ
10/4/2046	42T		hở 7	hở	♀					PHU THÊ
10/4/2047	43T	2	hở 7	hở	♀					PHU THÊ
10/4/2048	44T	2	hở 7	hở	♀					PHU THÊ 27% + SỨC KHỎE 73%
10/4/2049	45		hở 7	hở	♀					SỨC KHỎE
10/4/2050	46			hở	♀			♂	(9) ♂	SỨC KHỎE
10/4/2051	47	2		hở	♀			♂		SỨC KHỎE
10/4/2052	48	2		hở	♀					SỨC KHỎE
10/4/2053	49						♀			SỨC KHỎE
10/4/2054	50						♀			SỨC KHỎE
10/4/2055	51									SỨC KHỎE 27% + TÀI NĂNG 73%
9/4/2056	52									TÀI NĂNG
10/4/2057	53		hở							TÀI NĂNG
10/4/2058	54T		hở							TÀI NĂNG
10/4/2059	55T	2	hở				♀		½ 2	TÀI NĂNG
9/4/2060	56T						♀		½ 2	TÀI NĂNG
10/4/2061	57									TÀI NĂNG
10/4/2062	58	2						♂		TÀI NĂNG
10/4/2063	59	2						♂		TÀI NĂNG 27% + GIA TRẠCH 73%
9/4/2064	60								(9) 2	GIA TRẠCH
10/4/2065	61								(9) 2	GIA TRẠCH
10/4/2066	62		hở						(9) 2	GIA TRẠCH
10/4/2067	63		hở							GIA TRẠCH 27% + SUY NGHĨ 73%
9/4/2068	64		hở					♂		SUY NGHĨ
10/4/2069	65							♂		SUY NGHĨ
10/4/2070	66T									SUY NGHĨ
10/4/2071	67T	2	hở 7				♀			SUY NGHĨ 27% + THU NHẬP 73%
9/4/2072	68T		hở 7				♀			THU NHẬP
10/4/2073	69		hở 7							THU NHẬP
10/4/2074	70	2	hở 7							THU NHẬP
10/4/2075	71	2	hở 7							THU NHẬP
9/4/2076	72		hở 7						½ ♂	THU NHẬP
10/4/2077	73		hở 7						½ ♂	THU NHẬP
10/4/2078	74		hở 7				♀			THU NHẬP 27% + CHỦ MỆNH 73%
10/4/2079	75		hở 7				♀			CHỦ MỆNH
9/4/2080	76									CHỦ MỆNH
10/4/2081	77							♂		CHỦ MỆNH
10/4/2082	78T	2						♂		CHỦ MỆNH
10/4/2083	79T	2							(9) ♂	CHỦ MỆNH
9/4/2084	80T								(9) ♂	CHỦ MỆNH
9/4/2085	81								(9) ♂	CHỦ MỆNH
10/4/2086	82	2								CHỦ MỆNH
10/4/2087	83	2	hở					♂		CHỦ MỆNH
9/4/2088	84		hở					♂		CHỦ MỆNH

9/4/2089	85		hở														CHỦ MỆNH 27% + TẬT NẠN 73%
10/4/2090	86									hở							TẬT NẠN 27% + LỢI LỘC 73%
10/4/2091	87									hở							LỢI LỘC
9/4/2092	88						♀										1/2 ♀ + SỰ NGHIỆP 73%
9/4/2093	89						♀										1/2 ♀ SỰ NGHIỆP
10/4/2094	90T	24					♀										SỰ NGHIỆP
10/4/2095	91T	24	hở				♀										SỰ NGHIỆP
9/4/2096	92T		hở				♀	♀	hở								SỰ NGHIỆP
9/4/2097	93		hở				♀	♀	hở								SỰ NGHIỆP
10/4/2098	94	24	hở				♀	♀									SỰ NGHIỆP 27% + DI HÀNH 73%
10/4/2099	95	24					♀	♀					hở				DI HÀNH
10/4/2100	96						♀	♀				hở	(9) ♀				DI HÀNH
10/4/2101	97		hở 7				♀	♀						(9) ♀			DI HÀNH
11/4/2102	98		hở 7	hở			♀	♀						(9) ♀			DI HÀNH
11/4/2103	99		hở 7	hở			♀	♀									DI HÀNH
10/4/2104	100		hở 7	hở			♀	♀									DI HÀNH
10/4/2105	101		hở 7	hở			♀	♀					hở	1/2 ♂			DI HÀNH
11/4/2106	102T	24	hở 7	hở			♀	♀					hở				DI HÀNH
11/4/2107	103T	24	hở 7	hở			♀						hở				DI HÀNH 27% + CHỈ TIÊU 73%
10/4/2108	104T		hở 7	hở			♀										CHỈ TIÊU
10/4/2109	105			hở			♀		hở					(9) ♂			CHỈ TIÊU
11/4/2110	106	24					♀		hở								CHỈ TIÊU
11/4/2111	107	24					♀										CHỈ TIÊU
10/4/2112	108						♀										CHỈ TIÊU
10/4/2113	109						♀										CHỈ TIÊU 27% + PHU THÊ 73%
11/4/2114	110						♀										PHU THÊ
11/4/2115	111						♀		hở								PHU THÊ
10/4/2116	112		hở				♀		hở								PHU THÊ
10/4/2117	113		hở				♀										PHU THÊ
10/4/2118	114T	24	hở				♀					hở					PHU THÊ
11/4/2119	115T	24					♀					hở					PHU THÊ
10/4/2120	116T						♀										PHU THÊ
10/4/2121	117						♀										PHU THÊ
10/4/2122	118	24					♀										PHU THÊ 27% + SỨC KHỎE 73%
11/4/2123	119	24					♀										SỨC KHỎE
10/4/2124	120						♀					hở					SỨC KHỎE

### 8.3.5 ĐỌC THÊM: MỘT CÁCH NHÌN KHÁC VỀ VẬN HẠN THEO KHÁI NIỆM “THIÊN THỜI, ĐỊA LỢI, NHÂN HÒA”

Có thể xem phần vận hạn trong “cách 1” (vị trí điểm Mộc, [bảng 8.3.1](#), tr. [90](#)) và vận Cung Bàn ([bảng 8.3.4-A](#)) như là thời điểm “**thiên thời**” trong khi sự kết hợp giữa “cách 2” (chu kỳ Nhị Thập Bát Tú, [bảng 8.3.2-A](#) và [B](#), tr. [97](#) và [98](#)), “cách 3” (chu kỳ Thổ Tinh, [mục 8.3.3](#), tr. [116](#)) và những khía quanh định mệnh ([mục 8.3.4-C](#)) là thời gian “**địa lợi**” cho con đường sự nghiệp bạn Dương. Và còn lại, yếu tố thứ 3 - “**nhân hòa**” chính là mong muốn, quyết định, sự quyết tâm, tính cách, giao tiếp ... của cá nhân bạn Dương khi học hành và chọn lựa nghề nghiệp.



- Thông thường, một người có được cả 3 yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” thì quá tốt (!), nhưng thông thường chỉ cần 2 trên 3 là đủ thành công. Nếu 1 trong 3 thì phải cố gắng nhiều.
- “Thiên thời” là tình hình thế giới, xu hướng xã hội, thời cuộc chính trị, những chuyện mà chúng ta chỉ có thể giải thích là “ý trời”, chuyện bất khả kháng (chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh) v.v... “Địa lợi” là môi trường, đất nước, địa phương, nhà cửa hay “phong thủy” gần gũi quanh ta, bao gồm cả con người (nhân sự, đồng nghiệp, cấp trên, thầy cô, gia đình, bạn bè, đối tác, khách hàng v.v...). “Nhân hòa” được hiểu ở đây là ý chí, tài năng và nỗ lực của bản thân, là nghiệp lực (karma) của cá nhân, là lòng người, quyết định, quyết tâm, sự chọn lựa, quan hệ hay cách chúng ta ăn ở, cư xử với người khác (“đối nhân xử thế”, “đắc nhân tâm”) ...
- Chúng ta hầu như không thể thay đổi được “thiên thời”, nhưng chúng ta có thể chủ động điều chỉnh yếu tố “nhân hòa” và “địa lợi” của mình để kết quả được tốt hơn.**
- Tùy theo giờ sinh của mỗi người, “thiên thời” đối với mỗi người cũng sẽ khác. Ví dụ, “thiên tai”, “chiến tranh” hay “dịch bệnh” có thể là một thảm họa tang thương đối với người này, nhưng lại là cơ hội sống hay tiềm năng tốt để kinh doanh thương mại đối với người khác.

- Nếu đang trong thời gian hội đủ “thiên thời / địa lợi” mà bạn cảm thấy sự nghiệp mình vẫn còn “lận đận” (chưa thể tự nuôi được bản thân, chưa đạt được một công việc như ý ...), nguyên nhân còn lại thông thường là một “trục trặc” nào đó về mặt “nhân hòa”: một quyết định sai lầm trong quá khứ (dẫn đến việc thiếu kinh nghiệm / kỹ năng / điều kiện), bế tắc hiện tại nhưng chưa đủ ý chí để vượt qua, v.v...
- Quan hệ giữa “thiên thời” và “địa lợi”:** [bảng 8.3.1](#) (cách 1, tr. [90](#)) và [bảng 8.3.4-A](#) là xu hướng “tổng quát” chung và có ảnh hưởng đến kết quả của cả 2 bảng [8.3.2-A](#) và [B](#) (cách 2, tr. [97](#)). Ví dụ, thời gian trong [bảng 8.3.1](#) thấy “xấu”, nhưng bảng [8.3.2-A](#) (hoặc [B](#)) nói “tốt”, nghĩa là cái “tốt” trong [8.3.2-A](#) sẽ KHÔNG tốt bằng khi cả 2 bảng cùng đều “tốt”. Ngược lại, nếu năm / thời điểm đó [bảng 8.3.1](#) thấy “tốt” nhưng bảng [8.3.2-A](#) (hoặc [B](#)) “xấu” thì cái “xấu” đó dù gì cũng đỡ hơn khi cả 2 bảng đều “xấu”! Trong khi đó, ảnh hưởng của vận Thổ Tinh ([mục 8.3.3](#) – cách 3, tr. [116](#)) có tác dụng hỗ trợ cho cách 1 và cách 2: nếu (1, 2) xấu, (3) tốt thì sẽ đỡ hơn rất nhiều so với cả 3 đều xấu. Nhưng nếu (1, 2) tốt nhưng (3) lại xấu thì phải thận trọng: coi chừng kết quả “đầu voi, đuôi chuột”!
- Để vượt qua một vận hạn “xấu”** (khi cả “thiên thời” và “địa lợi” đều “xấu”), phần còn lại mà mỗi cá nhân chỉ có thể thực hiện và sẽ phải nỗ lực hết mình đó là “nhân hòa”. Trong đó, điều quan trọng nhất là bạn Dương phải **chọn đúng ngành nghề thích hợp nhất với mình**. Nói cách khác, việc “**chọn đúng ngành nghề**” chính là chìa khóa sẽ giúp bạn “phát huy tài năng” và “trụ vững” khi tất cả mọi thứ khác như “thiên thời” và “địa lợi” đều không thuận lợi. Xem bảng bên dưới.
- Và nếu vận hạn đang “xấu”: hãy tập trung nghiêm túc vào mục tiêu – những gì có thể làm được trước mắt trong hoàn cảnh hiện tại. Không nên phung phí thời gian và sức lực vào những “suy nghĩ viễn vông” (thiếu thực tế), những công việc “không phù hợp” hay những hoạt động “không có lợi ích liên quan”.

Thiên Thời	+ Địa Lợi	+ Nhân Hòa (= bạn Dương)			→ = Kết quả
Mục 8.3.1 Mục 8.3.4-A	Mục 8.3.2-A / B Mục 8.3.3 Mục 8.3.4-C Mục 19	1. Chọn ngành Mục 8.0.3, Mục 8.1 Mục 14.3.1 ~ 14.3.3 Mục 15.1.2, 15.2.3	2. Chọn nơi Mục 8.1.2 Mục 18.2	3. Nỗ lực Mục 8.0.5	Cơ may thành công
Tốt	Tốt	Đúng	Đúng	Đúng	Tốt nhất
Xấu	Tốt	Đúng	Đúng	Đúng	Tốt nhì
Tốt	Xấu	Đúng	Đúng	Đúng	
Xấu	Xấu	Đúng	Đúng	Đúng	Tốt ba
Tốt	Tốt	Sai	Đúng	Đúng	Không hiệu quả / Lãng phí!
Tốt	Tốt	Sai	Sai	Đúng	
Tốt	Tốt	Sai	Sai	Không / Sai	
Xấu	Xấu	Sai	Sai	Không / Sai	Rất xấu



## 8.4 NGƯỜI YÊU, ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG TRONG SỰ NGHIỆP

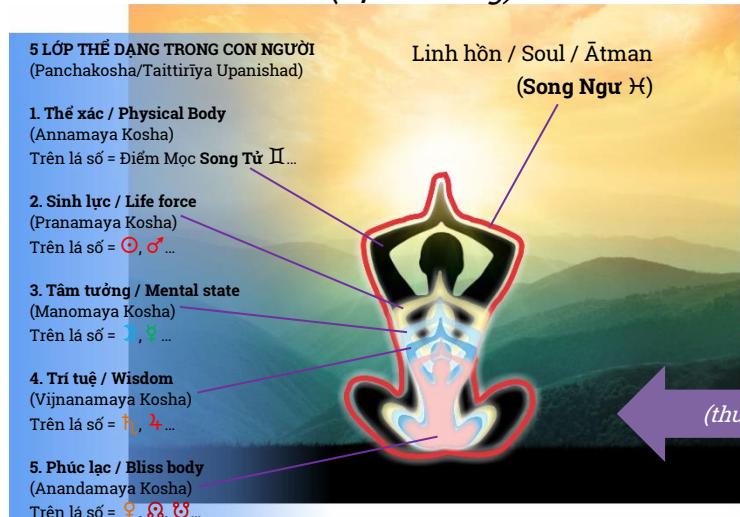
Bạn cần gì ở một người yêu, đối tác hay khách hàng của trong vấn đề sự nghiệp và tinh thần ? Họ là người như thế nào, đóng vai trò và có thể giúp đỡ được gì cho bạn ?

\* Trong công việc, đây là người giàu có hoặc đến từ một tầng lớp thượng lưu, hậu thuẫn cho bạn Dương hoặc phải tùy thuộc vào bạn Dương về mặt tài chính, cùng bạn Dương tích lũy của cải, gia tăng thu nhập, cùng nhau làm giàu và 'thoát nghèo', nhắm đến một cuộc sống xa hoa hay hưởng thụ vinh hoa phú quý, giúp bạn Dương phát huy tiếng nói, nâng cao 'giá trị' của bạn Dương, cùng bạn Dương suy nghĩ và thưởng thức những của ngon vật lạ hay 'đặc sản' trong cuộc sống, là người phải có giọng nói sảng khoái, dễ nghe, nhưng khi cần thì có thể 'đầu võ mồm' và 'lý sự' không kém ai

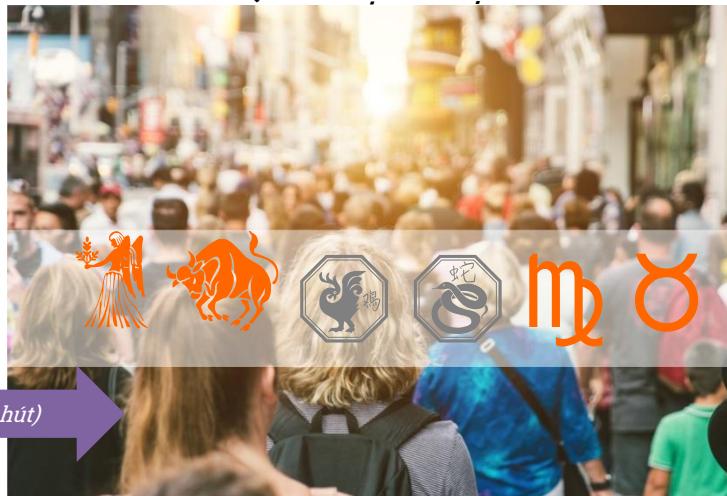
Và sâu sắc hơn nữa về khía cạnh tinh thần, đây sẽ là mẫu người phục vụ bạn Dương tận tâm, sẵn sàng thực hiện mọi trách nhiệm mà bạn Dương giao phó, chú ý đến và chăm sóc cho sức khỏe của bạn Dương, giúp bạn Dương phân tích và xử lý vấn đề một cách gọn gàng, giúp bạn Dương tổ chức mọi thứ ngăn nắp và sạch sẽ, phụ bạn Dương 'lau chùi' và 'dọn dẹp' trong mọi vấn đề cuộc sống (về nghĩa bóng lẫn nghĩa đen), là người phải siêng năng, tỉ mỉ, cẩn thận, hơi nhút nhát rụt rè khi đối nhân xử thế nhưng lại có một tư duy sắc bén và có thể chỉ trích bạn Dương hoặc người khác, và đây là người có thể đã từng là một đồng nghiệp của bạn Dương, nếu là khách hàng thì các đối tượng này thường là những công chức ('đầy tớ của dân'), thành phần lao động / người bình dân hay công nhân viên v.v...

Với linh hồn (soul / atman) của bạn Dương thực chất là một *Song Ngư*, nhưng bạn lại dễ thu hút, phát sinh tình cảm, kết bạn, có xu hướng giao dịch trong quan hệ đối tác và làm ăn với những người có điểm Mộc, Mặt Trời (tháng sinh), Mặt Trăng, Kim Tinh, Hỏa Tinh hay Mộc Tinh thuộc cung *Kim Ngưu* hoặc *Xử Nữ*, hay những người có năm sinh thuộc nhóm tuổi *Tý* hoặc tuổi *Dậu*. Những người này có thể giống hoặc khác với những người đã đề cập đến trong [mục 8.3](#).

(bạn Dương)



QUAN HỆ XÃ HỘI



Trong khi những người ở [mục 8.3.1](#) ảnh hưởng thuận túy đến sự nghiệp và công việc (nhất là chuyện “vật chất” như tiền nong và thu nhập của bạn), thì những người nói đến ở phần 8.4 sẽ tác động nhiều hơn về mặt “tinh thần” và “cảm xúc”. Họ (những người ở mục 8.4 này) chính là “nửa trái táo khuyết” của bạn về mặt tình cảm và hôn nhân, là người có thể đổi trọng, bổ sung những khuyết và giúp bạn che đậy hay khắc phục những sơ hở của bạn trong cuộc sống. Khi quan hệ trở nên xấu đi thì đây chính là những “kẻ tử thù truyền kiếp” (nemesis) của bạn, là người có đủ khả năng đứng ra chống lại bạn, có thể đưa bạn lên nhưng cũng có thể hạ bạn xuống, có thể tung ra những đòn làm bạn “khó đỡ”, thậm chí làm bạn “phá sản” hay tiêu diệt bạn.

Nếu những người trong mục 8.4 nằm vào nhóm “xấu” trong [mục 8.3](#) thì điều này có nghĩa là bạn không nên hùn hợp, không nên kết hợp làm ăn, và cũng không nên để cho những người ở mục 8.4 can thiệp vào sự nghiệp và công việc của bạn, dù đó là người yêu, vợ chồng, một đối tác có vẻ “hấp dẫn”, một người bạn thân hay ngay cả thành viên trong gia đình của bạn. Bạn vẫn có thể duy trì mối quan hệ lâu dài với họ trong những chuyện tình cảm hay “thân thiết” khác, nhưng họ sẽ không phải là người có thể hỗ trợ bạn trong sự nghiệp và công việc.

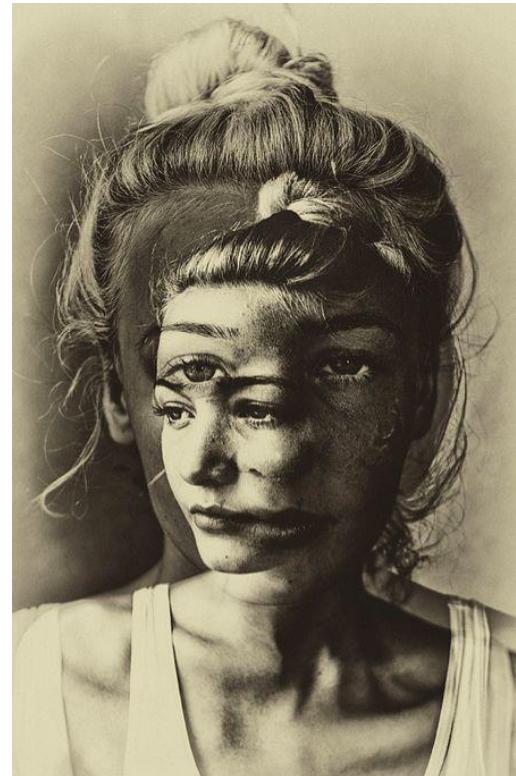
- Xem thêm bài [cct.tips/AtmZH](#) về quan hệ giữa linh hồn và [Hành tinh Trưởng bối](#).



## 8.5 ẤN TƯỢNG NGOÀI XÃ HỘI ("ĐIỂM MỌC THỨ 2")

Đa số người mọi người sẽ không biết bản tính thật sự của bạn bên trong như thế nào, vì họ thường chỉ nhìn vào "bề ngoài" của bạn. "Bề ngoài" ở đây có khi không hẳn là "cá tính" do điểm Mọc hay MC (Thiên Đỉnh) của bạn (chủ động) muốn thể hiện ra trong lá số bẩm sinh, mà là những gì tự nhiên "đập vào mắt" người khác trong tiềm thức khi họ tiếp xúc với bạn. Có thể gọi đó là "thần thái" mà bạn toát ra bên ngoài. Ví dụ, bạn vốn là người hiền lành, nhưng người khác lại cảm thấy có một cái gì đó "sờ sợ" về bạn. Hoặc ngược lại, bạn chả "hiền" tí nào, nhưng họ cứ tưởng bạn là "nai tơ". Hay bạn đang nghèo hoặc "bên trong chả có gì", nhưng người khác vẫn nghĩ bạn là "người thành công" hay "giàu có", cho dù bạn có cố gắng thanh minh với họ như thế nào v.v...

Tôi gọi đó là "bộ mặt thứ 2", "điểm Mọc thứ 2" hay "điểm Mọc hình ảnh" ([mục 8.0.2 ii](#), tr. [31](#)) mà xã hội nhận thức về bạn. Tùy theo mỗi lá số, điểm Mọc thứ 2 này thường khác với điểm Mọc chính, nhưng cũng có khi cũng lại là điểm Mọc chính của bạn. Đây cũng còn là sự "nổi tiếng" mà người đời sẽ biết về bạn, nhìn vào đánh giá bạn hay "tôn thờ" và "sùng bái" bạn trên con đường sự nghiệp hoặc uy tín trong xã hội. Ngược lại, nó thường là bộ mặt "ảo tưởng" ("imaginary" = "không có thật") mà bạn muốn tỏ ra với xã hội bên ngoài, với các "fan" hâm mộ và khán giả của mình, hay "cái bóng" để "hù dọa" những kẻ đối nghịch với bạn. "Ừ, thì cứ nghĩ về tôi như thế đi", bạn tự nhủ như vậy. Nó cũng là thứ "hoài bão" cá nhân nào đó mà bạn sẽ theo đuổi hết mình trong suốt cuộc đời dù bạn có làm gì trong con đường sự nghiệp của mình. Trong thực tế, nhiều người cũng có thể lầm tưởng rằng đây cũng chính là "sự nghiệp" đích thật của mình, nhưng sự thật thường không hẳn như thế, nhất là khi dấu hiệu Hoàng Đạo của "điểm Mọc thứ 2" này cũng khác ngược hoặc không tương xứng với dấu hiệu Hoàng Đạo đã đề cập đến trong mục 8.1 hay liên quan đến cung Nhà 10.



\* Khu vực điểm Mọc thứ 2 của lá số bạn Dương được xác định là **Cự Giải** thuộc cung Nhà thứ 2 (**THU NHẬP**). Chủ tinh cai quản cung Nhà này là **Mặt Trăng** nên ý nghĩa của hành tinh này cho thấy người khác sẽ "thần tượng" hay "tưởng tượng" về bạn Dương như một *người có năng lực truyền cảm, người hậu thuẫn, người bảo bọc che chở, người của gia đình, người mẹ hiền hay người cha gương mẫu, nhà lãnh tụ (chính trị), người chăm sóc, người đầu tư, người lập nền tảng, người giữ gìn truyền thống / quá khứ, người có tính kín đáo / nội tâm / thận trọng* khi bạn đi đến sinh hoạt / la cà ở trong một môi trường hoặc "xuất thân" từ những công việc /

bối cảnh thuộc nhóm *Kim Ngưu* như: *Tài chính, ngân hàng. Kinh doanh, hệ thống kinh tế, kế toán tài chính, quản lý tài sản (kho bã / bất động sản / cơ sở / dữ liệu), thủ kho, kho bạc (nhà nước), hải quan. Thư viện, quản lý siêu thị, chuỗi cung ứng. Nghệ thuật (hội họa, âm nhạc, vũ đạo, kịch nói, kiến trúc), bảo tồn văn hóa / môi trường, bảo tàng, sưu tập (đồ cổ), kim hoàn / mua bán vàng bạc đá quý. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp (thẩm mỹ), trang trí, thiết kế mỹ thuật. Du lịch sinh thái, nông trại, nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh doanh nông nghiệp (nông sản, sữa và các sản phẩm từ sữa, hoa quả, hạt giống, thiết bị làm nông, phân bón), kinh doanh thực phẩm tươi sống (trái cây tươi, nước ép, rau quả, thịt, trứng, tinh dầu, tinh bột). Kinh doanh nhà hàng (đồ tươi, ít chế biến, ví dụ như sushi, lẩu ...). Kinh doanh nguyên vật liệu (thực phẩm, xây dựng, công nghiệp). Kinh doanh nhạc cụ. Nhà sản xuất, nguyên tố (hóa chất)..*

\* Do Mặt Trăng cũng có liên hệ với hành tinh khác, và những hành tinh này đóng ở trong Cự Giải nên mọi người cũng có thể nghĩ đến bạn như là một: *Điêm Vương Tinh: người quyền lực, người bí mật, người hung bạo, người có thủ đoạn, người tham vọng, người hay nhò vả / sai bảo, người quyền rũ, người gây ám ảnh, người nhiều cảm xúc, người sâu sắc, người thâm thúy*

*Thổ Tinh: người tổ chức, người cầm đầu, người có động cơ chính trị, xem trọng cơ cấu, thứ bậc, đẳng cấp, nề nếp kỷ cương, người rèn luyện, người cứng rắn, người nghiêm khắc, người bất chấp, người bảo thủ, người kiên cường*



## 8.6 KHẢ NĂNG “LÀM GIÀU” TRÊN LÁ SỐ

Ông bà xưa có nói rằng “phi thương bất phú”, nghĩa là không kinh doanh thì không thể giàu. Điều đó phần lớn là “đúng”, nhưng trong thực tế, có rất nhiều cách “giàu” mà đôi khi không nhất thiết phải kinh doanh. Có người trở nên “giàu” nhờ được cha mẹ bảo hộ, gia đình hỗ trợ hay nhận lãnh thừa kế. Những người khác “giàu” lên nhờ hôn nhân. Cũng có người “giàu” nhờ vào “trúng số”. Và phần lớn chúng ta thì tin vào quy luật “đại phú do thiên, tiểu phú do cần” (giàu nhiều do trời định, giàu ít do dành dụm, tiết kiệm).



Về ý nghĩa tâm linh, “giàu” bao nhiêu mới gọi là “đủ”? Thông thường thì “lòng tham” của con người chẳng bao giờ cảm thấy “đủ”. Nhà chính trị, quân sự và cũng là nhà thơ Nguyễn Công Trứ (1778-1858) từng khuyên dạy: “Tri túc, tiệm túc, đãi túc, hà thời túc”, nghĩa là “biết đủ là đủ, đợi cho đủ thì bao giờ mới đủ?”. Ở một số nước tiên tiến trên thế giới, bộ phận thuế vụ của chính phủ hàng năm (hay vài năm một lần) sẽ đánh giá tình hình tiêu dùng và mức sống chung của xã hội để từ đó họ có thể đưa ra một con số bình quân làm chuẩn nhằm xác định mức độ “đủ” hay giàu nghèo của công dân làm cột mốc cơ bản để đánh thuế thu nhập. Hệ thống thuế của họ cũng dựa trên sự phân

chia tự nhiên trong bất kỳ xã hội nào trên thế giới từ xưa đến nay, bao gồm 3 nhóm chính: “nghèo” (poverty / peasant class), “trung lưu” (middle class) và “thượng lưu” (upper class).

- 1) “Nghèo” = thu nhập *không đủ* chi tiêu, gặp khó khăn hay không đáp ứng đủ các nhu cầu cơ bản của con người như ăn, mặc, di chuyển, học hành, có nơi trú ngụ / chỗ ngủ nghỉ (nhà cửa), tiện nghi và giải trí (văn hóa, nghệ thuật, phim ảnh, du lịch, vui chơi) cũng như sức khỏe (thể dục thể thao, thuốc men, y tế)
- 2) “Trung lưu” = thu nhập *vừa đủ* trang trải chi tiêu cho các nhu cầu cơ bản nói trên và có dư một ít tiền để dành dụm (phòng thân, “trái gió trở trời”), không những cho cá nhân mà còn cho gia đình trực thuộc (như vợ chồng, con cái). Ở mức độ “khá nhất”, nhóm “trung lưu” có khả năng chi tiêu nhiều hơn cho các nhu cầu nói trên, ví dụ như mua thêm nhiều loại bảo hiểm, du lịch nước ngoài (thay vì trong nước), đi du học (hoặc học lâu hơn), ăn uống thực phẩm chất lượng hơn, nhà cửa rộng rãi hơn v.v... Nói chung là đắt tiền hơn và chất lượng cuộc sống tốt hơn so với nhóm “trung lưu tối thiểu” hay nhóm “nghèo”.
- 3) “Thượng lưu” = thu nhập không những vượt xa trên mức “đầy đủ” mà còn trở nên “dư thừa”, thông thường kiếm được ít nhất gấp 2 đến 3 lần mức thu nhập trung bình của giới “trung lưu”, đủ để nuôi thêm nhiều gia đình khác.

Khi nói về sự “giàu có”, Tử Vi hay Chiêm Tinh Học **không thể** cho chúng ta biết được “con số” cụ thể (ví dụ, “bao nhiêu tiền trong tài khoản”, “bao nhiêu tài sản” v.v...), nhưng điều mà lá số tử vi / chiêm tinh có thể cho thấy đó là những “tiềm năng”, ví dụ như “kiếm tiền dễ / khó”, “có khả năng giữ của”, “có nguồn tiền được người khác giúp” (bố mẹ, vợ chồng), xu hướng “thu nhiều hơn chi”, “thuận lợi về mặt tài chính” hay “nên làm gì để giúp bản thân giàu có hơn về mặt vật chất” (mà phần này sẽ trả lời) v.v...

Nếu giờ sinh bạn Dương cung cấp chính xác thì mọi ngành nghề liệt kê ở [mục 15](#) nhất là nhóm “top-5” (hay “top-10” ở [mục 15.1](#) hoặc mục Holland Codes ở [15.2](#)) đều có khả năng giúp bạn Dương “làm giàu”.

Nhưng muốn hiểu rõ bạn *cần phải làm gì cụ thể trong những ngành nghề đó* để trở nên “giàu có” và “thành công” như ước nguyện thì:

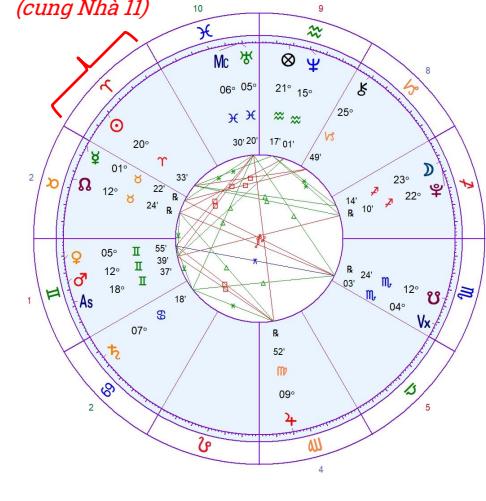
i) **vị trí Mặt Trời trong ngày sinh** – [xem mục 8.1.0-C](#)

và

ii) **vị trí của chủ tinh cung Nhà thứ 11** trên lá số và các yếu tố liên quan **cung Nhà 11** (cung chủ về sự “thặng dư”, “kết quả / hiệu quả” từ “công danh sự nghiệp”, sự “giàu có” qua “doanh số” hay “vốn lưu động”) chính là “kim chỉ nam” tin cậy để hướng dẫn cho bạn.

Trên lá số bạn Dương, cung Nhà thứ 11 có dấu hiệu Hoàng Đạo là **Dương Cưu** nên chủ tinh cai quản cung Nhà 11 sẽ là **Hỏa Tinh**, và hành tinh này ở trong cung Nhà thứ 1 (biểu tượng = ♂).

Lưu ý: phân tích ở trang kế được sắp xếp theo thứ tự quan trọng (từ “cao / nhiều nhất” đến “thấp / ít nhất”), trong đó yếu tố thứ 1, 2 và 3 là chính, trong khi phần 4 và 5 bổ sung, điều chỉnh ý nghĩa ở 1, 2, 3.



### Bảng 8.6.1 Phân tích cung Nhà thứ 11

STT	Yếu tố / bối cảnh trên lá số	Phương thức / vai trò / cách làm giàu / lợi thế và khuyết điểm (từ khóa)
1)	Hành tinh cai quản cung Nhà 11 (hay còn gọi là “chủ tinh cung Nhà 11”) là <b>Hỏa Tinh</b> trong cung Nhà 1.	* Với hành tinh “giàu có” ở trong cung Nhà 1, những ý tưởng, bí quyết để “làm giàu” trong nghề nghiệp khi tốt có thể là: <i>dùng tài năng thiên phú của bản thân, dùng “vốn tự có”/ lợi thế về ngoại hình, tự thân lập thân, tự phát, tự túc, độc quyền, độc lập (tách rời / xé lẻ để làm một mình), những công việc mang tính cá nhân hoặc để cao chủ nghĩa cá nhân, quyền lợi hoặc tự do cá nhân / nhóm thiểu số, tự mình tay trăng làm nên, thể hiện cá tính, người tiên</i>

		<p><i>phong, làm anh hùng / "hiệp sĩ" / "một mình vì mọi người", thể hiện lòng dũng cảm, khả năng đối kháng / đấu tranh / chiến đấu / kiên cường, làm về nông nghiệp / kỹ thuật / thủ công, công nghệ chiến tranh / vũ khí / bạo lực / an ninh / quân đội</i></p> <p><b>* Khi xấu (những nguy cơ, hành vi bất chính, sự cản trở, yếu tố / nguyên nhân "hao tài tốn của", tác động tiêu cực đến sự giàu có): quyết định của bản thân / vì lợi ích bản thân, sự độc đoán, độc tài, độc quyền, ích kỷ, vị kỷ, "duy ngã độc tôn", háo thắng, nóng nảy / hờ đõ, thô thiển (sản phẩm, thái độ), máu "yên hùng", hành vi "côn đồ" / manh động, sở đoản, đoản hậu, nhanh nhau, dễ gặp tai nạn vì vũ khí / máy móc / lửa, đụng chạm với cảnh sát / quân đội / bạo lực</b></p>
2)	Trong cung Nhà 11 có <b>Mặt Trời</b> (chủ tinh cung Nhà 3).	<p><b>Dấu hiệu cung Nhà 11 = Dương Cưu:</b> bản thân, cá nhân hoặc dùng cho cá nhân (nếu là hàng hóa), cá tính, đơn độc một mình, tự phát / tự khởi, tự lực / tự cường, phong cách / quyền tự do, sự tự tôn, duy nhất / lẻ loi, duy ngã, duy vật, thế lực / ngoại hình, ý chí, quyết tâm, người chiến binh / anh hùng / hiệp sĩ, vũ khí (các loại), vật lý, sức lực / động lực, sự va chạm / đối đầu, nguồn sống / mầm sống, khởi đầu / đầu tiên, sự tiên phong / khai khẩn, kỹ thuật, cơ khí, nông nghiệp, thủ công / lao động chân tay, nóng / nhiệt / lửa / đốt / hàn / nung / nấu, nóng nảy (tính tình), tốc độ, đường thẳng</p> <p><i>Mặt Trời (đem chủ đề của cung Nhà 3 vào cung Nhà 11): dùng sự giao tiếp / trao đổi thông tin, khả năng lý luận / lý sự, hoạt động học hành / đọc / nói / viết / ghi chép / ký kết / vẽ / biên soạn / biên tập (sách vở / báo chí / phóng sự), sử dụng đôi bàn tay / thủ công / diễn đạt bằng tay / cử chỉ, di chuyển / đi bộ / lái xe, giao thông vận tải, chuyển phát, lưu thông / lưu động, lưu hành, cung cấp / truyền bá / tra cứu thông tin / ý tưởng, người điều phối / người liên lạc / người ngoại giao, sử dụng máy tính / điện thoại, truyền thông (truyền hình, truyền thanh), liên quan đến giấy tờ, văn bản, đến bộ não / thần kinh / suy nghĩ (chiến lược) / bộ điều khiển (máy móc), dùng sức mạnh của anh chị em (trong nhà) / hàng xóm láng giềng, khả năng linh hoạt trong cự ly gần, dùng bộ đôi / cặp / kép (sản phẩm, chiến lược)</i></p>

		<i>Dấu hiệu cung Nhà 3 = Sư Tử: cá cược / cờ bạc / chứng khoán / đầu cơ, đại diện / đại biểu / đại lý, trẻ em / con cái, người trẻ tuổi / trai tráng / thanh thiếu niên, học sinh / sinh viên, vận động viên / thể thao / võ thuật / sự tranh đua, nghệ thuật / sáng tạo / sự biến tấu, giải trí (ca nhạc, phim ảnh, ăn uống, trò chơi, thể thao), nhà trọ / khách sạn / lều (tạm), tình yêu / chuyện yêu đương / tán tỉnh, tim mạch, vua chúa / vương giả / hoàng gia, chủ tịch / nhân vật chủ chốt / người cầm đầu, tâm huyết / đam mê / cảm hứng, sự ấm áp / lòng quảng đại / trượng nghĩa, bắt chước / sao chép (copy), trình diễn / triển lãm / phơi bày / khoe khoang / sự thể hiện, hưởng thụ, hiện tại / hiện thực (chủ nghĩa / thời gian), màu sắc đậm / lòe loẹt</i>
3)	Khoảng cách (số cung) từ chủ tinh cung Nhà 11 ( <b>Hỏa Tinh</b> ) đến Thiên Vương Tinh là <b>10</b> .  Đây là tính chất chung / tổng quát về "con đường làm giàu" của bạn, trong đó có các yếu tố về con người / môi trường / nơi chốn để làm giàu / cơ hội giúp làm giàu / những ảnh hưởng đến việc "làm giàu"	Số <b>10 (Ngự Dương)</b> cho thấy mục tiêu, động cơ "làm giàu" của bạn có sự phấn đấu / hỗ trợ / gắn liền / liên quan đến: uy tín / danh dự / chức vụ, thành tích / thành quả, sự kính trọng / tôn ti trật tự, bố mẹ (thường là phía bô), thầy cô (thường là thầy), cấp trên (đàn ông), chú bác, người lớn tuổi, cao niên / già lão / hưu trí, chính quyền / chính phủ, lãnh đạo cao cấp, xây dựng / bồi đắp / thiết kế / tạo mẫu / làm khuôn, hàng hóa / đồ đặc có tính lâu bền (ü men / ngâm ướp / vun đắp từ từ), sự khác biệt / chênh lệch về tuổi tác / thế hệ, trách nhiệm, sự thanh tra / phán xét, cùi kính / khó tính
4)	Chủ tinh và dấu hiệu của cung Nhà 1 liên quan đến ý nghĩa cung Nhà 11 (qua con người, môi trường, xúc tác ...)	<i>Dấu hiệu cung Nhà 1 = Song Tử: anh chị em trong gia đình, hàng xóm / láng giềng, bà con họ hàng gần, xe cộ, sự lưu động / hay di chuyển / bước chân, sự liên lạc / ngoại giao, sự tính toán / suy nghĩ, sự động não / đánh đố / câu đố, học hành / quá trình tiếp thu kiến thức / sự nhận thức / hiểu biết, máy tính / điện thoại / tin nhắn / email, thông tin / dữ liệu, truyền thông (mạng lưới / phương tiện / hoạt động), đọc / nói / viết / ký kết, bộ đôi / cặp đôi / song song, việc linh tinh, đa nhiệm, đa năng, sự muôn màu, sử dụng đôi tay / chuyền tay, bộ não / hệ thần kinh</i>
5)	Các hành tinh khác trong cung Nhà 1 pha trộn thêm ý nghĩa cho mục tiêu / bí	<i>Ngoài ra, cung Nhà 1 còn có Kim Tinh là chủ tinh cung Nhà 12 (mang tính chất của cung Nhà 12 vào kết hợp với cung Nhà 1 và chi phối cung Nhà 11): tận dụng óc tưởng tượng (thơ văn, giả thuyết, công nghệ thực tế ảo), "thừa nước đục</i>

	<p>quyết "làm giàu" của chủ tinh cung Nhà 11 đem vào:</p> <p><i>thả câu", lợi dụng tình hình hỗn loạn / thời buổi giao tranh, phát huy tài năng / chớp thời cơ khi (người khác / xã hội) đang khủng hoảng, làm dịch vụ, làm việc với nước / chất lỏng (bao gồm hóa chất / thuốc men / mỹ phẩm), công việc liên quan đến sông ngòi / biển cả / hải dương / thủy hải sản, gặp may mắn khi cứu trợ / chăm sóc / giúp đỡ người khác hay hoạt động tôn giáo, thoát ly / thoát tục (tư tưởng / tu hành), dịch vụ giúp người khác nhẹ nhàng / thư giãn / xoa dịu, chữa lành / hồi phục sức khỏe, lau chùi / dọn dẹp / trút bỏ (đồ dạc, rác rến, tinh thần), vệ sinh / tẩy rửa / xóa vết tích, ngụy trang / bình phong / "dương đông kích tây" (đánh lạc hướng), trang điểm / che đậy / pha trộn, là kẻ đóng vai, người hậu thuẫn / người thầm lặng đứng phía sau, thành công khi chấp nhận hy sinh / phải gánh chịu / chịu đựng / làm nạn nhân / thế thân, công việc giải chấp / giải thể / giải tỏa, tìm sơ hở / yếu điểm (và giải pháp), giao thương với chính quyền</i></p> <p><i>Kim Tinh = chủ tinh cung Nhà 5 (mang tính chất cung Nhà 5 vào kết hợp với cung Nhà 1): đầu cơ / chứng khoán / cá cược, tạo sự dễ dàng / thoái mái / thư giãn / tiện dụng cho người khác, liên quan đến trò chơi / giải trí / sự kiện / showbiz / thời trang, sân khấu / trình diễn, khu triển lãm / hội chợ, phục vụ đối tượng là trẻ em / giới trẻ / thanh thiếu niên / học sinh / sinh viên, có thể liên quan đến thể thao / thi đấu, du lịch / du ngoạn, công việc ẩm thực (nhà hàng), trú ẩn tạm thời (khách sạn, resort, lều trại), khai thác bản quyền (mua bán, sao chép, nhân rộng), nhượng quyền (franchise), lập trung tâm (đầu não, quản lý, đào tạo, hành chính), công việc sáng tạo (thiết kế, tạo mẫu), làm đại diện / đại lý, làm cột mốc / biểu tượng / tượng đài (kiến trúc, văn hóa), làm mô hình (sản phẩm, quy mô hay cơ cấu), làm gương sáng cho người khác noi theo, làm về thời trang / mỹ phẩm / trang điểm, nơi sang trọng / vương giả / thượng lưu (đối tượng, phong cách), khởi động dự án / thí nghiệm / khám phá / (tạo) trải nghiệm, làm sáng tỏ / phơi bày / trưng bày, dịch vụ hẹn hò / mai mối, "làm chơi ăn thiệt"</i></p> <p><i>Dấu hiệu cung Nhà 5 = Thiên Xứng: dùng luật pháp / công lý, tài phân xử / hòa giải, nhờ vào vợ / chồng, lợi ích từ hôn nhân (và cá ly dị), sức mạnh của đối tác / đối thủ, (pháp lý trong) hợp đồng / thỏa thuận, giao tiếp với người xa lạ, sự điều chỉnh / điều hòa / điều tiết / quân bình / ổn định, sự an lành / hòa bình, nơi giao lưu / kết nối (chợ búa, quán xá, hội chợ, tiệc tùng), nơi trao đổi / giao dịch, xé lẻ / bán lẻ / tách đôi, sự đánh đổi / đổi khác, tác động kép / song song / hữu tương / đổi trọng, nghệ thuật, mỹ thuật / hài hòa</i></p>
--	---

	<p><i>HỎA TINH LÀ CHỦ TINH CUNG NHÀ 11 (MANG TÍNH CHẤT CỦA CUNG NHÀ 11 VÀO KẾT HỢP VỚI CUNG NHÀ 1 VÀ CHI PHỔI CUNG NHÀ 11): NHỜ KHẢ NĂNG HÒA ĐỒNG, SỨC MẠNH QUẦN CHÚNG / ĐỊA PHƯƠNG / CỘNG ĐỒNG / TỔ CHỨC / XÃ HỘI, BẠN BÈ / PHE NHÓM / LIÊN MINH, ĐÁM ĐỒNG / MẠNG XÃ HỘI, TẬN DỤNG MÁY MOC / CÔNG NGHỆ / NĂNG LƯỢNG ĐIỆN, VIỄN TƯỞNG / ĐÓN ĐẦU XU HƯỚNG ĐƯƠNG THỜI / TƯƠNG LAI HAY TIẾN BỘ XÃ HỘI ("ĐI TRƯỚC THỜI ĐẠI"), NHỜ VÀO SỐ ĐÔNG / BÁN SỈ, GÓP GIÓ THÀNH BÃO, LỢI THẾ VỀ THỜI TIẾT / KHÍ HẬU, SỰ CÁCH MẠNG / CAI CÁCH / CAI TIẾN / ĐỔI MỚI / CANH TÂN, SỰ PHÁT MINH, SỰ MỚI LẠ / KỲ QUÁI HAY ĐỘC ĐÁO, GÂY SỐC / TẠO CÚ SỐC / SỰ BẤT NGỜ, NHỜ VÀO KHOẢNG CÁCH / KHÔNG GIAN (ĐI BẰNG MÁY BAY, TÀU VŨ TRỤ), SỬ DỤNG ROBOT / DRONE / CÔNG NGHIỆP TỰ ĐỘNG HÓA, SỰ KHÁCH QUAN / TRUNG TRỰC</i></p>
--	---

Phần sau đây là kết quả về tiềm năng "giàu có" của bạn Dương dựa trên phân tích vị trí 4 chủ tinh của các cung Nhà chủ về "tài lộc" bao gồm cung Nhà 2 (thu nhập / năng lực kiếm tiền để tích góp, tiết kiệm và làm giàu từ nghề nghiệp), cung Nhà 5 (dự tính / mạo hiểm), cung Nhà 8 (vay mượn / hùn hợp) và cung Nhà 11 (thặng dư / lợi lộc / hiệu quả / xoay vốn từ sự nghiệp). Trong đó, cung Nhà 2 và 5 liên quan đến tiền bạc đến từ "vốn tự có": năng lực, tài năng thiên bẩm, hỗ trợ từ (gốc) gia đình và nỗ lực lao động (học hành, công tác ...) của chính bản thân bạn Dương. Còn lại 2 cung Nhà 8 và cung Nhà 11 liên quan đến "vốn người khác": sự hùn hợp / dính líu về tiền bạc với người khác (và vận may của họ ảnh hưởng đến mình), tác động của xã hội và còn là "lộc trời cho" (ví dụ như được may mắn "trúng số" / "trúng mánh" = gom tiền của nhiều người khác góp lại thành vốn lưu động hay tiền của mình).

Có tổng cộng 36 yếu tố cho các cung Nhà liên quan đến "tài lộc" này cùng với cung Nhà 4 (của cải) và Thiên Vương Tinh (hành tinh chính chủ về "giàu có"). Ngoài ra còn có trên 20 yếu tố tiêu cực (gây "phá tán") cũng được cân nhắc / tăng giảm với ảnh hưởng từ các chủ tinh nói trên để đưa ra nhận định sau cùng về "tiềm năng" của bạn.

Phần kết quả có 4 tiềm năng khác nhau: "dễ nghèo", "nghèo đến trung bình", "trung lưu" và "giàu có" dựa trên khả năng "kiếm tiền" và "giữ tiền" của bạn. Đây không phải là giá trị "tuyệt đối", vì thực tế nếu "nghèo" mà cố gắng siêng năng (trong đúng ngành nghề của mình ở mục 15) và tiết kiệm thì vẫn sẽ có khả năng có được cuộc sống "trung bình" cho đến "trung lưu". Ngược lại, nếu số "giàu có" mà tiêu xài hoang phí hoặc làm cái gì đó "sai sai" hay phạm pháp thì dĩ nhiên cuối cùng cũng trở thành "nghèo" v.v...

Lưu ý đây chỉ là một "đánh giá sơ bộ" (70% – 80%) về lá số dựa trên những "nét chính" (góc chiếu, vị trí ... của các hành tinh liên quan), chưa kể hết các bố cục đặc biệt (20% - 30%) đôi khi có thể làm "đảo ngược", "phá cách" hay "hóa giải" kết quả dưới đây. Nói cách khác, phần này sẽ được cải thiện thêm và kết quả dưới đây có thể thay đổi trong những lần cập nhật sau này.

### Bảng 8.6.2 Tiềm năng "Giàu / nghèo" (của bạn Dương)



* Khả năng "kiếm tiền" =	<b>kiếm tiền trung bình, tương đối thong thả, thuận lợi</b>
* Khả năng "giữ tiền" =	<b>khó giữ tiền, phá tán, dù hay gặp may mắn</b>
* (Suy ra) Tiềm năng =	<b>Trung lưu</b>

(Xem thêm kết quả trong mục 14 - Bát Tinh Cung Pháp về vấn đề tài chính, tiền nong của bạn)



## 9. Chọn Khối Thi Tuyển vào Đại Học, Cao Đẳng

(theo hệ thống giáo dục của Việt Nam 2015-2016)

Nếu bạn Dương vẫn còn đang theo học ở bậc Trung Học Phổ Thông, sau đây là kết quả chọn khối thi Đại Học - Cao Đẳng dựa vào lá số chiêm tinh của bạn. Cho dù bạn không còn đi học đi chăng nữa, mục báo cáo này cho thấy phần nào sở trường thật sự của bạn nếu bạn đã được phát triển và khuyến khích đúng mức khi còn ở trường. Những khối thi có ưu tiên đứng đầu bảng (tô nền màu) sẽ phù hợp với tiềm năng và thiên hướng nghề nghiệp của bạn hơn là các khối còn lại ở cuối bảng (tô nền trắng), mặc dù trong thực tế, bạn có thể rất giỏi và đạt điểm cao khi thi vào bất kỳ khối nào.

Lưu ý: Điểm so sánh được dựa trên thuật toán của CCT và chỉ có giá trị "tương đối" (relative), không phải "tuyệt đối" (absolute) và có thể thay đổi tùy theo phiên bản của báo cáo.

### Bảng 9.0.0-A. Chọn khối thi "chính":

<i>Khối thi chính bạn Dương nên chọn:</i>	<i>Điểm so sánh (/100)</i>	<i>Ưu tiên</i>
Khối D: Văn, Toán, Ngoại Ngữ	84.518	1
Khối B1: Toán, Hóa, Tiếng Anh	80.549	2
Khối B: Sinh, Toán, Hóa	77.445	3
Khối C: Văn, Sử, Địa	73.295	4
Khối A1, A2: Toán, Lý, Anh Văn / Ngoại Ngữ	71.815	5
Khối A: Toán, Lý, Hoá	46.193	6

### Bảng 9.0.0-B. Chọn khối thi "năng khiếu":

<i>Khối thi năng khiếu bạn Dương nên chọn:</i>	<i>Điểm so sánh (/100)</i>	<i>Ưu tiên</i>
Khối S: Văn (đề thi khối C), 2 môn Năng khiếu điện ảnh	92.782	1
Khối M: Văn, Toán (đề thi khối D), Nói chuyện, Đọc diễn cảm, Hát	90.184	2
Khối N, R1: Văn (đề thi khối C), Kiến thức âm nhạc, Năng khiếu âm nhạc	86.395	3
Khối R2, R3: Văn, Sử (đề thi khối C), Năng khiếu mỹ thuật / sân khấu	81.559	4
Khối O, O1: Văn, Sử, Ngoại Ngữ	75.893	5
Khối V1: Toán, Văn (đề thi khối D), Vẽ Mỹ thuật	75.171	6
Khối R: Văn, Sử (đề thi khối C), Năng khiếu báo chí	74.414	7
Khối R4, R5: Văn, Sử (đề thi khối C), Năng khiếu dàn dựng sự kiện / thu	72.862	8
Khối T: Sinh, Toán (đề thi khối B), Năng khiếu TDTT	71.527	9
Khối K: Toán, Lý (đề thi khối A), Kỹ thuật nghề	71.057	10
Khối H1: Toán, Văn (đề thi khối D), Vẽ Trang Trí Màu	65.644	11
Khối H: Văn (đề thi khối D), Vẽ Trang Trí Màu, Vẽ Mỹ thuật	64.742	12
Khối V: Toán, Lý (đề thi khối A), Vẽ Mỹ thuật	62.865	13

\*Lưu ý:

- Trong [bảng B](#), bạn Dương sẽ có xu hướng **thành công** hơn với các khối thi “năng khiếu” có đề thi kết hợp từ các nhóm khối thi “chính”: **AC, AD / A1, BC và BD**
- Nhiều ngành nghề là sự kết hợp giữa một khối “chính” với một hay nhiều khối “năng khiếu”.
- Bạn có thể xem các phần kế tiếp của báo cáo này (từ mục 10 đến 15) để nhận diện ngành nghề mà bạn thích và phù hợp với bạn, sau đó quay trở lại phần này để chọn khối thi với số điểm cao nhất để khớp với ngành đó từ các bảng trên đây.
- Xem thêm kết quả phân tích trong [mục 14 - Bát Tinh Cung Pháp](#) về vấn đề học hành của bạn ở giai đoạn tiểu học / trung học, lên đến cao đẳng, đại học.



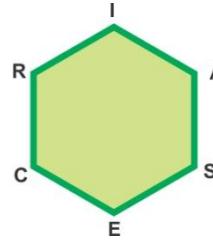
# 10. Sáu mẫu người RIASEC

Bạn Dương thuộc mẫu người nào trong môi trường công việc ?

Bộ "Trắc nghiệm định hướng nghề nghiệp John Holland" là một trong những công cụ "hướng nghiệp" phổ biến nhất hiện nay trên thế giới, giúp các bạn học sinh / sinh viên thu hẹp và định vị được phạm vi nghề nghiệp tương lai của mình bằng phương pháp "tự khám phá bản thân mình" trước khi ghi nguyện vọng dự thi vào trường Đại Học hay Cao Đẳng. Bộ trắc nghiệm này giúp phát hiện các kiểu người trội nhất đang tiềm ẩn trong con người bạn để tự định hướng khi lựa chọn nghề. Nếu bạn đã ra trường và đang có việc làm, phần này cũng có thể giúp bạn định hướng lại tốt hơn cho con đường sự nghiệp của bạn.

Lý thuyết của nhà tiến sĩ tâm lý học John Lewis Holland (1919-2008) cho rằng hầu như ai cũng có thể được xếp vào 1 trong 6 kiểu người, và 6 kiểu người đó là:

- **Realistic** (Người Thực tế)
- **Investigate** (Người Nghiên cứu)
- **Artistic** (Người Nghệ sĩ)
- **Social** (Người Xã hội)
- **Enterprising** (Người Kinh doanh)
- **Conventional** (Người Công chức)



Có 6 môi trường hoạt động ứng đúng với 6 mẫu người kể trên. Lý thuyết này về sau lấy 6 chữ cái ghép lại thành cái tên **RIASEC**, biểu thị bằng hình lục giác bên trên.

Ở phần này, hệ thống "Định Hướng Nghề Nghiệp" của Chòi Chiêm Tinh phân tích lá số chiêm tinh của bạn và xác định bạn thuộc mẫu người nào trong 6 mẫu người theo định nghĩa của John Holland. Hệ thống sẽ chọn ra 3 chỉ số mẫu người có số điểm cao nhất để hình thành ra 1 trong **120 mã ngành** gồm có 3 ký tự lấy từ nhóm chỉ số RIASEC, hay còn gọi là "Holland's Codes". Ví dụ nếu chỉ số cao nhất của bạn là "Enterprising (Người Kinh doanh)", rồi thứ nhì là tới "Realistic (Người Thực tế)", và đến "Conventional (Người Công chức)", thì "Holland's Code" – hay mã ngành của bạn sẽ là "ERC" (ghép từ chữ tiếng Anh đầu tiên của 3 chỉ số). Đây là mã ngành có **giá trị quốc tế** vì nhiều trung tâm tìm kiếm việc làm và các đại học trên thế giới sử dụng mã này để xác định ngành học và việc làm thích hợp cho bạn.

Chi tiết và mô tả về 6 mẫu người RIASEC sẽ nằm trong [mục 13](#) của báo cáo này, và [mục 15.2.3](#) liệt kê các ngành nghề cụ thể và phù hợp với mã ngành 3-chữ / Holland's Code của bạn.

Bạn có thể sử dụng 1, 2 hay 3 ký tự trong mã ngành / Holland's Code để chọn ngành. Ví dụ, mã ngành của bạn Dương là "SCI". Nếu bạn quyết định chọn 1 ký tự trong số này thì bạn có thể chọn ngành dưới nhóm "S" (Social – Giao tiếp, Xã hội) hoặc "C" (Conventional – Tổ chức) vì đây là 2 ngành nghề phù hợp nhất với bạn. Tuy nhiên, khi chọn 1 ký tự trong mã ngành thì phạm vi chọn nghề sẽ khá rộng và bao quát (như trong [mục 13](#)). Nếu bạn sử dụng 2 ký tự thì cũng vậy, ngành nghề kết hợp giữa nhóm "S" và "C" sẽ phù hợp với bạn nhất. Nếu bạn chọn nhóm 3 ký tự, thì ưu điểm ở đây đó là phạm vi chọn nghề sẽ được thu hẹp nhiều hơn nữa, và [mục 15.2.3](#) của báo cáo này sẽ liệt kê cụ thể các ngành nghề hiện nay phù hợp với bạn khi "SC" và tính chất "I" (Investigative – Điều tra, Nghiên cứu) kết hợp lại với nhau.

Ngoài ra, hệ thống ĐHNN của Chòi Chiêm Tinh cũng liên quan chặt chẽ giữa các chỉ số Holland's Codes và việc chọn khối thi vào ĐH/CĐ ở trong [mục 9](#). Tóm lại, **nếu giờ sinh bạn Dương không chính xác** (xem [định nghĩa](#)) thì sự kết hợp giữa:

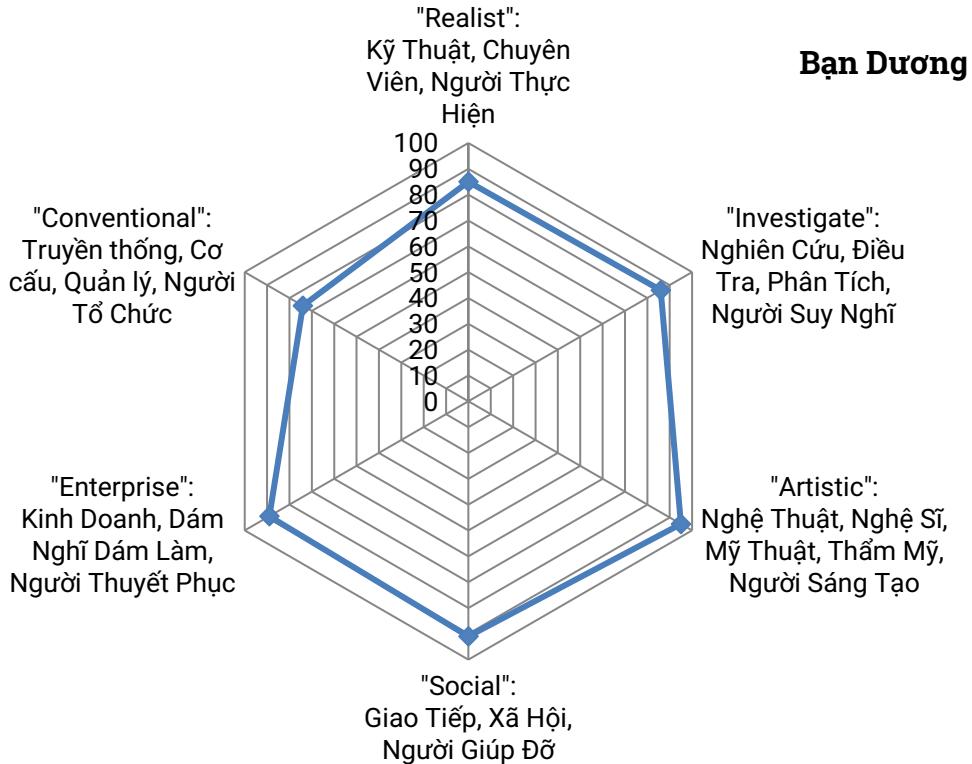
- + ngành nghề do Holland's Codes chọn ra ([mục 10](#), mục [13](#) và mục [15.2.3](#))
- + các khối / môn thi phù hợp với ngành nghề đó ([mục 9](#))
- + chỉ số MBTI ([mục 11](#))
- + chức vụ/địa vị trong công việc của bạn ([mục 12](#))

có khả năng cho thấy toàn cảnh bức tranh sự nghiệp tương lai của bạn, giúp bạn có sự tập trung tư duy và đầu tư về nguồn lực một cách thích hợp, tránh lãng phí về tài chính và thời gian. Xem thêm hướng dẫn cách ĐHNN từ mục tiêu bạn muốn chọn [ở đây](#) (cách số 4).

### Kết quả thiên hướng nghề nghiệp của bạn theo hệ thống John Holland

Số điểm dựa trên thuật toán của CCT và chỉ có giá trị "tương đối" (relative),  
không phải "tuyệt đối" (absolute) và có thể thay đổi một tí tùy theo phiên bản của báo cáo

"Realist": Kỹ Thuật, Chuyên Viên, Người Thực Hiện	"Investigate": Nghiên Cứu, Điều Tra, Phân Tích, Người Suy Nghĩ	"Artistic": Nghệ Thuật, Nghệ Sĩ, Mỹ Thuật, Thẩm Mỹ, Người Sáng Tạo	"Social": Giao Tiếp, Xã Hội, Người Giúp Đỡ	"Enterprise": Kinh Doanh, Dám Nghĩ Dám Làm, Người Thuyết Phục	"Conventional": Truyền thống, Cơ cấu, Quản lý, Người Tổ Chức
<b>85</b>	<b>86</b>	<b>95</b>	<b>91</b>	<b>89</b>	<b>74</b>
84.53	85.92	95.41	90.60	89.04	73.94



Dựa vào kết quả trên, 3 ngành nghề thích hợp nhất cho bạn Dương đó là:

1	"Artistic": Nghệ Thuật, Nghệ Sỹ, Mỹ Thuật, Thẩm Mỹ, Người Sáng Tạo
2	"Social": Giao Tiếp, Xã Hội, Người Giúp Đỡ
3	"Enterprise": Kinh Doanh, Dám Nghĩ Dám Làm, Người Thuyết Phục

HOLLAND'S CODE (MÃ NGÀNH) CỦA BẠN:



ASE

Từ đây, bạn có thể xem tiếp ý nghĩa chi tiết của từng chỉ số của mã ngành ASE ở [mục 13](#) và các ngành nghề tương ứng với mã ngành này trong [mục 15.2](#). Lưu ý: phần phân tích nghề nghiệp theo Holland Codes được sử dụng là chính chỉ khi nào bạn có **giờ sinh không chính xác** như đã định nghĩa ở [mục 3.1](#).



# 11

## 11. Chỉ số tính cách Myers-Briggs (MBTI – Meyers-Briggs Type Indicators)

Phổ biến thứ nhì trên thế giới sau chỉ số [RIASEC](#) của John Holland, chỉ số Myers-Briggs là một hệ thống trắc nghiệm đo lường tâm lý để cho thấy một con người cảm nhận về thế giới xung quanh và hình thành những quyết định như thế nào. Nó phản ánh hoạt động của bộ não trong quá trình suy nghĩ và cách suy nghĩ. Hệ thống này được bà Katharine Cook Briggs và con gái Isabel Briggs Myers phát triển trong thời chiến tranh thế giới thứ II dựa trên các lý thuyết của nhà tâm lý học Carl Jung trong cuốn sách "Psychological Types" (phiên bản tiếng Anh, 1923). Họ tin rằng hệ thống này sẽ giúp cho các phụ nữ lần đầu tiên gia nhập lực lượng lao động nhận diện được loại công việc phục vụ chiến tranh phù hợp, thoải mái và hiệu quả nhất cho họ.

Lý thuyết Carl Jung cho rằng có 4 chức năng tâm lý cơ bản mà chúng ta cảm nhận về thế giới xung quanh: giác quan, trực giác, tình cảm và lý trí. Hệ thống MBTI phân loại tính cách dựa trên 4 nhóm cơ bản, mỗi nhóm là một cặp lưỡng phân của 8 yếu tố chức năng, nhận thức:

*Xu hướng Tự nhiên*: Hướng ngoại (Extraversion) ⇔ Hướng nội (Introversion)

*Tìm hiểu và Nhận thức Thế giới*: Giác quan (Sensing) ⇔ Trực giác (INTuition)

*Quyết định và Chọn lựa*: Lý trí (Thinking) ⇔ Tình cảm (Feeling)

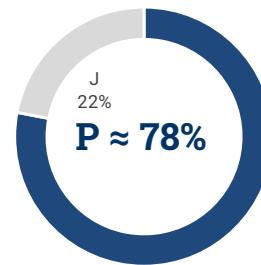
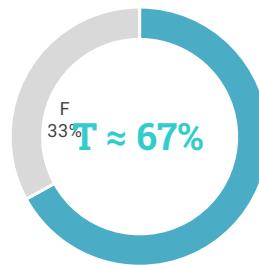
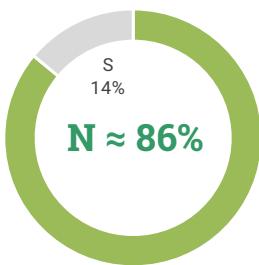
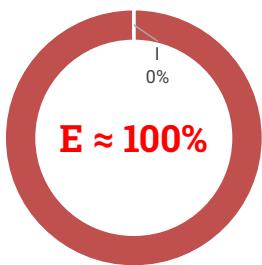
*Cách thức và Hành động*: Nguyên tắc (Judgment) ⇔ Linh hoạt (Perception)

Mỗi yếu tố của 4 nhóm trên kết hợp với nhau tạo thành 16 nhóm tính cách MBTI:

Hướng Ngoại	1	ENFJ	Người Cho Đi/Thầy Thông Thái (The Givers/Teachers)
	2	ENFP	Người Truyền Cảm Hứng/Nhà Vô Địch (The Inspirers/Champions)
	3	ENTJ	Người Điều Hành/Đại Nguyên Soái (The Executives/Field Marshal)
	4	ENTP	Người Sáng Tạo/Khai Tượng (The Inventors/Visionaries)
	5	ESFJ	Người Cung Cấp/Chăm Sóc (The Providers/Caregivers)
	6	ESFP	Người Trình Diễn (The Performers)
	7	ESTJ	Người Bảo Lãnh/Giám Sát (The Guardians/Supervisors)
	8	ESTP	Người Quản Bá/Thực Hiện (The Promoters/Doers)
Hướng Nội	9	INFJ	Người Tư Vấn/Bảo Vệ (The Counselor/Protectors)
	10	INFP	Người Chữa Lành/Lý Tưởng (The Healers/Idealists)
	11	INTJ	Người Khoa Học/Bậc Thầy Trí Tuệ (The Scientists/Masterminds)
	12	INTP	Người Suy Nghĩ/Kiến Trúc Sư (The Thinkers/Architects)
	13	ISFJ	Người Nuôi Dưỡng/Che Chở (The Nurturers/Protectors)
	14	ISFP	Người Nghệ Thuật/Soạn Nhạc (The Artists/Composers)
	15	ISTJ	Người Thanh Tra/Làm Tròn Trách Nhiệm (The Inspectors/Duty Fillers)
	16	ISTP	Người Máy Móc/Thợ Chuyên Môn (The Mechanics/Crafters)

Sau đây là chỉ số tính cách MBTI dựa trên lá số chiêm tinh của bạn Dương. Lưu ý **chỉ số này chỉ mang tính chất bổ sung** (= phụ, thêm vào, không quan trọng, không phải cốt lõi), cho thấy thêm một khía cạnh khác của bạn song song với chỉ số **RIASEC**, nhằm hỗ trợ bạn chọn được nghề nghiệp chính xác nhất theo thiên hướng và sở thích của mình:

<i>Bạn Dương thuộc nhóm người:</i>	<b>ENTP (Extrovert, Intuitive, Thinker, Perceiver)</b>
	Người Sáng Tạo/Khai Tượng (The Inventors/Visionaries)
<i>Độ chính xác cho chỉ số này (*):</i>	E ≈ 100%, N ≈ 86%, T ≈ 67%, P ≈ 78%
<i>Xu hướng tư duy của bạn:</i>	Bạn rất có duyên. Mọi người đều thích bạn vì bạn là người thân thiện và thoả mái. Bạn rất sáng tạo, nhưng cũng dễ thay đổi. Khả năng phân tích của bạn khá tốt.
<i>Bạn có thể xem xét để phát triển nghề nghiệp của mình theo các lãnh vực:</i>	* Việc làm nhân sự, Người viết quảng cáo, Hoạch định chiến lược, Phát thanh viên radio/TV, Luật sư, Nhà tâm lý học, Doanh nhân, Nhiếp ảnh gia, Nhân viên tư vấn, Kỹ sư, Nhà khoa học, Diễn viên, Đại diện kinh doanh, Nhân viên tiếp thị, Lập trình vi tính / Phân tích hệ thống



(\*) **Ý nghĩa độ chính xác cho chỉ số MBTI:** nếu thấy số này dưới 100%, điều này có nghĩa là "có sự pha trộn giữa yếu tố này với yếu tố kia". Ví dụ, nếu bạn có yếu tố "E" (hướng ngoại) = 60%, như vậy suy ra 40% còn lại chính là yếu tố "I" (hướng nội).



# 12. Chức vụ - Địa vị trong Nghề Nghiệp của bạn

Sau khi đã xác định ngành nghề của bạn bằng mã ngành [Holland's Code](#) và chỉ số [MBTI](#), phần kế tiếp sẽ cho thấy 3 trong 6 chức vụ mà bạn Dương có thể phát huy tốt nhất những khả năng bẩm sinh của mình trong ngành nghề đó qua một tổ chức, tập thể hay công ty dựa vào tính cách trong lá số chiêm tinh của bạn:

**Bảng 12.1 Chức vụ - Địa vị trong Nghề Nghiệp**

Hạng	Mô tả	Chức vụ	Điểm
1	Bạn Dương sẽ phù hợp và thích thú nhất trong vai trò:	<b>Người Điều phối, Ngoại giao, Liên lạc, Tiếp thị, Nhân sự</b>	83 ✓✓✓
2	Nếu vị trí trên vẫn chưa đủ, lựa chọn kế tiếp mà bạn có lẽ hạnh phúc nhất, đó là thay đổi sang, hoặc kiêm nhiệm thêm một hay cả hai vị trí này:	<b>Người Nhân viên, Chuyên viên, Kỹ thuật, Thừa hành</b>	70 ✓✓
3	Các chức vụ này không thật sự phù hợp với bạn (có xu hướng làm bạn thất bại, nhảm chán hay nhanh chóng bỏ cuộc), mặc dù bạn có thể có những nỗ lực hay muốn thử sức với chính mình ở một giai đoạn tạm thời:	<b>Ông chủ, Người Sáng lập, Hậu thuẫn đằng sau, Nhà đầu tư</b>	64 ✓
4		<b>Người Lãnh đạo tập đoàn, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, CEO</b>	63 ✗
5		<b>Người Quản lý, Trưởng nhóm, Trưởng phòng, Thanh tra, Giám sát, Giám đốc điều hành</b>	62 XX
6	Bạn sẽ <i>không hài lòng</i> hoặc <i>không nên</i> làm trong chức vụ / vị trí này, vì đây không phải là sở trường của bạn:	<b>Người Cố vấn, Tham mưu, Ý tưởng, Chiến lược, Trợ lý</b>	52 XXX

Lưu ý: nếu chênh lệch giữa số điểm hạng 3 và hạng 4 không nhiều (1-2 điểm trở lại) thì xem như 2 hạng này “bằng nhau”, nghĩa là chức vụ hạng 4 cũng thích hợp với bạn tương tự như hạng 3.

Bảng 12.2 là một số ví dụ về các chức vụ *tương đương* giữa các ngành nghề trong các lãnh vực khác nhau. Nếu bạn Dương cần phải chuyển từ một lãnh vực này sang một lãnh vực khác (theo mong muốn của bạn hay theo đề nghị ở [mục 15.1.2](#) – tr. 173) thì bạn có thể tham khảo bảng này:

### Bảng 12.2 Chức vụ tương đương trong các lãnh vực khác nhau

(kết quả chức vụ từ [bảng 12.1](#))



Kinh doanh / Sản xuất	Quân đội / Chính trị	Phim ảnh / Sân khấu	Khoa học / Giáo Dục
Ông chủ, Người Sáng lập, Hậu thuẫn đăng sau, Nhà đầu tư ✓	Lãnh tụ, Tư tưởng, Tổng thống, Chủ tịch nước, Vua, Hoàng đế, Quốc vương	"Ông bầu", Nhà đầu tư/tài trợ, Tác giả kịch bản	Nhà lý thuyết, nhà phát minh / sáng chế / khám phá tiên phong / cải tiến
Người Lãnh đạo tập đoàn, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc, CEO ✗	Thủ tướng, Nguyên soái, Thống chế, Sĩ quan cấp Tướng: Đại / Thượng / Trung / Thiếu tướng, Đô đốc, Tổng Tham mưu Trưởng, Chủ tịch quốc hội, Chủ tịch đảng / quận / huyện, Giám đốc sở / nghành, Thống đốc, Thị trưởng	Giám đốc sản xuất, phó giám đốc, Nhà sản xuất	Chủ tịch viện khoa học/hàn lâm, Hiệu trưởng (Đại học), Chủ tịch hội đồng / ủy ban khoa học
Người Quản lý, Trưởng nhóm, Trưởng phòng, Thanh tra, Giám sát, Giám đốc điều hành, Quản đốc XX	Sĩ quan cấp Tá: Đại tá, Thượng tá, Trung tá, Thiếu tá, Trưởng thôn/xã, Ủy viên Quốc Hội, Nghị sĩ, Dân biểu, Ủy viên Trung Ương, Bộ trưởng, Giám đốc cấp Sở, Chủ nhiệm, chức vụ "Phó", Thanh tra	Đạo diễn, Trưởng phòng, Phó phòng, Giám chế, Giám sát, Chỉ đạo, Quản lý đạo cụ / kỹ thuật, Đốc công	Hiệu trưởng (Trung học), Giám thị, Quản lý / Trưởng phòng / ban / khoa, Viên chức phòng, Tổ trưởng
Người Cố vấn, Tham mưu, nhà Chiến lược, Trợ lý XXX	Tham mưu, Hạ sĩ quan, Sĩ quan cấp Ủy/Tá/Tướng, Ủy viên Quốc Hội, Nghị sĩ, Dân biểu	Phó giám đốc, Phó phòng, Trợ lý, Người mua	Hiệu phó (Trung học), Giáo sư, Chuyên viên Tư vấn, Tổ phó, Nhân sự
Người Điều phối, Ngoại giao, Liên lạc, Tiếp thị, Nhân sự ✓✓✓	Chiến sĩ, Hạ sĩ quan, Sĩ quan cấp Ủy/Tá/Tướng	Đạo diễn, Trưởng/Phó đoàn biểu diễn, Điều phối viên, Tuyển diễn viên	Chuyên viên Tư vấn, Nhân viên / cán bộ văn phòng / phòng nhân sự / hội / đoàn / nhóm
Người Nhân viên, Chuyên viên, Kỹ thuật, Thừa hành, Công nhân ✓✓	Chiến sĩ, Hạ sĩ quan, Sĩ quan cấp Ủy	Nghệ sĩ, Nhạc sĩ, Ca sĩ, Diễn viên, Đốc công, Kỹ thuật viên, Nhân viên	Giáo viên, Giáo sư, Chuyên viên phòng thí nghiệm, Nhân viên/cán bộ hành chính

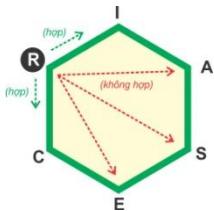
Trong bảng 12.2, nếu ở cột "Kinh doanh / Sản xuất" bạn là "Người Quản lý" thì bên cột quân đội, chức vụ của bạn sẽ thích hợp với ngành Sĩ quan cấp Tá, trong chính trị sẽ thích hợp với cương vị Bộ Trưởng ... Nếu hoạt động bên Khoa học / Giáo dục, bạn có thể trở thành Hiệu trưởng hay Giám thị v.v... Xem thêm [mục 15.2.2](#) và [mục 14.3](#) để bổ sung nhận định ở mục này.



# 13. Mô Tả Chi Tiết Về 6 Nhóm Người Của John Holland

## 13.1 NHÓM NGƯỜI CỦA JOHN HOLLAND

Sau đây là chi tiết mô tả về 6 nhóm người RIASEC của John Holland. Tùy theo bạn thuộc vào nhóm nào, bạn Dương có thể tự chọn ra bất kỳ ngành nghề nào mà bạn ưa thích mô tả trong nhóm đó. Tuy nhiên, nếu bạn có **giờ sinh chính xác** thì mục 13 này chỉ để "tham khảo" thêm về ý nghĩa Holland Codes sau khi đã xem qua mục 15.1 trong quá trình xác định nhóm sự nghiệp và ngành nghề chính xác hơn theo phương pháp chiêm tinh truyền thống.



### NHÓM “REALIST”

Thực tế, Kỹ thuật, Chuyên viên, Người Thực hiện

*Thích hợp với bạn: Không hợp (ưu tiên 5)*

Người thuộc nhóm tính cách này thích hành động hơn là suy nghĩ hay nghiên cứu các lý thuyết trừu tượng. Giải quyết những việc đòi hỏi sự khéo léo của đôi bàn tay, phối hợp giữa các kỹ năng và thao tác vận động. Các phương thức giải quyết công việc thường đơn giản, dễ áp dụng và đạt được hiệu quả cụ thể. Họ có xu hướng quan tâm đến cơ khí, xây dựng, những gì có thể “xây lên” và cải tiến, những gì có thể “thấy và chạm tay vào” như cây cỏ, súc vật có thể trồng trọt và nuôi lớn. Thích làm việc với các công cụ, máy móc, bàn vẽ, thiết bị hay thú vật. Thường môi trường làm việc gắn với thiên nhiên, xa bàn giấy. Thường có xu hướng tránh né các hoạt động giao tiếp xã hội thường xuyên như dạy học, tư vấn, chăm sóc và liên lạc với người khác.

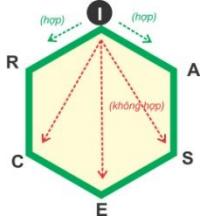
#### Những ngành nghề thuộc nhóm kỹ thuật

- Cơ khí & Xây dựng:** Kỹ sư cơ khí, chế tạo máy, luyện kim, điện lạnh, xây dựng, kiến trúc sư
- Điện, điện tử:** Kỹ sư điện, điện tử, kỹ sư vi tính, công nghệ thông tin, lập trình, phần cứng máy tính, viễn thông, tự động hóa
- Nông nghiệp:** Kỹ sư nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng trọt, thủy sản, thủy lợi, bác sĩ thú y
- Khoa học & Thiên nhiên:** Không gian/Phi hành gia, vật lý thiên văn, khảo cổ học, nhân chủng học, sinh học, công nghệ sinh học/vi sinh học, phòng thí nghiệm, toán học, thống kê, thiên văn, trắc địa, mỏ, địa chất, dầu khí, môi trường, công viên, khí tượng thủy văn, hải dương học, động vật học, quản lý động vật hoang dã
- Y học:** kỹ sư sinh y học, dược sĩ, nha sĩ, y tá, bác sĩ giải phẫu, vật lý trị liệu, nghề nghiệp trị liệu

- **Giao thông vận tải:** Phi công, tài xế, thợ lái nói chung trong giao thông, vận tải, hàng hải ...
- **Quân sự, thể thao và các dịch vụ bảo vệ:** Kỹ thuật quân sự, an ninh, cảnh sát, vận động viên, giám sát phòng cháy, chữa cháy, giám sát chất lượng, an toàn lao động, kiểm lâm
- **Huấn luyện:** Huấn luyện viên, dạy nghề/hướng nghiệp
- **Các nghề thợ:** Thợ sơn, thợ xây dựng, thợ hồ, thợ sửa cống/ống nước, thợ sắt, thợ cơ khí, thợ đúc, thợ hàn, thợ mộc, thợ sửa chữa điện, thợ điện tử, thợ sửa xe, thợ lặn, lính chữa cháy, nhân viên cấp cứu, thợ massage, người làm việc nhà
- **Ăn uống và Giải trí:** Pha chế rượu, đầu bếp, phục vụ, bưng bàn

Khi kết hợp với nhóm "A" – Nghệ thuật, nghệ sĩ, mỹ thuật, thẩm mỹ, người sáng tạo:

- **Kiến trúc:** Kiến trúc sư, thợ vẽ vi tính
- **Phim ảnh:** đạo diễn nghệ thuật, nhà làm phim, hoạt hình máy tính, hiệu ứng đặc biệt, thiết kế y phục, thiết kế phong cảnh
- **Âm nhạc:** nhảy múa, nhảy biên đạo, nhạc sĩ/dàn sỹ
- **Thời trang:** thiết kế thời trang, người mẫu thời trang
- **Vẽ/thiết kế:** họa sĩ, hoạt hình, thiết kế nội thất, thiết kế trò chơi vi tính, thiết kế đồ họa, minh họa, thiết kế web, chuyên gia phát triển web, các loại nghệ thuật tạo hình
- **Ăn uống:** làm bánh, đầu bếp, nấu ăn cho tiệc, kinh doanh nhà hàng
- **Các nghề thợ:** Thợ gốm sứ, thợ thổi kính, thợ kim hoàn, thợ chụp hình, thợ sơn, thợ điêu khắc, thợ nắn tượng
- **Thể dục/thể thao:** Võ thuật, huấn luyện võ thuật, yoga



## NHÓM "INVESTIGATE"

Nghiên cứu, Điều tra, Phân tích, Người Suy nghĩ

*Thích hợp với bạn: Không hợp (ưu tiên 4)*

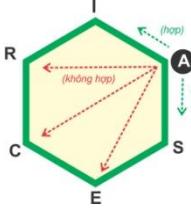
Những người thuộc nhóm tính cách này thường thích suy nghĩ, quan sát hơn là hành động. Họ thông minh và có khả năng giải quyết các vấn đề toán học, khoa học, giáo dục, kỹ thuật, hay y học. Thích và có khả năng đọc sách, tìm tòi, thí nghiệm, nghiên cứu những quy luật trong tự nhiên và đời sống xã hội. Độc lập sáng tạo, óc phân tích, có tư duy phản biện, lật lại vấn đề. Thích trầm tư suy nghĩ hơn là tham gia các công tác xã hội sôi nổi. Họ tự tổ chức công việc của mình rất tốt, thường lập kế hoạch và thực hiện theo đúng kế hoạch đã đề ra, cũng bởi vì họ có tính kiên trì, tỉ mỉ và ngăn nắp. Họ có xu hướng tránh xa các hoạt động lãnh đạo, buôn bán hay thuyết phục người khác.

### Những ngành nghề thuộc nhóm nghiên cứu.

- **Nghiên cứu khoa học:** Nhà toán học, nhà vật lý học, nhà thiên văn học, nhà hóa học, nhà sinh vật học, sinh thái học (động vật, thực vật, thổ nhưỡng, nông học, lâm học, bệnh học thủy sản, thú y, bệnh học cây trồng)
- **Kỹ thuật công nghệ:** Công nghệ thông tin, chuyên gia lập trình, chuyên gia phát triển mạng, công nghệ sinh học, khoa học môi trường, khí tượng thủy văn, hải dương học,

nghiên cứu địa lý, địa chất, nghiên cứu xây dựng, nghiên cứu vật liệu mới, chuyên gia dinh dưỡng, kỹ sư hóa thực phẩm (công nghệ thực phẩm)

- **Y khoa:** Bác sĩ (nhi khoa, đa khoa, nha khoa, phẫu thuật / chỉnh hình, tâm thần, tâm lý), tiến sĩ tâm lý, dược sĩ, y học cổ truyền, giám định pháp y
- **Kinh tế:** Nhà kinh tế học, phân tích tài chính, nghiên cứu thị trường, thống kê dự báo
- **Giáo dục:** Giáo sư, giảng viên, giáo viên (mọi ngành)
- **Tư pháp:** Luật sư, an ninh điều tra, cảnh sát hình sự
- **Các ngành nghề liên quan:** Khoa học xã hội (nhà tâm lý học, nhà ngôn ngữ học, nhà xã hội học, đô thị học, nhà sử học, khảo cổ học, nhà nhân học, nhà văn hóa, Việt Nam học, quốc tế học, chính trị học, triết học), nghiên cứu & quy hoạch đô thị (kiến trúc sư)



## NHÓM "ARTISTIC"

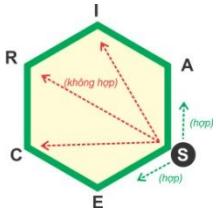
Nghệ Thuật, Nghệ Sĩ, Mỹ Thuật, Thẩm Mỹ, Người Sáng Tạo

*Thích hợp với bạn: Thích hợp nhất!*

Nhóm người này có tính cách cởi mở, sáng tạo, nhạy cảm và giàu cảm xúc cùng với trí tưởng tượng phong phú. Đôi khi không hẳn về nghệ thuật, họ còn là những người làm việc tự do. Họ không thích sự ràng buộc về giờ giấc, khuôn mẫu, hay những nguyên tắc và luật lệ mà thích có sự độc đáo và riêng biệt. Họ có khả năng biểu đạt tình cảm của mình, thích được tham gia vào các hoạt động của con người, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

### Những ngành nghề thuộc nhóm nghệ thuật

- **Viết & Truyền thông:** nhà văn, nhà thơ, nhà báo (phóng viên, biên tập viên, bình luận viên), nhạc sĩ, nhà lý luận phê bình văn học / âm nhạc / điện ảnh, người sáng tác quảng cáo, tiếp thị, thiết kế mẫu mã hàng hóa, ngôn ngữ/dịch thuật, tổ chức triển lãm, sự kiện, thiết kế trưng bày.
- **Nghệ thuật sân khấu và biểu diễn:** ca sĩ, diễn viên điện ảnh / truyền hình / sân khấu, diễn viên múa, biên đạo múa, biểu diễn nhạc cụ, chỉ huy dàn nhạc, đạo diễn/sản xuất phim, đạo diễn/sản xuất kịch, chỉ đạo nghệ thuật, dẫn chương trình, phát thanh viên
- **Nghệ thuật hình ảnh & Tạo hình:** hội họa (họa sĩ), nhà mỹ thuật, điêu khắc, đồ họa vi tính, nhiếp ảnh gia, thiết kế thời trang, kiến trúc sư, thiết kế nội thất, ngoại thất, thiết kế phong cảnh
- **Các ngành nghề liên quan:** Nghệ thuật ẩm thực, quay phim, bảo tồn / bảo tàng, thủ công mỹ nghệ, thiết kế âm thanh/ánh sáng/sân khấu/phong cảnh/hậu trường



## NHÓM "SOCIAL"

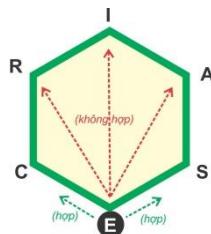
Giao tiếp, Xã hội, Người Giúp đỡ

*Thích hợp với bạn: Thích hợp (ưu tiên 2)*

Họ thích giúp đỡ người khác với tinh thần thiện nguyện, luôn mong muốn một xã hội tốt đẹp hơn. Họ kiên nhẫn, tháo vát, hợp tác, thân thiện, biết lắng nghe một cách tích cực, biết giảng giải huấn luyện cho mọi người. Họ có xu hướng làm việc nhóm và xây dựng quan hệ. Họ thường tìm đọc các cuốn sách nhằm hoàn thiện bản thân. Thường tránh các công việc phải sử dụng máy móc, thiết bị, hay những công việc bàn giấy đơn giản vì lý do các công việc đó không có nhiều cơ hội tiếp xúc, giao tiếp với mọi người.

### Những ngành nghề thuộc nhóm xã hội:

- Khoa học xã hội:** Nhà tâm lý học, nhà ngôn ngữ học, nhà xã hội học, đô thị học, nhà sử học, khảo cổ học, nhà nhân học, nhà văn hóa, Việt Nam học, quốc tế học, chính trị học, triết học
- Tư vấn & Giúp đỡ:** Công tác xã hội, dịch vụ công cộng, công tác đoàn đội, cứu trợ xã hội, tình nguyện viên, chăm sóc trẻ em, người già, người khuyết tật, bị thương, nhân viên phục vụ, chăm sóc khách hàng, nhà hoạt động xã hội, nhà đấu tranh cho nhân quyền và công lý, tổ chức cộng đồng, thông dịch viên
- Giáo dục & Đào tạo:** Tư vấn hướng nghiệp, tư vấn giáo dục, tư vấn tâm lý, giáo viên, giảng viên, đào tạo các kiến thức, kỹ năng cho người lao động, an toàn lao động, huấn luyện viên thể thao
- Quản lý:** Bộ phận nhân sự, quản trị giáo dục
- Tư pháp:** Luật sư, dịch vụ luật pháp
- Dịch vụ chăm sóc sức khỏe:** bác sĩ, y tá, điều dưỡng, chuyên viên vật lý trị liệu, y tế công cộng, y tế học đường, y học dự phòng, hộ sinh, dinh dưỡng học, bảo mẫu, bác sĩ tâm lý
- Tôn giáo và tâm linh:** Mục sư, linh mục, sư trụ trì, sư thầy, truyền đạo, các nghề tư vấn khoa học huyền bí như chiêm tinh, xem tướng, xem phong thủy
- Các ngành nghề liên quan:** thông tin, truyền thông, báo chí, xuất bản, du lịch, quản lý di tích, danh thắng, xã hội học, dịch vụ xã hội, dịch vụ mai mối



## NHÓM "ENTERPRISE"

Kinh doanh, Dám nghĩ dám làm, Người Thuyết phục

*Thích hợp với bạn: Thích hợp (ưu tiên 3)*

Đặc điểm nổi bật của nhóm tính cách này là sự tự tin, mạnh mẽ, chủ động, lạc quan, hướng ngoại, thích phiêu lưu mạo hiểm, thích công việc có nhiều áp lực, có sự cạnh tranh. Họ có khả năng ăn nói, gây ảnh hưởng và thuyết phục mọi người. Họ là người nhiều năng lượng, tham vọng nhưng cũng rất hòa đồng và thích giao du. Họ thường thành công khi tham gia làm kinh doanh, lãnh đạo hay làm chính trị.

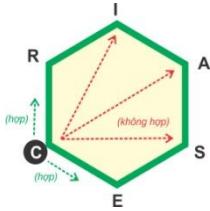
### Những ngành nghề thuộc nhóm kinh doanh:

- Quản lý, kinh doanh:** Quản trị kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế, quản trị nhân sự, quản trị văn phòng, thư ký, đại lý cung cấp các sản phẩm, môi giới chứng khoán, bất động sản, quản trị trung tâm đào tạo/trường học, quản trị công ty du lịch, quản lý nhà hàng/khách sạn, thương gia, tuyển nhân sự

- **Marketing và Bán hàng:** Nghiên cứu thị trường, tiếp thị, bán hàng, mua hàng, truyền thông, quan hệ công chúng, tổ chức sự kiện, gây quỹ, buôn bán bất động sản, bán lẻ, buôn bán chứng khoán, bảo hiểm
- **Chính trị và Diễn thuyết:** Nhà ngoại giao, chính trị gia, diễn giả, thông dịch viên, vận động hành lang, đại sứ, Liên Hiệp Quốc
- **Tư pháp:** Luật sư, trợ lý pháp lý, sĩ quan cảnh sát, giám định pháp y
- **Các ngành nghề liên quan:** Tư vấn tài chính / tín dụng, kế toán trưởng

Khi kết hợp với nhóm "A" – Nghệ thuật, nghệ sĩ, mỹ thuật, thẩm mỹ, người sáng tạo:

- **Điện ảnh & Sân khấu:** Diễn viên, ca sĩ, đạo diễn phim, nhà sản xuất phim, hướng dẫn chương trình, bầu show
- **Truyền thông:** Phóng viên, nhà báo, nhà xuất bản, truyền thông, phát thanh, truyền hình, thông dịch viên, chủ nhiệm tòa soạn, biên tập viên, biên tập văn học, nhà quảng cáo, viết lời quảng cáo, viết lời kỹ thuật
- **Thời trang:** Thiết kế thời trang, người mẫu
- **Các ngành nghề khác:** Hướng dẫn viên du lịch, tiếp viên hàng không, luật sư



## NHÓM "CONVENTIONAL"

Truyền thông, Quản lý, Người Tổ chức

*Thích hợp với bạn: Không hợp (ưu tiên chót)*

Những người thuộc nhóm tính cách này thường rất tin cậy do tính cẩn thận, tỉ mỉ, ngăn nắp. Thường đúng hẹn, luôn tuân thủ quy định, quy trình, coi trọng truyền thống, ứng xử chừng mực, ôn hòa. Họ thích làm việc với các con số, quản lý hồ sơ, sử dụng các thiết bị văn phòng. Thường giải quyết tốt các công việc khi đã được lập kế hoạch.

### Những ngành nghề thuộc nhóm tổ chức:

- **Văn phòng:** Quản trị văn phòng, thư ký/trợ lý văn phòng, hành chính, quản lý hồ sơ, nhân viên đánh máy, biên soạn hồ sơ, nhân viên lễ tân, điện thoại viên, chăm sóc khách hàng
- **Công nghệ thông tin:** quản lý dữ liệu, phát triển phần mềm, lập trình, quản trị mạng
- **Tài chính, kế toán, đầu tư:** Tài chính, ngân hàng, đầu tư, nhân viên kế toán, kiểm toán, nhân viên thuế, nhân viên thu ngân, quản lý quỹ, quản lý lương, bán lẻ, nhân viên định giá, bảo hiểm, thạc sĩ quản trị kinh doanh, nhà kinh tế, phân tích tài chính, phân tích thị trường, toán học, thống kê kinh tế, mua hàng
- **Thư viện, thông tin:** Thông kê, sao kê, lưu trữ, thư viện, hệ thống thông tin
- **Tư pháp:** Nhân viên tòa án, luật sư, dịch vụ luật pháp
- **Giáo dục:** Giáo viên dạy toán, giáo viên mầm non, ngành giáo dục/đào tạo, tư vấn, giảng dạy (cử nhân, thạc sĩ)
- **Các ngành nghề liên quan:** Biên dịch, phiên dịch, một số vị trí công chức nhà nước, thanh tra, kiểm tra, nghề thợ thủ công, nhân sự, dược sĩ, thống kê

Khi kết hợp với nhóm "A" – Nghệ thuật, nghệ sĩ, mỹ thuật, thẩm mỹ, người sáng tạo:

- **Các ngành nghề liên quan:** Biên tập văn học, thiết kế đa phương tiện (multimedia), kiểm tra bài viết, ngành thư viện và khoa học thông tin / lưu trữ / tiểu sử, ngôn ngữ học, viết lời kỹ thuật.

## 13.2 Một số ví dụ về ngành nghề và chức vụ

(sử dụng [Holland Codes](#) tr. [147](#) / [154](#) với mục [Chức vụ](#) tr. [152](#) khi giờ sinh không chính xác)

### Ví dụ 1

Trong [mục 10](#) (tr. [147](#)), bạn Dương tìm ra rằng bạn thuộc nhóm "Investigate" Nghiên cứu, Điều tra. Khi tham khảo trong [mục 13](#) (tr. [154](#)), dưới mục "Investigate" Nghiên cứu, Điều tra, bạn thấy có một nghề mà bạn thích như "phân tích tài chính" (financial analyst). Trong [mục 12](#) (tr. [152](#)), bạn thấy chức vụ "Điều phối, Ngoại giao, Liên lạc, Người Tiếp thị" ở đầu bảng (thích hợp với bạn). Như vậy có thể hiểu rằng trong thực tế, bạn phát huy khả năng của mình nhiều nhất ở vị trí "nhân viên tiếp thị", nhưng có chuyên môn và vai trò về "phân tích thị trường" cho sếp của bạn. Bạn cũng có thể là một nhân viên "phân tích tài chính" cho một ngân hàng, nhưng đóng vai trò "điều phối" hay "ngoại giao" nội bộ cho bộ phận (department) của bạn, hoặc có nhiệm vụ cố vấn cho khách hàng về tình hình chứng khoán, đầu tư và tài khoản.

### Ví dụ 2

Trong [mục 10](#) (tr. [147](#)), bạn thấy mình thuộc nhóm "Enterprise" Kinh doanh. Khi tham khảo [mục 13](#) (tr. [154](#)), bạn thấy có bộ phận "tiếp thị" (marketing) mà bạn thích. Trong [mục 12](#) (tr. [152](#)), bạn thấy chức vụ "Điều phối, Ngoại giao, Liên lạc, Người Tiếp thị" phù hợp với bạn. Trường hợp này, "nghề nghiệp" và "chức vụ" đều có chữ "tiếp thị". Điều này có nghĩa, bạn có thể làm "tiếp thị" cho bất kỳ mọi sản phẩm nào mà công ty giao phó (không kén chọn), có thể là trong một môi trường từ siêu thị, cửa hàng bán lẻ đến các dịch vụ như bất động sản hay môi giới nhân sự. Nếu "chức vụ" bạn là "Quản lý, Trưởng phòng ...", thì bạn có thể có khả năng vươn lên các vị trí này một cách dễ dàng trong mọi ngành thuộc "Enterprise Kinh doanh".

### Ví dụ 3:

Bạn thuộc nhóm "Artistic Nghệ thuật" và có năng khiếu ngành nghề "ca sĩ", nhưng trong [mục 12](#) (tr. [152](#)), bạn thuộc chức vụ "nhân viên, chuyên viên", có thể hiểu rằng bạn có thể là một ca sĩ thành viên của một ban nhạc, hay bạn luôn cần có một "ông bầu" đằng sau làm hậu thuẫn cho mình, thay vì bạn có thể chủ động lo toan và chỉ đạo hết mọi việc. Cũng trong mục này, nếu bạn là "kiến trúc sư" nhưng ở "chức vụ" là "nhân viên", điều này có nghĩa bạn sẽ thích hợp làm việc cho một công ty kiến trúc do người khác làm chủ và bạn đóng vai trò "cộng sự". Nếu bạn có "chức vụ" thuộc "ông chủ", bạn có thể mở công ty riêng cho mình, và nếu "nhân viên" là một trong 2 "chức vụ" còn lại ở mục 15, bạn vừa là "chủ" nhưng bạn cũng muốn đích thân mình nhúng tay trực tiếp vào công việc như mọi nhân viên khác, hơn là "chỉ tay nắm ngón".

### Ví dụ 4:

Bạn thuộc nhóm "Realist" và hiện có khả năng làm ngành "bảo vệ". Trong [mục 12](#) (tr. [152](#)), bạn có khả năng đứng ở chức vụ "trưởng phòng", nhưng "ông chủ" lại rơi vào hạng chót ("không nên") trên bảng. Điều này có nghĩa bạn có thể làm "tổ trưởng" cho một nhóm "bảo vệ" cho một công trình hay vũ trường, và bạn không thích hợp với việc "ra mở công ty riêng". Thực tế, bạn vẫn có thể "có tiền" và muốn "mở công ty riêng". Được thôi, không ai "cấm" bạn cả, nhưng bạn sẽ thấy rằng trong hành trình "mở công ty riêng" đó, bạn gặp nhiều rắc rối vì thiếu kinh nghiệm và thiếu những kỹ năng bẩm sinh cần thiết để vận hành công ty đó mỗi ngày.



# 14. Bát Tinh Cung Pháp

Bắt đầu từ phiên bản 9.7.x (phát hành lần đầu ngày 23/10/2019), chương mục này sẽ được dành riêng chuyên sâu về "Bát Tinh Cung Pháp" (BTCP), một phương pháp cổ xưa dùng để phân tích lá số chiêm tinh.

## 14.1 TÓM TẮT LỊCH SỬ "BÁT TINH CUNG PHÁP"

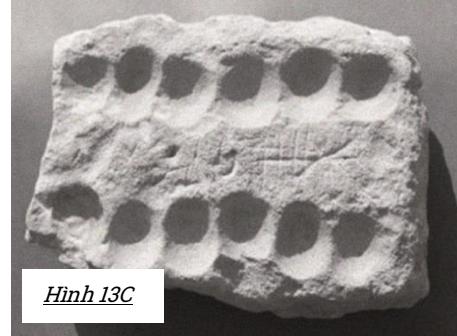
Dù từng được nhắc đến bởi nhà bác học và chiêm tinh gia người Ấn Độ Acharya Varāhamihira vào đầu thế kỷ thứ 6 Sau Công Nguyên (500 A.D.), nhưng qua các tài liệu và nghiên cứu khảo cổ, người ta cho rằng BTCP có lẽ đã hiện diện ít nhất khoảng vài trăm năm trước Công Nguyên hay lâu hơn nữa. Lý do là vì cách hoạt động, nguyên lý và quy luật của BTCP rất tương đồng với trò chơi **Mancala** (hoặc "*manqala*" hay "*minqala*") - còn gọi là "Ô ăn quan", một biến thể của Mancala trong dân gian Việt Nam - có nguồn gốc từ Ai Cập trong thời kỳ Đế Chế (khoảng 1580 - 1150 trước Công Nguyên). Một số khai quật ở Jordan vùng Địa Trung Hải cho thấy Mancala đã xuất hiện từ 6.000 năm Trước Công Nguyên, tức là vào giai đoạn Thời kỳ Đồ Đá Cuối cùng (Neolithic period). Dù bị lãng quên từ lâu, những năm gần đây BTCP đang được các chiêm tinh gia "phục hưng" và nghiên cứu trở lại một cách nghiêm túc với những khám phá mới.



Hình 13A



Hình 13B

Hình 13A: Trò chơi "Ô ăn quan" ở Việt NamHình 13B: Trò chơi cổ truyền "Mancala" ở châu PhiHình 13C: Mẫu đá có khắc lỗ "mancala" từ thời kỳ Đồ Đá Cuối cùng 6000 TCN được khai quật ở Jordan.

Hình 13C

Cũng giống như "Ô ăn quan", BTCP tính toán động lực tương quan của 8 thiên thể (bát tinh) gồm điểm Mộc và 7 hành tinh "thấy được bằng mắt thường" (visible inner planets) phân bổ trên 12 cung Nhà của một lá số. Tương tự như hoạt động của máy vi tính ngày nay, các động lực được tính bằng điểm số của hệ nhị phân (binary system) gồm có số 0 và 1. Cung Nhà được tính trên hệ thống Trọn Cung (Whole Signs House) cổ xưa, nghĩa là mỗi cung Nhà chiếm trọn một cung Hoàng Đạo. Lần lượt lấy mỗi thiên thể A làm chuẩn, tác động "tốt" của thiên thể

(hành tinh) A với một cung Nhà hay thiên thể B sẽ tính là 1 điểm ("điểm tích cực"), giống như 1 viên sỏi đặt vào 1 ô trên bàn Ô ăn quan. Tác động "xấu" (không có viên sỏi nào) tính là 0 điểm.

Ví dụ trên lá số của bạn Dương, Thái Dương (Mặt Trời) ở cung Nhà 11, nó sẽ tạo tác động "tốt" ở ngay cung mà nó đứng (cung Nhà 11), cũng như các cung thứ 2, 4, 7, 8, 9, 10 và thứ 11 từ vị trí cung Nhà 11 (ngược chiều kim đồng hồ, theo thứ tự của các dấu hiệu Hoàng Đạo). Điều này có nghĩa là cung Nhà 11 sẽ "nhận được" 1 điểm từ Thái Dương. Cung Nhà 12 (cung thứ 2 từ cung Nhà 11), cung Nhà 2 (cung thứ 4 từ cung Nhà 11), cung Nhà 5 (cung thứ 7 từ cung Nhà 11) v.v... lần lượt đến cung Nhà 9 (cung thứ 11 từ cung Nhà 11) sẽ nhận được 1 điểm từ Thái Dương.

Tiếp theo, dưới ảnh hưởng của vị trí Thái Dương ở cung Nhà 11, Thái Âm (Mặt Trăng) sẽ tạo ảnh hưởng "tốt" và "cho điểm" vào các cung thứ 3, 6, 10 và 11 tính từ cung Nhà 7 của Thái Âm. Như vậy, cung Nhà 9 (cung thứ 3 từ cung Nhà 7) sẽ nhận được 1 điểm từ Thái Âm, cung Nhà 12 (cung thứ 6 từ cung Nhà 7) sẽ nhận được 1 điểm, cung Nhà 4 (thứ 10 từ cung 7) nhận 1 điểm và cung Nhà 5 (thứ 11 từ cung Nhà 7) nhận được 1 điểm.

Tương tự, điểm Mộc và 5 hành tinh còn lại sẽ lần lượt cho "điểm tích cực" vào Thái Dương ở cung Nhà 11 (theo quy luật riêng của từng hành tinh). Cuối cùng, các số điểm này sẽ được cộng dồn lại để ra thành "số tổng". Sau khi số điểm tương tác cho Thái Dương ở cung Nhà 11 đã được tính xong, phần tính toán kế tiếp sẽ qua đến Mặt Trăng (lấy vị trí Mặt Trăng làm chủ), rồi Thủy Tinh, Kim Tinh v.v... Công tất cả các số tổng từ 8 hành tinh lại, kết quả cuối cùng (337 điểm) sẽ được thể hiện thành bảng "Bát Tinh Cung Pháp" như dưới đây:

## 14.2 BẢNG BÁT TINH CUNG PHÁP CỦA BẠN

(lá số bạn Dương)	♈	♉	♊	♋	♌	♍	♎	♏	♐	♑	♒	♓
Dấu hiệu Hoàng Đạo →	Dương Cưu	Kim Ngưu	Song Tử	Cự Giải	Sư Tử	Xử Nữ	Thiên Xứng	Bọ Cạp	Nhân Mã	Ngư Dương	Bảo Bình	Song Ngư
Cung Nhà →	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chủ Tinh cung Nhà →	Vân Hán	Thái Bạch	Thủy Diệu	Thái Âm	Thái Dương	Thủy Diệu	Thái Bạch	Vân Hán	Mộc Đức	Thổ Tú	Thổ Tú	Mộc Đức
♈	Thái Dương	5	6	1	5	2	4	4	3	3	5	6
♉	Thái Âm	4	3	3	3	5	6	4	5	5	1	5
♊	Thủy Diệu	6	3	3	7	4	6	4	1	2	6	6
♋	Thái Bạch	6	3	3	5	4	4	6	4	1	5	6
♌	Vân Hán	4	3	4	4	3	3	3	2	1	4	4
♍	Mộc Đức	6	2	7	5	2	5	6	5	4	4	5
♎	Thổ Tú	5	5	1	2	3	2	4	5	2	3	4
Tổng =		36	25	22	31	23	30	31	25	19	28	35
												32

Dựa trên kết quả bảng này, nhiều vấn đề cuộc sống bạn Dương có thể được luận đoán một cách chính xác. Tiểu mục tiếp theo 14.3 sẽ là những dự đoán về các khía cạnh công danh sự nghiệp bạn Dương bằng BTCP. Đây là mục phân tích độc lập với các phương pháp đã sử dụng ở các mục khác trong báo cáo này, được dùng để đối chiếu và làm rõ hơn kết quả của các mục đó.

Lưu ý các tên gọi hành tinh trong bảng Bát Tinh Cung Pháp cũng giống như trong bảng Nhị Thập Bát Tú ở [mục 8.3.2](#), một phần vì trong mục này, Bát Tinh Cung Pháp cũng đã được sử dụng để tính toán ra các xu hướng sự nghiệp cho chu kỳ Nhị Thập Bát Tú của bạn Dương.

## 14.3 NHỮNG DỰ ĐOÁN VỀ CÔNG DANH SỰ NGHIỆP CỦA BẠN QUA BTCP

Lưu ý: vì có nguồn gốc xa xưa khi con người vẫn chưa phát minh ra "đồng hồ" hay công cụ đo thời gian chính xác, Bát Tinh Cung Pháp cũng không cần giờ sinh chính xác (như ở mục 8 và 15.1). Vì thế, phần kết quả này sẽ áp dụng nếu giờ sinh bạn dao động từ **8:01:03** đến **10:03:29** (cùng ngày) với [điểm Mọc Song Tử](#) không thay đổi.

Ngoài ra, "quê hương" hay "quê nhà" trong bảng này (hay [trong báo cáo](#) nói chung) được định nghĩa như là "**Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam**" = tức **nơi bạn được sinh ra**, chứ không phải "nguyên quán" (quê cha, quê mẹ) hay "nơi lớn lên" của bạn (nếu bạn có phải di chuyển đến) sau khi sinh ra. Nếu bạn được sinh ra trên ô tô, tàu hỏa, hay máy bay đi chặng nữa, thì "nơi sinh" / "quê hương" / "quê nhà" của bạn chính là tọa độ vị trí mà phương tiện đó đang đi qua trong lúc bạn chào đời, chứ không phải là nơi chúng khởi hành hay nơi đích đến.

"Phương xa" hay "nước ngoài" có thể hiểu chung thời nay không chỉ là nơi khác biên giới, lục địa, mà còn là nơi khác vùng miền (khác tỉnh trong cùng 1 quốc gia) – miễn trong đó có sự khác biệt rõ rệt về ngôn ngữ, văn hóa, tập tục, màu da hay sắc tộc với nơi sinh bản xứ của bạn.

<i>Chủ đề / câu hỏi / thắc mắc:</i>	<i>Kết quả theo Bát Tinh Cung Pháp</i>
<i>Cuộc sống và Sự nghiệp khi đi xa / xuất ngoại / định cư</i>	
<i>Muốn xuất ngoại du học hay định cư nước ngoài ... thì việc đầu tiên là phải xác định xem mình có thích hợp với chuyện "xuất ngoại" hay việc xuất ngoại có lợi cho mình hay không ? – và đây là phần phân tích về vấn đề đó theo BTCP bên cạnh khái niệm ở <a href="#">mục 8.1.1</a>.</i>	
<i>Về việc đi xa / xuất ngoại định cư: cuộc sống nói chung (bao gồm cả công việc / sự nghiệp) sẽ tốt hơn so với tại quê nhà ?</i>	Bản thân không thích thú, có thể miễn cưỡng, theo phong trào, cảm hứng nhất thời hoặc không cảm thấy thích nghi và việc dọn đi phương xa (khác vùng miền, khác văn hóa) hay xuất ngoại định cư / sinh sống ở nước ngoài nói chung không có lợi, không nên hay không như ý, nếu đi một thời gian rồi sau đó quay về gần nhà hay quê hương sẽ tốt hơn.
<i>Riêng sự nghiệp tôi sẽ thành công ở phương xa / nước ngoài hay là quê nhà ?</i>	Bình thường, không nổi bật hoặc không có, không nên, hay dễ thất bại, dù có cơ hội may mắn, đem lại kinh nghiệm tốt. Nói cách khác, trừ khi muốn 'an phận thủ thường' hoặc du học / tu nghiệp một thời gian nơi đất khách quê người thì sự nghiệp khi về quê nhà sẽ phát triển tốt hơn.

\* Lưu ý: "sự nghiệp" là 1 phần của "cuộc sống". Tùy theo lá số mỗi người, lăm khi "cuộc sống" vẫn tốt đẹp mặc dù "sự nghiệp" không nổi bật hay rực rỡ. Ngược lại, đôi khi sự nghiệp rất tốt mặc dù cuộc sống có nhiều điều không như ý. Quan trọng là bạn có bằng lòng với những gì mình có hoặc chấp nhận đánh đổi hay không ?

### Tổng quan chuyên học hành / thi cử / bằng cấp

Sau trung học, có nên học lên cao học (đại học, cử nhân, post secondary) hay không ? Hay khả năng con đường học vấn của tôi sẽ diễn tiến như thế nào ?	Việc học hành ở trung cấp đến cử nhân diễn tiến tốt, khả năng thuộc hàng khá giỏi và trong quá trình học rất tốt, thuộc hàng giỏi / xuất sắc, có thể đậu thủ khoa.
Có nên ra nước ngoài du học từ sớm (lúc còn bé / dưới 21 tuổi) hay không ?	Con đường học hành cần được phát triển ở phương xa / nước ngoài từ sớm mới phát huy tiềm năng tốt nhất, mặc dù có thể bản thân không thích, bị tình huống ép buộc, gặp gián đoạn giữa chừng, khó khăn hay không có lợi về sau.
Tài năng vs Học hành (talents vs education):	Tài hoa hơn người, giỏi đều xuất sắc nhiều mặt, văn võ song toàn. Người khôn ngoan.
Liệu tôi sẽ học giỏi nổi tiếng ở tiểu học / trung học ?	Tương đối có tiếng

### Chi tiết quá trình từ tiểu học / trung học ...

... chuyển sang Cao đẳng / Trung cấp nghề ?	Trung bình, bất đắc dĩ, ít khả năng hoặc không chọn con đường này
Vừa học vừa làm trong khi hoặc sau trung học, có nên không ?	Không nên / không có hay không tốt
Sớm buông chải / kinh doanh trong lúc học trung học ?	Được, tốt
Nếu muốn kinh doanh chỉ với bằng tốt nghiệp trung học (không học tiếp) ?	Không nên / không có hay không tốt

### Chi tiết quá trình từ giai đoạn đang học đã có bằng cấp đại học / cử nhân ...

... nếu muốn học tiếp lên Thạc sĩ / Tiến sĩ ?	Có thể đạt loại giỏi / xuất sắc
... chuyển sang Cao đẳng / Trung cấp nghề (hay đào tạo kỹ năng / nghề nghiệp) :	Được, có thể đạt kết quả tốt.
... đang từ Cao đẳng / Trung cấp nghề quay lại Đại học / Cử nhân:	Trung bình, ít khả năng hoặc không chọn con đường này
... nếu ra đi làm cho người khác ?	Tốt, công việc có thể liên quan đến ngành học

<i>... nếu ra kinh doanh ?</i>	Không thấy, không có, không chọn con đường này, có khó khăn / trở ngại / thất bại, mưu sinh bất đắc dĩ hay kinh doanh trái ngành, dù có thể vừa học vừa thử kinh doanh
<b>Hướng đi từ bậc Thạc sĩ / Tiến sĩ ...</b>	
<i>... ra đi làm cho người khác:</i>	Rất tốt, công việc làm đúng ngành
<i>... ra kinh doanh:</i>	Tốt, kinh doanh có thể liên quan đến ngành học, đúng với tài năng
<b>Khả năng tự kinh doanh (tham khảo thêm <a href="#">mục 15.2.2</a>)</b>	
<i>Liệu tôi có máu kinh doanh bẩm sinh hay không ? Nếu tôi muốn kinh doanh thì sẽ thuận lợi hay rủi ro như thế nào ?</i>	Có khao khát mãnh liệt, đủ ý chí, thực lực và tài năng hơn người, có thể khởi nghiệp ở mọi thời điểm, gấp thời và có thể đại phát

## Tài chính (chọn ngành nghề thích hợp theo BTCP)

<i>Tôi phải làm nghề gì để cải thiện tình hình tài chính của tôi ?</i>	<p>Có 3 khía cạnh (theo thứ tự / từng cấp bậc phát triển):</p> <p><b>14.3.1 Để mưu sinh</b> - xoay xở (lúc khó khăn, làm thêm trong khi đi học hay thất nghiệp), lao động (để học việc, rèn luyện tay nghề, nâng cao kỹ năng, đúc kết kinh nghiệm), bạn cần làm những công việc / tham gia những hoạt động liên quan đến:</p> <p>* Thái Âm: Ăn uống / ẩm thực / lương thực / nhà hàng / bếp núc. Dịch vụ / sản phẩm dành cho phụ nữ / mẹ và bé, đối tượng gia đình, dùng ở nhà, khoa phụ sản (y tế). Sự chống lưng / hậu thuẫn của gia đình / bà con hay phụ nữ (nhất là mẹ, chị gái, em gái, vợ), công ty gia đình. Công việc làm ở nhà / đến tận nhà, nội trợ, quản gia, tạp vụ, dọn dẹp hay sửa chữa nhà cửa. Công việc tư vấn, bác sĩ tâm lý, quản lý nguồn lực (tuyển dụng, nhân sự), trợ lý cá nhân. Đất đai, bất động sản, nội thất, đồ gia dụng, đồ trang trí. Quản lý bất động sản, quản gia. Dịch vụ cư trú / khách sạn / nghỉ dưỡng / tour du lịch, nơi cư trú, lưu trú (tạm thời), trạm dừng chân, trạm xăng / nơi tiếp tế nhiên liệu. Xe cộ, ô tô, phương tiện giao thông (các loại, nhất là có mái che hay buồng ngồi / cabin), xuất nhập khẩu. Ngành nghề về che chở, trông coi, chăm sóc / bảo trì / hỗ trợ / nuôi dưỡng (cây cỏ, súc vật, máy móc, hàng hóa, tài sản, nhà cửa, con người): nhà ở xã hội, viện mồ côi, nhà giữ trẻ, nhà dưỡng lão, bệnh nhân, nông trại. Liên quan</p>
--	--

đến chất lỏng, sữa, nước, đến từ nước hoặc gần nước (sông suối, biển cả, ao hồ), nhất là những nơi có dòng chảy, dòng xoáy hay có sóng. Mùa mưa, nơi ẩm thấp, ướt át. Cơ thể: liên quan đến phần ngực / vú, tim, phổi, não / tinh thần, bao tử, bụng đái, mọi chất lỏng / dịch tiết. Thuốc men / bệnh tật: thị lực, hô hấp (ho khan), khoang miệng, lạm dụng thuốc, kinh nguyệt, vô sinh, kén ăn, mệt mỏi, ể oải, kinh phong, thần kinh dễ bị kích thích / phản chấn / chứng tăng động hay điên loạn

\* Mộc Đức: Giáo dục: hàn lâm, học viện, đại học, cao đẳng, cao học. Nghề sư phạm / giảng dạy, dẫn dắt, đào tạo, huấn luyện, tư vấn / cố vấn, hướng dẫn, lãnh đạo tinh thần. Quản trị, chính trị, luật pháp (tòa án, luật sư), hành chính, tài chính, tiền tệ, ngân quỹ. Truyền thông, online / mạng xã hội, xuất bản. Quảng cáo, quảng bá, sự kiện / chương trình show. Thiết bị: TV, màn ảnh, máy phóng chiếu, bảng hiệu. Phát triển, mở rộng (kinh doanh), nhượng quyền, buôn bán hàng sỉ, nhà phân phối, đại lý thu mua. Ngành nghề xuyên biên giới / đa quốc gia / phạm vi quốc tế, xuất nhập khẩu, giao thông đường dài (hang hải, hàng không, không gian vũ trụ, đường bộ, di chuyển bằng súc vật như ngựa, voi, bò). Hóa chất, nước, chất lỏng, liên quan đến phun sương, mây mù. Môi trường, thủy hải sản. Sự to lớn, trương phồng, khối lượng, vĩ đại (vóc dáng, kích thước, tấm lòng). Y tế, y dược, thuốc men, công nghệ sinh học. Tôn giáo, thần học, đạo pháp, giáo lý, triết lý, văn hóa, sự gương mẫu, chính trực, trượng nghĩa, chính nghĩa. Hoạt động nhân văn, nhân đạo, cứu trợ, tiếp tế, hy sinh vì lợi ích chung hay mục tiêu cao cả. Liên quan đến người cha, người thầy hướng dẫn / nâng đỡ (biến cố, con đường, sự nghiệp), người chồng (nếu là phụ nữ), người phổi ngẫu hay chuyện hôn nhân / hỷ sự. Cơ thể: bắp đùi, đôi chân, gan, máu huyết. Thuốc men / bệnh tật: viêm gan / xơ gan / liên quan đến chức năng gan, bạch cầu / kháng thể, tĩnh mạch, tắc mạch máu, viêm sưng, ung thư, nhiễm trùng huyết, sốc phản vệ, tai mũi họng, chân.

\* Thổ Tú: Hành pháp (luật, thi hành án, nơi giam giữ / cách ly, nhà tù). Chính phủ (công chức), đầu não, trung ương, công đoàn, nhà thầu. Xăng dầu, khoáng sản, tài nguyên, hàng hóa liên quan đến da, xương, đồng hồ, điêu khắc / chạm trổ. Xây dựng, kiến trúc, cơ cấu, mạng lưới, cơ sở hạ tầng (bao gồm năng lượng, điện lực, thủy lợi, đường phố, đô thị, công trình v.v...), bất động sản. Tính toán, kế hoạch, lập trình (phần mềm), phân tích, thứ tự, logic. Truy vấn, rà soát, tra cứu, điều tra, thanh tra, kế toán, kiểm toán. Sự phân rã, tách bạch, trích ly, cấm

đoán, ngăn chặn. Sự bền vững, cứng cáp, nồi đồng cối đá, vĩnh viễn, dài hạn, có thâm niên, chuyện tích hay bè dày lịch sử. Phát minh, sáng chế, chế tạo, đổi mới công nghệ hay mang tính cách mạng. Khoa học: kỹ sư, thợ máy, địa chất, lịch sử, khảo cổ, triết học, di truyền học (gen, ADN / DNA). Truyền thống, lẽ nghi, tập tục, công việc duy trì / bảo tồn, tiếp nối. Giáo dục, chỉnh đốn, đưa vào trật tự / khuôn phép. Hàng hóa / dịch vụ mang tính phổ cập, phổ biến rộng rãi - dành cho đại chúng, giới bình dân hoặc phân chia phân khúc / đẳng cấp. Phương tiện vận chuyển số đông, tập thể nhiều người (mass transportation - như du thuyền lớn, tàu hỏa, xe điện, xe buýt, máy bay). Ủ giống, lên men, phơi sấy, nuôi trồng dài hạn (nông nghiệp, thực phẩm), đồ giữ đông lạnh (kem, thịt, hải sản v.v...). Dịch vụ tang lễ (tẩm liệm, chôn cất, mai táng, bia mộ). Tẩy rửa / dọn dẹp (nhà cửa, cống rãnh, sông ngòi). Người phục vụ / giúp việc, người đảm đương, gánh chịu cho người khác. Hoạt động nhân đạo, phi chính phủ. Nơi lạnh lẽo: tủ lạnh, xứ lạnh / băng giá, mùa đông. Nơi tù đọng, giam hãm, xa cách, cô lập, sa mạc hay hoang tàn. Liên quan đến người cha (cha truyền con nối), người thầy hướng dẫn / nâng đỡ (sự nghiệp) hay người cắp trên (chức vụ). Cơ thể: lá lách, đầu gối, bắp chuối (chân), xương, mắt cá, van tim / nắp đóng mở các cơ quan. Thuốc men / bệnh tật: rối loạn hoặc suy hệ để kháng, bệnh về di truyền, ung thư, trầm cảm, táo bón, gút, thấp khớp, liên quan đến lá lách, suy mòn / hao kiệt sức lực, đau đớn / hành hạ, vô sinh ở đàn ông

#### **14.3.2 Để tăng thu nhập - (so với thu nhập hiện tại), những công việc / hoạt động của bạn cần liên quan đến:**

\* Thủy Diệu: Tài chính, kinh tế (thu ngân, ngân hàng, chuyển ngân, chứng khoán, kế toán, kiểm toán). Dịch vụ, phục vụ / bưng bê (nhà hàng, khuân vác), bán vé (tàu phà, bến xe, khu tham quan), chào mời, làm "cò", môi giới, giúp việc lặt vặt (trong văn phòng, ở nhà ...). Lái xe (+ tàu bè, máy bay v.v...). Bưu điện, chuyển phát nhanh, shipping / chuyên chở / vận chuyển tầm ngắn (nội khu, nội thành, nội tỉnh hay nội địa), đưa đón. Hàng rong, ngành nghề lưu động thường xuyên. Vận dụng suy nghĩ, tính toán (phân tích, chiến lược, lập trình, thiết kế, thuật toán, thu thập dữ liệu hay số liệu ...). Sử dụng điện thoại, điều khiển bằng robot / máy tính. Giấy tờ / sổ sách / viết lách / ăn nói (báo chí, quảng cáo, tiếp thị, thông báo, hướng dẫn, giảng dạy, thuyết trình, báo cáo, biên soạn, biên tập, xuất bản, in ấn, đa phương tiện, thông dịch, diễn xuất). Công việc / đồ làm bằng đôi tay (thủ công, DJ) hay trong dây chuyền công nghiệp (nhà máy, xí nghiệp). Công việc

tiếp tân, liên lạc, tổ chức, kết nối, điều phối, quản lý. Làm việc theo ê-kíp, tổ nhóm, đội hình (mặc đồng phục) hoặc cặp đôi. Môi trường: nơi đông đúc, chốn đông người hoặc cơ xưởng / trung tâm máy móc, ồn ào, náo nhiệt. Cơ thể: não, lưỡi, phổi, bả vai, cánh tay, ruột, hệ tiêu hóa, vùng bụng (dưới rốn). Thuốc men / bệnh tật: về ngôn ngữ như nói ngọng / lắp bắp / câm điếc / chứng khó đọc chữ, mất trí nhớ, cảm giác bồn chồn / lo lắng / hoảng sợ, bệnh tự ti / tự kỷ, hen suyễn, viêm xoang / amiđan, viêm phổi / màng phổi, ngoài da, tiêu hóa

+ La Hầu: kết hợp / liên quan đến công nghệ điện, điện tử, vô tuyến, sóng điện (điện thoại di động, máy liên lạc, truyền thông), hoạt động / kinh doanh / thương mại trực tuyến. Giá trị vô hình, hư ảo, phi vật thể, tưởng tượng, đánh lừa thị giác, không thấy được bằng mắt hoặc đã được chuyển thể thành dạng vật lý như: lý thuyết (khoa học), chủ nghĩa / tư tưởng (chính trị). Văn hóa, nghệ thuật, hội họa, âm nhạc, điện ảnh, nhiếp ảnh, văn học, trình diễn, ảo thuật, xảo thuật, nhập vai / đóng thế / mô phỏng (parody), tổ chức sự kiện. Chế tạo, thiết kế: đồ họa, kiến trúc, máy móc, kịch bản, chương trình, trang trí, sân khấu. Phần mềm (vi tính), dữ liệu số, lập trình, internet, mạng xã hội. Quảng cáo, thực tế ảo (virtual reality), thực tế ảo tăng cường (augmented reality), tiền ảo, tiền crypto, game điện tử. Tâm lý học (y khoa), thần kinh học, gây mê / gây độc / nhiễm độc, vi trùng học, chất độc, chiếu rọi (x-quang, laser, phóng xạ). Thờ cúng, tâm linh, tượng hình hay pho tượng (đền thờ). Không gian (vũ trụ), hàng không (bao gồm phi công, tiếp viên, dịch vụ mặt đất). Sự canh tân, cải cách, cách mạng, độc lạ (độc đáo, lạ lùng). Yếu tố nước ngoài: ngoại lai, du nhập, xuất cảnh, nhập cảng, người ngoại quốc hay ngoại tộc. Kinh doanh đồ ăn nhanh (fast food). Cơ thể / thuốc men / bệnh tật: hệ thần kinh, cao huyết áp, tiêu hóa, đầy hơi / khó tiêu, nhiễm độc / trúng độc / tích tụ chất độc lâu ngày, dịch bệnh / bệnh lạ, ảo giác, điên loạn

\* Thái Bạch: Kinh doanh, thương mại, bán lẻ. Tài chính (kế toán, kiểm toán, ngân hàng ...), quỹ tiết kiệm, thu ngân. Tiếp khách, lễ tân, ngoại giao, thương thuyết, đàm phán, hòa giải, phân chia, trọng tài, môi giới, trung gian. Ngành nghề về xã hội, xã hội học. Mua đứt bán đoạn, đại lý nhượng quyền. Thời trang (quần áo), hàng dệt may, mỹ phẩm, đồ phụ nữ, trang sức (vàng bạc đá quý), hàng tiêu dùng. Hàng có mùi thơm hay tạo ra mùi thơm (nhang, nước hoa, bình xịt). Tiện ích, dịch vụ đi kèm, hậu mãi, chăm sóc khách hàng, thư ký hay trợ lý văn phòng. Xa xỉ phẩm, hàng sang, cao cấp (hàng hóa, dịch vụ), sự

	<p>đắt đỏ, chất lượng. Chăm sóc sắc đẹp, thẩm mỹ, spa. Các ngành nghề tạo cảm giác đẹp đẽ, sung sướng, tiện nghi, tận hưởng hay giải trí cho khách hàng (nhất là phụ nữ). Nơi siêu thị, nhà hàng, khách sạn, trung tâm sự kiện. Ngành nông sản / nuôi trồng (hoa quả, súc vật), lâm sinh. Quản lý kho, công việc ở kho bãi, tích trữ đầu cơ, thu thập cơ sở dữ liệu (database / vi tính). Nghệ thuật: nhiếp ảnh, đồ họa, thiết kế (kiến trúc, phát triển website, đồ nội thất, trang trí, mỹ thuật), ca nhạc, vũ đạo, vẽ (hội họa / hoạt họa / tô màu), thơ văn, người mẫu, diễn viên. Phong cách: sự mềm mại, cong tròn, dễ chịu, nữ tính, ngôn tình, lãng mạn. Nơi đông đúc, chốn đông người, ồn ào, náo nhiệt, chỗ con người trả giá / đàm phán / giao dịch với nhau (chợ búa). Sự kiện: tiệc tùng (các loại), giỗ chạp, ăn uống, đám cưới, hôn nhân. Sự mai mối, kết duyên. Mùa xuân và mùa thu, vùng ôn đới, khí hậu mát mẻ. Cơ thể: cửa miệng xuống đến phần cổ, cuống họng, cầm, đôi má, khuôn mặt, cổ tay, bàn tay, móng, thận, cơ quan sinh dục. Thuốc men / bệnh tật: di truyền, lây nhiễm qua sinh dục (STD), bệnh tình dục, buồng trứng / tử cung / tinh hoàn, vô sinh / yếu sinh lý, tiểu đường, đường tiêu / suy thận / sạn thận, kinh nguyệt không đều.</p> <p>+ (với Thái Bạch cũng xem ý nghĩa kết hợp liên quan đến La Hầu như các phần trên)</p> <p>* Mộc Đức: (cũng giống như công việc lao động / xoay xở / rèn luyện kỹ năng - xem ở trên)</p> <p><b>14.3.3 Để dư dả và dành dụm - tiết kiệm, tích góp hay "làm giàu", những công việc / hoạt động của bạn cần liên quan đến:</b></p> <p>* Thủỷ Diệu: (cũng giống như công việc giúp tăng lương, cải thiện thu nhập - xem ở trên)</p> <p>* (với Thủỷ Diệu cũng xem ý nghĩa kết hợp liên quan đến La Hầu như các phần trên)</p>
<i>Nếu tôi là nhân viên kinh doanh, tiếp thị hoặc tôi có doanh nghiệp muốn phát triển kinh doanh cần tìm thêm khách hàng thì phải làm gì ?</i>	<p>Có vài việc cần chú ý, đối tượng cần tập trung:</p> <p>* Thái Âm: (xem ý nghĩa tương tự ở phần trên)</p> <p>* Mộc Đức: (xem ý nghĩa tương tự ở phần trên)</p>



## 14.4 VẬN HẠN SỰ NGHIỆP THEO NHỊ THẬP BÁT TÚ VÀ BÁT TINH CUNG PHÁP

Lúc thực hiện báo cáo này, bạn Dương đang ở đại vận **Thái Âm** ([mục 8.3.2](#)) bắt đầu từ ngày 06/06/2015 đến ngày 06/06/2025:

Vai trò nên làm của bạn Dương / điểm nhấn chính hay định hướng chung cho công việc của bạn Dương trong thời gian này. Nếu hiện tại bạn Dương chưa làm đúng vai trò thì đây là mục tiêu mà vận **Thái Âm** này sẽ "khiến" bạn Dương phải suy nghĩ và hướng đến:

*Người đàm phán, nhà ngoại giao, người đại sứ, người hóa giải, người lập lại trật tự và hòa bình. Người trọng tài, người trung lập, người đấu tranh vì luật pháp / quyền lợi hay lý lẽ công bằng. Người của phe đối lập, công tố viên, luật sư, chính trị gia, người thẩm phán, nhân viên tòa án, nhân viên tư vấn luật (para-legal). Diễn viên, người mẫu, nghệ sĩ, đạo diễn, họa sĩ, chuyên viên thẩm mỹ, nhà thiết kế (thời trang, mỹ thuật), người chăm sóc sắc đẹp, người trang trí. Người chào mời (bán lẻ), thương thảo, kết chuyện hay tạo quan hệ. Người lịch lãm (ăn mặc, phong cách), người lý trí.*

Kỹ năng, công việc cụ thể, công tác mà bạn Dương cần làm (hoặc sẽ phát sinh với bạn Dương trong vận này):

*Ăn uống / ẩm thực / lương thực / nhà hàng / bếp núc. Dịch vụ / sản phẩm dành cho phụ nữ / mẹ và bé, đối tượng gia đình, dùng ở nhà, khoa phụ sản (y tế). Sự chống lưng / hậu thuẫn của gia đình / bà con hay phụ nữ (nhất là mẹ, chị gái, em gái, vợ), công ty gia đình. Công việc làm ở nhà / đến tận nhà, nội trợ, quản gia, tạp vụ, dọn dẹp hay sửa chữa nhà cửa. Công việc tư vấn, bác sĩ tâm lý, quản lý nguồn lực (tuyển dụng, nhân sự), trợ lý cá nhân. Đất đai, bất động sản, nội thất, đồ gia dụng, đồ trang trí. Quản lý bất động sản, quản gia. Dịch vụ cư trú / khách sạn / nghỉ dưỡng / tour du lịch, nơi cư trú, lưu trú (tạm thời), trạm dừng chân, trạm xăng / nơi tiếp tế nhiên liệu. Xe cộ, ô tô, phương tiện giao thông (các loại, nhất là có mái che hay buồng ngồi / cabin), xuất nhập khẩu. Ngành nghề về che chở, trông coi, chăm sóc / bảo trì / hỗ trợ / nuôi dưỡng (cây cỏ, súc vật, máy móc, hàng hóa, tài sản, nhà cửa, con người): nhà ở xã hội, viện mồ côi, nhà giữ trẻ, nhà dưỡng lão, bệnh nhân, nông trại. Liên quan đến chất lỏng, sữa, nước, đến từ nước hoặc gần nước (sông suối, biển cả, ao hồ), nhất là những nơi có dòng chảy, dòng xoáy hay có sóng. Mùa mưa, nơi ẩm thấp, ướt át. Cơ thể: liên quan đến phần ngực / vú, tim, phổi, não / tinh thần, bao tử, bụng đáy, mọi chất lỏng / dịch tiết. Thuốc men / bệnh tật: thị lực, hô hấp (ho khan), khoang miệng, lạm dụng thuốc, kinh nguyệt, vô sinh, kén ăn, mệt mỏi, ể oái, kinh phong, thần kinh dễ bị kích thích / phấn chấn / chứng tăng động hay điên loạn*

Tính chất, đặc điểm, môi trường mà bạn Dương có thể sẽ phải tiếp xúc, va chạm hay phát triển trong suốt vận này:

*Y khoa, y tế, trạm xá, bệnh viện, y dược, kinh doanh thuốc men và dụng cụ y tế (chuyên về tây y), dịch vụ thú y. Bộ phận chăm sóc khách hàng / hậu mãi, bộ phận nhân sự / quản lý lao động, bộ phận điều hành (operations). Ngành nghề làm việc theo ê-kíp, tổ nhóm, nhân viên mặc đồng phục. Mọi ngành nghề "dịch vụ" & "bảo trì", dịch vụ cung cấp lao động, bảo hộ lao động, tuyển dụng lao động, bộ / sở ngành lao động và thương binh xã hội, dịch vụ công ích xã hội. Quân đội (hải quân, dịch vụ hậu cần). Ngành nghề về dinh dưỡng / thực phẩm sạch,*

*kinh doanh dụng cụ thể dục thể thao, câu lạc bộ thể hình. Dịch vụ vệ sinh / dọn dẹp. Ngành nghề về tiệt trùng / cách ly, vệ sinh an toàn thực phẩm. Dịch vụ tài chính kế toán, dịch vụ kiểm toán, quản trị kinh doanh. Dịch vụ về phân tích / xét duyệt (hóa chất, tài chính, nhân sự), cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm. Lập trình, quản lý hệ thống, quản lý dữ liệu. Thư viện. Công nghệ siêu nhỏ / nano. Dịch vụ kho bãi.*

*Chính trị (pháp luật, đảng phái, lý tưởng, học thuyết). Ngành sư phạm / giáo dục & đào tạo (đại học, cao đẳng, trường học, viện hàn lâm). Y tế (cộng đồng, trung ương, bệnh viện). Ngành du lịch, lữ hành, sinh hoạt ngoài trời / dã ngoại. Ngành quảng cáo / tiếp thị, ngành văn hóa, truyền thông, xuất bản, in ấn, sản xuất băng đĩa video / âm nhạc / đa phương tiện, ngành viễn thông. Xuất nhập khẩu, thương mại quốc tế (đa quốc gia). Giao thông vận tải (hang hải, hàng không), logistics. Truyền đạo / hoạt động về tôn giáo (chùa chiêng, nhà thờ, tu viện, thiền viện), nghiên cứu, hành nghề tâm linh (phong thủy, chiêm tinh, tướng số, tử vi). Các ngành nghề làm việc tự do / solo một mình / tự biên tự diễn.*

Diễn tiến của vận **Thái Âm** này có liên quan gì đến các công việc bạn Dương cần nên làm / hướng đến được gợi ý ở [mục 14.3.1 ~ 14.3.3](#) hay không ?

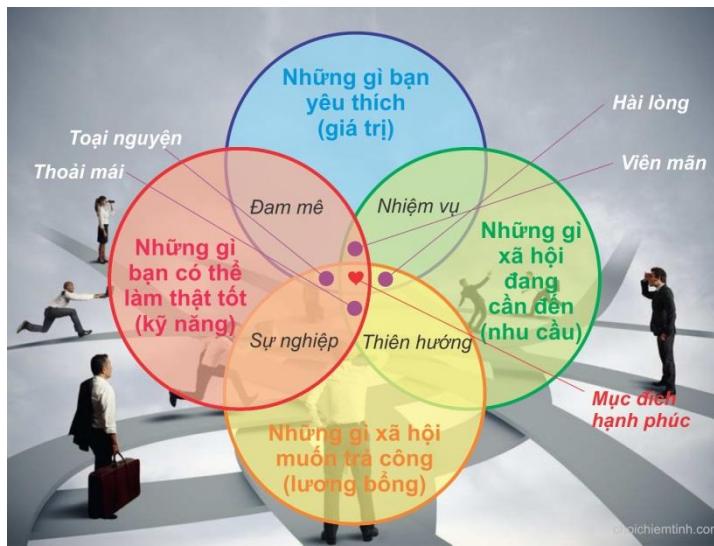
*Có, xem lại mục 14.3.1, 14.3.2 và 14.3.3*

# 15. Kết quả định hướng nghề nghiệp - ngành nghề thích hợp

Có 2 phần chính trong mục này:

- i. Nếu bạn Dương có **giờ sinh chính xác** trong phạm vi từ 9:12 đến 9:20 ([mục 8.1.0-E](#)), bạn cần xem [mục 15.1](#) (tr. [172](#)) để xác định nghề nghiệp của mình và xem [mục 15.2](#) (tr. [193](#)) như là một thông tin tham khảo.
- ii. Nếu **giờ sinh của bạn không chính xác** – và rơi vào phạm vi từ **8:01:03** đến **10:03:29** (khi [điểm Moc](#) vẫn ở trong **Song Tử** và chưa di chuyển sang một cung Hoàng Đạo khác) thì [mục 15.2](#) tiếp theo sẽ liệt kê những ngành nghề dựa trên Holland Codes của bạn (phân tích ở [mục 10](#)). Nếu giờ sinh bạn **chính xác** thì phần này đóng vai trò *tham khảo / bổ sung* cho những gì nói đến trong [mục 15.1](#). Ngoài ra, bạn cũng có thể quay lại tham khảo phần kết quả [Bát Tinh Cung Pháp ở mục 14.3](#) về gợi ý cho những công việc / nghề nghiệp có thể giúp bạn cải thiện tình hình tài chính.
  - [Mục 15.2.2](#) cho thấy khả năng kinh doanh của bạn dựa trên kết quả Holland Codes ở [mục 15.2.1](#).

Nếu bạn vẫn chưa có một khái niệm nào về sự nghiệp hay nghề nghiệp cho mình, các ngành nghề liệt kê trong mục 15 sẽ gợi ý giúp bạn về những nghề nghiệp khởi điểm phù hợp với bạn. Nếu bạn đã tốt nghiệp, đã có một sự nghiệp, hay đơn giản là đang đi làm một công việc nào đó, và muốn so sánh liệu ngành mình đang làm có phù hợp nhất với khả năng bẩm sinh của mình hay không, hoặc tìm hiểu thêm những chọn lựa khác khi bạn muốn đổi ngành, thì đây cũng là phần để bạn có thể tham khảo và suy gẫm.



*Không ai trên đời có thể nói chính xác rằng bạn sẽ theo ngành nào, vì đó là "quyết định tự do" (free wills) của bạn. Ngoài việc giúp xác định cho bạn các "Giá trị", "Kỹ năng" và phần nào "Sở thích", báo cáo này thu hẹp cho thấy trong muôn vàn ngành nghề thi bạn "CÓ KHẢ NĂNG THEO NHỮNG NGÀNH NÀO" hoặc nếu bạn đang phân vân chọn lựa thì "nên theo ngành nào" mà thôi.*

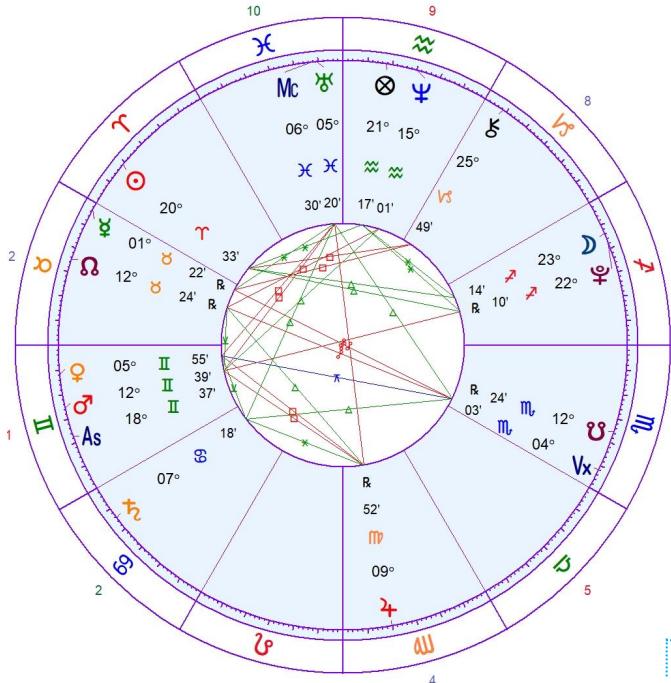


## 15.1 NGÀNH NGHỀ THÍCH HỢP THEO PHÂN TÍCH BẰNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Đây là phần quan trọng nhất và là mục tiêu chính của báo cáo Định Hướng Nghề Nghiệp. Những ngành nghề tìm ra ở phần này được dựa trên chữ ký chiêm tinh của lá số bạn Dương, bao gồm tổng hợp của rất nhiều tiêu chí khác nhau từ kết quả phân tích lá số ở mục 8.

### 15.1.1 TÓM LƯỢC

- Ban sinh ra đời này với Mặt Trời ở **Dương Cưu**, điểm Mộc là **II Song Tử** **18°37'**
- Linh hồn của bạn thực chất thuộc nhóm **Song Ngư**
- Nhóm lãnh vực sự nghiệp của bạn là **Sư Tử**
- Các hành tinh nghề nghiệp của bạn là **Mộc Tinh, Thiên Vương Tinh**
- Hành tinh Phương Đông là **Thiên Vương Tinh** và không có hành tinh phụ nào khác.
- Cung Nhà 10 của bạn thuộc dấu hiệu **Song Ngư** cùng với điểm **MC**
- Chủ tinh cung Nhà 10 ở cung Nhà 9
- Dấu hiệu Mặt Trăng của bạn là **Nhân Mã** **23°13'46"** trong cung Nhà 7,
- Mặt Trăng trên vòng Nhị Thập Bát Tú thuộc khu vực **Cơ Thủy Báo** (箕水豹) với cầm tinh của bạn là con **Báo** (*Pardofelis sp.*)
- Mục tiêu cuộc sống của bạn là "**Thoát Tục**" (*Moksha*), địa vị nhóm **Bọ Cạp**



(Sư Tử)

Liên quan đến công việc làm đại diện, MC, người mẫu, người lãnh đạo, du lịch, lữ hành, trẻ em, vui chơi giải trí, sự kiện, cá cược, sáng tạo ...

5

Chữ ký chiêm tinh (mục 8.0.1) của bạn Dương = **9-1-12-7-3-2-10-5-11-6-4-8**

(2 số đầu)

Nhân Mã

Dương Cưu

Liên quan đến công việc truyền thông, hướng dẫn, sư phạm, quảng cáo, chính trị, tôn giáo, du lịch, phân phối, bán sỉ, xuất nhập khẩu, ngôn ngữ, quốc tế ...

Liên quan đến công việc công việc tự phát, chuyên viên, kỹ thuật, làm việc đơn độc / solo, liên quan quân đội, an ninh, nông nghiệp ...



## 15.1.2 CÁC LÃNH VỰC SỰ NGHIỆP PHÙ HỢP VỚI BẠN

Dựa trên chữ ký chiêm tinh của bạn Dương, “top-5” những ngành nghề thích hợp nhất với lá số bạn từ 41 nhóm lãnh vực khác nhau được liệt kê trong 3 bảng A, B và C như sau:

**Bảng 15.1.2-A Top-5 những ngành nghề khớp với chữ ký chiêm tinh (level 1)**

STT	LÃNH VỰC	CHÍNH XÁC	TÊN & MÔ TẢ NGÀNH TRONG MÃ LÃNH VỰC
1	140	99.07%	Nhà hàng, nấu ăn, ẩm thực, đầu bếp, thợ bếp - nhóm 17
2	30	98.77%	Xây dựng, kiến trúc đô thị và địa chính: hạ tầng, cầu đường, kênh đào, hầm, tượng đài, cao ốc, địa danh - nhóm 3
3	147	98.68%	Thể hình, dưỡng sinh, yoga, chăm sóc cơ thể (sắc đẹp, massage, spa, tóc, xăm, hóa trang, trang điểm, thẩm mỹ viện), tạo dáng, khiêu vũ, người mẫu, diễn viên (thể thân) - nhóm 27 (chính trị)
4	125	98.66%	Công nghệ thông tin, viễn thông: kỹ thuật, vận hành, sản xuất, ứng dụng - nhóm 11 (+ công cụ, lập trình, an ninh / bảo mật)
5	180	98.59%	Nghệ thuật trình diễn và sáng tạo - nhóm 194 (diễn viên, quảng cáo, truyền hình, điện ảnh)
6	70	98.52%	Quân đội, an ninh, quốc phòng, chiến trường, bảo vệ, cấp cứu hỏa hoạn / tai nạn / thiên tai - nhóm 6
7	10	98.24%	Đầu tư, đầu cơ, chứng khoán, cá cược, cổ phiếu, trái phiếu - nhóm 12

**Bảng 15.1.2-B Top-5 những ngành nghề khớp với phân tích sâu trong chữ ký chiêm tinh**

STT	LÃNH VỰC	CHÍNH XÁC	TÊN & MÔ TẢ NGÀNH TRONG MÃ LÃNH VỰC
1	1	100.00%	Kế toán, kiểm toán, thuế vụ và quản lý tài chính - nhóm 10
2	100	100.00%	Y tế và chăm sóc sức khỏe - bác sĩ / chuyên viên vật lý trị liệu, dưỡng thai, hướng dẫn, phục hồi / thay thế (bộ phận cơ thể) - nhóm 9
3	165	100.00%	Giáo dục và đào tạo, sư phạm - nhóm 2
4	25	93.33%	Kinh tế, xã hội học, hoạt động và kinh doanh đa ngành / đa quốc gia (chuyên viên, cố vấn, kỹ sư, giáo sư, công chức) - nhóm 47 (+ kỹ sư, may mặc, mỹ phẩm)
5	75	93.33%	Luật, dịch vụ pháp lý, bản quyền (luật sư, chánh án, thẩm phán, bồi thẩm, công chứng, thi hành ...) - nhóm 82
6	147	93.33%	Thể hình, dưỡng sinh, yoga, chăm sóc cơ thể (sắc đẹp, massage, spa, tóc, xăm, hóa trang, trang điểm, thẩm mỹ viện), tạo dáng, khiêu vũ, người mẫu, diễn viên (thể thân) - nhóm 62 (giày dép)

7	55	86.67%	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (kinh doanh, hậu mãi, trợ tá, lễ tân, thu ký, phục vụ, tiếp viên) - nhóm 8
---	----	--------	--

Ghi chú: Điểm "tự tin" hay mức độ "tương đồng tối đa" cho bảng 15.1.2-B = **15** (cao trung bình, tạm được, hơi khó chọn lựa hoặc đa ngành với chữ ký này)

### Bảng 15.1.2-C Top-5 những lãnh vực / nhóm ngành nghề thích hợp

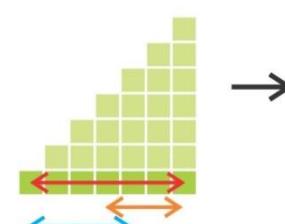
STT	LÃNH VỰC	TÊN & MÔ TẢ LÃNH VỰC / NHÓM NGÀNH
1	55	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (kinh doanh, bán hàng, hậu mãi, trợ tá, lễ tân, phục vụ, tiếp viên)
2	1	Kế toán, kiểm toán, thuế vụ và quản lý tài chính, thu ngân
3	10	Đầu tư, đầu cơ, thu tóm, chứng khoán, cá cược, cổ phiếu, trái phiếu, tiền ảo
4	40	Quản lý điều hành, vận hành, điều phối, dịch vụ, vệ sinh tinh, nội trợ, tạp vụ
5	165	Giáo dục và đào tạo, sư phạm (phổ thông, hàn lâm, học viện ...)
6	115	Nông nghiệp, lâm sinh, chăn nuôi, thú y, sở thú, trồng trọt, làm vườn, thu hoạch, lai tạo / nhân giống, công nghệ sinh học / thực phẩm, trang trại
7	120	Công nghiệp sản xuất, chế biến và năng lượng

### Cách chọn ngành nghề khi sử dụng các bảng Top-5 A, B và C:

Bảng [15.1.2-A](#) (tr. [173](#)) là kết quả phân tích chữ ký chiêm tinh trong lá số của bạn Dương (từ [mục 8.0.1](#), tr [27](#)) khớp với hàng ngàn lá số trong cơ sở dữ liệu của CCT.

15.1.2-A

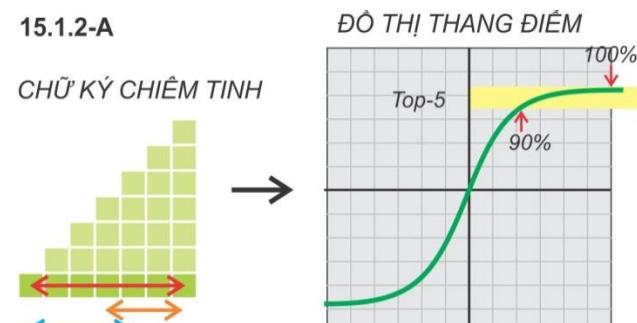
CHỮ KÝ CHIÊM TINH

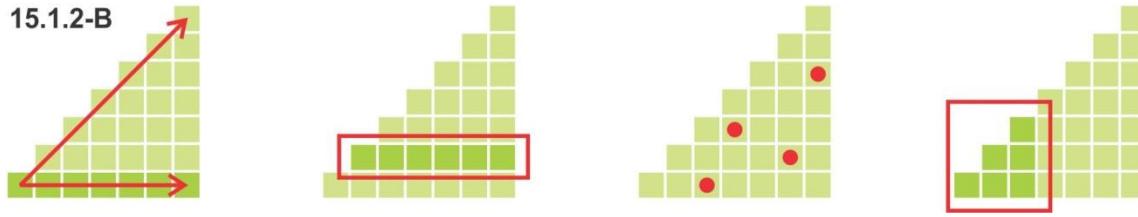


Nói cách khác, những lá số từ các vĩ nhân trong lịch sử có [chữ ký chiêm tinh](#) tương tự *trực tiếp* (directly) với lá số của bạn (thuộc dãy 9-1-12-7-3-2-

10-5-11-6-4-8 ở level 1) đã thành công như thế nào với ngành nghề của họ trong cuộc sống thì xu hướng đó thể hiện trong bảng này, cho thấy mức độ "giống y đúc" 1:1 của lá số bạn với lá số họ. Hệ thống MAAICA sử dụng 7 số đầu tiên trong 12 số trong chữ ký chiêm tinh của bạn. Những lá số nào có các chuỗi số tương tự với lá số này sẽ được "chấm điểm" trong thang đường cong xích ma (sigmoid) trên đồ thị, và mức độ "ăn khớp" của chúng được trình bày ở cột % (độ chính xác).

Tóm lại, bạn có thể "an tâm" bắt đầu với bất kỳ ngành nghề nào trong bảng này vì đây là những ngành sẽ phát huy tiềm năng và cơ hội tốt nhất trong sự nghiệp của bạn (theo số %), thỏa mãn hoặc khai thác những "đam mê" mà trước đó bạn có thể chưa từng biết đến về chính mình !





Bảng [15.1.2-B](#) là kết quả của một cách phân tích khác đi sâu hơn (deep analysis) vào trong dãy [chữ ký chiêm tinh](#) 7-số trong 12 số (9-1-12-7-3-2-10-5-11-6-4-8) như hình kim tự tháp đã trình bày ở [bảng 8.0.1-C](#). Cách này tìm hiểu cẩn kẽ các *cấu trúc* khác nhau của dãy chữ ký để tìm ra những động lực tiềm ẩn thôi thúc bạn Dương trên con đường tạo dựng sự nghiệp của mình.

Ví dụ, nếu tháp chữ ký có nhiều số 4 (Cự Giải), bạn Dương sẽ có xu hướng đi về những công việc liên quan đến dấu hiệu Cự Giải như "giảng dạy", "bất động sản", "bảo mẫu", "bảo vệ", "đầu tư" v.v... Nếu có nhiều số "9" (Nhân Mã), bạn Dương sẽ có xu hướng đi về cái gì đó liên quan đến "truyền thông" như báo chí, điện ảnh, in ấn, văn hóa, du lịch hay chính trị v.v... Kết quả này cũng được đối chiếu với cơ sở dữ liệu của Chòi Chiêm Tinh để tìm ra xem bạn Dương sẽ cảm thấy thích hợp với ngành nghề nào nhiều nhất (so với những người thành công đi trước có chữ ký tương tự). Hình minh họa trên liệt kê một số mô hình trong nhiều thuật toán khác phức tạp hơn được áp dụng để đưa ra kết quả ở bảng này.

- Lưu ý: giá trị % trong cột "Độ chính xác" của [bảng 15.1.2-B](#) được tính toán khác với giá trị % trong [bảng 15.1.2-A](#). Ở đây, số % chỉ mang tính chất "tương đối" so với số điểm cao nhất trong Top-5. Ví dụ, kết quả phân tích sâu tìm thấy được 20 điểm tương đồng với một lá số nào đó trong cơ sở dữ liệu và trong toàn bộ hàng ngàn lá số thì 20 điểm là con số tối đa. Điểm này được quy thành "100%" và dùng làm mốc để so sánh với những kết quả khác có số điểm bằng hoặc kém hơn. Nếu kết quả phân tích sâu tìm thấy được 15 điểm thì đó sẽ là mốc "100%" v.v... Nếu thấy nhiều ngành nghề cùng có số điểm "100%" thì đó cũng là những ngành nghề thích hợp với bạn, nhất là khi ngành đó có sự lập lại tương ứng ở bảng 15.1.2-A và [15.1.2-C](#).

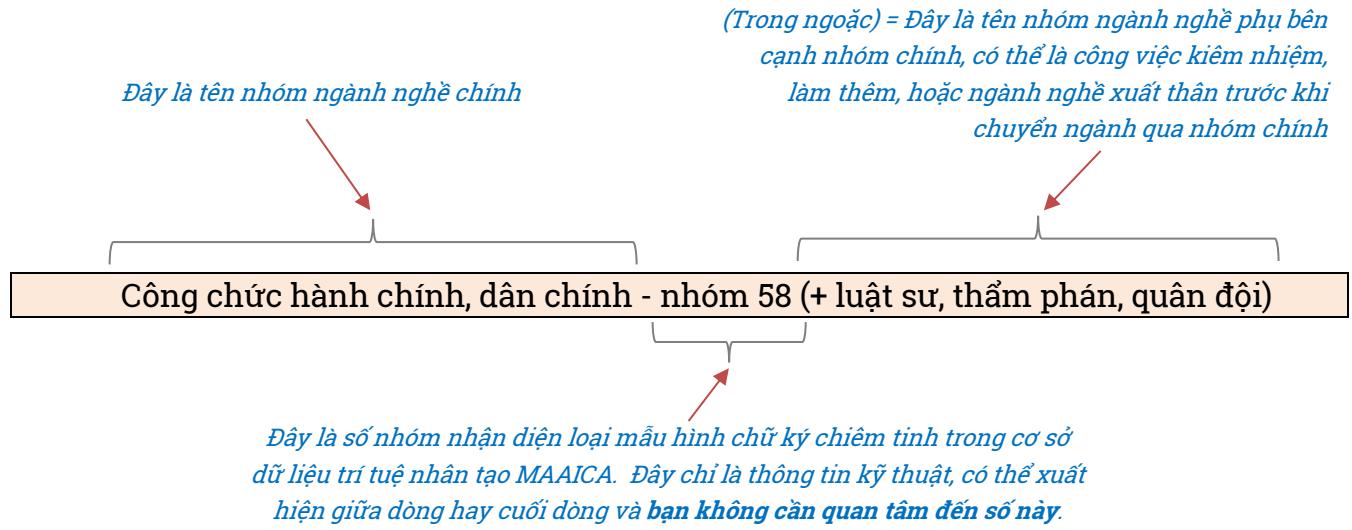
Cuối cùng, bảng [15.1.2-C](#) là nhận định tổng quan chung về những lãnh vực hay "mảng" ngành nghề (career sectors) thích hợp nhất với bạn Dương sau khi MAAICA đã "xem xét" toàn bộ kết quả Top-5 và cả Top-10 (không hiển thị trong báo cáo này) trong 2 bảng [15.1.2-A](#) và [15.1.2-B](#). Toàn bộ thông tin về 41 lãnh vực được liệt kê ở bảng [15.1.2-D](#).

Vì tôi sẽ liên tục "dạy" cho "bé" MAAICA thêm về những lá số mới (và những ngành nghề mới) nên ở những phiên bản báo cáo ĐHNN sau, **những kết quả ở mục 15.1 này có thể sẽ thay đổi**. Tùy vào số lượng lá số học được cho mỗi chữ ký chiêm tinh, sự thay đổi này có thể dao động từ ít đến nhiều (tỷ lệ nghịch với số lượng lá số học được).

Ở thời điểm hiện tại (lúc báo cáo này được thực hiện), tỷ lệ số lượng lá số MAAICA học được với [chữ ký chiêm tinh](#) bắt đầu bằng "9-1" đang là **138%** (Nghĩa là, số lượng dữ liệu học được về chữ ký này đã vượt trên mức tối thiểu > 103%, kết quả mục 15.1.2 sẽ không thay đổi đáng kể trong phiên bản sau nếu bạn cập nhật.) Xem thêm ý nghĩa số tỷ lệ này ở đây: [cct.tips/SUWol](#)

## Những trường hợp và thắc mắc thường gặp:

- Cách đọc tên & mô tả ngành nghề ở các bảng 15.1.2-A, B và C. Ví dụ về một dòng kết quả:



- Nếu có những ngành nghề có số mã **lập lại** ở 2 **bảng A** và **B** dù số điểm % không phải là cao nhất, đó sẽ là ngành nghề thích hợp nhất của bạn. "Thích hợp" được định nghĩa là bạn có thể làm công việc đó từ ít nhất 10 năm cho đến trung bình **15 năm** trở lên mà không hề thấy "ngán" với công việc đó vì nó khai thác đúng tiềm năng và sở thích của bạn (dù bạn có thể không mấy hứng thú ban đầu).
- Trong mỗi ngành nghề được liệt kê, những ngành nghề "phụ" hoặc chủ đề có liên quan được ghi chú trong ngoặc đơn "(...)" ở cuối dòng
- Một số ngành nghề bản chất vốn đã có sẵn sự liên hệ kết hợp với nhau.** Ví dụ nếu thấy "biên tập" và "điện ảnh" cùng xuất hiện, đó có thể là ngành "biên tập phim". Nếu thấy "sư phạm" và "kỹ thuật", bạn có thể là một thầy cô giáo dạy môn kỹ thuật. "Tài chính" và "khoa học" thường là những chuyên gia về kinh tế. Hoặc "luật sư" thường đi đôi với "chính trị" vì trong nhiều quốc gia trên thế giới, nhiều chính trị gia xuất thân từ nghề luật sư. Ngành "xây dựng" và "thể thao" vừa có nghĩa là công việc "kiến trúc sư xây dựng sân vận động" nhưng cũng có thể là "lao động phổ thông trong xây dựng" (thợ hồ) tùy theo môi trường đất nước và hoàn cảnh mỗi người v.v...
- Những ngành nghề liệt kê trong top-5 (hay ít nhất top-10) cũng có thể liên quan đến **hoàn cảnh gia đình, quan hệ xã hội** và **hôn nhân** của bạn Dương. Ví dụ, nếu ngành nghề bạn Dương là "Nhà hàng, nấu ăn, ẩm thực, đầu bếp, thợ bếp - nhóm 17" như trong **bảng A**, cha mẹ bạn Dương rất có thể công tác trong ngành "Công nghệ thông tin, viễn thông: kỹ thuật, vận hành, sản xuất, ứng dụng - nhóm 11 (+ công cụ, lập trình, an ninh / bảo mật)" hay người yêu hoặc thậm chí *con cái* bạn Dương có thể là người trong ngành "Thể hình, dưỡng sinh, yoga, chăm sóc cơ thể (sắc đẹp, massage, spa, tóc, xăm, hóa trang, trang điểm, thẩm mỹ viện), tạo dáng, khiêu vũ, người mẫu, diễn viên (thể thân) - nhóm 27 (chính trị)" v.v...
  - Nếu ngành nghề giống nhau và lập lại thì đó có thể là trường hợp bạn đi theo nghiệp của bố "cha truyền con nối", được bà con trong gia đình hỗ trợ, hoặc vợ

chồng gặp nhau trong ngành. Trong trường hợp khác, anh chị em của bạn hoặc khi bạn sinh con ra, họ có thể là nguyên nhân chi phổi *trực tiếp* hoặc *gián tiếp* đến sự thay đổi ngành nghề của bạn trong nhóm "Top-5". Ví dụ, họ nhờ bạn giúp đỡ giới thiệu trong công việc, hoặc vì họ mà bạn phải chuyển sang công việc khác có lương cao hơn v.v....

- Khi có những ngành nghề được liệt kê trong báo cáo này nhưng thực tế "khan hiếm", "không hợp thời" hoặc "không có" trong địa phương bạn sinh sống (khiến bạn không kiếm được việc làm), dĩ nhiên bạn sẽ phải linh động uyển chuyển hoặc **đi xa lập nghiệp = đến những nơi có nhu cầu về ngành nghề đó** mà các nhà tuyển dụng đang săn tìm trên thị trường để khai thác tốt nhất tiềm năng của bạn (nên đi đến đâu thì xem các bản đồ ở [mục 8.1.2](#)). Ví dụ, trong thời hòa bình thì ngành "quân đội" trở thành "cảnh sát" hay "bảo vệ". Hoặc "lái xe" còn có thể hiểu là lái nhiều loại phương tiện giao thông vận tải khác nhau tùy theo tiến bộ công nghệ và nhu cầu xã hội. Nhớ rằng bạn luôn có sự tự do chọn lựa (free wills) giữa việc theo đuổi ngành nghề gắn liền với "đam mê" của mình, so với một ngành nghề đơn điệu nhảm chán chỉ để "kiếm sống qua ngày".
- Những ngành nghề liệt kê trong các bảng Top-5 đôi khi cũng không nhất thiết phải là ngành nghề "cuối cùng" trong cuộc đời của bạn. Đây có thể được hiểu là những ngành nghề "trung gian" làm thay đổi "định mệnh" của bạn, tạo ra một "khúc quanh" mới hoặc mở ra những cơ hội mới để làm "bàn đạp" bước đến những ngành nghề khác (giữa các bảng A, B, C hay trong cùng một bảng).
- Nếu bạn đã tốt nghiệp và đang công tác trong một ngành nghề nào đó có số điểm thấp (không liệt kê trong các bảng nói trên vì không nằm trong top-5 hay ít nhất top-10 trong [bảng tổng 15.1.2-D](#)), bạn có thể cải thiện tình hình công việc hiện tại của mình bằng cách "định hướng" mục tiêu (thăng tiến, công việc mới, học thêm) hay đối tượng (khách hàng, đối tác, cấp trên) tập trung về phía những lãnh vực đã liệt kê thì cũng sẽ có kết quả tốt.

*"Mọi người ai cũng đều là một thiên tài. Nhưng nếu bạn đánh giá một con cá qua khả năng nó có thể trèo lên cây, bạn sẽ khiến con cá suốt đời cứ ám ảnh tin rằng nó là một đứa ngốc."*

*"Everyone is a genius. But if you judge a fish by its ability to climb a tree, it will live its whole life believing that it is stupid."*

- Matthew Kelly ("Everybody is A Genius", 2004) -

## Cách định hướng nghề nghiệp qua bảng 15.1.2-D

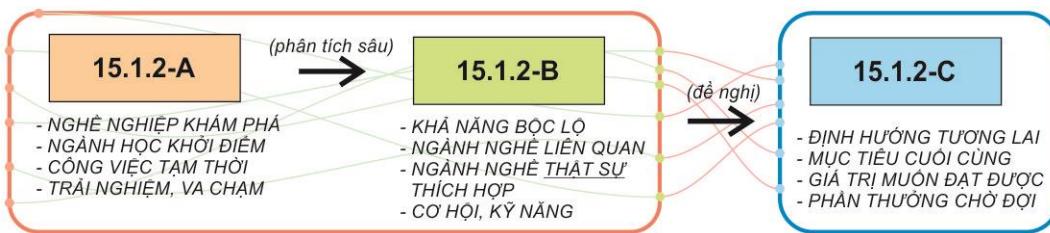
Đây chính là bảng tổng của mọi kết quả phân tích để chia nhỏ / tạo thành các bảng [15.1.2-A](#), [B](#) và [C](#) ở các trang trước ([173](#), [174](#)). Bảng [này](#) (tr. [180](#)) liệt kê tất cả mọi lĩnh vực ngành nghề để cho thấy toàn bộ bức tranh bạn sẽ thích hợp với ngành nghề nào nhất, bao gồm cả *cơ hội* mà bạn sẽ có thể tìm kiếm việc làm và thăng tiến.

Nói cách khác, **nếu bạn muốn biết nhanh những nhóm ngành nghề gì “nên làm” và “không nên làm” thì tra cứu bảng 15.1.2-D (so sánh / đối chiếu với ngành nghề hiện tại hoặc dự định cho tương lai).**

- Các ngành nghề trong nhóm "Top-5" (những nghề bạn nên chọn) được tô đậm **màu đỏ**.
- Nếu thấy số xếp hạng ngành bạn đang muốn chọn trong các cột (A, B, C) đều quá thấp (không phải "top-5" hay "top-10"), bạn **KHÔNG NÊN** đi về lĩnh vực đó vì xác suất sẽ khó thành công, thành công không lâu dài hoặc không thành công nổi bật. Ví dụ, bạn thích thú và quyết tâm đi về một công việc trong lĩnh vực "**Tư vấn quản lý: cố vấn, chiến lược, đào tạo (kỹ năng, nghiệp vụ), dịch vụ, kỹ thuật, quản lý dự án / công trình**" (mã #45). Vẫn được thôi, không ai cấm bạn tự do chọn lựa cả, nhưng khi học ra xong và công tác trong ngành, bạn sẽ không phải là người giỏi nhất, không thỏa mãn hoặc sẽ KHÓ có cơ hội phát triển, khó tìm việc làm khi khởi nghiệp hay chuyển đổi nghề. Và điều này cũng còn có nghĩa bạn sẽ còn phải thay đổi ngành nghề ít nhất một vài lần nữa v.v...
- Ngoài ra, những lĩnh vực trong "Top-5" ở cột **A** và **B** còn là những ngành nghề bạn Dương nên chọn học, lấy làm ngành "khởi điểm", làm đề tài khởi nghiệp hoặc ít ra nên lấy thêm kinh nghiệm làm việc thực tiễn hay kỹ năng được đào tạo có liên quan. Tuy nhiên, nhóm "Top-5" trong cột **C** mới chính là những lĩnh vực bạn sẽ thật sự phát huy và nếu chưa thì nên sớm bắt đầu nhắm đến. Nói cách khác, những ngành nghề liên quan đến lĩnh vực Top-5 trong cột C sẽ là **mục tiêu lâu dài hay “cuối cùng”** của bạn sau khi đã trải qua A và B ! Có vài khả năng:
  - Nếu một lĩnh vực đều thuộc "Top-5" có trong cả 3 cột A-B-C, nó có nghĩa con đường sự nghiệp của bạn đã được "xác định ngay từ đầu" và sẽ không khác biệt lắm suốt cuộc đời.
  - Nếu lĩnh vực môn học hay công việc hiện tại của bạn đã và đang là top-5 (hay ít nhất top-10) ở **cột C**, xem như bạn đang học hay làm đúng ngành của mình ! Bạn có thể không cần "định hướng nghề nghiệp" ở mục 15 này nữa mà sử dụng các chức năng khác ở các mục khác của báo cáo (ví dụ như [cấp bậc thăng tiến](#), [vận hạn](#) hay [phương hướng](#) để phát triển thêm).
  - Nếu một lĩnh vực mà bạn đang học / đang làm chỉ có trong "Top-5" ở cột A hoặc B, nhưng lại không nằm trong "Top-5" (hay ít ra "Top-10") ở cột C, điều đó có nghĩa

rằng có khả năng những gì bạn khởi nghiệp sẽ rất khác với lãnh vực cuối cùng mà bạn sẽ theo đuổi. Trong một số trường hợp, điều này cho thấy bạn là một người đa năng đa nhiệm, bạn muốn "khám phá chính mình" hoặc phải bôn ba với nhiều ngành nghề khác nhau, tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu để rồi đến một lúc nào đó, bạn sẽ có dịp phát huy trong những lãnh vực "Top-5" ở bảng C.

- Hoặc nếu sự nghiệp hiện tại của bạn tương đối "phẳng lặng", ì ạch chậm thăng tiến hoặc "chán như con ngan" và bạn đang muốn thay đổi, có lẽ đến lúc bạn nên tập trung vào những lãnh vực trong "Top-5" của bảng C để đạt được hiệu quả tốt nhất, hay ít ra giúp bạn "tẩy lại tinh thần". Nói cách khác, những lãnh vực ở cột C chính là "chìa khóa" để *giải tỏa* những "bế tắc" lâu nay trên con đường sự nghiệp của bạn. Hãy suy nghĩ xem xung quanh bạn đang có những ai công tác trong những lãnh vực Top-5 ở cột C ? Nói chuyện ngay với họ.
- Ở những trường hợp khác, bạn Dương có thể vẫn tiếp tục công tác trong những lãnh vực (Top-5 / Top-10) ở cột A và B, nhưng trong tâm, điều bạn nhắm đến, muốn chinh phục thách thức hay gặt hái ... chính là những giá trị, kỹ năng, mục tiêu hay thậm chí đối tượng (con người) trong lãnh vực được liệt kê ở "Top-5" trong cột C mà bạn có thể tìm cách khai thác qua môi trường làm việc hiện tại.
- Ngược lại, trong một số trường hợp, **lựa chọn an toàn** nhất đó là bạn có thể vẫn "giữ nguyên vị trí" (**công việc đang có / dự định hiện tại**) theo **các ngành trong Top-5 ở bảng A hoặc B, không cần** phải thay đổi hay nhắm đến C.
- Nếu bạn làm về "Sales" (kinh doanh), "Marketing" (tiếp thị) hay những nhà hoạch định chiến lược (strategists) trong các công ty, các lãnh vực cột C còn được xem là những *đối tượng khách hàng* mà bạn nên nhắm đến, tìm hiểu hay hợp tác để đạt được kết quả tốt nhất v.v...
- Nếu số điểm tối đa ở bảng A dưới 99%, điều đó có nghĩa là sẽ còn có thêm những ngành nghề tương tự hoặc khác trong tương lai khi báo cáo được cập nhật, vì mục tiêu của MAAICA là học hỏi thật nhiều lá số để kết quả phân tích chữ ký chiêm tinh của bạn ở bảng này lên trên 99% (chính xác nhất). Tương tự, "điểm tự tin" của bảng B cần cao hơn 15 điểm để kết quả được xem như "chắc chắn". "Điểm tự tin" cũng được xem là "tuổi trưởng thành / mức độ kinh nghiệm" của hệ thống MAAICA, nghĩa là điểm này càng cao, các dự đoán của MAAICA cho loại chữ ký chiêm tinh của bạn Dương sẽ càng chính xác (trên 10 điểm đã là khá tốt). Nếu số điểm 2 bảng này không cao hơn 99% (A) hay 15 điểm (B) thì có thể dựa thêm vào bảng C (phân tích tổng quát) để xác định nghề nghiệp thích hợp nhất và chính xác nhất cho mình.



**Bảng 15.1.2-D Danh sách các lãnh vực / ngành nghề chính**

Mã lĩnh vực	Career Sectors (Tên lĩnh vực / khối ngành nghề tiếng Anh)	Tên lĩnh vực / khối ngành nghề	Vị trí xếp hạng theo bảng 15.1.2-A	Vị trí xếp hạng theo bảng 15.1.2-B	Vị trí xếp hạng theo bảng 15.1.2-C
1	Accountancy, tax & financial management, cashier	Kế toán, kiểm toán, thuế vụ và quản lý tài chính, thu ngân	37	1	2
5	Fund management, administration & investment banking	Quản lý ngân quỹ, tín dụng, công nợ, hành chính và đầu tư	34	31	29
10	Investments, acquisitions, speculatives, stocks & bonds	Đầu tư, đầu cơ, thu tóm, chứng khoán, cá cược, cổ phiếu, trái phiếu, tiền ảo	7	15	3
15	Banking, currency, insurance, trust & financial services	Ngân hàng, ngân quỹ, tiền tệ, bảo hiểm, phúc lợi & dịch vụ tài chính	25	25	22
20	Property, real estates, assets - sales & management	Bất động sản, đất đai (quản lý, hành chính, bảo trì, môi giới, thuê mướn)	18	32	38
25	Economics & sociology, multi-industry / multi-national	Kinh tế & xã hội học, hoạt động và kinh doanh đa ngành / đa quốc gia	26	4	25
30	Construction, civil engineering and quantity surveying	Xây dựng (kỹ sư đô thị, kiến trúc sư, kỹ sư dự toán, nội thất, thi công ...)	2	16	19
35	Management, business and administration	Quản trị kinh doanh, hành chính, thủ thư (MBA, chánh văn phòng ...)	33	33	12
40	Management, operations & services, housekeeping	Quản lý điều hành, vận hành, điều phối, dịch vụ, vệ sinh tinh, nội trợ, tạp vụ	14	17	4
45	Management consulting, professional training	Tư vấn quản lý: cố vấn, chiến lược, đào tạo (kỹ năng, nghiệp vụ), dịch vụ, Kỹ thuật, quản lý dự án / công trình	31	40	40
50	Retailers, shopping malls, suppliers / supply chain, distributors, sales & trades, merchandising	Bán lẻ, chuỗi cung ứng / thu mua / phân phối, đại lý, kinh doanh / trung tâm thương mại, cửa hàng / siêu thị (tạp hóa, đa ngành), trưng bày hàng	15	34	34
55	Customer services	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (kinh doanh, bán hàng, hậu mãi, trợ tá, lễ tân, phục vụ, tiếp viên)	36	7	1
60	Environment, natural resources / oil & gas, meteorology	Tài nguyên, môi trường, khí tượng, khai thác khoáng sản / dầu khí	38	8	13
65	Logistics (imex), post office, shipping & transportation	Giao thông, vận tải, bưu chính, chuyển phát & logistics (xuất nhập khẩu)	23	18	28
70	Emergency services, security, military & armed forces	Quân đội, cảnh sát, an ninh, quốc phòng, chiến trường, bảo vệ / cận vệ / vệ sĩ, cấp cứu hỏa hoạn / tai nạn / thiên tai	6	19	30
75	Law, legal services and patents, correctional services	Luật, dịch vụ pháp luật và bản quyền (luật sư, thẩm phán, bồi thẩm, quan tòa, công chứng, trại giam, cải tạo, thi hành án, pháp lý, pháp chế ...)	21	5	21
80	Public sector and civil service	Công chức hành chính, dân chính, dịch vụ công ích	9	35	37
85	Politics & Power	Chính trị, quyền lực (đầu não, lãnh đạo, tham mưu, chiến lược)	24	20	16
90	Social, union, activism, community and youth, NGOs, KOLs / influencers / seeders	Xã hội, phong trào, cộng đồng, hội nhóm, đảng phái, công đoàn, nghiệp đoàn, công tác Đảng, Đoàn, Đội, NGOs, KOLs / influencers / seeders	16	36	39
95	Religions, inspirations, charities and voluntary sector	Tôn giáo, thần học, truyền đạo, truyền cảm hứng/văn hóa/KOL/influencer, thiền sư, tu sĩ, đạo sĩ, tăng lữ, từ thiện, thiện nguyện, tâm linh, phi chính phủ	28	21	20
100	Medical and healthcare	Y tế và chăm sóc sức khỏe	11	2	10
105	Human resources, recruitment and training	Nhân sự, tuyển dụng lao động, huấn luyện, điều phối	39	41	41
110	Engineering & Technologists	Kỹ sư & chuyên viên kỹ thuật	13	26	36
115	Agriculture, animal, breeding, zoology, horticulture, natural conservation, bio-tech & plant resources	Nông nghiệp, lâm sinh, chăn nuôi, thú y, sở thú, trồng trọt, làm vườn, thu hoạch, lai tạo / nhân giống, công nghệ sinh học / thực phẩm, trang trại	12	27	6
117	Animal slaughtering & processing, Human burial, Morticians, Garbage / Scrap Processing & Recycling	Súc sản (công nghệ, kinh doanh, chế biến, giết mổ súc vật), khai quật, mai táng, hành hình/khâm liệm (người), Xử lý rác thải/phế liệu/tái chế	41	28	14
120	Manufacturing, processing and energy industries	Công nghiệp sản xuất, chế biến và năng lượng	29	22	7
125	IT, telecoms & social networks	Công nghệ thông tin, viễn thông, mạng xã hội (vblog, Youtube, Instagram ...)	4	23	27
130	Science, research and development	Khoa học, nghiên cứu và phát triển (dược, hóa, sinh, toán, vật lý, địa lý, v.v...)	22	9	18
135	Library, registry, biography, booking / reservation system, information services and data science	Thư viện, dịch vụ tra cứu thông tin, đăng kiểm, đặt chỗ, thu thập / thống kê / kho dữ liệu - tài liệu / tàng thư / trích lục / lịch sử / khảo sát thị trường	30	37	35
140	Hospitality, sport, leisure, tourism, food & beverage	Nhà hàng, khách sạn, khu sinh thái, khu nghỉ dưỡng, du lịch (lữ hành, xách tay, lưu niệm), trạm dừng chân, vui chơi giải trí, ẩm thực, bia rượu, giải khát	1	10	9
143	Games / entertainment / showbiz (industry, electronic, show, reality TV, hobby, pets), casino, amusement park	Giải trí / tiêu khiển (công nghệ / dịch vụ / trò chơi / gameshow / truyền hình thực tế), casino, vé số, múa xiếc, áo thuật, thú nuôi / cây cảnh	35	38	31
145	Sports, competitive professionals	Thể dục thể thao - thi đấu chuyên nghiệp	32	11	17
147	Sports, labor & body arts, beauticians, cosmetics (care, enhancement, product & surgery), model, body double	Thể hình, dưỡng sinh, yoga, chăm sóc cơ thể (sắc đẹp, massage, spa, tóc, xăm, hóa trang, trang điểm, thẩm mỹ viện), tạo dáng, khiêu vũ, người mẫu, diễn viên (thể thân)	3	6	11
150	Languages, arts, culture, humanities, anthropology	Ngôn ngữ, văn hóa, nghệ thuật, khoa học nhân văn, nhân chủng học (nghệ nhân, họa sĩ, biên tập, thiết kế, nhà văn, suru tập, bảo tàng ...)	19	12	23
155	Fashion / Trendsetting and costumes	Thời trang / may mặc / tạo mẫu / phong cách: kinh doanh, thiết kế, phê bình, tạo xu hướng	8	29	26
157	Photography / Visual Arts (+ SFX / CGI / 3D Animation)	Nhiếp ảnh (thời trang, chân dung, mẫu mã, nghệ thuật, triển lãm, báo chí, xuất bản, khoa học, viễn thám), nghệ thuật thị giác (3D, xảo thuật phim ảnh)	40	39	33
160	Psychology, Occults, Astrology	Tâm lý học, xã hội học, thần thoại học, huyền bí học, chiêm tinh học	17	24	15
165	Teaching, training and education (academic)	Giáo dục và đào tạo, sư phạm (phổ thông, hàn lâm, học viện ...)	27	3	5
170	Marketing, branding, advertising, events (organizing, servicing, hosting, MC), public relations (PR)	Tiếp thị, bán hàng, quảng cáo, tổ chức sự kiện, tạo dựng thương hiệu và quan hệ công chúng	10	30	32
175	Media (broadcast, communication), press and publishing	Truyền thông, phát sóng, báo chí và xuất bản	20	13	24
180	Performing and creative arts	Nghệ thuật trình diễn & sáng tạo (showbiz, sân khấu, điện ảnh, âm nhạc)	5	14	8

*Xem thêm chi tiết về 41 lĩnh vực ngành nghề trong bảng 15.1.2-D tại [cct.tips/41](http://cct.tips/41)*

### 15.1.3 TỔNG QUAN CÁC PHƯƠNG HƯỚNG CHỌN LỰA NGHỀ NGHIỆP

- ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI  
- MỤC TIÊU CUỐI CÙNG  
- GIÁ TRỊ MUỐN ĐẠT ĐƯỢC  
- PHẦN THƯỜNG CHƠI ĐỘI

Bảng 15.1.2-C (top-5)

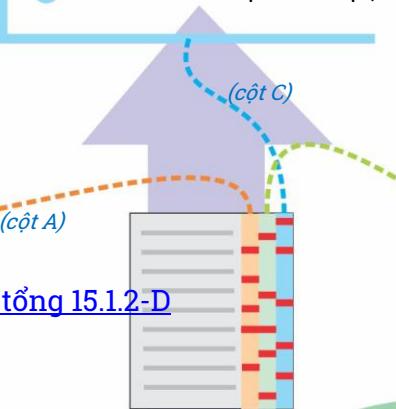
Nhóm #55: Dịch vụ chăm sóc khá ...

Bảng 15.1.2-A (top-5)

- Nhóm #140: Nhà hàng, nấu ăn, ẩm ...
- Nhóm #30: Xây dựng, kiến trúc ...
- Nhóm #147: Thể hình, dưỡng sinh ...
- Nhóm #125: Công nghệ thông tin, ...
- Nhóm #180: Nghệ thuật trình diễ ...

- NGHỀ NGHIỆP KHẨM PHÁ  
- NGÀNH HỌC KHỐI ĐÌNH  
- CÔNG VIỆC TẠM THỜI  
- TRÁI NGHIỆM, VÀ CHẠM

Bảng tổng 15.1.2-D



Bảng 15.1.2-B (top-5)

- Nhóm #1: Kế toán, kiểm toán, ...
- Nhóm #100: Y tế và chăm sóc sức ...
- Nhóm #165: Giáo dục và đào tạo, ...
- Nhóm #25: Kinh tế, xã hội học, ...
- Nhóm #75: Luật, dịch vụ pháp l ...

- KHẢ NĂNG BỘC LỘ  
- NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN  
- NGÀNH NGHỀ THẬT SỰ  
- THÍCH HỢP  
- CƠ HỘI, KỸ NĂNG

#### HOLLAND CODES (mục 15.2.3)

- ASE, AES, SAE, SEA, ESA
- "Artistic": Nghệ Thuật, Nghệ Sỹ, Mỹ Thuật, Thẩm Mỹ, Người Sáng Tạo
- "Social": Giao Tiếp, Xã Hội, Người Giúp Đỡ
- "Enterprise": Kinh Doanh, Dám Nghĩ Dám Làm, Người Thuyết Phục

#### BÁT TINH CUNG PHÁP

##### (mục 14.3)

- Mưu sinh: \* Thái Âm: Ăn uống / ẩm thực / lương thực / nhà hàng / ...
- Thu nhập: \* Thủ Diệu: Tài chính, kinh tế (thu ngân, ngân hàng, c ...
- Làm giàu: \* Thủ Diệu: (cũng giống như công việc giúp tăng lương, ...

#### HÀNH TINH, CUNG NHÀ 10, CHU KỲ NGÀY TRĂNG

##### (mục 6, mục 7 & mục 8.0.3)

- HTPĐ: Thiên Vương Tinh và không có hành tinh phụ nào khác.
- Bạn đòi hỏi nghề nghiệp của mình phải có hào hứng và một chút "mạo hiểm": bất kỳ cái gì nguy hiểm, m ...
- Mặt Trăng ở Nhân Mã là người hiếu động, hay lạc quan và dễ p ...



#### TÍNH CÁCH MBTI

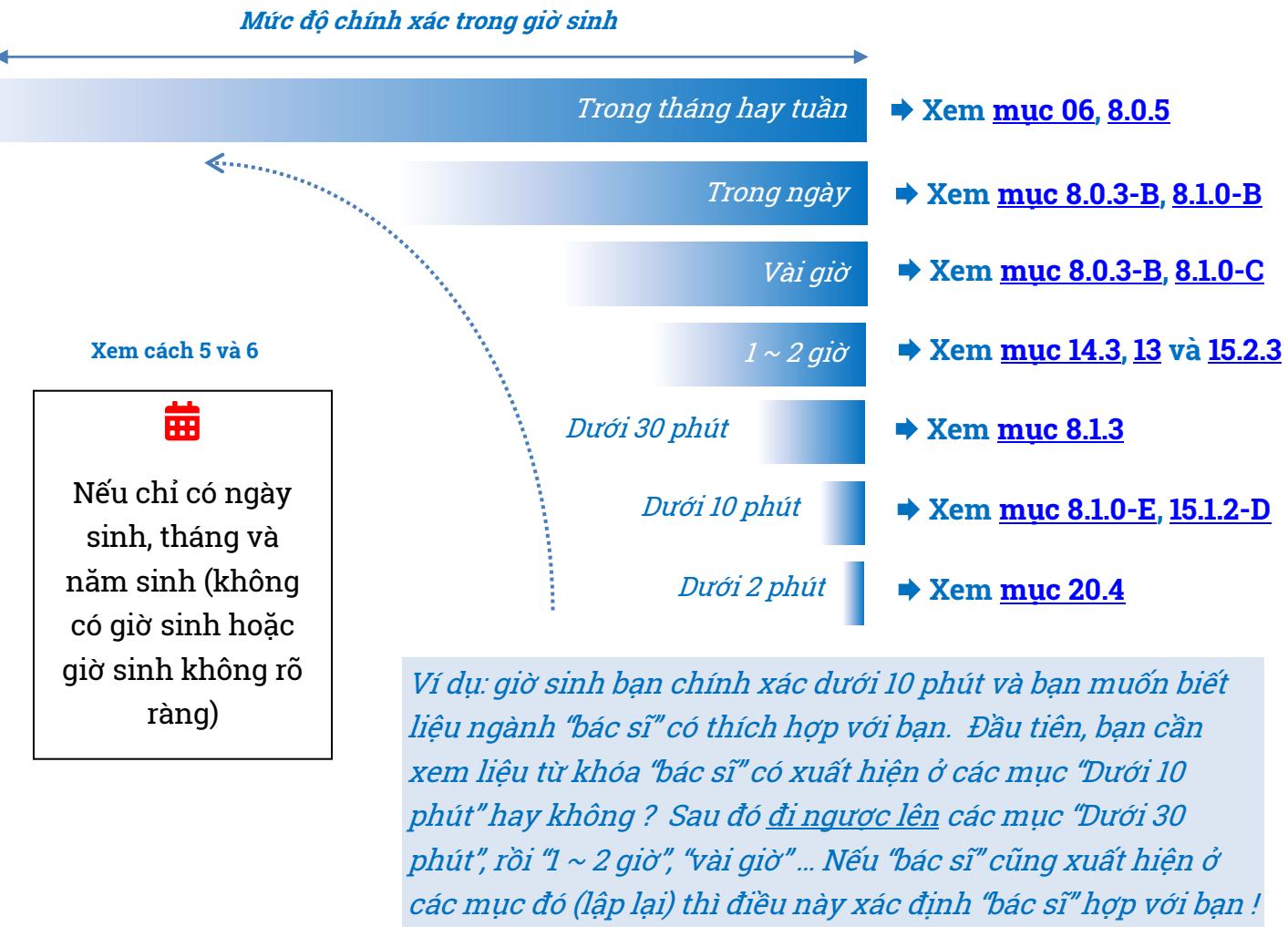
##### (mục 11)

- ENTP: Người Sáng Tạo/Khai Tượng (The Inventors/Visionaries) \* Việc làm nhân sự, Người viết quảng cáo, Hoạch định chiến lược, Phát thanh ...
- ...

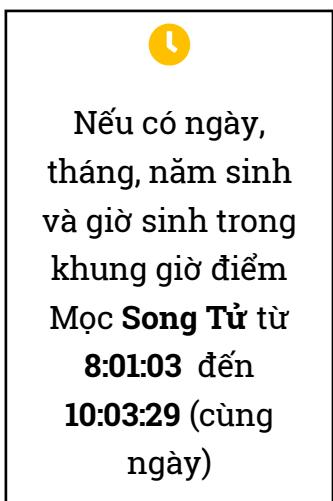
- 5 } Nếu giờ sinh chính xác  
4 } Nếu giờ sinh không  
3 } chính xác  
2 }  
1 }

## 15.1.4 CÁCH ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP TỪ MỤC TIÊU BẠN MUỐN CHỌN

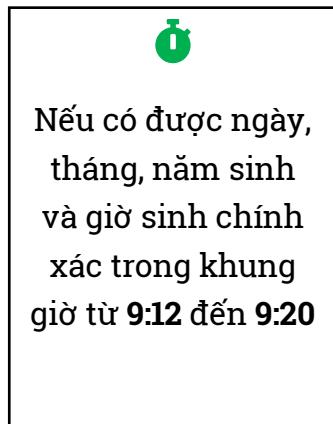
Để nhận biết mảng công việc, ngành nghề bạn Dương đang làm, dự định chuyển ngành, muốn kinh doanh v.v... liệu có thích hợp với mình hay không, một số minh họa hướng dẫn dưới đây sẽ giúp bạn chủ động xác định hướng đi từ kết quả của các mục phân tích trong báo cáo này **tùy theo độ chính xác trong giờ sinh của bạn**:



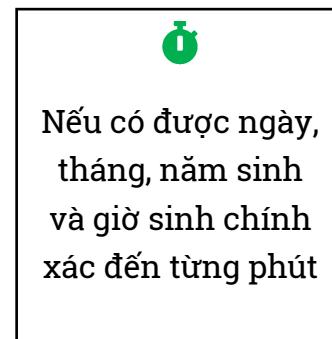
### Xem cách 3 và 4



### Xem cách 1 và 2

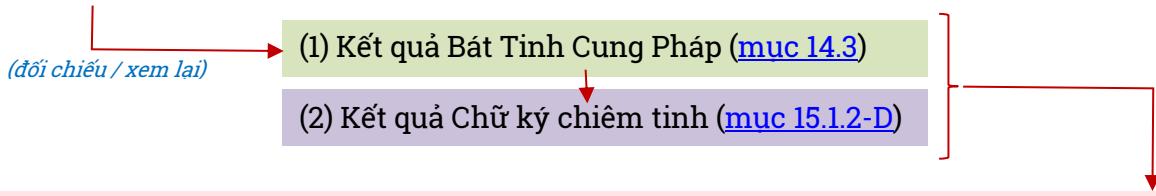


### Xem mục 20



### Cách 1: Kiểm tra nhanh (khi giờ sinh bạn chính xác) – có 2 bước

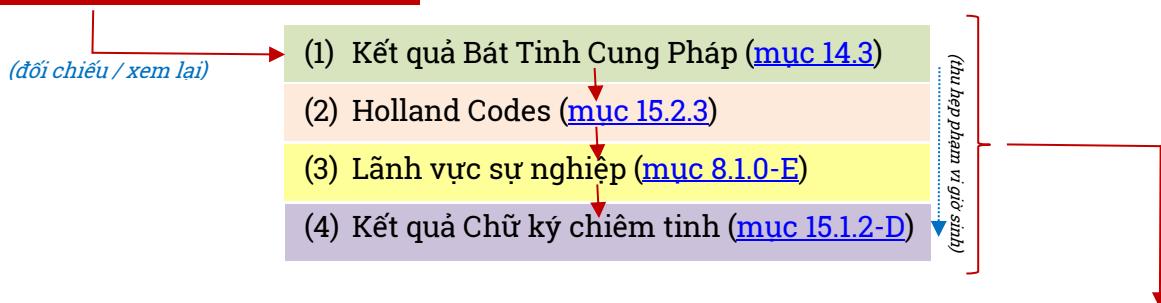
#### (Mục tiêu ngành nghề muốn chọn)



**Kết luận:** "Rất thích hợp" nếu tên ngành nghề mục tiêu cùng xuất hiện khớp với nhau ở cả 2 bước. "Tạm được" nếu ngành nghề bạn chọn chỉ có ở bước (1) nhưng không nằm trong top-5 hay ít nhất top-10 ở bước (2).

### Cách 2: Kiểm tra kỹ (khi giờ sinh bạn chính xác) – có 4 bước

#### (Mục tiêu ngành nghề muốn chọn)



**Kết luận:** "Rất thích hợp" nếu cả 4 cùng khớp với nhau. "Tạm được" nếu ngành nghề bạn chọn chỉ xuất hiện ở (1) và (2) nhưng không khớp với mô tả ở (3) và cũng không nằm trong top-5 hay ít nhất top-10 ở (4). "Không thích hợp" nếu cả 4 mục đều không khớp kết quả với nhau. Có thể kết hợp thêm với cách 6.

### Cách 3: Khi giờ sinh không chính xác, nhưng vẫn dao động trong phạm vi điểm Mộc Song Tử từ 8:01:03 đến 10:03:29 (cùng ngày)

#### (Mục tiêu ngành nghề muốn chọn)



**Kết luận:** "Thích hợp" hay "tốt" nếu cả 4 mục cùng khớp với nhau. "Tạm được" nếu ngành nghề bạn chọn chỉ xuất hiện ở một trong 4 mục này. Có thể kết hợp thêm với cách 6.

**Cách 4** (hướng dẫn ở [mục 10](#)): cũng dành cho giờ sinh không chính xác như cách 3, dao động trong phạm vi điểm Mọc Song Tử từ 8:01:03 đến 10:03:29 (cùng ngày).

(Mục tiêu ngành nghề muốn chọn)

(đổi chiếu / xem lại)

- (1) Holland Codes ([mục 15.2.3](#))
- (2) Khối và môn thi phù hợp với ngành nghề đó ([mục 9](#))
- (3) Chỉ số MBTI ([mục 11](#))
- (4) Chức vụ / địa vị trong công việc ([mục 12](#))

**Kết luận:** "Thích hợp" hay "tốt" nếu nội dung cả 4 mục đều tương đồng, khớp với nhau. "Tạm được" nếu ngành nghề bạn chọn chỉ xuất hiện ở một trong 4 mục này. "Không nên" nếu đa số có mâu thuẫn. Có thể kết hợp thêm với cách 6.

**Cách 5:** Khi giờ sinh hoàn toàn không chính xác (giờ sinh dao động hơn ±1 giờ đồng hồ, giờ sinh nằm ngoài biên độ cho phép ở cách 3, hoặc không có giờ sinh rõ ràng trong ngày)

(Mục tiêu ngành nghề muốn chọn)

(đổi chiếu / xem lại)

- (1) Hành tinh Phương Đông ([mục 6](#))
- (2) Hành tinh Trưởng Bối + Tham Mưu ([mục 8.0.5](#))

**Kết luận:** "Thích hợp" hay "tốt" nếu ý nghĩa cả 2 mục tương đồng với nhau. Có thể kết hợp thêm với cách 6.

**Cách 6:** Khi giờ sinh hoàn toàn không chính xác giống như cách 5

(Mục tiêu ngành nghề muốn chọn)

(đổi chiếu / xem lại)

- (1) Chu kỳ ngày Trăng ([mục 8.0.3-B](#))

**Kết luận:** Đây cũng là những ngành nghề tốt hay thích hợp với bạn. Cách này có thể dùng kết hợp với những cách nói trên, bổ sung thêm ý nghĩa và mở rộng phạm vi ngành nghề.

**Cách 7:** Đây là trường hợp sau khi bạn cập nhật báo cáo và ngành nghề ở bảng 15.1.2-D bị thay đổi thứ tự hoặc không còn đúng với bạn nữa (ngành nghề đang theo học hoặc đang công tác không còn nằm trong top-5 hay top-10 ở các cột ABC). Có mấy vấn đề cần lưu ý (và nhắc lại):

- Quy luật chung đó là:
  - Kết quả của những báo cáo sau luôn luôn CHÍNH XÁC HƠN báo cáo trước (nhất là khi số phiên bản MAAICA cũng tăng lên). Điều này có nghĩa là nếu báo cáo trước đây đúng với bạn trong thực tế (nhóm ngành bạn đang công tác => cũng là top 5 / top-10 ở các cột ABC), nhưng phiên bản sau đó lại không đúng (không còn nằm trong top-5 / top-10) thì đơn giản là ngành nghề đó chưa hẳn là ngành nghề tốt nhất đối với bạn. Tức là nó cũng "tốt", nhưng không phải "tốt nhất", nhất là khi "độ chính xác" đã cao hơn 100% và hầu như không thay đổi đáng kể giữa các phiên bản. Nghĩa là trong phiên bản mới, MAAICA đã tìm ra thêm những ngành nghề khác "tốt hơn" cho bạn.
  - "Độ chính xác trong chữ ký chiêm tinh" là con số được tô **màu đỏ** ở đây. Đây cũng là mức độ chính xác của bảng 15.1.2-D đối với dạng chữ ký chiêm tinh của lá số bạn. Con số này càng cao (trên 100%) thì kết quả bảng 15.1.2-D sẽ càng chính xác khi các ngành nghề trên bảng này sẽ ít hoặc không thay đổi thứ hạng mỗi khi cập nhật báo cáo.
- Vậy thì bạn có nên "chạy theo" kết quả trong cập nhật mới hay không ? Câu trả lời là "Tùy" – tùy theo tình trạng giờ sinh của bạn.
  - Để sử dụng bảng 15.1.2-D, giờ sinh bạn phải rất chính xác trong phạm vi đã nói ở mục 8.1.0-E. **Đây là một cảnh báo !** Vì nếu không chính xác mà sử dụng bảng này thì bạn sẽ có những ngộ nhận sai lệch về định hướng nghề nghiệp của mình
  - **Đây chính là lý do tại sao trong báo cáo có nhiều mục phân tích khác nhau tùy theo độ chính xác trong giờ sinh của bạn.** Những mục này không hề "vô dụng" mà công dụng của chúng chính là để ĐỔI CHIẾU với kết quả ở phần "giờ sinh chính xác" (mục 15.1.2-D). Có mấy trường hợp:
    - Nếu giờ sinh của bạn chắc chắn chính xác VÀ đa số các mục "giờ sinh chính xác" và "giờ sinh không chính xác" đều cho kết quả **khớp với nhau** (đều có từ khóa nói về cùng 1 ngành nghề) => thì đây là kết quả lý tưởng nhất, cho thấy bạn đã và đang công tác trong đúng ngành nghề của mình.
    - Nếu giờ sinh của bạn chắc chắn chính xác VÀ các mục "giờ sinh chính xác" và "giờ sinh không chính xác" cho kết quả "**mâu thuẫn**" / **xung đột** với nhau, nhất là sau khi cập nhật / thay đổi phiên bản và kết quả "mới" không còn khớp với kết quả "cũ" mà bạn mong muốn nữa => bạn sẽ cần xem lại những mục phân tích dành cho "giờ sinh không (cần) chính xác" có còn khớp với ngành nghề hiện tại hay không ? Bạn có thể kiểm tra / xem nhanh bằng cách đi thẳng đến 3 mục phân tích quan trọng gồm:

(cách 7 – tiếp theo)

**(Mục tiêu ngành nghề muốn chọn)**

(đổi chiếu / xem lại)

(1) Ngày sinh (ngày thứ và giờ chiêm tinh, [mục 8.1.0-B](#))

(2) Hành tinh tài lộc ([mục 8.1.0-C](#))

(3) Bát Tinh Cung Pháp ([mục 14.3.1 ~ 14.3.3](#))

**Kết luận:** Nếu 3 mục này đều nhắc đến ngành nghề mà bạn quan tâm thì bạn hoàn toàn có thể an tâm và tiếp tục công tác và phát triển ngành nghề đó. Ngoài ra bạn cũng có thể xem thêm mục thứ 4 = đó là phần "nửa đầu / nửa sau" của phân tích về "ngày Trăng" ([mục 8.0.3-B](#)).

- *Giả định giờ sinh bạn không chính xác, hoặc thật sự là nó không chính xác thì bạn cũng nên xem các mục quan trọng nói trên, vì đây là những mục "định hình" về con người, sự nghiệp và cuộc sống của bạn nói chung khi sinh ra trên cõi đời này.*



## 15.1.5 NGHỀ LAO ĐỘNG PHỔ THÔNG

Khác với những khối ngành nghề chính trong xã hội (bảng [15.1.2-D](#)), **nghề lao động phổ thông** là những ngành nghề không đòi hỏi trình độ hay kỹ năng chuyên môn cao và hầu hết ít nhiều ai cũng có thể làm được hoặc nhanh chóng học hỏi để thích nghi. Đây là những công việc thường dễ kiếm mà một số người có thể chọn làm “tạm bợ” trong khi đi học / tu nghiệp / thất nghiệp hay làm phụ trội “kiếm thêm” trong quá trình theo đuổi ngành nghề chính của mình. Tùy theo hoàn cảnh và môi trường địa phương, với đa số nhiều người khác thì “lao động phổ thông” là một công việc mưu sinh trọn đời.

Bảng [15.1.2-E](#) liệt kê các nghề lao động phổ thông thường gặp ở Việt Nam, sau đó phân tích những mã ngành liên quan (hiển thị trong các ô “mã chính” và “mã phụ” 1/2/3) lấy từ bảng [15.1.2-D](#). Tùy theo tình hình thứ hạng của các mã này ở bảng [15.1.2-D](#) (chúng có cùng nằm trong “top-10” hay không ?), bảng này đưa ra nhận định ở cột cuối cùng liệu bạn Dương có nên tìm, quyết định “thử” hay “làm” công việc lao động phổ thông đó hay không.

Cột “Nhận định” có 4 kết quả khác nhau: “Rất Tốt”, “Tốt”, “Tạm được” và “Không nên”:

**“Tốt” hay “Rất tốt”:** công việc hợp với lá số bạn, có thể làm lâu dài

**“Tạm được”:** có thể thử nếu không còn chọn lựa nào khác, nhưng không nên làm lâu dài

**“Không nên”:** không thích hợp, không tốt cho bạn (mặc dù bạn vẫn có thể thử nếu thích)

\* Một số lưu ý:

- Vì liên quan trực tiếp đến bảng [15.1.2-D](#) nên kết quả ở bảng 15.1.2-E cũng sẽ “nhạy cảm” với [giờ sinh chính xác](#) của bạn.
- Kết quả ở cột “Nhận định” chỉ là một đánh giá cơ bản và **không** cân nhắc đến một số yếu tố khác ví dụ như giới tính, tuổi tác v.v... có thể *hạn chế* khả năng bạn tham gia công việc.

### Bảng 15.1.2-E Danh sách các ngành nghề lao động phổ thông

Tên công việc	Mã chính	Mã phụ 1	Mã phụ 2	Mã phụ 3	Nhận định
Tài xế xe tải, nhân viên giao hàng (shipper / vận chuyển hàng hóa)	65	145			<b>Không nên</b>
Tài xế taxi, xe Grab / Uber / GoViet, xe buýt ... (vận chuyển người)	65	55			<b>Tạm được</b>
Tài xế xe cấp cứu (cứu thương), xe cứu hỏa, xe cảnh sát / quân đội	65	70			<b>Tạm được</b>
Tài xế xe VIP, chuyên chở lãnh đạo cấp cao	70	65	85	55	<b>Tốt</b>
Tài công (tàu bè, du thuyền, phà)	65	60			<b>Tạm được</b>
Tài công / thuyền trưởng tàu du lịch (cruise)	65	140	143	110	<b>Tạm được</b>
Nhân viên giao hàng / shipper chuyên về đồ ăn	65	140			<b>Tạm được</b>
Nhân viên giao hàng / shipper chuyên về hàng hóa đặt qua mạng, bỏ mối sỉ lẻ	65	50			<b>Không nên</b>
Công nhân vận hành xe lăn, xe lu, xe đào / ủi / múc đất, cần cẩu	65	30			<b>Tạm được</b>
Công nhân khuân vác (kho bãi, cầu, cảng ...)	145	65			<b>Không nên</b>
Thợ hàn / thợ tiện, cắt, phay, đúc	110	120	130		<b>Tạm được</b>
Thợ may (dệt may, quần áo, giày dép)	155	120			<b>Rất Tốt</b>

Thợ nhuộm (dệt may)	155	130			Rất Tốt
Thợ điện (điện lực, công nghiệp)	110	125	120		Tạm được
Thợ sửa điện nước (trong nhà, gia dụng), điện lạnh (máy lạnh)	110	20			Không nên
Thợ khoan giếng	110	20	60		Tạm được
Thợ làm khóa, sửa ống khóa	110	70	20	1	Tạm được
Thợ mộc	110	115	30		Tạm được
Thợ hồ, thợ nề (xây dựng)	30	20			Tốt
Thợ giàn giáo	30	110			Tốt
Giám sát công trình / thi công xây dựng	30	110	45		Tốt
Thợ sơn, dán giấy	30	150			Tốt
Thợ điêu khắc, phục hồi di tích	30	150	157		Tốt
Thợ kim hoàn	110	60			Tạm được
Công nhân dây chuyền sản xuất - thực phẩm (bánh kẹo, bia rượu, giải khát)	120	140			Rất Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất - thực phẩm (động vật tươi sống, sơ chế)	120	117	115		Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất - thực phẩm (rau củ quả)	120	115			Rất Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất - thực phẩm (bánh mì, pizza)	140	120			Rất Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất - mỹ phẩm	120	147			Rất Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất - dược phẩm	120	100			Rất Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất / lắp ráp - bàn ghế, nội thất	120	20			Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất / lắp ráp - xe cộ, tàu thuyền, máy bay	120	65			Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất / lắp ráp - điện tử, tin học, kim khí điện máy	120	125			Rất Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất / lắp ráp - nông cơ (phục vụ nông nghiệp)	120	115			Rất Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất / lắp ráp - thổ cẩm, thủ công mỹ nghệ	120	150			Tốt
Công nhân dây chuyền sản xuất / lắp ráp - thợ may, dệt may	120	155	90		Tốt
Công nhân công nghiệp nặng - Luyện kim, sắt thép	120	130			Rất Tốt
Công nhân công nghiệp nặng - Khai thác than, khoáng sản, dầu khí	120	60			Rất Tốt
Công nhân công nghiệp nặng - Sản xuất phân bón	120	115			Rất Tốt
Công nhân công nghiệp nặng - Cơ khí, cơ điện, tự động hóa	120	110			Tốt
Công nhân công nghiệp nặng - Năng lượng (điện lực, hạt nhân)	120	110			Tốt
Công nhân công nghiệp nặng - Hóa chất, nhựa, cao su	120	110	60	130	Tốt
Công nhân công nghiệp nặng - Gạch, gạch men, vật liệu xây dựng	120	30			Rất Tốt
Nhân viên bảo vệ, gác cổng, gác kho, kiểm soát vé	70	135	90		Tốt
Nhân viên giữ xe	70	65	135		Tốt
Nhân viên điều hướng / an toàn giao thông, trực gác chắn xe lửa	70	65	90		Tốt
Nhân viên quản lý kho / vật tư (siêu thị, hàng xưởng)	135	50	40		Tạm được
Nhân viên thu ngân (văn phòng, hành chính)	1	5	35		Tốt
Nhân viên thu ngân - xe buýt / tàu thuyền / trạm BOT / giao thông công cộng	135	65	1		Tạm được
Nhân viên thu ngân - rạp chiếu phim, nhà hát, khu giải trí	1	180	143		Tốt
Nhân viên thu ngân - nhà hàng, quán cà phê	1	140			Rất Tốt
Nhân viên bán đồ ăn - rạp chiếu phim, nhà hát, khu giải trí	140	1	143	180	Tốt
Nhân viên tiệm giặt ủi	40	145			Tốt
Giúp việc nhà, lao công / vệ sinh / tạp vụ	40	55			Rất Tốt
Chăm sóc sức khỏe tại nhà (điều dưỡng, người cao tuổi / tàn tật / ốm đau)	40	100			Rất Tốt
Giữ trẻ, chăm sóc / phụ giúp nuôi dạy trẻ em	40	100	165		Rất Tốt
Nhân viên lao công / vệ sinh / tạp vụ cho tòa nhà, khách sạn	140	40	120		Rất Tốt
Nhân viên lao công / vệ sinh / tạp vụ cho sân bay, bến xe	140	65	90		Tốt
Thợ làm vườn, tỉa cây, tạo hình cây cỏ, dịch vụ cây xanh	115	157			Tốt
Thợ lau kính / vệ sinh cao ốc, tòa nhà	40	145			Tốt
Nhân viên thu gom rác / phế liệu, phân loại / xử lý / chế biến rác	117	65			Không nên
Nhân viên pha chế (bar, nhà hàng)	140	143			Tốt

Nhân viên bán hàng - với người nước ngoài	170	150			Tốt
Nhân viên bán hàng - tiếp thị online	170	125			Rất Tốt
Nhân viên bán hàng - bảo hiểm	15	170	45		Tạm được
Nhân viên bán hàng - bán lẻ, tiệm tạp hóa, cửa hàng tiện lợi	170	50			Tốt
Nhân viên bán hàng - quần áo, thời trang, mỹ phẩm	170	155			Rất Tốt
Nhân viên bán hàng - điện thoại, vi tính, kim khí điện máy	170	125			Rất Tốt
Nhân viên bán hàng - đồ chơi công nghệ	143	170	110		Tạm được
Nhân viên bán hàng - vàng bạc đá quý (trang sức, kim hoàn)	170	60	110	150	Tốt
Nhân viên bán hàng - trạm xăng, kinh doanh xăng dầu	135	60	120		Tạm được
Nhân viên bán hàng - môi giới bất động sản	20	170			Tạm được
Nhân viên bán hàng - ô tô, xe máy, phương tiện vận chuyển, logistics	65	170			Tạm được
Nhân viên bán hàng - vật liệu xây dựng	170	30	60		Rất Tốt
Nhân viên bán hàng - đồ ăn nhanh	170	140			Rất Tốt
Nhân viên bán hàng - bóng bay / đồ chơi trẻ em / đồ mẹ và bé	170	143			Tốt
Nhân viên bán hàng - hàng lưu niệm / thổ cẩm / miễn thuế	170	150	50		Tốt
Nhân viên bán hàng - máy chụp hình, máy quay phim và phụ kiện	170	157	180		Tốt
Nhân viên bán hàng - bàn ghế tủ, đồ nội thất	170	20			Tốt
Nhân viên bán hàng - trái cây, rau củ quả, nông sản	170	115			Rất Tốt
Nhân viên bán hàng - hoa tươi (cưới hỏi, tang lễ ...)	170	115	150	170	Tốt
Nhân viên bán hàng - cá kiểng, cây cảnh	115	170	60		Rất Tốt
Nhân viên bán hàng - hóa chất, phân bón	170	130			Rất Tốt
Nhân viên bán hàng - dược phẩm (thuốc tây)	130	170	100	50	Tốt
Nhân viên bán hàng - thiết bị y tế, dụng cụ phòng thí nghiệm	110	170	100		Tạm được
Nhân viên phòng vé xe / máy bay / tàu thuyền, dịch vụ lữ hành	135	65	140		Tạm được
Lễ tân, đặt phòng khách sạn (đô thị)	135	140			Tạm được
Lễ tân, đặt phòng khách sạn (resort / nghỉ dưỡng)	140	135	60	65	Tốt
Bán vé số	143	10	170		Tạm được
Nhân viên sòng bài / casino	140	143	10		Tốt
Nhân viên giám sát và quản lý phòng game / trò chơi (khu giải trí)	135	143	110	90	Không nên
Chuyên viên thông dịch	150	165	175		Tạm được
Chuyên viên lồng tiếng (phim ảnh)	150	180			Tạm được
Người mẫu, diễn viên đóng thế, diễn viên quần chúng	180	147	90		Tốt
Nhân viên cứu hộ (hồ bơi, bãi biển, khu du lịch)	70	100			Rất Tốt
Thợ sửa chữa / bảo trì phương tiện giao thông (xe cộ, tàu, thuyền, máy bay)	110	65			Không nên
Thợ sửa chữa / bảo trì điện thoại, máy in, máy ảnh, TV, radio, đồng hồ	110	175			Không nên
Thợ sửa chữa / bảo trì máy tính, bộ điều khiển, đồng hồ	110	125			Tạm được
Trợ lý phòng khám bác sĩ / nha khoa	100	55	80		Rất Tốt
Thư ký văn phòng	35	45			Không nên
Chuyên viên pháp lý, hành chính ban	75	35			Tốt
Chuyên viên xử lý khủng hoảng	75	1	80		Rất Tốt
Nhân viên in ấn / photocopy	175	135			Không nên
Nhân viên phát tờ rơi, dán quảng cáo, tiếp thị / chào mời sản phẩm	175	170	65		Tạm được
Nhân viên phòng hát karaoke	143	140	180		Tạm được
Tiếp viên nhà hàng / quán cà phê	140	55	40		Rất Tốt
Nhân viên phụ bếp / rửa chén bát / quét dọn quán	140	117			Tốt
Bán hàng rong, đồ ăn đường phố / lưu động	140	65	170		Tốt
Thợ chụp hình / quay phim đám cưới	157	140			Tạm được
May áo cưới / cho thuê đồ cưới	155	170			Rất Tốt
DJ / Xếp đặt âm thanh / nhạc cụ / ánh sáng (tiệc tùng, bar, club, nhà hàng)	180	110	143		Tốt
Nhân viên phục vụ tang lễ	117	145			Không nên

Thiết kế đồ họa / tạo hình 3D	157	150	180		Tạm được
Hướng dẫn viên đào tạo lái xe / ô tô	65	45	165		Tạm được
Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên hỗ trợ tham quan, tư vấn dịch vụ lữ hành	140	55	45		Tốt
Thợ cắt tóc + bới tóc / trang điểm / chăm sóc da + da mặt / làm móng tay	147	180			Rất Tốt
Thợ lắp biển quảng cáo	170	110			Tốt
Thợ chăn nuôi, cấy giống	115	110	130		Tốt
Thợ câu / đánh bắt thủy hải sản	117	65			Không nên
Thợ thu hoạch nông sản (lúa gạo, rau củ quả ...)	115	120			Rất Tốt
Thợ xay lúa	115	145			Tốt
Chuyên viên kỹ thuật / kỹ sư môi trường	110	60			Tạm được
Chuyên viên không lưu / dịch vụ mặt đất / hành lý	110	65			Không nên



### 15.1.6 Những công việc tốt nhất trong đại vận NTBT hiện tại

Nếu giờ sinh bạn chính xác, phần này giúp bạn chọn lựa những công việc phù hợp nhất trong thời điểm hiện tại (lúc đăng ký báo cáo này). Đây là sự kết hợp giữa [mục 8.3.2](#) (vận Nhị Thập Bát Tú) và [bảng 15.1.2-D](#) (nghề nghiệp top-5 / top-10 từ giờ sinh chính xác của bạn tính toán bởi trí tuệ nhân tạo MAAICA).

Hiện tại, bạn Dương đang ở đại vận **Thái Âm** (từ ngày 06/06/2015 kéo dài đến ngày 06/06/2025). Có nhiều ngành nghề thuộc top-5 / top-10 ở [bảng 15.1.2-D](#), nhưng phần này sẽ lọc ra chỉ những ngành nghề top-5/top-10 nào thích hợp với bạn Dương ở riêng đại vận **Thái Âm** này và loại bỏ những ngành nghề khác không phù hợp trong nhóm top-5/top-10.

Những ngành nghề / công việc tốt nhất với bạn Dương trong đại vận **Thái Âm** (từ ngày 06/06/2015 đến ngày 06/06/2025) là các nhóm:

**40, 55, 115**

Trong đó gồm có:

[40] Management, operations & services, housekeeping

- Quản lý điều hành, vận hành, điều phối, dịch vụ, vệ sinh tinh, nội trợ, tạp vụ

[55] Customer services

- Dịch vụ chăm sóc khách hàng (kinh doanh, bán hàng, hậu mãi, trợ tá, lễ tân, phục vụ, tiếp viên)

[115] Agriculture, animal, breeding, zoology, horticulture, natural conservation, bio-tech & plant resources

- Nông nghiệp, lâm sinh, chăn nuôi, thú y, sở thú, trồng trọt, làm vườn, thu hoạch, lai tạo / nhân giống, công nghệ sinh học / thực phẩm, trang trại

\* Chọn lựa tốt nhì cho bạn Dương là các nhóm ngành / công việc:

**1, 10, 30, 75, 80, 100, 120, 130, 140, 147, 165**

[1] Accountancy, tax & financial management, cashier

- Kế toán, kiểm toán, thuế vụ và quản lý tài chính, thu ngân

[10] Investments, acquisitions, speculatives, stocks & bonds

- Đầu tư, đầu cơ, thu tóm, chứng khoán, cá cược, cổ phiếu, trái phiếu, tiền ảo

[30] Construction, civil engineering and quantity surveying

- Xây dựng (kỹ sư đô thị, kiến trúc sư, kỹ sư dự toán, nội thất, thi công ...)

[75] Law, legal services and patents, correctional services

- Luật, dịch vụ pháp luật và bản quyền (luật sư, thẩm phán, bồi thẩm, quan tòa, công chứng, trại giam, cải tạo, thi hành án, pháp lý, pháp chế...)

[80] Public sector and civil service

- Công chức hành chính, dân chính, dịch vụ công ích

[100] Medical and healthcare

- Y tế và chăm sóc sức khỏe

[120] Manufacturing, processing and energy industries

- Công nghiệp sản xuất, chế biến và năng lượng

[130] Science, research and development

- Khoa học, nghiên cứu và phát triển (dược, hóa, sinh, toán, vật lý, địa lý, v.v...)

[140] Hospitality, sport, leisure, tourism, food & beverage

- Nhà hàng, khách sạn, khu sinh thái, khu nghỉ dưỡng, du lịch (lữ hành, xách tay, lưu niệm), trạm dừng chân, vui chơi giải trí, ẩm thực, bia rượu, giải khát

[147] Sports, labor & body arts, beauticeans, cosmetics (care, enhancement, product & surgery), model, body double

- Thể hình, dưỡng sinh, yoga, chăm sóc cơ thể (sắc đẹp, massage, spa, tóc, xăm, hóa trang, trang điểm, thẩm mỹ viện), tạo dáng, khiêu vũ, người mẫu, diễn viên (thể thân)

[165] Teaching, training and education (academic)

- Giáo dục và đào tạo, sư phạm (phổ thông, hàn lâm, học viện ...)

- Một số người chỉ làm duy nhất một công việc suốt đời bởi vì những hành tinh trong vận hạn NTBT của họ trên lá số đều nằm cùng một cung hoặc có sự liên hệ hỗ tương nhau.



## 15.2 NGHỀ NGHIỆP THEO NHẬN ĐỊNH MÃ NGÀNH HOLLAND'S CODE

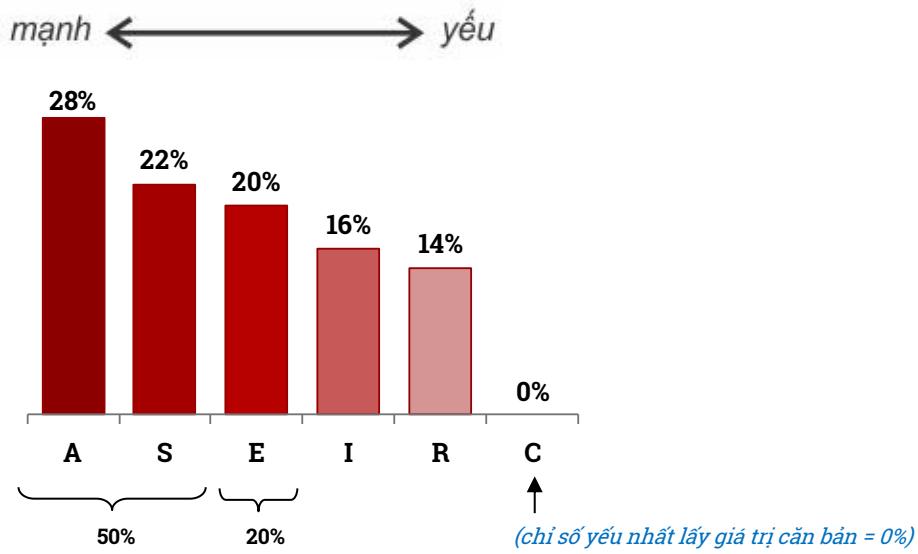
Nếu bạn Dương có **giờ sinh không chính xác** ([mục 3.1](#)) thì [mục 14.3](#) và phương pháp "Holland Codes" ở mục 15.2 này sẽ được tham khảo / sử dụng thay cho [mục 15.1](#)

Mặc dù bạn Dương có thể theo đuổi ngành nghề "thích hợp nhất" đối với bạn như đã mô tả trong [mục 13](#), sau đây là danh sách những ngành nghề cụ thể trong thực tế khi *kết hợp* giữa ngành "thích hợp nhất" + "thích hợp 2" + "thích hợp 3" lại với nhau dựa trên các chỉ số Holland's Codes của bạn. Lưu ý:

- Một số nghề chuyên môn liệt kê dưới đây có thể chưa có ở Việt Nam, nhưng sẽ gặp khi bạn đi du học, định cư hay lao động ở nước ngoài. Các nghề này được dựa trên cơ sở dữ liệu thống kê từ Bộ Lao Động Mỹ (Department of Labor, USA) kết hợp với dữ liệu nghiên cứu và cập nhật của Chòi Chiêm Tinh. Danh sách này dĩ nhiên là không bao giờ đầy đủ, vì sẽ có những ngành nghề theo đặc thù riêng của "địa phương" (quốc gia), "vùng miền".
- Ngoài ra, nhiều mã ngành tương đương có cùng 2 ký tự đầu nhưng đảo thứ tự (ví dụ như "ERS" hay "RES") sẽ có thể có những công việc tương tự hay *giống nhau*. Nói cách khác, **2 chỉ số đầu trong mã ngành của bạn thông thường quyết định phần lớn tính cách công việc của bạn trong thực tế**. Chỉ số đứng thứ ba (hoặc đôi khi thứ bốn) thường thích hợp cho một "nghề trung gian" hay "nghề tay trái" để "làm tạm" trong khi tìm kiếm công việc thích hợp nhất trên con đường sự nghiệp của bạn.
- Nếu dùng Holland Codes, bạn có thể xem thêm ngành nghề bổ sung qua chỉ số MBTI của bạn đã phân tích ở [mục 11](#). Ngoài ra, ngành nghề của bạn trong phần này cũng liên quan mật thiết đến "chức vụ" / "địa vị" của bạn như đã trình bày ở [mục 12](#) (tr. [152](#)).

### 15.2.1 HOLLAND'S CODE / MÃ NGÀNH CỦA BẠN =

**ASE**



2 chỉ số đầu trong mã ngành của bạn thông thường quyết định phần lớn tính cách công việc của bạn trong thực tế.

**Tóm tắt:** Sở trường chính của bạn Dương là "*nghệ thuật*"(A) – mạnh nhất, với các khả năng "*xã hội*"(S) – mạnh nhì, và "*kinh doanh*"(E) – mạnh ba (bổ sung).



## 15.2.2 THÍCH HỢP CHO VIỆC “LÀM CHỦ”, KINH DOANH ?

Câu hỏi mà nhiều người Việt Nam chúng ta quan tâm đó là liệu người có mã ngành ASE như bạn có thể tự đứng ra làm kinh doanh được hay không ?

Câu trả lời cho bạn Dương đó là “**Có thể được, nhưng bạn sẽ cần khá nhiều sự giúp đỡ từ người khác để có thể duy trì và ổn định công việc, nhất là một ê-kíp để tổ chức và quản lý chi tiết công việc, một bộ phận chuyên trách về kỹ thuật, hoặc tốt hơn và có lẽ đỡ vất vả nhất cho bạn đó là nên hùn hợp, trở thành cổ đông hay là thành viên trong hội đồng quản trị của một công ty hay tập đoàn (vì bản chất bạn thật ra thích hợp hơn với môi trường như thế) dù bạn là người rất có ý tưởng và tầm nhìn**” (trong ngành nghề mà bạn yêu thích hoặc làm thêm bên ngoài).

Xem thêm kết quả cho chủ đề này trong [mục 12](#) và [bảng 14.3 Bát Tinh Cung Pháp](#). **Cả 3 phương pháp này cần cho ra kết quả giống nhau.** Nếu có sự mâu thuẫn, bất đồng với một trong 3 phương pháp này thì kết quả ở [mục 14.3](#) sẽ là nhận định đúng nhất về câu hỏi của bạn.

<u>Mục 15.2.2</u>	<u>Mục 12</u>	<u>Mục 14.3</u>	= Kết luận
Không nên	Không nên	Không nên	<b>Không nên kinh doanh</b>
Không nên	Có	Không nên	
Có	Không nên	Không nên	
Có	Có	Không nên	<b>Thận trọng</b>
Không nên	Có	Có	
Có	Không nên	Có	<b>Được, có thể kinh doanh</b>
Có	Có	Có	

Một chỉ dấu thứ 4 khác cho thấy bạn nên hay không nên kinh doanh đó là nhìn vào tổng quan [mục vân han 8.3.2-A](#). Nếu thấy phần lớn các năm gần đây và sắp tới có mũi tên “đi xuống” màu đỏ ↓ trong hạn tuổi 18 ~ 80 thì cuộc đời bạn cũng không nên kinh doanh, hoặc / và hạn chế đầu tư mạo hiểm.



### 15.2.3 DANH SÁCH NGÀNH NGHỀ THEO HOLLAND CODES

Đây không phải là một danh sách “tất cả”, mà chỉ là “tiêu biểu” những nghề thường gặp với chỉ số ASE trong nghiên cứu trên thế giới. Nếu bạn Dương đang có một ngành mà bạn thích, quan tâm, đang theo học hoặc đang làm, nhưng không có tên trong các danh sách tiêu biểu dưới đây, bạn Dương có thể [email thắc mắc cho tôi](#) để được tư vấn thêm.

#### Ngành nghề thường thích hợp cho mã: ASE

Chuyên gia phân tích tin tức (truyền thông)

Chuyên gia quan hệ ngoại giao (PR)

Chuyên viên hòa nhạc (phát triển game vi tính)

Chuyên viên tư vấn ngoại hình (thời trang)

Chuyên viên viết lời hài hước (quảng cáo)

Chuyên viên đại diện tiếp thị (xuất bản)

Diễn viên biên đạo múa (choreographers)

Giáo viên dạy nhảy múa

Giáo viên nghệ thuật (đại học)

Giáo viên nghệ thuật sân khấu

Nghệ sĩ kính màu (stained glass artists)

Nhà viết kịch bản (điện ảnh / sân khấu)

Nhân viên quan hệ ngoại giao (PR)

Nhạc sĩ viết lời (nghệ thuật)

Nhạc sĩ viết nhạc quảng cáo (TV)

Phát ngôn viên (truyền hình radio)

Quản lý quan hệ ngoại giao (PR)

Quản lý xưởng in ấn (quảng cáo)

Thông dịch viên

Thư ký báo chí (chính phủ)

Thợ cắt tóc

Đạo diễn (điện ảnh)

Đạo diễn âm nhạc

**Bạn cũng có thể tham khảo, thay đổi sang hoặc kiêm nhiệm thêm các ngành nghề có mã tương đương khác tùy theo hoàn cảnh và điều kiện của bạn cho phép:**

Mã AES 

*Những ngành nghề này vẫn nhấn mạnh mặt mạnh nhất của bạn Dương là "nghệ thuật" (A), nhưng chú trọng nhiều hơn về mặt "kinh doanh" (E) thay vì "xã hội" (S).*

Biên tập phim hoạt họa

Biên tập viên (báo chí, xuất bản, điện ảnh)

Biên tập viên cộng sự và trợ lý (xuất bản)

Biên tập viên tuần báo

Ca sĩ

Chuyên gia hệ thống đa phương tiện

Chuyên gia hệ thống điện sân khấu

Chuyên gia ảo thuật

Chuyên viên biên tập lời thoại (truyền hình / radio)

Chuyên viên biên tập xuất bản

Chuyên viên dịch vụ bảo mẫu

Chuyên viên dịch vụ tư vấn cưới hỏi

Chuyên viên hoạt hình (animators / cartoonists)

Chuyên viên làm phim hoạt hình

Chuyên viên làm tóc

Chuyên viên lưu trữ giấy tờ / dữ liệu (archivists)

Chuyên viên phân tích

Chuyên viên phê bình (báo chí)

Chuyên viên quay phim (điện ảnh, truyền hình)

Chuyên viên thiết kế công nghiệp

Chuyên viên thiết kế nội thất

Chuyên viên thiết kế phong cảnh (điện ảnh)

Chuyên viên thiết kế quảng cáo

Chuyên viên thiết kế và trưng bày cửa hàng

Chuyên viên thông tin không gian địa lý (geospatial specialist)

Chuyên viên thẩm mỹ

Chuyên viên trang trí phong cảnh (điện ảnh)

Chuyên viên tô màu (hoạt hình)

Chủ nhiệm biên tập (báo chí, xuất bản)

Cảnh sát tình báo

Diễn viên (điện ảnh / sân khấu)

Diễn viên biên đạo múa (choreographers)

Diễn viên giả hình (impersonators)

Diễn viên hài (xiếc / kịch)

Diễn viên múa rối nói bằng bụng (ventriloquists)

Giám đốc sân khấu (nghệ thuật)

Giám đốc tiếp thị trên mạng

Giáo viên âm nhạc

Nghệ sĩ tạo hình in khắc (tatoo)

Nhà báo / nhà văn tự do

Nhà thơ

Nhà văn

Nhân viên cục tình báo

Phát ngôn viên thể thao (truyền hình, truyền thanh)

Quản lý công ty dịch vụ truyền thông

Quản lý khách hàng (báo chí / quảng cáo)

Quản lý tiếp thị (quảng cáo)

Thiết kế sản xuất (điện ảnh)

Thợ cắt tóc

Trợ lý quay phim (điện ảnh)

Xử lý giấy tờ (văn phòng)

Điều hành chương trình (truyền hình, truyền thanh)

Điều hành xuất bản (hội đoàn)

Điệp viên tình báo

Đạo diễn hình ảnh (cinematographers)

Đạo diễn nghệ thuật (quảng cáo / điện ảnh / xuất bản)

Đạo diễn nhiếp ảnh (directors of photography)

Đạo diễn sáng tạo (quảng cáo)

Đạo diễn âm nhạc



*Đây là những ngành nghề khai thác khả năng mạnh nhì của bạn là "xã hội" (S), kế đến là mặt mạnh nhất "nghệ thuật" (A) rồi đến mặt mạnh ba của bạn, "kinh doanh" (E).*

Bác sĩ tâm lý hạnh phúc gia đình

Bảo mẫu / chăm sóc ấu nhi trẻ em

Bộ trưởng (chính phủ)

Chuyên viên tư vấn giáo dục

Chuyên viên tư vấn hướng nghiệp

Chuyên viên tư vấn hạnh phúc gia đình

Chuyên viên điều trị bệnh bằng nghệ thuật (art therapists)

Giáo sĩ (tôn giáo)

Giáo viên chuyên khoa ngôn ngữ

Giáo viên dạy nghệ thuật

Giáo viên mầm non

Giáo viên ngoại ngữ

Giáo viên tiểu học

Giáo viên trung học

Giáo viên kiến trúc (đại học)

Nhà truyền giáo (tôn giáo)

Nhân viên chăm sóc trẻ em (dịch vụ xã hội)

Nhân viên dịch vụ tìm kiếm nhà ở

Nhân viên trung tâm hoạt động tôn giáo

Thanh tra / Nhân viên an toàn thực phẩm

Thanh tra / Nhân viên kiểm tra an toàn sản phẩm cho người tiêu dùng

## Y tá nhi khoa Điều phối viên ngành giáo dục

Mã **SEA** 

Những ngành nghề này cũng đề cao mặt mạnh nhì của bạn Dương là "xã hội" (**S**), với khả năng/sở thích thiên nhiều hơn về, "kinh doanh" (**E**), rồi mới kết hợp thêm mặt mạnh nhất của bạn, "nghệ thuật" (**A**).

Bác sĩ / chuyên viên tâm lý cai nghiện và phục hồi nhân phẩm

Chuyên viên dịch vụ chăm sóc da mặt (thẩm mỹ)

Chuyên viên dịch vụ xã hội cho trẻ mồ côi

Chuyên viên thẩm mỹ

Chuyên viên trang điểm

Chuyên viên tư vấn ngoại hình (thời trang)

Chuyên viên tư vấn sức khỏe cộng đồng

Chủ nhiệm khoa (đại học)

Cảnh sát phòng cháy chữa cháy

Giám đốc chương trình (truyền hình, truyền thanh)

Giám đốc giáo dục tôn giáo

Giám đốc sản xuất (truyền hình, truyền thanh)

Giáo sĩ

Hướng dẫn viên du lịch

Nhân viên (cán bộ) phòng thương binh và xã hội

Nhân viên dịch vụ xã hội chăm sóc gia đình (chính phủ)

Nhân viên dịch vụ xã hội chăm sóc người cao niên (chính phủ)

Nhân viên dịch vụ thể dục thể thao

Nhân viên trại nuôi dưỡng trẻ mồ côi và khuyết tật

Phát ngôn viên (kinh doanh / chính phủ)

Phó hiệu trưởng (giáo dục)

Phó đội phòng cháy chữa cháy

Quản lý dịch vụ quyền lợi công nhân viên (nhân sự / chính phủ)

Quản lý thu hoạch nông sản (đóng gói và bảo quản)

Quản lý trại cai nghiện và phục hồi nhân phẩm

Quản lý viện chăm sóc người khuyết tật

Trợ lý giám đốc (văn phòng)

Trợ lý trị liệu tai nạn công việc (occupational therapy aides)

Điều phối viên giáo dục sức khỏe cộng đồng

Mã **ESA** 

Trong thực tế, bạn Dương cũng có thể thích làm những công việc thiên về mặt mạnh ba của bạn là "kinh doanh" (**E**), kết hợp với mặt mạnh nhì, "xã hội" (**S**) và thêm một số kỹ năng trong mặt mạnh nhất của bạn, "nghệ thuật" (**A**). Trong trường hợp này, đôi khi bạn có thể "chán nản" sau khi làm công việc này một thời gian và sẽ tìm một cách hay "lối thoát" nào đó để trở về phát huy mặt mạnh nhất ("nghệ thuật" - **A**) bên trong bạn.

## Biên tập viên tuần báo

Chuyên viên chăm sóc sắc đẹp

Chuyên viên chống thất thoát

Chuyên viên hoạt động kinh doanh (xuất bản)

Chuyên viên lên men /ủ men (bia rượu, bánh mì)

Chuyên viên phòng cháy rừng

Chuyên viên tìm kiếm tài năng (talent agency)

Chuyên viên tư vấn HIV/AIDS

Chuyên viên đa phương tiện (thư viện)

Chỉ huy đoàn tàu (đường sắt)

Chủ tịch hội cựu sinh viên

Cán bộ chính trị

Cán bộ công vụ (public diplomacy)

Cán bộ dịch vụ cho người nước ngoài

Cán bộ hoạt động quốc tế (công dân & di trú)

Cán bộ hành chính dịch vụ xã hội

Cán bộ hội đoàn

Cán bộ kinh tế

Cán bộ lãnh sự quán

Cán bộ phòng cháy chữa cháy

Cán bộ quản lý công

Cán bộ quản trị (chính phủ)

Cán bộ sở công dân và di trú

Cán bộ thanh tra phòng cháy chữa cháy (chính phủ)

Cán bộ thu hồi nợ

Cán bộ thu hồi nợ (tín dụng)

Cán bộ thông tin & văn hóa

Cán bộ trung tâm văn hóa

Doanh nhân

Doanh nhân buôn bán trên mạng

Giám sát thu hồi rác tái chế

Giám sát trung tâm giải trí

Giám đốc / giám sát hành chính (bệnh viện)

Giám đốc chương trình gây quỹ

Giám đốc khu du lịch / cắm trại

Giám đốc phòng hành chính cao đẳng / đại học

Giám đốc phòng lưu hành (xuất bản, báo chí)

Giám đốc trung tâm giải trí

Kinh doanh sĩ (xuất nhập khẩu)

Luật sư bào chữa công

Luật sư hình sự

Luật sư kinh doanh

Người phân giải, trọng tài (mediators / arbitrators)

Nhà kinh doanh kim hoàn

Nhà sản xuất dây chuyền (điện ảnh - line producers)

Nhà sản xuất điện ảnh, âm nhạc

Nhà đầu tư

Nhà đồng sản xuất (điện ảnh)

Nhân viên chương trình gây quỹ

Nhân viên demo sản phẩm

Nhân viên dịch vụ chăm sóc người cao niên

Nhân viên kinh doanh bán lẻ

Nhân viên kinh doanh bất động sản

Nhân viên kinh doanh kim hoàn

Nhân viên y tế và sức khỏe cộng đồng

Nhân viên đòi nợ

Nhân viên đại lý mua bán dịch vụ thương mại

Nông dân nuôi trồng thủy sản

Quản lý bán hàng

Quản lý bán hàng (truyền thông, xuất bản)

Quản lý chống thất thoát

Quản lý dịch vụ thành viên

Quản lý dịch vụ tổ chức hội nghị

Quản lý hành chính phòng cấp cứu (bệnh viện)

Quản lý hồ sơ nhập viện

Quản lý hội nghị

Quản lý hợp đồng

Quản lý nuôi trồng thủy sản

Quản lý quảng cáo và quảng bá (xuất bản)

Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro và bảo hiểm (tài chính)

Quản lý trung tâm giải trí

Quản lý viện dưỡng lão hay chăm sóc trẻ em

Quản lý xuất nhập khẩu

Quản lý ấp trứng (nuôi trồng thủy sản)

Quản trị trung tâm cai nghiện và phục hồi nhân phẩm

Thông dịch viên

Thẩm phán tòa án / Quan tòa

Thủ thư trường trung học

Trưởng ban / nhân viên tổ chức từ thiện

Trưởng ban tổ chức sinh hoạt cộng đồng

Trợ lý sản xuất (điện ảnh)

Vận động hành lang (lobbyists)

Đại diện Hòa bình Liên Hiệp Quốc

Đại diện công đoàn

Đại diện nhà máy

Đại diện nhà sản xuất kinh doanh sĩ

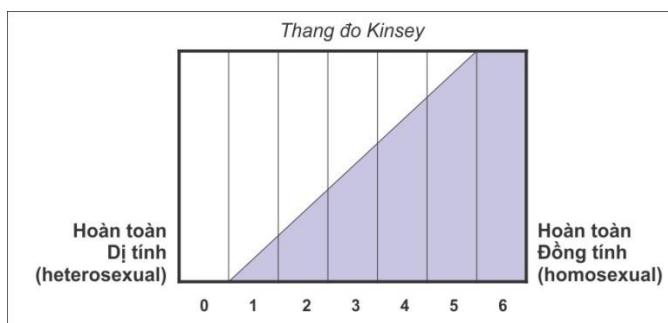


## 16. Phụ lục: Thiên Hướng Giới Tính (Gender Orientation)

Dù bị cấm đoán hay được công khai, thiên hướng giới tính (gender orientation) là một vấn đề "nhạy cảm" ở nhiều văn hóa địa phương trên thế giới. Nhưng dưới góc độ nghiêm túc, đây là yếu tố hết sức cần thiết trong việc định hướng nghề nghiệp để giúp chúng ta hiểu rõ động lực đằng sau sự tương tác hàng ngày giữa chúng ta với một tập thể hay xã hội trong công việc. Vào năm 1948, nhà nghiên cứu tình dục học Alfred Kinsey đã đưa ra một tiêu chuẩn để xác định thiên hướng tình dục (sexual orientation) của con người gọi là "thang đo Kinsey" (Kinsey scale) dựa trên trải nghiệm hay phản ứng của họ tại một thời điểm nhất định.

Có sự khác biệt ở đây: "thiên hướng **giới tính**" là "giới tính" mà tâm lý chúng ta cảm nhận ở "bên trong" (self-realization), còn "thiên hướng **tình dục**" là những gì chúng ta thể hiện ra bên ngoài (outer expression). "Thiên hướng giới tính" là yếu tố "định mệnh" có thể phân tích bằng chiêm tinh học, trong khi "thiên hướng tình dục" là phần "ý chí tự do" (free wills) hay quyết định của con người chúng ta mà *không thể* phân tích bằng chiêm tinh học.

Thông thường thì cảm nhận "bên trong" và thể hiện "bên ngoài" sẽ "đồng bộ" giống nhau. Ví dụ, một người cảm thấy anh ta là "đàn ông" bên trong và bên ngoài, anh ta cũng thể hiện cho mọi người thấy như vậy trong sinh hoạt của mình. Với một số người thì đôi khi cảm nhận "bên trong" không giống như những gì anh ta thể hiện ra bên ngoài. Chẳng hạn, anh ta có thể cảm thấy mình thật sự là một "đàn bà" sống trong một vỏ bọc / hình hài của người "đàn ông". Đến một giai đoạn nào đó, anh ta có thể muốn làm cái gì đó và bằng mọi cách để thể hiện giới tính "đàn bà" thật sự của mình.



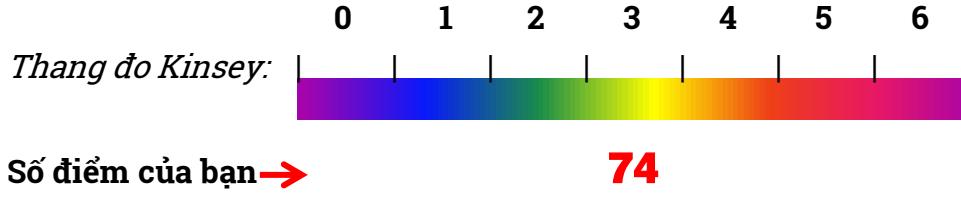
Thang đo Kinsey gồm có 7 nấc, bắt đầu từ 0, nghĩa là hoàn toàn "dị tính" (heterosexual), chuyển tiếp qua "song tính" (bi-sexual) ở khoảng 2-3-4 rồi đến hoàn toàn "đồng tính" (homosexual) là nấc thứ 6. Ngoài 7 nấc thang này ra còn có nấc "X" là loại thang dành cho người "vô tính" (asexual), những người không có ham muốn tình dục với cả nam lẫn nữ. Cũng giống như đàn ông và đàn bà đều có 2 hormone giới tính là estrogen (của đàn bà) và testosterone (của đàn ông) trong cơ thể nhưng với tỷ lệ khác nhau (ví dụ, đàn ông có nhiều testosterone hơn lượng estrogen) thì thang đo Kinsey cũng cho thấy thiên hướng tình dục của mỗi con người chúng ta có thể nằm đâu đó ở giữa 2 thái cực của thang đo này chứ thường không hoàn toàn nghiên về bên nào.

Trong chiêm tinh học, có khá nhiều yếu tố để xác định "thiên hướng tình dục" của một con người. Ngoài "giới tính" của bạn như đã giới thiệu ở [mục 5](#), những yếu tố này thường liên quan đến các góc chiếu trên một lá số qua sự **tổng hợp** của:

- i. Bộ sao Thủy Tinh, Thổ Tinh và La Hầu (Long Thủ)
- ii. Bộ sao Thiên Vương Tinh, Hải Vương Tinh và Diêm Vương Tinh
- iii. Bộ sao Kim Tinh, Hỏa Tinh và Chiron
- iv. Vị trí Mặt Trời (tương quan với các bộ sao trên)
- v. Các góc chiếu và [chủ tinh](#) liên quan đến các cung Nhà 5, 8, 11 và 12 (cân nhắc đến các trường hợp trùng tu, vuông góc, đối góc, hỗ tương)
- vi. Tác động (phụ) của Mặt Trăng và Thổ Tinh (với các bộ sao trên)

Sau đây là kết quả "thiên hướng giới tính" của bạn Dương khi so sánh tương ứng với thang đo Kinsey. Mỗi yếu tố / góc chiếu tìm ra từ lá số bẩm sinh của bạn sẽ được cộng với nhau thành số điểm tổng tương đương với thang đo Kinsey như sau:

Số điểm	Thang đo Kinsey tương đương	Ý nghĩa
0 đến 50	0	hoàn toàn dị tính, chỉ thu hút / có tình cảm với người khác giới
50 đến 60	1	chủ yếu dị tính, đôi khi đồng tính
60 đến 70	2	phần lớn dị tính, đôi khi đồng tính nhiều hơn
70 đến 80	3	song tính - đồng đều giữa dị tính và đồng tính
80 đến 90	4	nghiên về đồng tính, đôi khi dị tính
90 đến 110	5	nghiên về đồng tính, ít khi dị tính
từ 110 trở lên	6	hoàn toàn nghiên về đồng tính



Số điểm của bạn →

74

### CÁCH DIỄN DỊCH KẾT QUẢ GIỚI TÍNH

- Lưu ý: kết quả này không phải để xác định "giới tính vật lý" (physical gender) hay "xu hướng tình dục" thực tế của bạn Dương mà chủ yếu là khía cạnh tâm lý "bên trong". Đa số mọi người dao động ở khoảng 50-80. Vì tôi vẫn tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện phần tính toán này nên kết quả của bạn có thể thấp hơn hoặc cao hơn một tí trong

những phiên bản cập nhật sau. Khung điểm cũng chỉ là "tương đối" chứ không phải "chính xác": ví dụ, số điểm "53" có thể hiểu là "gần với 50".

- Có số điểm thật cao ở trên **không** có nghĩa bạn Dương *phải* là "người đồng tính" hay "thuộc giới tính thứ ba" trong thực tế. Bạn có thể vẫn là "người dị tính" (straight) và yêu đương hoặc lấy chồng lấy vợ tùy theo giới tính bẩm sinh của bạn, nhưng trong công việc và đời sống, bạn sẽ dễ dàng hòa, thân thiết, cảm thông và thường có những hoạt động tụ họp / giúp đỡ / tương trợ / bảo vệ lợi ích cho những người *cùng phái* với mình, ví dụ như anh chị em, bà con láng giềng, bạn bè xã hội, bạn học, đồng đội ("đồng chí") hay đồng nghiệp v.v... Một số bạn có thể tham gia những phong trào "bình quyền" về giới tính hoặc có xu hướng "phát-xít" về tư tưởng hay "ám ảnh" về sự "đồng bộ" hay "đồng phục" trong công việc.
- Nói cách khác, số điểm càng cao thì mức độ "cảm thông" với người đồng giới tính sẽ càng mạnh mẽ hơn, có thể giúp cho sự phối hợp đồng đội (team collaboration) trong công việc trở nên thuận lợi, nhịp nhàng, ít tranh đua và tăng cao hiệu quả. Số điểm cao cũng có thể còn giúp bạn tìm kiếm những công việc chuyên môn có yêu cầu đặc biệt về "giới tính". Dĩ nhiên, dù có thể vẫn là "tình yêu đồng loại" một cách "trong sáng" nhưng đối với một số người thì tâm lý này có thể sẽ biến thành mong muốn "đồng tính luyến ái" đi kèm với xu hướng tình dục hoặc nhu cầu được "chuyển giới" (transgender) bằng sự hỗ trợ của y khoa để thỏa mãn xu hướng đó.
- Ở một số trường hợp, người có số điểm cao thì xu hướng "đồng tính" của họ có thể được "cân bằng" hay "trung hòa" bởi một người khác phái mạnh mẽ hơn. Ví dụ, người đàn ông "nữ tính" gặp người đàn bà "nam tính". Họ vẫn có thể có một cuộc hôn nhân bình thường như bao cặp dị tính khác.
- Ở một số trường hợp khác, số điểm cao cho thấy thiên hướng giới tính người đó có thể đang **đối nghịch** với giới tính *thể hiện* trên cơ thể bên ngoài của mình. Đây có thể là một "trans guy" (người sinh ra trong cơ thể Nữ, nhưng nhìn nhận bản thân là Nam, hay còn gọi là "chuyển giới nam"), một "trans girl" (sinh ra trong cơ thể Nam, nhưng nhìn nhận bản thân mình là Nữ) hoặc có thể là một "queer" (không xác định được mình thuộc giới tính nào).
- Ngược lại, số điểm càng thấp (hoặc bằng 0) cũng không có nghĩa là bạn sẽ "cô lập" với những người cùng giới tính với mình. Chỉ là bạn Dương cảm thấy thoải mái hơn khi làm việc với người khác phái và dường như công việc trở nên hiệu quả hơn so với những người cùng phái dù là người yêu, thầy cô giáo, cấp trên, khách hàng, đối tác hay bất kỳ ai mà bạn tiếp xúc trong xã hội.
- Xem thêm ở đây: [cct.tips/FnQQ2](http://cct.tips/FnQQ2)



## 17.1 LÁ SỐ TỬ VI THEO CÁCH TÍNH GIỜ NGỌ CHÍNH XÁC

Dưới đây là lá số Tử Vi của bạn Dương đã được cân chỉnh chính xác theo "giờ Chính Ngọ" của thiên văn - tức giờ giữa trưa (noon) khi Mặt Trời ở vị trí cao nhất trên bầu trời trong ngày và nơi địa phương bạn sinh ra (xem minh họa ở đầu [mục 7](#) và [mục 8.1.0-A](#)). Vị trí Mặt Trời mọc, "đứng bóng" giữa trưa cho đến thời điểm lặn là những thông tin *rất* quan trọng để tính toán trong Chiêm Tinh Học từ thời cổ đại mà trong đó, "Tử Vi Việt Nam" là một "chi nhánh nhỏ" với những nét đặc đáo riêng tách ra từ kho tàng đồ sộ của tri thức nhân loại xuất xứ nguyên thủy từ vùng Ba Tư / Trung Đông này.

Trải qua nhiều thời kỳ biến cố chính trị, "Tử Vi Việt Nam" có lúc tưởng như đã bị "mất gốc", đặc biệt là cách tính giờ sinh lâu nay thường bị sai hoặc không được nói rõ, có lẽ là vì nó quá phức tạp với bối cảnh thường phải "chạy giặc", phương tiện thô sơ (thiếu đồng hồ!) cùng với khả năng hạn hẹp trong việc tính toán và lưu trữ dữ liệu về thiên văn của các thầy ngày xưa. Báo cáo ĐHNN kể từ phiên bản 8.x.x (5/2017) trở đi đã có thêm nhiều chức năng và thông tin mới để tìm ra "chữ ký chiêm tinh" cho bạn nên do đó, việc xác định giờ giac chính xác cho lá số Tử Vi Việt Nam cũng trở nên dễ dàng hơn và tiện đó được kèm theo trong phần phụ lục này.

Theo "đúng chuẩn" khoa học thì các khung giờ (hay "canh giờ") Tử Vi trong ngày (từ Tí, Sửu, Dần v.v...) thật ra "co giãn" khác nhau, nghĩa là chúng không hẳn chính xác mỗi 2 giờ (đúng 120 phút) như nhiều người thường nghĩ và xê xích liên tục mỗi ngày + thay đổi mỗi mùa và còn tùy theo [vị trí địa lý \(toa đón\)](#) của nơi sinh. Ngoài ra, phần này cũng sẽ tự động cân chỉnh giờ sinh **đúng múi giờ (time zone)** cho những bạn sinh từ 1975 trở về trước tùy theo nơi sinh và bối cảnh lịch sử vùng miền ở Việt Nam hay bất kỳ nơi nào trên thế giới, kể cả giờ tiết kiệm ánh sáng DST (Daylight Savings Time) hay giờ chiến tranh (War Time). Nói cách khác, từ phương pháp tính giờ âm lịch từ giờ Ngọ chính xác đã được giải thích [ở đây](#), bên dưới là **lá số tử vi chính xác của bạn!** Các năm dương lịch được hiển thị kế bên số tuổi âm của các đại vận để tiện tham chiếu. *Lưu ý khi in: cõi giấy cho riêng trang này là A3.*

TẬT ÁCH CỤ MÔN	TÀI BẠCH LIÊM TRINH THIÊN TƯỚNG	TỬ TÚC THIÊN LUƠNG	PHU THÊ THÁT SÁT
Văn Xương Văn Tinh Thiên Trù Tả Phù Thiên Đức Linh Tinh Thiên Sứ Kiếp Sát	Hóa Lộc Thiên Tài Địa Không TUẦN	Thiên Việt Hồng Loan Đường Phù Phong Cáo Taurus Sagittarius Trực Phù	Địa Giải Phi Liêm Thái Tuế TRIỆT HUYNH ĐỆ THIỀN ĐỘNG
Tiểu Hao 76 (2079)	Phúc Đức Lâm Quan Tướng Quân 86 (2089)	Điều Khách Đé Vượng Đé Vượng	Phi Liêm Thái Tuế Bệnh TRIỆT HUYNH ĐỆ THIỀN ĐỘNG
Thiên Di THAM LANG	Mão Thìn Dần LÁ SỐ TỬ VI VIỆT NAM Họ Tên: Trần Đăng Dương Ngày Sinh: 10 tháng 4, 2004 Nơi Sinh: Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam Giờ Sinh: 9:15 (buổi sáng, thuộc giờ Tị = 08:57:55 đến 10:57:53) Giới tính: Dương Nam	Tị Ngọ Mùi Horse Goat Sheep LÁ SỐ TỬ VI VIỆT NAM Họ Tên: Trần Đăng Dương Ngày Sinh: 10 tháng 4, 2004 Nơi Sinh: Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam Giờ Sinh: 9:15 (buổi sáng, thuộc giờ Tị = 08:57:55 đến 10:57:53) Giới tính: Dương Nam	Thiên Giải Thiên Phúc Thiên Không Phá Toái Lưu Hả Horse Goat Sheep Lý Thìn Dần LÁ SỐ TỬ VI VIỆT NAM Họ Tên: Trần Đăng Dương Ngày Sinh: 10 tháng 4, 2004 Nơi Sinh: Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam Giờ Sinh: 9:15 (buổi sáng, thuộc giờ Tị = 08:57:55 đến 10:57:53) Giới tính: Dương Nam
NÔ BỘC THÁI ÂM	Nhận định / Thông tin khác: - Tuổi (năm sinh) được thuận lý Âm Dương với cung an Mệnh / Thân - Sinh vào tháng Nhuận - Giờ sinh này nằm trong sai số cho phép ±10 phút - nếu dao động trong thời gian này sẽ không ảnh hưởng đến giờ Tị âm lịch và lá số Tử Vi.	Bát tự / Âm lịch: năm Giáp Thân, tháng (2 Nhuận) Đinh Mão, ngày (21) Kỷ Mùi, giờ Kỷ Tị Mệnh: Tuyền Trung Thủy Cục: Hóa Lực Cục (Cung An Mệnh gặp Tuyệt Địa) (Mệnh Khắc Cục) Mệnh Chủ: Liêm Trinh Thân Chủ: Thiên Lương	MỆNH VŨ KHÚC
Kinh Dương Thiên Thường Lực Sỹ 56 (2059)	Sửu Nhận định / Thông tin khác: - Tuổi (năm sinh) được thuận lý Âm Dương với cung an Mệnh / Thân - Sinh vào tháng Nhuận - Giờ sinh này nằm trong sai số cho phép ±10 phút - nếu dao động trong thời gian này sẽ không ảnh hưởng đến giờ Tị âm lịch và lá số Tử Vi.	Thân Thiên Khôi Tam Thai Bát Tọa Thiên Hi Horse Goat Sheep Lý Thìn Dần LÁ SỐ TỬ VI VIỆT NAM Họ Tên: Trần Đăng Dương Ngày Sinh: 10 tháng 4, 2004 Nơi Sinh: Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam Giờ Sinh: 9:15 (buổi sáng, thuộc giờ Tị = 08:57:55 đến 10:57:53) Giới tính: Dương Nam	Địa Võng Thiên Hình Thiên Khắc Horse Goat Sheep Lý Thìn Dần LÁ SỐ TỬ VI VIỆT NAM Họ Tên: Trần Đăng Dương Ngày Sinh: 10 tháng 4, 2004 Nơi Sinh: Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam Giờ Sinh: 9:15 (buổi sáng, thuộc giờ Tị = 08:57:55 đến 10:57:53) Giới tính: Dương Nam
Long Đức Mộc Dục 56 (2059)	Tý Hợi Tuất Dậu Bệnh Phù 6 (2009)	Điền Trạch Thiên Cơ Thiên Khôi Tam Thai Bát Tọa Thiên Hi Horse Goat Sheep Lý Thìn Dần LÁ SỐ TỬ VI VIỆT NAM Họ Tên: Trần Đăng Dương Ngày Sinh: 10 tháng 4, 2004 Nơi Sinh: Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam Giờ Sinh: 9:15 (buổi sáng, thuộc giờ Tị = 08:57:55 đến 10:57:53) Giới tính: Dương Nam	PHỤ MÃU THÁI DƯƠNG
QUAN LỘC TỬ VI THIÊN PHỦ	Thiên Khôi Tam Thai Bát Tọa Thiên Hi Quan Phú 36 (2039)	PHÚC ĐỨC PHÁ QUÂN Hóa Quyền Long Trì Án Quang Đầu Quân Horse Goat Sheep Lý Thìn Dần LÁ SỐ TỬ VI VIỆT NAM Họ Tên: Trần Đăng Dương Ngày Sinh: 10 tháng 4, 2004 Nơi Sinh: Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam Giờ Sinh: 9:15 (buổi sáng, thuộc giờ Tị = 08:57:55 đến 10:57:53) Giới tính: Dương Nam	Đại Hào 16 (2019)
Lộc Tồn Phượng Cát Thiên Quý Thiên Mã Bác Sỹ 46 (2049)	Tuất Phá Tràng Sinh Tuất Phá Dưỡng Tử Phù 26 (2029)	Phục Bình Thai Quan Phù Tuyệt	Thiếu Âm Tuyệt

## 17.2 GIỜ LÀNH CHO CÔNG VIỆC THEO LÁ SỐ TỬ VI

Từ thông tin vị trí cung Mệnh trong lá số Tử Vi, dưới đây là những “giờ lành” hay giờ tốt cho công việc và sự nghiệp của bạn Dương (cách tính được giải thích trong [bài viết này](#)):

1. Giờ tốt nhất:	Mùi	khoảng 13h ~ 15h chiều
2. Giờ tốt nhì:	Hợi, Mão	khoảng 21h ~ 23h đêm, 5h ~ 7h sáng
3. Giờ tốt ba:	Sửu, Tị, Dậu	khoảng 1h ~ 3h sáng, 9h ~ 11h sáng, 17h ~ 19h tối

Vì giờ Âm lịch xê dịch mỗi ngày theo vị trí Mặt Trời đứng bóng tại địa phương, nên để tra cứu chính xác các giờ Âm lịch nói trên cho một ngày nào đó trong năm tại Việt Nam hay ở bất cứ nơi nào trên thế giới thì bạn cần dùng thêm công cụ hỗ trợ tại: [cct.tips/gioamlich](http://cct.tips/gioamlich)

Đây là những giờ tốt mỗi ngày và trọn đời, dù cho vận hạn ([mục 8.3](#)) có “lên xuống” hay thay đổi tốt xấu như thế nào. Bạn có thể dùng những giờ tốt ở trên cho những việc như:

- giờ khởi động dự án
  - giờ mở cửa, khai trương cửa tiệm
  - giờ cho việc “hành chính”: nộp đơn / hồ sơ, đăng ký, làm giấy tờ, gấp chính quyền
  - giờ gấp gõ / họp mặt / liên lạc với cấp trên, khách hàng hay đối tác kinh doanh
  - giờ có những hoạt động liên quan đến TIỀN (nhất là đầu tư hay thu vào)
  
  - giờ xuất hành để đi làm việc quan trọng về sự nghiệp hay tiền bạc
  - thời điểm chính thức “đập gạch”, đào đất hay khởi công xây dựng cho một căn nhà hay công trình mới
  - giờ dọn vào cho một căn nhà mới mua (hoặc thuê mướn)
  - giờ ký kết hợp đồng mua xe (nhất là ô tô hay những phương tiện giao thông “có mái che”, buồng lái)
  - giờ thắp nhang cúng tế tổ tiên (ngày thường, ngày giỗ chạp hoặc lúc thăm mộ)
  
  - giờ cầu nguyện hay cầu xin điều gì đó từ ơn trên (tùy tôn giáo của bạn)
  - giờ đi chữa bệnh, khám bệnh hoặc gặp bác sĩ
- ...

### Lưu ý:

- Phần phụ lục “Tử Vi Việt Nam” này chỉ dùng để giúp bạn **nghiên cứu**, cũng như được Chòi Chiêm Tinh đối chiếu trong quá trình phân tích theo chiêm tinh và tư vấn về nghề nghiệp trong báo cáo này, nhưng Chòi Chiêm Tinh sẽ **không** bàn luận về Tử Vi và cũng **không** có dịch vụ “xem tử vi”

## 18. Phụ lục: Phong Thủy

Phong thủy là một kiến thức phổ thông cần thiết khi bạn sinh sống, đi học, đi làm, mua bán bất động sản v.v... Mục đích của Phong thủy là giúp con người sống hòa thuận với các luồng năng lượng vô hình tồn tại xung quanh môi trường, song song với việc khai thác, tận dụng chúng theo hướng có lợi nhất trong các mặt sinh hoạt hàng ngày nhằm cải thiện cuộc sống.

Có nhiều trường phái Phong thủy khác nhau và tất cả đều có nguồn gốc từ chiêm tinh. Phụ lục này chỉ tóm gọn 2 trường phái chính: Bát trạch Minh cảnh (mục 18.1) và Bát trạch Chiêm tinh (mục 18.2).

### 18.1 BÁT TRẠCH MINH CẢNH



Được cho là phát triển từ thời Hoàng Đế (2711 ~ 2598 TCN), Bát trạch Minh cảnh (BTMC, 八宅明鏡 hay Ba Zhai Ming Jing) là một trường phái phong thủy có lẽ phổ biến nhất thế giới hiện nay. Nhánh này chủ yếu dựa trên năm sinh âm lịch và giới tính của gia chủ để quy chiếu thành 8 phương vị tốt xấu của đồ hình Bát quái trên la bàn cho địa điểm mà họ muốn xem (bàn ghế, nhà cửa, phòng ốc, lô đất hay đường phố v.v...). Báo cáo này không phân tích chuyên sâu về BTMC, nhưng sẽ liệt kê các thông tin cơ bản của bạn Dương để tham khảo.

Bạn Dương	
<i>Ngày sinh:</i>	10/4/2004
<i>Năm Sinh Thật (theo âm lịch):</i>	2004
<i>Tuổi:</i>	Giáp Thân
<i>Mạng:</i>	TuyỀn Trung Thủy
<i>Giới Tính:</i>	Dương Nam
<i>Nhóm Phong Thủy:</i>	Tây Tứ Trạch
<i>Quẻ Bát Quái:</i>	Khôn
<i>Hướng nhà tọa, ghế ngồi:</i>	Tây Nam
<i>Hướng cửa quay ra, ngồi quay mặt về:</i>	Đông Bắc

Quy tắc chung đó là các động lực BTMC luôn có hiệu ứng mạnh nhất từ “gần” đến “xa”, nghĩa là không gian *ngay xung quanh* chỗ bạn đứng / ngồi / làm việc / nằm ngủ nghỉ ... (những vị trí bạn thường dành thời gian sinh hoạt nhiều nhất trong ngày) cần ưu tiên đảm bảo cho thật tốt, sau đó mới ra đến không gian lớn hơn như vị trí căn phòng, khuôn viên căn nhà, vị trí so với nhà hàng xóm ... xa hơn nữa mới phải “lù” đến khu vực của căn nhà trong đường phố, trong vùng đất, địa phương, lãnh thổ v.v... Nói cách khác, nếu hàng ngày bạn la cà ngoài siêu thị nhiều hơn chỗ làm hay ở nhà thì phong thủy cho tòa siêu thị đó sẽ *quan trọng hơn* là phong thủy trong chỗ làm hay căn nhà bạn ở ! Nếu bạn đầu tư hay sở hữu một căn nhà chỉ để “cho

thuê" thì phong thủy "tốt/xấu" trong căn nhà đó cũng *không quan trọng* trừ khi chính bạn là người cư ngụ ở trong đó.

Ngoài ra nếu địa phương bạn ở thuộc "Nam Bán Cầu", vị trí các hướng "xấu / tốt" trong phong thủy sẽ *đảo nghịch* so với "Bắc Bán Cầu" (thông tin dưới đây đã được cân chỉnh mặc định theo nơi sinh của bạn thuộc Bắc hay Nam Bán Cầu, không phải nơi ở hiện tại). Xem thêm [cct.tips/phongthuy](#) về cách chọn hướng tốt trong BTMC.

### 18.1.1 Các hướng Bát trạch Minh cảnh "tốt" của bạn:

Sinh Khí	Thiên Y	Diên Niên	Phục Vị
Đông Bắc	Tây	Tây Bắc	Tây Nam

#### Sinh Khí

Thuộc sao Tham Lang, là sao tốt; thu hút tài lộc, danh tiếng, thăng quan phát tài. Chủ về vượng khí, có lợi cho con trai, lợi cho danh tiếng, tạo ra sức sống dồi dào cho con người, tính dục mạnh mẽ. Nếu sinh khí mà không may có khu vệ sinh, phòng kho,... thì hay mất vật, thất nghiệp, đẻ non, nhiều bệnh tật.

#### Thiên Y

Thuộc sao Cự Môn, là sao tốt; cải thiện sức khỏe, trường thọ. Chủ về sức khỏe tốt, lợi cho phụ nữ, vượng tài lộc, tiêu trừ bệnh, tâm tính ổn định, có giấc ngủ ngon, thường có quý nhân phù trợ, luôn đổi mới. Nếu Thiên y mà không may có khu vệ sinh, phòng kho,... thì mắc bệnh kinh niên, chứng ung thư.

#### Diên Niên

Thuộc sao Vũ Khúc, là sao tốt; củng cố các mối quan hệ trong gia đình, tình yêu. Đây là hướng hoà thuận, tốt cho sự nghiệp và ngoại giao, với các mối quan hệ khác, vợ chồng hoà thuận, tuổi thọ tăng thêm, bớt kẻ địch, tính hoà dịu, với nữ giới có bạn đời tốt. Nếu Diên niên không may có khu vệ sinh, phòng kho,... thì hay cãi vã thị phi, nhà cửa không yên ổn.

#### Phục Vị

Thuộc sao Tả Phù, là sao tốt; củng cố sức mạnh tinh thần, mang lại tiến bộ của bản thân, may mắn trong thi cử. Đây là hướng bình yên, trấn tĩnh, có lợi để bàn thờ. Vững cho chủ nhà, tình duyên nam nữ gắn bó, khả năng tài chính tốt, quan hệ cha mẹ vợ con tốt nhưng tình dục giảm sút. Nếu Phục vị không may có khu vệ sinh, phòng kho .... thì gia chủ nóng nảy, luôn cảm thấy bất yên.

### 18.1.2 Các hướng Bát trạch Minh cảnh "xấu" của bạn:

Họa Hại	Ngũ Quỷ	Lục Sát	Tuyệt Mệnh
Đông	Đông Nam	Nam	Bắc

## Họa Hại

Thuộc sao Lộc Tồn, xấu; không may mắn, thị phi, thất bại. Nếu Họa hại là khu vệ sinh, kho thì người trong nhà được yên ổn, hoà thuận, sức khoẻ tốt, không xảy ra quan sự. Nếu Họa hại là vị trí tốt (cửa ra vào, phòng ngủ, bếp) thì người nhà bị chia rẽ, quan tai, mệt mỏi vì những việc vụn vặt, hay thưa kiện với người ngoài, thất tài.

## Ngũ Quý

Thuộc sao Lộc Tồn, xấu; xáo trộn trong quan hệ tình cảm, thù hận, kiện tụng, tai nạn. Nếu Lục sát là khu vệ sinh, kho thì người trong nhà có suy nghĩ đúng đắn, có số đào hoa và lợi cho đường tình duyên. Nếu cung Lục sát là vị trí tốt (cửa ra vào, phòng ngủ, bếp) thì tình duyên trắc trở, vợ chồng thường cãi nhau, sự nghiệp không tốt. Riêng với nam giới thì không lo làm ăn, hay rượu chè cờ bạc.

## Lục Sát

Thuộc sao Liêm Trinh, là sao xấu; mất nguồn thu nhập, mất việc làm, cãi lộn. Nếu Ngũ quý là khu vệ sinh, kho thì có thể biến xấu thành tốt. Nếu cung Ngũ Quý là vị trí tốt (cửa ra vào, phòng ngủ, bếp) thì các sự việc lôi thôi vô cớ ập đến, người nhà có khả năng đụng chạm dao kéo mổ xẻ, ung thư, tai tiếng thị phi, mất trộm, phá sản, hoả hoạn.

## Tuyệt Mệnh

Thuộc sao Phá Quân, rất xấu; phá sản, bệnh tật chết người. Nếu Tuyệt mệnh mà xây khu vệ sinh, phòng kho thì chủ nhà có sức khoẻ tốt, tuổi thọ tăng thêm, duyên phận con cái tốt, có tài vận. Nếu Tuyệt mệnh vào vị trí tốt (cửa ra vào, phòng ngủ, bếp): chủ nhân bị bệnh khó chữa, mổ xẻ, đụng xe, mất trộm, trong người cảm thấy không yên ổn, mọi việc tính toán quá đáng, buồn phiền, đau khổ, u sầu, ít nói, ức chế tâm thần, duyên phận con cái bạc bẽo.

(nguồn các giải thích về các cung Phong Thủy: internet)



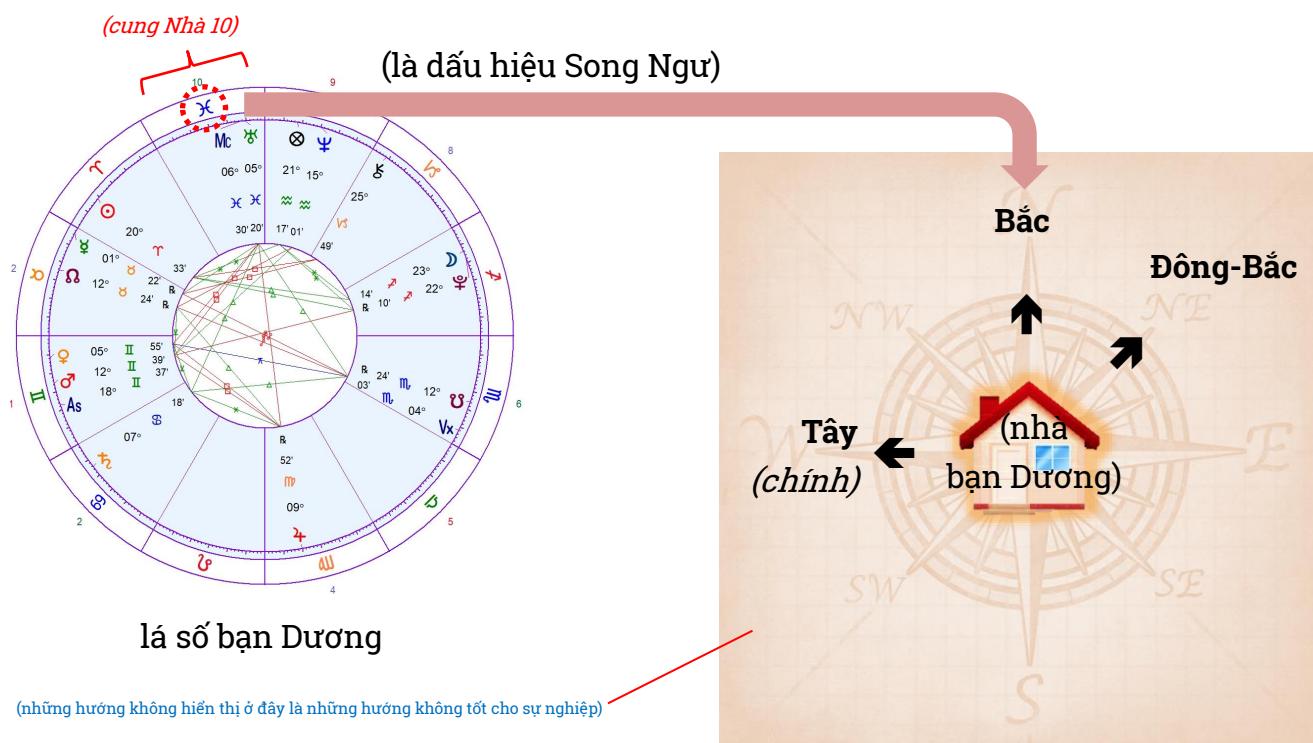
## 18.2 BÁT TRẠCH CHIÊM TINH

Trong quá trình tìm về nguồn gốc cổ đại của Chiêm Tinh Học, Bát trạch Chiêm tinh là một nghiên cứu mới của CCT về 8 hướng tốt xấu ảnh hưởng bởi 12 dấu hiệu Hoàng Đạo và Cửu Diệu ([mục 8.3.2](#)) trên lá số của bạn. Mỗi mặt trong cuộc sống (đại diện bởi [cung Nhà](#)) sẽ có những hướng tốt xấu khác nhau tùy theo dấu hiệu Hoàng đạo của cung Nhà đó.

Trong khi Bát trạch Minh cảnh ([mục 18.1](#)) sử dụng năm sinh âm lịch chung chung cho một nhóm nhiều người với cùng một lứa tuổi, Bát trạch Chiêm tinh ([mục 18.2](#)) dựa vào giờ sinh (điểm Moc) của cá nhân bạn, nên có độ chính xác cao hơn và mỗi người sẽ có một "phong thủy" khác nhau, không ai giống ai trừ khi có cùng giờ sinh, cùng ngày tháng năm sinh và nơi sinh.

Vì dựa trên yếu tố nhạy cảm về "giờ sinh" nên cường độ ảnh hưởng của Bát trạch Chiêm tinh rất gần gũi và mạnh mẽ (khoảng 80-90%) so với Bát trạch Minh cảnh (10-20%). Điều này có nghĩa là nếu có sự mâu thuẫn trong kết quả hướng tốt / xấu giữa Bát trạch Minh cảnh và Bát trạch Chiêm Tinh thì **Bát trạch Chiêm Tinh sẽ đúng hơn với cá nhân bạn**.

Bên dưới là kết quả phân tích về cung Nhà 10 (sự nghiệp) của bạn Dương:



Tương tự như Bát trạch Minh cảnh, Bát trạch Chiêm tinh nhận diện những hướng tốt cho một số mặt cuộc sống nào đó – thể hiện qua [cung Nhà](#) (và các hành tinh trong cung Nhà đó) trên lá số. Ví dụ như chuyện học hành, sự nghiệp (cung Nhà 10) sẽ có hướng phong thủy tốt khác với hôn nhân (cung Nhà 7) trên lá số bạn Dương. Trong hình minh họa ở trên:

- **Nhà:** phần lớn là nơi bạn Dương đang cư ngụ chính ở thời điểm hiện tại, nhưng đôi khi (hiếm hơn) cũng có thể là khu vực quê bạn sinh ra. Ví dụ, quê bạn sinh ra ở

địa phương A, nhưng sau đó bạn di chuyển và lớn lên ở địa phương B. Nếu phương hướng từ A đến B khớp với hướng chính và hướng phụ như mô tả bên dưới thì B có khả năng là nơi bạn sẽ gặp may mắn và phát triển sự nghiệp. Nếu chưa thì bạn có thể di chuyển qua một địa phương C khác để khớp với các hướng tốt này.

- **Hướng chính = Tây:** đây là hướng xuất hành đi ra từ nhà bạn. Nếu bạn thường xuyên di chuyển, dọn đến, đi ra, lái xe hoặc ngồi quay mặt về hướng này ... thì cơ hội, may mắn về học hành hay sự nghiệp sẽ gia tăng. Dĩ nhiên, nếu gặp thêm vận hạn thuận lợi ([mục 8.3](#)) thì sự may mắn sẽ càng tăng cao hơn nữa.
- **Hướng phụ = Đông Bắc, Bắc:** cũng giống như hướng chính, có cường độ yếu hơn một tí (90%) hoặc có tính chất kết hợp, bổ sung, điều chỉnh hay mở rộng phạm vi cho hướng chính.
- Hướng chính và hướng phụ khi kết hợp với nhau sẽ nhấn mạnh một lộ trình quen thuộc hay mở một hướng đi mới cũng rất tốt cho việc học hành và công danh sự nghiệp của bạn, chẳng hạn như hướng **Tây - Bắc**. Ví dụ ban đầu cơ hội tốt có thể đến từ các hướng phụ như Đông Bắc hay Bắc, sau đến với bạn từ hướng Tây. Hoặc ngược lại, bạn đi đến các hướng Đông Bắc hay / và Bắc, cuối cùng chuyển hướng Tây thì mới gặp được cơ hội tốt.
- **Phạm vi:** hướng xuất hành không có khoảng cách cụ thể. Nó (thường) có thể bắt đầu rất gần (một vài km) trong phạm vi địa phương bạn ở (làng, xã, phường, quận, thị trấn, thành phố) cho đến khu vực lớn hơn như tỉnh, quốc gia, lục địa bên kia bờ đại dương ! (nhưng không quá nửa vòng Trái đất)
- **Một số ví dụ ứng dụng:**
  - Nếu bạn đang khởi nghiệp hay thất nghiệp tìm việc làm thì hãy thử xuất hành theo hướng tốt đề nghị ở đây. Bạn có thể đi từ làng này qua làng khác, phường này sang phường khác hoặc thành phố này sang thành phố khác. Xa hơn nữa thì đó là di chuyển hay công tác sang một quốc gia khác như đã nói ở [mục 8.1.2](#).
  - Nếu còn đi học thì đây là hướng tốt để đi từ nhà đến trường mỗi ngày.
  - Muốn cải thiện tình trạng sự nghiệp của mình, đây cũng là hướng bạn nên ngồi làm việc quay mặt về mỗi ngày. Gặp đối tác hay tiếp khách cũng vậy.
  - Đây còn là vị trí tốt để an tọa trong một góc phòng cho đến góc nhà hay góc tầng (nếu là cao ốc hay trong chung cư), nhất là trong trường hợp “phong thủy xấu” theo BTMC ([mục 18.1](#)), bạn không thể di dời ngay lập tức.
  - Phòng làm việc nên có cửa ra vào (nếu không có cửa sổ) hoặc cửa sổ lớn nhất quay về hướng này. Nếu là căn hộ chung cư thì đây có thể là khu vực ban công (không dùng nếu ít sử dụng, thường bị đóng kín, bị che chắn bởi nhiều đồ đạc linh kinh hoặc rèm).

- Kết quả phương hướng này thường sẽ ứng nghiệm với công việc bền vững nhất của bạn hoặc tạo tiền đề giúp bạn thăng tiến sau đó.
  - **Khi lựa chọn địa phương tốt cho công danh sự nghiệp, đầu tiên bạn cần chọn địa phương nào có các đường năng lượng sự nghiệp chạy qua nói đến ở mục 8.1.2. Sau khi dọn đến đó mới áp dụng các hướng tốt ở mục này trong sinh hoạt hàng ngày.**
  - Nhưng nếu bạn không thể hay chưa thể dọn đến những khu vực tốt cho sự nghiệp nói đến ở mục 8.1.2, bạn vẫn có thể áp dụng kết quả phong thủy ở mục này ngay tại chỗ ở hiện tại để giúp tạo năng lượng thuận lợi hoặc cải thiện tình hình công danh sự nghiệp của mình.
- 
- **Cần hiểu rõ:**
    - Dù là trường phái nào, nhớ rằng phong thủy không có khả năng "cải số".
    - Cuộc đời là một dòng chảy tốt xấu tùy theo nghiệp lực của cá nhân bạn.
    - Phong thủy chỉ có tác dụng hỗ trợ cho "nghiệp" – nếu áp dụng đúng = tốt thì tốt hơn, nếu xấu thì đỡ xấu hơn, nhưng cuối cùng vẫn sẽ không thay đổi bản chất của sự việc tốt hay xấu đó, vì chúng vẫn sẽ đến. Nhưng đến với sự chuẩn bị và đề phòng thì sẽ tốt hơn là không làm gì cả.



## 19. Phụ lục: Tên của bạn và Thần số học trong Chiêm Tinh

Thần số học (numerology) - còn gọi là Thần số hay một số nguồn dịch ra tiếng Việt thành "Nhân số" - là một môn khoa học huyền bí nghiên cứu về năng lượng của những con số xuất hiện trong đời sống. Có nhiều trường phái Thần số trên thế giới: Trung Hoa, Ả Rập (Abjad), Do Thái (Kabbalah), Cha-dê (Chaldean) ... nhưng phổ biến nhất ngày nay vẫn là nhánh Pi-ta-go (Pythagoras) phát triển bởi nhà toán học và địa lý Pythagoras từ thế kỷ thứ 6 Trước Công Nguyên.

Dưới khía cạnh Thần số, mỗi vật chất trong vũ trụ cho đến trên Trái Đất đều có rung cảm (vibration) ở một tần số (frequency) nhất định. Đồng thời ngược lại, chúng cũng chứa đựng, có khả năng kích hoạt (activate) hay phát ra (emit) một dạng năng lượng vô hình tương ứng với tần số đó. Và dạng năng lượng này được thể hiện qua **những con số từ 1 đến 9**.

Dù môn Thần số có thể phân tích và giải mã nhiều chi tiết khác nhau như phong thủy / nhà cửa, họ tên, số ngày sinh tháng đẻ, số nhà hay số xe ... của bạn Dương, nhưng ứng dụng hữu ích nhất của môn này đó là việc tìm hiểu sự liên quan hay ảnh hưởng của TÊN (first name) của bạn Dương trên lá số bạn Dương. Tại sao ? Có những khái niệm quan trọng sau đây:

- Tên bạn Dương là do cha mẹ đặt ra theo một "cơ duyên" với định mệnh bạn Dương.
- Thông thường khi cha mẹ hay người khác gọi đến "tên" của bạn Dương, họ sẽ kích hoạt 1 dạng năng lượng chứa đựng trong tên bạn Dương bằng thanh âm.
- Năng lượng trong tên bạn Dương tương ứng với 1 hành tinh trong lá số bạn Dương. Nếu hành tinh đó ở vị trí tốt, thì tên bạn Dương sẽ kích hoạt cái tốt đó lên. Nếu vị trí hành tinh đó xấu thì tên bạn Dương lâu ngày cũng sẽ kích hoạt năng lượng xấu từ hành tinh đó trong lá số bạn Dương.
- Vì thế, "Tên" (first name) quan trọng hơn là "Họ" (last name) hay tên giữa / tên lót (middle name) bởi vì trong suốt cuộc đời bạn Dương, "Tên" là phần âm thanh được gọi ra nhiều nhất (hiện), những phần khác ít gọi đến hay chỉ đôi khi xuất hiện trên giấy tờ (ẩn).
- Nhiều người phân tích ngày tháng năm sinh theo Thần số, nhưng phương pháp đó **không đúng**, bởi vì đó chỉ là một quy ước theo một hệ thống lịch pháp (Tây lịch, Dương lịch) nên chỉ có tính tương đối. Nếu dùng cả ngày tháng năm sinh Âm lịch hay lịch Maya v.v... thì phương pháp này sẽ bị ... loạn ! Trong các môn huyền học, lá số chiêm tinh (hay lá số tử vi, bát tự) mới là phương pháp đúng, đầy đủ và quan trọng nhất để nhận định cuộc đời con người.
- "Lá số" bạn Dương luôn cố định, không bao giờ thay đổi. Nhưng "tên" bạn Dương là vật ngoại thân, hoàn toàn có thể thay đổi. Việc "đổi tên" thường xảy ra khi bạn Dương di cư sang nước ngoài nhưng cũng có thể diễn ra dưới một hình thức khác, ví dụ như bạn Dương sử dụng một "tên lóng" (nick name) thường xuyên trong sinh hoạt hàng ngày, hoặc chủ động xin phép đổi tên với chính quyền.
- "Đổi tên" trên lý thuyết có thể "đổi mệnh" – nhưng thực tế không hoàn toàn thay đổi mà đúng hơn là giúp cải thiện Số Mệnh.

- Trường phái Pythagores sử dụng 9 con số từ 1 đến 9, tương ứng với 9 hành tinh vòng trong (ánh hưởng mạnh nhất) trên lá số bạn Dương gồm: Mặt Trời (1), Mặt Trăng (2), Thủy Tinh (5), Kim Tinh (6), Hỏa Tinh (9), Mộc Tinh (3), Thổ Tinh (8), La Hầu (4) và Kế Đô (7).
- **Khác biệt ngôn ngữ**: đây cũng là điều rất quan trọng ! Thần số bắt nguồn từ tiếng Anh, nghĩa là sử dụng 26 chữ cái không dấu từ A đến Z. Tuy nhiên trong tiếng Việt chuẩn ngày nay có đến 29 chữ cái. còn có thêm 5 thanh điệu như dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng, 3 dấu mũ, mũ ngược, móc cho nguyên âm, và các âm vị khác như "ch", "tr", "gh", "kh", "ph" v.v... khiến cách viết và đọc rất khác với tiếng Anh.
- Do đó, **cách tính toán Thần số của mỗi ngôn ngữ là khác nhau**: Thần số cho tiếng Việt khác với Thần số trong tiếng Anh, và dĩ nhiên là không thể giống như tiếng Hoa, tiếng Pháp hay tiếng Ấn Độ. Nói cách khác, tên "Phương" sẽ có Thần số khác với tên "Phượng", không thể tính như "Phường" và càng không thể quy về kiểu "không dấu" trong tiếng Anh như "Phuong" mà nhiều "thầy" hay người Việt Nam mới học Thần số áp dụng một cách sai lầm. Xem thêm bài viết: [cct.tips/thanso](http://cct.tips/thanso)

Sau đây là kết quả phân tích tên bạn Dương trong Thần Số Học tiếng Việt và hành tinh tương ứng được kích hoạt trên lá số Chiêm Tinh:

D        U        O        N        G

$$( \text{ } 4 \text{ } \quad + \text{ } \quad 3 \text{ } \quad + \text{ } \quad 3 \text{ } \quad + \text{ } \quad 5 \text{ } \quad + \text{ } \quad 7 \text{ } \quad ) = \text{ } \quad 22 \text{ } \quad = \text{ } \quad 2 + 2 \text{ } \quad = \text{ } \quad 4$$

Tên **Dương** tương ứng với số **4** và kích hoạt **La Hầu** trên lá số bạn Dương. Lưu ý: nếu loại bỏ đi dấu thanh (accents) của tiếng Việt Nam, tên { Dương } trở thành { Duong } và số 4 do La Hầu cai quản sẽ trở thành số 7 do Kế Đô cai quản, hay kích hoạt Kế Đô trong lá số của bạn.

Trên lá số bạn Dương, La Hầu ở cung Nhà 12 (TẬT NẠN), với chủ tinh La Hầu (Kim Tinh) ở cung Nhà 1 (CHỦ MỆNH). Kim Tinh cai quản các cung Nhà 12 (TẬT NẠN) và cung Nhà 5 (TÀI NĂNG). Điều này có nghĩa là tên { Dương } có quan hệ mật thiết và tác động trực tiếp đến các cung Nhà **CHỦ MỆNH, TÀI NĂNG, TẬT NẠN** trong đời sống bạn Dương.

Dựa trên tính chất mạnh yếu của hành tinh cai quản ([mục 20.2.2](#)), nếu giờ sinh không quá chính xác thì đây là một cái tên hơi xấu (3/7 điểm) cho lá số này. Còn nếu giờ sinh chính xác thì đây là tên hơi tốt (5/7 điểm), ảnh hưởng tích cực đến cuộc sống bạn liên quan đến chủ đề các cung Nhà nói trên.

Xem lại ý nghĩa các cung Nhà ở [mục 8](#). Nếu muốn chọn một tên khác hay xem tên nào tốt xáu đối với mình, bạn có thể đăng ký dịch vụ "Chọn Tên Tốt Lành" [ở đây](#).

- **Tính cách** của người số **4 (La Hầu)**: *Chịu ảnh hưởng bởi La Hầu và cả Thiên Vương Tinh, bạn bị chia cắt bởi 2 thái cực. Ở một mặt, bạn mong muốn sự an ninh và ổn định, "thà chậm mà chắc". Ở mặt khác, bạn khao khát sự đổi mới nhanh chóng nên thường có những suy nghĩ toát hay kế hoạch vĩ đại. Vì đa số cần phải mất một thời gian dài mới có thể thực hiện được nên tuy bạn có cố gắng chăm chỉ nhưng cũng sân si, sẵn sàng không chừa bất kỳ thủ đoạn gì (kể cả tạo nghiệp!) để rút ngắn thời gian đó lại và đạt được mục đích. Thường là người có ngoại hình cứng cáp, tư duy bạn cũng khắc khe, cứng nhắc và rất cứng đầu, có thể đến mức cực đoan.*

- Bệnh lý thường gặp:** *Bệnh về xương khớp, sống lưng, thiên đầu thống, trầm cảm. Có vấn đề về đường ruột, tiêu hóa, cân nặng. Nguy cơ với nhiễm độc / trúng độc, ung nhọt, ung bứu hay ung thư.*
- Cách khắc phục / hóa giải:** *Vận động hay thể dục thể thao với chú trọng đặc biệt về điều hòa chuyển hóa, giảm stress, hỗ trợ xương khớp. Ăn uống nên chia thành nhiều bữa nhẹ, hơn là một vài bữa lớn trong ngày. Uống nhiều nước để tránh táo bón. Dành thời gian với thiên nhiên như trồng cây, làm vườn, dã ngoại hay du lịch. Số 4 thường gây khó khăn với tuổi thơ và gia đình, nên cuộc đời bạn sẽ cần có một người thầy hay người bạn sáng suốt để tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ bạn vượt qua.*

Với nguyên lý và cách tính tương tự cho năm 2021 (thần số = 5 = năm Thủy Tinh) trong bài viết [tại đây](#), vận hạn nhanh tổng quan của bạn Dương cho năm **2023 - năm Kế Đô** (thần số = 7) có dự đoán như sau:

<i>Yếu tố trên lá số:</i>	<i>Dấu hiệu</i>	<i>Số điểm và nhận định</i>
Giờ sinh (điểm Mộc):	<b>Song Tử</b>	±0 điểm = TRUNG BÌNH, ảnh hưởng đến cung Nhà 11 (LỢI LỘC) và cung Nhà 6 (SỨC KHỎE)
Tháng sinh (Mặt Trời):	<b>Dương Cưu</b>	+3 điểm = RẤT TỐT, ảnh hưởng đến cung Nhà 1 (CHỦ MỆNH) và cung Nhà 8 (CHI TIỀU)
Năm sinh (âm lịch):	<b>Thân</b>	+3 điểm = RẤT TỐT, ảnh hưởng đến cung Nhà 9 (DI HÀNH) và cung Nhà 4 (GIA TRẠCH)
	<i>Tổng =</i>	+6 điểm → Kết luận cho năm <b>2023 = Đây là một năm tốt, chuyện gì khó khăn cũng dễ vượt qua, thừa thắng xông lên !</b> Tuy nhiên, vì là năm Kế Đô và trên lá số bạn, Kế Đô ở cung Nhà 6 cũng như Kế Đô của vận cung sẽ di chuyển trong cung Nhà 12, nên suốt năm 2023, bạn sẽ cần đặc biệt chú ý và cẩn thận các vấn đề xấu / tiêu cực / thay đổi / biến động liên quan đến cung SỨC KHỎE, song song cùng với 7 tháng đầu năm là cung TẬT NẶN và 5 tháng sau là cung LỢI LỘC.

- số điểm dao động từ -9 (xấu nhất) đến +9 (tốt nhất)
- ý nghĩa các cung Nhà có thể xem lại [mục 8](#)

**Lưu ý:** Kết quả này là một trong những yếu tố "địa lợi" giải thích ở mục [vận han](#). Nếu 2 mục cùng tốt thì rất tốt. Nếu mâu thuẫn thì sự tốt đẹp sẽ giảm đi.

## 20. Phụ lục: Dữ liệu Thiên văn chi tiết và Giờ sinh chính xác

Phần này liệt kê mọi dữ liệu thiên văn dùng để tính toán ra lá số bạn Dương và các kết quả trong báo cáo này (chi tiết hơn so với [mục 2](#)).

### 20.1 Cung Nhà

(chỉ để tham khảo, không sử dụng cho các tính toán trong báo cáo này).

Cung Nhà số:	Trọn cung (Whole Signs)	Bằng nhau (Equal Signs)	Placidus
1 I	Song Tử 0°00'00"	Song Tử 18°36'39"	Song Tử 18°36'39"
2 II	Cự Giải 0°00'00"	Cự Giải 18°36'39"	Cự Giải 13°17'33"
3 III	Sư Tử 0°00'00"	Sư Tử 18°36'39"	Sư Tử 8°14'53"
4 IV	Xử Nữ 0°00'00"	Xử Nữ 18°36'39"	Xử Nữ 6°29'46"
5 V	Thiên Xứng 0°00'00"	Thiên Xứng 18°36'39"	Thiên Xứng 9°30'10"
6 VI	Bọ Cạp 0°00'00"	Bọ Cạp 18°36'39"	Bọ Cạp 15°01'40"
7 VII	Nhân Mã 0°00'00"	Nhân Mã 18°36'39"	Nhân Mã 18°36'39"
8 VIII	Ngư Dương 0°00'00"	Ngư Dương 18°36'39"	Ngư Dương 13°17'33"
9 IX	Bảo Bình 0°00'00"	Bảo Bình 18°36'39"	Bảo Bình 8°14'53"
10 X	Song Ngư 0°00'00"	Song Ngư 18°36'39"	Song Ngư 6°29'46"
11 XI	Dương Cưu 0°00'00"	Dương Cưu 18°36'39"	Dương Cưu 9°30'10"
12 XII	Kim Ngưu 0°00'00"	Kim Ngưu 18°36'39"	Kim Ngưu 15°01'40"

- Điểm Mộc (Ascendant, Asc hay Ac): **Song Tử 18°36'45"**
- Thiên Đỉnh (Medium Coeli hay MC): **Song Ngư 6°29'46"**
- Tuế sai 1 (Birthtime Precession, lúc bạn sinh ra): **-24°48'00.34"**
- Tuế sai 2 (Current Precession, lúc thực hiện báo cáo này): **-25°04'10.56"**

### 20.2 Các Hành tinh

#### 20.2.1 Vị trí và các thông số vật lý

(lá số bạn Dương)

	Vị trí cung Nhà								
Tên hành tinh	Xích kinh ° (longitude)	Xích vĩ ° (latitude)	Khoảng cách (A.U.)	Tốc độ di chuyển	Vị trí Hoàng Đạo (zodiac signs)	Hệ Trọn cung (Whole Signs)	Hệ Bằng nhau (Equal Houses)	Hệ Placidus	là Chủ tinh các cung Nhà ...
⦿ Mặt Trời	20.55088	-0.00009	1.001911	0.98158	Dương Cưu 20°33'03"	XI	XI	XI	III
☽ Mặt Trăng	263.22947	-3.51580	0.002452	14.41535	Nhân Mã 23°13'46"	VII	VII	VII	II
☿ Thủy Tinh	31.36366	3.06020	0.643572	-0.33597	Kim Ngưu 1°21'49" R	XII	XI	XI	I, IV
♀ Kim Tinh	65.90961	3.92467	0.620660	0.88041	Song Tử 5°54'35"	I	XII	XII	V, XII
♂ Hỏa Tinh	72.64770	1.17366	2.004841	0.63816	Song Tử 12°38'52"	I	XII	XII	VI, XI
♃ Mộc Tinh	159.86596	1.39938	4.624829	-0.07444	Xử Nữ 9°51'57" R	IV	III	IV	VII, X
♄ Thổ Tinh	97.30109	-0.43089	9.214441	0.05905	Cự Giải 7°18'04"	II	I	I	VIII, IX
♂ Thiên Vương Tinh	335.33599	-0.73342	20.737097	0.04447	Song Ngư 5°20'10"	X	IX	IX	IX
♃ Hải Vương Tinh	315.01466	-0.04423	30.473504	0.01990	Bảo Bình 15°00'53"	IX	VIII	IX	X
♄ Diêm Vương Tinh	262.17358	8.86390	30.296084	-0.00870	Nhân Mã 22°10'25" R	VII	VII	VII	VI
♃ La Hầu (t.bình)	42.40182	0.00000	0.002570	-0.05292	Kim Ngưu 12°24'07" R	XII	XI	XI	IX
♃ La Hầu (thật)	41.35427	0.00000	0.002663	0.02189	Kim Ngưu 11°21'15"	XII	XI	XI	IX
♃ Kế Đô (t.bình)	222.40182	0.00000	0.002570	-0.05292	Bọ Cạp 12°24'07" R	VI	V	V	VI
♃ Kế Đô (thật)	221.35427	0.00000	0.002663	0.02189	Bọ Cạp 11°21'15"	VI	V	V	VI
♄ Chiron	295.81400	6.83835	12.775577	0.02871	Ngư Dương 25°48'50"	VIII	VIII	VIII	

\* R = Retrograde = nghịch hành

## 20.2.2 Tính chất mạnh yếu trên lá số

Sức mạnh (strength hay dignitary) của các hành tinh được đánh giá sơ lược ở [mục 8.1.1](#). Phần này phân tích sâu hơn về sự mạnh yếu đó qua số điểm và đồ thị cụ thể để dễ so sánh.

Tương tự như Tử Vi Việt Nam, "mạnh" thường được hiểu giống như "đắc địa" hay "vượng địa" (hành tinh ở đúng vị trí, phát huy tốt năng lực và đóng vai trò). "Yếu" được gọi là "hỗn địa" (hành tinh ở không đúng vị trí "ưa thích" nên không thể phát huy tốt, không đóng vai trò đúng nơi đúng chỗ trên lá số và trong đời sống). Không mạnh cũng không yếu thì gọi là "bình".

**Bảng 20.2.2-A Sơ lược mức độ mạnh / yếu, đắc hổn của các hành tinh**

Hành tinh	Ký hiệu	Điểm	Đánh giá / tình trạng
Mặt Trời	○	-1.676	yếu
Mặt Trăng	☽	+0.887	hơi mạnh
Thủy Tinh	☿	-1.523	yếu
Kim Tinh	♀	-1.828	yếu
Hỏa Tinh	♂	+2.127	mạnh nhất
Mộc Tinh	♃	+0.998	hơi mạnh
Thổ Tinh	♄	-0.705	hơi yếu
Thiên Vương Tinh	♃	+0.797	hơi mạnh
Hải Vương Tinh	♆	+1.646	mạnh
Diêm Vương Tinh	♄	-2.536	yếu nhất
La Hầu	♂	-0.873	hơi yếu
Kế Đô	♃	+0.540	hơi mạnh

**Sơ lược mức độ mạnh / yếu, đắc / hổn của các hành tinh**



Có nhiều tiêu chí để đánh giá sự mạnh yếu của các hành tinh và **mỗi trường phái chiêm tinh sẽ dùng một số quy tắc hay một bộ tiêu chí (hơi) khác nhau**, không ai hoàn toàn giống ai ! Có thể nói, nó không hẳn là một "bí kíp" mà là sự khác biệt trong nghiên cứu và quan điểm học

thuật của mỗi chiêm tinh gia. Ở đây, CCT đánh giá sự mạnh yếu của các hành tinh trên lá số bạn qua các tiêu chí sau:

- Tổng thang điểm: từ -4.500 (yếu nhất) đến +4.500 (mạnh nhất)
- Trong đó gồm:

<i>Tiêu chí</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Sức nặng (weight)</i>
1. Vị trí Hoàng Đạo	-3.000 đến +3.000	33.3%
2. Vị trí cung Nhà		66.6%
3. Vị trí tiến sâu trong mỗi cung Hoàng Đạo 30°	±0.500	100.0%
4. Tốc độ di chuyển thuận hành / nghịch hành	±0.500	100.0%
5. Các yếu tố đặc biệt khác (tùy mỗi hành tinh)	±0.500	100.0%

\* Trên đây là những tiêu chí cơ bản và danh sách này có thể được bổ sung thêm tiêu chí mới trong tương lai để tăng độ chính xác

### Lưu ý:

- Bảng 20.2.2-A** đánh giá sơ lược (hay *tổng quan*) sự mạnh yếu của các hành tinh khi giờ sinh bạn Dương không quá chính xác – nghĩa là nhận định này “tạm đúng” khi giờ sinh bạn Dương dao động trong khung giờ **Song Tử** từ **8:01:03** đến **10:03:29** (cùng ngày) ([cột B, mục 3.3](#)).
- Còn khi giờ sinh bạn Dương **chính xác** đến số trong khung giờ từ **9:12** đến **9:20** ([cột A, mục 3.3](#)) thì cường độ mạnh / yếu, đắc hảm của các hành tinh sẽ thay đổi như sau:

### Bảng 20.2.2-B Sự mạnh / yếu, đắc / hảm của các hành tinh tùy theo mức độ chính xác trong giờ sinh

		<i>Điểm - nếu giờ sinh ...</i>			
<i>Hành tinh</i>	<i>Ký hiệu</i>	<i>Không chính xác</i>	<i>Chính xác</i>	<i>Tổng</i>	<i>Đánh giá / tình trạng</i>
Mặt Trời	○	-1.676	-1.084	-2.760	<b>yếu</b>
Mặt Trăng	☽	+0.887	-1.516	-0.629	<b>hơi yếu</b>
Thủy Tinh	♀	-1.523	+1.708	+0.185	<b>hơi mạnh</b>
Kim Tinh	♀	-1.828	-2.225	-4.053	<b>yếu nhất</b>
Hỏa Tinh	♂	+2.127	-0.289	+1.838	<b>hơi mạnh</b>
Mộc Tinh	☿	+0.998	+2.694	+3.692	<b>mạnh</b>
Thổ Tinh	☿	-0.705	+1.553	+0.848	<b>hơi mạnh</b>
Thiên Vương Tinh	♃	+0.797	-1.117	-0.319	<b>hơi yếu</b>
Hải Vương Tinh	♆	+1.646	+2.755	+4.401	<b>mạnh nhất</b>
Diêm Vương Tinh	♄	-2.536	+2.236	-0.300	<b>hơi yếu</b>
La Hầu	Ω	-0.873	+1.271	+0.397	<b>hơi mạnh</b>
Kế Đô	♉	+0.540	+3.128	+3.668	<b>mạnh</b>

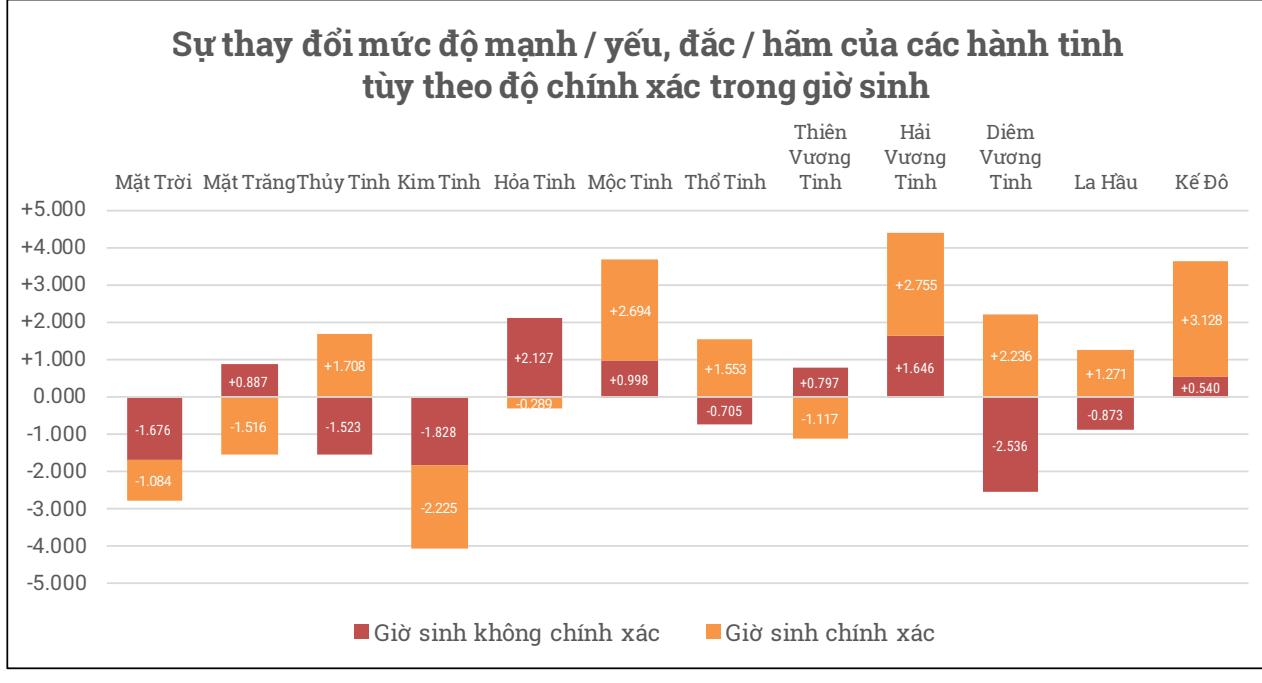
(từ [bảng 20.2.2-A](#) có giá trị 50% bên cột Tổng)

Thang điểm tối đa = -9.000 (yếu nhất) đến +9.000 (mạnh nhất)

Trên đây có thể thấy số điểm bên cột “giờ sinh chính xác” có thể “kéo lên” hoặc “đẩy xuống” số điểm bên cột “giờ sinh không chính xác”, có khả năng làm thay đổi kết quả hoàn toàn bên cột “Tổng” và “Đánh giá” cuối cùng về sự mạnh yếu / đắc hảm của mỗi hành tinh. Lý do có sự chênh lệch này là vì ngoài Mặt Trời và Mặt Trăng, điểm Mộc là 1 trong 3 trụ cột của một lá số, là động lực đối trọng như 1 trong “kiềng 3 chân” để chống giữ cuộc đời. Do đó, cần hiểu rằng

nhận định bên giờ sinh không chính xác là “lấy trung bình” (average) tất cả sự mạnh yếu khi điểm Mộc ở khu vực **Song Tử** trong khoảng từ 0° đến 30°. Còn nhận định bên giờ sinh chính xác là cho điểm Mộc ở riêng vị trí **Song Tử 18°37'** khi giờ sinh ở đúng khoảng từ **9:12** đến **9:20**.

Dưới đây là 2 biểu đồ để so sánh sự thay đổi tăng giảm trong số điểm, cũng như kết quả nhận định cuối cùng từ [bảng 20.2.2-A](#).



Thông tin “mạnh yếu” của các hành tinh được sử dụng để diễn dịch kết quả cho nhiều vấn đề khác nhau trên lá số.

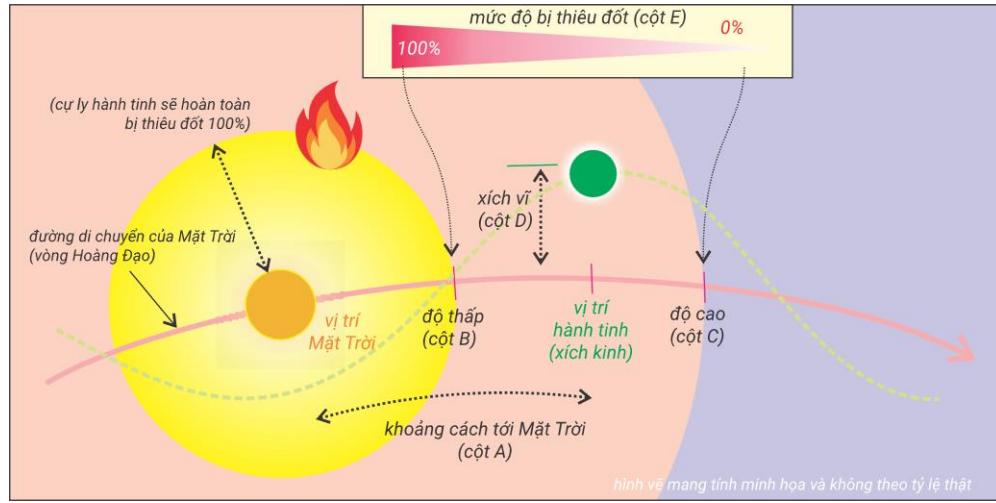
- Mạnh thường là “tốt” = hành tinh phát huy đúng vai trò ở vị trí đó, giúp người chủ lá số cảm thấy thuận lợi, hăng say hoặc bằng lòng, mãn nguyện với vận hạn hay những gì trong cuộc sống (giá trị, vật chất, con người hay tinh thần) mà hành tinh đó đại diện. Tuy nhiên, điều này không lúc nào cũng “tốt” vì khi mọi thứ quá dễ dàng, nó cũng có thể khiến cho người chủ lá số trở nên “lười biếng”, thiếu động lực phấn đấu hoặc có tính ỷ lại, chủ quan hay “ngủ quên trên chiến thắng”.

- Hành tinh “yếu” cũng chưa chắc là “xấu”, đôi khi lại cho kết quả “tốt”, đúng như mong muốn của người chủ lá số, hoặc giúp người chủ lá số đến một lúc nào đó nhận thức được sự bất toàn hay kém may mắn của bản thân, để từ đó càng nỗ lực, siêng năng hơn nữa nhằm vượt qua chính mình, cải thiện những khuyết điểm mà hành tinh đó đem lại.

### 20.2.3 Tình trạng bị thiêu đốt

Thuật ngữ “bị thiêu đốt” hay “bị thiêu cháy” (combusted hay combustion) mô tả tình trạng xảy ra trên lá số khi một hành tinh nằm quá gần Mặt Trời và bị năng lượng / sức nóng / ảnh hưởng của Mặt Trời “đốt cháy” hay lấn át hành tinh đó, khiến cho hành tinh đó mất đi sức mạnh, không thể phát huy cá tính như khi nó được đứng riêng độc lập cách xa Mặt Trời.

Khi hiện tượng thiêu đốt xảy ra, tính chất của 2 thiên thể trên lá số bị “hòa quyện” vào nhau hay “hiệp mộng” trở thành một động lực duy nhất - là Mặt Trời. Ví dụ, nếu Thủy Tinh ở quá gần Mặt Trời, nó sẽ bị Mặt Trời thiêu đốt.



Điều này không có nghĩa là Thủy Tinh “biến mất” khỏi lá số hay không còn khả năng cai quản các dấu hiệu Hoàng Đạo của nó như Song Tử và Xử Nữ. Thủy Tinh vẫn còn đó vì thực tế nó vẫn tồn tại về mặt vật lý, nhưng ý nghĩa diễn dịch cần được hiểu khác đi khi “cái Tôi” (ego)

và sự trịch thượng “bè trên” (bossy) của Mặt Trời nay đã hòa lẫn và cũng lấn át tính “lém linh, trẻ con và vô tư” của Thủy Tinh. Nghĩa là tính “lém linh, trẻ con, vô tư” của Thủy Tinh vẫn còn đó bên trong, nhưng bên ngoài với người khác thì họ là người có “cái Tôi” rất lớn, có thể tỏ ra trịch thượng “bè trên” và người khác gần như không nhận ra tính cách Thủy Tinh trong họ vì đã bị tính cách Mặt Trời “phủ sóng” lấn át v.v...

Hành tinh	Ký hiệu	Khoảng cách tới Mặt Trời °	Giới hạn thiêu đốt		Xích vĩ	Tình trạng thiêu đốt		
			Độ Thấp	Độ Cao		Bị thiêu đốt ?	Đồng cung ?	Mức độ %
Mặt Trời	○							
Mặt Trăng	☽	117.3	5	14	-3.516			
Thủy Tinh	☿	10.8	4	13	3.060	có	khác	60.2%
Kim Tinh	♀	45.4	5	11	3.925			
Hỏa Tinh	♂	52.1	10	20	1.174			
Mộc Tinh	♃	139.3	14	16	1.399			
Thổ Tinh	♄	76.8	13	20	-0.431			
Thiên Vương Tinh	♂	45.2	11	20	-0.733			
Hải Vương Tinh	♃	65.5	8	17	-0.044			
Diêm Vương Tinh	♅	118.4	11	20	8.864			
La Hầu	♆							
Kế Đô	♇							
(Lá số bạn Dương có 1 hành tinh bị 'thiêu đốt')								

## Những quy luật và cách diễn dịch bảng trên:

- Cột A: là thông tin khoảng cách giữa hành tinh với Mặt Trời tính bằng độ góc °.
- Cột B và C: là khoảng cách khi hành tinh sẽ bị thiêu đốt khi ở gần Mặt Trời.
  - Có 2 giá trị là độ thấp (cột B) và độ cao (cột C). Nếu khoảng cách ở cột A thấp hơn độ thấp (cột B) thì hành tinh đó bị thiêu cháy 100% (thể hiện bên cột E). Nếu khoảng cách (cột A) xa hơn độ cao (cột C) thì xem như hành tinh đó “thoát” được sức nóng Mặt Trời và không bị Mặt Trời thiêu đốt (dưới 0%).
  - Mỗi hành tinh sẽ có độ thấp và độ cao khác nhau và những giá trị này sẽ **thay đổi** tùy theo bối cảnh riêng của mỗi người. Ví dụ, nếu Mặt Trời bị suy yếu ([bảng 20.2.2-A](#)), nó sẽ mất đi “sức nóng” và không thể thiêu đốt hành tinh ở gần nó nên khoảng cách tối thiểu (cột B) sẽ tăng lên. Ngược lại, nếu hành tinh được đắc địa (mạnh lên) ở [bảng 20.2.2-A](#), nó sẽ có khả năng “cưỡng lại” hay “chống chịu” với ánh hướng của Mặt Trời, nên khoảng cách mà nó có thể “bị thiêu đốt” ở cột B và cột C cũng sẽ tăng lên.
  - Dù khoảng cách thay đổi như thế nào, quy luật chung đó là các hành tinh đều bị thiêu đốt ít nhiều khi khoảng cách (cột A) dưới  $8^\circ$  và xem như không bị thiêu đốt ( $< 0\%$ ) khi khoảng cách trên  $17^\circ$ .
  - Xích vĩ (cột D) là thông tin từ [bảng 20.2.1](#). Đây là khoảng cách mà hành tinh bị lệch ra khỏi vòng Hoàng Đạo trong quá trình di chuyển trên Hoàng Đạo. Mặt Trời gần như bám sát đường Hoàng Đạo nên xích vĩ của Mặt Trời gần như luôn bằng  $0^\circ$ , trong khi các hành tinh sẽ chênh lệch ít nhiều tùy theo ngày giờ sinh mỗi người. Nếu khoảng cách này đủ xa, hành tinh đó cũng được xem như “thoát” khỏi tầm thiêu đốt của Mặt Trời.
- La Hầu và Kế Đô không bị thiêu đốt bởi Mặt Trời vì đây là 2 [hành tinh ảo](#), không có sự hiện diện vật lý.
- Vì được xét theo vị trí tổng quan giữa các hành tinh với Mặt Trời nên phần này không cần giờ sinh quá chính xác

## 20.2.4 Một số lưu ý nếu bạn quan tâm học thuật:

- Trong báo cáo này, lá số bạn được lập theo hệ thống Hoàng Đạo Xuân Phân (còn gọi là vòng Hoàng Đạo Chí Tuyến hay "Tropical Zodiac")
- Các cung Nhà trong lá số được phân chia theo hệ Trọn Cung "Whole Signs Houses".
- Khi phân chia theo kiểu "Whole Signs" (phương pháp chiêm tinh cổ đại), bối cục các cung Nhà sẽ **khác** với kiểu "Placidus" phổ biến (và mặc định) của nhiều chiêm tinh gia + website khác mà bạn có thể đã biết đến. Tuy nhiên, **vị trí cung Hoàng Đạo của các hành tinh** giữa 2 hệ thống này đều **giống nhau**, độ chính xác không có gì thay đổi (chúng chỉ khác nhau về cách diễn dịch và ứng dụng tính toán trong mỗi hệ thống). Xem lưu ý khác biệt về các trường phái trong Chiêm Tinh Học [ở đây](#).
- Vị trí La Hầu / Kế Đô được tính theo phương pháp "trung bình" (Mean)

## 20.2.5 Khái niệm về “tuổi”

Có 4 cách tính tuổi khác nhau, trong đó có 2 cách phổ biến:

1. **Tuổi hành chính:** là “tuổi trên giấy tờ” thông thường được tính từ ngày sinh nhật dương lịch của bạn. Nghĩa là ngày bạn Dương sinh ra (10/4/2004) được xem như mốc “0 tuổi”. Đến ngày sinh nhật một năm sau (10/4/2005) là “1 tuổi”, năm tiếp theo (10/4/2006) là “2 tuổi” v.v...
  - Với cách này, hiện tại tuổi hành chính của bạn Dương là **19.29105248** tuổi.
2. **Tuổi âm lịch:** là tuổi được sử dụng ở Việt Nam và một số quốc gia châu Á dựa trên âm dương lịch (lunisolar calendar). Một số mục trong báo cáo này khi đề cập đến “tuổi âm lịch” thì sẽ nói rõ là tuổi âm lịch, còn lại tất cả những mục khác thì “tuổi” được tính theo chu kỳ Mặt Trời hồi vị (cách 3 bên dưới). .
  - Với cách này, hiện tại tuổi âm lịch của bạn Dương là **20** tuổi.

Trong chiêm tinh có 2 cách tính tuổi chính xác hơn:

3. **Tuổi Mặt Trời:** cách này dựa trên chu kỳ “Mặt Trời hồi vị” (Solar Returns) trên lá số của bạn – là khi Mặt Trời hàng năm quay về đúng vị trí lúc bạn sinh ra. Ví dụ:
  - Bạn Dương sinh ra vào ngày 10 tháng 4 năm 2004 lúc 9:15 tại **Hà Nội, (Bệnh viện Phụ sản Trung ương / Bệnh viện C), Việt Nam**. Đây là thời điểm Mặt Trời đang ở vị trí **20°33'03"** trong dấu hiệu **Dương Cưu**. Đó là mốc 0 tuổi của bạn.
  - Sang năm sau, vào đúng lúc 15:00:45 ngày 10/04/2005 (tại nơi bạn sinh ra), Mặt Trời cũng di chuyển trở lại vị trí **20°33'03"** Dương Cưu. Đó là thời điểm bạn Dương chính thức được 1 tuổi VÀ bắt đầu đi vào tuổi thứ 2. Hay nói cách khác, đối với chiêm tinh thì bạn Dương “đang trong 2 tuổi” v.v... Như vậy theo cách tính tuổi chiêm tinh, bạn Dương hiện tại đã qua khỏi 19 tuổi và đang bước vào trong tuổi thứ 20 được 3 tháng 14 ngày.
4. **Tuổi Mặt Trăng:** trong cách này, tuổi bạn Dương được tính theo “ngày Trăng”, còn gọi là “tuổi Trăng” (moon age) hay “pha Trăng” (moon phases) – là thời điểm hàng năm (hay hàng tháng) khi Mặt Trăng quay về đúng góc chiếu **242.68°** tạo ra với Mặt Trời **Dương Cưu** trong lá số như lúc bạn sinh ra. Cách này được mô tả chi tiết và sử dụng để tính toán trong báo cáo Xu Hướng Vận Hạn ([cct.tips/xvh](#)).

Ở các trang sau là bảng tuổi trọn đời (120 năm) của bạn dựa trên chu kỳ Mặt Trời hồi vị.  
Lưu ý:

- Đây là những “ngày sinh nhật chính xác” của bạn. Có những năm, ngày sinh nhật chính xác sẽ xê dịch trước hoặc sau 01 ngày so với ngày sinh nhật hành chính.
- Bên phần vận hạn, cột tuổi của các [mục 8.3.3](#) (vận Thổ Tinh) và [mục 8.3.4-C](#) (vận các hành tinh vòng ngoài) cũng được tham chiếu từ bảng này.

Ngày giờ Mặt Trời hồi vị (Solar Return) tại 20°33'03" Dương Cựu		
Tuổi	Ngày tháng năm	Giờ (24h)
0	10/04/2004	09:15:00
1	10/04/2005	15:00:45
2	10/04/2006	20:45:08
3	11/04/2007	02:34:23
4	10/04/2008	08:11:47
5	10/04/2009	14:05:16
6	10/04/2010	19:57:56
7	11/04/2011	01:37:48
8	10/04/2012	07:36:52
9	10/04/2013	13:28:58
10	10/04/2014	19:14:51
11	11/04/2015	01:09:12
12	10/04/2016	06:52:46
13	10/04/2017	12:47:34
14	10/04/2018	18:41:03
15	11/04/2019	00:16:45
16	10/04/2020	06:09:11
17	10/04/2021	12:01:18
18	10/04/2022	17:45:53
19	10/04/2023	23:42:19
20	10/04/2024	05:26:42
21	10/04/2025	11:17:04
22	10/04/2026	17:08:24
23	10/04/2027	22:41:38
24	10/04/2028	04:32:54
25	10/04/2029	10:24:56
26	10/04/2030	16:05:49
27	10/04/2031	21:58:08
28	10/04/2032	03:42:21
29	10/04/2033	09:34:47
30	10/04/2034	15:34:13
31	10/04/2035	21:16:41
32	10/04/2036	03:14:19
33	10/04/2037	09:10:49
34	10/04/2038	14:53:05
35	10/04/2039	20:44:43
36	10/04/2040	02:30:08
37	10/04/2041	08:17:40
38	10/04/2042	14:09:16
39	10/04/2043	19:43:31
40	10/04/2044	01:29:56

*Tuổi hành chính* ➔*Tuổi chiêm tinh* ➔

41	10/04/2045	07:24:12
42	10/04/2046	13:07:02
43	10/04/2047	19:00:04
44	10/04/2048	00:50:01
45	10/04/2049	06:38:02
46	10/04/2050	12:31:29
47	10/04/2051	18:12:38
48	10/04/2052	00:02:26
49	10/04/2053	06:01:57
50	10/04/2054	11:45:10
51	10/04/2055	17:34:54
52	09/04/2056	23:25:22
53	10/04/2057	05:14:58
54	10/04/2058	11:11:11
55	10/04/2059	16:55:14
56	09/04/2060	22:43:20
57	10/04/2061	04:38:09
58	10/04/2062	10:17:26
59	10/04/2063	16:01:59
60	09/04/2064	21:50:07
61	10/04/2065	03:35:48
62	10/04/2066	09:24:38
63	10/04/2067	15:04:23
64	09/04/2068	20:52:04
65	10/04/2069	02:51:02
66	10/04/2070	08:41:05
67	10/04/2071	14:33:46
68	09/04/2072	20:30:00
69	10/04/2073	02:20:54
70	10/04/2074	08:10:51
71	10/04/2075	13:55:18
72	09/04/2076	19:41:54
73	10/04/2077	01:35:55
74	10/04/2078	07:18:30
75	10/04/2079	12:59:44
76	09/04/2080	18:49:16
77	10/04/2081	00:38:06
78	10/04/2082	06:26:31
79	10/04/2083	12:14:27
80	09/04/2084	18:01:05
81	09/04/2085	23:54:34
82	10/04/2086	05:40:21
83	10/04/2087	11:25:27
84	09/04/2088	17:19:17
85	09/04/2089	23:11:55

86	10/04/2090	04:59:05
87	10/04/2091	10:45:40
88	09/04/2092	16:35:10
89	09/04/2093	22:30:54
90	10/04/2094	04:22:47
91	10/04/2095	10:10:38
92	09/04/2096	16:01:49
93	09/04/2097	21:52:00
94	10/04/2098	03:34:27
95	10/04/2099	09:16:51
96	10/04/2100	15:04:14
97	10/04/2101	20:51:35
98	11/04/2102	02:36:40
99	11/04/2103	08:19:05
100	10/04/2104	14:08:48
101	10/04/2105	20:06:00
102	11/04/2106	01:55:22
103	11/04/2107	07:45:53
104	10/04/2108	13:39:24
105	10/04/2109	19:29:42
106	11/04/2110	01:19:21
107	11/04/2111	07:05:51
108	10/04/2112	12:55:13
109	10/04/2113	18:49:57
110	11/04/2114	00:31:16
111	11/04/2115	06:14:51
112	10/04/2116	12:05:28
113	10/04/2117	17:54:45
114	10/04/2118	23:44:48
115	11/04/2119	05:32:23
116	10/04/2120	11:18:20
117	10/04/2121	17:12:08
118	10/04/2122	22:54:54
119	11/04/2123	04:37:59
120	10/04/2124	10:32:04



## 20.3 Hằng tinh (fixed stars) và ảnh hưởng trên lá số

Như đã giới thiệu trong bài viết về ngôi sao Betelgeuse ([cct.tips/RtZRf](#)), "hằng tinh" (fixed stars) là những ngôi sao tương đối "cố định" (không dịch chuyển hay thay đổi) trên bầu trời, ít ra là trong thời đại chúng ta. Nếu trên lá số bạn Dương có một (hoặc nhiều) trong những yếu tố quan trọng như:

- Điểm Mộc (Ascendant)
- Mặt Trăng
- Mặt Trời
- Thiên Đỉnh (Medium Colei)
- Chủ tinh cung Nhà 10

trùng tụ chính xác với vị trí của một hằng tinh (với sai số PHẢI DƯỚI 1°), cuộc đời bạn Dương sẽ đặc biệt có (thêm) ảnh hưởng cực mạnh của ngôi sao hay những hằng tinh đó, mô tả bằng sự pha trộn của ít nhất 1 trong 7 hành tinh chính. Ví dụ nếu Mặt Trăng của bạn Dương được một hằng tinh trùng tu mang theo năng lượng của Thủy Tinh và Kim Tinh, điều này có nghĩa là năng lượng của Mặt Trăng ấy được "pha trộn" (mixed) thêm năng lượng của Thủy Tinh và Kim Tinh với 3 ý nghĩa khác nhau. Nếu hằng tinh có ảnh hưởng như Mặt Trăng thì khi trùng tụ với Mặt Trăng, hằng tinh ấy sẽ tập trung "nhấn mạnh" hay gia tăng (gấp đôi hay gấp nhiều lần) năng lượng Mặt Trăng ấy trên lá số bẩm sinh (= cuộc đời) của bạn.

Các hành tinh / yếu tố trên lá số'

Tên, vị trí và đặc điểm ảnh hưởng của sao (hằng tinh)

Tên thiên thể trên lá số	Vị trí Hoàng Đạo	... là chủ tinh cung Nhà:	Tên sao	Tốt/Xấu	Vị trí sao	Ý nghĩa + tác động của sao trên thiên thể và cung Nhà liên quan
Điểm Mộc (Asc)	Song Tử 18°36'45"					
Thiên Đỉnh (MC)	Song Ngư 6°29'53"					
Mặt Trời ☽	Dương Cưu 20°33'03"	3				
Mặt Trăng ☽	Nhân Mã 23°13'46"	2	Rasalhague	trung bình	22° ↗ 30'36"	Có vấn đề / rắc rối với phụ nữ (dù là cùng giới tính đi chăng nữa). Liên quan đến thuốc men, nghiên ngập, trúng độc, hoang tưởng, nhiễm trùng, chữa bệnh bằng phương pháp tâm linh. Sao tốt, mang ảnh hưởng của Kim Tinh và Thổ Tinh.
Thủy Tinh ♀	Kim Ngưu 1°21'49"	1, 4	Mirach	tốt	00° ♀ 27'20"	Ngoài sao này có thể giúp đem đến hạnh phúc và may mắn trong hôn nhân. Ngoài ra, có sự yêu thích và tài năng sáng tạo đặc biệt về nghệ thuật, mỹ thuật, có trực giác bén nhạy, suy nghĩ đột phá, thông minh, tinh cách rộng rãi, nhân từ, dễ dàng làm bạn và truyền cảm hứng cho người khác. Đây cũng là sao về nhan sắc, yêu thương gia đình và có thể là

						một người nội trợ đắc lực. Sao tốt, mang ảnh hưởng của Kim Tinh.
Kim Tinh ♀	Song Tử 5°54'35"	5, 12	Prima Hyadum		05° II 51'28"	
Hỏa Tinh ♂	Song Tử 12°38'52"	6, 11				
Mộc Tinh 4	Xử Nữ 9°51'57"	7, 10	Alioth	hơi xấu	08° I 59'49"	Còn có tên là Hắc Mã, Angirasa (1 trong 7 vị thánh Ấn Độ), Liêm Trinh (1 trong các sao nhóm Bắc Đầu Tinh trong Tứ Vị). Tính cách trầm tĩnh, tính toán, hay nghi ngờ, tự chủ, kiên nhẫn, nhưng tâm trạng bất an, lo lắng, khó chịu và giận dữ kinh hoàng khi bị kích động. Xấu trong lá số phụ nữ: trầm cảm, nguy cơ tự tử, không có lợi cho thai nghén. Có khả năng quy phục thú dữ. Pha trộn với sao tốt thường dẫn đến tổn thất hay mất mát tài lộc trong gia đình, nghề nghiệp hoặc trong việc giao du với bạn bè. Sao xấu, mang ảnh hưởng của Kim Tinh và Thổ Tinh.
Thổ Tinh ♀	Cự Giải 7°18'04"	8, 9	Nucatai		06° III 51'24"	
Thiên Vương Tinh ♀	Song Ngư 5°20'10"	9				
Hải Vương Tinh ♀	Bảo Bình 15°00'53"	10	Alnair	tốt	15° III 57'45"	Có xu hướng sống ẩn dật. Tốt bụng, tử tế, lý tưởng, trung thành, kiêu hãnh. Khả năng chú ý, quan sát, năng động, phù hợp với công việc nghiên cứu khoa học, thiên văn. Sao tốt, mang ảnh hưởng của Thủy Tinh và Mộc Tinh.
Diêm Vương Tinh ♀	Nhân Mã 22°10'25"	6	Rasalhague	trung bình	22° IV 30'36"	(Xem ý nghĩa về sao Rasalhague giống ở trên)
La Hầu ♀	(Mean)	Kim Ngưu 12°24'07"				
	(True)	Kim Ngưu 11°21'15"				
Kế Đô ♀	(Mean)	Bọ Cạp 12°24'07"	Mimosa	tốt	11° II 42'38"	Có tư duy phát minh sáng chế. Người khôn ngoan, có linh cảm hay linh tính tốt, có thể nhìn xuyên thấu bên trong đối phương đang nghĩ gì. Tài nghiên cứu, điều tra, khám phá những điều bí ẩn. Có thiên hướng tâm linh gắn liền với sở thích về những đề tài huyền bí hoặc thần trí. Mimosa là từ Latin cho "mimic" trong tiếng Anh, có nghĩa là "người đóng vai" hay "diễn viên". Đây là ngôi sao sáng thứ nhì trong chòm sao Nam Thập Tự (Crux / Southern Cross) xuất hiện trên các lá cờ của các quốc gia phía Nam xích đạo như Úc, Brasil, New Zealand, Papua New Guinea và Samoa.
	(True)	Bọ Cạp 11°21'15"	Mimosa	tốt	11° II 42'38"	(Xem ý nghĩa về sao Mimosa giống ở trên)

### Lưu ý:

- Nếu có những ô trống ở bảng trên, điều này có nghĩa là (i) những hành tinh hay các điểm nhạy cảm đó trong lá số bạn Dương không trùng tu với hằng tinh nào (trong sai số 1°), hoặc (ii) chưa có dữ liệu diễn giải cho hằng tinh đó.
- Vị trí hằng tinh trong bảng trên được tính cho ngày sinh bạn Dương (ngày 10/4/2004). Do hiện tượng tuế sai (precession) xê dịch với tốc độ 1° mỗi 65 năm nên vị trí hằng tinh ngày nay sẽ khác với thời điểm bạn Dương sinh ra.
- Ảnh hưởng của các hằng tinh chính xác giống như "kim chích" (needle point). Nghĩa là ảnh hưởng của chúng chỉ được tính khi trùng tu (0°, trong sai số 1°) với một thiên thể trên lá số và không tạo ra góc chiếu khác (aspects, 30°, 60°, 90° ...) như với các hành tinh.
- Ảnh hưởng của các hằng tinh không phải lúc nào cũng ảnh hưởng đến bạn, mà đó có thể là người khác xung quanh bạn như người thân, gia đình hay môi trường xã hội, tùy theo hành tinh mà hằng tinh tác động đến.
- Phần diễn dịch “ý nghĩa và tác động của sao” (cột cuối cùng bên phải) được dựa trên tài liệu cổ xưa nên đôi khi văn phong, ngôn ngữ mô tả có thể có vẻ như “khủng khiếp” trong thời đại ngày nay và cần được hiểu theo hướng nhẹ nhàng hơn. [Mục 20.4 “Phân tích cho giờ sinh chính xác đến 01 phút”](#) cũng tương tự giống vậy.

## 20.4 Phân tích cho giờ sinh chính xác đến 01 phút



Dù đã có yêu cầu giờ sinh cần phải chính xác khi đăng ký báo cáo này, nhưng thực tế đa số không phải ai cũng có được giờ sinh chính xác đến từng phút. Do đó, mọi tính toán cho các mục trước (từ mục 4 đến mục 18) đều **đã được giảm về độ chính xác**, đồng thời cho phép giờ sinh có thể có sai số rời rộng vài phút đồng hồ (so với khung giờ sinh ở [mục 8.10-E](#)) nhằm đáp ứng nhu cầu chung của số đông mọi người.

Nhưng nếu bạn Dương chắc chắn rằng giờ sinh của mình là "cực kỳ chính xác", sau đây là phần phân tích sâu hơn nữa từ thông tin vị trí điểm Mộc của bạn đã mô tả ở [mục 8.10-D](#). Phần này cũng giúp phân biệt / áp dụng cho những trường hợp **sinh đôi** (twins) khi bố cục lá số không thay đổi quá nhiều, dẫn đến sự "giống nhau" trong kết quả định hướng nghề nghiệp ở những mục trước.

Phần phân tích này dựa trên *niềm tin* cơ bản rằng con người chúng ta ai cũng từng có một "kiếp trước" (tiền kiếp) và mục tiêu mỗi người được sinh ra trong đời này là để "trả nghiệp" nhằm giải thoát chính mình. Kết quả cuối cùng trong toàn bộ quá trình tồn tại và sinh sống ở đời này – còn gọi là "Số Mệnh" (fate, destiny) – không phải là "cố định" mà nó thật ra có 2 phần:

- phần thứ nhất gọi là "định mệnh" (những chuyện hay những yếu tố đã định, cố định, bị động, không thể thay đổi) thừa hưởng "nghiệp" từ kiếp trước và
- phần thứ hai là "ý chí tự do" (free wills) khi bạn có thể chủ động thay đổi tùy theo chọn lựa của bạn (bao gồm cả quan hệ con người + môi trường xung quanh) trong đời sống, tạo ra "nghiệp" mới trong kiếp này. Nguyên lý nền tảng này đã giải thích trong bài viết về "Nghiệp" tại [cct.tips/nghiep2](#).

Nhiều người nghĩ rằng "nghiệp" (karma) là một cái gì đó trừu tượng, phức tạp khiến con người ta phải "lên rừng, xuống biển", phải vào chùa / nhà thờ tu tập hay nhờ đến thầy bà nào đó có pháp thuật cao siêu "làm phép" thì mới có thể hóa giải được nó. Đây là tư duy sai lầm khá phổ biến.

**"Sự Nghiệp" chẳng qua chính là "nghiệp" của bạn.** Bạn chọn một nghề nghiệp phù hợp nào đó để mỗi ngày ngủ dậy dù mệt mỏi hay nắng mưa, bạn vẫn có thể siêng năng làm việc, vui vẻ duy trì nó đều đặn hay tham vọng xây dựng nó lớn mạnh theo năm tháng ... Đó là quá trình bạn đang tự "giải nghiệp" cho mình. Nhớ rằng:

**<< sự nghiệp càng to lớn, cơ đồ càng vĩ đại thì đơn giản là "nghiệp" của bạn càng nặng ! >>**

Bởi vì "nghiệp" chính là những công tác "thôi thúc bạn phải làm", những gì liên lụy (đến người khác), những trách nhiệm đeo bám, những việc (t)ham muôn, ám ảnh, tiếc nuối, nhắc nhở bạn "phải làm" hàng ngày 24/7 và cho đến hết cuộc đời này. Ngay cả khi bạn "thất nghiệp", "tười biếng" hay "không làm gì cả" thì đó cũng là một cái "nghiệp" – vì trừ khi bạn quyết định "nghỉ hưu" hay "đi tu", rất có thể bạn đang phải sống dựa dẫm vào (và làm phiền đến) người khác (= tạo nghiệp).

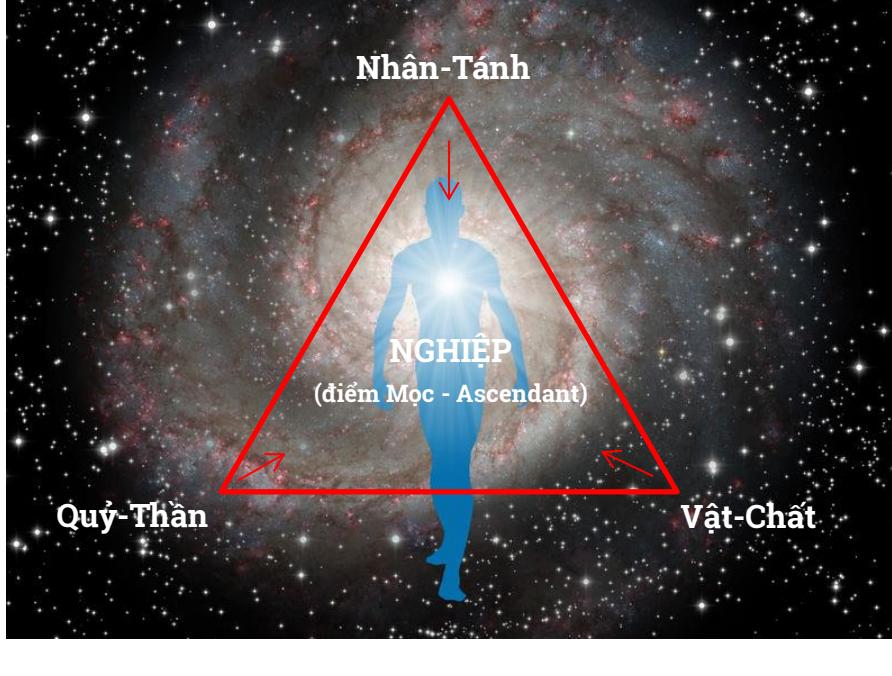
Không ai giải hết được “nghịệp” của mình. Vấn đề đặt ra là: làm sao biết được kiếp trước có “nghịệp” gì để kiếp này bạn Dương có thể (phần nào) hóa giải được nó hiệu quả, nhanh chóng mà không phải mất quá nhiều thời gian ?

Lá số của bạn có *nhiều* “cánh cổng” (portal) để truyền tải “nghịệp” từ Quá Khứ (kiếp trước) đến Hiện Tại (kiếp này). Ngoài Thổ Tinh, Mặt Trăng v.v... còn có một cổng quan trọng khác - đó chính là điểm Mộc (Ascendant) tại vị trí **II Song Tử 18°36'45"** trên lá số bạn Dương.

Cơ duyên để linh hồn bạn Dương “quyết định” hình thành ra bào thai và chào đời trên cõi này là “nghệp” của ít nhất một trong **3 nhóm thực thể** tồn tại từ kiếp trước:

1. **Quỷ-Thần**
2. **Nhân-Tánh**
3. **Vật-Chất**

Nói cách khác, bạn Dương chính là “hiện thân” của ít nhất một trong 3 nhóm thực thể này. Nói “ít nhất” vì đó có thể là 1 nhóm, có khi 2 nhóm hoặc cả 3 nhóm. Mục đích hay mục tiêu sống của bạn Dương vì thế chính là việc “làm đại diện” (representative) cho họ, là hóa thân của họ để cố gắng thực hiện tìm hiểu nguyên nhân và những gì họ (và con người bạn trong kiếp trước) mong muốn nhằm hóa giải tiêu trừ những “nghệp xấu” của họ (và bạn), đồng thời phát huy những “nghệp tốt” mà họ (và bạn) có được trong đời này và để dành cho “kiếp sau”.



- **Quỷ-Thần:** là nhóm thần thánh hay quỷ dữ có năng lực siêu nhiên muốn tu tập thêm (qua hình hài của bạn), bằng cách nào đó họ có “duyên” độ trì, đeo bám hoặc can thiệp vào quá trình “đầu thai” / luân hồi của bạn
- **Nhân-Tánh:** là tâm tính (tánh), tâm trạng, bối cảnh, hoàn cảnh, cách cư xử hay hành động của bạn Dương tích tụ từ một trong những kiếp trước
- **Vật-Chất:** là tinh khí (essence) của vạn vật, có thể là hiện tượng trong thiên nhiên, trời đất ... kết tụ vào thời điểm giây phút bạn sinh ra

Tóm lại, trong một khoảnh khắc rất ngắn của Thời Gian ( $\pm 1$  phút), Trái Đất quay tròn tạo ra một điểm cắt do sự giao nhau giữa vòng Hoàng Đạo (chiều dọc thẳng đứng) và đường chân trời phía Đông (chiều ngang). Đây chính là “điểm Mộc” trên lá số bạn Dương, đánh dấu vị trí hay tính chất của “nghiệp” mà bạn Dương mang vào cõi đời này từ 3 nhóm thực thể nói trên (xem [mục 8.1.0-D](#)).

**Điểm Mộc tại II Song Tử  $18^{\circ}36'45''$**  cho thấy bạn Dương là hiện thân của sự kết hợp giữa 2 nhóm Vật-Chất và Nhân-Tánh.

Mô tả về nhóm hiện thân (mà bạn là hóa thân của họ), bao gồm điểm Mộc và hành tinh liên quan. Đây cũng là tượng hình, tình trạng của tiền kiếp dẫn đến mục tiêu, ảnh hưởng đến chí hướng / thiên hướng nghề nghiệp của bạn Dương trong cuộc đời này.

\* **Vật-Chất (Điểm Mộc): Thuốc tiên. Nước thánh. Nước uống của các vị thần.**

[Ý nghĩa mở rộng trong các truyền thuyết văn hóa cũng như về cuộc đời / chí hướng / thiên hướng từ kiếp trước: *Tinh khí nguyên sinh của trời đất, vũ trụ. Sự trường sinh bất tử. Sự sáng suốt, minh mẫn, thông tuệ. Sự cẩn thận, chuyên nghiệp, chuẩn mực, chính xác. Giới trí thức.*]

\* **Nhân-Tánh (Mặt Trăng): Mát mẻ, mát lạnh (nhẹ). Xoa dịu, làm cho mềm mại, nhẹ nhàng. Làm cho tinh táo, hồi sinh (cây cối, thú vật, con người).**

[Ý nghĩa mở rộng trong các truyền thuyết văn hóa cũng như về cuộc đời / chí hướng / thiên hướng từ kiếp trước: *Nghiệp về công việc tính toán hoặc y tế.*]

Tiềm năng / Công việc thích hợp / Việc cần làm / Cách hóa giải nghiệp xấu (hoặc phát triển nếu tốt) trong kiếp này:

*Nghiên cứu khoa học, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật. Ngành tự động hóa: công nghệ robot, nhà thông minh.*

*Khoa học: vật lý, thiên văn, không gian, toán học, thống kê ... Ví tính, lập trình, phần cứng, phần mềm. Kế toán, kiểm toán, thuế vụ, định phí bảo hiểm (actuary), bao tiêu (underwriter). Ngành y khoa (nội khoa). Ngành nghề về "gió": quạt, điện gió, tạo ra gió hay lợi dụng sức gió ... Nghệ thuật trình diễn: ca, múa, nhạc, kịch.*

Các hành tinh khác trên lá số có cùng tác động trực tiếp đến điểm Mộc và “nghiệp” của bạn Dương (tên hành tinh + nhóm thể động + công việc thích hợp):

**Thủy Tinh (Vật-Chất): Biển, đại dương.**

[Ý nghĩa mở rộng trong các truyền thuyết văn hóa cũng như về cuộc đời / chí hướng / thiên hướng từ kiếp trước: *Nơi bao bọc xung quanh là nước. Nơi bị ngập nước, có quá nhiều nước (hơn mức cần thiết). Biển nước hoặc không gian mênh mông vô tận. Không biên giới, không giới hạn, không chừng mực hay khuôn phép.*]

\* **Công việc: Công việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tìm hay truy xét (hàng hóa, tài liệu, con người). Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm (quality control). Lãnh đạo / trưởng khoa / chủ nhiệm / hiệu trưởng viện nghiên cứu, viện hàn lâm / học viện, trường học, cơ quan**

	<p><i>chính phủ, tập đoàn lớn, tổ chức tôn giáo / tín ngưỡng. Giáo dục, sư phạm, huấn luyện, đào tạo. Cơ quan phản gián, cảnh sát hình sự. Sản xuất và quản lý tiền tệ (chính phủ). Hoạt động về môi trường, đại dương.</i></p> <p><i>HỎA TINH (Quỷ-Thần) :Thần Hộ pháp. Thần sấm sét / đồng bão.</i></p> <p><i>[Ý nghĩa mở rộng trong các truyền thuyết văn hóa cũng như về cuộc đời / chí hướng / thiên hướng từ kiếp trước: Dung mạo nghiêm nghị, cứng cáp hoặc hung dữ, nhưng là người tự chủ, thẳng tính, sống có nguyên tắc, giữ gìn đạo pháp, tuân thủ tôn ti trật tự. Người bảo vệ mọi thứ khỏi bị hư hỏng].</i></p> <p>* Công việc: <i>Thẩm phán tòa án, luật sư, dịch vụ pháp lý (công chứng, thừa phát lại), thi hành án. Lãnh đạo: học viện (trường học, đại học), tu viện (nhà thờ, chùa chiêng), ban ngành / tổ chức chính phủ, cơ quan / tập đoàn. Quản lý tòa nhà / bất động sản, bộ phận pháp lý (của một công ty). Ngành an ninh, quân đội, quốc phòng, bảo vệ. Công việc duy trì, tu bổ, bảo dưỡng (công nghệ, kỹ thuật, nhà cửa, máy móc, xe cộ). Chống nước, chống thời tiết (vật liệu, công nghệ, đê điều, vỏ bọc), bảo quản (thực phẩm, mai táng), bảo tồn (công trình, di tích, môi trường). Công việc về bảo tàng, thư viện. Nghề phá hủy nhà (demolition), gỡ mìn / tiêu hủy bom đạn (quân đội), xử lý đồ cũ, phục hồi chức năng / nhân phẩm (y tế, xã hội).</i></p>
--	--

- Nhắc lại: những kết quả trên đây chỉ đúng với bạn Dương nếu giờ sinh bạn Dương **đúng chính xác đến từng phút**. Nghĩa là nếu bạn Dương sinh ra lúc **9:15** thì đồng hồ phải chỉ đúng chính xác lúc **9:15**, không sai lệch, không phải lui lại 1 phút thành **9:14** hay trước đó, hoặc ngược lại bước qua thành **9:16** hay sau đó.

Nói cách khác, bạn Dương không cần lo lắng và cũng không nên phải quan tâm đến mục này nếu như giờ sinh của bạn không chính xác !

- Chữ ký chiêm tinh khi giờ sinh chính xác:

Khi thêm vào các phép tính cho giờ sinh chính xác đến 1 phút trong mục này, chữ ký chiêm tinh của bạn ở [bảng 8.0.1-A](#) sẽ thay đổi như sau:

<i>Chữ ký hiện tại (<a href="#">mục 8.0.1</a>) – đã cho phép có sai số vài phút trong giờ sinh:</i>	<b>9-1-12-7-3-2-10-5-11-6-4-8</b>
<i>Chữ ký chiêm tinh khi áp dụng giờ sinh chính xác đến từng phút:</i>	<b>9-1-3-2-12-7-11-4-10-8-5-6</b>

(Phần này sẽ còn được cập nhật và mở rộng trong một phiên bản báo cáo tương lai)



## (Kết Thúc Báo Cáo Định Hướng Nghề Nghiệp)

**Lưu ý / Disclaimer:** Hãy nhớ rằng báo cáo này mang tính chất "hướng dẫn" và "tham khảo", vì trong thực tế, bạn luôn có thể tự do ước mơ và theo đuổi những ngành nghề riêng mà bạn thật sự yêu thích và đam mê. Mục tiêu của báo cáo này là "gợi ý" (suggestion) và giúp bạn tìm ra những tiềm năng và sức mạnh bên trong bạn để từ đó phát huy theo hướng ngành nghề phù hợp và bền vững nhất với mình dựa theo chiêm tinh học. Ngoài ra, những dữ liệu và kết quả phân tích trong báo cáo này cũng là nền tảng căn bản cho các lần tư vấn sâu hơn nếu trong tương lai, bạn có những thắc mắc khác về "định hướng nghề nghiệp" hay bất kỳ chủ đề liên quan nào khác về lá số của bạn.

Dù bạn có ở đâu hay làm gì, hãy luôn luôn cố gắng sống là người có ích cho gia đình và xã hội.

**CHÚC BẠN GẶP NHIỀU MAY MẮN VÀ THÀNH CÔNG !**

### ***Chòi Chiêm Tinh***

[www.choichiemtinh.com/.net](http://www.choichiemtinh.com/.net)

[www.facebook.com/choichiemtinh](http://www.facebook.com/choichiemtinh) ♦ [www.facebook.com/choichiemtinh.dichvu](http://www.facebook.com/choichiemtinh.dichvu)  
[choichiemtinh@gmail.com](mailto:choichiemtinh@gmail.com)

Chính sách bảo mật: [cct.tips/privacy](http://cct.tips/privacy)

#### **Về việc thay đổi tên / giờ sinh / nơi sinh:**

Nếu giờ sinh bạn không chính xác (khiến kết quả báo cáo cũng không chính xác) hoặc muốn thay đổi / chỉnh sửa giờ sinh, nơi sinh hay tên của bạn cho đúng hơn, bạn có thể xem thông tin về quy trình này ở đây: [cct.tips/thaydoigioisinh](http://cct.tips/thaydoigioisinh)

#### **Về chương trình "Cập Nhật":**

Báo cáo này khi đến tay bạn không phải "chết" hay có nội dung "cố định" mà nó là một sản phẩm "sống" (live) sẽ luôn được tinh chỉnh, cập nhật với những thông tin, chức năng và nghiên cứu học thuật mới nhất của tôi theo thời gian nhằm giúp bạn hiểu thêm về lá số của mình trong phạm vi chủ đề ở đây là "công danh sự nghiệp".

Ngoài những cập nhật nhỏ "không thông báo" hàng tuần hay mỗi tháng, bạn có thể theo dõi những lần cập nhật lớn hay quan trọng (thông thường mỗi năm 1-2 lần) được thông báo bên trang Dịch Vụ của Chòi Chiêm Tinh tại [cct.tips/dichvu](http://cct.tips/dichvu). Phiên bản báo cáo của bạn có thể xem ở bên dưới hầu như mỗi trang trong báo cáo này. Cách xem và ý nghĩa số phiên bản đã có giải thích ở đây: [cct.tips/phienban](http://cct.tips/phienban).

Ở thời điểm nào đó sau này (vài tháng hay vài năm nữa), nếu bạn quan tâm đến việc cập nhật, bạn có thể đăng ký (với tùy chọn "cập nhật") ở trang đăng ký dịch vụ [cct.tips/dkdhnn](http://cct.tips/dkdhnn). Bạn sẽ không phải trả đầy đủ phí như một báo cáo mới mà vẫn có được phiên bản mới nhất khi bạn đăng ký cập nhật báo cáo của mình ./.